BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 809 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng từ năm học 2016 - 2017. Các Quy định trước đây trái với quy định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Trưởng các đơn vị; toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Các PHT (để p/hợp ch/đạo);
- HUMG iOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB (08).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PGS.TS Lê Hải An

QUY ĐỊNH
ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI TẬP THỂ VÀ CÁ NHÂN THUỘC TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 809/QĐ-MĐC ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Chương 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định này quy định về trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại đối với tập thể và cá nhân, cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức và người lao động (sau đây gọi chung là cá nhân) của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Điều 2. Mục đích đánh giá, phân loại

1. Đánh giá năng lực thực hiện nhiệm vụ của từng cá nhân và tập thể. Làm rõ ưu điểm, khuyết điểm về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực, ý thức chấp hành kỷ luật, chất lượng, hiệu quả công tác của từng cá nhân góp phần xây dựng đơn vị và Nhà trường.

2. Là cơ sở để phân bổ thu nhập tăng thêm; xem xét hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, nâng ngạch hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp, quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, chấm dứt hoặc gia hạn hợp đồng và thực hiện các chính sách khác đối với cá nhân.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá, phân loại

1. Bảo đảm đúng thẩm quyền; cấp nào, người nào thực hiện việc đánh giá thì đồng thời thực hiện việc phân loại và phải chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá, phân loại của đơn vị , cụ thể như sau:

- Cuộc họp đánh giá Ban Giám hiệu với thành phần theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét đánh giá Ban Giám hiệu; làm cơ sở để trình Bộ trưởng xem xét quyết định đánh giá Hiệu trưởng và Hiệu trưởng xem xét đánh giá, phân loại các Phó Hiệu trưởng.

- Hiệu trưởng quyết định đánh giá, phân loại Trưởng các Phòng, Khoa, Ban, Trung tâm và toàn thể viên chức, người lao động trên cơ sở xem xét kết quả đánh giá, phân loại của Hội đồng đánh giá cấp Trường.

- Trưởng phòng, Trưởng ban, Giám đốc Trung tâm xem xét đánh giá, phân loại cấp phó và các viên chức trong đơn vị trên cơ sở kết luận tại cuộc họp ở đơn vị, trình Hội đồng đánh giá cấp Trường và Hiệu trưởng xem xét quyết định.

- Trưởng khoa xem xét đánh giá, phân loại Phó Trưởng khoa, Trưởng bộ môn và chuyên viên văn phòng khoa; đề xuất phân loại đánh giá tập thể khoa; thông qua kết quả phân loại đánh giá cá nhân và tập thể bộ môn; trình Hội đồng đánh giá cấp Trường và Hiệu trưởng xem xét quyết định.

- Trưởng bộ môn đánh giá, phân loại Phó Trưởng bộ môn và các viên chức trong bộ môn; đề xuất phân loại đánh giá tập thể bộ môn trên cơ sở kết luận tại cuộc họp ở bộ môn, trình Trưởng khoa xem xét thông qua tại cuộc họp đánh giá cấp Khoa.

2. Căn cứ vào chức trách, nhiệm vụ được giao và kết quả thực hiện nhiệm vụ, việc đánh giá cần làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, những kết quả đạt được cũng như những hạn chế về năng lực, thái độ, kỹ năng.

3. Bảo đảm khách quan, công bằng, chính xác, kịp thời; không nể nang, trù dập, thiên vị, hình thức; dựa trên cơ sở tự phê bình và phê bình, thực hiện nguyên tắc dân chủ, công khai.

4. Với những cá nhân kiêm nhiệm nhiều vị trí việc làm trong năm (áp dụng cả đối với cá nhân đi học hoặc chuyển công tác) thì thực hiện đánh giá, phân loại ở tất cả các vị trí việc làm. Kết quả phân loại đánh giá trong năm học được xem xét trên cơ sở mức độ hoàn thành nhiệm vụ ở tất cả các vị trí việc làm.

5. Không đánh giá, phân loại trên mức "Hoàn thành nhiệm vụ" đối với những cá nhân có tổng thời gian làm việc trong năm học tại Trường dưới 10 tháng trừ trường hợp nghỉ chế độ thai sản, được cử đi học, mới chuyển công tác từ nơi khác về hoặc có sáng kiến cải tiến công việc hoặc lập thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nhiệm vụ được Hiệu trưởng công nhận.

6. Không đánh giá, phân loại đối với cá nhân có tổng thời gian làm việc trong năm học tại Trường dưới 06 tháng. Các trường hợp này vẫn thực hiện việc khai phiếu đánh giá cá nhân theo Mẫu quy định để theo dõi, quản lý.

7. Cá nhân bị kỷ luật ở mức khiển trách trở lên thì bị xem xét phân loại đánh giá ở mức "Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế" trở xuống.

8. Cá nhân là giảng viên và kỹ sư được đánh giá, phân loại theo năm học (từ 01/7 năm trước đến 30/6 năm hiện tại).

9. Cá nhân làm việc hành chính được đánh giá và chấm điểm hàng tháng (không phân loại đánh giá hàng tháng). Dựa trên cơ sở kết quả đánh giá và chấm điểm hàng tháng để phân loại đánh giá năm học. Trong đó:

a) Cá nhân nghỉ việc không hưởng lương 5 ngày/tháng được xem xét đánh giá trong tháng ở mức điểm tối đa không quá 90 điểm.

b) Cá nhân nghỉ việc không hưởng lương 6 ngày đến 10 ngày/tháng được xem xét đánh giá trong tháng ở mức điểm tối đa không quá 75 điểm.

c) Cá nhân nghỉ việc không hưởng lương từ 11 ngày làm việc/tháng trở lên không xem xét đánh giá và chấm điểm.

d) Cá nhân trong thời gian nghỉ chế độ thai sản thì những tháng nghỉ chế độ thai sản chỉ được xem xét đánh giá ở mức điểm tối đa 75 điểm.

10. Trên cơ sở kết quả thực hiện công việc hàng năm, Hội đồng đánh giá cấp Trường sẽ quyết định mức phân loại đánh giá theo nguyên tắc lấy theo số điểm từ trên cao xuống thấp và được trên 70% số phiếu của thành viên trong Hội đồng bầu chọn.

11. Trường hợp cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ do yếu tố khách quan, bất khả kháng thì được xem xét trong quá trình đánh giá, phân loại.

Điều 4. Nhiệm vụ của các đơn vị có liên quan

1. Phòng Đào tạo Đại học chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan để thống nhất Mẫu kê khai khối lượng giảng dạy và xác nhận khối lượng giảng dạy.

2. Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế là đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan để thống nhất Mẫu kê khai khối lượng nghiên cứu khoa học và xác nhận khối lượng nghiên cứu khoa học.

3. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Phòng Đào tạo Đại học, phòng Đào tạo Sau đại học, Văn phòng Chương trình tiên tiến và các đơn vị khác liên quan cung

cấp các thông tin liên quan đến việc vi phạm quy chế coi thi, chấm thi, ra đề, trả điểm, chất lượng giờ giảng (nếu có) cho các đơn vị để thực hiện công tác đánh giá ở đơn vị.

4. Phòng Hành chính - Tổng hợp xác nhận sáng kiến trong năm học; chủ trì phối hợp với các đơn vị khác liên quan để tổng hợp và cung cấp thông tin liên quan đến việc tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn…., do Nhà trường tổ chức cho các đơn vị để thực hiện công tác đánh giá ở đơn vị.

5. Phòng Tổ chức - Cán bộ cung cấp dữ liệu chấm công hàng tháng và kết quả thanh tra kỷ luật lao động cho các đơn vị để thực hiện công tác đánh giá ở đơn vị; tổng hợp kết quả phân loại đánh giá; giải quyết các ý kiến phản hồi, khiếu nại từ các tập thể và cá nhân, trình Hội đồng đánh giá cấp Trường và Hiệu trưởng xem xét quyết định.

Chương 2
QUY ĐỊNH ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI TẬP THỂ VÀ CÁ NHÂN

Điều 5. Nội dung đánh giá cá nhân

1. Việc đánh giá đối với cá nhân được xem xét trên cơ sở các nội dung sau:

a) Kết quả thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ được giao, thể hiện ở khối lượng, chất lượng, tiến độ, hiệu quả của công việc, tinh thần trách nhiệm trong công tác;

b) Nhận thức, tư tưởng chính trị; việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nội quy, quy định của Nhà trường; việc giữ gìn đạo đức và lối sống lành mạnh; chống các biểu hiện tiêu cực; tính trung thực, ý thức tổ chức kỷ luật; tinh thần tự phê bình và phê bình;

c) Việc thực hiện quy định về đạo đức nghề nghiệp; tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân, tinh thần hợp tác với đồng nghiệp và việc thực hiện quy tắc ứng xử; tinh thần đoàn kết;

d) Việc thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định.

2. Việc đánh giá cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0.3 trở lên) được xem xét theo các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này và các nội dung sau:

a) Năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ;

b) Uy tín, khả năng đoàn kết trong đơn vị;

c) Kết quả hoạt động của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý, phụ trách.

Điều 6. Các mức phân loại đánh giá cá nhân và tập thể

1. Mức A^+: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

2. Mức A: Hoàn thành tốt nhiệm vụ;

3. Mức B^+: Hoàn thành nhiệm vụ;

4. Mức B: Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế;

5. Mức C: Không hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 7. Tiêu chí phân loại đánh giá hàng năm đối với cá nhân

1. Cá nhân có đầy đủ các tiêu chí sau đây, được xem xét phân loại đánh giá ở mức A^+:

a) Có điểm đánh giá từ 95 điểm trở lên;

b) Đối với cá nhân làm việc hành chính có từ 2/3 số tháng trở lên trong năm học có điểm đánh giá $\geq$ 95 điểm và các tháng còn lại không tháng nào có điểm đánh giá $\leq$ 75 điểm hoặc không được xem xét đánh giá, phân loại;

c) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm, hoàn thành 100% công việc, nhiệm vụ được giao vượt tiến độ (đối với cá nhân là giảng viên và kỹ sư phải hoàn thành ít nhất 100% tổng khối lượng nghĩa vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học, trong đó không có nghĩa vụ nào < 80% định mức nghĩa vụ); có chất lượng, hiệu quả cao; nghiêm túc chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền; có tinh thần trách nhiệm cao; chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được giao;

d) Hoàn thành tốt các nhiệm vụ đột xuất;

đ) Thực hiện nghiêm túc các quy định về đạo đức nghề nghiệp, điều lệ, quy chế, nội quy của Trường, các quy định về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tâm huyết với nghề nghiệp, tận tụy với công việc;

e) Thực hiện nghiêm túc quy tắc ứng xử; có thái độ lịch sự, tôn trọng trong phục vụ, giao tiếp với đồng nghiệp, người học và nhân dân; có tinh thần đoàn kết, hợp tác hiệu quả, phối hợp chặt chẽ với đồng nghiệp, đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

g) Hoàn thành nhiệm vụ học tập hoặc nhiệm vụ nghiên cứu khoa học (nếu có) đúng tiến độ hoặc được gia hạn vì lý do khách quan, bất khả kháng;

h) Chủ trì hoặc tham gia ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học, đề án, đề tài, bài báo, văn bản quy định nội bộ hoặc sáng kiến (Mẫu 04) được Hội đồng đánh giá cấp Trường công nhận, áp dụng và mang lại hiệu quả trong việc thực hiện công tác chuyên môn, nghề nghiệp;

i) Nếu cá nhân là lãnh đạo, quản lý thì ngoài các tiêu chí trên, đơn vị và lĩnh vực được giao lãnh đạo, quản lý, điều hành phải hoàn thành 100% khối lượng công việc, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả;

k) Được lãnh đạo cấp trên và Hội đồng đánh giá cấp Trường bầu chọn phân loại đánh giá ở mức A^+.

2. Cá nhân có đầy đủ các tiêu chí sau đây, được xem xét phân loại đánh giá ở mức A:

a) Có điểm đánh giá từ 90 điểm trở lên;

b) Đối với cá nhân làm việc hành chính có từ 2/3 số tháng trở lên trong năm có điểm đánh giá ≥ 90 điểm và các tháng còn lại không tháng nào có điểm đánh giá < 75 điểm hoặc không được xem xét đánh giá, phân loại;

c) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm, hoàn thành 100% công việc, nhiệm vụ được giao (đối với cá nhân là giảng viên và kỹ sư phải hoàn thành ít nhất 100% tổng khối lượng nghĩa vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học, trong đó không có nghĩa vụ nào < 70% định mức nghĩa vụ), bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả; nghiêm túc chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền; có tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao;

d) Đảm bảo các tiêu chí quy định tại Điểm d, đ, e, g, h và i Khoản 1 Điều 7;

đ) Được lãnh đạo cấp trên và Hội đồng đánh giá cấp Trường bầu chọn phân loại đánh giá ở mức A.

3. Cá nhân có các tiêu chí sau đây, được xem xét phân loại đánh giá ở mức B^+:

a) Có điểm đánh giá từ 75 điểm trở lên.

b) Đối với cá nhân làm việc hành chính có từ 2/3 số tháng trong năm có điểm đánh giá ≥ 75 điểm và các tháng còn lại không tháng nào có điểm đánh giá < 65 điểm;

c) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm; hoàn thành từ 70% trở lên, nhiệm vụ được giao trong đó có công việc còn chậm về tiến độ;

nghiêm túc chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền; có tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao;

d) Đảm bảo các tiêu chí quy định tại Điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 7;

đ) Nếu cá nhân là lãnh đạo, quản lý thì ngoài các tiêu chí trên, đơn vị và lĩnh vực được giao lãnh đạo, quản lý, điều hành hoàn thành từ 70% trở lên khối lượng công việc;

e) Được lãnh đạo cấp trên và Hội đồng đánh giá cấp Trường bầu chọn phân loại đánh giá ở mức B^+.

4. Cá nhân có một trong những tiêu chí sau đây thì xem xét phân loại đánh giá ở mức B:

a) Có điểm đánh giá từ 65 điểm trở lên;

b) Đối với cá nhân làm việc hành chính có từ 1/2 số tháng trong năm có điểm đánh giá < 75 điểm.

c) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm; hoàn thành từ 50% đến dưới 70% công việc, nhiệm vụ được giao trong đó có công việc còn chậm về tiến độ; hạn chế về chất lượng và hiệu quả.

d) Còn hạn chế trong việc thực hiện các tiêu chí d, đ và e Khoản 1 Điều 7;

đ) Nếu cá nhân là lãnh đạo, quản lý thì ngoài các tiêu chí trên, đơn vị và lĩnh vực được giao lãnh đạo, quản lý, điều hành chỉ hoàn thành từ 50% dưới 70% khối lượng công việc.

e) Lãnh đạo cấp trên và Hội đồng đánh giá cấp Trường bầu chọn phân loại đánh giá ở mức B.

5. Cá nhân có một trong những tiêu chí sau đây thì xem xét phân loại đánh giá ở mức C:

a) Có điểm đánh giá dưới 65 điểm;

b) Đối với cá nhân làm việc hành chính có từ 3 tháng trở lên bị có điểm đánh giá < 65 điểm;

c) Hoàn thành dưới 50% công việc hoặc nhiệm vụ được giao;

d) Chưa nghiêm túc chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền; thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao;

đ) Thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ không đạt yêu cầu;

e) Vi phạm quy trình, quy định chuyên môn, nghiệp vụ;

g) Vi phạm quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp, gây phiền hà, sách nhiễu với người học đến mức phải xử lý kỷ luật;

h) Có hành vi chia rẽ nội bộ, gây mất đoàn kết tại cơ quan, đơn vị;

i) Không có tinh thần phối hợp với đồng nghiệp, cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ để ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của đơn vị;

k) Vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật trong thực hiện nhiệm vụ đến mức phải xử lý kỷ luật;

l) Nếu cá nhân là lãnh đạo, quản lý thì đơn vị và lĩnh vực được giao lãnh đạo, quản lý, điều hành chỉ hoàn thành dưới 50% khối lượng công việc;

m) Lãnh đạo cấp trên và Hội đồng đánh giá cấp Trường phân loại đánh giá ở mức C.

Điều 8. Tiêu chí phân loại, đánh giá tập thể (có tổ chức công đoàn riêng)

1. Tập thể đạt đầy đủ các tiêu chí sau đây, được xem xét phân loại đánh giá ở mức A^+:

a) Có trên 50% các cá nhân được phân loại đánh giá từ mức A trở lên, trong đó có cá nhân được phân loại đánh giá mức A^+;

b) Không có cá nhân bị phân loại đánh giá ở mức B trở xuống;

c) Được lãnh đạo cấp trên trực tiếp đánh giá đạt mức A^+.

2. Tập thể đạt đầy đủ các tiêu chí sau đây, được xem xét phân loại đánh giá ở mức A:

a) Có trên 50% cá nhân được phân loại đánh giá từ mức A trở lên;

b) Không có cá nhân bị phân loại đánh giá ở mức C;

c) Được lãnh đạo cấp trên trực tiếp phân loại đánh giá ở mức A.

3. Tập thể có các tiêu chí sau đây, được xem xét phân loại đánh giá ở mức B^+:

a) Có trên 70% các cá nhân được phân loại đánh giá từ mức B^+ trở lên;

b) Không có cá nhân bị phân loại đánh giá ở mức C;

c) Được lãnh đạo cấp trên trực tiếp phân loại đánh giá ở mức B^+.

4. Tập thể có các tiêu chí sau đây thì xem xét phân loại đánh giá ở mức B:

a) Có trên 50% các cá nhân phân loại đánh giá ở mức B

b) Lãnh đạo cấp trên trực tiếp phân loại đánh giá ở mức B.

5. Tập thể có các tiêu chí sau đây thì xem xét phân loại đánh giá ở mức C:

a) Có trên 30% các cá nhân bị phân loại đánh giá ở mức C.

b) Lãnh đạo cấp trên trực tiếp phân loại đánh giá ở mức C.

Chương 3
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI CÁ NHÂN

Điều 9. Trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại đối với cá nhân và tập thể

TT	Các bước	Trình tự
I	***Đối với cá nhân là giảng viên và kỹ sư***	
1	Bước 1	Hàng năm, cá nhân tự kê khai vào Mẫu phiếu tự đánh giá (Mẫu 02), riêng đối với cá nhân đi học nước ngoài kê khai theo Mẫu 03.
2	Bước 2	1. Tổ chức họp bộ môn để đánh giá, phân loại tập thể bộ môn và các cá nhân, ghi biên bản cuộc họp để lưu tại bộ môn (Mẫu 05). Thành phần cuộc họp: Toàn thể cá nhân trong bộ môn. Nội dung cuộc họp: Trưởng bộ môn công bố bản tự đánh giá, phân loại của từng cá nhân. Trên cơ sở tiêu chí đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, lấy ý kiến tại cuộc họp và đề xuất mức phân loại cho tập thể và cá nhân đơn vị mình, trình Trưởng khoa thông qua (không đánh giá Trưởng bộ môn ở bước này).
3	Bước 3	Tổ chức họp khoa để đánh giá, phân loại Phó Trưởng khoa, Trưởng bộ môn, chuyên viên văn phòng khoa và thông qua kết quả phân loại đánh giá tập thể bộ môn và cá nhân của các bộ môn. Thành phần cuộc họp: Lãnh đạo khoa, Chủ tịch công đoàn khoa, Bí thư liên chi đoàn, Trưởng các bộ môn và tương đương. Nội dung cuộc họp: Trưởng khoa công bố bản tự đánh giá, phân loại của Phó Trưởng khoa, Trưởng bộ môn, chuyên viên văn phòng khoa. Trên cơ sở tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, lấy ý kiến tại cuộc họp để đề xuất mức phân loại đánh giá cho tập thể khoa, Phó Trưởng khoa, Trưởng bộ môn và chuyên viên văn phòng khoa, đồng thời thông qua kết quả phân loại, đánh giá tập thể các bộ môn và các cá nhân thuộc Bộ môn (không đánh giá Trưởng khoa ở bước này).
4	Bước 4	Khoa lập bảng tổng hợp kết quả đánh giá, phân loại (Mẫu 06) và bản kế hoạch công tác của năm học tới, gửi về phòng Tổ chức - Cán bộ trước

		ngày 10/7 hàng năm.
II	**Đối với cá nhân làm việc hành chính**	
1	Bước 1	Hàng tháng, cá nhân tự kê khai vào Mẫu phiếu tự đánh giá (Mẫu 01), riêng đối với cá nhân đi học nước ngoài kê khai theo Mẫu 03.
2	Bước 2	Hàng tháng, tổ chức họp toàn thể đơn vị (đối với cá nhân làm việc hành chính ở khoa thì họp lãnh đạo khoa) để đánh giá kết quả thực hiện công việc của các cá nhân hàng tháng (trước ngày mùng 5 tháng liền kề sau tháng đánh giá) và triển khai công việc tháng tới. Nội dung cuộc họp: Trưởng đơn vị công bố bản tự đánh giá của từng cá nhân. Trên cơ sở tiêu chí đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, lấy ý kiến tại cuộc họp và chấm điểm đánh giá từng cá nhân đơn vị mình; ghi biên bản cuộc họp để lưu tại đơn vị (Mẫu 05).
3	Bước 3	Hàng năm, tổ chức họp toàn thể cá nhân thuộc đơn vị (đối với cá nhân làm việc hành chính ở khoa thực hiện như ở bước 3 phần I Điều này) để đánh giá, phân loại cá nhân và tập thể đơn vị trên cơ sở kết quả điểm đánh giá hàng tháng; ghi biên bản cuộc họp để lưu tại đơn vị (Mẫu 05).
4	Bước 4	Đơn vị lập bảng tổng hợp kết quả đánh giá, phân loại (Mẫu 06) và bản kế hoạch công tác của năm học tới (chi tiết theo tháng), gửi về phòng Tổ chức - Cán bộ trước ngày 10/7 hàng năm.
III	**Họp Hội đồng đánh giá cấp Trường và thông báo kết quả**	
5	Bước 5	Phòng Tổ chức - Cán bộ tổng hợp kết quả đánh giá trong toàn Trường, báo cáo Hiệu trưởng và Hội đồng đánh giá cấp Trường.
6	Bước 6	Họp Hội đồng đánh giá cấp Trường (trước ngày 20/8) để xem xét đánh giá, phân loại Trưởng các đơn vị; phân tích, thảo luận và biểu quyết tỷ lệ các mức phân loại đánh giá tập thể và cá nhân trong toàn trường; trên cơ sở đó xem xét thông qua kết quả đánh giá phân loại các tập thể và cá nhân trong toàn Trường trình Hiệu trưởng xem xét quyết định (không đánh giá Ban Giám hiệu ở cuộc họp này).
7	Bước 7	Hiệu trưởng xem xét quyết định phân loại đánh giá đối các tập thể và cá nhân trong toàn Trường.
8	Bước 8	Phòng Tổ chức - Cán bộ thông báo kết quả phân loại đánh giá và tiếp nhận các ý kiến phản hồi, trình Hiệu trưởng xem xét quyết định.
9	Bước 9	Ban hành Quyết định phân loại đánh giá tập thể và cá nhân sau khi xem xét các ý kiến phản hồi.
10	Bước 10	Sau khi có kết quả phân loại đánh giá hàng năm, phòng Tổ chức - Cán bộ chuyển kết quả phân loại đánh giá và kế hoạch công tác năm học sau của các đơn vị cho Hội đồng thi đua khen thưởng Trường (qua Phòng Hành chính - Tổng hợp) để bình chọn danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng và tổng hợp, xây dựng kế hoạch năm học tổng thể cho toàn trường.

Chương 4
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng từ năm học 2016 - 2017.
2. Các quy định và hướng dẫn trước đây trái với quy định này đều bãi bỏ.

Mẫu số 01

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG THÁNG
(Dành cho cá nhân làm việc hành chính)

Họ và tên:
Chức danh nghề nghiệp:
Đơn vị công tác:

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Điểm tự chấm	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao**				
1.1	Đánh giá khối lượng công việc hoàn thành $Đ_{HC}$ = % công việc hoàn thành x 50	$Đ_{HC}$			
1.2	Điểm thưởng cho những nội dung xuất sắc trong quá trình hoàn thành công việc được giao *(Diễn giải cụ thể nội dung xuất sắc)*	10			
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,4 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**				
2.1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết....	2			
2.2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản		2		
3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	20			
3.1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		
3.2	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3.3	Một lần vi phạm nguyên tắc làm việc, nội quy, quy định của Nhà trường		2		
3.4	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3.5	Một ngày nghỉ không có lý do chính đáng hoặc không có đơn xin nghỉ phép		5		
3.6	Một lần đi muộn hoặc về sớm mà không có lý do chính đáng		0.5 - 2		
4	**Đánh giá về việc học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường**	10			

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Điểm tự chấm	Trưởng đơn vị chấm
4.2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4.3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4.4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	6			
	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện, nước; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	4			
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:				

Tự đánh giá mức điểm:.....

TRƯỞNG ĐƠN VỊ **NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ**

Mẫu số 02

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM

(Dành cho cá nhân là giảng viên và kỹ sư)

Họ và tên:
Chức danh nghề nghiệp:
Đơn vị công tác:

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**				
1.1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**				
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = ... giờ Số giờ miễn giảm: B = ... giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = ... giờ Điểm đánh giá quy đổi $Đ_{GD}$: $Đ_{GD} = \frac{A+B}{C} \times 30$	$Đ_{GD}$			
1.2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**				
	Số giờ thực hiện quy đổi: D = ... giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: E = ... giờ Điểm đánh giá quy đổi $Đ_{NCKH}$: $Đ_{NCKH} = \frac{D}{E} \times 20$	$Đ_{NCKH}$			
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**				
2.1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết....	2			
2.2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản		2		
3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**			
3.1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng		10		

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
3.2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3.3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3.4	Một lần vi phạm nguyên tắc làm việc, nội quy, quy định của Nhà trường		2		
3.5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3.6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3.7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3.8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3.9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3.10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**			
4.1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5		
4.2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4.3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4.4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**			
	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**			
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:				

Tự phân loại đánh giá mức:.....

TRƯỞNG ĐƠN VỊ **NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ**

Mẫu số 03

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM

(Dành cho cá nhân đi học tập, nghiên cứu ở nước ngoài)

Họ và tên:
Chức danh nghề nghiệp:
Đơn vị công tác:

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm cộng	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu đúng thời gian quy định, báo cáo tiến độ đầy đủ, đúng hạn về nhà trường	75				
2	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định			5		
3	Có bài báo hoặc công trình nghiên cứu được công bố trên các tạp chí quốc tế		15			
4	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm			5		

Tự phân loại đánh giá mức:.....

TRƯỞNG ĐƠN VỊ **NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ**

Mẫu số 04

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI
(Sáng kiến, văn bản quy định nội bộ tham gia soạn thảo)

Họ và tên: .....
Đơn vị công tác: .....

STT	Tên sáng kiến, văn bản quy định nội bộ	Mô tả (1)

Ghi chú: (1): Mô tả rõ tham gia hay chủ trì, nội dung tham gia, ý nghĩa…….

Hà Nội, ngày……tháng……năm…

Trưởng đơn vị
(Khoa/Phòng/Ban/Trung tâm)

Người kê khai

Mẫu 05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI TẬP THỂ VÀ CÁ NHÂN
(Tên đơn vị)

I. Thời gian, địa điểm

1. Thời gian: .....
2. Địa điểm: .....

II. Thành phần cuộc họp

1. Thành phần: .....
2. Tổng số: .....; Có mặt: .....; Vắng mặt: .....
3. Chủ trì cuộc họp:
4. Thư ký: .....

III. Diễn biến cuộc họp

- Chủ trì cuộc họp công bố lý do cuộc họp.

- Trưởng đơn vị công bố bản tự đánh giá, phân loại của từng cá nhân.

- Tập thể đóng góp ý kiến, bổ sung bản tự đánh giá của từng cá nhân (Cần nêu rõ: Đơn vị có nhất trí với bản tự nhận xét hay không? Góp ý những ưu điểm, nhược điểm của cá nhân).

- Trưởng đơn vị đánh giá, phân loại từng cá nhân dựa trên kết quả thực hiện công việc được giao và kết luận cuộc họp, cụ thể như sau:

+ Viên chức đánh giá, phân loại mức (A^+): .....người (chiếm tỷ lệ.....%).

+ Viên chức đánh giá, phân loại mức (A): .....người (chiếm tỷ lệ.....%).

+ Viên chức đánh giá, phân loại mức (B^+): .....người (chiếm tỷ lệ.....%).

+ Viên chức đánh giá, phân loại mức B: .....người (chiếm tỷ lệ.....%).

+ Viên chức đánh giá, phân loại mức C: .....người (chiếm tỷ lệ.....%).

Cuộc họp kết thúc .....

Biên bản được thông qua trước cuộc họp

THƯ KÝ **CHỦ TRÌ CUỘC HỌP**

Mẫu 06

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VIÊN CHỨC

TT	Tên cá nhân/tập thể	Điểm	Mức phân loại					Ghi chú (Ghi rõ những trường hợp đi học ở nước ngoài, Lao động hợp đồng tại đơn vị....)
			A^+	A	B^+	B	C	

Xác nhận của Khoa/Phòng/Ban/Trung tâm

Trưởng phòng/khoa/ban/trung tâm **Đại diện công đoàn**

H6.06.01.19

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2018

BIÊN BẢN HỌP ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VIÊN CHỨC NĂM HỌC 2017 - 2018

I. Thời gian, địa điểm, thành phần tham dự

1. Thời gian bắt đầu lúc 13h30 ngày 19 tháng 7 năm 2018.

2. Địa điểm và thành phần: Phòng họp Phố Yên (P.310).

Thành phần: Theo Quyết định số 852/QĐ-MĐC ngày 05/7/2018 bao gồm:

1. PGS.TS Lê Hải An, Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng;
2. TS Hoàng Anh Dũng, Chủ tịch Công đoàn Trường - Phó Chủ tịch Hội đồng;
3. GS.TS Trần Thanh Hải, Phó Hiệu trưởng - Phó Chủ tịch Hội đồng;
4. GS.TS Bùi Xuân Nam, Phó Hiệu trưởng - Phó Chủ tịch Hội đồng;
5. PGS.TS Triệu Hùng Trường, Trưởng phòng TCCB - UV thường trực;
6. PGS.TS Nguyễn Anh Dũng, Trưởng phòng HCTH - UV, Thư ký;
7. PGS.TS Nguyễn Ngọc Khánh, Trưởng ban Thanh tra nhân dân - Ủy viên;
8. Th.S Đặng Quang Hưng, Bí thư Đoàn Thanh niên - Ủy viên;
9. Trưởng các đơn vị (Khoa, Phòng, Ban, Trung tâm Thông tin - Thư viện, TT Ngoại ngữ - Tin học, TT Hỗ trợ sinh viên, TT Phân tích TN CN cao) - Ủy viên.

II. Nội dung:

- PGS.TS Lê Hải An, Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng chủ trì cuộc họp.
- PGS.TS Triệu Hùng Trường, Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Ủy viên thường trực báo cáo Hội đồng bức tranh kết quả đánh giá, phân loại của các đơn vị trong trường.
- Hội đồng thảo luận và thống nhất:

+ Trưởng các đơn vị và các cá nhân tự khai phải chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin cung cấp để phục vụ phân loại đánh giá.

+ Ngoài phiếu tự đánh giá còn căn cứ các tiêu chí khác như: mức độ hoàn thành của đơn vị, sự chấp hành giờ lên lớp, kỷ luật lao động và các quy định khác của cá nhân để đưa ra mức phân loại đánh giá.

+ Đối với khối hành chính, nguyên tắc đánh giá phân loại là tôn trọng mức đánh giá phân loại ở các đơn vị, nhưng mỗi đơn vị chỉ được tối đa tối đa 30% A^+.

+ Đối với kỹ sư, do năm nay là năm đầu tiên viên chức ở chức danh nghề nghiệp kỹ sư làm việc theo 2 chế độ trong một năm nên Hội đồng đã trực tiếp đánh giá từng cá nhân. Trong đó, có tham khảo mức điểm các cá nhân tự khai: Nếu có điểm đánh giá 160 trở lên thì đạt mức A^+; 101 trở lên đạt mức A. Các mức còn lại phải đáp ứng được tiêu chí quy định.

+ Đối với giảng viên được phân loại đánh giá Mức A^+: Giảng viên phải có điểm đánh giá 180 trở lên; đối với giảng viên kiêm nhiệm Phó Trưởng bộ môn là 160 điểm

trở lên; đối với giảng viên kiêm nhiệm Trưởng bộ môn, Phó Trưởng khoa, Phó Trưởng phòng, Phó Giám đốc Trung tâm là 140 điểm trở lên; đối với giảng viên kiêm nhiệm Trưởng phòng, Trưởng khoa, Giám đốc Trung tâm là 120 điểm trở lên.

+ Mức A: Phải đạt trên 90 điểm.

- Hội đồng giao cho Phòng Tổ chức - Cán bộ chịu trách nhiệm rà soát, kiểm tra công tác tự đánh giá ở các đơn vị và xử lý theo quy định; báo cáo lãnh đạo Nhà trường những trường hợp vi phạm quy định.

Cuộc họp kết thúc lúc 14h00 cùng ngày.

THƯ KÝ	**CHỦ TỌA**
ThS Vũ Duy Tấn	**PGS.TS Lê Hải An**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2018

BIÊN BẢN HỌP ĐÁNH GIÁ SÁNG KIẾN, VĂN BẢN QUY ĐỊNH NỘI BỘ NĂM HỌC 2017 - 2018

I. Thời gian, địa điểm, thành phần tham dự

1. Thời gian bắt đầu lúc 8h30 ngày 17 tháng 7 năm 2018.

2. Địa điểm và thành phần: Phòng họp Phổ Yên (P.310).

Thành phần: Theo Quyết định số 852/QĐ-MĐC ngày 05/7/2018 bao gồm:

1. PGS.TS Lê Hải An, Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng;
2. TS Hoàng Anh Dũng, Chủ tịch Công đoàn Trường - Phó Chủ tịch Hội đồng;
3. GS.TS Trần Thanh Hải, Phó Hiệu trưởng - Phó Chủ tịch Hội đồng;
4. GS.TS Bùi Xuân Nam, Phó Hiệu trưởng - Phó Chủ tịch Hội đồng;
5. PGS.TS Triệu Hùng Trường, Trưởng phòng TCCB - UV thường trực;
6. PGS.TS Nguyễn Anh Dũng, Trưởng phòng HCTH - UV, Thư ký;
7. PGS.TS Nguyễn Ngọc Khánh, Trưởng ban Thanh tra nhân dân - Ủy viên;
8. Th.S Đặng Quang Hưng, Bí thư Đoàn Thanh niên - Ủy viên;
9. Trưởng các đơn vị (Khoa, Phòng, Ban, Trung tâm Thông tin - Thư viện, TT Ngoại ngữ - Tin học, TT Hỗ trợ sinh viên, TT Phân tích TN CN cao) - Ủy viên.

II. Nội dung:

- PGS.TS Lê Hải An, Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng chủ trì cuộc họp.

- PGS.TS Triệu Hùng Trường, Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Ủy viên thường trực báo cáo Hội đồng bức tranh sáng kiến, văn bản quy định nội bộ của các đơn vị trong trường.

- Hội đồng thảo luận và thống nhất phương án bỏ phiếu đánh giá sáng kiến, quy định nội bộ:

+ Phiếu đạt trên 50% Hội đồng đồng ý: Đạt

+ Phiếu đạt dưới 50% Hội đồng đồng ý: Không đạt.

Hội đồng tiến hành bỏ phiếu và giao Ban thư ký kiểm phiếu báo cáo Hội đồng kết quả.

Cuộc họp kết thúc lúc 11h00 cùng ngày.

THƯ KÝ	**CHỦ TỌA**
Th.S Vũ Duy Tấn	**PGS.TS Lê Hải An**

H6.06.01.29

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 360 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27/7/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-MĐC ngày 14/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ kết luận của Ban sửa đổi Quy chế nội bộ ngày 29/03/2018;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của "Quy định đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân thuộc trường Đại học Mỏ - Địa chất" được ban hành kèm theo Quyết định số 809/QĐ-MĐC ngày 14/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 3:

"a) Việc đánh giá Ban Giám hiệu được thực hiện theo nội dung 3, phần IV, V của Công văn số 5098/ BGDĐT-TCCB ngày 31/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn đánh giá, phân loại công chức, viên chức hàng năm.

b) Việc đánh giá, phân loại lãnh đạo đơn vị phải dựa vào kết quả hoạt động của đơn vị được giao quản lý, phụ trách. Mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu các đơn vị khoa, phòng, ban , trung tâm được Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở xin ý kiến của Hội đồng đánh giá cấp Trường."

c) Hiệu trưởng quyết định đánh giá, phân loại toàn thể viên chức, người lao động trên cơ sở xem xét kết quả đánh giá, phân loại của Hội đồng đánh giá cấp Trường.

d) Trưởng phòng, Trưởng ban, Giám đốc Trung tâm xem xét đánh giá, phân loại cấp phó và các viên chức trong đơn vị trên cơ sở kết luận tại cuộc họp ở đơn vị, trình Hội đồng đánh giá cấp Trường và Hiệu trưởng xem xét quyết định.

e) Trưởng khoa xem xét đánh giá, phân loại Phó Trưởng khoa, Trưởng bộ môn và chuyên viên văn phòng khoa; đề xuất phân loại đánh giá tập thể khoa; thông qua kết quả phân loại đánh giá cá nhân và tập thể bộ môn; trình Hội đồng đánh giá cấp Trường và Hiệu trưởng xem xét quyết định.

f) Trưởng bộ môn đánh giá, phân loại Phó Trưởng bộ môn và các viên chức trong bộ môn; đề xuất phân loại đánh giá tập thể bộ môn trên cơ sở kết luận tại cuộc họp ở bộ môn, trình Trưởng khoa xem xét thông qua tại cuộc họp đánh giá cấp Khoa."

2. Sửa đổi, bổ sung Điểm h Khoản 1 Điều 7:

"h) Chủ trì hoặc tham gia ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học, đề án, đề tài, bài báo, văn bản quy định nội bộ hoặc sáng kiến (Mẫu 04) được Hội đồng đánh giá cấp Trường công nhận, áp dụng và mang lại hiệu quả trong việc thực hiện công tác chuyên môn, nghề nghiệp (Đối với mỗi văn bản quy định nội bộ, sáng kiến tối đa không quá 02 người tham gia)."

3. Sửa đổi Điểm d Khoản 2 Điều 7:

"d) Đảm bảo các tiêu chí quy định tại Điểm d, đ, e, g và i Khoản 1 Điều 7."

4. Bổ sung khoản 12 Điều 3:

"12. Đối với giảng viên thì giờ nghiên cứu khoa học quy đổi từ hợp đồng nghiên cứu khoa học phục vụ sản xuất tối đa = 50% giờ chuẩn quy định theo từng chức danh."

5. Tất cả các kỹ sư được đánh giá như viên chức hành chính (trừ các vị trí việc làm kỹ sư được thiết kế đặc thù).

6. Sửa Mẫu 02 "Phiếu tự đánh giá, phân loại hàng năm dành cho cá nhân là giảng viên" ban hành kèm theo Quyết định số 809/QĐ-MĐC ngày 14/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất cho phù hợp với các sửa đổi, bổ sung nêu trên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng từ năm học 2017.- 2018. Các Quy định trước đây trái với quy định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Trưởng các đơn vị; toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Các PHT (để p/hợp ch/đạo);
- HUMG iOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB(08).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PGS.TS Lê Hải An

Bộ giáo dục & Đào tạo
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT
Khoa kinh tế - QTKD
Bộ môn Kế toán

DANH SÁCH CÁN BỘ VIÊN CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG, PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG NĂM 2013

(Kèm theo CV số 1255/QĐ-MĐC ngày 24 tháng 10 năm 2013)

STT	Họ và tên	Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Hệ số mức lương đang hưởng					Kết quả nâng bậc lương trong năm 2013					
					Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch	Bậc lương sau nâng bậc	Hệ số lương mới được nâng bậc	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có	Thời gian tính nâng bậc lần sau)	Đơn vị
1	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
I	CÁN BỘ, VIÊN CHỨC ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN														
1	Nguyễn Duy Lạc	X		TS	15110	2	5.40		7/2010	15110	2	5.74		7/2013	BM kế toán
2	Phí Thị Kim Thư		X	ThS	15111	3	3.0		2/2010	15111	4	3.33		2/2013	BM kế toán
3	Nguyễn Thị Bích Phượng		X	ThS	15111	3	3.0		2/2010	15111	4	3.33		2/2013	BM kế toán
4	Nguyễn Minh Thu		X	CN	01-003	2	2.67		4/2010	01-003	3	3.00		4/2013	BM kế toán
5	Nguyễn Thị Minh Thu		X	ThS	15111	1	2.34		11/2009	15111	2	2.67		11/2013	BM kế toán
6	Lê Thị Thu Hồng		X	KS	15111	1	2.34		11/2009	15111	2	2.67		11/2013	BM kế toán
7	Hoàng Thị Thủy		X	KS	15111	1	2.34		11/2009	15111	2	2.67		11/2013	BM kế toán
8	Đỗ Thị Hương		X	KS	15111	1	2.34		11/2009	15111	2	2.67		11/2013	BM kế toán
II	CÁN BỘ VIÊN CHỨC ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN DO LẬP THÀNH TÍCH XUẤT SẮC														
1	Nguyễn Tiến Hưng													Điểm	
	Các thành tích đã đạt được	Bằng khen Trung ương đoàn thanh niên												4	
		Bằng khen của Thành đoàn Hà Nội												3	
		Bằng khen của trường năm 2011-2012,2012-2013												1	
		Chiến sỹ thi đua năm học 2011-2012,2012-2013												4	
														12 điểm	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ-ĐỊA CHẤT
Khoa : KINH TẾ - QTKD
Bộ môn: Kế toán Doanh nghiệp

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ DANH HIỆU THI ĐUA NĂM HỌC 2016-2017

(Đăng ký ngay từ đầu năm học)

1. Cá nhân:

TT	Họ và tên	LĐTT	CSTĐ cơ sở	Ghi chú
1	Nguyễn Duy Lạc		x	
2	Bùi Thị Thu Thuỷ		x	
3	Phí Thị Kim Thư		x	
4	Nguyễn Thị Bích Phượng		x	
5	Phạm Thị Hồng Hạnh		x	
6	Nguyễn Thị Kim Oanh		x	
7	Lưu Thị Thu Hà		x	
8	Nguyễn Tiến Hưng		x	
9	Nguyễn Minh Thủ		x	
10	Phạm Minh Hải		x	
11	Phạm Thu Hương		x	
12	Dương Thị Nhàn		x	
13	Nguyễn Thị Minh Thu		x	
14	Lê Thị Thu Hồng		x	
15	Nguyễn Thị Huyền Trang		x	
16	Vũ Ngọc Thịnh		x	
17	Nguyễn Thục Anh		x	
18	Phan Minh Quang		x	

2. Tập thể: Lao Động Xuất Sắc

Hà Nội, Ngày 15 tháng 8 năm 2016

Xác nhận của đơn vị cấp trên trực tiếp

Thủ trưởng đơn vị

TS. Bùi Thị Thu Thủy

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ KINH DOANH
BỘ MÔN KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2017

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị khen thưởng năm học 2016 - 2017

Kính gửi: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Khoa Kinh tế - QTKD

Căn cứ Quyết định số 878/QĐ-MĐC ngày 05 tháng 07 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định về công tác Thi đua, Khen thưởng.

Căn cứ vào thành tích của các tập thể và cá nhân, Bộ môn Kế toán doanh nghiệp đã xem xét, lựa chọn và đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Khoa Kinh tế - QTKD xét trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất xét các danh hiệu thi đua năm học 2016 - 2017 như sau:

I. Danh hiệu cá nhân

a) Chiến sỹ thi đua Cấp cơ sở: 04 đồng chí:

1. Nguyễn Duy Lạc
2. Phí Thị Kim Thư
3. Nguyễn Thị Kim Oanh
4. Nguyễn Thị Minh Thu

b) Bằng khen của Hiệu trưởng: 13 đồng chí:

1. Bùi Thị Thu Thuỷ
2. Nguyễn Thị Bích Phượng
3. Phạm Thị Hồng Hạnh
4. Lưu Thị Thu Hà
5. Nguyễn Tiến Hưng
6. Phạm Minh Hải
7. Dương Thị Nhàn
8. Phạm Thu Hương
9. Lê Thị Thu Hồng
10. Nguyễn Minh Thu
11. Vũ Ngọc Thịnh
12. Nguyễn Thị Huyền Trang
13. Phan Minh Quang

c) Lao động tiên tiến: 14 đồng chí:

1. Bùi Thị Thu Thuỷ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ KINH DOANH
BỘ MÔN KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2017

BIÊN BẢN HỌP BỘ MÔN

Về việc đề nghị khen thưởng năm học 2016 - 2017

1. Thời gian họp: 8h30 ngày 24/07/2017.
2. Địa điểm: Văn phòng Bộ môn Kế toán doanh nghiệp (P12.07).
3. Chủ tọa: TS Bùi Thị Thu Thuỷ - Trưởng Bộ môn.
4. Thư ký: ThS. Phạm Thu Hương – CBGD
5. Thành phần: Toàn thể cán bộ viên chức Bộ môn
6. Nội dung cuộc họp:

- TS Bùi Thị Thu Thuỷ phổ biến Quy định về công tác Thi đua, Khen thưởng theo Quyết định số 878/QĐ-MĐC ngày 05 tháng 07 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Công văn số 374/TB-MĐC ngày 6/7/2017 về việc bình xét Thi đua, Khen thưởng năm học 2016 - 2017.

- Bộ môn thống nhất số lượng đề nghị: Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở 04 đồng chí

7. Bỏ phiếu và kết quả kiểm phiếu (số phiếu/tổng số phiếu) của từng trường hợp:

TT	Tên đơn vị cá nhân	Hình thức đề nghị	Số phiếu/ tổng số phiếu	Tỷ lệ %
I	**Danh hiệu tập thể**			
1	Bộ môn KTDN	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	19/19	100
II	**Danh hiệu cá nhân**			
1	Nguyễn Duy Lạc	CSTĐCS	19/19	100
2	Phí Thị Kim Thư	CSTĐCS	19/19	100
3	Nguyễn Thị Kim Oanh	CSTĐCS	19/19	100
4	Nguyễn Thị Minh Thu	CSTĐCS	19/19	100
5	Bùi Thị Thu Thuỷ	LĐTT/Bằng khen Hiệu trưởng	19/19	100
6	Nguyễn Thị Bích Phượng	LĐTT/Bằng khen Hiệu trưởng	19/19	100
7	Phạm Thị Hồng Hạnh	LĐTT/Bằng khen Hiệu trưởng	19/19	100

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ KINH DOANH
BỘ MÔN KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2017

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU

Về việc đề nghị khen thưởng năm học 2016 - 2017

1. Thời gian họp: 8h30 ngày 24/07/2017.
2. Địa điểm: Văn phòng Bộ môn Kế toán doanh nghiệp (P12.07).
3. Thành phần ban kiểm phiếu:
   - Ông/Bà Nguyễn Tiến Hưng, Trưởng ban;
   - Ông/Bà Lê Thị Thu Hồng, Ủy viên;
4. Kết quả kiểm phiếu giới thiệu như sau:

Tổng số triệu tập: 19, số có mặt: 19 (100% số triệu tập)

Tổng số phiếu phát ra: 19 phiếu,

Tổng số phiếu thu về: 19 phiếu,

Số phiếu hợp lệ: 19 phiếu,

Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu,

Kết quả kiểm phiếu như sau:

7. Bỏ phiếu và kết quả kiểm phiếu (số phiếu/tổng số phiếu) của từng trường hợp:

TT	Tên đơn vị cá nhân	Hình thức đề nghị	Số phiếu/ tổng số phiếu	Tỷ lệ %
I	**Danh hiệu tập thể**			
1	Bộ môn KTDN	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	19/19	100
II	**Danh hiệu cá nhân**			
1	Nguyễn Duy Lạc	CSTĐCS	19/19	100
2	Phí Thị Kim Thư	CSTĐCS	19/19	100
3	Nguyễn Thị Kim Oanh	CSTĐCS	19/19	100
4	Nguyễn Thị Minh Thu	CSTĐCS	19/19	100
5	Bùi Thị Thu Thuý	LĐTT/Bằng khen Hiệu trưởng	19/19	100
6	Nguyễn Thị Bích Phượng	LĐTT/Bằng khen Hiệu trưởng	19/19	100
7	Phạm Thị Hồng Hạnh	LĐTT/Bằng khen	19/19	100

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ KINH DOANH
BỘ MÔN KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

KẾT QUẢ XÉT CÁC DANH HIỆU THI ĐUA
NĂM HỌC 2021 - 2022

1. Cá nhân:

TT	Họ và tên	Hoàn thành nhiệm vụ	LĐTT	CSTĐ cơ sở	Khen thưởng cấp Đỗ	Khen thưởng cấp cao	Không đạt
1	Nguyễn Đức Lâm			X			
2	Bùi Thị Tâm Thuỷ		X				
3	Lê Thị Kim Thư			X			
4	Nguyễn Thị Bích Phượng		X				
5	Nguyễn Thị Kim Oanh						
6	Phạm Thị Hồng Hạnh		X				
7	Lưu Thị Thu Hà						
8	Nguyễn Tiến Hưng		X				
9	Phạm Minh Hải		X				
10	Dương Thị Nhàn		X				
11	Phạm Thu Hương		X				
12	Nguyễn Thị Minh Thu		X	X			
13	Hoàng Thị Duy						
14	[illegible]						
15	Nguyễn Minh Thu						
16	Vũ Ngọc Tuấn						
17	Nguyễn Thị Huyền Trang		X				
18	Nguyễn Thục Anh		X				
19	Phan Minh Quang		X				

2. Tập thể: Tập thể lao động xuất sắc

Hà Nội, ngày [illegible] tháng [illegible] năm 2022
BỘ MÔN KẾ TOÁN

XÁC NHẬN KHOA KINH TẾ - QTKD

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 5490 /QĐ-BGDĐT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tặng Bằng khen

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua Khen thưởng, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 03 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Giáo dục;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất tại Tờ trình số 630/ĐHM-TĐKT ngày 28 tháng 8 năm 2014;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho 03 tập thể và 21 cá nhân thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm học 2013 - 2014 (có Danh sách kèm theo).

Điều 2. Kèm theo Bằng khen, mỗi tập thể và cá nhân được thưởng theo mức thưởng quy định tại Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ, trích từ Quỹ thi đua, khen thưởng trong kế hoạch ngân sách đã được duyệt của đơn vị trình.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng, Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Thủ trưởng đơn vị có liên quan, các tập thể và cá nhân có tên trong Danh sách ghi tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ TĐKT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phạm Mạnh Hùng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH

Các tập thể và cá nhân được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
tặng Bằng khen năm học 2013 - 2014

(Kèm theo Quyết định số: 5490 /QĐ-BGDĐT ngày 19 tháng 11 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: Trường Đại học Mỏ - Địa chất

I. Tập thể

1. Khoa Lý luận Chính trị
2. Khoa Giáo dục quốc phòng
3. Khoa Trắc địa

II. Cá nhân

1.	Bà	Phạm Thị Thanh Phương	Chuyên viên Ban thanh tra giáo dục
2.	Bà	Nguyễn Thị Bắc	Chuyên viên Phòng Hành chính - Tổng hợp
3.	Bà	Vũ Thị Thoa	Chuyên viên Văn phòng Đảng uỷ
4.	Ông	Nguyễn Văn Quảng	Trưởng khoa Giáo dục quốc phòng
5.	Bà	Lê Thị Duyên	Giảng viên bộ môn Hoá học, Khoa Đại học đại cương
6.	Bà	Đỗ Kim Phương	Phó Trưởng khoa Đại học đại cương
7.	Ông	Thái Việt Hưng	Giảng viên bộ môn Giáo dục thể chất, Khoa Đại học đại cương
8.	Bà	Hoàng Thị Minh Hương	Giảng viên bộ môn Trắc địa công trình, Khoa Trắc địa
9.	Ông	Trần Thuỳ Dương	Trưởng khoa Trắc địa
10.	Ông	Nguyễn Thế Việt	Giảng viên chính bộ môn Bản đồ, Khoa Trắc địa
11.	Ông	Nguyễn Thế Vinh	Trưởng khoa Dầu khí
12.	Bà	Nguyễn Thị Linh	Phó Trưởng bộ môn Lọc hoá dầu, Khoa Dầu khí
13.	Ông	Nguyễn Văn Thịnh	Giảng viên bộ môn Khai thác hầm lò, Khoa Mỏ
14.	Ông	Nguyễn Đình An	Giảng viên bộ môn Khai thác Lộ thiên, Khoa Mỏ
15.	Ông	Khổng Cao Phong	Phó Trưởng bộ môn Tự hoá, Khoa Cơ - Điện
16.	Ông	Đặng Huy Thái	Trưởng bộ môn Quản trị doanh nghiệp Mỏ, Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

17.	Bà	Trần Thị Lan Hương	Giảng viên bộ môn Nguyên lý Chủ nghĩa Mác - Lê nin
18.	Ông	Nguyễn Chí Thành	Phó Trưởng bộ môn Xây dựng công trình Ngầm và Mỏ, Khoa Xây dựng
19.	Ông	Nguyễn Tiến Dũng	Phó Trưởng khoa Địa chất
20.	Ông	Nguyễn Quang Luật	Trưởng phòng Khoa học công nghệ
21.	Ông	Nguyễn Văn Long	Phó Trưởng khoa Địa chất

Danh sách trên có 03 tập thể và 21 cá nhân.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Số: 733 /QĐ - TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 301/TTr-BGDĐT ngày 09 tháng 5 năm 2014 và Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương tại Tờ trình số 790/TTr-BTĐKT ngày 13 tháng 5 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho 07 cá nhân thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (có danh sách kèm theo), đã có thành tích trong công tác giáo dục và đào tạo từ năm học 2008-2009 đến năm học 2012-2013, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- VPCP: PCN Phạm Viết Muôn;
  PCN Nguyễn Khắc Định;
  TGĐ Cổng TTĐT;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b), Mai 11

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Hoàng Trung Hải

DANH SÁCH

ĐƯỢC TẶNG BẰNG KHEN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Quyết định số 923 /QĐ-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Thạc sĩ Lê Đức Vinh, Phó Trưởng bộ môn Thiết bị dầu khí và Công trình, Khoa Dầu khí, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
2. Tiến sĩ Dương Vân Phong, Trưởng bộ môn Trắc địa cao cấp, Khoa Trắc địa, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
3. Phó Giáo sư, Tiến sĩ Trần Thanh Hải, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
4. Phó Giáo sư, Tiến sĩ Kim Ngọc Linh, Trưởng bộ môn Kỹ thuật điện-Điện tử, Khoa Cơ điện, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
5. Tiến sĩ Nguyễn Thị Kim Ngân, Phó Trưởng bộ môn Quản trị doanh nghiệp Địa chất – Dầu khí, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
6. Phó Giáo sư, Tiến sĩ Vũ Nam Ngạn, Trưởng bộ môn Máy và Thiết bị mỏ, Khoa Cơ điện, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
7. Bà Nguyễn Thị Đông, Hiệu trưởng Trường Mầm non thực hành Hoa Sen, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 51 /SY

SAO Y BẢN CHÍNH

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2014

TL. BỘ TRƯỞNG
KT.CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

Vũ Đình Giáp

Nơi nhận:
- Như điều 1;
- Lưu: VT, TĐKT.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1812/QĐ - TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 206/TTr-BGDĐT ngày 09 tháng 4 năm 2015 và Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương tại Tờ trình số 2134/TTr-BTĐKT ngày 16 tháng 10 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho các cá nhân có tên sau đây:

1. TS. Lương Quang Khang, Phó Trưởng bộ môn Tìm kiếm - Thăm dò, Khoa Địa chất, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo;

2. TS. Phan Thị Thái, Phó trưởng khoa Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo,

Đã có nhiều thành tích trong công tác giáo dục và đào tạo từ năm 2009-2010 đến năm học 2013-2014, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Khắc Định;
- Lưu: VT, TCCV (3b), Hà 10

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 467 /QĐ - TTg

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 16/TTr-BGDĐT ngày 09 tháng 01 năm 2017 và Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương tại Tờ trình số 494/TTr-BTĐKT ngày 28 tháng 3 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho 02 cá nhân thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (có danh sách kèm theo), đã có thành tích trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Sỹ Hiệp, TGĐ Cổng TTĐT;
- Lưu: VT, TCCV (3b), Hà 4.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trương Hòa Bình

CÁC CÁ NHÂN ĐƯỢC TẶNG
BẰNG KHEN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Quyết định số 467/QĐ-TTg ngày 10 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Ông Nguyễn Duy Lạc, TS, Trưởng khoa Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Mỏ Địa chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo;

2. Ông Bùi Ngọc Quý, TS, Trưởng Bộ môn Bản đồ, Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

BỘ NỘI VỤ
BAN THI ĐUA – KHEN THƯỞNG
TRUNG ƯƠNG

Số: /SYQĐ-BTĐKT

Nơi nhận:
-. .....;
- Vụ .....;
- Kế toán Ban, Văn thư Ban;
- Lưu VT (Bản chính).

SAO Y BẢN CHÍNH

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

TL. TRƯỞNG BAN
KT.CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

Đỗ Thị Thanh Hà

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 47 /SL-BGDĐT

SAO LỤC

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2018
TL. BỘ TRƯỞNG
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

Nơi nhận:
- Như điều 1;
- Lưu: VT,TĐKT

Vũ Đình Giáp

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 663 /QĐ-BGDĐT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận danh hiệu thi đua

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua Khen thưởng, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 03 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 35/2015/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ- Địa chất, Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc cho 09 tập thể thuộc Trường Đại học Mỏ- Địa chất (có Danh sách kèm theo) đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2015-2016.

Điều 2. Kèm theo Bằng công nhận, mỗi tập thể được thưởng theo mức thưởng quy định tại Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ, trích từ Quỹ Thi đua, Khen thưởng của đơn vị trình.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng, Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ- Địa chất, Thủ trưởng đơn vị có liên quan và các tập thể có tên trong Danh sách ghi tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu VT, Vụ TĐKT (05).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Nghĩa

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH

Các tập thể được công nhận danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc thuộc Trường Đại học Mỏ- Địa chất năm học 2015 - 2016

(Kèm theo Quyết định số: 663 /QĐ-BGDĐT ngày 07 /3 /2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: Trường Đại học Mỏ- Địa chất

1.	Khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
2.	Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
3.	Khoa Dầu khí
4.	Khoa Khoa học cơ bản
5.	Khoa Trắc địa – Bản đồ và Quản lý đất đai
6.	Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế
7.	Phòng Đào tạo Đại học
8.	Phòng Đào tạo Sau Đại học
9.	Phòng Tổ chức cán bộ

Danh sách trên có 09 tập thể.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1656 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 16/TTr-BGDĐT ngày 09 tháng 01 năm 2017 và Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương tại Tờ trình số 2175/TTr-BTĐKT ngày 16 tháng 10 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho các cá nhân sau đây:

1. Tiến sĩ Nguyễn Ngọc Khánh, Phó Trưởng Bộ môn Quản trị doanh nghiệp Mỏ, Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo;

2. Tiến sĩ Vũ Kim Thư, Giảng viên Bộ môn Hóa học, Khoa Khoa học cơ bản - Phó Chánh Văn phòng Chương trình tiên tiến, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo,

Đã có thành tích trong công tác giáo dục và đào tạo từ năm học 2011-2012 đến năm học 2015-2016, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Sỹ Hiệp; TGĐ Cổng TTĐT;
- Lưu: Văn thư, TCCV (2b). LHN, 6 b.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trương Hòa Bình

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 1524 /QĐ-BGDĐT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận danh hiệu thi đua

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 35/2015/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Giáo dục;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" cho 10 tập thể thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất (có Danh sách kèm theo) đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2016 - 2017.

Điều 2. Kèm theo danh hiệu thi đua, mỗi tập thể được thưởng theo mức thưởng quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ, trích từ Quỹ thi đua, khen thưởng của đơn vị trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng, Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Thủ trưởng đơn vị có liên quan, các tập thể có tên trong Danh sách ghi tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, TĐKT (05).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Nghĩa

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH

Các tập thể được Công nhận danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" năm học 2016 - 2017

(Kèm theo Quyết định số: 1524 /QĐ-BGDĐT ngày 19 / 4 /2018

của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: Trường Đại học Mỏ - Địa chất

1.	Phòng Tổ chức – Cán bộ
2.	Phòng Công tác sinh viên
3.	Phòng Công tác chính trị - Truyền thông
4.	Phòng Hành chính – Tổng hợp
5.	Khoa Mỏ
6.	Khoa Trắc địa – Bản đồ và Quản lý đất đai
7.	Khoa Xây dựng
8.	Khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
9.	Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
10.	Khoa Lý luận chính trị

Danh sách trên có 10 tập thể.

2013 - 2014. Kinh tế

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 823 / MĐC- TĐKT

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
(Về việc khen thưởng)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường Đại học";

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Luật Thi đua Khen thưởng số 15/2003/QH 11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về công tác Thi đua Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn công tác Thi đua Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BGDĐT ngày 03/4/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác Thi đua, Khen thưởng trong ngành giáo dục;

Quyết định số 508/MĐC-TĐKT ngày 14/5/2012 của Hiệu trưởng về việc ban hành "Quy định về công tác Thi đua Khen thưởng";

Căn cứ Luật Thi đua Khen thưởng số 39/2013/QH 13 ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Theo đề nghị Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng Trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận các tập thể, cá nhân đạt danh hiệu thi đua năm học 2013-2014 như sau:

1. Tập thể Lao động tiên tiến: 89 đơn vị
2. Chiến sỹ thi đua cơ sở: 252 người
3. Lao động tiên tiến: 558 người

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Kinh phí lấy từ nguồn phí, lệ phí năm 2014 thưởng cho các tập thể, cá nhân được công nhận ở Điều 1 theo các mức sau:

Tập thể lao động tiên tiến:	800.000 đồng /đơn vị
Chiến sỹ thi đua cơ sở:	1.000.000 đồng/người
Lao động tiên tiến:	300.000 đồng/người

Tổng số tiền thưởng là: 490.600.000 đồng

(Bốn trăm chín mươi triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn).

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng Phòng Hành chính Tổng hợp, Trưởng phòng Tài vụ, các tập thể và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu HCTH, TĐKT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PGS.TS Lê Hải An

	Họ và tên	Đơn vị	TT LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Ghi chú
	ộn Điện khí hoá		**1**	**7**	**8**	
	uyễn Anh Nghĩa	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện			x	
	Xuân Thành	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện		x		
	Hồ Việt Bun	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện		x		
	Nguyễn Hanh Tiến	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện		x		
5	Nguyễn Thị Bích Hậu	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện		x		
56	Bùi Thị Thu Hiền	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện			x	
657	Đỗ Đức Thành	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện		x		
658	Nguyễn Duy Tuấn	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện			x	
659	Đào Thị Thuỷ	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện			x	
660	Bùi Đình Thanh	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện		x		
661	Phạm Trung Sơn	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện			x	
662	Đỗ Như Ý	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện		x		
663	Bùi Minh Định	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện			x	
664	Ngô Thanh Tuấn	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện			x	
665	Lê Văn Tuấn	BM Điện khí hoá -Khoa cơ điện			x	
	Xưởng cơ khí		**1**	**0**	**5**	
566	Trương Đình Loan	Xưởng cơ khí			x	
567	Chu Mạnh Cường	Xưởng cơ khí			x	
568	Hà Văn Thủy	Xưởng cơ khí			x	
569	Đặng Việt Khuê	Xưởng cơ khí			x	
570	Lê Thị Hồng Diệp	Xưởng cơ khí			x	
	Khoa Kinh tế & QTKD		**1**	**20**	**35**	
	Văn phòng khoa			**0**	**3**	
571	Phạm T Châu Giang	VP Khoa - Khoa KT&QTKD			x	
572	Nguyễn Thị Thu Dung	VP Khoa - Khoa KT&QTKD			x	
573	Phan Thùy Linh	VP Khoa - Khoa KT&QTKD			x	
	Bộ môn Quản trị DN Địa chất-Dầu khí		**1**	**4**	**6**	
574	Nguyễn Đức Thành	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD		x		
575	Đỗ Hữu Tùng	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD		x		
576	Phan Thị Thái	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD		x		
577	Nguyễn Thị Kim Ngân	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD			x	
578	Nguyễn Thanh Thủy	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD			x	
579	Nhâm Kiến Quỳnh	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD			x	

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 5490 /QĐ-BGDĐT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tặng Bằng khen

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua Khen thưởng, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 03 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Giáo dục;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất tại Tờ trình số 630/ĐHM-TĐKT ngày 28 tháng 8 năm 2014;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho 03 tập thể và 21 cá nhân thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm học 2013 - 2014 (có Danh sách kèm theo).

Điều 2. Kèm theo Bằng khen, mỗi tập thể và cá nhân được thưởng theo mức thưởng quy định tại Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ, trích từ Quỹ thi đua, khen thưởng trong kế hoạch ngân sách đã được duyệt của đơn vị trình.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng, Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Thủ trưởng đơn vị có liên quan, các tập thể và cá nhân có tên trong Danh sách ghi tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ TĐKT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phạm Mạnh Hùng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH

Các tập thể và cá nhân được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
tặng Bằng khen năm học 2013 - 2014

(Kèm theo Quyết định số: 5490 /QĐ-BGDĐT ngày 19 tháng 11 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: Trường Đại học Mỏ - Địa chất

I. Tập thể

1. Khoa Lý luận Chính trị
2. Khoa Giáo dục quốc phòng
3. Khoa Trắc địa

II. Cá nhân

1.	Bà	Phạm Thị Thanh Phương	Chuyên viên Ban thanh tra giáo dục
2.	Bà	Nguyễn Thị Bắc	Chuyên viên Phòng Hành chính - Tổng hợp
3.	Bà	Vũ Thị Thoa	Chuyên viên Văn phòng Đảng uỷ
4.	Ông	Nguyễn Văn Quảng	Trưởng khoa Giáo dục quốc phòng
5.	Bà	Lê Thị Duyên	Giảng viên bộ môn Hoá học, Khoa Đại học đại cương
6.	Bà	Đỗ Kim Phương	Phó Trưởng khoa Đại học đại cương
7.	Ông	Thái Việt Hưng	Giảng viên bộ môn Giáo dục thể chất, Khoa Đại học đại cương
8.	Bà	Hoàng Thị Minh Hương	Giảng viên bộ môn Trắc địa công trình, Khoa Trắc địa
9.	Ông	Trần Thuỷ Dương	Trưởng khoa Trắc địa
10.	Ông	Nguyễn Thế Việt	Giảng viên chính bộ môn Bản đồ, Khoa Trắc địa
11.	Ông	Nguyễn Thế Vinh	Trưởng khoa Dầu khí
12.	Bà	Nguyễn Thị Linh	Phó Trưởng bộ môn Lọc hoá dầu, Khoa Dầu khí
13.	Ông	Nguyễn Văn Thịnh	Giảng viên bộ môn Khai thác hầm lò, Khoa Mỏ
14.	Ông	Nguyễn Đình An	Giảng viên bộ môn Khai thác Lộ thiên, Khoa Mỏ
15.	Ông	Khổng Cao Phong	Phó Trưởng bộ môn Tự hoá, Khoa Cơ - Điện
16.	Ông	Đặng Huy Thái	Trưởng bộ môn Quản trị doanh nghiệp Mỏ, Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

17.	Bà	Trần Thị Lan Hương	Giảng viên bộ môn Nguyên lý Chủ nghĩa Mác - Lê nin
18.	Ông	Nguyễn Chí Thành	Phó Trưởng bộ môn Xây dựng công trình Ngầm và Mỏ, Khoa Xây dựng
19.	Ông	Nguyễn Tiến Dũng	Phó Trưởng khoa Địa chất
20.	Ông	Nguyễn Quang Luật	Trưởng phòng Khoa học công nghệ
21.	Ông	Nguyễn Văn Long	Phó Trưởng khoa Địa chất

Danh sách trên có 03 tập thể và 21 cá nhân.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Số: 733 /QĐ - TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 301/TTr-BGDĐT ngày 09 tháng 5 năm 2014 và Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương tại Tờ trình số 790/TTr-BTĐKT ngày 13 tháng 5 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho 07 cá nhân thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (có danh sách kèm theo), đã có thành tích trong công tác giáo dục và đào tạo từ năm học 2008-2009 đến năm học 2012-2013, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- VPCP: PCN Phạm Viết Muôn;
  PCN Nguyễn Khắc Định;
  TGĐ Cổng TTĐT;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b), Mai 11

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Hoàng Trung Hải

DANH SÁCH

ĐƯỢC TẶNG BẰNG KHEN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Quyết định số 1123 /QĐ-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Thạc sĩ Lê Đức Vinh, Phó Trưởng bộ môn Thiết bị dầu khí và Công trình, Khoa Dầu khí, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
2. Tiến sĩ Dương Vân Phong, Trưởng bộ môn Trắc địa cao cấp, Khoa Trắc địa, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
3. Phó Giáo sư, Tiến sĩ Trần Thanh Hải, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
4. Phó Giáo sư, Tiến sĩ Kim Ngọc Linh, Trưởng bộ môn Kỹ thuật điện-Điện tử, Khoa Cơ điện, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
5. Tiến sĩ Nguyễn Thị Kim Ngân, Phó Trưởng bộ môn Quản trị doanh nghiệp Địa chất – Dầu khí, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
6. Phó Giáo sư, Tiến sĩ Vũ Nam Ngạn, Trưởng bộ môn Máy và Thiết bị mỏ, Khoa Cơ điện, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
7. Bà Nguyễn Thị Đông, Hiệu trưởng Trường Mầm non thực hành Hoa Sen, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 51 /SY

SAO Y BẢN CHÍNH

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2014

TL. BỘ TRƯỞNG
KT.CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

Vũ Đình Giáp

Nơi nhận:
- Như điều 1;
- Lưu: VT, TĐKT.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1812/QĐ - TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 206/TTr-BGDĐT ngày 09 tháng 4 năm 2015 và Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương tại Tờ trình số 2134/TTr-BTĐKT ngày 16 tháng 10 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho các cá nhân có tên sau đây:

1. TS. Lương Quang Khang, Phó Trưởng bộ môn Tìm kiếm - Thăm dò, Khoa Địa chất, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo;

2. TS. Phan Thị Thái, Phó trưởng khoa Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo,

Đã có nhiều thành tích trong công tác giáo dục và đào tạo từ năm 2009-2010 đến năm học 2013-2014, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Khắc Định;
- Lưu: VT, TCCV (3b), Hà 10

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 457 /QĐ - TTg

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 16/TTr-BGDĐT ngày 09 tháng 01 năm 2017 và Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương tại Tờ trình số 494/TTr-BTĐKT ngày 28 tháng 3 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho 02 cá nhân thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (có danh sách kèm theo), đã có thành tích trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Sỹ Hiệp, TGĐ Cổng TTĐT;
- Lưu: VT, TCCV (3b), Hà +

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trương Hòa Bình

DANH SÁCH CÁC CÁ NHÂN ĐƯỢC TẶNG
BẰNG KHEN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Quyết định số 467/QĐ-TTg ngày 10 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Ông Nguyễn Duy Lạc, TS, Trưởng khoa Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Mỏ Địa chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo;

2. Ông Bùi Ngọc Quý, TS, Trưởng Bộ môn Bản đồ, Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

BỘ NỘI VỤ
BAN THI ĐUA – KHEN THƯỞNG
TRUNG ƯƠNG

Số: /SYQĐ-BTĐKT

Nơi nhận:
- ...;
- Vụ ...;
- Kế toán Ban, Văn thư Ban;
- Lưu VT (Bản chính).

SAO Y BẢN CHÍNH

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

TL. TRƯỞNG BAN
KT.CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

Đỗ Thị Thanh Hà

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 47 /SL-BGDĐT

SAO LỤC

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2018

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

Nơi nhận:
- Như điều 1;
- Lưu: VT,TĐKT

Vũ Đình Giáp

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 663 /QĐ-BGDĐT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận danh hiệu thi đua

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua Khen thưởng, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 03 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 35/2015/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ- Địa chất, Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc cho 09 tập thể thuộc Trường Đại học Mỏ- Địa chất (có Danh sách kèm theo) đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2015-2016.

Điều 2. Kèm theo Bằng công nhận, mỗi tập thể được thưởng theo mức thưởng quy định tại Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ, trích từ Quỹ Thi đua, Khen thưởng của đơn vị trình.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng, Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ- Địa chất, Thủ trưởng đơn vị có liên quan và các tập thể có tên trong Danh sách ghi tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu VT, Vụ TĐKT (05).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Nghĩa

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH

Các tập thể được công nhận danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc thuộc Trường Đại học Mỏ- Địa chất năm học 2015 - 2016

(Kèm theo Quyết định số: 663 /QĐ-BGDĐT ngày 07 /3 /2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: Trường Đại học Mỏ- Địa chất

1.	Khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
2.	Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
3.	Khoa Dầu khí
4.	Khoa Khoa học cơ bản
5.	Khoa Trắc địa – Bản đồ và Quản lý đất đai
6.	Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế
7.	Phòng Đào tạo Đại học
8.	Phòng Đào tạo Sau Đại học
9.	Phòng Tổ chức cán bộ

Danh sách trên có 09 tập thể.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1656 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 16/TTr-BGDĐT ngày 09 tháng 01 năm 2017 và Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương tại Tờ trình số 2175/TTr-BTĐKT ngày 16 tháng 10 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho các cá nhân sau đây:

1. Tiến sĩ Nguyễn Ngọc Khánh, Phó Trưởng Bộ môn Quản trị doanh nghiệp Mỏ, Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo;

2. Tiến sĩ Vũ Kim Thư, Giảng viên Bộ môn Hóa học, Khoa Khoa học cơ bản - Phó Chánh Văn phòng Chương trình tiên tiến, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo,

Đã có thành tích trong công tác giáo dục và đào tạo từ năm học 2011-2012 đến năm học 2015-2016, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Sỹ Hiệp; TGĐ Cổng TTĐT;
- Lưu: Văn thư, TCCV (2b). LHN, 6 b.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trương Hòa Bình

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 1524 /QĐ-BGDĐT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận danh hiệu thi đua

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 35/2015/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Giáo dục;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" cho 10 tập thể thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất (có Danh sách kèm theo) đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2016 - 2017.

Điều 2. Kèm theo danh hiệu thi đua, mỗi tập thể được thưởng theo mức thưởng quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ, trích từ Quỹ thi đua, khen thưởng của đơn vị trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng, Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Thủ trưởng đơn vị có liên quan, các tập thể có tên trong Danh sách ghi tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, TĐKT (05).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Nghĩa

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH

Các tập thể được Công nhận danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" năm học 2016 - 2017

(Kèm theo Quyết định số: 1524 /QĐ-BGDĐT ngày 15 / 4 /2018

của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: Trường Đại học Mỏ - Địa chất

1.	Phòng Tổ chức – Cán bộ
2.	Phòng Công tác sinh viên
3.	Phòng Công tác chính trị - Truyền thông
4.	Phòng Hành chính – Tổng hợp
5.	Khoa Mỏ
6.	Khoa Trắc địa – Bản đồ và Quản lý đất đai
7.	Khoa Xây dựng
8.	Khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
9.	Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
10.	Khoa Lý luận chính trị

Danh sách trên có 10 tập thể.

2013 - 2014. lưu QK kinh tế

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 823 / MĐC- TĐKT

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
(Về việc khen thưởng)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường Đại học";

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Luật Thi đua Khen thưởng số 15/2003/QH 11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về công tác Thi đua Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn công tác Thi đua Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BGDĐT ngày 03/4/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác Thi đua, Khen thưởng trong ngành giáo dục;

Quyết định số 508/MĐC-TĐKT ngày 14/5/2012 của Hiệu trưởng về việc ban hành "Quy định về công tác Thi đua Khen thưởng";

Căn cứ Luật Thi đua Khen thưởng số 39/2013/QH 13 ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Theo đề nghị Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng Trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận các tập thể, cá nhân đạt danh hiệu thi đua năm học 2013-2014 như sau:

1. Tập thể Lao động tiên tiến: 89 đơn vị
2. Chiến sỹ thi đua cơ sở: 252 người
3. Lao động tiên tiến: 558 người

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Kinh phí lấy từ nguồn phí, lệ phí năm 2014 thưởng cho các tập thể, cá nhân được công nhận ở Điều 1 theo các mức sau:

Tập thể lao động tiên tiến:	800.000 đồng /đơn vị
Chiến sỹ thi đua cơ sở:	1.000.000 đồng/người
Lao động tiên tiến:	300.000 đồng/người

Tổng số tiền thưởng là: 490.600.000 đồng

(Bốn trăm chín mươi triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn).

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng Phòng Hành chính Tổng hợp, Trưởng phòng Tài vụ, các tập thể và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu HCTH, TĐKT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PGS.TS Đỗ Mạnh Tuấn

QĐ 873/ MDC - TĐCT ngày 18/8/2014

	VP Khoa					2	x	300,000	=	600,000		600.000	
28	Khoa Kinh tế & QTKD										800,000	800,000	
	VP Khoa					3	x	300,000	=	900,000		900,000	
	B/m QTDN Địa chất-Dầu khí	4	x	1,000,000	= 4,000,000	6	x	300,000	=	1,800,000	800,000	6,600,000	
	B/m Quản trị DN Mỏ	5	x	1,000,000	= 5,000,000	8	x	300,000	=	2,400,000	800,000	8,200,000	
	B/m Kinh tế cơ sở	4	x	1,000,000	= 4,000,000	7	x	300,000	=	2,100,000	800,000	6,900,000	
	B/m Kế toán DN	7	x	1,000,000	= 7,000,000	11	x	300,000	=	3,300,000	800,000	11,100,000	
29	Khoa Công Nghệ thông tin										800,000	800,000	
	VP Khoa+ PTN Địa tin học	3	x	1,000,000	= 3,000,000	2	x	300,000	=	600,000	800,000	4,400,000	
	Bộ môn Tin học Trắc địa	4	x	1,000,000	= 4,000,000	11	x	300,000	=	3,300,000	800,000	8,100,000	
	Bộ môn Tin học Kinh tế	4	x	1,000,000	= 4,000,000	2	x	300,000	=	600,000	800,000	5,400,000	
	Bộ môn tin học cơ bản	1	x	1,000,000	= 1,000,000	8	x	300,000	=	2,400,000	800,000	4,200,000	
	Bộ môn Tin học Mỏ	3	x	1,000,000	= 3,000,000	4	x	300,000	=	1,200,000	800,000	5,000,000	
	Bộ môn Tin học Địa chất	1	x	1,000,000	= 1,000,000	6	x	300,000	=	1,800,000	800,000	3,600,000	
	Bộ môn CN phần mềm	3	x	1,000,000	= 3,000,000	5	x	300,000	=	1,500,000	800,000	5,300,000	
	Bộ môn Mạng và máy tính					6	x	300,000	=	1,800,000	800,000	2,600,000	
30	Khoa Lý luận chính trị										800,000	800,000	
	B/m Tư tưởng Hồ Chí Minh	1	x	1,000,000	= 1,000,000	4	x	300,000	=	1,200,000	800,000	3,000,000	
	B/m Đ lối CM của Đảng CSVN	2	x	1,000,000	= 2,000,000	3	x	300,000	=	900,000	800,000	3,700,000	
	B/m Nguyên lý CN Mác Lênin	5	x	1,000,000	= 5,000,000	7	x	300,000	=	2,100,000	800,000	7,900,000	
		252			**252,000,000**	**558**				**167,400,000**	**71,200,000**	**490,600,000**	

Hà Nội, Ngày tháng năm 2014

Người lập biểu	Phòng Hành chính-Tổng hợp	Phòng Tài vụ	Hiệu trưởng
Nguyễn Ngọc Dũng	Dương Thị Tuyết Nhung	PH. T. Thu Thủy	PGS.TS Lê Hải An

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

	Họ và tên	Đơn vị	TT LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Ghi chú
	Trần Văn Hiệp	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD		x		
	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD			x	
682	Nguyễn Thu Hà	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD			x	
683	Phạm Ngọc Tuấn	BM QTDN ĐC-DK khoa KT&QTKD			x	
	Bộ môn Quản trị DN Mỏ		**1**	**5**	**8**	
684	Đặng Huy Thái	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD		x		
685	Nguyễn Ngọc Khánh	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD		x		
686	Đồng Thị Bích	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD		x		
687	Lê Thị Thu Hường	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x	
688	Nguyễn Đức Thắng	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x	
689	Nguyễn Thị Hường	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x	
690	Phan T Thuỳ Linh	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x	
691	Trần Thị Khánh Vân	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x	
692	Lê Đình Chiều	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD		x		
693	Phạm Kiên Trung	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x	
694	Nguyễn Thị Hoài Nga	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD		x		
695	Nguyễn Văn Thưởng	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x	
696	Lê Đình Chiến	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x	
	Bộ môn Kinh tế cơ sở		**1**	**4**	**7**	
697	Nguyễn Văn Bưởi	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD		x		
698	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD		x		
699	Phí Mạnh Cường	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x	
700	Nguyễn Thị Hồng Loan	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x	
701	Trần Anh Dũng	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD		x		
702	Phạm Thu Trang	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x	
703	Nguyễn Thanh Thảo	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x	
704	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x	
705	Vũ Thị Hiền	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x	
706	Vũ Diệp Anh	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD		x		
707	Phương Hữu Tùng	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x	
	Bộ môn Kế toán DN		**1**	**7**	**11**	
708	Nguyễn Duy Lạc	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD		x		
709	Bùi Thị Thu Thuỷ	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD		x		
710	Phí Thị Kim Thư	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD		x		

	Họ và tên	Đơn vị	TT LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Kim Oanh	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x	
712	Nguyễn Thị Bích Phượng	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD		x		
713	Phạm Thị Hồng Hạnh	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD		x		
714	Lưu Thị Thu Hà	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x	
715	Nguyễn Tiến Hưng	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD		x		
716	Phạm Minh Hải	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x	
717	Phạm Thu Hương	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x	
718	Nguyễn Minh Thu	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD		x		
719	Dương Thị Nhàn	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x	
720	Nguyễn T Minh Thu	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x	
721	Đỗ Thị Hương	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x	
722	Hoàng Thị Thủy	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x	
723	Lê Thị Thu Hồng	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x	
724	Vũ Ngọc Thịnh	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x	
725	Nguyễn Thị Huyền Trang	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x	
	Khoa Công Nghệ thông tin		**1**	**19**	**44**	
	VP khoa		**1**	**1**	**2**	
726	Nguyễn Thị Loan	TN Công nghệ&xử lý TT-Khoa CNTT		x		
727	Phạm Thị Hương	TN Công nghệ&xử lý TT-Khoa CNTT			x	
728	Nguyễn Đức Quân	TN Công nghệ&xử lý TT-Khoa CNTT			x	
	Bộ môn Tin học Trắc địa		**1**	**4**	**11**	
729	Nguyễn Trường Xuân	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT		x		
730	Trần Trung Chuyên	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT		x		
731	Nguyễn Quang Khánh	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT		x		
732	Nguyễn Tuấn Anh	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x	
733	Nguyễn Mai Dung	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x	
734	Đoàn Khánh Hoàng	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT		x		
735	Trần Mai Hương	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x	
736	Ngô Thị Phương Thảo	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x	
737	Diêm Thị Thuỳ	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x	
738	Nguyễn Thị Phấn	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x	
739	Nguyễn Hoàng Long	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x	

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 823 / MĐC- TĐKT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
(Về việc khen thưởng)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường Đại học";

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Luật Thi đua Khen thưởng số 15/2003/QH 11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về công tác Thi đua Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn công tác Thi đua Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BGDĐT ngày 03/4/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác Thi đua, Khen thưởng trong ngành giáo dục;

Quyết định số 508/MĐC-TĐKT ngày 14/5/2012 của Hiệu trưởng về việc ban hành "Quy định về công tác Thi đua Khen thưởng";

Căn cứ Luật Thi đua Khen thưởng số 39/2013/QH 13 ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Theo đề nghị Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng Trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận các tập thể, cá nhân đạt danh hiệu thi đua năm học 2013-2014 như sau:

1. Tập thể Lao động tiên tiến: 89 đơn vị
2. Chiến sỹ thi đua cơ sở: 252 người
3. Lao động tiên tiến: 558 người

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Kinh phí lấy từ nguồn phí, lệ phí năm 2014 thưởng cho các tập thể, cá nhân được công nhận ở Điều 1 theo các mức sau:

Tập thể lao động tiên tiến:	800.000 đồng /đơn vị
Chiến sỹ thi đua cơ sở:	1.000.000 đồng/người
Lao động tiên tiến:	300.000 đồng/người

Tổng số tiền thưởng là: 490.600.000 đồng

(Bốn trăm chín mươi triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn).

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng Phòng Hành chính Tổng hợp, Trưởng phòng Tài vụ, các tập thể và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu HCTH, TĐKT.

HIỆU TRƯỞNG

ĐHKT Đỗ Mậu Lâu

TT	Họ và tên	Đơn vị	TT LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Ghi chú
694	Nguyễn Thị Hoài Nga	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD		x		
695	Nguyễn Văn Thưởng	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x	
696	Lê Đình Chiến	BM QTDN Mỏ-Khoa KT&QTKD			x	
	Bộ môn Kinh tế cơ sở		**1**	**4**	**7**	
697	Nguyễn Văn Bưởi	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD		**x**		
698	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD		x		
699	Phí Mạnh Cường	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x	
700	Nguyễn Thị Hồng Loan	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x	
701	Trần Anh Dũng	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD		x		
702	Phạm Thu Trang	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x	
703	Nguyễn Thanh Thảo	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x	
704	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x	
705	Vũ Thị Hiền	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x	
706	Vũ Diệp Anh	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD		x		
707	Phương Hữu Từng	Bm Ktế cơ sở-Khoa KT&QTKD			x	
	Bộ môn Kế toán DN		**1**	**7**	**11**	
708	Nguyễn Duy Lạc	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD		x		
709	Bùi Thị Thu Thuỷ	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD		x		
710	Phí Thị Kim Thư	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD		x		
711	Nguyễn Thị Kim Oanh	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x	
712	Nguyễn Thị Bích Phượng	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD		x		
713	Phạm Thị Hồng Hạnh	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD		x		
714	Lưu Thị Thu Hà	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x	
715	Nguyễn Tiến Hưng	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD		x		
716	Phạm Minh Hải	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x	
717	Phạm Thu Hương	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x	
718	Nguyễn Minh Thu	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD		x		
719	Dương Thị Nhàn	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x	
720	Nguyễn T Minh Thu	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x	
721	Đỗ Thị Hương	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x	
722	Hoàng Thị Thủy	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x	
723	Lê Thị Thu Hồng	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x	
724	Vũ Ngọc Thịnh	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x	
725	Nguyễn Thị Huyền Trang	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x	
	Khoa Công Nghệ thông tin		**1**	**19**	**44**	
	VP khoa		**1**	**1**	**2**	
726	Nguyễn Thị Loan	TN Công nghệ&xử lý TT-Khoa CNTT		x		
727	Phạm Thị Hương	TN Công nghệ&xử lý TT-Khoa CNTT			x	
728	Nguyễn Đức Quân	TN Công nghệ&xử lý TT-Khoa CNTT			x	
	Bộ môn Tin học Trắc địa		**1**	**4**	**11**	
729	Nguyễn Trường Xuân	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT		x		
730	Trần Trung Chuyên	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT		x		
731	Nguyễn Quang Khánh	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT		x		
732	Nguyễn Tuấn Anh	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x	
733	Nguyễn Mai Dung	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x	
734	Đoàn Khánh Hoàng	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT		x		
735	Trần Mai Hương	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x	
736	Ngô Thị Phương Thảo	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x	
737	Diêm Thị Thuỳ	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x	

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 1111 /QĐ-MĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khen thưởng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường Đại học";

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Luật Thi đua Khen thưởng số 39/2013/QH 13 ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về công tác Thi đua Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 35/2015/TT-BGDĐT ngày 31/12/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác Thi đua, Khen thưởng trong ngành Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 878/QĐ-MĐC ngày 05/7/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định về công tác Thi đua, Khen thưởng";

Xét đề nghị Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng Trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận các tập thể, cá nhân đạt danh hiệu thi đua năm học 2017 - 2018 cụ thể như sau:

1. Tập thể Lao động tiên tiến: 81 tập thể
2. Chiến sỹ thi đua cơ sở: 216 cá nhân
3. Lao động tiên tiến: 384 cá nhân
4. Giấy khen Hiệu trưởng:

- Tập thể: 17 tập thể;
- Cá nhân: 69 cá nhân.

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Kinh phí lấy từ nguồn phí, lệ phí năm 2018 thưởng cho các tập thể, cá nhân được công nhận tại Điều 1 theo các mức như sau:

1. Tập thể Lao động tiên tiến: 800.000 đồng/tập thể
2. Chiến sỹ thi đua cơ sở: 1.000.000 đồng/cá nhân
3. Lao động tiên tiến: 300.000 đồng/cá nhân
4. Giấy khen Hiệu trưởng: 200.000 đồng/tập thể, cá nhân

Tổng số tiền thưởng là: 413.200.000 đồng *(Bốn trăm mười ba triệu hai trăm nghìn đồng chẵn)*.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Tài vụ và các tập thể, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: HCTH,TĐKT(8).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PGS.TS. Lê Minh Lâm

Stt	Cá nhân/Tập thể	Đơn vị	
134	Phạm Thị Nhàn	BM Kỹ thuật xây dựng	Khoa Xây dựng
135	Đặng Văn Phi	BM Kỹ thuật xây dựng	Khoa Xây dựng
136	Kim Ngọc Linh	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử	Khoa Cơ - Điện
137	Nguyễn Thạc Khánh	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử	Khoa Cơ - Điện
138	Nguyễn Trường Giang	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử	Khoa Cơ - Điện
139	Nguyễn Đức Khoát	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	Khoa Cơ - Điện
140	Đặng Văn Chí	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	Khoa Cơ - Điện
141	Khổng Cao Phong	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	Khoa Cơ - Điện
142	Nguyễn Chí Tình	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	Khoa Cơ - Điện
143	Uông Quang Tuyến	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	Khoa Cơ - Điện
144	Nguyễn Thế Lực	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	Khoa Cơ - Điện
145	Đỗ Như Ý	BM Điện khí hóa XN	Khoa Cơ - Điện
146	Lê Xuân Thành	BM Điện khí hóa XN	Khoa Cơ - Điện
147	Bùi Đình Thanh	BM Điện khí hóa XN	Khoa Cơ - Điện
148	Phạm Trung Sơn	BM Điện khí hóa XN	Khoa Cơ - Điện
149	Ngô Thanh Tuấn	BM Điện khí hóa XN	Khoa Cơ - Điện
150	Hồ Việt Bun	BM Điện khí hóa XN	Khoa Cơ - Điện
151	Nguyễn Duy Tuấn	BM Điện khí hóa XN	Khoa Cơ - Điện
152	Phạm Đức Thiên	BM Kỹ thuật Cơ khí	Khoa Cơ - Điện
153	Phạm Thị Thủy	BM Kỹ thuật Cơ khí	Khoa Cơ - Điện
154	Nguyễn Thanh Tùng	BM Kỹ thuật Cơ khí	Khoa Cơ - Điện
155	Nguyễn Duy Chỉnh	BM Kỹ thuật Cơ khí	Khoa Cơ - Điện
156	Trần Đức Huân	BM Kỹ thuật Cơ khí	Khoa Cơ - Điện
157	Nguyễn Văn Xô	BM Máy & Thiết bị công nghiệp	Khoa Cơ - Điện
158	Đoàn Văn Giáp	BM Máy & Thiết bị công nghiệp	Khoa Cơ - Điện
159	Trần Viết Linh	BM Máy & Thiết bị công nghiệp	Khoa Cơ - Điện
160	Nguyễn Duy Lạc	BM Kế toán doanh nghiệp	Khoa Kinh tế & QTKD
161	Bùi Thị Thu Thuỷ	BM Kế toán doanh nghiệp	Khoa Kinh tế & QTKD
162	Phí Thị Kim Thư	BM Kế toán doanh nghiệp	Khoa Kinh tế & QTKD
163	Nguyễn Thị Kim Oanh	BM Kế toán doanh nghiệp	Khoa Kinh tế & QTKD
164	Phạm Thị Hồng Hạnh	BM Kế toán doanh nghiệp	Khoa Kinh tế & QTKD
165	Nguyễn Tiến Hưng	BM Kế toán doanh nghiệp	Khoa Kinh tế & QTKD
166	Nguyễn Thị Minh Thu	BM Kế toán doanh nghiệp	Khoa Kinh tế & QTKD
167	Lê Thị Thu Hồng	BM Kế toán doanh nghiệp	Khoa Kinh tế & QTKD
168	Nguyễn Thị Bích Ngọc	BM Kinh tế cơ sở	Khoa Kinh tế & QTKD
169	Phí Mạnh Cường	BM Kinh tế cơ sở	Khoa Kinh tế & QTKD
170	Vũ Diệp Anh	BM Kinh tế cơ sở	Khoa Kinh tế & QTKD
171	Đỗ Hữu Tùng	BM QTDN Địa chất - Dầu khí	Khoa Kinh tế & QTKD
172	Phan Thị Thái	BM QTDN Địa chất - Dầu khí	Khoa Kinh tế & QTKD
173	Lê Minh Thống	BM QTDN Địa chất - Dầu khí	Khoa Kinh tế & QTKD
174	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	BM QTDN Địa chất - Dầu khí	Khoa Kinh tế & QTKD
175	Phạm Ngọc Tuấn	BM QTDN Địa chất - Dầu khí	Khoa Kinh tế & QTKD
176	Nguyễn Thị Kim Ngân	BM QTDN Địa chất - Dầu khí	Khoa Kinh tế & QTKD
177	Nguyễn Ngọc Khánh	Bộ môn QTDN Mỏ	Khoa Kinh tế & QTKD
178	Nguyễn Thị Hoài Nga	Bộ môn QTDN Mỏ	Khoa Kinh tế & QTKD
179	Đào Anh Tuấn	Bộ môn QTDN Mỏ	Khoa Kinh tế & QTKD

	Cá nhân/ Tập thể	Đơn vị	
	Nguyễn Thế Hiệp	Tổ máy trắc địa	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
	Nguyễn Thị Mến	Tổ máy trắc địa	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ
240	Ngô Doãn Hào	BM Xây dựng CTN&Mỏ	Khoa Xây dựng
241	Nguyễn Trọng Dũng	BM Hạ tầng cơ sở	Khoa Xây dựng
242	Phạm Đức Thọ	BM Hạ tầng cơ sở	Khoa Xây dựng
243	Hoàng Đình Phúc	BM Hạ tầng cơ sở	Khoa Xây dựng
244	Tạ Đức Thịnh	BM Hạ tầng cơ sở	Khoa Xây dựng
245	Vũ Minh Ngạn	BM Hạ tầng cơ sở	Khoa Xây dựng
246	Đinh Văn Thắng	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử	Khoa Cơ - Điện
247	Cung Quang Khang	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử	Khoa Cơ - Điện
248	Kim Thị Cẩm Ánh	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử	Khoa Cơ - Điện
249	Hà Thị Chúc	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử	Khoa Cơ - Điện
250	Tống Ngọc Anh	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử	Khoa Cơ - Điện
251	Nguyễn Tiến Sỹ	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử	Khoa Cơ - Điện
252	Phan Minh Tạo	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	Khoa Cơ - Điện
253	Phạm Minh Hải	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	Khoa Cơ - Điện
254	Nguyễn Chí Dũng	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	Khoa Cơ - Điện
255	Phạm Thị Thanh Loan	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	Khoa Cơ - Điện
256	Thái Hải Âu	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	Khoa Cơ - Điện
257	Đào Hiếu	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	Khoa Cơ - Điện
258	Nguyễn Hanh Tiến	BM Điện khí hóa XN	Khoa Cơ - Điện
259	Nguyễn Thị Bích Hậu	BM Điện khí hóa XN	Khoa Cơ - Điện
260	Lê Văn Tuấn	BM Điện khí hóa XN	Khoa Cơ - Điện
261	Nguyễn Xuân Nhỉ	BM Điện khí hóa XN	Khoa Cơ - Điện
262	Bùi Thị Thu Hiền	BM Điện khí hóa XN	Khoa Cơ - Điện
263	Đào Thị Thủy	BM Điện khí hóa XN	Khoa Cơ - Điện
264	Nguyễn Văn Lại	BM Kỹ thuật Cơ khí	Khoa Cơ - Điện
265	Nguyễn Văn Tuệ	BM Kỹ thuật Cơ khí	Khoa Cơ - Điện
266	Bùi Minh Hoàng	BM Kỹ thuật Cơ khí	Khoa Cơ - Điện
267	Nguyễn Sơn Tùng	BM Kỹ thuật Cơ khí	Khoa Cơ - Điện
268	Đoàn Kim Bình	BM Kỹ thuật Cơ khí	Khoa Cơ - Điện
269	Vũ Nam Ngạn	BM Máy & Thiết bị công nghiệp	Khoa Cơ - Điện
270	Phạm Văn Tiến	BM Máy & Thiết bị công nghiệp	Khoa Cơ - Điện
271	Vũ Ngọc Trà	BM Máy & Thiết bị công nghiệp	Khoa Cơ - Điện
272	Nguyễn Thế Hoàng	BM Máy & Thiết bị công nghiệp	Khoa Cơ - Điện
273	Hà Văn Thủy	Xưởng Cơ - Điện	Khoa Cơ - Điện
274	Nguyễn Thị Bích Phượng	BM Kế toán doanh nghiệp	Khoa Kinh tế & QTKD
275	Lưu Thị Thu Hà	BM Kế toán doanh nghiệp	Khoa Kinh tế & QTKD
276	Phạm Minh Hải	BM Kế toán doanh nghiệp	Khoa Kinh tế & QTKD
277	Dương Thị Nhàn	BM Kế toán doanh nghiệp	Khoa Kinh tế & QTKD
278	Phạm Thu Hương	BM Kế toán doanh nghiệp	Khoa Kinh tế & QTKD
279	Vũ Ngọc Thịnh	BM Kế toán doanh nghiệp	Khoa Kinh tế & QTKD
280	Nguyễn Thị Huyền Trang	BM Kế toán doanh nghiệp	Khoa Kinh tế & QTKD
281	Nguyễn Thục Anh	BM Kế toán doanh nghiệp	Khoa Kinh tế & QTKD
282	Phan Minh Quang	BM Kế toán doanh nghiệp	Khoa Kinh tế & QTKD
283	Nguyễn Văn Bưởi	BM Kinh tế cơ sở	Khoa Kinh tế & QTKD

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 957/ QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khen thưởng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường Đại học";

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Luật Thi đua Khen thưởng số 39/2013/QH 13 ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Thông tư 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của của Nghị định 42/2010/NĐ-CP; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua Khen thưởng 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về công tác Thi đua Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BGDĐT ngày 03/4/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác Thi đua, Khen thưởng trong ngành giáo dục;

Quyết định số 508/MĐC-TĐKT ngày 14/5/2012 của Hiệu trưởng về việc ban hành "Quy định về công tác Thi đua Khen thưởng";

Căn cứ vào biên bản phiên họp Hội đồng Thi đua, khen thưởng Trường ngày 26/6/2015;

Xét đề nghị Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng Trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận các tập thể, cá nhân đạt danh hiệu thi đua năm học 2014-2015 như sau:

1. Tập thể Lao động tiên tiến: 86 đơn vị
2. Chiến sỹ thi đua cơ sở: 147 người
3. Lao động tiên tiến: 648 người

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Kinh phí lấy từ nguồn phí, lệ phí năm 2015 thưởng cho các tập thể, cá nhân được công nhận ở Điều 1 theo các mức sau:

Tập thể lao động tiên tiến:	800.000 đồng /đơn vị
Chiến sỹ thi đua cơ sở:	1.000.000 đồng/người
Lao động tiên tiến:	300.000 đồng/người

Tổng số tiền thưởng là: 410.200.000 đồng *(Bốn trăm mười triệu hai trăm nghìn đồng chẵn).*

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng Phòng Hành chính Tổng hợp, Trưởng phòng Tài vụ, các tập thể và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: TĐKT, HCTH.

HIỆU TRƯỞNG

	Họ và tên	Đơn vị	Tập thể LĐTT	CSTĐ	LĐTT	Tương đương LĐTT	Ghi chú
757	Nguyễn Thị Hồng Loan	Bm Kté cơ sở-Khoa KT&QTKD			x		
758	Trần Anh Dũng	Bm Kté cơ sở-Khoa KT&QTKD			x		
759	Phạm Thu Trang	Bm Kté cơ sở-Khoa KT&QTKD			x		
760	Nguyễn Thanh Thảo	Bm Kté cơ sở-Khoa KT&QTKD			x		
761	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Bm Kté cơ sở-Khoa KT&QTKD			x		
762	Vũ Thị Hiền	Bm Kté cơ sở-Khoa KT&QTKD			x		
763	Vũ Diệp Anh	Bm Kté cơ sở-Khoa KT&QTKD			x		
764	Phương Hữu Tùng	Bm Kté cơ sở-Khoa KT&QTKD		x			
	Bộ môn Kế toán Doanh nghiệp		1	3	15		
765	Nguyễn Duy Lạc	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD		x			
766	Bùi Thị Thu Thuỷ	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD		x			
767	Phí Thị Kim Thư	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
768	Nguyễn Thị Kim Oanh	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
769	Nguyễn Thị Bích Phượng	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
770	Phạm Thị Hồng Hạnh	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
771	Lưu Thị Thu Hà	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
772	Nguyễn Tiến Hưng	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
773	Phạm Minh Hải	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD		x			
774	Phạm Thu Hương	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
775	Nguyễn Minh Thu	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
776	Dương Thị Nhàn	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
777	Nguyễn T Minh Thu	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
778	Đỗ Thị Hương	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
779	Hoàng Thị Thủy	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
780	Vũ Ngọc Thịnh	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
781	Nguyễn Thị Huyền Trang	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
782	Lê Thị Thu Hồng	BM Kế toán DN - Khoa KT&QTKD			x		
	Khoa Công Nghệ thông tin		7	9	52	8	
	Văn phòng khoa			1	2		
783	Nguyễn Thị Loan	TN Công nghệ&xử lý TT-Khoa CNTT		x			
784	Phạm Thị Hương	TN Công nghệ&xử lý TT-Khoa CNTT			x		
785	Nguyễn Đức Quân	TN Công nghệ&xử lý TT-Khoa CNTT			x		
	Bộ môn Tin học Trắc địa		1	1	11	3	
786	Nguyễn Trường Xuân	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x		
787	Trần Trung Chuyên	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x		
788	Nguyễn Quang Khánh	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT		x			
789	Nguyễn Tuấn Anh	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x		
790	Nguyễn Thị Mai Dung	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x		
791	Đoàn Khánh Hoàng	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x		
792	Trần Mai Hương	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x		
793	Ngô Thị Phương Thảo	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x		
794	Diêm Thị Thuỷ	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x		
795	Nguyễn Thị Phấn	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x		
796	Nguyễn Hoàng Long	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT				x	
797	Trần Trường Giang	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x		
798	Trần Thị Hòa	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT				x	
799	Nguyễn Trường Linh	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT				x	
800	Đinh Bảo Ngọc	BM Tin học Trắc địa-Khoa CNTT			x		
	Bộ môn Tin học Kinh tế		1	2	4		
801	Lê Thanh Huệ	BM Tin học Kté -Khoa CNTT		x			

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ KINH DOANH
BỘ MÔN KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2014

BIÊN BẢN HỌP BỘ MÔN

Về việc đề nghị khen thưởng năm học 2013 - 2014

1. Thời gian họp: 14h30 ngày 25/07/2014.
2. Địa điểm: Văn phòng Bộ môn Kế toán doanh nghiệp (P12.07).
3. Chủ tọa: TS Bùi Thị Thu Thuỷ - Trưởng Bộ môn.
4. Thư ký: ThS. Phạm Thu Hương – CBGD
5. Thành phần: Toàn thể cán bộ viên chức Bộ môn
6. Nội dung cuộc họp:

- TS Bùi Thị Thu Thuỷ phổ biến Quy định về công tác Thi đua, Khen thưởng năm học 2013 - 2014.

- Bộ môn thống nhất số lượng đề nghị: Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở 02 đồng chí và 16 đồng chí đạt danh hiệu LĐTT

7. Bỏ phiếu và kết quả kiểm phiếu (số phiếu/tổng số phiếu) của từng trường hợp:

TT	Tên đơn vị cá nhân	Hình thức đề nghị	Số phiếu/ tổng số phiếu	Tỷ lệ %
I	**Danh hiệu tập thể**			
1	Bộ môn KTDN	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	18/18	100
II	**Danh hiệu cá nhân**			
1	Nguyễn Tiến Hưng	CSTĐCS	18/18	100
2	Phạm Minh Hải	CSTĐCS	18/18	100
3	Nguyễn Duy Lạc	LĐTT/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
4	Bùi Thị Thu Thủy	LĐTT/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
5	Phí Thị Kim Thư	LĐTT/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
6	Nguyễn Thị Kim Oanh	LĐTT/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
7	Nguyễn Thị Minh Thu	LĐTT/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ KINH DOANH
BỘ MÔN KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2014

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU

Về việc đề nghị khen thưởng năm học 2013 - 2014

1. Thời gian họp: 14h30 ngày 28/07/2014
2. Địa điểm: Văn phòng Bộ môn Kế toán doanh nghiệp (P12.07).
3. Thành phần ban kiểm phiếu:
   - Ông/Bà Nguyễn Tiến Hưng, Trưởng ban;
   - Ông/Bà Lê Thị Thu Hồng, Ủy viên;
4. Kết quả kiểm phiếu giới thiệu như sau:

   Tổng số triệu tập: 18, số có mặt: 18 (100% số triệu tập)

   Tổng số phiếu phát ra: 18 phiếu,

   Tổng số phiếu thu về: 18 phiếu,

   Số phiếu hợp lệ: 18 phiếu,

   Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu,

   Kết quả kiểm phiếu như sau:
5. Bỏ phiếu và kết quả kiểm phiếu (số phiếu/tổng số phiếu) của từng trường hợp:

TT	Tên đơn vị cá nhân	Hình thức đề nghị	Số phiếu/ tổng số phiếu	Tỷ lệ %
I	**Danh hiệu tập thể**			
1	Bộ môn KTDN	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	18/18	100
II	**Danh hiệu cá nhân**			
1	Nguyễn Tiến Hưng	CSTĐCS	18/18	100
2	Phạm Minh Hải	CSTĐCS	18/18	100
3	Nguyễn Duy Lạc	LĐTT/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
4	Bùi Thị Thu Thủy	LĐTT/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
5	Phí Thị Kim Thư	LĐTT/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1795 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khen thưởng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường Đại học";

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Luật Thi đua Khen thưởng số 39/2013/QH 13 ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về công tác Thi đua Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 35/2015/TT-BGDĐT ngày 31/12/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác Thi đua, Khen thưởng trong ngành Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1515/QĐ-MĐC ngày 01/8/2016 của Hiệu trưởng về việc ban hành "Quy định đánh giá, phân loại và thi đua, khen thưởng";

Theo đề nghị Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng Trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận các tập thể, cá nhân đạt danh hiệu thi đua năm học 2015 - 2016 cụ thể như sau:

1. Tập thể Lao động tiên tiến: 65 đơn vị
2. Chiến sỹ thi đua cơ sở: 98 người
3. Lao động tiên tiến: 356 người
4. Giấy khen Hiệu trưởng: 29 người

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Kinh phí lấy từ nguồn phí, lệ phí năm 2016 thưởng cho các tập thể, cá nhân được công nhận ở Điều 1 theo các mức sau:

1. Tập thể lao động tiên tiến: 800.000 đồng/đơn vị
2. Chiến sỹ thi đua cơ sở: 1.000.000 đồng/người
3. Lao động tiên tiến: 300.000 đồng/người
4. Giấy khen Hiệu trưởng: 200.000 đồng/người

Tổng số tiền thưởng là: 262.600.000 đồng *(Hai trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn).*

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng Phòng Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Tài vụ, các tập thể và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: HCTH,TĐKT(Dương).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PGS.TS Lê Hải An

DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐẠT DANH HIỆU CSTĐ CƠ SỞ

STT	Họ và tên	Đơn vị	Ghi chú
1	Đỗ Ngọc Anh	BM Xây dựng CTN & Mỏ	
2	Lê Hải An	BM Địa vật lý	
3	Đặng Thị Thanh Trâm	BM Đường lối CM của ĐCSVN	
4	Đỗ Văn Bình	BM Địa sinh thái và CNMT	
5	Nguyễn Thế Vinh	BM Khoan - Khai thác	
6	Trần Đình Sơn	BM Cơ lý thuyết	
7	Bùi Xuân Nam	BM Khai thác lộ thiên	
8	Nguyễn Quang Khánh	BM Tin học Trắc địa	
9	Hoàng Văn Long	Phòng KH, CN và HTQT	
10	Nguyễn Văn Lâm	BM Địa chất thủy văn	
11	Lương Quang Khang	BM Tìm kiếm thăm dò	
12	Trần Thùy Dương	BM Địa chính	
13	Triệu Hùng Trường	Phòng Tổ chức - Cán bộ	
14	Trần Thanh Hải	BM Địa chất	
15	Nguyễn Đức Khoát	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	
16	Nguyễn Duy Lạc	BM Kế toán DN	
17	Đỗ Hữu Tùng	BM QTDN Địa chất - DK	
18	Lê Văn Hưng	BM Công nghệ phần mềm	
19	Dương Thúy Hường	BM Ngoại ngữ	
20	Nguyễn Văn Sáng	BM Trắc địa cao cấp	
21	Nhữ Thị Kim Dung	BM Tuyển khoáng	
22	Nguyễn Quang Minh	Phòng KH, CN và HTQT	
23	Lê Đức Vinh	BM Thiết bị DK & CT	
24	Trần Xuân Trường	BM Đo ảnh và Viễn thám	
25	Nguyễn Tiến Dũng	BM Tìm kiếm thăm dò	
26	Nguyễn Hoàng Sơn	BM Tuyển khoáng	
27	Lê Thanh Huệ	BM Tin học Kinh tế	
28	Nguyễn Văn Bưởi	BM Kinh tế cơ sở	
29	Nguyễn Anh Dũng	BM Lọc - Hóa dầu	
30	Nguyễn Thị Lan Hương	BM Toán	
31	Vũ Kim Thư	BM Hóa	
32	Trần Vân Anh	BM Đo ảnh và Viễn thám	
33	Lê Hồng Anh	BM Tin học Mỏ	
34	Khổng Cao Phong	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	
35	Phan Thiên Hương	BM Địa vật lý	
36	Tống Thị Thanh Hương	BM Lọc - Hóa dầu	
37	Bùi Ngọc Quý	BM Trắc địa Bản đồ	
38	Phạm Văn Hòa	BM Khai thác lộ thiên	
39	Võ Trọng Hùng	BM Xây dựng CTN & Mỏ	
40	Nguyễn Quốc Phi	BM Môi trường cơ sở	
41	Công Tiến Dũng	BM Hóa	
42	Lê Đức Tình	BM Trắc địa công trình	
43	Nguyễn Quốc Long	BM Trắc địa Mỏ	
44	Trần Thị Lan Hương	BM Nguyên lý chủ nghĩa Mác - Lê nin	
45	Đặng Văn Kiên	BM Xây dựng CTN & Mỏ	
46	Đào Viết Đoàn	BM Xây dựng CTN & Mỏ	
47	Nguyễn Xuân Mãn	BM Kỹ thuật xây dựng	
48	Lê Tiến Dũng	BM Khoáng thạch và ĐH	
49	Lê Thị Thu	BM Khoáng sản	
50	Đào Đức Bằng	BM Địa chất thủy văn	
51	Đỗ Minh Toàn	BM Địa chất công trình	

	Tô Xuân Vu	BM Địa chất công trình	
	Nguyễn Quốc Hưng	BM Địa chất	
	Bùi Thị Thu Hiền	BM Địa chất	
55	Đặng Văn Chí	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	
56	Đinh Văn Thắng	BM Kỹ thuật điện - ĐT	
57	Trần Bá Trung	BM Máy và TB Mỏ	
58	Nguyễn Hanh Tiến	BM Điện khí hóa	
59	Hồ Việt Bun	BM Điện khí hóa	
60	Nguyễn Hoàng Nam	BM Kỹ thuật Môi trường	
61	Trần Thị Thu Hương	BM Địa sinh thái và CNMT	
62	Lưu Thị Thu Hà	BM Kế toán DN	
63	Đồng Thị Bích	BM QTDN Mỏ	
64	Phạm Kiên Trung	BM QTDN Mỏ	
65	Nguyễn Trần Tuân	BM Khoan - Khai thác	
66	Phạm Xuân Núi	BM Lọc - Hóa dầu	
67	Bùi Thị Lệ Thuỷ	BM Lọc - Hóa dầu	
68	Hoàng Anh Dũng	BM Thiết bị DK & CT	
69	Nguyễn Thanh Tuấn	BM Thiết bị DK & CT	
70	Nguyễn Thị Minh Hồng	BM Địa chất dầu khí	
71	Nguyễn Duy Mười	BM Địa chất dầu khí	
72	Lê Thị Duyên	BM Hóa	
73	Thái Việt Hưng	BM Giáo dục thể chất	
74	Lê Đắc Tuyên	BM Vật lý	
75	Đỗ Thị Hồng Hải	BM Vật lý	
76	Trần Khánh	BM Trắc địa công trình	
77	Nguyễn Quang Thắng	BM Trắc địa công trình	
78	Nguyễn Quang Phúc	BM Trắc địa công trình	
79	Đinh Thị Lệ Hà	BM Trắc địa công trình	
80	Phạm Thị Kim Thoa	BM Địa chính	
81	Trần Xuân Miễn	BM Địa chính	
82	Dương Vân Phong	BM Trắc địa cao cấp	
83	Nguyễn Văn Trung	BM Đo ảnh và Viễn thám	
84	Trần Thanh Hà	BM Đo ảnh và Viễn thám	
85	Lê Văn Cảnh	BM Trắc địa Mỏ	
86	Phạm Công Khải	BM Trắc địa Mỏ	
87	Lưu Anh Tuấn	BM Trắc địa PT & SS	
88	Lê Ngọc Giang	BM Trắc địa PT & SS	
89	Trần Quang Hiếu	BM Khai thác lộ thiên	
90	Bùi Mạnh Tùng	BM Khai thác hầm lò	
91	Đặng Quang Hưng	BM Khai thác hầm lò	
92	Phạm Văn Luận	BM Tuyển khoáng	
93	Phạm Thị Nguyệt	BM Tin học Kinh tế	
94	Nguyễn Thế Bình	BM Tin học Kinh tế	
95	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng Đào tạo Đại học	
96	Phạm Thị Phương Chi	Phòng Tài vụ	
97	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Phòng Tổ chức - Cán bộ	
98	Hà Thị Liễu	Phòng Tổ chức - Cán bộ	

Danh sách cá nhân đề nghị Hiệu trưởng tặng GK

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
1	Phạm Thanh Loan	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	
2	Uông Quang Tuyến	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	
3	Nguyễn Thế Lực	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	
4	Kim Ngọc Linh	BM Kỹ thuật điện - ĐT	
5	Nguyễn Thạc Khánh	BM Kỹ thuật điện - ĐT	
6	Nguyễn Văn Xô	BM Máy và TB Mỏ	
7	Đặng Vũ Đinh	BM Máy và TB Mỏ	
8	Trần Viết Linh	BM Máy và TB Mỏ	
9	Phạm Đức Thiên	BM Kỹ thuật cơ khí	
10	Nguyễn Thanh Tùng	BM Kỹ thuật cơ khí	
11	Bùi Đình Thanh	BM Điện khí hóa	
12	Nguyễn Hanh Tiến	BM Điện khí hóa	
13	Phạm Trung Sơn	BM Điện khí hóa	
14	Ngô Thanh Tuấn	BM Điện khí hóa	
15	Nguyễn Thị Bích Hậu	BM Điện khí hóa	
16	Bùi Thị Thu Hiền	BM Điện khí hóa	
17	Nguyễn Quốc Phi	BM Môi trường cơ sở	
18	Vũ Thị Phương Thảo	BM Địa sinh thái và CNMT	
19	Nguyễn Tiến Hưng	BM Kế toán DN	
20	Nguyễn Thị Kim Oanh	BM Kế toán DN	
21	Nguyễn Thị Bích Ngọc	BM Kinh tế cơ sở	
22	Vũ Diệp Anh	BM Kinh tế cơ sở	
23	Đặng Huy Thái	BM QTDN Mỏ	
24	Nguyễn Thị Hoài Nga	BM QTDN Mỏ	
25	Nguyễn Thanh Thủy	BM QTDN Địa chất - DK	
26	Đinh Thị Lệ Hà	BM Trắc địa công trình	
27	Đỗ Thị Phương Thảo	BM Trắc địa Bản đồ	
28	Lê Văn Hưng	BM Công nghệ phần mềm	
29	Lê Hồng Anh	BM Tin học Mỏ	

71	Đoàn Văn Giáp	BM Máy và TB Mỏ	
72	Vũ Nam Ngạn	BM Máy và TB Mỏ	
73	Nguyễn Thế Hoàng	BM Máy và TB Mỏ	
74	Trần Việt Linh	BM Máy và TB Mỏ	
75	Nguyễn Thanh Tùng	BM Kỹ thuật cơ khí	
76	Lê Quang Thinh	BM Kỹ thuật cơ khí	
77	Bùi Minh Hoàng	BM Kỹ thuật cơ khí	
78	Phạm Đức Thiên	BM Kỹ thuật cơ khí	
79	Nguyễn Duy Chinh	BM Kỹ thuật cơ khí	
80	Lê Xuân Thành	BM Điện khí hóa	
81	Nguyễn Anh Nghĩa	BM Điện khí hóa	
82	Ngô Thanh Tuấn	BM Điện khí hóa	
83	Nguyễn T Bích Hậu	BM Điện khí hóa	
84	Bùi Thị Thu Hiền	BM Điện khí hóa	
85	Lê Văn Tuấn	BM Điện khí hóa	
86	Đỗ Như Ý	BM Điện khí hóa	
87	Phạm Trung Sơn	BM Điện khí hóa	
88	Bùi Đình Thanh	BM Điện khí hóa	
89	Phan Quang Văn	BM Kỹ thuật Môi trường	
90	Đào Đình Thuần	BM Kỹ thuật Môi trường	
91	Đỗ Văn Nhuận	BM Môi trường cơ sở	
92	Nguyễn Phương	BM Môi trường cơ sở	
93	Nguyễn Quang Minh	BM Địa sinh thái và CNMT	
94	Vũ T Phương Thảo	BM Địa sinh thái và CNMT	
95	Trần T Thanh Thủy	BM Địa sinh thái và CNMT	
96	Nguyễn Mai Hoa	BM Địa sinh thái và CNMT	
97	Đỗ Thị Hải	BM Địa sinh thái và CNMT	
98	Đỗ Cao Cường	BM Địa sinh thái và CNMT	
99	Trần Hồng Hà	BM Địa sinh thái và CNMT	
100	Trần Thị Kim Hà	BM Địa sinh thái và CNMT	
101	Phạm Khánh Huy	BM Địa sinh thái và CNMT	
102	Phạm Thị Hồng Hạnh	BM Kế toán DN	
103	Nguyễn T Bích Phượng	BM Kế toán DN	
104	Nguyễn Tiến Hưng	BM Kế toán DN	
105	Nguyễn Thị Kim Oanh	BM Kế toán DN	
106	Phạm Minh Hải	BM Kế toán DN	
107	Phạm Thu Hương	BM Kế toán DN	
108	Lê Thị Thu Hồng	BM Kế toán DN	
109	Nguyễn T Huyền Trang	BM Kế toán DN	
110	Vũ Ngọc Thịnh	BM Kế toán DN	
111	Phan Minh Quang	BM Kế toán DN	
112	Nguyễn Minh Thu	BM Kế toán DN	
113	Phí Thị Kim Thư	BM Kế toán DN	
114	Bùi Thị Thu Thủy	BM Kế toán DN	
115	Nguyễn Thị Bích Ngọc	BM Kinh tế cơ sở	
116	Trần Anh Dũng	BM Kinh tế cơ sở	
117	Phí Mạnh Cường	BM Kinh tế cơ sở	
118	Vũ Diệp Anh	BM Kinh tế cơ sở	
119	Đặng Huy Thái	BM QTDN Mỏ	
120	Nguyễn Thị Hoài Nga	BM QTDN Mỏ	
121	Nguyễn Ngọc Khánh	BM QTDN Mỏ	
122	Đào Anh Tuấn	BM QTDN Mỏ	
123	Lê Thị Thu Hường	BM QTDN Mỏ	
124	Nguyễn Đức Thắng	BM QTDN Mỏ	
125	Nguyễn Thị Hường	BM QTDN Mỏ	
126	Lê Đình Chiều	BM QTDN Mỏ	
127	Lê Văn Chiến	BM QTDN Mỏ	
128	Nguyễn Văn Thường	BM QTDN Mỏ	
129	Phan Thị Thái	BM QTDN Địa chất - DK	
130	Nguyễn Thị Kim Ngân	BM QTDN Địa chất - DK	
131	Nguyễn Đức Thành	BM QTDN Địa chất - DK	
132	Nguyễn Thu Hà	BM QTDN Địa chất - DK	
133	Phạm Ngọc Tuấn	BM QTDN Địa chất - DK	
134	Kim Mạnh Tuấn	BM QTDN Địa chất - DK	
135	Nguyễn Văn Thịnh	BM QTDN Địa chất - DK	
136	Nguyễn Thanh Thủy	BM QTDN Địa chất - DK	
137	Trương Thị Chinh	BM Địa vật lý	
138	Trần Quang Trung	BM Địa vật lý	
139	Phan Thị Hồng	BM Địa vật lý	
140	Phạm Ngọc Kiên	BM Địa vật lý	
141	Trần Đình Kiên	BM Khoan - Khai thác	
142	Lê Quang Duyên	BM Khoan - Khai thác	
143	Hồ Quốc Hoa	BM Khoan - Khai thác	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Đơn vị: Bộ môn Kế toán doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC SÁNG KIẾN GIAI ĐOẠN 2014- 2018

STT	Họ và tên	Tên sáng kiến	Năm học
1	Phạm Thị Hồng Hạnh	Tăng cường vận dụng phương pháp thảo luận theo nhóm trong giảng dạy môn Kế toán xây dựng cơ bản	2013-2014
2	Phạm Thị Hồng Hạnh	Tăng cường vận dụng phương pháp thảo luận thông qua các văn bản quy định về hệ thống thuế Việt Nam trong môn học Thuế.	2014-2015
3	Bùi Thị Thu Thủy	Thảo luận thông tư 200/2014-BTC và so sánh với chế độ kế toán theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC nhằm tăng cường tính chủ động, tự học của sinh viên chuyên ngành kế toán.	2014-2015
4	Dương Thị Nhàn	Sử dụng chứng từ thực tế tại các NHTM trong việc giảng dạy theo nhóm ở môn học Thanh toán quốc tế	2015-2016
5	Bùi Thị Thu Thủy	Xây dựng tình huống pháp luật trong giảng dạy môn pháp luật kinh doanh cho các lớp cao học	2016-2017
6	Lưu Thị Thu Hà	Ứng dụng mô hình quản trị dòng tiền trong giảng dạy môn học tài chính doanh nghiệp	2016-2017
7	Nguyễn Thị Bích Phượng	Mô phỏng tổ chức công tác kế toán thuế trong doanh nghiệp và hướng dẫn sinh viên thực hành trong điều kiện doanh nghiệp giả định	2016-2017
8	Nguyễn Thị Minh Thu	Áp dụng phương pháp giảng dạy tương tác nhằm nâng cao tính tích cực và khả năng tiếp thu kiến thức của sinh viên	2016-2017
9	Nguyễn Tiến Hưng	Nghiên cứu ứng dụng phương pháp chứng từ kế toán trong giảng dạy môn học Nguyên lý kế toán	2016-2017
10	Phạm Thị Hồng Hạnh	Đưa ra các tình huống trong thực tế của môn học Kế toán xây dựng cơ bản cho sinh viên thảo luận giải quyết vấn đề.	2016-2017

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA KINH TẾ - QTKD

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2015

BÁO CÁO SÁNG KIẾN TRONG GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2014 – 2015

Tên sáng kiến: Tăng cường vận dụng phương pháp thảo luận thông qua các văn bản quy định về hệ thống thuế Việt Nam trong môn học Thuế.

Đặt vấn đề:

Thuế là môn học chuyên ngành của ngành Kế toán doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Hệ thống thuế của Việt Nam, giúp sinh viên có thể hiểu và nắm rõ từng luật thuế. Đây là môn học có nhiều nội dung đòi hỏi có sự vận dụng kiến thức thực tế và tuân thủ theo các văn bản pháp luật quy định như các luật Thuế, các Nghị Định, Thông tư hướng dẫn, song trên thực tế sinh viên không có điều kiện tiếp cận cụ thể, bằng phương pháp tăng cường thảo luận các văn bản này trên lớp dưới sự hỗ trợ của giáo viên sẽ giúp sinh viên tiếp cận tốt hơn kiến thức và nắm rõ hơn các quy định hiện hành về Thuế.

Nội dung sáng kiến:

Trước khi bắt đầu học một sắc thuế, yêu cầu sinh viên tìm hiểu tất cả các văn bản pháp luật quy định về luật thuế đó, sau đó giáo viên hướng dẫn nội dung và yêu cầu sinh viên thảo luận từng nội dung trong mỗi sắc thuế thông qua các văn bản quy định có sự so sánh giữa quy định trước đây với quy định hiện hành. Cụ thể:

- Với mỗi sắc thuế yêu cầu sinh viên tổng hợp kiến thức lý thuyết và tìm hiểu thông tin thực tế về việc thực hiện sắc thuế đó hiện nay để đưa ra trao đổi thảo luận trên lớp.
- Giáo viên sẽ đặt các câu hỏi liên quan đến nội dung thảo luận, trên cơ sở các trao đổi và trả lời câu hỏi của sinh viên , giáo viên sẽ tổng hợp lại và kết luận cuối cùng về nội dung của sắc thuế vừa trao đổi.
- Kết thúc môn học sẽ tổ chức một buổi tổng hợp lại tất cả các nội dung đã trao đổi, thảo luận ở từng sắc thuế và giải thích tất cả các vướng mắc còn lại của sinh viên trong quá trình học tập môn Thuế.

Kết quả:

Với phương pháp trên sinh viên có điều kiện tiếp cận gần hơn với các văn bản quy định và thực tiễn, củng cố chắc hơn kiến thức lý thuyết đã được học, giúp sinh viên nắm chắc kiến thức và hiểu rõ hơn bản chất của từng sắc thuế , từ đó có khả năng vận dụng tốt hơn vào thực tế sau khi tốt nghiệp đi làm.

Người viết sáng kiến

Phạm Thị Hồng Hạnh

Xác nhận của hội đồng KH khoa Kinh tế - QTKD

Nguyễn Duy Lạc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Đơn vị: Bộ môn Kế toán doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2017

PHIẾU ĐĂNG KÝ SÁNG KIẾN
Cấp đơn vị/Cấp trường

Họ và tên người đăng ký: Phạm Thị Hồng Hạnh

Chức vụ: Phó chủ nhiệm Bộ môn

Đơn vị công tác: Bộ môn Kế toán doanh nghiệp

Nhiệm vụ được giao trong đơn vị: Cán bộ giảng dạy, Phó chủ nhiệm bộ môn.

Tên sáng kiến: Đưa ra các tình huống trong thực tế của môn học Kế toán xây dựng cơ bản cho sinh viên thảo luận giải quyết vấn đề.

1. Tóm tắt nội dung sáng kiến:

Giảng viên nêu các tình huống thực tế trong kế toán xây dựng cơ bản và yêu cầu sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để giải quyết vấn đề. Mục đích chính của phương pháp này là qua các tình huống để miêu tả, trao đổi kinh nghiệm về cách thức giải quyết vấn đề thực tế giúp sinh viên kết nối kiến thức lý luận vào thực tế. Bằng những tình huống khác nhau phải giải quyết trong khoảng thời gian nhất định, người học được đặt vào vị trí cần phải đưa ra quyết định hoặc kêu gọi sự hỗ trợ của các thành viên trong nhóm để tìm hướng giải quyết hợp lý. Sự đa dạng của các tình huống đưa ra không chỉ khuyến khích người học phát huy tính chủ động, óc sáng tạo mà còn đem đến sự thoải mái, sảng khoái về mặt tinh thần khi tham dự lớp. Yếu tố này làm người học có thể tiếp thu nội dung kiến thức bài giảng dễ dàng, sâu hơn các phương pháp giảng dạy truyền thống.

2. Thời gian, địa điểm, công việc áp dụng sáng kiến:

Sáng kiến áp dụng trong giảng dạy môn học Kế toán xây dựng cơ bản năm học 2016-2017 cho các lớp sinh viên ngành Kế toán.

3. Đơn vị áp dụng sáng kiến:

Bộ môn Kế toán doanh nghiệp

Trưởng Đơn vị

Nguyễn Duy Lạc

Người đăng ký

Phạm Thị Hồng Hạnh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Đơn vị: Bộ môn Kinh tế Cơ Sở

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnhphúc

BẢNG TỔNG DANH MỤC SÁNG KIẾN GIAI ĐOẠN 2014- 2018

STT	Họ và tên	Tên sáng kiến	Năm học
1	Vũ Diệp Anh	Nghiên cứu vận dụng các công cụ của các phần mềm hiện có để giải quyết các bài toán kinh tế trong môn học kinh tế lượng	2013 – 2014
2	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nghiên cứu vận dụng các công cụ của các phần mềm hiện có để giải quyết các bài toán kinh tế trong các môn học	2013 – 2014
3	Nguyễn Văn Bưởi	Áp dụng phương pháp giảng dạy casestudy trong môn Thống kê kinh tế doanh nghiệp	2015 – 2016
4	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Tận dụng triệt để ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong giảng dạy và đào tạo cao học	2015 – 2016
5	Phương Hữu Tùng	Tăng cường khả năng tự nghiên cứu cho sinh viên khi tham gia học phần Kinh doanh quốc tế	2015 -2016
7	Trần Anh Dũng	Đưa các ví dụ thực tế từ các doanh nghiệp vào bài giảng học phần Mô hình toán kinh tế giúp sinh viên làm quen và giải quyết được các bài toán trong thực tế	2015 - 2016
6	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Tuỳ thuộc vào đối tượng học để áp dụng các phương pháp quản lý lớp, truyền đạt và trao đổi kiến thức cho phù hợp	2016 -2017
7	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Tổ chức các buổi sinh hoạt học thuật để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về ứng dụng bảng tính điện tử Microsoft Excel trong thực tế quản trị kinh doanh của các doanh nghiệp	2017 - 2018

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2018

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Vũ Diệp Anh

NGƯỜI TỔNG HỢP

Nguyễn Thị Ngọc Anh

Mẫu số 3

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI SÁNG KIẾN

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Ngọc
Đơn vị công tác: Bộ môn Kinh tế cơ sở, Khoa Kinh tế- Quản trị kinh doanh

STT	Nội dung sáng kiên, áp dụng công nghệ, các giải pháp trong quản lý đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, xây dựng văn bản quản lý…	Ưu điểm hoặc điểm khắc phục
1	Tận dụng triệt để ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong giảng dạy và đào tạo cao học: - Xây dựng hộp thư chung giữa giáo viên và lớp để chia sẻ thông tin về các vấn đề có liên quan đến chương trình đào tạo và nội dung bài giảng - Việc giao/nhận tiểu luận môn học được gửi qua email. Tạo thư mục riêng cho tiểu luận của mỗi lớp. Giáo viên chấm tiểu luận, ghi các đánh giá và nhận xét vào từng nội dung trong tiểu luận của mỗi học viên và gửi lại kết quả chấm (file tiểu luận đã có nhận xét đánh giá của giáo viên) - Cải tiến cách tỏ chức dữ liệu bài tiểu luận của sinh viên trên máy tính: Tạo thư mục, đặt tên cho các file tiểu luận của mỗi học viên sao cho luôn dễ dàng tìm kiếm, sắp xếp: VD: 01_TieuLuan_THTQLKT_NguyenThiBichNgoc_31A Trong đó: 01	*** Ưu điểm:** - Tiết kiệm chi phí in ấn tiểu luận, chi phí vận chuyển,.. - Đẩy nhanh tiến độ làm, nộp và chấm - Giúp học viên nắm bắt rõ hơn những vấn đề còn tồn tại trong tiểu luận nhờ những nhận xét đánh giá mà giáo viên ghi trong từng tiểu luận và gửi lại - Đảm bảo công bằng, minh bạch trong đánh giá kết quả học của học viên *** Điểm cần khắc phục:** - Sự rò rỉ thông tin, học viên có thể dễ dang sao chép các bài của nhau Khắc phục: Tiểu luận được gửi về hộp thư cá nhân của cán bộ lớp (chứ không gửi về hộp thư chung của lớp) hoặc hộp thư cá nhân của giáo viên

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2016

Trưởng đơn vị

Nguyễn Duy Lạc

Người kê khai

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Mẫu số 3

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI SÁNG KIẾN

Họ và tên: Nguyễn Văn Bưởi
Đơn vị công tác: Bộ môn Kinh tế cơ sở, Khoa Kinh tế- Quản trị kinh doanh

STT	Nội dung sáng kiến, áp dụng công nghệ, các giải pháp trong quản lý đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, xây dựng văn bản quản lý…	Ưu điểm hoặc điểm khắc phục
1	Áp dụng phương pháp giảng dạy castady trong môn Thống kê kinh tế doanh nghiệp	
2		
3		

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 .năm 2016

Trưởng đơn vị

Nguyễn Duy Lạc

Người kê khai

Ng văn Bưởi

BẢNG KÊ KHAI SÁNG KIẾN, CẢI TIẾN KỸ THUẬT HOẶC ÁP DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI NHẰM NÂNG CAO NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG

Họ và tên: VŨ DIỆP ANH
Đơn vị công tác:BỘ MÔN KINH TẾ CƠ SỞ

Năm học	Nội dung sáng kiến, áp dụng công nghệ, các giải pháp trong quản lý đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy	Cấp đánh giá
2013-2014	1. Sáng kiến. cải tiến:	Khoa và Bộ môn
	2. Áp dụng công nghệ mới	
	3. Đổi mới phương pháp giảng dạy. công tác quản lý giáo dục đào tạo có hiệu quả - **Sáng kiến:** Áp dụng phương pháp giảng dạy mới theo hướng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết các vấn đề kinh tế **Chủ đề:** Nghiên cứu vận dụng các công cụ của các phần mềm hiện có để giải quyết các bài toán kinh tế trong môn học kinh tế lượng **Yêu cầu:** -Sinh viên cần nắm vững cơ sở lý luận của các bài toán tương ứng. -Nghiên cứu: Với môn học kinh tế lượng tại trường Đại học Mỏ - Địa chất sinh viên chủ yếu được học về lý thuyết mà chưa có thực hành nhiều đối với việc ứng dụng các phần mềm để giải các bài toán kinh tế. Và do đó. sinh viên chỉ có thể giải được các bài toán 2 hoặc 3 biến. Nhưng với những bài toán có nhiều biến độc lập hơn thì các em không thể giải bằng cách thu công được. Chính vì vậy. việc cho sinh viên làm quen với việc vận dụng những công cụ tính toán hiện đại là cần thiết đối với sinh viên khi còn đang ngồi trên ghế nhà trường và cả khi ra trường. Tuy nhiên. cần có sự lựa chọn các công cụ phù hợp với trình độ của sinh viên và phù hợp với yêu cầu thực tế của các doanh nghiệp hiện nay. **Nội dung:** - Giới thiệu và hướng dẫn sinh viên sử dụng các phần mềm Excel. SPSS và STATA để giải các bài toán kinh tế khi học môn kinh tế lượng. **Đơn vị áp dụng:** Các sinh viên của Khoa Kinh tế Quản trị kinh tế. hệ đào tạo chính quy Hà Nội. **Hiệu quả:**- Sinh viên hứng thú học tập và tìm tòi sáng tạo - Kết hợp giữa lý thuyết và phương tiện tính toán. phân tích - Làm quen với công việc nghiên cứu chuyên ngành - Một nhóm sinh viên đã đạt giải 3 trong Hội nghị nghiên cứu khoa học sinh viên lần 27 của trường với đề tài "Vận dụng mô hình kinh tế lượng trong phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thương mại song phương của Việt Nam". Trong đề tài này. nhóm đã sử dụng phần mềm SPSS để phân tích.	

Ngày...31....tháng...5...năm 2014

Hội đồng cơ sở đánh giá xác nhận

Nguyễn Duy Lạc

Người kê khai

Vũ Diệp Anh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Đơn vị: Khoa Kinh tế - QTKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2017

PHIẾU ĐĂNG KÝ SÁNG KIẾN
Cấp đơn vị/Cấp trường

Họ và tên người đăng ký: **Nguyễn Thị Bích Ngọc**

Chức vụ: Giảng viên chính

Đơn vị công tác: Bộ môn Kinh tế cơ sở, Khoa Kinh tế - QTKD

Nhiệm vụ được giao trong đơn vị: Cán bộ giảng dạy

Tên sáng kiến: "***Tổ chức các buổi sinh hoạt học thuật để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về ứng dụng bảng tính điện tự Microsoft Excel trong thực tế quản trị kinh doanh của các doanh nghiệp***"

1. Tóm tắt nội dung sáng kiến:

Excel là một chương trình xử lý bảng tính nằm trong bộ Microsoft Office của hãng phần mềm nổi tiếng thế giới Microsoft được thiết kế để giúp lưu trữ, kết xuất các báo cáo thống kê. Hiện nay, tại các doanh nghiệp, ứng dụng bảng tính Excel là đương nhiên và không thể thiếu trong mọi lĩnh vực quản trị, từ quản trị theo dõi tình hình sử dụng lao động, vật tư, chi phí, máy móc thiết bị,... đến tập hợp chi phí và "làm kế toán bằng Excel". Sở dĩ Excel được các doanh nghiệp lựa chọn để lưu trữ thông, xử lý dữ liệu, tính toán, lập báo cáo, quản lý công việc bởi đây là phần mềm tương đối rẻ nhưng lại sử dụng rất linh hoạt và đặc biệt là hiệu quả và chính xác.

Với mục đích nâng cao trình độ, kĩ năng sử dụng thành thạo Excel để khi tốt nghiệp, sinh viên, không chỉ ngành Kinh tế - Quản trị kinh doanh, mà của các ngành khác trong trường Đại học Mỏ Địa chất, có thể bắt tay ngay vào việc, giải quyết được những vấn đề trong thực tiễn mà trong lý thuyết chưa trang bị cho sinh viên, chúng tôi tổ chức các buổi sinh hoạt dành cho những người đam mê về Excel với tên: "Excel, có thể những điều bạn muốn biết thêm"

- **Thành phần**: thầy/cô và các em sinh viên cùng có niềm đam mê về Excel và cần Excel cho công việc hiện tại và sau này.

- **Nội dung sinh hoạt**:

+ Truyền đạt kiến thức cơ bản đến nâng cao có ứng dụng cao trong thực tiễn;

+ Hướng dẫn cách tư duy để vận dụng các công thức hàm trong excel;

+ Giải đáp các vướng mắc mà sinh viên đang gặp phải trong quá trình sử dụng excel;

+ Chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm có từ thực tế ứng dụng excel tại các doanh nghiệp mà báo cáo viên đã có dịp trải nghiệm;

+ Liên hệ việc ứng dụng excel trong công việc thực tế như kế toán, quản trị,...

- **Mục đích**:

+ Nâng cao kĩ năng ứng dụng thành thạo excel trong công việc của đối tượng sử dụng;

BẢNG KÊ KHAI SÁNG KIẾN, CẢI TIẾN KỸ THUẬT HOẶC ÁP DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI NHẰM NÂNG CAO NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG

Họ và tên:.....Nguyễn Thị Bích Ngọc
Đơn vị công tác:.....BỘ MÔN KINH TẾ CƠ SỞ

Năm học	Nội dung sáng kiến, áp dụng công nghệ, các giải pháp trong quản lý đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy	Cấp đánh giá
2013-2014	1. Sáng kiến, cải tiến:	Khoa và Bộ môn
	2. Áp dụng công nghệ mới	
	3. Đổi mới phương pháp giảng dạy, công tác quản lý giáo dục đào tạo có hiệu quả - **Sáng kiến:** Áp dụng phương pháp giảng dạy mới theo hướng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết các vấn đề kinh tế **Chủ đề:** Nghiên cứu vận dụng các công cụ của các phần mềm hiện có để giải quyết các bài toán kinh tế trong các môn học: Toán kinh tế, thống kê kinh tế, tin học ứng dụng, phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh,... **Yêu cầu:** -Sinh viên cần nắm vững cơ sở lý luận của các bài toán tương ứng -Nghiên cứu : Công nghệ thông tin ngày càng phát triển với những tiện ích vô cùng phong phú để giải quyết các bài toán kinh tế. Việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại không chỉ trên lý thuyết mà còn là thực tiễn đòi hỏi trong quản lý kinh tế ở các doanh nghiệp. Vì vậy, cho sinh viên làm quen với việc vận dụng những công cụ tính toán hiện đại là yêu cầu bức thiết đối với sinh viên khi ra trường. Tuy nhiên, cần có sự lựa chọn các công cụ phù hợp với trình độ của sinh viên và phù hợp với yêu cầu thực tế của các doanh nghiệp hiện nay. **Nội dung:** - Giới thiệu và hướng dẫn sinh viên trên phòng thực nghiệm các công cụ giải các bài toán kinh tế **Đơn vị áp dụng:** Các sinh viên của Khoa Kinh tế Quản trị kinh tế, hệ đào tạo chính quy Hà Nội. **Hiệu quả:**-Sinh viên hứng thú học tập và tìm tòi sáng tạo - Kết hợp giữa lý thuyết và phương tiện tính toán, phân tích - Làm quen với công việc nghiên cứu chuyên ngành.	

Ngày...31...tháng...5...năm 2014

Hội đồng cơ sở đánh giá xác nhận

Nguyễn Duy Lạc

Người kê khai

Nguyễn Thị Bích Ngọc

BẢNG KÊ KHAI SÁNG KIẾN, CẢI TIẾN KỸ THUẬT HOẶC ÁP DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI NHẰM NÂNG CAO NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG

Họ và tên: VŨ DIỆP ANH
Đơn vị công tác:BỘ MÔN KINH TẾ CƠ SỞ

Năm học	Nội dung sáng kiến, áp dụng công nghệ, các giải pháp trong quản lý đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy	Cấp đánh giá
2013-2014	1. Sáng kiến. cải tiến:	Khoa và Bộ môn
	2. Áp dụng công nghệ mới	
	3. Đổi mới phương pháp giảng dạy. công tác quản lý giáo dục đào tạo có hiệu quả - **Sáng kiến:** Áp dụng phương pháp giảng dạy mới theo hướng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết các vấn đề kinh tế **Chủ đề:** Nghiên cứu vận dụng các công cụ của các phần mềm hiện có để giải quyết các bài toán kinh tế trong môn học kinh tế lượng **Yêu cầu:** -Sinh viên cần nắm vững cơ sở lý luận của các bài toán tương ứng. -Nghiên cứu: Với môn học kinh tế lượng tại trường Đại học Mo - Địa chất sinh viện chủ yếu được học về lý thuyết mà chưa có thực hành nhiều đối với việc ứng dụng các phần mềm để giải các bài toán kinh tế. Và do đó. sinh viên chỉ có thể giải được các bài toán 2 hoặc 3 biến. Nhưng với những bài toán có nhiều biến độc lập hơn thì các em không thể giải bằng cách thu công được. Chính vì vậy. việc cho sinh viên làm quen với việc vận dụng những công cụ tính toán hiện đại là cần thiết đối với sinh viên khi còn đang ngồi trên ghế nhà trường và cả khi ra trường. Tuy nhiên. cần có sự lựa chọn các công cụ phù hợp với trình độ của sinh viên và phù hợp với yêu cầu thực tế của các doanh nghiệp hiện nay. **Nội dung:** - Giới thiệu và hướng dẫn sinh viên sử dụng các phần mềm Excel. SPSS và STATA để giải các bài toán kinh tế khi học môn kinh tế lượng. **Đơn vị áp dụng:** Các sinh viên của Khoa Kinh tế Quản trị kinh tế. hệ đào tạo chính quy Hà Nội. **Hiệu quả:**- Sinh viên hứng thú học tập và tìm tòi sáng tạo - Kết hợp giữa lý thuyết và phương tiện tính toán. phân tích - Làm quen với công việc nghiên cứu chuyên ngành - Một nhóm sinh viên đã đạt giải 3 trong Hội nghị nghiên cứu khoa học sinh viên lần 27 của trường với đề tài "Vận dụng mô hình kinh tế lượng trong phân tích các nhân tố anh hương đến thương mại song phương của Việt Nam". Trong đề tài này. nhóm đã sư dụng phần mềm SPSS đê phân tích.	

Ngày ...31.... tháng ...5... năm 2014

Hội đồng cơ sở đánh giá xác nhận

Nguyễn Duy Lạc

Người kê khai

Vũ Diệp Anh

Họ và tên: Trần Anh Dũng
Bộ môn Kinh tế Cơ sở
Khoa Kinh tế & QTKD
Chức danh: Giảng viên

THUYẾT MINH SÁNG KIẾN

Tên sáng kiến:

"Đưa các ví dụ thực tế từ các doanh nghiệp vào bài giảng học phần ***Mô hình toán kinh tế*** giúp sinh viên làm quen và giải quyết được các bài toán trong thực tế"

Học phần ***Mô hình toán kinh tế*** giúp sinh viên hiểu rõ và áp dụng vào việc giải các bài toán kinh tế trong thực tế, từ đó có thể đưa ra những quyết định chính xác giúp Doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả hơn. Để có thể hiểu rõ và áp dụng được học phần Mô hình toán kinh tế vào thực tế đòi hỏi sinh viên phải xử lý các ví dụ trong bài giảng được đưa ra trong quá trình học, việc thực hành này rất quan trọng đối với sinh viên. Qua nhiều năm giảng dạy môn học này, tôi nhận thấy các ví dụ trong bài giảng chủ yếu là những ví dụ nhỏ mang tính lý thuyết khiến cho sinh viên thiếu kinh nghiệm giải quyết những bài toán phức tạp trong thực tế. Chính vì thế khi ra trường sinh viên rất bỡ ngỡ và phải mất nhiều thời gian trong việc làm quen và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tế công việc.

Để giải quyết vấn đề này, tôi đã tìm hiểu thực tế ở một số Doanh nghiệp và lấy ra một số ví dụ đặc trưng để đưa vào bài giảng cho sinh viên thực hành. Điều này khiến cho sinh viên làm quen sớm với các tình huống trong thực tế do đó khi ra trường sinh viên có thể giải quyết công việc tốt hơn.

Ý kiến của đơn vị quản lý
Bộ môn Kinh tế Cơ sở

Người khai

Trần Anh Dũng

Xác nhận của Khoa

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA KINH TẾ - QTKD
BỘ MÔN KINH TẾ CƠ SỞ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2016

BẢNG KÊ KHAI SÁNG KIẾN

Kính gửi: **Hội đồng thi đua khen thưởng Trường Đại học Mỏ - Địa Chất**
Hội đồng thi đua khen thưởng Khoa Kinh tế - QTKD

Tên tôi là: **Phương Hữu Từng** Chức danh: **Giảng viên**

Đơn vị công tác: **Bộ môn Kinh tế cơ sở, Khoa Kinh tế-Quản trị kinh doanh**

Tên sáng kiến: **"Tăng cường khả năng tự nghiên cứu cho sinh viên khi tham gia học phần Kinh doanh quốc tế (Mã MH: 4070109)".**

Năm học 2015 - 2016, tôi được Bộ môn Kinh tế cơ sở phân công giảng dạy môn ***Kinh doanh quốc tế***. Trong quá trình giảng dạy môn này tôi đã áp dụng phương pháp giảng dạy mới. Nội dung của phương pháp giảng dạy mới như sau:

- *Cơ sở lý luận*:

Giáo dục đại học hiện nay đang phát triển theo xu hướng: Toàn cầu hóa, dân chủ hóa và công nghệ hóa. Những xu thế này đã đặt ra yêu cầu đối với giáo dục đại học là phải chuyển từ mô hình "*lấy người dạy là trung tâm*" sang mô hình "*lấy người học làm trung tâm*". Việc chuyển mô hình này làm cho người học chuyển từ tiếp thu kiến thức một cách thụ động sang tiếp thu kiến thức một cách chủ động thông qua việc chủ động nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Đây là một vấn đề hết sức cần thiết trong giai đoạn hiện nay khi cách mạng khoa học công nghệ đang bùng nổ, nó đòi hỏi con người phải biết giải quyết trúng, nhanh chóng, sáng tạo các vấn đề đặt ra trong cuộc sống. Với mô hình "*lấy người học làm trung tâm*" đòi hỏi sinh viên phải có khả năng tự học và chủ động nghiên cứu.

- *Cơ sở thực tiễn*:

Trong quá trình giảng dạy, tôi nhận thấy rằng khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên trường Đại học Mỏ - Địa chất nói chung và của sinh viên Khoa Kinh tế - QTKD nói riêng chưa thực sự chủ động tìm hiểu tích lũy kiến thức. Lý do của vấn đề trên chủ yếu do sinh viên chưa quen với việc tự học, tự nghiên cứu nên khi bắt tay vào tự học thì sinh viên gặp phải các trở ngại về quan điểm, tư tưởng và tâm lý.

Xuất phát từ cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn nên trong quá trình giảng dạy môn ***Kinh doanh quốc tế*** tôi đã áp dụng phương pháp mới làm tăng khả năng tự học và nâng cao tính sáng tạo của sinh viên trong việc vận dụng kiến thức vào thực tế:

- Khi bắt đầu bắt tay vào tự học, nhiều sinh viên cho rằng tự học rất khó, chỉ có những người thông minh lại có bản lĩnh thì mới tự học được. Khắc phục vấn đề này có ý nghĩa rất quan trọng nhằm tạo lập niềm tin cho sinh viên. Để giải quyết vấn đề này,

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 6 tháng 6 năm 2017

BÁO CÁO SÁNG KIẾN CẢI TIẾN PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Ngọc

Học hàm: Giảng viên chính

Đơn vị: Bộ môn Kinh tế cơ sở - Khoa Kinh tế Quản trị kinh doanh

Trong năm học 2016 – 2017, tôi luôn cố gắng tìm tòi cải tiến phương pháp giảng dạy nhằm mang lại hiệu quả cao hơn trong quá trình dạy học. Sáng kiến cải tiến đó là: "Tùy thuộc vào đối tượng học để áp dụng các phương pháp quản lý lớp, truyền đạt và trao đổi kiến thức cho phù hợp". Đối tượng học trong năm học vừa qua của tôi chủ yếu là sinh viên hệ vừa học vừa làm và hệ đào tạo chính quy. Tôi đã thực hiện như sau:

* Với sinh viên hệ đào tạo vừa học vừa làm, thời gian chuẩn bị bài, ôn luyện kiến thức và làm bài tập theo lý thuyết đã nghe trên lớp của sinh viên không nhiều. Hơn nữa, thời lượng học của hệ đào tạo vừa học vừa làm chỉ bằng 70% so với hệ đào tạo chính quy với cùng khối lượng kiến thức cần truyền tải theo yêu cầu của chương trình đào tạo. Vì vậy, để tiết kiệm thời gian điểm danh trên lớp và đặt ra yêu cầu để sinh viên dành thời gian ôn luyện kiến thức đã học một cách liên tục, cuối mỗi buổi học, một bài tập hoặc một câu hỏi suy luận được đặt ra. Sinh viên sẽ làm bài trên giấy trong thời gian từ 5 đến 7 phút. Giáo viên sẽ chữa bài ngay sau khi thu bài trong 3 phút. Chấm bài kiểm tra, giáo viên vừa có thông tin để theo dõi tình hình lên lớp của sinh viên, vừa theo dõi được lực học và tạo thói quen học tập theo quá trình (chứ không để đến khi thi, sinh viên mới ôn bài, làm bài tập). Như vậy, mỗi buổi học, thời gian cho công việc này chỉ mất 10phút nhưng, theo tôi, hiệu quả công việc tương đối tốt. Trong năm học, với phương pháp đó, kết quả học tập của sinh viên và mức độ chăm chỉ nghiêm túc của sinh viên khi lên lớp đã được cải thiện rõ rệt.

Tuy nhiên, giáo viên sẽ mất thời gian sau giờ lên lớp nhiều hơn để chấm, vào điểm và theo dõi.

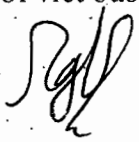
Với sinh viên hệ chính quy, có điều kiện nhiều hơn về thời gian và khả năng tự học, tự nghiên cứu, ngoài việc thực hiện các bài kiểm tra rất ngắn như trên, tôi thường đưa ra các chủ đề theo nội dung môn học (đặc biệt là môn Kinh tế học vĩ mô). Sinh viên sẽ viết bài luận theo các chủ đề được giới thiệu, hướng dẫn cách nghiên cứu và nguồn tài liệu dùng cho nghiên cứu. Để hỗ trợ cho việc đó, mỗi lớp sinh viên (nhóm) sẽ mở một hộp thư. Giáo viên sẽ trao đổi thông tin (kiểm tra đề cương nghiên cứu, gửi tài liệu,...) với sinh viên, nhận bài viết của sinh viên làm căn cứ để đánh giá mức độ chăm chỉ, nhận thức của sinh viên theo quá trình học. Với cách làm này, sinh viên chủ động hơn trong việc tìm đến với kiến thức (với sự định hướng nghiên cứu của giáo viên), học cách làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm (khi các chủ đề nghiên cứu được giao cho nhóm).

Tuy nhiên, theo cách thức này, giảng viên cũng mất nhiều thời gian hơn khi chuẩn bị bài, tìm kiếm tài liệu, kiểm soát các bài viết của sinh viên.

Trên đây là những phương pháp tôi đã sử dụng trong quá trình dạy học. Một phần của phương pháp này đã được áp dụng từ những học kỳ trước. Nhưng sau mỗi lần lên lớp, phương pháp đó lại được xem xét để tìm ra những cách thức tốt hơn, phù hợp hơn với mỗi đối tượng học.

Tôi hy vọng, sáng kiến này sẽ được các giảng viên ủng hộ và có thể áp dụng theo một cách nào đó của riêng mình trong giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo hiện nay.

Người viết báo cáo



Nguyễn Thị Bích Ngọc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Đơn vị: Khoa Kinh tế - QTKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2017

PHIẾU ĐĂNG KÝ SÁNG KIẾN
Cấp đơn vị/Cấp trường

Họ và tên người đăng ký: **Nguyễn Thị Bích Ngọc**

Chức vụ: Giảng viên chính

Đơn vị công tác: Bộ môn Kinh tế cơ sở, Khoa Kinh tế - QTKD

Nhiệm vụ được giao trong đơn vị: Cán bộ giảng dạy

Tên sáng kiến: "***Tổ chức các buổi sinh hoạt học thuật để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về ứng dụng bảng tính điện tự Microsoft Excel trong thực tế quản trị kinh doanh của các doanh nghiệp***"

1. Tóm tắt nội dung sáng kiến:

Excel là một chương trình xử lý bảng tính nằm trong bộ Microsoft Office của hãng phần mềm nổi tiếng thế giới Microsoft được thiết kế để giúp lưu trữ, kết xuất các báo cáo thống kê. Hiện nay, tại các doanh nghiệp, ứng dụng bảng tính Excel là đương nhiên và không thể thiếu trong mọi lĩnh vực quản trị, từ quản trị theo dõi tình hình sử dụng lao động, vật tư, chi phí, máy móc thiết bị,... đến tập hợp chi phí và "làm kế toán bằng Excel". Sở dĩ Excel được các doanh nghiệp lựa chọn để lưu trữ thông, xử lý dữ liệu, tính toán, lập báo cáo, quản lý công việc bởi đây là phần mềm tương đối rẻ nhưng lại sử dụng rất linh hoạt và đặc biệt là hiệu quả và chính xác.

Với mục đích nâng cao trình độ, kĩ năng sử dụng thành thạo Excel để khi tốt nghiệp, sinh viên, không chỉ ngành Kinh tế - Quản trị kinh doanh, mà của các ngành khác trong trường Đại học Mỏ Địa chất, có thể bắt tay ngay vào việc, giải quyết được những vấn đề trong thực tiễn mà trong lý thuyết chưa trang bị cho sinh viên, chúng tôi tổ chức các buổi sinh hoạt dành cho những người đam mê về Excel với tên: "Excel, có thể những điều bạn muốn biết thêm"

- **Thành phần**: thầy/cô và các em sinh viên cùng có niềm đam mê về Excel và cần Excel cho công việc hiện tại và sau này.

- **Nội dung sinh hoạt**:

+ Truyền đạt kiến thức cơ bản đến nâng cao có ứng dụng cao trong thực tiễn;

+ Hướng dẫn cách tư duy để vận dụng các công thức hàm trong excel;

+ Giải đáp các vướng mắc mà sinh viên đang gặp phải trong quá trình sử dụng excel;

+ Chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm có từ thực tế ứng dụng excel tại các doanh nghiệp mà báo cáo viên đã có dịp trải nghiệm;

+ Liên hệ việc ứng dụng excel trong công việc thực tế như kế toán, quản trị,...

- **Mục đích**:

+ Nâng cao kĩ năng ứng dụng thành thạo excel trong công việc của đối tượng sử dụng;

+ Khơi dậy niềm đam mê với Excel của người sử dụng

+ Giúp sinh viên có thể bắt tay vào việc ngay khi ra trường với bảng tính Excel

+ Nâng cao hiệu suất sử dụng phòng Thực nghiệm Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh.

2. Thời gian, địa điểm, công việc áp dụng sáng kiến:

Thời gian: Thứ 4 và thứ 5 hàng tuần

Địa điểm: Phòng thực nghiệm Quản trị kinh doanh

Tên chuyên đề sinh hoạt: "***Excel – có thể những điều bạn muốn biết thêm***"

3. Đơn vị áp dụng sáng kiến: Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh

Người đăng ký



Nguyễn Thị Bích Ngọc

BẢNG KÊ KHAI SÁNG KIẾN, CẢI TIẾN KỸ THUẬT HOẶC ÁP DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI NHẰM NÂNG CAO NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG

Họ và tên:.....Nguyễn Thị Bích Ngọc
Đơn vị công tác:.....BỘ MÔN KINH TẾ CƠ SỞ

Năm học	Nội dung sáng kiến, áp dụng công nghệ, các giải pháp trong quản lý đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy	Cấp đánh giá
2013-2014	1. Sáng kiến, cải tiến:	Khoa và Bộ môn
	2. Áp dụng công nghệ mới	
	3. Đổi mới phương pháp giảng dạy, công tác quản lý giáo dục đào tạo có hiệu quả - **Sáng kiến:** Áp dụng phương pháp giảng dạy mới theo hướng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết các vấn đề kinh tế **Chủ đề:** Nghiên cứu vận dụng các công cụ của các phần mềm hiện có để giải quyết các bài toán kinh tế trong các môn học: Toán kinh tế, thống kê kinh tế, tin học ứng dụng, phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh,... **Yêu cầu:** -Sinh viên cần nắm vững cơ sở lý luận của các bài toán tương ứng. -Nghiên cứu : Công nghệ thông tin ngày càng phát triển với những tiện ích vô cùng phong phú để giải quyết các bài toán kinh tế. Việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại không chỉ trên lý thuyết mà còn là thực tiễn đòi hỏi trong quản lý kinh tế ở các doanh nghiệp. Vì vậy, cho sinh viên làm quen với việc vận dụng những công cụ tính toán hiện đại là yêu cầu bức thiết đối với sinh viên khi ra trường. Tuy nhiên, cần có sự lựa chọn các công cụ phù hợp với trình độ của sinh viên và phù hợp với yêu cầu thực tế của các doanh nghiệp hiện nay. **Nội dung:** - Giới thiệu và hướng dẫn sinh viên trên phòng thực nghiệm các công cụ giải các bài toán kinh tế **Đơn vị áp dụng:** Các sinh viên của Khoa Kinh tế Quản trị kinh tế, hệ đào tạo chính quy Hà Nội. **Hiệu quả:**-Sinh viên hứng thú học tập và tìm tòi sáng tạo - Kết hợp giữa lý thuyết và phương tiện tính toán, phân tích - Làm quen với công việc nghiên cứu chuyên ngành.	

Ngày...31....tháng...5...năm 2014

Hội đồng cơ sở đánh giá xác nhận

Người kê khai

Nguyễn Duy Lạc

Nguyễn Thị Bích Ngọc

BẢNG KÊ KHAI SÁNG KIẾN, CẢI TIẾN KỸ THUẬT HOẶC ÁP DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI NHẰM NÂNG CAO NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG

Họ và tên: VŨ DIỆP ANH
Đơn vị công tác: BỘ MÔN KINH TẾ CƠ SỞ

Năm học	Nội dung sáng kiến, áp dụng công nghệ, các giải pháp trong quản lý đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy	Cấp đánh giá
2013-2014	1. Sáng kiến, cải tiến:	Khoa và Bộ môn
	2. Áp dụng công nghệ mới	
	3. Đổi mới phương pháp giảng dạy, công tác quản lý giáo dục đào tạo có hiệu qua - **Sáng kiến:** Áp dụng phương pháp giảng dạy mới theo hướng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết các vấn đề kinh tế **Chủ đề:** Nghiên cứu vận dụng các công cụ của các phần mềm hiện có để giải quyết các bài toán kinh tế trong môn học kinh tế lượng **Yêu cầu:** -Sinh viên cần nắm vững cơ sở lý luận của các bài toán tương ứng. -Nghiên cứu: Với môn học kinh tế lượng tại trường Đại học Mỏ - Địa chất sinh viên chủ yếu được học về lý thuyết mà chưa có thực hành nhiều đối với việc ứng dụng các phần mềm để giải các bài toán kinh tế. Và do đó, sinh viên chỉ có thể giải được các bài toán 2 hoặc 3 biến. Nhưng với những bài toán có nhiều biến độc lập hơn thì các em không thể giải bằng cách thủ công được. Chính vì vậy, việc cho sinh viên làm quen với việc vận dụng những công cụ tính toán hiện đại là cần thiết đối với sinh viên khi còn đang ngồi trên ghế nhà trường và cả khi ra trường. Tuy nhiên, cần có sự lựa chọn các công cụ phù hợp với trình độ của sinh viên và phù hợp với yêu cầu thực tế của các doanh nghiệp hiện nay. **Nội dung:** - Giới thiệu và hướng dẫn sinh viên sử dụng các phần mềm Excel, SPSS và STATA để giải các bài toán kinh tế khi học môn kinh tế lượng. **Đơn vị áp dụng:** Các sinh viên của Khoa Kinh tế Quản trị kinh tế, hệ đào tạo chính quy Hà Nội. **Hiệu quả:**- Sinh viên hứng thú học tập và tìm tòi sáng tạo - Kết hợp giữa lý thuyết và phương tiện tính toán, phân tích - Làm quen với công việc nghiên cứu chuyên ngành - Một nhóm sinh viên đã đạt giải 3 trong Hội nghị nghiên cứu khoa học sinh viên lần 27 của trường với đề tài "Vận dụng mô hình kinh tế lượng trong phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thương mại song phương của Việt Nam". Trong đề tài này, nhóm đã sử dụng phần mềm SPSS để phân tích.	

Ngày 31 tháng 5 năm 2014

Hội đồng cơ sở đánh giá xác nhận

Người kê khai

Nguyễn Thị Thu

Vũ Diệp Anh

Bộ môn: Kế toán Doanh nghiệp

Khoa: Kinh tế - QTKD

BẢNG KÊ KHỐI LƯỢNG GIỜ NCKH CỦA CÁN BỘ NĂM HỌC 2013- 2014 (phần đề tài, bài báo, báo cáo học thuật)

TT	Họ và tên	Mục kê khai	Tên đề tài, hợp đồng, bài báo, báo cáo, học thuật (Mã số)	Năm thực hiện	Trách nhiệm (chủ trì/tham	Khối lượng giờ tính
1	TS. Nguyễn Duy Lạc	Tham gia đề tài NCKH cấp cơ sở mã T13-16	Nghiên cứu phát triển dịch vụ tài chính tại công ty TNHH MTV tài chính than khoáng sản Việt Nam	2013	Tham gia	250
		Bài báo đăng trên hội thảo quốc tế EMMA	Một số vấn đề cơ chế đổi mới quản lý trong quá trình tái cơ cấu tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam	2013	Chủ trì	250
2	TS. Bùi Thị Thu Thủy	Báo cáo sinh hoạt học thuật cấp bộ môn	Giao khoán chi phí trung tu cho các doanh nghiệp khai thác than	2014	Chủ trì	100
		Bài báo đăng trên hội thảo quốc tế EMMA	Thực trạng nguyên nhân và giải pháp cho hiện tượng thợ lò bỏ việc tại Vinacomin	2013	chủ trì	250
	ThS. Phí Thị Kim Thư	Chủ trì đề tài NCKH cấp cơ sở Mã T13-16	Nghiên cứu phát triển dịch vụ tài chính tại công ty TNHH MTV tài chính than khoáng sản Việt Nam	2013	Chủ trì	250
3		Bài báo đăng trên hội thảo quốc tế EMMA	Phương trình DUPONT và sự đánh đổi giữa lợi nhuận và rủi ro trong HĐSXKD của công ty cổ phần than cọc sáu	2013	Chủ trì	250
4	ThS. Nguyễn Thị Bích Phượng	Bài báo khoa học đăng trên Tạp chí công nghiệp mỏ số 1/2014	Phát triển hệ thống kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp khai thác than Vinacomin	2014	Chủ trì	250
		Chủ trì đề tài NCKH cấp cơ sở mã T13-09	Nghiên cứu hệ thống kiểm soát nội bộ trong công tác hạch toán kế toán tại các doanh nghiệp khai thác than lộ thiên Vinacomin	2013	Chủ trì	250

5	ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh	Bài báo đăng trên tạp chí kế toán và kiểm toán tháng 4/2014	hạch toán giao dịch nội bộ bán hàng tồn kho tại tập đoàn than khoáng sản Việt nam	2014	Chủ trì	250
6	ThS. Lưu Thị Thu Hà	Bài báo đăng trên hội thảo quốc tế EMMA	Bàn về cơ cấu tài chính hợp lý của các doanh nghiệp trong tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam	2013	Chủ trì	250
7	ThS. Nguyễn Tiến Hưng	Bài báo đăng trên hội thảo quốc tế EMMA	Mộ số giải pháp tăng cường quản lý tài chính tại Công ty TNHH MTV than Thống Nhất	2013	Chủ trì	250
8	ThS. Phạm Thị Hồng Hạnh	tham gia đề tài NCKH cấp cơ sở mã T13-09	Phát triển hệ thống kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp khai thác than Vinacomin	2014	tham gia	100
		Bài báo trên tạp chí kinh tế và dự báo số 15/2013	Ứng dụng kế toán quản trị chi phí trong khai thác than	2013	tham gia	150
		Bài báo trên tạp chí tài nguyên và môi trường số 14/2013	Đề xuất mô hình tổ chức thông tin kế toán quản trị trong các doanh nghiệp khai thác than	2013	chủ trì	250
9	ThS. Phạm Minh Hải	Báo cáo sinh hoạt học thuật cấp bộ môn	Nghiên cứu công tác giao khoán chi phí khấu hao TSCĐ trong doanh nghiệp Mỏ	2014	Chủ trì	100
		Đề cương môn học	Thực hành kế toán công trên máy	2014	Chủ trì	100
10	ThS. Phạm Thu Hương	Bài báo đăng trên hội thảo quốc tế EMMA	Một số vấn đề liên quan đến hoạt động xuất khẩu than của Việt Nam	2013	Chủ trì	150
11	ThS. Dương Thị Nhàn	Tham gia đề tài NCKH cấp cơ sở mã T13-16	Nghiên cứu phát triển dịch vụ tài chính tại công ty TNHH MTV tài chính than khoáng sản Việt Nam	2013	Tham gia	250

	ThS.Hoàng Thị Thủy	Bài báo trên tạp chí kinh tế và dự báo số 3/2014	Hoàn thiện công tác quản lý vật tư tại công ty TNHH MTV than Thống Nhất	2014	Chủ trì	150
13	ThS. Nguyễn Thị Minh Thu	Tham gia đề tài NCKH cấp cơ sở mã T13-09	Nghiên cứu hệ thống kiểm soát nội bộ trong công tác hạch toán kế toán tại các doanh nghiệp khai thác than lộ thiên Vinacomin	2013	Tham gia	183
		Báo cáo sinh hoạt học thuật cấp bộ môn	vận dụng chẩm mực kế toán số 10 để xử lý các tình huống thay đổi tỷ giá trong thực tế các doanh nghiệp	2014	Chủ trì	100
		Hướng dẫn đề tài SV NCKH	Nghiên cứu kỹ thuật chọn mẫu thống kê trong kiểm toán báo cáo tài chính tại công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC	2013	Chủ trì	30
14	KS. Lê Thị Thu Hồng	Bài báo trên tạp chí kinh tế và dự báo số 3/2014	Hoàn thiện công tác quản lý vật tư tại công ty TNHH MTV than Thống Nhất	2014	Tham gia	50
		Báo cáo sinh hoạt học thuật cấp bộ môn	Tìm hiểu về cán cân thanh toán quốc tế	2014	Chủ trì	100
15	CN. Đỗ Thị Hương	Báo cáo sinh hoạt học thuật cấp bộ môn	Tìm hiểu những thay đổi trong chính sách thuế năm 2013	2013	Chủ trì	100
		Hướng dẫn đề tài SV NCKH	Nghiên cứu chính sách lãi suất huy động của hệ thống Ngân hàng thương mại Việt nam trong thời gian từ 2008 -2013	2013	Chủ trì	30
		Đề cương môn học	quản lý thuế	2014	Chủ trì	100
16	Nguyễn Thị Huyền	Báo cáo sinh hoạt học thuật cấp bộ môn	Nghiên cứu chuẩn mực kế toán số 29	2014	Chủ trì	100

16	Trang	Đề cương môn học	Kế toán bảo hiểm	2014	Chủ trì	50
17	Vũ Ngọc Thịnh	Bài báo đăng trên hội thảo quốc tế EMMA	Phát triển hệ thống kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp khai thác than Vinacomin	2014	Tham gia	50
		Báo cáo sinh hoạt học thuật cấp bộ môn	Tìm hiểu chính sách chiết khấu và tài chiết khấu của ngân hàng hiện nay	2014	Chủ trì	100

Phòng khoa học công nghệ

Hà Nội, ngày 7 tháng 7 năm 2014

P. TRƯỞNG BỘ MÔN

Phí T. Kim Thư

4/6/2014

MẪU BM VỀ BÌNH XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

① Thành phần: [illegible]

② Nội dung:
- Lần lượt từng cá nhân:
  - Thảo luận về kết quả thực hiện nhiệm vụ
  - Xét thành tích của cá nhân
- Lần lượt từng cá nhân:
  + T. Lạc: 25,5 điểm 30,5 Chiến sỹ đề nghị cấp cơ sở
  + C. Thuỷ: 30 điểm
  + C. Hoa: 30 điểm (2)
  + T. Hồng: 25,5 điểm
  + C. Hằng: 15,5 điểm
  + C. Phương: 10,5 điểm
  + C. Hoa: 20 điểm (20,5)
  + C. Nhàn: 25,5 điểm
  + C. Hương: 25,5 điểm
  + C. Nhu Bé: 19,5 điểm
  + C. Dễ Hường: 15,5 điểm
  + C. [illegible]: 20 điểm
  + [illegible]: 15,0 điểm
  + [illegible]: 19 điểm
  + C. Thái: 26,5 điểm (25,5 điểm)
  + [illegible]: 24 điểm
  + [illegible]: 20 điểm
  + [illegible]: 25,5 điểm

Lao động tiên tiến
Chiến sỹ đề nghị cấp cơ sở
Lao động tiên tiến
Chiến sỹ đề nghị cấp cơ sở
Lao động tiên tiến
Chiến sỹ đề nghị cấp cơ sở
Lao động tiên tiến
Chiến sỹ đề nghị cấp cơ sở

9/4/2019 HỘI KHOA : KẾT QUẢ THI ĐUA

* Thi đua cụ thể

KT CSC : T. Bưởi : 29,5 Chen
Ngọc : 24,75 4/4
D. Anh : 22
Cường : 20

KT Nữ : Khanh : 34
T. Thu : 31
Linh : 25,2 5/6
Chuẩn : 23,9
Kiều Duy : 22,2 (2/14)
Nga : 19,7

KT Dầu : P. Thảo : 30,5
T. Thắng : 25 4/4
Hiệp : 22,5
Tuấn : 20,5

Kế Toán : T. Lạc : 30,5 = Chen 6/7
L. Thuỷ : 30
Hoàng : 29
Hường : 28,5
Mai : 28 (6/14)
Thu : 25,5 (28,5)
Phương : 23,5 (28,5)

Thi đua cụ thể

Về thi đua [illegible]
Năm 2019 - 2020

[illegible] KT Dầu
KT Nữ
Kế toán

25/5/2018 Họp GV Khoa (Ban CN các BM, BCN Khoa

- Xét thi đua ; tổng kết công tác .
- Kế hoạch dạy BSTT
- Lịch bảo vệ các lớp Đại học

* Các lớp thực tập tốt nghiệp
  - H Việt 20/6
  - Ngân Hàng 1/6
  - Việt 25/6
  - Tiếng Nhật 21/6

* Lịch bảo vệ các lớp ĐH :
  - Chuyên lớp CĐTDN Mở (CQ) → 22/6

* Xét thi đua
  ① BM Kế Đầu : C. Thái 23,5 12/12
  C. Ngân 20,5 10/12
  ② BM KTCS : C. Loan 22,5 3/12
  T. Tuyết 30,5 5/12
  ③ BM KTế Mở : C. Nga 37,2 9/12
  T. Khánh 34 12/12
  T. Thái 26,5 11/12
  T. Châu 27,5 7/12
  ④ BM Kế toán : T. Lạc 12/12
  C. Hải 5/12
  C. Thuỷ 12/12
  T. Hằng 9/12
  T. Hải 5/12

Bầu 9 người đủ điều kiện

1) T. Thái (12/12)
2) C. Ngân (10/12)
3) C. Nga (9/12)
4) T. Khánh (12/12)
5) C. Châu (7/12)
6) Lạc (12/12)
7) Thuỷ (12/12)
8) Hằng (9/12)
9) Hải (5/12)

4 Bí mật [illegible] T' [illegible]
thoa [illegible] xuất sắc

* Bằng [illegible] cấp [illegible] (Cả có sáng kiến cấp huyện)

* Bài về [illegible]
- KTé [illegible]

* Hội nghị [illegible] EHMA

* Bằng khen cấp cao
- Cấp bộ (2019) : T. Thái

* Bằng khen [illegible]
- C.B.Thuế : 9/8
- Xhoivt : 8/8
- Nqa : 8/8
- Chiêu : 5/8 (Lo đạt)
- Lac : 8/8

* Bằng khen thể thao

* Bài cắt đi am
- Sinh thái
(1) [illegible]
(2) Chiếu thi đào tạo
(3) Vấn thách ở đây

NO
DATE 31/12/2015

(Vervaca leop xoc) Bộ môn
(Vervaca leop xoc) Giá phân loại viên chức)

Kết quả đánh giá phân loại viên chức:

1) [illegible] Hoàn thành xuất sắc
2) [illegible] Hoàn thành xuất sắc
3) Nguyễn Thị Kim Oanh: Hoàn thành xuất sắc
4) [illegible] Hoàn thành tốt nhiệm vụ
5) Nguyễn Thị Bích Thuỷ: HT tốt nhiệm vụ
6) [illegible] : Hthành xuất sắc
7) [illegible] : Hthành tốt
8) [illegible] : Hoàn thành xuất sắc
9) [illegible] : Hoàn thành tốt nhiệm vụ
10) [illegible] Nguyễn Trang nt
11) [illegible] nt
12) [illegible] nt
13) [illegible] nt
14) [illegible] nt
15) [illegible] nt
16) [illegible] nt
17) [illegible] nt
18) [illegible] nt
19) [illegible] nt
20) [illegible] nt

- Thống nhất đề nghị các môn họp
- Các môn khi ghi tập kết tham khảo cần bổ sung rõ giảng cái mình học tài liệu của bộ môn
- Đề cương thời hạn đi các thống thành quyển
  → Thứ 3 (5/1/2016) tập hợp lên đi chung nha
- Các môn ký duyệt tài liệu bổ sung bổ sách BT
(NLKI bổ sung tập chung)

Ngày 11 tháng 12 năm 2013.

ĐẠI HỘI CÔNG ĐOÀN KHOA.

Địa điểm C309.

Thành phần: 1) Đại biểu
2) Đc GV khoa

1) GT Danh sách dự kiến đoàn chủ tịch & đoàn thư ký
2) Đoàn chủ tịch & thư ký làm việc

* Thông qua Nội dung Báo cáo BC tổng kết công đoàn nhiệm kỳ 2010-2013.
+ phương hướng công tác công đoàn trong nhiệm kỳ Đc C.C.Thủy).

* Ý kiến của đại biểu đóng góp cho BC.
Cô Thúy (Bm Ktoán): + hết công đoàn của các tổ công đoàn bộ môn khá đầu xong cần hoà đồng với cv chung của khoa đồng ý.
+ đầu cơ phục vụ
+ hết từ thiện: thực CP thường hoặc tổ chức

Cho TT hỗ trợ thẻ em &.
+ hỗ trợ đc vào (mới sinh)
+ khuyến khích cán bộ giỏ việc tăng thêm nhà.
+ CP thường gặt hỏ khái tết mới.
+ lắp máy chiếu cho các phòng học.

- đ/c Thanh Thúy đại diện ban nữ công đóng góp ý kiến về hết nội
- đ/c Nga, đ/c Bích đóng góp ý kiến.
- đ/c Loan đóng góp ý kiến.

+ Các thủ tục: Hiệu trưởng chịu trách nhiệm chuẩn xét CBVC
+ Chế độ TCCH:
+ Chế độ thuận:

- đ/c Oanh: CB nữ bổ sung bằng cấp → CB khoa động viên thêm.

- Thầy Trần Đình Chế: Phó chủ tịch CĐ trường.

- Thầy Thái phát biểu ý kiến: + cải tạo đk lv của GV
+ CBV tranh thủ thể hiện

5) Bầu BCH CĐ nhiệm kỳ 2013_2018.

DSách đề cử: T. Bưởi, C. Bùi Thuý, C. Thanh Thuý, C. Hoàn Nga
Ng Loan Hoàng Thắc, Đặng Thị Bích.

→ Bỏ 4 bạn 3.
DSách dự kiến của chi bộ: T. Bưởi, C. Bùi Thuý, C. Hoàn Nga, C. T. Thuý
→ tỉ lệ 1/4
Ban kiểm phiếu tổng kết lv.

KQ: BCH mới gồm: T. Bưởi: 45/51 (BCH)
C. B. Thuý 46/51 (BCH)
C. Hoàn Nga 58/51 (BCH)
C. Thanh Thuý 24/51

DSách CBV dự ĐH CĐ trường 26, 27/12.
C. Cảnh, C. Hường, C. Dũng, C. Ngân, T. Bưởi, C. Bích, C. Nga
C. Linh, C. Loan, Thắc C. Thuý

ĐH kết thúc hồi 11h40' cùng ngày

A Quality Product from Climax

Số phiếu hợp lệ
Số phiếu không hợp lệ

Ngày 29/5/2017. Bàn giao giữa đ/c Phan Thái và đ/c BT Thắng

I/ Công việc về NCKH
1) Đọc phản biện bài báo: Phân công 6 ng đọc 6 bài
2) NCKH cấp bộ: Đề tài chưa được phê duyệt chưa có thông tin
3) Đề tài cấp sở của Hường: sẽ nghiệm thu trong T11/2018
4) Phát động viết bài để tổ chức EMMA vào 2018 để xây dựng kế hoạch HĐ KH 2018 vào cuối năm

II. Chương trình đào tạo Thạc sĩ
1) Khởi động việc lại chương trình đào tạo Thạc sĩ, sẽ có thông tin
2) Lập thành 1 quyển dự thảo đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ
3) Các bộ môn đóng góp quyển cho cái dự thảo đào tạo dài hơn.
4) Cần chia theo form của Tổ GTVT (đã có file mẫu), đến tháng 8

14h00 Ngày 10/8/2017

HỌP THI ĐUA KHOA
(Phân loại cán bộ viên chức)

TP: BCN Khoa, BCH Đảng, Chi bộ các Khoa, Bí thư chi đoàn cán bộ.

NP: Họp thi đua Khoa
1) Bàn QĐ Đề nghị (Bàn họp kèm theo)

TS Đặng Hồng Thái: B+
Trần Thị Kiều Vân: B

Date ..... No .....

2/ BM Kế toán DN. (Có BBàn của Bạn)
Hoàng Thị Thu (NES Toàn) B+
Bùi Thị Thu Thủy A+

3/ BM KTCS (Có biết bàn của Bạn)
Nguyễn Văn Bình A+

4/ BM QTDN Đ/c-Đầu tư (Có biết bàn của
TS phạm Thị Thái → A+
Lưu Mai Tuấn A
Lê Minh Tiến A
Trần Văn Hiệp B+

⇒ Tập thể: Bạn QTDN Nhỏ → A
Bạn QTDN Đ/c-ĐT → A+
- Kế toán → A+
- KTCS → A+.
(Có biết bàn kèm theo)

Ch 30 Ngày 26/2/2017
Họp Thi đua Khoa.
(Có biên bản kèm theo)

Date ..... No .....

14h00 Ngày 19/9/17

Họp Công đoàn KCCH

TP : BCH Công đoàn Khoa, Tổ trưởng Công đoàn Bm
ND : - Sơ kết cuộc thi viết "Tấm gương nhà giáo VN"
- Bình bầu CĐV xsắc và đề nghị khen thưởng
- Chuẩn bị đại hội CĐ (Trg tg 9)
Công tác phát triển Đảng

1] → Số lượng bài viết theo giá
+ KTDầu 3 bài viết
+ KTMỏ 2 bài
+ KTCS 1 bài
+ Kế toán 1 bài

2] Bình CĐV xuất sắc.
100% CĐV xuất sắc, → Đạt liên, BT trở lên
50% CĐV xuất sắc và khen thưởng

	Xuất sắc	Khen
(1) Bm QTDN Mỏ →	13/14	1
(Tuấn Nga, Khải, Lê Hiệp, Bích, Chiến, Tùng)		
(2) Bm QTDN Đ/c - DCh	11/11	Khen 6 ở T.Tùng
(P.Thái, Ngân, Thúy, Hà, Thảo, Ngọc Tuấn)		
(3) Bm Kế toán	18/18	Khen 9
(Hữu, Hải, Quang, M.Tiến, Hiệp, Trang, Nhân, Thu Hà Phạm Hường)		
(4) KTCS	10/10	Khen 5
( )		

Tổng số khen thưởng : 27/53 CĐV

3) Chuẩn bị đại hội

- Đại hội CĐ tổ Bm đến 30/9 → nộp b/cáo
- Đại hội cấp Công đoàn Khoa : tháng 10.
Dự kiến Thứ 2, Ngày 16/10/17
b/cáo : T.Bình, Cô Nga (Chiều T4 (18/10) ít
Chuẩn bị cho Đ.hội + Chấp hết 2 buổi sáng.
Cấp mới : Giảng + Đạt ủy viên tổ 2
Trao tặng : Nga VP Công đoàn (H Nga)

Chi bộ mới ← CB Trẻ (BCH Đoàn Trường)
CB Các Khoa + X
Các Thầy về Quê → Các bạn C
Đảng ủy - BCH Khoa
Đại diện Hội Chi đoàn
Chi đoàn CBS

4) Nhân sự
- Lập đề án về nhân sự thứ CB Trẻ và Đảng ủy Khoa
- Mỗi Hội giới thiệu 1 đ/chí vào BCH Khoa → Bầu 3/4
DS giới thiệu gửi BCH CB Trẻ 8/9.

5) Công tác phát triển Đảng
- Theo Tiêu chí của Đảng đề ra (đk đầu tiên)
*) NX giới thiệu đ/c Ng Thị Hồng Loan
Lê Thủy + Chuyên viên → tốt, ổn
+ Quan hệ → Nhìn chung k có ý/đề gì. Chuyên môn, quan hệ Nhất trí.
C. Oanh Hội nghị Nhất trí giới thiệu đ/c Loan với tổ chức Đảng kết nạp đ/c Loan.

Chủ tọa

Ng Văn Bảo

Thư ký

Phạm Thị Thanh Hằng

Ngày 9/7/2018

HỌP KHOA

ĐÁNH GIÁ PHÂN LOẠI CBVC TRONG KHOA
Năm học 2017 - 2018

TP: BCN Khoa, BCN Các bộ môn
ND: Đánh giá phân loại CBVC năm học 2017-2018.

1) Quy định về phân loại CBVC
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: A+
- Lao động tiên tiến: A trở lên

2) Cụ thể các bộ môn
* Bộ môn Kế toán:
- Tự nhận: Tập thể lao động xuất sắc
- Trừ đ/c Thủy, Quang: là LĐTT
- Các bộ môn: C/s thi đua cấp cơ sở
- Đ/c Loc khen cấp cao

* BM Kte cơ sở:
- C/s thi đua cơ sở: 4 người
- Tập thể LĐXS
- Khen thưởng cấp bộ

* BM Kte mở:
- C/s thi đua cấp cơ sở trừ đ/c Vân
- Khen thưởng: Khanh, Nga, Chiến
- Bằng khen cấp của BM: 92 LĐXS

* BM Kte dầu khí:
- C/s thi đua: trừ Thủy, Hiệp, Thắng
- Tập thể LĐTT
- Khen thưởng cấp bộ: Trị, Thái

3) Kế hoạch năm học 2018 - 2019
* Công tác đào tạo: + Mở ngành Kte CN: Kte mở
ĐH & SĐH + Kế toán TCNH
+ Quy mô đào tạo 500 SV
+ Sinh hoạt học thuật
+ Tham gia đề tài các cấp
+ Viết bài báo các tạp chí có uy tín
+ Chuẩn bị nhân lực cho 2 ngành & chuyên ngành.

+ Hoàn thiện bài giảng, giáo trình
+ NC cấp cơ sở: 3 đề tài, 1 đề tài
Nghiên cứu phục vụ SX: 4 đề tài

* Đ/c Nga: Chuẩn bị EMMA 4
- Xin ý kiến Bộ về ban tổ chức
- Dự mở các khách mời: 4 nữ Đức
1 nữ Ba Lan 1 nữ TQ
1 nữ Thái Lan
- Tạo đk cho cán bộ trong khoa viết bài

4) Khen xét:
- Theo danh sách các bộ môn, khoa liên sẽ lấy điểm xét thi đua A+ là 140 điểm (theo thang điểm năm trước)
- Chú ý: điểm A+ được xét danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.

Cuộc họp kết thúc cùng ngày

Chủ tọa

Ng Duy Lac

Thư ký

Nguyễn Thanh Thủy

Date: ..... No: .....

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ-ĐỊA CHẤT

Khoa : KINH TẾ - QTKD

Bộ môn: Kế toán Doanh nghiệp

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ DANH HIỆU THI ĐUA NĂM HỌC 2017-2018

(Đăng ký ngay từ đầu năm học)

1. Cá nhân:

TT	Họ và tên	LĐTT	CSTĐ cơ sở	Ghi chú
1	Nguyễn Duy Lạc		X	
2	Bùi Thị Thu Thuỷ		X	
3	Phí Thị Kim Thư		X	
4	Nguyễn Thị Bích Phượng		X	
5	Phạm Thị Hồng Hạnh		X	
6	Nguyễn Thị Kim Oanh		X	
7	Lu Thị Thu Hà		X	
8	Nguyễn Tiến Hưng		X	
9	Phạm Minh Hải		X	
10	Phạm Thu Hương		X	
11	Dương Thị Nhàn		X	
12	Nguyễn Thị Minh Thu		X	
13	Lê Thị Thu Hồng			Đi du học
14	Hoàng Thị Thủy		X	
15	Nguyễn Thị Huyền Trang		X	
16	Vũ Ngọc Thịnh		X	
17	Phan Minh Quang		X	
18	Nguyễn Thục Anh		X	

2. Tập thể: Lao Động Xuất Sắc

Hà Nội, Ngày 28 tháng 8 năm 2017

Xác nhận của đơn vị cấp trên trực tiếp

Nguyễn Duy Lạc

Thủ trưởng đơn vị

TS. [illegible] Thủy

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA KINH TẾ - QTKD
BỘ MÔN KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 07 năm 2018

BIÊN BẢN HỌP BỘ MÔN

Về việc đề nghị khen thưởng năm học 2017 - 2018

1. Thời gian họp: 8h30 ngày 04 /07/2017.
2. Địa điểm: Văn phòng Bộ môn Kế toán doanh nghiệp (P12.07).
3. Chủ tọa: TS Bùi Thị Thu Thuỷ - Trưởng Bộ môn.
4. Thư ký: TS. Phạm Thu Hương – CBGD
5. Thành phần: Toàn thể cán bộ viên chức Bộ môn
6. Nội dung cuộc họp:

- TS Bùi Thị Thu Thuỷ phổ biến Quy định về công tác Thi đua, Khen thưởng theo Quyết định số 878/QĐ-MĐC ngày 05 tháng 07 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất
- Bộ môn thống nhất số lượng đề nghị: Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở 16 đồng chí

7. Bỏ phiếu và kết quả kiểm phiếu (số phiếu/tổng số phiếu) của từng trường hợp:

TT	Tên đơn vị cá nhân	Hình thức đề nghị	Số phiếu/ tổng số phiếu	Tỷ lệ %
I	**Danh hiệu tập thể**			
1	Bộ môn KTDN	Tập thể lao động xuất sắc	18/18	100
II	**Danh hiệu cá nhân**			
1	Nguyễn Duy Lạc	CSTĐCS/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
2	Nguyễn Thị Kim Oanh	CSTĐCS/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
3	Nguyễn Thị Minh Thu	CSTĐCS/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
4	Bùi Thị Thu Thuỷ	CSTĐCS/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
5	Nguyễn Thị Bích Phượng	CSTĐCS/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
6	Phạm Thị Hồng Hạnh	CSTĐCS/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
7	Lưu Thị Thu Hà	CSTĐCS/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100

8	Nguyễn Tiến Hưng	CSTĐCS/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
9	Phạm Minh Hải	CSTĐCS/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
10	Dương Thị Nhàn	CSTĐCS/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
11	Phạm Thu Hương	CSTĐCS/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
12	Lê Thị Thu Hồng	CSTĐCS/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
13	Vũ Ngọc Thịnh	CSTĐCS/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
14	Nguyễn Thị Huyền Trang	CSTĐCS/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
15	Nguyễn Thục Anh	CSTĐCS/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
16	Phí Thị Kim Thư	CSTĐCS/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
17	Hoàng Thị Thuỷ	LĐTT/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
18	Phan Minh Quang	LĐTT/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100

8. Kết luận của Bộ môn Kế toán doanh nghiệp:Bộ môn thống nhất đề nghị Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Khoa Kinh tế - QTKD xem xét để trình Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất xét thưởng.

THƯ KÝ

TS. Phạm Thu Hương

CHỦ TỌA

TS. Bùi Thị Thu Thuỷ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA KINH TẾ - QTKD
BỘ MÔN KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 4 tháng 07 năm 2018

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU

Về việc đề nghị khen thưởng năm học 2017 - 2018

1. Thời gian họp: 8h30 ngày 4 /07/2017.
2. Địa điểm: Văn phòng Bộ môn Kế toán doanh nghiệp (P12.07).
3. Thành phần ban kiểm phiếu:
   - Ông/BàNguyễn Tiến Hưng, Trưởng ban;
   - Ông/Bà Lê Thị Thu Hồng, Ủy viên;
4. Kết quả kiểm phiếu giới thiệu như sau:

   Tổng số triệu tập: 18, số có mặt: 18 (100% số triệu tập)

   Tổng số phiếu phát ra: 18 phiếu,

   Tổng số phiếu thu về: 18 phiếu,

   Số phiếu hợp lệ: 18 phiếu,

   Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu,

   Kết quả kiểm phiếu như sau:

7. Bỏ phiếu và kết quả kiểm phiếu (số phiếu/tổng số phiếu) của từng trường hợp:

TT	Tên đơn vị cá nhân	Hình thức đề nghị	Số phiếu/ tổng số phiếu	Tỷ lệ %
I	**Danh hiệu tập thể**			
1	Bộ môn KTDN	Tập thể lao động xuất sắc	18/18	100
II	**Danh hiệu cá nhân**			
1	Nguyễn Duy Lạc	CSTĐCS/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
2	Nguyễn Thị Kim Oanh	CSTĐCS/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
3	Nguyễn Thị Minh Thu	CSTĐCS/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
4	Bùi Thị Thu Thuỷ	CSTĐCS/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
5	Nguyễn Thị Bích Phượng	CSTĐCS/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100

6	Phạm Thị Hồng Hạnh	CSTĐCS/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
7	Lưu Thị Thu Hà	CSTĐCS/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
8	Nguyễn Tiến Hưng	CSTĐCS/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
9	Phạm Minh Hải	CSTĐCS/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
10	Dương Thị Nhàn	CSTĐCS/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
11	Phạm Thu Hương	CSTĐCS/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
12	Lê Thị Thu Hồng	CSTĐCS/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
13	Vũ Ngọc Thịnh	CSTĐCS/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
14	Nguyễn Thị Huyền Trang	CSTĐCS/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
15	Nguyễn Thục Anh	CSTĐCS/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
16	Phí Thị Kim Thư	CSTĐCS/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
17	Hoàng Thị Thuỷ	LĐTT/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
18	Phan Minh Quang	LĐTT/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100

TM TỔ KIỂM PHIẾU

Lê Thị Thu Hằng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA KINH TẾ - QTKD
BỘ MÔN KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 07 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị khen thưởng năm học 2017 - 2018

Kính gửi: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Khoa Kinh tế - QTKD

Căn cứ Quyết định số 878/QĐ-MĐC ngày 05 tháng 07 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định về công tác Thi đua, Khen thưởng.

Căn cứ vào thành tích của các tập thể và cá nhân, Bộ môn Kế toán doanh nghiệp đã xem xét, lựa chọn và đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Khoa Kinh tế - QTKD xét trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất xét các danh hiệu thi đua năm học 2017 - 2018 như sau:

I. Danh hiệu cá nhân

a) Chiến sỹ thi đua Cấp cơ sở: 16 đồng chí:

1	Nguyễn Duy Lạc
2	Bùi Thị Thu Thuỷ
3	Phí Thị Kim Thư
4	Nguyễn Thị Bích Phượng
5	Nguyễn Thị Kim Oanh
6	Phạm Thị Hồng Hạnh
7	Lưu Thị Thu Hà
8	Nguyễn Tiến Hưng
9	Phạm Minh Hải
10	Dương Thị Nhàn
11	Phạm Thu Hương
12	Nguyễn Thị Minh Thu
13	Lê Thị Thu Hồng
14	Vũ Ngọc Thịnh
15	Nguyễn Thị Huyền Trang
16	Nguyễn Thục Anh

b) Bằng khen của Hiệu trưởng: 18 đồng chí:

1 Nguyễn Duy Lạc
2 Bùi Thị Thu Thuỷ
3 Phí Thị Kim Thư
4 Nguyễn Thị Bích Phượng

5 Nguyễn Thị Kim Oanh

6 Phạm Thị Hồng Hạnh

7 Lưu Thị Thu Hà

8 Nguyễn Tiến Hưng

9 Phạm Minh Hải

10 Dương Thị Nhàn

11 Phạm Thu Hương

12 Nguyễn Thị Minh Thu

13 Hoàng Thị Thuỷ

14 Lê Thị Thu Hồng

15 Vũ Ngọc Thịnh

16 Nguyễn Thị Huyền Trang

17 Nguyễn Thục Anh

18 Phan Minh Quang

c) Lao động tiên tiến: 2 đồng chí:

1. Hoàng Thị Thuỷ

2. Phan Minh Quang

II. Danh hiệu Tập thể: Tập thể lao động xuất sắc.

Kính đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Khoa xem xét, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Nhà trường xét thưởng.

TM TỔ CÔNG ĐOÀN BỘ MÔN	**TM TRƯỞNG BỘ MÔN**
ThS Lê Thị Thu Hồng	**TS.Phạm Thị Hồng Hạnh**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
PHÒNG TỔ CHỨC - CÁN BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VIÊN CHỨC

TT	Tên cá nhân/tập thể	Điểm	Mức phân loại					Ghi chú (Ghi rõ những trường hợp đi học ở nước ngoài, Lao động hợp đồng tại đơn vị....)
			A^+	A	B^+	B	C	
1	Nguyễn Duy Lạc	326	A^+					
2	Nguyễn Thị Kim Oanh	240	A^+					
3	Nguyễn Thị Minh Thu	151	A^+					
4	Bùi Thị Thu Thuỷ	166	A^+					
5	Nguyễn Thị Bích Phượng	202	A^+					
6	Phạm Thị Hồng Hạnh	191	A^+					
7	Lưu Thị Thu Hà	149	A^+					
8	Nguyễn Tiến Hưng	168	A^+					
9	Phạm Minh Hải	160	A^+					
10	Dương Thị Nhàn	164	A^+					
11	Phạm Thu Hương	138	A^+					
12	Lê Thị Thu Hồng	209	A^+					
13	Vũ Ngọc Thịnh	90	A^+					
14	Nguyễn Thị Huyền Trang	174	A^+					
15	Nguyễn Thục Anh	140	A^+					
16	Phí Thị Kim Thư	155	A^+					
17	Hoàng Thị Thuỷ	106		A				Đi học nước ngoài

18	Phan Minh Quang	155		A			

Xác nhận bộ môn

Đại diện công đoàn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA KINH TẾ - QTKD
BỘ MÔN KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

KẾT QUẢ XÉT CÁC DANH HIỆU THI ĐUA
NĂM HỌC: 2017 - 2018

1. **Cá nhân:**

TT	Họ và tên	Hoàn thành nhiệm vụ	LĐTT	CSTĐ cơ sở	Khen thưởng cấp Bộ	Khen thưởng bậc cao	Không đạt	Ghi chú
1	Nguyễn Duy Lạc		x	x	x			326
2	Bùi Thị Thu Thuỷ		x	x				240
3	Phí Thị Kim Thư		x	x				151
4	Nguyễn Thị Bích Phượng		x	x				166
5	Nguyễn Thị Kim Oanh		x	x				202
6	Phạm Thị Hồng Hạnh		x	x				191
7	Lưu Thị Thu Hà		x	x				149
8	Nguyễn Tiến Hưng		x	x				168
9	Phạm Minh Hải		x	x				160
10	Dương Thị Nhàn		x	x				164
11	Phạm Thu Hương		x	x				138
12	Nguyễn Thị Minh Thu		x	x				209
13	Hoàng Thị Thuỷ		x					90
14	Lê Thị Thu Hồng		x	x				174
15	Vũ Ngọc Thịnh		x	x				140
16	Nguyễn Thị Huyền Trang		x	x				155
17	Nguyễn Thục Anh		x	x				106
18	Phan Minh Quang		x					155

2. **Tập thể**: Tập thể lao động xuất sắc

Hà Nội, ngày 4 tháng 07 năm 2018

XÁC NHẬNKHOA KINH TẾ - QTKD

Nguyễn Duy Lạc

BỘ MÔN KTDN

Bùi Thị Thu Thuỷ

Mẫu số 02

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM

(Dành cho cá nhân là giảng viên và kỹ sư)

Họ và tên: NGUYỄN DUY LẠC
Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên chính, Tiến sĩ
Đơn vị công tác: Bộ môn Kế toán doanh nghiệp

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**			**284**	
1,1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**				
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 1920,6 giờ Số giờ miễn giảm: B = 81 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ Điểm đánh giá quy đổiĐ_GD Đ_Gl = $(A+B)/C$ 30	Đ_GD		222,4	
1,2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**				
	Số giờ NCKH thuần túy quy đổi: D = 480 giờ Số giờ NCKH phục vụ sản xuất quy đổi : E =105 giờ (E tối đa bằng = 50% F) Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: F = 210 giờ Sồ giờ miễn giảm: G = 63 giờ Điểm đánh giá quy đổi : Đ_NCKH = $(D+E+G)/F$ × 20	Đ_NCKH		61,7	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**			**2**	
2,1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết….	2		2	
2,2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2,3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2,4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản		2		
3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
3,1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		
3,2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3,3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3,4	Một lần vi phạm nguyên tắc làm việc, nội quy, quy định của Nhà trường		2		
3,5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3,6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3,7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3,8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3,9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3,10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4,1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5		
4,2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4,3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4,4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	
	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:			**326,1**	

Tự phân loại đánh giá mức: A+

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TS. Bùi Thị Thu Thủy

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

NGUYỄN DUY LẠC

Mẫu số 02

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM

(Dành cho cá nhân là giảng viên và kỹ sư)

Họ và tên: BÙI THỊ THU THỦY
Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên chính, Tiến sĩ
Đơn vị công tác: Bộ môn Kế toán doanh nghiệp

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**			**198**	
1,1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**				
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 1246 giờ Số giờ miễn giảm: B = 108 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ Điểm đánh giá quy đổi Đ_GD Đ_G = (A+B)/C x 30	Đ_GD		150	
1,2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**				
	Số giờ NCKH thuần túy quy đổi: D = 380 giờ Số giờ NCKH phục vụ sản xuất quy đổi : E = 37,9 giờ (E tối đa bằng = 50% F) Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: F = 210 giờ Sồ giờ miễn giảm: G = 84 giờ Điểm đánh giá quy đổi : = × 20 (D+E+G)/	Đ_NCKH		48	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**			**2**	
2,1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết....	2		2	
2,2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2,3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2,4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản		2		
3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
3,1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		
3,2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3,3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3,4	Một lần vi phạm nguyên tắc làm việc, nội quy, quy định của Nhà trường		2		
3,5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3,6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3,7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3,8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3,9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3,10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4,1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5		
4,2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4,3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4,4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	
	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:			**240**	

Tự phân loại đánh giá mức: A+

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

BÙI THỊ THU THỦY

Mẫu số 02

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM
(Dành cho cá nhân là giảng viên)

Họ và tên: PHÍ THỊ KIM THƯ
Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên
Đơn vị công tác: Bộ môn Kế toán doanh nghiệp

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**			**108,6**	
1,1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**			**71,8**	
	Số giờ thực hiện quy đổi: A =471,5 giờ Số giờ miễn giảm: B = 175 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ Điểm đánh giá quy đổi Đ_G : $Đ_G = (A+B)/C \times 30$			71,8	
1,2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**			36,8	
	Số giờ NCKH thuần túy quy đổi: D = 250 giờ Số giờ NCKH phục vụ sản xuất quy đổi : E = …… giờ (E tối đa bằng = 50% F) Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: F = 210 giờ Sồ giờ miễn giảm: G = 136 giờ Điểm đánh giá quy đổi $Đ_{NC}^{KH}$: $Đ_{NC}^{KH} = (D+E+G)/F \times 20$			36,8	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**			2	
2,1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết….	2		2	
2,2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2,3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2,4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản		2		
3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
3,1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		
3,2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3,3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3,4	#REF!		2		
3,5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3,6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3,7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3,8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3,9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3,10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4,1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5		
4,2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4,3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4,4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	
	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:			**150,6**	

Tự phân loại đánh giá mức: A+

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TS. Bùi Thị Thu Thủy

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

PHÍ THỊ KIM THƯ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM

(Dành cho cá nhân là giảng viên và kỹ sư)

Họ và tên: NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯỢNG
Chức danh nghề nghiệp: Tiến sĩ, Giảng viên chính (từ 1/4/2018)
Đơn vị công tác: Bộ môn Kế toán doanh nghiệp, Khoa Kinh tế QTKD

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**			**126**	
1.1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**				
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 883,5 giờ Số giờ miễn giảm: B = 0 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ Điểm đánh giá quy đổi Đ_GD $Đ\_GD = (A+B)/C \times 30$	Đ_GD		98	
1.2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**				
	Số giờ NCKH thuần túy quy đổi: D = 200 giờ Số giờ NCKH phục vụ sản xuất quy đổi : E = 0 giờ (E tối đa bằng = 50% F) Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: F = 150 giờ Số giờ miễn giảm: G = 0 giờ Điểm đánh giá quy đổi : $Đ\_NCKH = (D+E+G)/F \times 20$	Đ_NCKH		28	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**				
2.1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết....	2			
2.2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản		2		
3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**			**20**	

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
3.1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		
3.2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3.3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3.4	Một lần vi phạm nguyên tắc làm việc, nội quy, quy định của Nhà trường		2		
3.5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3.6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3.7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3.8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3,9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3,10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4.1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5		
4.2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4.3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4.4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	
	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:			**166**	

Tự phân loại đánh giá mức: A+

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TS. Bùi Thị Thu Thủy

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Nguyễn Thị Bích Phượng

Mẫu số 02

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM

(Dành cho cá nhân là giảng viên và kỹ sư)

Họ và tên: PHẠM THỊ HỒNG HẠNH
Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên, Thạc sĩ
Đơn vị công tác: Bộ môn Kế toán doanh nghiệp

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**			**148**	
1,1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**				
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 810 giờ Số giờ miễn giảm: B = 40,5 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ Điểm đánh giá quy đổi $Đ_{GD}$: $Đ_{GD} = \frac{A+B}{C} \times 30$	$Đ_{GD}$		96	
1,2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**				
	Số giờ NCKH thuần túy quy đổi: D = 350 giờ Số giờ NCKH phục vụ sản xuất quy đổi : E = 22,32 giờ (E tối đa bằng = 50% F) Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: F = 150 giờ Sồ giờ miễn giảm: G = 22,8 giờ Điểm đánh giá quy đổi : $Đ_{NCKH} = \frac{D+E+G}{F} \times 20$	$Đ_{NCKH}$		53	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**			**2**	
2,1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết….	2		2	
2,2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2,3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2,4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản		2		
3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
3,1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		
3,2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3,3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3,4	Một lần vi phạm nguyên tắc làm việc, nội quy, quy định của Nhà trường		2		
3,5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3,6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3,7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3,8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3,9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3,10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4,1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5		
4,2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4,3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4,4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	
	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:			**190**	

Tự phân loại đánh giá mức: A+

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TS. Bùi Thị Thu Thủy

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

PHẠM THỊ HỒNG HẠNH

Mẫu số 02

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM

(Dành cho cá nhân là giảng viên và kỹ sư)

Họ và tên: NGUYỄN THỊ KIM OANH
Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên, Tiến sĩ
Đơn vị công tác: Bộ môn Kế toán doanh nghiệp

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**			**162**	
1,1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**				
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 1133 giờ Số giờ miễn giảm: B = giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ Điểm đánh giá quy đổi $Đ_{GD}$: $Đ_{GD} = \frac{A+B}{C} \times 30$	$Đ_{GD}$		126	
1,2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**				
	Số giờ NCKH thuần túy quy đổi: D = 250 giờ Số giờ NCKH phục vụ sản xuất quy đổi : E = 22,3 giờ (E tối đa bằng = 50% F) Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: F = 150 giờ Sồ giờ miễn giảm: G = giờ Điểm đánh giá quy đổi : $Đ_{NCKH} = \frac{D+E+G}{F} \times 20$	$Đ_{NCKH}$		36	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**				
2,1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết....	2			
2,2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2,3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2,4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản		2		
3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
3,1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		
3,2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3,3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3,4	Một lần vi phạm nguyên tắc làm việc, nội quy, quy định của Nhà trường		2		
3,5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3,6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3,7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3,8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3,9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3,10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4,1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5		
4,2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4,3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4,4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	
	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:			**202**	

Tự phân loại đánh giá mức: A+

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TS. Bùi Thị Thu Thủy

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

NGUYỄN THỊ KIM OANH

Mẫu số 02

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM

(Dành cho cá nhân là giảng viên và kỹ sư)

Họ và tên: LƯU THỊ THU HÀ
Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên chính, Tiến sĩ
Đơn vị công tác: Bộ môn Kế toán doanh nghiệp

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**			**109**	
1,1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**				
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 763,05 giờ Số giờ miễn giảm: B = giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ Điểm đánh giá quy đổi Đ_GD Đ_G = (A+B)/C × 30	Đ_GD		85	
1,2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**				
	Số giờ NCKH thuần túy quy đổi: D = 250 giờ Số giờ NCKH phục vụ sản xuất quy đổi : E = 0 giờ (E tối đa bằng = 50% F) Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: F = 210 giờ Số giờ miễn giảm: G = giờ Điểm đánh giá quy đổi : = × 20 (D+E+G)/	Đ_NCKH		24	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**			**0**	
2,1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết….	2			
2,2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2,3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2,4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản		2		
3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	
3,1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
3,2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3,3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3,4	Một lần vi phạm nguyên tắc làm việc, nội quy, quy định của Nhà trường		2		
3,5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3,6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3,7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3,8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3,9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3,10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4,1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5		
4,2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4,3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4,4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	
	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:			**149**	

Tự phân loại đánh giá mức: A+

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TS. Bùi Thị Thu Thủy

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

LƯU THỊ THU HÀ

Mẫu số 02

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM

(Dành cho cá nhân là giảng viên và kỹ sư)

Họ và tên: Nguyễn Tiến Hưng
Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên, Tiến sĩ
Đơn vị công tác: Bộ môn Kế toán doanh nghiệp

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**			**128**	
1,1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**				
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 870,24giờ Số giờ miễn giảm: B = 27 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ Điểm đánh giá quy đổi Đ_GD Đ_G = $(A+B)/C \times 30$	Đ_GD		100	
1,2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**				
	Số giờ NCKH thuần túy quy đổi: D = 180 giờ Số giờ NCKH phục vụ sản xuất quy đổi : E = 0 giờ (E tối đa bằng = 50% F) Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: F = 150 giờ Sồ giờ miễn giảm: G = 27 giờ Điểm đánh giá quy đổi : = × 20 (D+E+G)/	Đ_NCKH		28	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**				
2,1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết….	2			
2,2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2,3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2,4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản		2		
3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
3,1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		
3,2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3,3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3,4	Một lần vi phạm nguyên tắc làm việc, nội quy, quy định của Nhà trường		2		
3,5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3,6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3,7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3,8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3,9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3,10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4,1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5		
4,2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4,3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4,4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	
	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:			**168**	

Tự phân loại đánh giá mức: A+

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TS. Bùi Thị Thu Thủy

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Nguyễn Tiến Hưng

Mẫu số 02

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM

(Dành cho cá nhân là giảng viên và kỹ sư)

Họ và tên: Phạm Minh Hải
Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên
Đơn vị công tác: Bộ môn Kế toán doanh nghiệp

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**			**120**	
1,1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**				
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 820 giờ Số giờ miễn giảm: B = 27 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ Điểm đánh giá quy đổi Đ_Gl: $Đ\_Gl = \frac{(A+B)}{} \times 30$	Đ_Gl		94	
1,2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**				
	Số giờ NCKH thuần túy quy đổi: D = 180 giờ Số giờ NCKH phục vụ sản xuất quy đổi : E = 0 giờ (E tối đa bằng = 50% F) Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: F = 150 giờ Số giờ miễn giảm: G = 15 giờ Điểm đánh giá quy đổi : $Đ\_N = (D+E+G)/F \times 20$	Đ_NCK		26	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**			**0**	
2,1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết….				
2,2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản				
2,3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản				
2,4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản				
3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
3,1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		
3,2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3,3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3,4	Một lần vi phạm nguyên tắc làm việc, nội quy, quy định của Nhà trường		2		
3,5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3,6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3,7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3,8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3,9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3,10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4,1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5		
4,2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4,3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4,4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	
	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:			**160**	

Tự phân loại đánh giá mức: A+

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TS. Bùi Thị Thu Thủy

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

PHẠM MINH HẢI

Mẫu số 02

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM

(Dành cho cá nhân là giảng viên và kỹ sư)

Họ và tên: PHẠM THU HƯƠNG
Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên
Đơn vị công tác: Bộ môn Kế toán doanh nghiệp

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**			**98**	
1,1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**				
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 606,3 giờ Số giờ miễn giảm: B = 0 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ Điểm đánh giá quy đổi $Đ\_GD$: $Đ\_GD = (A+B)/C \times 30$	$Đ\_GD$		67	
1,2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**				
	Số giờ NCKH thuần túy quy đổi: D = 230 giờ Số giờ NCKH phục vụ sản xuất quy đổi : E = 0 giờ (E tối đa bằng = 50% F) Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: F = 150 giờ Số giờ miễn giảm: G = 0 giờ Điểm đánh giá quy đổi $Đ\_NCKH$: $Đ\_NCKH = (D+E+G)/F \times 20$	$Đ\_NCKH$		31	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**			**0**	
2,1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết....				
2,2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản				
2,3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản				
2,4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản				
3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	
3,1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
3,2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3,3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3,4	Một lần vi phạm nguyên tắc làm việc, nội quy, quy định của Nhà trường		2		
3,5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3,6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3,7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3,8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3,9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3,10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4,1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5		
4,2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4,3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4,4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	
	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:			**138**	

Tự phân loại đánh giá mức: A+

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TS. Bùi Thị Thu Thủy

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

PHẠM THU HƯƠNG

Mẫu số 02

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM

(Dành cho cá nhân là giảng viên và kỹ sư)

Họ và tên: Dương Thị Nhàn
Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên
Đơn vị công tác: Bộ môn Kế toán doanh nghiệp

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**			**123,6**	
1,1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**				
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 707,5 giờ Số giờ miễn giảm: B = 135 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ Điểm đánh giá quy đổi $Đ\_GD$: $Đ\_G = (A+B)/C \times 30$	$Đ\_GD$		93,6	
1,2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**				
	Số giờ NCKH thuần túy quy đổi: D = 150 giờ Số giờ NCKH phục vụ sản xuất quy đổi : E = 0 giờ (E tối đa bằng = 50% F) Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: F = 150 giờ Số giờ miễn giảm: G = 75 giờ Điểm đánh giá quy đổi : $Đ\_{NC} = (D+E+G)/F \times 20$	$Đ\_NCKH$		30	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**			**0**	
2,1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết….				
2,2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản				
2,3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản				
2,4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản				
3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
3,1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		
3,2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3,3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3,4	Một lần vi phạm nguyên tắc làm việc, nội quy, quy định của Nhà trường		2		
3,5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3,6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3,7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3,8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3,9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3,10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4,1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5		
4,2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4,3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4,4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	
	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:			**163,6**	

Tự phân loại đánh giá mức: A+

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TS. Bùi Thị Thu Thủy

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Dương Thị Nhàn

Mẫu số 02

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM

(Dành cho cá nhân là giảng viên và kỹ sư)

Họ và tên: NGUYỄN THỊ MINH THU
Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên
Đơn vị công tác: Bộ môn Kế toán doanh nghiệp

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**			**169**	
1,1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**				
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 1031 giờ Số giờ miễn giảm: B = 162 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ Điểm đánh giá quy đổi Đ_Gl: $Đ\_Gl = \frac{(A+B)}{C} \times 30$	Đ_Gl		133	
1,2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**				
	Số giờ NCKH thuần túy quy đổi: D = 180 giờ Số giờ NCKH phục vụ sản xuất quy đổi : E = 0 giờ (E tối đa bằng = 50% F) Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: F = 150 giờ Số giờ miễn giảm: G = 90 giờ Điểm đánh giá quy đổi : $Đ\_N = \frac{(D+E+G)}{F} \times 20$	Đ_NCK		36	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**			**0**	
2,1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết….				
2,2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản				
2,3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản				
2,4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản				
3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	
3,1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
3,2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3,3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3,4	Một lần vi phạm nguyên tắc làm việc, nội quy, quy định của Nhà trường		2		
3,5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3,6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3,7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3,8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3,9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3,10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4,1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5		
4,2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4,3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4,4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	
	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:			**209**	

Tự phân loại đánh giá mức: A+

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TS. Bùi Thị Thu Thủy

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

NGUYỄN THỊ MINH THU

Mẫu số 02

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM

(Dành cho cá nhân là giảng viên và kỹ sư)

Họ và tên: LÊ THỊ THU HỒNG
Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên
Đơn vị công tác: Bộ môn Kế toán doanh nghiệp

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**			**134**	
1,1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**				
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 775,27 giờ Số giờ miễn giảm: B = 135 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ Điểm đánh giá quy đổi Đ_GD : $Đ\_G = (A+B)/C \times 30$	Đ_GD		101	
1,2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**				
	Số giờ NCKH thuần túy quy đổi: D = 250 giờ Số giờ NCKH phục vụ sản xuất quy đổi : E = 0 giờ (E tối đa bằng = 50% F) Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: F = 150 giờ Số giờ miễn giảm: G = giờ Điểm đánh giá quy đổi Đ_NCKH : $Đ\_{NC} = (D+E+G)/F \times 20$	Đ_NCKH		33	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**			**0**	
2,1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết….				
2,2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản				
2,3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản				
2,4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản				
3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	
3,1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
3,2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3,3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3,4	Một lần vi phạm nguyên tắc làm việc, nội quy, quy định của Nhà trường		2		
3,5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3,6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3,7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3,8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3,9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3,10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4,1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5		
4,2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4,3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4,4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	
	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:			**174**	

Tự phân loại đánh giá mức: A+

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TS. Bùi Thị Thu Thủy

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

LÊ THỊ THU HỒNG

Mẫu số 02

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM

(Dành cho cá nhân là giảng viên và kỹ sư)

Họ và tên: NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG
Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên
Đơn vị công tác: Bộ môn Kế toán doanh nghiệp

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**			**93**	
1.1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**				
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 403,57 giờ Số giờ miễn giảm: B = 162 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ Điểm đánh giá quy đổi $Đ_{GD}$: $Đ_{GD} = \frac{A+B}{C} \times 30$	$Đ_{GD}$		63	
1.2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**				
	Số giờ NCKH thuần túy quy đổi: D = 150 giờ Số giờ NCKH phục vụ sản xuất quy đổi : E = 0 giờ (E tối đa bằng = 50% F) Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: F = 150 giờ Số giờ miễn giảm: G = 75 giờ Điểm đánh giá quy đổi : $Đ_{NCKH} = \frac{D+E+G}{F} \times 20$	$Đ_{NCKH}$		30	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**				
2.1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết....				
2.2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản				
2.3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản				
2.4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản				
3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	
3.1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
3.2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3.3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3.4	Một lần vi phạm nguyên tắc làm việc, nội quy, quy định của Nhà trường		2		
3.5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3.6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3.7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3.8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3.9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3.10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4.1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5		
4.2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4.3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4.4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	
	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:			**133**	

Tự phân loại đánh giá mức: A+

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Duy Lae

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG

Mẫu số 02

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM

(Dành cho cá nhân là giảng viên và kỹ sư)

Họ và tên: VŨ NGỌC THỊNH
Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên, Thạc sĩ
Đơn vị công tác: Bộ môn Kế toán doanh nghiệp

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**			**100**	
1,1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**				
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 667 giờ Số giờ miễn giảm: B = 13,5 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ Điểm đánh giá quy đổi Đ_GD Đ_G = (A+B)/C x 30	Đ_GD		76	
1,2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**				
	Số giờ NCKH thuần túy quy đổi: D = 180 giờ Số giờ NCKH phục vụ sản xuất quy đổi : E = 0 giờ (E tối đa bằng = 50% F) Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: F = 150 giờ Số giờ miễn giảm: G = 0 giờ Điểm đánh giá quy đổi : Đ_NCKH = (D+E+G)/F x 20	Đ_NCKH		24	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**			**0**	
2,1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết....	2			
2,2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2,3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2,4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản		2		
3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
3,1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		
3,2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3,3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3,4	Một lần vi phạm nguyên tắc làm việc, nội quy, quy định của Nhà trường		2		
3,5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3,6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3,7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3,8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3,9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3,10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4,1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5		
4,2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4,3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4,4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	
	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:			**140**	

Tự phân loại đánh giá mức: A+

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TS. Bùi Thị Thu Thủy

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

VŨ NGỌC THỊNH

Mẫu số 02

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM

(Dành cho cá nhân là giảng viên)

Họ và tên: Phan Minh Quang
Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên
Đơn vị công tác: Bộ môn Kế toán doanh nghiệp

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**			**115**	
1,1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**				
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 879,25 giờ Số giờ miễn giảm: B = 0 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ Điểm đánh giá quy đổi Đ : Đ = (A+ × 30	Đ_GD		**97,7**	
1,2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**				
	Số giờ NCKH thuần túy quy đổi: D = 130 giờ Số giờ NCKH phục vụ sản xuất quy đổi : E = 0 giờ (E tối đa bằng = 50% F) Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: F = 150 giờ Số giờ miễn giảm: G = 0 giờ Điểm đánh giá quy đổi Đ_NC : Đ_NC = (D+E+G × 20	Đ_NCKH		**17,3**	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**				
2,1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết....				
2,2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản				
2,3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản				
2,4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản				
3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	
3,1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
3,2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3,3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3,4	#REF!		2		
3,5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3,6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3,7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3,8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3,9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3,10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4,1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5		
4,2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4,3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4,4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	
	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:			**155**	

Tự phân loại đánh giá mức: A

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TS. Bùi Thị Thu Thủy

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Phan Minh Quang

Mẫu số 02

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM
(Dành cho cá nhân là giảng viên)

Họ và tên: Nguyễn Thục Anh
Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên
Đơn vị công tác: Bộ môn kế toán DN - Khoa KT&QTKD

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**			**86**	
1,1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**			51	
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 432,42 giờ Số giờ miễn giảm: B = 27 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ Điểm đánh giá quy đổi Đ : Đ = (A+ × 30			51	
1,2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**			35	
	Số giờ NCKH thuần túy quy đổi: D = 250 giờ Số giờ NCKH phục vụ sản xuất quy đổi : E = ... giờ (E tối đa bằng = 50% F) Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: F = 150 giờ Số giờ miễn giảm: G = 15 giờ Điểm đánh giá quy đổi Đ_NC : Đ_NC = (D+E+G × 20			35	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**				
2,1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết....	2			
2,2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2,3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2,4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản		2		
3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	
3,1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
3,2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3,3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3,4	#REF!		2		
3,5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3,6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3,7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3,8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3,9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3,10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4,1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5		
4,2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4,3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4,4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	
	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:			126	

Tự phân loại đánh giá mức: A+

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TS. Bùi Thị Thu Thủy

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Nguyễn Thục Anh

Họ và tên: Vũ Diệp Anh

Bộ môn: Kinh tế cơ sở

Khoa: Kinh tế và QTKD

Chức danh:Giảng viên

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ
Năm học: 2014-2015

(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá (Có đề tài, bài báo, báo cáo KH, Hợp đồng LĐSX thì copy trang đầu và trang cuối kèm theo phụ lục này)	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:** - Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy (số giờ quy định trong học kỳ là 280 (tổng số giờ giảng trong năm học là: 350) đạt 5 điểm	5,0	5,0		
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1 điểm (cụ thể vượt 25%)			1	
	- Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5 điểm (Tên giáo trình)			5	
	- Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4 điểm (Tên chương trình)			4	
	- Xây dựng đề cương môn học và có hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 2 điểm (Nhóm sinh viên hướng dẫn NCKH: Kế toán K57)			2	1
	- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, thi Olympic đạt giải nhất, Nhì, Ba, khuyến khích cấp Trường được thưởng 1 điểm (Tên giải) - Giải nhất sinh viên nghiên cứu khoa học tại Hội nghị khoa học sinh viên lần thứ 28			1	1
	- Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, Nhì, Ba, khuyến khích cấp Quốc gia hoặc đạt giải Tài năng trẻ được thưởng 3 điểm (Tên giải)			3	
	- Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 2 điểm (Tên giải)			2	

	- Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 2 điểm (Tên sáng kiến)			2	
	- Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến)			0,5	
2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:** (Chủ trì đề tài, bài báo, báo cáo khoa học và hoạt động LĐSX là đạt 4 điểm) (ghi rõ tên đề tài, bài báo…) 3 bài báo trong HNKH lần thứ 21 ĐH Mỏ - Địa Chất: - Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam – Thực trạng và giải pháp - Chuỗi cung ứng ngành Dệt may Việt Nam – Thực trạng và hướng hoàn thiện. - Nghiên cứu mỗi liên hệ giữa mức lương tối thiểu và tỷ lệ thất nghiệp ở Việt Nam	4,0	4,0		
	- **Đề tài cấp cơ sở** được nghiệm thu đúng thời hạn (Chủ trì được 2đ, các thành viên tham gia 1đ) (ghi rõ văn bản của HĐ)			3	
	- **Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành** dự án sản xuất thử đã được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (được 6 điểm; trong đó chủ trì được 4đ, các cộng tác viên được 2đ (ghi rõ văn bản của HĐ)			6	
	- **Đề tài cấp Nhà nước**: 10 đ/đề tài đã được nghiệm thu đúng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ. Trong đó chủ trì đề tài dược 7đ, các cộng tác viên được 3đ (ghi rõ văn bản của HĐ)			10	
	- **Hợp đồng kinh tế kỹ thuật phục vụ sản xuất**: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định (đóng góp 5 triệu đồng cho Trường được thưởng 1điểm, Đóng góp cho Công ty và các Trung tâm 10 triệu động được thưởng 1 điểm) (ghi rõ hợp đồng, tổng số tiền đã nộp, tự cho điểm vào cột điểm thưởng)				
	Báo cáo khoa học				
	+ Cấp Trường và cấp tương đương (3 bài báo trong HNKH lần thứ 21 ĐH Mỏ - Địa Chất) 2điểm/báo cáo			2	2
	+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4 điểm/báo cáo			4	

	+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8 điểm/báo cáo			8	
	+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn 1 báo cáo được 0,5 điểm; cấp khoa được 1 điểm/1 báo cáo			0,5 - 1	
	- Bài báo + Đăng ở Tạp chí của Trường, Ngành trở lên (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 2 điểm/bài			2	
	+ Đăng ở tạp chí nước ngoài (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 16 điểm/bài			16	
3	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; Tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0,5 điểm	0,5	0,5		
4	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ đạt 0,5 điểm	0,5	0,5		
5	Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25đ Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nề nếp, sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25đ	0,5	0,5		
	Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v... được thưởng 1 điểm			1,0	1,0
	Tổng số điểm hoàn thành nhiệm vụ = 10,5 điểm + điểm thưởng (nếu có)		**10,5**		**5**

Tổng cộng (1)+(2)+(3)+(4) +(5) + 5 điểm thưởng = 15,5 điểm

Tự đánh giá danh hiệu thi đua: Lao động tiên tiến

Ngày 15 tháng 5 năm 2015

Ý kiến của bộ môn KTCS

Nguyễn Bá Hải

Người khai

Vũ Diệp Anh

Xác nhận của Khoa KT&QTKD

Nguyễn Duy Lạc

Họ và tên: Trần Anh Dũng
Bộ môn Kinh tế Cơ sở
Khoa Kinh tế & QTKD
Chức danh: Giảng viên

THUYẾT MINH SÁNG KIẾN

Tên sáng kiến:

"Đưa các ví dụ thực tế từ các doanh nghiệp vào bài giảng học phần ***Mô hình toán kinh tế*** giúp sinh viên làm quen và giải quyết được các bài toán trong thực tế"

Học phần ***Mô hình toán kinh tế*** giúp sinh viên hiểu rõ và áp dụng vào việc giải các bài toán kinh tế trong thực tế, từ đó có thể đưa ra những quyết định chính xác giúp Doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả hơn. Để có thể hiểu rõ và áp dụng được học phần Mô hình toán kinh tế vào thực tế đòi hỏi sinh viên phải xử lý các ví dụ trong bài giảng được đưa ra trong quá trình học, việc thực hành này rất quan trọng đối với sinh viên. Qua nhiều năm giảng dạy môn học này, tôi nhận thấy các ví dụ trong bài giảng chủ yếu là những ví dụ nhỏ mang tính lý thuyết khiến cho sinh viên thiếu kinh nghiệm giải quyết những bài toán phức tạp trong thực tế. Chính vì thế khi ra trường sinh viên rất bỡ ngỡ và phải mất nhiều thời gian trong việc làm quen và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tế công việc.

Để giải quyết vấn đề này, tôi đã tìm hiểu thực tế ở một số Doanh nghiệp và lấy ra một số ví dụ đặc trưng để đưa vào bài giảng cho sinh viên thực hành. Điều này khiến cho sinh viên làm quen sớm với các tình huống trong thực tế do đó khi ra trường sinh viên có thể giải quyết công việc tốt hơn.

Ý kiến của đơn vị quản lý
Bộ môn Kinh tế Cơ sở

Ng văn Bưởi

Người khai

Trần Anh Dũng

Xác nhận của Khoa

Nguyễn Duy Lạc

Mẫu 1. Báo cáo thành tích của tập thể đề nghị tặng thưởng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua của Chính phủ; Cờ thi đua và Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tập thể lao động xuất sắc.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ-ĐỊA CHẤT
ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Hà Nội, ngày.... tháng... năm....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
đề nghị tặng thưởng...

I- Sơ lược đặc điểm, tình hình đơn vị:

1- Đặc điểm, tình hình:

- Tên đơn vị: (ghi đầy đủ, không viết tắt).
- Địa điểm trụ sở chính:
- Quá trình thành lập:
- Tóm tắt cơ cấu tổ chức: phòng, ban, đơn vị trực thuộc; tổng số cán bộ, công chức, nhân viên; chất lượng đội ngũ cán bộ, nhân viên (trình độ chuyên môn, nghiệp vụ...); các tổ chức đảng, đoàn thể; những đặc điểm chính của đơn vị, địa phương (về điều kiện tự nhiên, xã hội); những thuận lợi, khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ.
- Cơ sở vật chất:

2- Chức năng, nhiệm vụ: những chức năng, nhiệm vụ được giao (hoặc đảm nhận).

II- Thành tích đạt được:

1- Báo cáo thành tích căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan (đơn vị) và đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi đua Khen thưởng;

Nội dung báo cáo nêu rõ thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu (nhiệm vụ) cụ thể về năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác so với các năm trước (hoặc so với lần khen thưởng trước đây); việc đổi mới công tác quản lý, cải cách hành chính; các sáng kiến, kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học và việc ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội đối với bộ, ban, ngành, địa phương và cả nước.

2- Những biện pháp trong tổ chức thực hiện và những nguyên nhân đạt được thành tích; các phong trào thi đua đã được áp dụng trong thực tiễn sản xuất, công tác.

3- Thực hiện các nhiệm vụ khác:

4- Phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới (nêu ngắn, gọn):

III- Các hình thức khen thưởng đã được ghi nhận: Ghi rõ số quyết định khen thưởng.

Thủ trưởng đơn vị cấp trên trực tiếp nhận xét, xác nhận
(Khoa hoặc Trường)

Thủ trưởng đơn vị
(Bộ môn, Khoa, Phòng)

Xác nhận của cấp trình khen
(Trường)

	- Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến)			0,5	0
2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:** (Chủ trì đề tài, bài báo, báo cáo khoa học và hoạt động LĐSX là đạt 4 điểm) (ghi rõ tên đề tài, bài báo…)	4,0	4,0		0
	- **Đề tài cấp cơ sở** được nghiệm thu đúng thời hạn (Chủ trì được 2đ, các thành viên tham gia 1đ) (ghi rõ văn bản của HĐ)			3	0
	- **Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành** dự án sản xuất thử đã được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (được 6 điểm; trong đó chủ trì được 4đ, các cộng tác viên được 2đ (ghi rõ văn bản của HĐ)			6	0
	- **Đề tài cấp Nhà nước**: 10 đ/đề tài đã được nghiệm thu đúng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ. Trong đó chủ trì đề tài dược 7đ, các cộng tác viên được 3đ (ghi rõ văn bản của HĐ)			10	0
	- **Hợp đồng kinh tế kỹ thuật phục vụ sản xuất**: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định (đóng góp 5 triệu đồng cho Trường được thưởng 1điểm, Đóng góp cho Công ty và các Trung tâm 10 triệu động được thưởng 1 điểm) (ghi rõ hợp đồng, tổng số tiền đã nộp, tự cho điểm vào cột điểm thưởng)				0
	Báo cáo khoa học				
	+ Tham gia 1 báo cáo cấp Trường			2	2
	+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4 điểm/báo cáo			4	0
	+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8 điểm/báo cáo "Influences of radioactive in exploitation titanium in Binh Dinh provice, Vietnam"			8	4
	+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn 1 báo cáo được 0,5 điểm; cấp khoa được 1 điểm/1 báo cáo			0,5 - 1	0
	- Bài báo + Đăng ở Tạp chí của Trường, Ngành trở lên (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 2 điểm/bài			2	0

Họ và tên: Trần Anh Dũng

Bộ môn: Kinh tế Cơ sở

Khoa: Kinh tế & QTKD

Chức danh: Giảng viên

Phụ lục II
BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ
Năm học: 2012-2013

(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá (Có đề tài, bài báo, báo cáo KH, Hợp đồng LĐSX thì copy trang đầu và trang cuối kèm theo phụ lục này)	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:** - Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy (số giờ quy định trong học kỳ là 280 (tổng số giờ giảng trong năm học là: 541) đạt 5 điểm	5,0	5,0		
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1 điểm (cụ thể vượt 114%)			1	1
	- Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5 điểm (Tên giáo trình)			5	0
	- Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4 điểm (Tên chương trình)			4	0
	- Xây dựng đề cương môn học và có hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 2 điểm (Tên đề cương môn học và nhóm sinh viên hướng dẫn NCKH)			2	
	- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, thi Olympic đạt giải nhất, Nhì, Ba, khuyến khích cấp Trường được thưởng 1 điểm (Tên giải)			1	0
	- Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, Nhì, Ba, khuyến khích cấp Quốc gia hoặc đạt giải Tài năng trẻ được thưởng 3 điểm (Tên giải)			3	0
	- Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 2 điểm (Tên giải)			2	0
	- Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 2 điểm. Sáng kiến: "Đưa các ví dụ thực tế từ các doanh nghiệp vào bài giảng học phần "Tin học ứng dụng" giúp sinh viên làm quen với những tình huống phát sinh trong thực tế"			2	2

	+ Đăng ở tạp chí nước ngoài (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 16 điểm/bài			16	0
3	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; Tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0,5 điểm	0,5	0,5		
4	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ đạt 0,5 điểm	0,5	0,5		
5	Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25đ Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nề nếp, sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25đ	0,5	0,5		
	Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v... được thưởng 1 điểm			1,0	1,0
	Tổng số điểm hoàn thành nhiệm vụ = 10,5 điểm + điểm thưởng (nếu có)		**10,5**		**10**

Tổng cộng (1)+(2)+(3)+(4) +(5) + 8 điểm thưởng = 20,5 điểm

Tự đánh giá danh hiệu thi đua: ***Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở***

Ngày 22 tháng 05 năm 2015

Ý kiến của đơn vị quản lý

Bộ môn Kinh tế Cơ sở

Ng văn Bưởi

Người khai

Trần Anh Dũng

Xác nhận của Khoa

Nguyễn Duy Lạc

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Ngọc

Bộ môn: Kinh tế cơ sở

Khoa: Kinh tế và QTKD

Chức danh:Giảng viên chính

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ
Năm học: 2014-2015

(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá (Có đề tài, bài báo, báo cáo KH, Hợp đồng LĐSX thì copy trang đầu và trang cuối kèm theo phụ lục này)	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:** - Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy (số giờ quy định trong học kỳ là 320 (tổng số giờ giảng trong năm học là: 571) đạt 5 điểm	5,0	5,0		
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1 điểm (cụ thể vượt 25%)			1	1
	- Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5 điểm (Tên giáo trình)			5	
	- Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4 điểm (Tên chương trình)			4	
	- Xây dựng đề cương môn học và có hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 2 điểm (Nhóm sinh viên hướng dẫn NCKH: Kế toán K56)			2	2
	- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, thi Olympic đạt giải nhất, Nhì, Ba, khuyến khích cấp Trường được thưởng 1 điểm (Tên giải)			1	
	- Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, Nhì, Ba, khuyến khích cấp Quốc gia hoặc đạt giải Tài năng trẻ được thưởng 3 điểm (Tên giải)			3	
	- Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 2 điểm (Tên giải)			2	
	- Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 2 điểm (Tên sáng kiến)			2	
	- Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến) *Vận dụng phương pháp giảng dạy Case Study trong giảng dạy môn Nguyên lý thống kê*			0,5	0,5

2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:** (Chủ trì đề tài, bài báo, báo cáo khoa học và hoạt động LĐSX là đạt 4 điểm) (ghi rõ tên đề tài, bài báo…)	4,0	4,0		
	- **Đề tài cấp cơ sở** được nghiệm thu đúng thời hạn (Chủ trì được 2đ, các thành viên tham gia 1đ) (ghi rõ văn bản của HĐ)			3	
	- **Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành** dự án sản xuất thử đã được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (được 6 điểm; trong đó chủ trì được 4đ, các cộng tác viên được 2đ (ghi rõ văn bản của HĐ)			6	
	- **Đề tài cấp Nhà nước**: 10 đ/đề tài đã được nghiệm thu đúng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ. Trong đó chủ trì đề tài dược 7đ, các cộng tác viên được 3đ (ghi rõ văn bản của HĐ)			10	
	- **Hợp đồng kinh tế kỹ thuật phục vụ sản xuất**: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định (đóng góp 5 triệu đồng cho Trường được thưởng 1điểm, Đóng góp cho Công ty và các Trung tâm 10 triệu động được thưởng 1 điểm) (ghi rõ hợp đồng, tổng số tiền đã nộp, tự cho điểm vào cột điểm thưởng) - Đề tài NCKH –PVSX: "Nâng cao chất lượng công tác quản trị chi phí tại Công ty Cổ phần than Hà Tu - VINACOMIN - Hoàn thiện công tác khoán quản trị chi phí phân xưởng tại Công ty Xây dựng mỏ Hầm lò II - TKV - Hợp đồng đào tạo và chuyển giao công nghệ cho Công ty Xây dựng Mỏ Hầm lò II – TKV			1	1
	Báo cáo khoa học				
	+ Cấp Trường và cấp tương đương (2 bài báo trong HNKH lần thứ 21 ĐH Mỏ - Địa Chất) 2điểm/báo cáo			4	2
	+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4 điểm/báo cáo			4	
	+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8 điểm/báo cáo			8	
	+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn: có 1 báo cáo được 0,5 điểm			0,5 - 1	0,5
	- Bài báo + Đăng ở Tạp chí của Trường, Ngành trở lên (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 2 điểm/bài			2	
	+ Đăng ở tạp chí nước ngoài (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 16 điểm/bài			16	
3	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; Tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0,5 điểm	0,5	0,5		
4	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ đạt 0,5 điểm	0,5	0,5		

5	Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25đ Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nề nếp, sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25đ	0,5	0,5		
	Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v... được thưởng 1 điểm			1,0	1,0
	Tổng số điểm hoàn thành nhiệm vụ = 10,5 điểm + điểm thưởng (nếu có)		**10,5**		**8**

Tổng cộng (1)+(2)+(3)+(4) +(5) + 5 điểm thưởng = 18,5 điểm

Tự đánh giá danh hiệu thi đua: Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở

Ngày 15 tháng 5 năm 2015

Ý kiến của bộ môn KTCS

Ng văn Bình

Người khai

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Xác nhận của Khoa KT&QTKD

Nguyễn Duy Lạc

Họ và tên: Trần Anh Dũng

Bộ môn: Kinh tế Cơ sở

Khoa: Kinh tế & QTKD

Chức danh: Giảng viên

Phụ lục II

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ

Năm học: 2012-2013

(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá (Có đề tài, bài báo, báo cáo KH, Hợp đồng LĐSX thì copy trang đầu và trang cuối kèm theo phụ lục này)	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:** - Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy (số giờ quy định trong học kỳ là 280 (tổng số giờ giảng trong năm học là: 541) đạt 5 điểm	5,0	5,0		
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1 điểm (cụ thể vượt 114%)			1	1
	- Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5 điểm (Tên giáo trình)			5	0
	- Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4 điểm (Tên chương trình)			4	0
	- Xây dựng đề cương môn học và có hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 2 điểm (Tên đề cương môn học và nhóm sinh viên hướng dẫn NCKH)			2	
	- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, thi Olympic đạt giải nhất, Nhì, Ba, khuyến khích cấp Trường được thưởng 1 điểm (Tên giải)			1	0
	- Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, Nhì, Ba, khuyến khích cấp Quốc gia hoặc đạt giải Tài năng trẻ được thưởng 3 điểm (Tên giải)			3	0
	- Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 2 điểm (Tên giải)			2	0
	- Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 2 điểm. Sáng kiến: "Đưa các ví dụ thực tế từ các doanh nghiệp vào bài giảng học phần "Tin học ứng dụng" giúp sinh viên làm quen với những tình huống phát sinh trong thực tế"			2	2

	-Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến)			0,5	0
2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:** (Chủ trì đề tài, bài báo, báo cáo khoa học và hoạt động LĐSX là đạt 4 điểm) (ghi rõ tên đề tài, bài báo…)	4,0	4,0		0
	- **Đề tài cấp cơ sở** được nghiệm thu đúng thời hạn (Chủ trì được 2đ, các thành viên tham gia 1đ) (ghi rõ văn bản của HĐ)			3	0
	- **Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành** dự án sản xuất thử đã được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (được 6 điểm; trong đó chủ trì được 4đ, các cộng tác viên được 2đ (ghi rõ văn bản của HĐ)			6	0
	- **Đề tài cấp Nhà nước**: 10 đ/đề tài đã được nghiệm thu đúng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ. Trong đó chủ trì đề tài dược 7đ, các cộng tác viên được 3đ (ghi rõ văn bản của HĐ)			10	0
	- **Hợp đồng kinh tế kỹ thuật phục vụ sản xuất**: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định (đóng góp 5 triệu đồng cho Trường được thưởng 1điểm, Đóng góp cho Công ty và các Trung tâm 10 triệu động được thưởng 1 điểm) (ghi rõ hợp đồng, tổng số tiền đã nộp, tự cho điểm vào cột điểm thưởng)				0
	Báo cáo khoa học				
	+ Tham gia 1 báo cáo cấp Trường			2	2
	+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4 điểm/báo cáo			4	0
	+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8 điểm/báo cáo "Influences of radioactive in exploitation titanium in Binh Dinh provice, Vietnam"			8	4
	+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn 1 báo cáo được 0,5 điểm; cấp khoa được 1 điểm/1 báo cáo			0,5 - 1	0
	- **Bài báo** + Đăng ở Tạp chí của Trường, Ngành trở lên (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 2 điểm/bài			2	0

	+ Đăng ở tạp chí nước ngoài (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 16 điểm/bài			16	0
3	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; Tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0,5 điểm	0,5	0,5		
4	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ đạt 0,5 điểm	0,5	0,5		
5	Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25đ Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nề nếp, sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25đ	0,5	0,5		
	Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v... được thưởng 1 điểm			1,0	1,0
	Tổng số điểm hoàn thành nhiệm vụ = 10,5 điểm + điểm thưởng (nếu có)		**10,5**		**10**

Tổng cộng (1)+(2)+(3)+(4) +(5) + 8 điểm thưởng = 20,5 điểm

Tự đánh giá danh hiệu thi đua: ***Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở***

Ngày 22 tháng 05 năm 2015

Ý kiến của đơn vị quản lý

Bộ môn Kinh tế Cơ sở

Ng văn Bình

Người khai

Trần Anh Dũng

Xác nhận của Khoa

Nguyễn Duy Lạc

Họ và tên: Trần Anh Dũng
Bộ môn Kinh tế Cơ sở
Khoa Kinh tế & QTKD
Chức danh: Giảng viên

THUYẾT MINH SÁNG KIẾN

Tên sáng kiến:

"Đưa các ví dụ thực tế từ các doanh nghiệp vào bài giảng học phần ***Mô hình toán kinh tế*** giúp sinh viên làm quen và giải quyết được các bài toán trong thực tế"

Học phần ***Mô hình toán kinh tế*** giúp sinh viên hiểu rõ và áp dụng vào việc giải các bài toán kinh tế trong thực tế, từ đó có thể đưa ra những quyết định chính xác giúp Doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả hơn. Để có thể hiểu rõ và áp dụng được học phần Mô hình toán kinh tế vào thực tế đòi hỏi sinh viên phải xử lý các ví dụ trong bài giảng được đưa ra trong quá trình học, việc thực hành này rất quan trọng đối với sinh viên. Qua nhiều năm giảng dạy môn học này, tôi nhận thấy các ví dụ trong bài giảng chủ yếu là những ví dụ nhỏ mang tính lý thuyết khiến cho sinh viên thiếu kinh nghiệm giải quyết những bài toán phức tạp trong thực tế. Chính vì thế khi ra trường sinh viên rất bỡ ngỡ và phải mất nhiều thời gian trong việc làm quen và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tế công việc.

Để giải quyết vấn đề này, tôi đã tìm hiểu thực tế ở một số Doanh nghiệp và lấy ra một số ví dụ đặc trưng để đưa vào bài giảng cho sinh viên thực hành. Điều này khiến cho sinh viên làm quen sớm với các tình huống trong thực tế do đó khi ra trường sinh viên có thể giải quyết công việc tốt hơn.

Ý kiến của đơn vị quản lý
Bộ môn Kinh tế Cơ sở

Nguyễn Văn Bình

Người khai

Trần Anh Dũng

Xác nhận của Khoa

Nguyễn Duy Lạc

Mẫu số 1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Đơn vị: Kinh tế cơ sở

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2016

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VÀ XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG NĂM 2016
(Đối với cá nhân)

Họ và tên: Nguyễn Văn Bưởi

Chức danh nghề nghiệp: CBGD

Đơn vị công tác: Bộ môn KTCS, Khoa Kinh tế- QTKD

TT	Nội dung đánh giá (Đọc kĩ phần lưu ý ở cuối bảng để kê khai chính xác)	Thang điểm	Tự đánh giá	Cấp quản lý trực tiếp đánh giá	Cấp có thẩm quyền đánh giá
1	**Đánh giá mực độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm, bao gồm cả nhiệm vụ đột xuất**	**0-10**	**10**	10	
	- Hoàn thành vượt mức tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là: 1200 giờ)	8-10	10	10	
	- Hoàn thành 100% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ với chất lượng tốt.	6-8			
	-Hoàn thành 70 đến dưới 100% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ với chất lượng khá trở lên.	4-6			
	-Hoàn thành 50 đến dưới 70% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ.	1-4			
	-Hoàn thành dưới 50% nghĩa vụ được giao hoặc để xảy ra vụ việc gây hậu quả đến mức bị xử lý kỷ luật với hình thức cảnh cáo trở lên.	0			
2	**Đánh giá tinh thần thái độ làm việc**	**0-10**	**10**	**10**	
2.1	Lập trường, tư tưởng chính trị, sự chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Nhà trường; kỷ luật lao động.	0-2	2	2	
2.2	Phẩm chất đạo đức, lối sống; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp và đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	0-2	2	2	
2.3	Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật; tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm được giao.	0-2	2	2	
2.4	Việc học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.	0-2	2	2	
2.5	Hiệu quả quản lý và sử dụng các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu.	0-2	2	2	
3	**Đánh giá kết quả hoạt động khoa học công nghệ, phát minh, sáng kiến…**		**3,6**	3.6	

3.1	Giáo trình cấp Trường in lần đầu.	0-3			
3.2	Giáo trình cấp Trường in tái bản có bổ sung, sửa chữa.	0-1.5			
3.3	Sách, giáo trình in lần đầu ở nhà xuất bản.	0-4			
3.4	Sách, giáo trình in tái bản có bổ sung, sửa chữa.	0-2			
3.5	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu. ***(Nhóm sv Kế toán doanh nghiệp L57)***	0.5			
3.6	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, thi Olympic đạt giải Nhất, Nhì, Ba cấp Trường.	1			
3.7	Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích cấp Quốc gia hoặc đạt giải Tài năng trẻ.	2			
3.8	Hướng dẫn sinh viên tham gia giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố.	1			
3.9	Đề tài cấp cơ sở đã được nghiệm thu đúng thời hạn. (đề tài:	0-2			
3.10	Đề tài, dự án sản xuất thử cấp Bộ, Tỉnh, Thành phố đã được nghiệm thu theo tiến độ (được tính điểm cho tối đa 2 năm)	0-3			
3.11	Đề tài cấp Nhà nước đã được nghiệm thu theo tiến độ (được tính điểm cho tối đa 3 năm).	0-6			
3.12	Hợp đồng, đề tài NCKH phục vụ sản xuất ký về các Công ty, Trung tâm của Nhà trường đã nghiệm thu, thanh lý (được tính điểm cho 1 năm và theo giá trị hợp đồng). (***Đề tài: "Tăng cường công tác quản trị chi phí kinh doanh tại Công ty Khai thác khoáng sản – Tổng Công ty Đông Bắc")***	(0-3)/ tỷ đồng	0,1	0.1	
3.13	Báo cáo khoa học cấp Trường và tương đương.	0-1			
3.14	Báo cáo khoa học cấp Quốc gia.	0-1.5			
3.15	Báo cáo khoa học cấp Quốc tế. . (1 báo cáo tại Hội thảo Khoa học quốc tế - EMMA2: Tăng cường công tác quản trị chi phí trong TKV)	0-3	3	3	
3.16	Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn.				
3.17	Bài báo khoa học tiếng Việt ở Tạp chí khoc học trong nước.	0-2			
3.18	Bài báo khoa học tiếng nước ngoài ở Tạp chí khoa học trong nước	0-2.5			
3.19	Bài báo khoa học tiếng nước ngoài ở Tạp chí khoa học tiếng nước ngoài.	0-3.5			
3.20	Bài báo khoa học ở tạp chí ISI và Scopus	0-5			
3.21	Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong công việc và công tác có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-1			
3.22	Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy và công tác có hiệu quả được Hội đồng thi đua cấp khoa công nhận và đánh giá (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3)	0-0.5	0.5	0.5	
3.23	Sáng tạo ra các công nghệ, phương pháp góp phần nâng cao năng suất lao động, hiệu quả công việc (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-5			
3.24	Có giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác	0-4			

	(Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).				
3.25	Xây dựng văn bản quản lý; xây dựng đề án, dự án về công tác quản lý và hoạt động chuyên môn được áp dụng có hiệu quả (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-4			
4	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân làm lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên)**	**0-3.5**	3.5	3.5	
4.1	Mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý.	0-3	2.5	2.5	
a)	Hoàn thành vượt tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là:.....); không có cá nhân bị xếp loại đánh giá ở mức C.	1,5-2,5	2.5	2.5	
b)	Hoàn thành từ 70 đến 100% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ với chất lượng tốt; không có cá nhân bị xếp loại đánh giá ở mức C.	1-1,5			
c)	Hoàn thành dưới 70% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ; hoặc có cá nhân bị xếp loại đánh giá ở mức C hoặc để xảy ra vụ việc gây hậu quả đến mức bị xử lý kỷ luật với hình thức cảnh cáo trở lên.	0			
4.2	Có uy tín, đơn vị đoàn kết.	0-1	1	1	
	Tổng:		**26.5**	26.5	

Tự đánh phân loại: A
Tự đánh giá thi đua: Đạt LĐTT

Người khai

Ng văn Bình

Mẫu số 3

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI SÁNG KIẾN

Họ và tên: Nguyễn Văn Bưởi
Đơn vị công tác: Bộ môn Kinh tế cơ sở, Khoa Kinh tế- Quản trị kinh doanh

STT	Nội dung sáng kiên, áp dụng công nghệ, các giải pháp trong quản lý đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, xây dựng văn bản quản lý…	Ưu điểm hoặc điểm khắc phục
1	Áp dụng phương pháp giảng dạy castady trong môn Thống kê kinh tế doanh nghiệp	
2		
3		

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 .năm 2016

Trưởng đơn vị

Nguyễn Duy Lợi

Người kê khai

Ng văn Bưởi

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Đơn vị:Bộ môn KTCS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2016

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VÀ XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG NĂM 2016
(Đối với cá nhân)

Họ và tên: Vũ Thị Hiền

Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên

Đơn vị công tác: Bộ môn Kinh tế cơ sở

TT	Nội dung đánh giá (Đọc kĩ phần lưu ý ở cuối bảng để kê khai chính xác)	Thang điểm	Tự đánh giá	Cấp quản lý trực tiếp đánh giá	Cấp có thẩm quyền đánh giá
1	**Đánh giá mực độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm, bao gồm cả nhiệm vụ đột xuất**	**0-10**	**10**		
	Hoàn thành vượt mức tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là: 500 tiết…….)	8-10	10		
2	**Đánh giá tinh thần thái độ làm việc**	**0-10**	**10**		
2.1	Lập trường, tư tưởng chính trị, sự chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Nhà trường; kỷ luật lao động.	0-2	2		
2.2	Phẩm chất đạo đức, lối sống; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp và đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	0-2	2		
2.3	Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật; tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm được giao.	0-2	2		
2.4	Việc học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.	0-2	2		
2.5	Hiệu quả quản lý và sử dụng các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu.	0-2	2		
3	**Đánh giá kết quả hoạt động khoa học công nghệ, phát minh, sáng kiến…**		**1,5**		
3.15	Báo cáo khoa học cấp Quốc tế. Báo cáo "Bio-gasoline E5 and the solution to develop its market", The 2st International Scientific Conference on Economic Management in Mineral Activities – EMMA 2015, ISBN-978-604-86-6038-3.	0-3	1,5		
	Tổng:		**21,5**		

Tự phân loại: B+

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Vũ Thị Hiền

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Đơn vị: Bộ môn KTCS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2016

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VÀ XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG NĂM 2016

(Đối với cá nhân)

Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Loan

Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên

Đơn vị công tác: Bộ môn Kinh tế cơ sở

TT	Nội dung đánh giá (Đọc kĩ phần lưu ý ở cuối bảng để kê khai chính xác)	Thang điểm	Tự đánh giá	Cấp quản lý trực tiếp đánh giá	Cấp có thẩm quyền đánh giá
1	**Đánh giá mực độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm, bao gồm cả nhiệm vụ đột xuất**	**0-10**	**10**		
•	Hoàn thành vượt mức tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là: 740 tiết…….)	8-10	10		
2	**Đánh giá tinh thần thái độ làm việc**	**0-10**	**10**		
2.1	Lập trường, tư tưởng chính trị, sự chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Nhà trường; kỷ luật lao động.	0-2	2		
2.2	Phẩm chất đạo đức, lối sống; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp và đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	0-2	2		
2.3	Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật; tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm được giao.	0-2	2		
2.4	Việc học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.	0-2	2		
2.5	Hiệu quả quản lý và sử dụng các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu.	0-2	2		
3	**Đánh giá kết quả hoạt động khoa học công nghệ, phát minh, sáng kiến…**		**2.5**		
3.3	Sách, giáo trình in lần đầu ở nhà xuất bản. Sách "Luật kinh tế-lý thuyết và ứng dụng" - Nhà xuất bản ĐHQGHN, 132 trang. Quyết định xuất bản số 633/LK-XH/QĐ- NXBĐHQGHN ngày 3/6/2016.	0-4	1.5		
3.5	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu. ***"Giải pháp thúc đẩy hoạt động quan hệ công chúng (PR) của trường đại học, áp dụng cho trường Đại học Mỏ - Địa chất"***	0.5	0.5		
3.16	Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn. - Làm rõ phương pháp xác định hệ số co giãn trên một	0-0,5	0.5		

	điểm của đường cầu và đường cung theo quy tắc PAPO - Làm rõ phương pháp quyết định lựa chọn yếu tố đầu vào của doanh nghiệp				
	Tổng:		**22,5**		

Tự phân loại: A

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Nguyễn Thị Hồng Loan

2018

Mẫu số 02

B? GIÁO D?C VÀ ĐÀO T?O
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

C?NG H?A X? H?I CH? NGH?A VI?T NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM

(Dành cho cá nhân là giảng viên và kỹ sư)

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Ngọc
Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên chính
Đơn vị công tác: Bộ môn Kinh tế cơ sở

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**				
1.1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**				
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 1195.9 giờ Số giờ miễn giảm: B = 15 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 310 giờ $Đ\_Gl = (A+B) \times 30$	$Đ\_Gl$		**117**	
1.2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**				
	Số giờ thực hiện quy đổi: D = 435 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: E = 210 giờ Điểm đánh giá quy đổi : $Đ\_NCK = \frac{D}{E} \times 20$	$Đ\_NCK$		**41**	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**				
2.1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết....	2		**2**	
2.2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản		2		

3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	
3.1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		
3.2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3.3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3.4	Một lần vi phạm nguyên tắc làm việc, nội quy, quy định của Nhà trường		2		
3.5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3.6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3.7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3.8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3.9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3.10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4.1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5		
4.2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4.3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4.4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	

	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:			**201**	

Tự phân loại đánh giá mức:A+

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Duy Lạc

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

NT B Ngọc

2019

Mẫu số 02

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM

(Dành cho cá nhân là giảng viên và kỹ sư)

Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Loan
Chức danh nghề nghiệp: GVC
Đơn vị công tác: Booj môn kinh tể cơ sở

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**				
1.1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**			61	
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 538 giờ Số giờ miễn giảm: B = 13,5 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ Điểm đánh giá quy đổi $Đ_{GD}$: 61 $Đ_{GD} = \frac{A+B}{C} \times 30$	$Đ_{GD}$		61	
1.2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**			39	
	Số giờ thực hiện quy đổi: D = 400 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: E = 210 giờ Điểm đánh giá quy đổi $Đ_{NCKH}$: 39 $Đ_{NCKH} = \frac{D}{E} \times 20$	$Đ_{NCKH}$		39	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**				
2.1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết....	2			
2.2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản		2		
3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**	0	**20**	
3.1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		

3.2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3.3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3.4	#REF!		2		
3.5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3.6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3.7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3.8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3.9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3.10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**	**0**	**10**	
4.1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5		
4.2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4.3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4.4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**	**0**	**6**	
	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**	**0**	**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:			**140**	

Tự phân loại đánh giá mức: A+

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Duy Lạc

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Nguyễn Thị Hồng Loan

2018

Mẫu số 02

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM
(Dành cho cá nhân là giảng viên)

Họ và tên: VŨ DIỆP ANH
Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên chính
Đơn vị công tác: Bộ môn Kinh tế cơ sở, Khoa Kinh tế - QTKD

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**				
1.1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**			**144,4**	
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 1256,4 giờ Số giờ miễn giảm: B = 43,2 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ Điểm đánh giá quy đổi $Đ_{GD}$: $Đ_{GD} = \frac{A+B}{C} \times 30$				
1.2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**			**29,87**	
	Số giờ NCKH thuần túy quy đổi: D = 280 giờ Số giờ NCKH phục vụ sản xuất quy đổi : E = 0 giờ (E tối đa bằng = 50% F) Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: F = 210 giờ Sồ giờ miễn giảm: G = 33,6 giờ Điểm đánh giá quy đổi $Đ_{NCKH}$: $Đ_{NCKH} = \frac{D+E+G}{F} \times 20$				
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**			**2**	
2.1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết....	2		2	
2.2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		0		
2.3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		0		
2.4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản		0		
3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	

3.1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		0		
3.2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		0		
3.3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		0		
3.4	Một lần vi phạm nguyên tắc làm việc, nội quy, quy định của Nhà trường		0		
3.5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		0		
3.6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		0		
3.7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		0		
3.8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		0		
3.9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		0		
3.10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		0		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4.1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		0		
4.2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		0		
4.3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		0		
4.4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		0		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	
	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		0		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		0		
	Tổng:			**216,27**	

Tự phân loại đánh giá mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (A^+)

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Duy Lạc

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Vũ Diệp Anh

Mẫu số 02

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM

(Dành cho cá nhân là giảng viên và kỹ sư)

Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Loan
Chức danh nghề nghiệp: GV
Đơn vị công tác: Bộ môn kinh tế cơ sở

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**				
1.1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**			**82.6**	
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 588.7 giờ Số giờ miễn giảm: B = 135 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ $Đ\_GI = (A+B) \times \frac{Đ\_GI}{30}$	Đ_GI		82.6	
1.2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**			**66**	
	Số giờ thực hiện quy đổi: D = 500 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: E = 150 giờ Điểm đánh giá quy đổi : $Đ\_NCK = \frac{D}{E} \times 20$	Đ_NCK		66	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**				
2.1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết….	2			
2.2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản		2		

3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	
3.1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		
3.2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3.3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3.4	#REF!		2		
3.5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3.6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3.7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3.8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3.9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3.10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4.1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5		
4.2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4.3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4.4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		

5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	
	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:			**188.6**	

Tự phân loại đánh giá mức: A+

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Duy Lạc

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Nguyễn Thị Hồng Loan

2018

Mẫu số 02

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM

(Dành cho cá nhân là giảng viên và kỹ sư)

Họ và tên: Trần Anh Dũng
Chức danh nghề nghiệp: GV. ThS
Đơn vị công tác: Bộ môn Kinh tế Cơ sở

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**				
1.1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**				
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 494 giờ Số giờ miễn giảm: B = 135 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ Điểm đánh giá quy đổi $Đ_{GD}$: $Đ_{GD} = \frac{A+B}{C} \times 30$	$Đ_{GD}$		70	
1.2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**				
	Số giờ NCKH thuần túy quy đổi: D = 60 giờ Số giờ NCKH phục vụ sản xuất quy đổi: E = 75 giờ (E tối đa bằng 50% F) Số giờ chuẩn theo chức danh: F = 150 giờ Số giờ miễn giảm: G = 75 giờ Điểm đánh giá quy đổi $Đ_{NCKH}$: $Đ_{NCKH} = (D + E + G)/F*20$	$Đ_{NCKH}$		28	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**				
2.1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết....	2		2	
2.2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2	0	
2.3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2	0	
2.4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản		2	0	
3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	
3.1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10	0	

3.2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10	0	
3.3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10	**0**	
3.4	Một lần vi phạm nguyên tắc làm việc, nội quy, quy định của Nhà trường		2	**0**	
3.5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2	**0**	
3.6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2	**0**	
3.7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2	**0**	
3.8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2	**0**	
3.9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2	**0**	
3.10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2	**0**	
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4.1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5	0	
4.2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2	0	
4.3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2	**0**	
4.4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2	0	
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	
	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3	**0**	
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2	**0**	
	Tổng:			140	

Tự phân loại đánh giá mức:.....A^{+}

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Duy Lạc

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Trần Anh Dũng

2018

Mẫu số 02

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM

(Dành cho cá nhân là giảng viên)

Họ và tên: Vũ Thị Hiền
Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên
Đơn vị công tác: Bộ môn Kinh Tế Cơ Sở

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**				
1.1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**				
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 655 giờ Số giờ miễn giảm: B = 162 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ Điểm đánh giá quy đổi $Đ_{GD}$: $Đ_{GD} = \frac{A+B}{C} \times 30$	30		90.77778	
1.2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**				
	Số giờ NCKH thuần túy quy đổi: D = 280 giờ Số giờ NCKH phục vụ sản xuất quy đổi : E = …… giờ (E tối đa bằng = 50% F) Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: F = 90 giờ Số giờ miễn giảm: G = ... giờ Điểm đánh giá quy đổi $Đ_{NCKH}$: $Đ_{NCKH} = \frac{D+E+G}{F} \times 20$			62.22222	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**				
2.1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết….	2			
2.2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản		2		
3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	
3.1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		

3.2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3.3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3.4	#REF!		2		
3.5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3.6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3.7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3.8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3.9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3.10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4.1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5		
4.2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4.3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4.4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	
	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:			193	

Tự phân loại đánh giá mức: A+

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Duy Lạc

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Vũ Thị Hiền

2018

Mẫu số 02

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM

(Dành cho cá nhân là giảng viên)

Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc Anh
Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên
Đơn vị công tác: Bộ môn Kinh Tế Cơ Sở

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**				
1.1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**				
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 615,24 giờ Số giờ miễn giảm: B = 27 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ Điểm đánh giá quy đổi $Đ_{GD}$: $Đ_{GD} = \frac{A+B}{C} \times 30$	30		71.36	
1.2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**				
	Số giờ NCKH thuần túy quy đổi: D = 250 giờ Số giờ NCKH phục vụ sản xuất quy đổi : E = ... giờ (E tối đa bằng = 50% F) Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: F = 150 giờ Sồ giờ miễn giảm: G = ... giờ Điểm đánh giá quy đổi $Đ_{NCKH}$: $Đ_{NCKH} = \frac{D+E+G}{F} \times 20$			33.33	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**				
2.1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết....	2			
2.2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản		2		
3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	

3.1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		
3.2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3.3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3.4	#REF!		2		
3.5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3.6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3.7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3.8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3.9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3.10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4.1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5		
4.2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4.3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4.4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	
	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:			144.69	

Tự phân loại đánh giá mức: A+

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Duy Lạc

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Ng T. Ngọc

B? GIÁO D?C VÀ ĐÀO T?O
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

C?NG H?A X? H?I CH? NGH?A VI?T NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM

(Dành cho cá nhân là giảng viên và kỹ sư)

Họ và tên: **Nguyễn Thị Ngọc Anh**
Chức danh nghề nghiệp: Cán bộ giảng dạy
Đơn vị công tác: Bộ môn Kinh Tế Cơ Sở. Khoa Kinh tế - QTKD

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**				
1.1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**			**68.3**	
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 587,6 giờ Số giờ miễn giảm: B = 27 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ $Đ\_Gl = (A+B) \times 30$	Đ_Gl			
1.2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**			**33**	
	Số giờ thực hiện quy đổi: D = 250giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: E = 150 giờ Điểm đánh giá quy đổi : $Đ\_NCK = \frac{D}{I} \times 20$	Đ_NCK			
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**				
2.1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết....	2			
2.2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản		2		

3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	
3.1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		
3.2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3.3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3.4	#REF!		2		
3.5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3.6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3.7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3.8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3.9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3.10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4.1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5		
4.2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4.3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4.4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	

	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:			**141.3**	

Tự phân loại đánh giá mức: A+

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Ngô Thị Ngọc Anh

Mẫu số 02

B? GIÁO D?C VÀ ĐÀO T?O
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

C?NG H?A X? H?I CH? NGH?A VI?T NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM

(Dành cho cá nhân là giảng viên và kỹ sư)

Họ và tên: Vũ Thị Hiền
Chức danh nghề nghiệp: GV
Đơn vị công tác: Bộ môn kinh tế cơ sở

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**				
1.1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**			**63.6**	
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 546 giờ Số giờ miễn giảm: B = 27 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ $Đ\_Gl = \frac{(A+B)}{C} \times 30$	$Đ\_Gl$		63.6	
1.2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**			**37**	
	Số giờ thực hiện quy đổi: D = 280 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: E = 150 giờ $Đ\_NCK = \frac{D}{E} \times 20$ Điểm đánh giá quy đổi : 31	$Đ\_NCK$		37	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**				
2.1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết....	2			
2.2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản		2		

3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	
3.1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		
3.2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3.3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3.4	#REF!		2		
3.5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3.6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3.7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3.8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3.9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3.10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4.1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định				
4.2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4.3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4.4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	

	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:			**140,6**	

Tự phân loại đánh giá mức: A+

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Duy Lạc

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Vũ Thị Hiền

B? GIÁO D?C VÀ ĐÀO T?O
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

C?NG H?A X? H?I CH? NGH?A VI?T NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

2018

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM

(Dành cho cá nhân là giảng viên và kỹ sư)

Họ và tên: Phí Mạnh Cường
Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên
Đơn vị công tác: Bộ môn Kinh tế cơ sở - Khoa Kinh tế & QTKD

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**				
1.1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**				
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 476 giờ Số giờ miễn giảm: B = 135 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ $Đ\_GL = (A+B) \times 30$	$Đ\_GL$		67	
1.2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**				
	Số giờ thực hiện quy đổi: D = 230 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: E = 150 giờ Điểm đánh giá quy đổi : $Đ\_NCK = \frac{D}{E} \times 20$	$Đ\_NCK$		30	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**				
2.1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết....	2			
2.2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản		2		
3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	
3.1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		
3.2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		

3.3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3.4	Một lần vi phạm nguyên tắc làm việc, nội quy, quy định của Nhà trường		2		
3.5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3.6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3.7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3.8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3.9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3.10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4.1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5		
4.2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4.3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4.4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	
	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:			**137**	

Tự phân loại đánh giá mức: A+

TRƯỞNG ĐƠN VỊ	NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ
Nguyễn Duy Lạc	**Phí Mạnh Cường**

3.2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3.3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3.4	#REF!		2		
3.5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3.6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3.7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3.8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3.9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3.10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4.1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5		
4.2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4.3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4.4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	
	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:			**200**	

Tự phân loại đánh giá mức:.....

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Duy Lạc

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Nguyễn Thanh Thảo

Mẫu số 02

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM
(Dành cho cá nhân là giảng viên)

Họ và tên: Nguyễn Thanh Thảo
Chức danh nghề nghiệp: GV
Đơn vị công tác: Bộ môn Kinh tế cơ sở

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**			**160**	
1.1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**			**88**	
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 761 giờ Số giờ miễn giảm: B = 27 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ Điểm đánh giá quy đổi $Đ_{GD}$: $Đ_{GD} = \frac{A+B}{C} \times 30$			88	
1.2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**			**73**	
	Số giờ NCKH thuần túy quy đổi: D = 530 giờ Số giờ NCKH phục vụ sản xuất quy đổi : E = 0 giờ (E tối đa bằng = 50% F) Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: F = 150 giờ Số giờ miễn giảm: G = 15 giờ Điểm đánh giá quy đổi $Đ_{NCKH}$: $Đ_{NCKH} = \frac{D+E+G}{F} \times 20$			73	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**				
2.1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết....	2			
2.2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản		2		
3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	
3.1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Đơn vị: Bộ môn KTCS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 9 tháng 8 năm 2016

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VÀ XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG NĂM 2016
(Đối với cá nhân)

Họ và tên: Nguyễn Thanh Thảo

Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên

Đơn vị công tác: Bộ môn Kinh tế cơ sở

TT	Nội dung đánh giá (Đọc kĩ phần lưu ý ở cuối bảng để kê khai chính xác)	Thang điểm	Tự đánh giá	Cấp quản lý trực tiếp đánh giá	Cấp có thẩm quyền đánh giá
1	**Đánh giá mực độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm, bao gồm cả nhiệm vụ đột xuất**	**0-10**	**10**		
• Hoàn thành vượt mức tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là: 490 tiết.....)		8-10	10		
2	**Đánh giá tinh thần thái độ làm việc**	**0-10**	**10**		
2.1	Lập trường, tư tưởng chính trị, sự chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Nhà trường; kỷ luật lao động.	0-2	2		
2.2	Phẩm chất đạo đức, lối sống; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp và đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	0-2	2		
2.3	Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật; tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm được giao.	0-2	2		
2.4	Việc học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.	0-2	2		
2.5	Hiệu quả quản lý và sử dụng các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu.	0-2	2		
3	**Đánh giá kết quả hoạt động khoa học công nghệ, phát minh, sáng kiến...**		**1**		
3.15	Báo cáo khoa học cấp Quốc tế. Báo cáo "Bio-gasoline E5 and the solution to develop its market", The 2st International Scientific Conference on Economic Management in Mineral Activities – EMMA 2015, ISBN-978-604-86-6038-3.	0-3	1		
	Tổng:		**21**		

Tự phân loại: B+

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Nguyễn Thanh Thảo

3.1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		
3.2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3.3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3.4	#REF!		2		
3.5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3.6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3.7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3.8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3.9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3,10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4.1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5		
4.2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4.3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4.4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	
	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không deo the khi làm việc (do nguyên nhân chu quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phan ánh)		2		
	Tổng:			193	

Tự phân loại đánh giá mức: A+

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Duy Lạc

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Vũ Thị Hiền

Mẫu số 02

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM

(Dành cho cá nhân là giảng viên)

Họ và tên: Vũ Thị Hiền
Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên
Đơn vị công tác: Bộ môn Kinh Tế Cơ Sở

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**				
1,1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**				
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 655 giờ Số giờ miễn giảm: B = 162 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ Điểm đánh giá quy đổi $Đ_{GD}$: $Đ_{GD} = \frac{A+B}{C} \times 30$	30		90,77778	
1,2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**				
	Số giờ NCKH thuần túy quy đổi: D = 280 giờ Số giờ NCKH phục vụ sản xuất quy đổi : E = …… giờ (E tối đa bằng = 50% F) Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: F = 90 giờ Số giờ miễn giảm: G = ... giờ Điểm đánh giá quy đổi $Đ_{NCKH}$: $Đ_{NCKH} = \frac{D+E+G}{F} \times 20$			62,22222	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**				
2,1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết….	2			
2,2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2,3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2,4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản		2		
3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	

3.1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		
3.2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3.3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3.4	Một lần vi phạm nguyên tắc làm việc, nội quy, quy định của nhà trường		2		
3.5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3.6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3.7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3.8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3.9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3.10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4.1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5		
4.2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4.3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4.4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	
	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:			**304**	

Tự phân loại đánh giá mức: A+

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Duy Lạc

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Nguyễn Thị Bích Ngọc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM 2018
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM

(Dành cho cá nhân là giảng viên)

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Ngọc
Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên
Đơn vị công tác: Bộ môn Kinh tế cơ sở

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**				
1.1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**				
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 1675,11giờ Số giờ miễn giảm: B = 81 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ Điểm đánh giá quy đổi $Đ_{D}$: $Đ_{D}^{G} = \frac{(A+B)/}{C} \times 30$	30	0	**195**	
1.2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**				
	Số giờ NCKH thuần túy quy đổi: D = 552,86 giờ Số giờ NCKH phục vụ sản xuất quy đổi : E = 0 giờ (E tối đa bằng = 50% F) Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: F = 210 giờ Số giờ miễn giảm: G = 63 giờ Điểm đánh giá quy đổi $Đ_{NC}$: $Đ_{NC} = (D+E+G \times 20$	20	0	**58.65**	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**				
2.1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết....	2			
2.2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản		2		
3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	

5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	
	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:			**188.6**	

Tự phân loại đánh giá mức: A+

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Duy Lạc

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Nguyễn Thị Hồng Loan

3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	
3.1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		
3.2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3.3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3.4	#REF!		2		
3.5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3.6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3.7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3.8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3.9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3.10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4.1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5		
4.2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4.3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4.4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		

2012

Mẫu số 02

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM

(Dành cho cá nhân là giảng viên và kỹ sư)

Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Loan
Chức danh nghề nghiệp: GV
Đơn vị công tác: Bộ môn kinh tế cơ sở

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**				
1.1	***Đánh giá* nhiệm vụ đào tạo**			**82.6**	
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 588.7 giờ Số giờ miễn giảm: B = 135 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ $Đ\_GI = \frac{(A+B)}{C} \times 30$	$Đ\_GI$		82.6	
1.2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**			**66**	
	Số giờ thực hiện quy đổi: D = 500 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: E = 150 giờ $Đ\_NCK = \frac{D}{E} \times 20$ Điểm đánh giá quy đổi :	$Đ\_NCK$		66	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**				
2.1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết….	2			
2.2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản		2		

2017

Mẫu số 02

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM
(Dành cho cá nhân là giảng viên)

Họ và tên: Phạm Thu Trang
Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên
Đơn vị công tác: Bộ môn Kinh tế cơ sở

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**				
1.1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**				
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 619,63 giờ Số giờ miễn giảm: B = 135 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ Điểm đánh giá quy đổi $Đ_{GD}$: $Đ_{GD} = \frac{A+B}{C} \times 30$	30		83.85	
1.2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**				
	Số giờ NCKH thuần túy quy đổi: D = 280 giờ Số giờ NCKH phục vụ sản xuất quy đổi : E = …… giờ (E tối đa bằng = 50% F) Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: F = 150 giờ Số giờ miễn giảm: G = 75 giờ Điểm đánh giá quy đổi $Đ_{NCKH}$: $Đ_{NCKH} = \frac{D+E+G}{F} \times 20$	20		47.33	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**				
2.1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết….	2			
2.2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản		2		

3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	
3.1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		
3.2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3.3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3.4	Một lần vi phạm nguyên tắc làm việc, nội quy, quy định của Nhà trường		2		
3.5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3.6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3.7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3.8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3.9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3.10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4.1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5		
4.2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4.3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4.4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	
	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:			**171.18**	

Tự phân loại đánh giá mức: A+

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Duy Lạc

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Phạm Thu Thảo

2017

Mẫu số 02

B? GIÁO D?C VÀ ĐÀO T?O
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

C?NG H?A X? H?I CH? NGH?A VI?T NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM

(Dành cho cá nhân là giảng viên và kỹ sư)

Họ và tên: Vũ Thị Hiền
Chức danh nghề nghiệp: GV
Đơn vị công tác: Bộ môn kinh tế cơ sở

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**				
1.1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**			**63.6**	
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 546 giờ Số giờ miễn giảm: B = 27 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ $Đ\_Gl = \frac{(A+B)}{C} \times 30$	$Đ\_Gl$		63.6	
1.2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**			**37**	
	Số giờ thực hiện quy đổi: D = 280 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: E = 150 giờ $Đ\_NCK = \frac{D}{E} \times 20$ Điểm đánh giá quy đổi : 31	$Đ\_NCK$		37	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**				
2.1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết....	2			
2.2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản		2		

3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	
3.1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		
3.2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3.3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3.4	#REF!		2		
3.5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3.6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3.7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3.8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3.9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3.10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4.1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định				
4.2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4.3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4.4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	

	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:			**140,6**	

Tự phân loại đánh giá mức: A+

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Duy Lạc

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Vũ Thị Hiền

2017

Mẫu số 02

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM
(Dành cho cá nhân là giảng viên)

Họ và tên: Vũ Thị Hiền
Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên
Đơn vị công tác: Bộ môn Kinh Tế Cơ Sở

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**				
1.1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**				
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 655 giờ Số giờ miễn giảm: B = 162 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ Điểm đánh giá quy đổi $Đ_{GD}$: $Đ_{GD} = \frac{A+B}{C} \times 30$	30		90.77778	
1.2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**				
	Số giờ NCKH thuần túy quy đổi: D = 280 giờ Số giờ NCKH phục vụ sản xuất quy đổi : E = ... giờ (E tối đa bằng = 50% F) Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: F = 90 giờ Sồ giờ miễn giảm: G = ... giờ Điểm đánh giá quy đổi $Đ_{NCKH}$: $Đ_{NCKH} = \frac{D+E+G}{F} \times 20$			62.22222	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**				
2.1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết....	2			
2.2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản		2		
3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	
3.1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		

3.2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3.3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3.4	#REF!		2		
3.5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3.6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3.7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3.8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3.9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3.10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4.1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5		
4.2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4.3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4.4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	
	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:			193	

Tự phân loại đánh giá mức: A+

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Duy Lạc

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Vũ Thị Hiền

2017

Mẫu số 02

B? GIÁO D?C VÀ ĐÀO T?O
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

C?NG H?A X? H?I CH? NGH?A VI?T NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM

(Dành cho cá nhân là giảng viên và kỹ sư)

Họ và tên: Nguyễn Thanh Thảo
Chức danh nghề nghiệp: GV
Đơn vị công tác: Bộ môn kinh tế cơ sở

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**				
1.1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**			**69.7**	
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 600 giờ Số giờ miễn giảm: B = 27 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ $Đ\_Gl = \frac{(A+B)}{C} \times 30$	$Đ\_Gl$		69.7	
1.2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**			**46.7**	
	Số giờ thực hiện quy đổi: D = 350 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: E = 150 giờ $Đ\_NCK = \frac{D}{E} \times 20$ Điểm đánh giá quy đổi :	$Đ\_NCK$		46.7	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**				
2.1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết....	2			
2.2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản		2		

3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	
3.1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		
3.2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3.3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3.4	#REF!		2		
3.5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3.6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3.7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3.8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3.9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3.10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4.1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5		
4.2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4.3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4.4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	

	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:			**156.4**	

Tự phân loại đánh giá mức:A+

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Duy Lạc

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Nguyễn Thanh Thảo

2018

B? GIÁO D?C VÀ ĐÀO T?O
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

C?NG H?A X? H?I CH? NGH?A VI?T NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM

(Dành cho cá nhân là giảng viên và kỹ sư)

Họ và tên: Phạm Thu Trang
Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên
Đơn vị công tác: Bộ môn Kinh tế cơ sở - Khoa Kinh tế - QTKD

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**				
1.1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**				
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 589,4 giờ Số giờ miễn giảm: B = 135 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ $Đ\_Gl = (A+B) \times 30$	$Đ\_Gl$		80	
1.2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**				
	Số giờ thực hiện quy đổi: D = 275 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: E = 150 giờ Điểm đánh giá quy đổi : $Đ\_NCK = \frac{D}{E} \times 20$	$Đ\_NCK$		37	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**				
2.1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết....	2			
2.2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản		2		

3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	
3.1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		
3.2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3.3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3.4	Một lần vi phạm nguyên tắc làm việc, nội quy, quy định của Nhà trường		2		
3.5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3.6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3.7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3.8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3.9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3.10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4.1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5		
4.2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4.3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4.4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	

	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:			157	

Tự phân loại đánh giá mức:A+

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Duy Lạc

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Phạm Thu Thủy

B? GIÁO D?C VÀ ĐÀO T?O
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

C?NG H?A X? H?I CH? NGH?A VI?T NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM

(Dành cho cá nhân là giảng viên và kỹ sư)

Họ và tên: Trần Anh Dũng
Chức danh nghề nghiệp: GV. ThS
Đơn vị công tác: Bộ môn Kinh tế Cơ sở

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**				
1.1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**				
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 421,5 giờ Số giờ miễn giảm: B = 189 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ $Đ\_Gl = (A+B) \times 30$	Đ_Gl		68	
1.2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**				
	Số giờ thực hiện quy đổi: D = 150 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: E = 150 giờ Điểm đánh giá quy đổi : $Đ\_NCK = \frac{D}{I} \times 20$	Đ_NCK		20	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**				
2.1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết....	2		2	
2.2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2	0	
2.3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2	0	
2.4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản		2	0	
3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	
3.1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10	0	

3.2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10	0	
3.3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10	0	
3.4	Một lần vi phạm nguyên tắc làm việc, nội quy, quy định của Nhà trường		2	0	
3.5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2	0	
3.6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2	0	
3.7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2	0	
3.8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2	0	
3.9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2	0	
3.10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2	0	
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4.1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5	0	
4.2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2	0	
4.3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2	0	
4.4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2	0	
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	
	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3	0	
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2	0	
	Tổng:			130	

Tự phân loại đánh giá mức:.....A^+

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Duy Lạc

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Trần Anh Dũng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM 2012
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM
(Dành cho cá nhân là giảng viên)

Họ và tên: Phí Mạnh Cường
Chức danh nghề nghiệp: GVC
Đơn vị công tác: Bộ môn Kinh tế cơ sở

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**				
1.1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**				
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 490,77 giờ Số giờ miễn giảm: B = 175,5 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ Điểm đánh giá quy đổi $Đ_{GD}$: $Đ_{GD} = \frac{A+B}{C} \times 30$	**30**		**74**	
1.2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**				
	Số giờ NCKH thuần túy quy đổi: D = 380 giờ Số giờ NCKH phục vụ sản xuất quy đổi : E = ... giờ (E tối đa bằng = 50% F) Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: F = 210 giờ Số giờ miễn giảm: G = 136,5 giờ Điểm đánh giá quy đổi $Đ_{NCKH}$: $Đ_{NCKH} = \frac{D+E+G}{F} \times 20$	**20**		**49**	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**				
2.1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết....	**2**		**2**	.....
2.2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		.....
2.3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		.....
2.4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản		2		
3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	
3.1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
3.2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3.3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3.4	Một lần vi phạm nguyên tắc làm việc, nội quy, quy định của Nhà trường		2		
3.5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3.6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3.7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3.8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3.9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3.10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4.1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5		
4.2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4.3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4.4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	
	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:			**165**	

Tự phân loại đánh giá mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (A^+)

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Duy Lạc

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Phí Mạnh Cường

Mẫu 3C 02

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

2018

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM

(Dành cho cá nhân là giảng viên và kỹ sư)

Họ và tên: Vũ Diệp Anh
Chức danh nghề nghiệp: GV. TS
Đơn vị công tác: Bộ môn Kinh tế cơ sở

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**				
1.1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**			**88,99**	
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 773,9 giờ Số giờ miễn giảm: B = 27 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ Điểm đánh giá quy đổi $Đ\_Gl$: $Đ\_Gl = \frac{(A+B)}{} \times 30$	$Đ\_Gl$		88,99	
1.2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**			**25,33**	
	Số giờ thực hiện quy đổi: D = 190 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: E = 150 giờ Điểm đánh giá quy đổi $Đ\_NCK$: $Đ\_NCK = \frac{D}{I} \times 20$	$Đ\_NCK$		25,33	
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**				
2.1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết....	2			
2.2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản		2		
3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	
3.1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		

773.9

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
3.2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3.3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3.4	#REF!		2		
3.5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3.6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3.7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3.8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3.9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3.10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4.1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5		
4.2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4.3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4.4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	
	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:			**154,32**	

Tự phân loại đánh giá mức: A+

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Duy Lạc

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Vũ Diệp Anh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Đơn vị: Bộ môn KTCS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 9 tháng 8 năm 2016

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VÀ XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG NĂM 2016
(Đối với cá nhân)

Họ và tên: Phạm Thu Trang

Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên

Đơn vị công tác: Bộ môn Kinh tế cơ sở

TT	Nội dung đánh giá (Đọc kĩ phần lưu ý ở cuối bảng để kê khai chính xác)	Thang điểm	Tự đánh giá	Cấp quản lý trực tiếp đánh giá	Cấp có thẩm quyền đánh giá
1	**Đánh giá mực độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm, bao gồm cả nhiệm vụ đột xuất**	**0-10**	**10**		
•	Hoàn thành vượt mức tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là: 490 tiết.....)	8-10	10		
2	**Đánh giá tinh thần thái độ làm việc**	**0-10**	**10**		
2.1	Lập trường, tư tưởng chính trị, sự chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Nhà trường; kỷ luật lao động.	0-2	2		
2.2	Phẩm chất đạo đức, lối sống; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp và đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	0-2	2		
2.3	Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật; tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm được giao.	0-2	2		
2.4	Việc học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.	0-2	2		
2.5	Hiệu quả quản lý và sử dụng các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu.	0-2	2		
3	**Đánh giá kết quả hoạt động khoa học công nghệ, phát minh, sáng kiến...**		**3.5**		
3.3	Sách, giáo trình in lần đầu ở nhà xuất bản. Sách "Luật kinh tế-lý thuyết và ứng dụng" - Nhà xuất bản ĐHQGHN, 132 trang. Quyết định xuất bản số 633/LK-XH/QĐ- NXBĐHQGHN ngày 3/6/2016.	0-4	1.5		
3.5	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu. "Giải pháp tăng cường quản trị dòng tiền của Công ty TNHH MTV than Uông Bí-TKV"	0.5	0.5		
3.9	Đề tài cấp cơ sở đã được nghiệm thu đúng thời hạn. "Vận dụng mô hình lực hấp dẫn trong phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước	0-2	0.5		

	ngoài của Việt Nam"				
3.15	Báo cáo khoa học cấp Quốc tế. Báo cáo "Bio-gasoline E5 and the solution to develop its market", The 2st International Scientific Conference on Economic Management in Mineral Activities – EMMA 2015, ISBN-978-604-86-6038-3.	0-3	0,5		
3.16	Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn. - Làm rõ phương pháp xác định hệ số co giãn trên một điểm của đường cầu và đường cung theo quy tắc PAPO - Làm rõ phương pháp quyết định lựa chọn yếu tố đầu vào của doanh nghiệp	0-0,5	0.5		
	Tổng:		**23,5**		

Tự phân loại: A

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Phạm Thu Trang

Mẫu số 1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Đơn vị: Kinh tế cơ sở

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2016

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VÀ XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG NĂM 2016
(Đối với cá nhân)

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Ngọc

Chức danh nghề nghiệp: CBGD

Đơn vị công tác: Bộ môn Kinh tế cơ sở, Khoa Kinh tế- QTKD

TT	Nội dung đánh giá (Đọc kĩ phần lưu ý ở cuối bảng để kê khai chính xác)	Thang điểm	Tự đánh giá	Cấp quản lý trực tiếp đánh giá	Cấp có thẩm quyền đánh giá
1	**Đánh giá mực độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm, bao gồm cả nhiệm vụ đột xuất**	**0-10**	**10**		
	- Hoàn thành vượt mức tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là: 1198 giờ)	8-10	10		
2	**Đánh giá tinh thần thái độ làm việc**	**0-10**	**10**		
2.1	Lập trường, tư tưởng chính trị, sự chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Nhà trường; kỷ luật lao động.	0-2	2		
2.2	Phẩm chất đạo đức, lối sống; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp và đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	0-2	2		
2.3	Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật; tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm được giao.	0-2	2		
2.4	Việc học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.	0-2	2		
2.5	Hiệu quả quản lý và sử dụng các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu.	0-2	2		
3	**Đánh giá kết quả hoạt động khoa học công nghệ, phát minh, sáng kiến…**		**5,35**		
3.5	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu. ***(Tên đề tài: "Nghiên cứu ứng dụng các phần mềm giải bài toán phân tích tương quan và hồi quy trong nghiên cứu kinh tế"; Nhóm sv Kế toán doanh nghiệp Lớp QUẢN TRỊ KINH DOANH 58: Lê Thị Thủy; Nguyên Hoa Hồng; Nguyễn Thu Hằng; Vũ Thu Giang***	0.5	0,5		
3.9	Đề tài cấp cơ sở đã được nghiệm thu đúng thời hạn. (đề tài: "***Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống mã vật tư và biểu mẫu khoán chi phí vật tư trên bảng tính ME cho Công***	0-2	1,25		

	ty Xây dựng mỏ Hầm lò II – TKV" – Chủ trì; Ngày bảo vệ: 17/12/2015; Đạt loại tốt				
3.12	Hợp đồng, đề tài NCKH phục vụ sản xuất ký về các Công ty, Trung tâm của Nhà trường đã nghiệm thu, thanh lý (được tính điểm cho 1 năm và theo giá trị hợp đồng). (***Đề tài: "Tăng cường công tác quản trị chi phí kinh doanh tại Công ty Khai thác khoáng sản – Tổng Công ty Đông Bắc") – Tham gia***	(0-3)/ tỷ đồng	0,1		
3.15	Báo cáo khoa học cấp Quốc tế. ("Improving management information systems of Mineral Mining Company"; Chủ trì)	0-3	2,0		
3.21	Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong công việc và công tác có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận	0-1	1		
3.22	Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy và công tác có hiệu quả được Hội đồng thi đua cấp khoa công nhận và đánh giá (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3)	0-0.5	0.5		
4	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân làm lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên)**	**0-3.5**			
4.1	Mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý.	0-3			
a)	Hoàn thành vượt tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là:.....); không có cá nhân bị xếp loại đánh giá ở mức C.	1,5-2,5			
b)	Hoàn thành từ 70 đến 100% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ với chất lượng tốt; không có cá nhân bị xếp loại đánh giá ở mức C.	1-1,5			
c)	Hoàn thành dưới 70% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ; hoặc có cá nhân bị xếp loại đánh giá ở mức C hoặc để xảy ra vụ việc gây hậu quả đến mức bị xử lý kỷ luật với hình thức cảnh cáo trở lên.	0			
4.2	Có uy tín, đơn vị đoàn kết.	0-1			
	Tổng:		**25,35**		

Tự đánh giá phân loại: A
Tự đề xuất danh hiệu thi đua:.....
Tự đề xuất hình thức khen thưởng:.....

Hà Nội, Ngày 17 tháng 8 năm 2016
Người tự đánh giá

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Mẫu số 3

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI SÁNG KIẾN

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Ngọc
Đơn vị công tác: Bộ môn Kinh tế cơ sở, Khoa Kinh tế- Quản trị kinh doanh

STT	Nội dung sáng kiên, áp dụng công nghệ, các giải pháp trong quản lý đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, xây dựng văn bản quản lý…	Ưu điểm hoặc điểm khắc phục
1	Tận dụng triệt để ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong giảng dạy và đào tạo cao học: - Xây dựng hộp thư chung giữa giáo viên và lớp để chia sẻ thông tin về các vấn đề có liên quan đến chương trình đào tạo và nội dung bài giảng - Việc giao/nhận tiểu luận môn học được gửi qua email. Tạo thư mục riêng cho tiểu luận của mỗi lớp. Giáo viên chấm tiểu luận, ghi các đánh giá và nhận xét vào từng nội dung trong tiểu luận của mỗi học viên và gửi lại kết quả chấm (file tiểu luận đã có nhận xét đánh giá của giáo viên) - Cải tiến cách tỏ chức dữ liệu bài tiểu luận của sinh viên trên máy tính: Tạo thư mục, đặt tên cho các file tiểu luận của mỗi học viên sao cho luôn dễ dàng tìm kiếm, sắp xếp: VD: 01_TieuLuan_THTQLKT_NguyenThiBichNgoc_31A Trong đó: 01	*** Ưu điểm:** - Tiết kiệm chi phí in ấn tiểu luận, chi phí vận chuyển,.. - Đẩy nhanh tiến độ làm, nộp và chấm - Giúp học viên nắm bắt rõ hơn những vấn đề còn tồn tại trong tiểu luận nhờ những nhận xét đánh giá mà giáo viên ghi trong từng tiểu luận và gửi lại - Đảm bảo công bằng, minh bạch trong đánh giá kết quả học của học viên *** Điểm cần khắc phục:** - Sự rò rỉ thông tin, học viên có thể dễ dang sao chép các bài của nhau Khắc phục: Tiểu luận được gửi về hộp thư cá nhân của cán bộ lớp (chứ không gửi về hộp thư chung của lớp) hoặc hộp thư cá nhân của giáo viên

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2016

Trưởng đơn vị

Nguyễn Duy Lạc

Người kê khai

Nguyễn Thị Bích Ngọc

B? GIÁO D?C VÀ ĐÀO T?O
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

C?NG H?A X? H?I CH? NGH?A VI?T NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HÀNG NĂM

(Dành cho cá nhân là giảng viên và kỹ sư)

Họ và tên: **Nguyễn Thị Ngọc Anh**
Chức danh nghề nghiệp: Cán bộ giảng dạy
Đơn vị công tác: Bộ môn Kinh Tế Cơ Sở. Khoa Kinh tế - QTKD

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm trừ	Tự đánh giá	Trưởng đơn vị chấm
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm học**				
1.1	**Đánh giá nhiệm vụ đào tạo**			**68.3**	
	Số giờ thực hiện quy đổi: A = 587,6 giờ Số giờ miễn giảm: B = 27 giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: C = 270 giờ $Đ\_Gl = (A+B) \times 30$	$Đ\_Gl$			
1.2	**Đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu khoa học**			**33**	
	Số giờ thực hiện quy đổi: D = 250giờ Số giờ chuẩn quy định theo chức danh: E = 150 giờ Điểm đánh giá quy đổi : $Đ\_NCK = \frac{D}{E} \times 20$	$Đ\_NCK$			
2	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên) về mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý**				
2.1	Hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý được giao, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng tập thể đoàn kết….	2			
2.2	Một lần không tham gia đóng góp ý kiến các văn bản của Nhà trường yêu cầu bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.3	Một lần không phối hợp với các đơn vị liên quan trong giải quyết công việc chung của Nhà trường bị Ban Giám hiệu nhắc nhở bằng văn bản		2		
2.4	Một lần không thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu bị nhắc nhở bằng văn bản		2		

3	**Đánh giá về việc lập trường, tư tưởng, đạo đức, lối sống; việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**	**20**		**20**	
3.1	Vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm những quy định của Luật phòng, chống tham nhũng		10		
3.2	Một lần vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo; gây khó khăn, phiền hà đối với người học; trù dập, chèn ép và có thái độ thiên vị, phân biệt đối xử, thành kiến đối với người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người học		10		
3.3	Có hành động và lời nói gây ảnh hưởng đến uy tín/danh dự của cá nhân, tập thể		10		
3.4	#REF!		2		
3.5	Tinh thần phối hợp và phục vụ chưa tốt đã bị phản ánh và phê bình		2		
3.6	Một lần nghỉ dạy không có lý do		2		
3.7	Một lần vi phạm quy chế coi thi		2		
3.8	Một lần nộp đề thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
3.9	Một lần sai sót trong chấm thi làm ảnh hưởng đến kết quả của sinh viên		2		
3.10	Một lần nộp điểm thi chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung		2		
4	**Đánh giá về việc học tập, nghiên cứu chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.**	**10**		**10**	
4.1	Hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu chậm so với thời gian quy định		5		
4.2	Chậm nộp báo cáo kết quả học tập định kỳ hàng năm		2		
4.3	Một lần không tham gia các buổi họp, lớp học, tập huấn (không có lý do chính đáng) của chính quyền, Đảng, đoàn thể do đơn vị và Nhà trường tổ chức		2		
4.4	Một lần không tham gia hoặc thiếu ý thức trách nhiệm đối với các phong trào chung của đơn vị và Nhà trường theo triệu tập (không có lý do chính đáng)		2		
5	**Đánh giá về việc quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu**	**6**		**6**	

	Một lần vi phạm các quy định về sử dụng và quản lý tài sản; nội quy sử dụng điện; nội quy phòng cháy, chữa cháy; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		3		
6	**Đánh giá về việc thực hiện văn minh nơi công sở**	**4**		**4**	
	Một lần vi phạm các quy định về văn minh nơi công sở; nơi làm việc thiếu gọn gàng ngăn nắp; không đeo thẻ khi làm việc (do nguyên nhân chủ quan) hoặc mặc trang phục gây phản cảm (bị phản ánh)		2		
	Tổng:			**141.3**	

Tự phân loại đánh giá mức: A+

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Duy Lạc

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Nguyễn Thị Ngọc Anh

Mẫu 12: Dùng để báo cáo kết quả thi đua

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ-ĐỊA CHẤT

Phòng (Khoa: Kinh tế - QTKD

Bộ môn:Kế toán doanh nghiệp

KẾT QUẢ XÉT CÁC DANH HIỆU THI ĐUA
NĂM HỌC 2014-2015

1. Cá nhân:

TT	Họ và tên	Hoàn thành nhiệm vụ	LĐTT	CSTĐ cơ sở	Khen thưởng cấp Bộ	Khen thưởng bậc cao	Không đạt	Ghi chú
1	Nguyễn Duy Lạc		x	x				
2	Bùi Thị Thu Thủy		x	x				
3	Phí Thị Kim Thư		x					
4	Phạm Thị Hồng Hạnh		x	x				
5	Nguyễn T Bích Phượng		x					
6	Nguyễn Thị Kim Oanh		x					
7	Lưu Thị Thu Hà		x					
8	Nguyễn Tiến Hưng		x	x				
9	Phạm Minh Hải		x	x				
10	Phạm Thu Hương		x					
11	Dương Thị Nhàn		x					
12	Nguyễn Minh Thu		x					
13	Nguyễn Thị Minh Thu		x					
14	Hoàng Thị Thủy		x					
15	Đỗ Thị Hương		x					
16	Lê Thị Thu Hồng		x					
17	Nguyễn T. Huyền Trang		x					
18	Vũ Ngọc Thịnh		x					

19	**Nguyễn Thục Anh**	x						**Tập sự**
20	**Phan Minh Quang**	x						**Tập sự**

2. Tập thể: Lao động tiên tiên

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2015

Xác nhận của đơn vị cấp trên

Thủ trưởng đơn vị

Bùi Thị Thu Thủy

Họ và tên: Phạm Minh Hải

Bộ môn: Kế toán doanh nghiệp

Khoa: Kinh tế - QTKD

Chức danh: Giảng viên

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ
Năm học: 2013 - 2014

(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá Có đề tài, bài báo, báo cáo KH, Hợp đồng LĐSX photocopy trang đầu và trang cuối kèm theo phụ lục)	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:** Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy (số giờ quy định trong năm học là 280 tiết (tổng số giờ giảng trong năm học là: 1.000 tiết) được 5,0 điểm	5,0	5,0		
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1,0 điểm (cụ thể vượt 150 %)			1,0	1,0
	Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5,0 điểm (tên giáo trình)			5,0	
	Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4,0 điểm (tên chương trình)			4,0	
	Xây dựng đề cương môn học được thưởng 2,0 điểm (Thực hành kế toán công trên máy tính)			2,0	2,0
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 1,0 điểm			1,0	
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải nhất, nhì, ba; Tài năng khoa học trẻ dành cho SV được thưởng 2,0 điểm (Sinh viên NCKH được giải nhất)			2,0	
	Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích cấp Quốc gia được thưởng 2,0 điểm (tên giải)			2,0	
	Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 1,0 điểm (tên giải)			1,0	
	Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 1,0 điểm (tên sáng kiến)			1,0	
	Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến)			0,5	
	Đạt giải Tài năng khoa học trẻ Việt Nam dành cho giảng viên trẻ của Bộ GD-ĐT			3	
2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:** (Có đề tài, bài báo, báo cáo khoa học, đạt 4,0 điểm) (ghi rõ tên đề tài, bài báo, báo cáo khoa học)	4,0	4,0		
	Đề tài cấp cơ sở được nghiệm thu đúng thời hạn (Chủ trì được 2,0 điểm, các thành viên tham gia 1,0 điểm) Tham gia đề tài mã số T11-43.			3,0	
	Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành, dự án sản xuất thử được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (được 6 điểm/đề tài; trong đó chủ trì được 4,0 điểm, các thành viên tham gia được 2,0 điểm)			6,0	

	Đề tài cấp Nhà nước được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (10 điểm/đề tài; trong đó chủ trì đề tài được 7,0 điểm, các thành viên tham gia được 3,0 điểm)			10,0	
	Hợp đồng kinh tế phục vụ sản xuất: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định (đóng góp 5 triệu đồng cho Trường được thưởng 1,0điểm; đóng góp cho Công ty và các Trung tâm 10 triệu động được thưởng 1,0 điểm (ghi rõ hợp đồng, tổng số tiền đã nộp, tự cho điểm vào cột điểm thưởng)			1,0	
	Báo cáo khoa học				
	+ Cấp Trường và cấp tương đương (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 2,0 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia			2,0	
	+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			4,0	
	+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			8,0	
	+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở cấp Bộ môn 1 báo cáo được 0,5 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia; cấp Khoa được 1,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia (có xác nhận của Phòng KH-CN)			0,5 – 1,0	0,5
	Bài báo				
	+ Đăng ở Tạp chí của Trường, Ngành (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng); thưởng 2 điểm/bài/các tác giả, 1 bài báo đăng Tạp chí Kinh tế và dự báo			2,0	
	+ Đăng ở tạp chí nước ngoài (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng); thưởng 16 điểm/bài/ các tác giả			16,0	
3	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0,5 điểm	0,5	0,5		
4	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ đạt 0,5 điểm	0,5	0,5		
5	Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25 điểm; Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25 điểm	0,5	0,5		
	Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v… được thưởng 1,0 điểm			1,0	1,0

Tổng cộng (1)+(2)+(3)+(4) +(5) + …4,5……điểm thưởng = 15 điểm

Tự đánh giá danh hiệu thi đua: Lao động tiên tiến

Ngày 30 tháng 5 năm 2014

Ý kiến của đơn vị quản lý

(Bộ môn)

TS. Bùi Thị Liễu Thủy

Xác nhận của Khoa

Người khai

Phạm Minh Hiếu

Họ và tên: Dương Thị Nhàn

Bộ môn: Kế toán doanh nghiệp

Khoa: Kinh tế Quản trị kinh doanh

Chức danh: Giảng viên

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ

Năm học: 2013 - 2014

(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:** Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy: - Số giờ quy định trong năm học là 280 giờ - Tổng số giờ giảng trong năm học là:1340 giờ được 5,0 điểm	5,0	5,0		
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1,0 điểm (cụ thể vượt 379%)			1,0	1,0
	Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5,0 điểm (tên giáo trình)				
	Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4,0 điểm (tên chương trình)				
	Xây dựng đề cương môn học được thưởng 2,0 điểm: - Đề cương môn học Kế toán hành chính sự nghiệp			2,0	2,0
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 1,0 điểm			1,0	1,0
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải nhất, nhì, ba; Tài năng khoa học trẻ dành cho SV được thưởng 2,0 điểm				
	Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích cấp Quốc gia được thưởng 2,0 điểm (tên giải)				
	Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 1,0 điểm (tên giải)				
	Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 1,0 điểm *"Chia nhóm sinh viên tham gia môn học Kế toán thương mại dịch vụ thành các tổ thực hành các nội dung phần hành tiêu thụ, giá vốn theo các phương thức tiêu thụ trong doanh nghiệp thương mại giả định"*			1,0	1,0
	Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến)				
	Đạt giải Tài năng khoa học trẻ Việt Nam dành cho giảng viên trẻ của Bộ GD-ĐT				
2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:** - Chủ trì đề tài cấp cơ sở mã số T13-09: *"Nghiên cứu hệ thống kiểm soát nội bộ trong công tác hạch toán kế toán tại các doanh nghiệp khai thác than lộ thiên – VINACOMIN"* *- 01 bài báo đăng trên Tạp chí Công nghiệp mỏ số 1.2014* *- 01 báo cáo trong hội thảo quốc tế EMMA lần thứ 1*	4,0	4,0		
	Đề tài cấp cơ sở được nghiệm thu đúng thời hạn			2,0	2,0
	Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành, dự án sản xuất thử được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ				

	Đề tài cấp Nhà nước được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ				
	Hợp đồng kinh tế phục vụ sản xuất: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định				
	Báo cáo khoa học				
	+ Cấp Trường và cấp tương đương (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 2,0 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia				
	+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia				
	+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia. Báo cáo trong hội thảo quốc tế EMMA: " **SOME ISSUES IN DEVELOPMENT OF THE INTERNAL CONTROL SYSTEM IN COAL MINING COMPANIES"**			8,0	8,0
	+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở cấp Bộ môn 1 báo cáo được 0,5 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia; cấp Khoa được 1,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia (có xác nhận của Phòng KH-CN)				
	Bài báo				
	+ Đăng ở Tạp chí của Ngành			2,0	2,0
	+ Đăng ở tạp chí nước ngoài				
3	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0,5 điểm	0,5	0,5		
4	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ đạt 0,5 điểm	0,5	0,5		
5	Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25 điểm; Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25 điểm	0,5	0,5		
	Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v…			1,0	1,0
Cộng		**10,5**	**10,5**		**19**

Tổng cộng (1)+(2)+(3)+(4) +(5) + ...điểm thưởng = 29,5 điểm

Tự đánh giá danh hiệu thi đua: Lao động tiên tiến

Ngày 02 tháng 06 năm 2014

Ý kiến của đơn vị quản lý

TS. Bùi Thị Thu Thủy

Người khai

Dương Thị Nhàn

Xác nhận của Khoa

Nguyễn Duy Lạc

Họ và tên: Nguyễn Thị Minh Thu

Bộ môn: Kế toán doanh nghiệp

Khoa: Kinh tế - QTKD

Chức danh: Giảng viên

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ
Năm học: 2013 - 2014

(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá Có đề tài, bài báo, báo cáo KH, Hợp đồng LĐSX photocopy trang đầu và trang cuối kèm theo phụ lục)	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:** Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy (số giờ quy định trong năm học là 280 tiết (tổng số giờ giảng trong năm học là: 1.000 tiết) được 5,0 điểm	5,0	5,0		
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1,0 điểm (cụ thể vượt 250 %)			1,0	1,0
	Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5,0 điểm (tên giáo trình)			5,0	
	Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4,0 điểm (tên chương trình)			4,0	
	Xây dựng đề cương môn học được thưởng 2,0 điểm (Kế toán ngân hàng)			2,0	2,0
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 1,0 điểm			1,0	1,0
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải nhất, nhì, ba; Tài năng khoa học trẻ dành cho SV được thưởng 2,0 điểm (Sinh viên NCKH được giải nhất)			2,0	2,0
	Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích cấp Quốc gia được thưởng 2,0 điểm (tên giải)			2,0	
	Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 1,0 điểm (tên giải)			1,0	
	Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 1,0 điểm (tên sáng kiến)			1,0	
	Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến)			0,5	
	Đạt giải Tài năng khoa học trẻ Việt Nam dành cho giảng viên trẻ của Bộ GD-ĐT			3	
2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:** (Có đề tài, bài báo, báo cáo khoa học, đạt 4,0 điểm) (ghi rõ tên đề tài, bài báo, báo cáo khoa học)	4,0	4,0		

	Đề tài cấp cơ sở được nghiệm thu đúng thời hạn (Chủ trì được 2,0 điểm, các thành viên tham gia 1,0 điểm) Tham gia đề tài mã số T11-43: "Nghiên cứu hoàn thiện tổ chức công tác kế toán quản trị trong doanh nghiệp khai thác than lộ thiên – Vinacomin".			3,0	1,0
	Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành, dự án sản xuất thử được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (được 6 điểm/đề tài; trong đó chủ trì được 4,0 điểm, các thành viên tham gia được 2,0 điểm)			6,0	
	Đề tài cấp Nhà nước được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (10 điểm/đề tài; trong đó chủ trì đề tài được 7,0 điểm, các thành viên tham gia được 3,0 điểm)			10,0	
	Hợp đồng kinh tế phục vụ sản xuất: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định (đóng góp 5 triệu đồng cho Trường được thưởng 1,0điểm; đóng góp cho Công ty và các Trung tâm 10 triệu động được thưởng 1,0 điểm (ghi rõ hợp đồng, tổng số tiền đã nộp, tự cho điểm vào cột điểm thưởng)			1,0	
	Báo cáo khoa học				
	+ Cấp Trường và cấp tương đương (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 2,0 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia			2,0	
	+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			4,0	
	+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			8,0	
	+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở cấp Bộ môn 1 báo cáo được 0,5 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia; cấp Khoa được 1,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia (có xác nhận của Phòng KH-CN)			0,5 – 1,0	0,5
	Bài báo + Đăng ở Tạp chí của Trường, Ngành (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng); thưởng 2 điểm/bài/các tác giả, 1 bài báo đăng Tạp chí Kinh tế và dự báo: "Hoàn thiện công tác quản lý vật tư tại công ty TNHH MTV than Thống Nhất"			2,0	0,5
	+ Đăng ở tạp chí nước ngoài (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng); thưởng 16 điểm/bài/ các tác giả			16,0	
3	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0,5 điểm	0,5	0,5		
4	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ	0,5	0,5		

	đạt 0,5 điểm				
5	Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25 điểm; Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25 điểm	0,5	0,5		
	Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v... được thưởng 1,0 điểm			1,0	1,0

Tổng cộng (1)+(2)+(3)+(4) +(5) + ...9.....điểm thưởng = 19,5 điểm

Tự đánh giá danh hiệu thi đua: Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở

Ngày 30 tháng 5 năm 2014

Ý kiến của đơn vị quản lý

(Bộ môn)

TS. Bùi Thị Thu Thủy

Xác nhận của Khoa

Nguyễn Duy Lạc

Người khai

Nguyễn Thị Minh Thu

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Phượng

Bộ môn: Kế toán doanh nghiệp

Khoa: Kinh tế Quản trị kinh doanh

Chức danh: Giảng viên

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ

Năm học: 2013 - 2014

(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:** Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy: - Số giờ quy định trong năm học là 280 giờ - Tổng số giờ giảng trong năm học là:1340 giờ được 5,0 điểm	5,0	5,0		
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1,0 điểm (cụ thể vượt 379%)			1,0	1,0
	Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5,0 điểm (tên giáo trình)				
	Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4,0 điểm (tên chương trình)				
	Xây dựng đề cương môn học được thưởng 2,0 điểm: - Đề cương môn học Kế toán hành chính sự nghiệp			2,0	2,0
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 1,0 điểm			1,0	1,0
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải nhất, nhì, ba; Tài năng khoa học trẻ dành cho SV được thưởng 2,0 điểm				
	Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích cấp Quốc gia được thưởng 2,0 điểm (tên giải)				
	Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 1,0 điểm (tên giải)				
	Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 1,0 điểm *"Chia nhóm sinh viên tham gia môn học Kế toán thương mại dịch vụ thành các tổ thực hành các nội dung phần hành tiêu thụ, giá vốn theo các phương thức tiêu thụ trong doanh nghiệp thương mại giả định"*			1,0	1,0
	Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến)				
	Đạt giải Tài năng khoa học trẻ Việt Nam dành cho giảng viên trẻ của Bộ GD-ĐT				
2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:** - Chủ trì đề tài cấp cơ sở mã số T13-09: *"Nghiên cứu hệ thống kiểm soát nội bộ trong công tác hạch toán kế toán tại các doanh nghiệp khai thác than lộ thiên – VINACOMIN"* *- 01 bài báo đăng trên Tạp chí Công nghiệp mỏ số 1.2014* *- 01 báo cáo trong hội thảo quốc tế EMMA lần thứ 1*	4,0	4,0		
	Đề tài cấp cơ sở được nghiệm thu đúng thời hạn			2,0	2,0
	Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành, dự án sản xuất thử được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ				

	Đề tài cấp Nhà nước được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ				
	Hợp đồng kinh tế phục vụ sản xuất: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định				
	Báo cáo khoa học				
	+ Cấp Trường và cấp tương đương (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 2,0 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia				
	+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia				
	+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia. Báo cáo trong hội thảo quốc tế EMMA: " **SOME ISSUES IN DEVELOPMENT OF THE INTERNAL CONTROL SYSTEM IN COAL MINING COMPANIES"**			8,0	8,0
	+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở cấp Bộ môn 1 báo cáo được 0,5 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia; cấp Khoa được 1,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia (có xác nhận của Phòng KH-CN)				
	Bài báo				
	+ Đăng ở Tạp chí của Ngành			2,0	2,0
	+ Đăng ở tạp chí nước ngoài				
3	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0,5 điểm	0,5	0,5		
4	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ đạt 0,5 điểm	0,5	0,5		
5	Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25 điểm; Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25 điểm	0,5	0,5		
	Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v…			1,0	1,0
Cộng		**10,5**	**10,5**		**19**

Tổng cộng (1)+(2)+(3)+(4) +(5) + ……điểm thưởng = 29,5 điểm

Tự đánh giá danh hiệu thi đua:

Ngày 02 tháng 06 năm 2014

Ý kiến của đơn vị quản lý

TS. Bùi Thị Thu Thủy

Người khai

Nguyễn Thị Bích Phượng

Xác nhận của Khoa

Nguyễn Duy Lạc

Họ và tên: Nguyễn Thị Huyền Trang

Bộ môn: Kế toán doanh nghiệp

Khoa:Kinh tế - QTKD

Chức danh:Giảng viên

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ
Năm học:2013 -2014

(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá Có đề tài, bài báo, báo cáo KH, Hợp đồng LĐSX photocopy trang đầu và trang cuối kèm theo phụ lục)	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:** Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy (số giờ quy định trong năm học là 140 (tổng số giờ giảng trong năm học là: 349,5) được 5,0 điểm	5,0	5,0		
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1,0 điểm (cụ thể vượt ....%.....)			1,0	1,0
	Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5,0 điểm (tên giáo trình)			5,0	
	Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4,0 điểm (tên chương trình)			4,0	
	Xây dựng đề cương môn học được thưởng 2,0 điểm (tên đề cương môn học) *Đề cương môn học Kế toán bảo hiểm*			2,0	2,0
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 1,0 điểm			1,0	
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải nhất, nhì, ba; Tài năng khoa học trẻ dành cho SV được thưởng 2,0 điểm			2,0	
	Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích cấp Quốc gia được thưởng 2,0 điểm (tên giải)			2,0	
	Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 1,0 điểm (tên giải)			1,0	
	Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 1,0 điểm (tên sáng kiến)			1,0	
	Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến) *Vận dụng*			0,5	0,5

	Đạt giải Tài năng khoa học trẻ Việt Nam dành cho giảng viên trẻ của Bộ GD-ĐT			3	
2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:** (Có đề tài, bài báo, báo cáo khoa học, đạt 4,0 điểm) (ghi rõ tên đề tài, bài báo, báo cáo khoa học)	4,0			
	Đề tài cấp cơ sở được nghiệm thu đúng thời hạn (Chủ trì được 2,0 điểm, các thành viên tham gia 1,0 điểm)			3,0	
	Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành, dự án sản xuất thử được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (được 6 điểm/đề tài; trong đó chủ trì được 4,0 điểm, các thành viên tham gia được 2,0 điểm)			6,0	
	Đề tài cấp Nhà nước được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (10 điểm/đề tài; trong đó chủ trì đề tài được 7,0 điểm, các thành viên tham gia được 3,0 điểm)			10,0	
	Hợp đồng kinh tế phục vụ sản xuất: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định (đóng góp 5 triệu đồng cho Trường được thưởng 1,0điểm; đóng góp cho Công ty và các Trung tâm 10 triệu động được thưởng 1,0 điểm (ghi rõ hợp đồng, tổng số tiền đã nộp, tự cho điểm vào cột điểm thưởng)			1,0	
	Báo cáo khoa học				
	+ Cấp Trường và cấp tương đương (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 2,0 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia			2,0	
	+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			4,0	
	+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia *01 bài báo trong Hội thảo khoa học quốc tế lần thứ nhất với chủ đề " Quản lý kinh tế trong hoạt động khoáng sản " - 2013*			8,0	
	+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở cấp Bộ môn 1 báo cáo được 0,5 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia; cấp Khoa được 1,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia (có xác nhận của Phòng KH-CN)			0,5 – 1,0	0,5
	Bài báo				
	+ Đăng ở Tạp chí của Trường, Ngành (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng); thưởng 2 điểm/bài/các tác giả			2,0	
	+ Đăng ở tạp chí nước ngoài (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng); thưởng 16 điểm/bài/ các tác giả			16,0	

3	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0,5 điểm	0,5	0.5		
4	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ đạt 0,5 điểm	0,5	0,5		
5	Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25 điểm; Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25 điểm	0,5	0,5		
	Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v... được thưởng 1,0 điểm			1,0	1,0

Tổng cộng (1)+(2)+(3)+(4) +(5) + 5 điểm thưởng = 12 điểm

Tự đánh giá danh hiệu thi đua: Lao động tiên tiến

Ngày 2 tháng 6 năm 2014

Ý kiến của đơn vị quản lý

(Bộ môn)

Người khai

Nguyễn Thị Huyền Trang

Xác nhận của Khoa

Lưu Thị Thu Thủy

Nguyễn Duy Lạc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ KINH DOANH
BỘ MÔN KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2015

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU

Về việc đề nghị khen thưởng năm học 2014 - 2015

1. Thời gian họp: 14h30 ngày 28/07/2015
2. Địa điểm: Văn phòng Bộ môn Kế toán doanh nghiệp (P12.07).
3. Thành phần ban kiểm phiếu:
   - Ông/Bà Nguyễn Tiến Hưng, Trưởng ban;
   - Ông/Bà Lê Thị Thu Hồng, Ủy viên;
4. Kết quả kiểm phiếu giới thiệu như sau:

   Tổng số triệu tập: 18, số có mặt: 18 (100% số triệu tập)

   Tổng số phiếu phát ra: 18 phiếu,

   Tổng số phiếu thu về: 18 phiếu,

   Số phiếu hợp lệ: 18 phiếu,

   Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu,

   Kết quả kiểm phiếu như sau:
5. Bỏ phiếu và kết quả kiểm phiếu (số phiếu/tổng số phiếu) của từng trường hợp:

TT	Tên đơn vị cá nhân	Hình thức đề nghị	Số phiếu/ tổng số phiếu	Tỷ lệ %
I	**Danh hiệu tập thể**			
1	Bộ môn KTDN	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	18/18	100
II	**Danh hiệu cá nhân**			
1	Nguyễn Duy Lạc	CSTĐCS	18/18	100
2	Bùi Thị Thu Thuỷ	CSTĐCS	18/18	100
3	Phạm Minh Hải	CSTĐCS	18/18	100
4	Phí Thị Kim Thư	LĐTT/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
5	Nguyễn Thị Kim Oanh	LĐTT/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
6	Nguyễn Thị Minh Thu	LĐTT/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100

7	Lưu Thị Thu Hà	LĐTT/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
8	Nguyễn Thị Bích Phượng	LĐTT/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
9	Phạm Thị Hồng Hạnh	LĐTT/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
10	Nguyễn Tiến Hưng	LĐTT/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
11	Dương Thị Nhàn	LĐTT/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
12	Phạm Thu Hương	LĐTT/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
13	Hoàng Thị Thuỷ	Hoàn thành nhiệm vụ	18/18	100
14	Lê Thị Thu Hồng	LĐTT/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
15	Nguyễn Minh Thu	LĐTT/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
16	Vũ Ngọc Thịnh	LĐTT/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
17	Nguyễn Thị Huyền Trang	LĐTT/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100
18	Đỗ Thị Hương	LĐTT/Bằng khen Hiệu trưởng	18/18	100

TM TỔ KIỂM PHIẾU

Nguyễn Tiến Hưng

Họ và tên: Phạm Thu Hương

Bộ môn: Kế toán doanh nghiệp

Khoa: Kinh tế - QTKD

Chức danh: Giảng viên

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ

Năm học: 2013 – 2014

(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá Có đề tài, bài báo, báo cáo KH, Hợp đồng LĐSX photocopy trang đầu và trang cuối kèm theo phụ lục)	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:** Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy (số giờ quy định trong năm học là 140 (tổng số giờ giảng trong năm học là: 600 tiết) được 5,0 điểm	5,0	5,0		
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1,0 điểm (cụ thể vượt 328,6%.....)			1,0	1
	Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5,0 điểm (tên giáo trình)			5,0	
	Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4,0 điểm (tên chương trình)			4,0	
	Xây dựng đề cương môn học được thưởng 2,0 điểm (tên đề cương môn học) xây dựng đề cương môn học Tài chính Hành chính sự nghiệp			2,0	2
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 1,0 điểm			1,0	
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải nhất, nhì, ba; Tài năng khoa học trẻ dành cho SV được thưởng 2,0 điểm			2,0	
	Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích cấp Quốc gia được thưởng 2,0 điểm (tên giải)			2,0	
	Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 1,0 điểm (tên giải)			1,0	
	Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 1,0 điểm (tên sáng kiến)			1,0	

	Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến)			0,5	
	Đạt giải Tài năng khoa học trẻ Việt Nam dành cho giảng viên trẻ của Bộ GD-ĐT			3	
2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:** (Có đề tài, bài báo, báo cáo khoa học, đạt 4,0 điểm) (ghi rõ tên đề tài, bài báo, báo cáo khoa học)	4,0	4,0		
	Đề tài cấp cơ sở được nghiệm thu đúng thời hạn (Chủ trì được 2,0 điểm, các thành viên tham gia 1,0 điểm)			3,0	2,0
	Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành, dự án sản xuất thử được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (được 6 điểm/đề tài; trong đó chủ trì được 4,0 điểm, các thành viên tham gia được 2,0 điểm)			6,0	
	Đề tài cấp Nhà nước được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (10 điểm/đề tài; trong đó chủ trì đề tài được 7,0 điểm, các thành viên tham gia được 3,0 điểm)			10,0	
	Hợp đồng kinh tế phục vụ sản xuất: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định (đóng góp 5 triệu đồng cho Trường được thưởng 1,0điểm; đóng góp cho Công ty và các Trung tâm 10 triệu động được thưởng 1,0 điểm (ghi rõ hợp đồng, tổng số tiền đã nộp, tự cho điểm vào cột điểm thưởng)			1,0	
	Báo cáo khoa học				
	+ Cấp Trường và cấp tương đương (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 2,0 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia			2,0	
	+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			4,0	
	+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			8,0	
	+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở cấp Bộ môn 1 báo cáo được 0,5 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia; cấp Khoa được 1,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia (có xác nhận của Phòng KH-CN)			0,5 – 1,0	
	Bài báo				

	+ Đăng ở Tạp chí của Trường, Ngành (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng); thưởng 2 điểm/bài/các tác giả			2,0	
	+ Đăng ở tạp chí nước ngoài (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng); thưởng 16 điểm/bài/ các tác giả 01 bài báo đăng trên Hội thảo quốc tế EMMA			16,0	8,0
3	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0,5 điểm	0,5	0,5		
4	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ đạt 0,5 điểm	0,5	0,5		
5	Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25 điểm; Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25 điểm	0,5	0,5		
	Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v... được thưởng 1,0 điểm			1,0	1,0

Tổng cộng (1)+(2)+(3)+(4) +(5) + ...14.....điểm thưởng = 18,5 điểm

Tự đánh giá danh hiệu thi đua: Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở

Ngày tháng năm 2014

Ý kiến của đơn vị quản lý
(Bộ môn)

Bùi Thị Thu Thủy

Người khai

Phạm Thu Hương

Xác nhận của Khoa

Nguyễn Duy Lạc

. Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Oanh

Bộ môn: Kế toán doanh nghiệp

Khoa: Kinh tế Quản trị kinh doanh

Chức danh: Giảng viên

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ

Năm học: 2013 - 2014

(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:** Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy: - Số giờ quy định trong năm học là 280 giờ - Tổng số giờ giảng trong năm học là:1420 giờ được 5,0 điểm	5,0	5,0		
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1,0 điểm (cụ thể vượt 507%)			1,0	1,0
	Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5,0 điểm (tên giáo trình)				
	Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4,0 điểm (tên chương trình)				
	Xây dựng đề cương môn học được thưởng 2,0 điểm: - Đề cương môn học Kế toán thuế			2,0	2,0
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 1,0 điểm				
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải nhất, nhì, ba; Tài năng khoa học trẻ dành cho SV được thưởng 2,0 điểm				
	Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích cấp Quốc gia được thưởng 2,0 điểm (tên giải)				
	Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 1,0 điểm (tên giải)				
	Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 1,0 điểm				
	Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến)				0,5
	Đạt giải Tài năng khoa học trẻ Việt Nam dành cho giảng viên trẻ của Bộ GD-ĐT				
2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:** *- 01 bài báo đăng trên Tạp chí Tài chính Kế toán 2014*	4,0	4,0		
	Đề tài cấp cơ sở được nghiệm thu đúng thời hạn				
	Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành, dự án sản xuất thử được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ				
	Đề tài cấp Nhà nước được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ				
	Hợp đồng kinh tế phục vụ sản xuất: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định				
	Báo cáo khoa học				

	+ Cấp Trường và cấp tương đương (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 2,0 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia				
	+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia				
	+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia.				
	+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở cấp Bộ môn 1 báo cáo được 0,5 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia; cấp Khoa được 1,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia (có xác nhận của Phòng KH-CN)				
	Bài báo				
	+ Đăng ở Tạp chí của Ngành			2,0	2,0
	+ Đăng ở tạp chí nước ngoài				
3	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0,5 điểm	0,5	0,5		
4	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ đạt 0,5 điểm	0,5	0,5		
5	Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25 điểm; Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25 điểm	0,5	0,5		
	Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v…			1,0	1,0
Cộng		**10,5**	**10,5**		**6,5**

Tổng cộng (1)+(2)+(3)+(4) +(5) + ...điểm thưởng = 16,5 điểm

Tự đánh giá danh hiệu thi đua:

Ngày 02 tháng 06 năm 2014

Ý kiến của đơn vị quản lý

TS. Bùi Thị Thu Thủy

Người khai

Nguyễn Thị Kim Oanh

Xác nhận của Khoa

Nguyễn Duy Lạc

Họ và tên: Lê Thị Thu Hồng
Bộ môn: Kế toán doanh nghiệp
Khoa: Kinh tế - QTKD
Chức danh: Giảng viên

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ
Năm học: 2013 - 2014

(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá Có đề tài, bài báo, báo cáo KH, Hợp đồng LĐSX photocopy trang đầu và trang cuối kèm theo phụ lục)	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:** Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy (số giờ quy định trong năm học là 280 tiết (tổng số giờ giảng trong năm học là: 1.000 tiết) được 5,0 điểm	5,0	5,0		
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1,0 điểm (cụ thể vượt 250 %)			1,0	1,0
	Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5,0 điểm (tên giáo trình)			5,0	
	Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4,0 điểm (tên chương trình)			4,0	
	Xây dựng đề cương môn học được thưởng 2,0 điểm (Quản lý NSNN và Kho bạc)			2,0	2,0
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 1,0 điểm			1,0	
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải nhất, nhì, ba; Tài năng khoa học trẻ dành cho SV được thưởng 2,0 điểm (Sinh viên NCKH được giải nhất)			2,0	
	Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích cấp Quốc gia được thưởng 2,0 điểm (tên giải)			2,0	
	Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 1,0 điểm (tên giải)			1,0	
	Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 1,0 điểm (tên sáng kiến)			1,0	
	Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến)			0,5	
	Đạt giải Tài năng khoa học trẻ Việt Nam dành cho giảng viên trẻ của Bộ GD-ĐT			3	
2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:** (Có đề tài, bài báo, báo cáo khoa học, đạt 4,0 điểm) (ghi rõ tên đề tài, bài báo, báo cáo khoa học)	4,0	4,0		
	Đề tài cấp cơ sở được nghiệm thu đúng thời hạn (Chủ trì được 2,0 điểm, các thành viên tham gia 1,0 điểm) Tham gia đề tài mã số T11-43.			3,0	
	Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành, dự án sản xuất thử được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (được 6 điểm/đề tài; trong đó chủ trì được 4,0 điểm, các thành viên tham gia được 2,0 điểm)			6,0	

	Đề tài cấp Nhà nước được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (10 điểm/đề tài; trong đó chủ trì đề tài được 7,0 điểm, các thành viên tham gia được 3,0 điểm)			10,0	
	Hợp đồng kinh tế phục vụ sản xuất: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định (đóng góp 5 triệu đồng cho Trường được thưởng 1,0điểm; đóng góp cho Công ty và các Trung tâm 10 triệu động được thưởng 1,0 điểm (ghi rõ hợp đồng, tổng số tiền đã nộp, tự cho điểm vào cột điểm thưởng)			1,0	
	Báo cáo khoa học				
	+ Cấp Trường và cấp tương đương (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 2,0 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia			2,0	
	+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			4,0	
	+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			8,0	
	+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở cấp Bộ môn 1 báo cáo được 0,5 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia; cấp Khoa được 1,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia (có xác nhận của Phòng KH-CN)			0,5 – 1,0	0,5
	Bài báo				
	+ Đăng ở Tạp chí của Trường, Ngành (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng); thưởng 2 điểm/bài/các tác giả, 1 bài báo đăng Tạp chí Kinh tế và dự báo: "Hoàn thiện công tác quản lý vật tư tại công ty TNHH MTV than Thống Nhất".			2,0	0,5
	+ Đăng ở tạp chí nước ngoài (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng); thưởng 16 điểm/bài/ các tác giả			16,0	
3	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0,5 điểm	0,5	0,5		
4	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ đạt 0,5 điểm	0,5	0,5		
5	Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25 điểm; Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25 điểm	0,5	0,5		
	Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v... được thưởng 1,0 điểm			1,0	1,0

Tổng cộng (1)+(2)+(3)+(4) +(5) + ...5.....điểm thưởng = 15,5 điểm

Tự đánh giá danh hiệu thi đua: Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở

Ngày 30 tháng 5 năm 2014

Ý kiến của đơn vị quản lý
(Bộ môn)

Xác nhận của Khoa

Người khai

Lê Thị Thường

Họ và tên: Nguyễn Tiến Hưng
Bộ môn: Kế toán doanh nghiệp
Khoa: Kinh tế - QTKD
Chức danh: Giảng viên

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ
Năm học: 2013 - 2014
(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá Có đề tài, bài báo, báo cáo KH, Hợp đồng LĐSX photocopy trang đầu và trang cuối kèm theo phụ lục)	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:** Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy (số giờ quy định trong năm học là 280 tiết; Tổng số giờ giảng trong năm học là: 1.000 tiết, được 5,0 điểm	5,0	5,0		
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1,0 điểm (cụ thể vượt 250 %)			1,0	1,0
	Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5,0 điểm (tên giáo trình)			5,0	
	Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4,0 điểm (tên chương trình)			4,0	
	Xây dựng đề cương môn học được thưởng 2,0 điểm; Kế toán bảo hiểm			2,0	2,0
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 1,0 điểm			1,0	
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải nhất, nhì, ba; Tài năng khoa học trẻ dành cho SV được thưởng 2,0 điểm (Sinh viên NCKH được giải nhất)			2,0	
	Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích cấp Quốc gia được thưởng 2,0 điểm (tên giải)			2,0	
	Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 1,0 điểm (tên giải)			1,0	
	Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 1,0 điểm; ***Tăng cường thực hành sổ sách kế toán đối với phần hành kế toán bán hàng trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ.***			1,0	1,0
	Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến)			0,5	
	Đạt giải Tài năng khoa học trẻ Việt Nam dành cho giảng viên trẻ của Bộ GD-ĐT			3	
2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:** (Có đề tài, bài báo, báo cáo khoa học, đạt 4,0 điểm) (ghi rõ tên	4,0	4,0		

	phần đạt tối đa 0,5 điểm				
4	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ đạt 0,5 điểm	0,5	0,5		
5	Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25 điểm; Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25 điểm	0,5	0,5		
	Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v… được thưởng 1,0 điểm			1,0	1,0

Tổng cộng (1)+(2)+(3)+(4) +(5) + … 13……điểm thưởng = 23,5 điểm

Tự đánh giá danh hiệu thi đua: Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở

Ngày 30 tháng 5 năm 2014

Ý kiến của đơn vị quản lý
(Bộ môn)

TS. Bùi Thị Thu Thủy

Người khai

Nguyễn Tiến Hưng

Xác nhận của Khoa

Nguyễn Duy Lạc

	đề tài, bài báo, báo cáo khoa học)				
	Đề tài cấp cơ sở được nghiệm thu đúng thời hạn (Chủ trì được 2,0 điểm, các thành viên tham gia 1,0 điểm).			3,0	
	Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành, dự án sản xuất thử được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (được 6 điểm/đề tài; trong đó chủ trì được 4,0 điểm, các thành viên tham gia được 2,0 điểm)			6,0	
	Đề tài cấp Nhà nước được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (10 điểm/đề tài; trong đó chủ trì đề tài được 7,0 điểm, các thành viên tham gia được 3,0 điểm)			10,0	
	Hợp đồng kinh tế phục vụ sản xuất: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định (đóng góp 5 triệu đồng cho Trường được thưởng 1,0điểm; đóng góp cho Công ty và các Trung tâm 10 triệu động được thưởng 1,0 điểm (ghi rõ hợp đồng, tổng số tiền đã nộp, tự cho điểm vào cột điểm thưởng)			1,0	
	Báo cáo khoa học				
	+ Cấp Trường và cấp tương đương (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 2,0 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia			2,0	
	+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			4,0	
	+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia. 02 Bài báo tham gia Hội thảo quốc tế EMMA: 1*: **Một số giải pháp tăng cường quản lý tài chính tại Công ty TNHH MTV than Thống Nhất – Vinacomin; 2: Thực trạng công tác hạch toán TSCĐ hữu hình trong các doanh nghiệp khai thác thuộc Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.***			8,0	8,0
	+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở cấp Bộ môn 1 báo cáo được 0,5 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia; cấp Khoa được 1,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia (có xác nhận của Phòng KH-CN)			0,5 – 1,0	
	Bài báo				
	+ Đăng ở Tạp chí của Trường, Ngành (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng); thưởng 2 điểm/bài/các tác giả.			2,0	
	+ Đăng ở tạp chí nước ngoài (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng); thưởng 16 điểm/bài/ các tác giả			16,0	
3	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành	0,5	0,5		

Họ và tên: Vũ Ngọc Thịnh

Bộ môn: Kế toán doanh nghiệp

Khoa: Kinh tế - QTKD

Chức danh: Giảng viên

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ
Năm học: 2013 - 2014

(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá Có đề tài, bài báo, báo cáo KH, Hợp đồng LĐSX photocopy trang đầu và trang cuối kèm theo phụ lục)	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:** Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy (số giờ quy định trong năm học là 280 tiết (tổng số giờ giảng trong năm học là: 1.000 tiết) được 5,0 điểm	5,0	5,0		
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1,0 điểm (cụ thể vượt 250 %)			1,0	1,0
	Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5,0 điểm (tên giáo trình)			5,0	
	Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4,0 điểm (tên chương trình)			4,0	
	Xây dựng đề cương môn học được thưởng 2,0 điểm (Kế toán ngân hàng)			2,0	2,0
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 1,0 điểm			1,0	1,0
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải nhất, nhì, ba; Tài năng khoa học trẻ dành cho SV được thưởng 2,0 điểm (Sinh viên NCKH được giải nhất)			2,0	2,0
	Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích cấp Quốc gia được thưởng 2,0 điểm (tên giải)			2,0	
	Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 1,0 điểm (tên giải)			1,0	
	Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 1,0 điểm (tên sáng kiến)			1,0	
	Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến)			0,5	
	Đạt giải Tài năng khoa học trẻ Việt Nam dành cho giảng viên trẻ của Bộ GD-ĐT			3	
2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:** (Có đề tài, bài báo, báo cáo khoa học, đạt 4,0 điểm) (ghi rõ tên đề tài, bài báo, báo cáo khoa học)	4,0	4,0		

	Đề tài cấp cơ sở được nghiệm thu đúng thời hạn (Chủ trì được 2,0 điểm, các thành viên tham gia 1,0 điểm) Tham gia đề tài mã số T11-43: "Nghiên cứu hoàn thiện tổ chức công tác kế toán quản trị trong doanh nghiệp khai thác than lộ thiên – Vinacomin".			3,0	1,0
	Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành, dự án sản xuất thử được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (được 6 điểm/đề tài; trong đó chủ trì được 4,0 điểm, các thành viên tham gia được 2,0 điểm)			6,0	
	Đề tài cấp Nhà nước được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (10 điểm/đề tài; trong đó chủ trì đề tài được 7,0 điểm, các thành viên tham gia được 3,0 điểm)			10,0	
	Hợp đồng kinh tế phục vụ sản xuất: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định (đóng góp 5 triệu đồng cho Trường được thưởng 1,0điểm; đóng góp cho Công ty và các Trung tâm 10 triệu động được thưởng 1,0 điểm (ghi rõ hợp đồng, tổng số tiền đã nộp, tự cho điểm vào cột điểm thưởng)			1,0	
	Báo cáo khoa học				
	+ Cấp Trường và cấp tương đương (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 2,0 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia			2,0	
	+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			4,0	
	+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			8,0	
	+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở cấp Bộ môn 1 báo cáo được 0,5 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia; cấp Khoa được 1,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia (có xác nhận của Phòng KH-CN)			0,5 – 1,0	0,5
	Bài báo				
	+ Đăng ở Tạp chí của Trường, Ngành (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng); thưởng 2 điểm/bài/các tác giả, 1 bài báo đăng Tạp chí Kinh tế và dự báo: "Hoàn thiện công tác quản lý vật tư tại công ty TNHH MTV than Thống Nhất"			2,0	0,5
	+ Đăng ở tạp chí nước ngoài (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng); thưởng 16 điểm/bài/ các tác giả			16,0	
3	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0,5 điểm	0,5	0,5		
4	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ	0,5	0,5		

	đạt 0,5 điểm				
5	Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25 điểm; Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25 điểm	0,5	0,5		
	Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v... được thưởng 1,0 điểm			1,0	1,0

Tổng cộng (1)+(2)+(3)+(4) +(5) + ...9.....điểm thưởng = 19,5 điểm

Tự đánh giá danh hiệu thi đua: Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở

Ngày 30 tháng 5 năm 2014

Người khai

Vũ Ngọc Thắng

Ý kiến của đơn vị quản lý

(Bộ môn)

Phạm Thị Hải Hà

Xác nhận của Khoa

Nguyễn Duy Lạc

Họ và tên: Phí Thị Kim Thư

Bộ môn: Kế toán doanh nghiệp

Khoa: Kinh tế - QTKD

Chức danh: Giảng viên

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ

Năm học: 2013 – 2014

(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá Có đề tài, bài báo, báo cáo KH, Hợp đồng LĐSX photocopy trang đầu và trang cuối kèm theo phụ lục)	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:** Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy (số giờ quy định trong năm học là 140 (tổng số giờ giảng trong năm học là: 600 tiết) được 5,0 điểm	5,0	5,0		
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1,0 điểm (cụ thể vượt 328,6%.....)			1,0	1
	Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5,0 điểm (tên giáo trình)			5,0	
	Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4,0 điểm (tên chương trình)			4,0	
	Xây dựng đề cương môn học được thưởng 2,0 điểm (tên đề cương môn học) xây dựng đề cương môn học Tài chính Hành chính sự nghiệp			2,0	2
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 1,0 điểm			1,0	
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải nhất, nhì, ba; Tài năng khoa học trẻ dành cho SV được thưởng 2,0 điểm			2,0	
	Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích cấp Quốc gia được thưởng 2,0 điểm (tên giải)			2,0	
	Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 1,0 điểm (tên giải)			1,0	
	Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 1,0 điểm (tên sáng kiến)			1,0	

	Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến)			0,5	
	Đạt giải Tài năng khoa học trẻ Việt Nam dành cho giảng viên trẻ của Bộ GD-ĐT			3	
2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:** (Có đề tài, bài báo, báo cáo khoa học, đạt 4,0 điểm) (ghi rõ tên đề tài, bài báo, báo cáo khoa học)	4,0	4,0		
	Đề tài cấp cơ sở được nghiệm thu đúng thời hạn (Chủ trì được 2,0 điểm, các thành viên tham gia 1,0 điểm)			3,0	2,0
	Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành, dự án sản xuất thử được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (được 6 điểm/đề tài; trong đó chủ trì được 4,0 điểm, các thành viên tham gia được 2,0 điểm)			6,0	
	Đề tài cấp Nhà nước được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (10 điểm/đề tài; trong đó chủ trì đề tài được 7,0 điểm, các thành viên tham gia được 3,0 điểm)			10,0	
	Hợp đồng kinh tế phục vụ sản xuất: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định (đóng góp 5 triệu đồng cho Trường được thưởng 1,0điểm; đóng góp cho Công ty và các Trung tâm 10 triệu động được thưởng 1,0 điểm (ghi rõ hợp đồng, tổng số tiền đã nộp, tự cho điểm vào cột điểm thưởng)			1,0	
	Báo cáo khoa học				
	+ Cấp Trường và cấp tương đương (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 2,0 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia			2,0	
	+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			4,0	
	+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			8,0	
	+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở cấp Bộ môn 1 báo cáo được 0,5 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia; cấp Khoa được 1,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia (có xác nhận của Phòng KH-CN)			0,5 – 1,0	
	Bài báo				

	+ Đăng ở Tạp chí của Trường, Ngành (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng); thưởng 2 điểm/bài/các tác giả			2,0	
	+ Đăng ở tạp chí nước ngoài (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng); thưởng 16 điểm/bài/ các tác giả 01 bài báo đăng trên Hội thảo quốc tế EMMA			16,0	8,0
3	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0,5 điểm	0,5	0,5		
4	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ đạt 0,5 điểm	0,5	0,5		
5	Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25 điểm; Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25 điểm	0,5	0,5		
	Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v... được thưởng 1,0 điểm			1,0	1,0

Tổng cộng (1)+(2)+(3)+(4) +(5) + ...14.....điểm thưởng = 24,5 điểm

Tự đánh giá danh hiệu thi đua: Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở

Ngày 20 tháng 5 năm 2014

Ý kiến của đơn vị quản lý
(Bộ môn)

TS. Bùi Thị Thu Thủy

Người khai

Phí Thị Kim Thư

Xác nhận của Khoa

Nguyễn Duy Lạc

Họ và tên: Phạm Thị Hồng Hạnh

Bộ môn: Kế toán doanh nghiệp

Khoa: Kinh tế - Quản trị kinh doanh

Chức danh: Cán bộ giảng dạy

Phụ lục II
BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ
Năm học:2013 - 2014

(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá Có đề tài, bài báo, báo cáo KH, Hợp đồng LĐSX photocopy trang đầu và trang cuối kèm theo phụ lục)	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:** Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy (số giờ quy định trong năm học là 140 (tổng số giờ giảng trong năm học là:500) được 5,0 điểm	5,0	5,0		
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1,0 điểm (cụ thể vượt 250.%.)			1,0	1,0
	Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5,0 điểm (tên giáo trình)			5,0	
	Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4,0 điểm (tên chương trình)			4,0	
	Xây dựng đề cương môn học được thưởng 2,0 điểm (tên đề cương môn học: Kế toán dự trữ nhà nước)			2,0	2,0
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 1,0 điểm			1,0	1,0
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải nhất, nhì, ba; Tài năng khoa học trẻ dành cho SV được thưởng 2,0 điểm			2,0	
	Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích cấp Quốc gia được thưởng 2,0 điểm (tên giải)			2,0	
	Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 1,0 điểm (tên giải)			1,0	
	Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 1,0 điểm (tên sáng kiến: Tăng cường vận dụng phương pháp thảo luận theo nhóm trong giảng dạy môn Kế toán xây dựng cơ bản)			1,0	1,0
	Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (Vận dụng sáng kiến :Tăng cường tính tự chủ của người học khi tham gia học đại học theo tín chỉ - TS Bùi Thị Thu Thủy)			0,5	0,5
	Đạt giải Tài năng khoa học trẻ Việt Nam dành cho giảng viên trẻ của Bộ GD-ĐT			3	

2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:** (Có đề tài, bài báo, báo cáo khoa học, đạt 4,0 điểm) (ghi rõ tên đề tài, bài báo, báo cáo khoa học) Đề tài cơ sở: Mã T13-09: "Nghiên cứu hệ thống kiểm soát nội bộ trong công tác hạch toán kế toán tại các doanh nghiệp khai thác lộ thiên – VINACOMIN" Bài báo: 1. Đề xuất mô hình tổ chức thông tin kế toán quản trị trong các doanh nghiệp khai thác than – Tạp chí Tài nguyên và môi trường, số 14 (172) tháng 7/2013 2. Ứng dụng kế toán quản trị chi phí trong DN khai thác than – Tạp chí Kinh tế và dự báo, số 15/2013	4,0	4,0		
	Đề tài cấp cơ sở được nghiệm thu đúng thời hạn (Chủ trì được 2,0 điểm, các thành viên tham gia 1,0 điểm)			3,0	1,0
	Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành, dự án sản xuất thử được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (được 6 điểm/đề tài; trong đó chủ trì được 4,0 điểm, các thành viên tham gia được 2,0 điểm)			6,0	
	Đề tài cấp Nhà nước được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (10 điểm/đề tài; trong đó chủ trì đề tài được 7,0 điểm, các thành viên tham gia được 3,0 điểm)			10,0	
	Hợp đồng kinh tế phục vụ sản xuất: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định (đóng góp 5 triệu đồng cho Trường được thưởng 1,0điểm; đóng góp cho Công ty và các Trung tâm 10 triệu động được thưởng 1,0 điểm (ghi rõ hợp đồng, tổng số tiền đã nộp, tự cho điểm vào cột điểm thưởng)			1,0	
	Báo cáo khoa học				
	+ Cấp Trường và cấp tương đương (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 2,0 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia			2,0	
	+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			4,0	
	+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			8,0	
	+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở cấp Bộ môn 1 báo cáo được 0,5 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia; cấp Khoa được 1,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia (có xác nhận của Phòng KH-CN)			0,5 – 1,0	
	Bài báo				3,0
	+ Đăng ở Tạp chí của Trường, Ngành (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng); thưởng 2 điểm/bài/các tác giả: 02 bài báo			2,0	
	+ Đăng ở tạp chí nước ngoài (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng); thưởng 16 điểm/bài/ các tác giả			16,0	
3	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0,5 điểm	0,5	0,5		

4	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ đạt 0,5 điểm	0,5	0,5		
5	Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25 điểm; Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25 điểm	0,5	0,5		
	Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v... được thưởng 1,0 điểm			1,0	1,0

Tổng cộng (1)+(2)+(3)+(4) +(5) + 9,5 điểm thưởng = 21 điểm

Tự đánh giá danh hiệu thi đua: Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở

Ngày 02 tháng 6 năm 2014

Ý kiến của đơn vị quản lý

(Bộ môn)

Phí Thị Thu Thủy

Người khai

Phạm Thị Hồng Hạnh

Xác nhận của Khoa

Nguyễn Duy Lạc

Họ và tên: Lưu Thị Thu Hà

Bộ môn: Kế toán doanh nghiệp

Khoa:Kinh tế - QTKD

Chức danh:Giảng viên

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ
Năm học:2013 -2014

(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá Có đề tài, bài báo, báo cáo KH, Hợp đồng LĐSX photocopy trang đầu và trang cuối kèm theo phụ lục)	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:** Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy (số giờ quy định trong năm học là 140 (tổng số giờ giảng trong năm học là: 349,5) được 5,0 điểm	5,0	5,0		
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1,0 điểm (cụ thể vượt ….%……)			1,0	1,0
	Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5,0 điểm (tên giáo trình)			5,0	
	Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4,0 điểm (tên chương trình)			4,0	
	Xây dựng đề cương môn học được thưởng 2,0 điểm (tên đề cương môn học) *Đề cương môn học Tài chính doanh nghiệp*			2,0	2,0
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 1,0 điểm			1,0	1,0
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải nhất, nhì, ba; Tài năng khoa học trẻ dành cho SV được thưởng 2,0 điểm			2,0	
	Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích cấp Quốc gia được thưởng 2,0 điểm (tên giải)			2,0	
	Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 1,0 điểm (tên giải)			1,0	
	Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 1,0 điểm (tên sáng kiến)			1,0	
	Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến) *Vận dụng*			0,5	0,5

	Đạt giải Tài năng khoa học trẻ Việt Nam dành cho giảng viên trẻ của Bộ GD-ĐT			3	
2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:** (Có đề tài, bài báo, báo cáo khoa học, đạt 4,0 điểm) (ghi rõ tên đề tài, bài báo, báo cáo khoa học)	4,0			
	Đề tài cấp cơ sở được nghiệm thu đúng thời hạn (Chủ trì được 2,0 điểm, các thành viên tham gia 1,0 điểm)			3,0	
	Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành, dự án sản xuất thử được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (được 6 điểm/đề tài; trong đó chủ trì được 4,0 điểm, các thành viên tham gia được 2,0 điểm)			6,0	
	Đề tài cấp Nhà nước được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (10 điểm/đề tài; trong đó chủ trì đề tài được 7,0 điểm, các thành viên tham gia được 3,0 điểm)			10,0	
	Hợp đồng kinh tế phục vụ sản xuất: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định (đóng góp 5 triệu đồng cho Trường được thưởng 1,0điểm; đóng góp cho Công ty và các Trung tâm 10 triệu động được thưởng 1,0 điểm (ghi rõ hợp đồng, tổng số tiền đã nộp, tự cho điểm vào cột điểm thưởng)			1,0	
	Báo cáo khoa học				
	+ Cấp Trường và cấp tương đương (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 2,0 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia *01 bài báo trong Hội thảo khoa học quốc tế lần thứ nhất với chủ đề " Quản lý kinh tế trong hoạt động khoáng sản " - 2013*			2,0	1,0
	+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			4,0	
	+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			8,0	
	+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở cấp Bộ môn 1 báo cáo được 0,5 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia; cấp Khoa được 1,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia (có xác nhận của Phòng KH-CN)			0,5 – 1,0	
	Bài báo				
	+ Đăng ở Tạp chí của Trường, Ngành (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng); thưởng 2 điểm/bài/các tác giả			2,0	
	+ Đăng ở tạp chí nước ngoài (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng); thưởng 16 điểm/bài/ các tác giả			16,0	

3	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0,5 điểm	0,5	0.5		
4	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ đạt 0,5 điểm	0,5	0,5		
5	Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25 điểm; Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25 điểm	0,5	0,5		
	Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v... được thưởng 1,0 điểm			1,0	1,0

Tổng cộng (1)+(2)+(3)+(4) +(5) + 6, 5 điểm thưởng = 13 điểm

Tự đánh giá danh hiệu thi đua: Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở.

Ngày 2 tháng 6 năm 2014

Ý kiến của đơn vị quản lý
(Bộ môn)

TS. Bùi Thị Thu Thủy

Người khai

Lưu Thị Thu Hà

Xác nhận của Khoa

Nguyễn Duy Lạc

Họ và tên:Bùi Thị Thu Thủy

Bộ môn:Kế toán doanh nghiệp

Khoa:Kinh tế & QTKD

Chức danh:GVC

Phụ lục II
BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ
Năm học:2014-2015

(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá (Có đề tài, bài báo, báo cáo KH, Hợp đồng LĐSX thì copy trang đầu và trang cuối kèm theo phụ lục này)	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:** - Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy (số giờ quy định trong năm học là 320 giờ (tổng số giờ giảng trong năm học là:500 giờ) được 5,0 điểm	5,0	5,0		
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1,0 điểm (cụ thể vượt 50%.)			1,0	1,0
	- Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5,0 điểm (tên giáo trình) Giáo trình Nguyên lí kế toán (Cấp nhà xuất bản)			5,0	5,0
	- Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4,0 điểm (tên chương trình) CHương trình đào tạo chuyên ngành kế toán tài chính công			4,0	4,0
	- Xây dựng đề cương môn học và có hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 2,0 điểm (tên đề cương môn học và nhóm sinh viên hướng dẫn NCKH) Đề cương môn học: Nghiệp vụ hải quan			2,0	1,0
	- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 1,0 điểm			1,0	1,0
	- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải nhất, nhì, ba; Tài năng khoa học trẻ dành cho SV được thưởng 2,0 điểm			2,0	
	- Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích cấp Quốc gia được thưởng 2,0 điểm (tên giải)			2,0	
	- Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 1,0 điểm (tên giải)			1,0	

	- Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 1,0 điểm (tên sáng kiến) "Thảo luận thông tư 200/2014-BTC và so sánh với chế độ kế toán theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC"			1,0	1,0
	- Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến)			0,5	
	- Đạt giải Tài năng khoa học trẻ Việt Nam dành cho giảng viên trẻ của Bộ GD-ĐT			3	
2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:** (Có đề tài, bài báo, báo cáo khoa học và hoạt động LĐSX là đạt 4,0 điểm) (ghi rõ tên đề tài, bài báo...) Đề tài phục vụ sản xuất: Hoàn thiện giao khoán chi phí cho công ty CP Than Hà Tu-Vinacomin	4,0	4,0		
	- **Đề tài cấp cơ sở** được nghiệm thu đúng thời hạn (Chủ trì được 2,0 điểm, các thành viên tham gia 1,0 điểm)			3,0	
	- **Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành** dự án sản xuất thử đã được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (được 6 điểm; trong đó chủ trì được 4,0đ, các thành viên tham gia được 2,0 điểm			6,0	2.0
	- **Đề tài cấp Nhà nước**: 10,0 điểm/đề tài đã được nghiệm thu đúng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ. Trong đó chủ trì đề tài dược 7,0 điểm, các thành viên tham gia được 3,0 điểm			10,0	
	- **Hợp đồng kinh tế phục vụ sản xuất**: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định (đóng góp 5 triệu đồng cho Trường được thưởng 1,0điểm; đóng góp cho Công ty và các Trung tâm 10 triệu động được thưởng 1,0 điểm (ghi rõ hợp đồng, tổng số tiền đã nộp, tự cho điểm vào cột điểm thưởng)			1,0	1.0
	Báo cáo khoa học				

	+ Cấp Trường và cấp tương đương (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 2,0 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia			2,0	
	+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			4,0	
	+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			8.0	
	+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn 1 báo cáo được 0,5 điểm; cấp khoa được 1,0 điểm/1 báo cáo/ số thành viên tham gia			0,5 1,0	
	- Bài báo + Đăng ở Tạp chí của Trường, Ngành trở lên (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 2 điểm/bài/các tác giả			2,0	
	+ Đăng ở tạp chí nước ngoài (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 16 điểm/bài/ các tác giả			16,0	
3	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0,5 điểm	0,5	0,5		
4	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ đạt 0,5 điểm	0,5	0,5		
5	Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25 điểm Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, gia đình văn hoá được 0.25 điểm	0,5	0,5		
	Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v... được thưởng 1,0 điểm			1,0	1,0

Tổng cộng (1)+(2)+(3)+(4) +(5) + 16.5 điểm thưởng = 26,5 điểm

Tự đánh giá danh hiệu thi đua: Lao động tiên tiến

Ngày 18 tháng 5 năm 2015

Ý kiến của đơn vị quản lý

(Bộ môn)

TS. Bùi Thị Thu Thủy

Người khai

Bùi Thị Thu Thủy

Xác nhận của Khoa

Mẫu 17. Biên bản họp hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp Bộ nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

, ngày tháng năm

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU CẤP BỘ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

1. Tên nhiệm vụ, mã số: Biên soạn tài liệu và tổ chức tập huấn về bảo vệ môi trường trong hoạt động khai tháo khoáng sản cho giảng viên các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp có đào tạo về lĩnh vực khai thác mỏ. Mã số B2014-02-01MT
2. Chủ nhiệm nhiệm vụ: PGS.TS. Nguyễn Phương
3. Cơ quan chủ trì nhiệm vụ: Trường Đại học Mỏ - Địa chất
4. Quyết định thành lập hội đồng: 6078/QĐ-BGDĐT ngày 19/12/2014
5. Ngày họp: 27/12/2014
6. Địa điểm: Bộ Giáo dục và Đào tạo
7. Thành viên của hội đồng: Tổng số: 07 có mặt: 06 vắng mặt: 01
8. Khách mời dự: PGS.TS. Lê Trọng Hùng, Phó vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường
   TS. Nguyễn Hải Thanh, chuyên viên Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường
   Và các cán bộ, giảng viên Trường Đại học Mỏ -Địa chất, thành viên tham gia nhiệm vụ
9. Tổng số điểm : 380
10. Tổng số đầu điểm: 06
11. Điểm trung bình ban đầu: 64,66
12. Tổng số đầu điểm: 06 trong đó: - hợp lệ: 06 - không hợp lệ:0
13. Tổng số điểm hợp lệ: 380
14. Điểm trung bình cuối cùng: 64,66
15. Kết luận và kiến nghị của hội đồng:
    - Đồng ý nghiệm thu nhiệm vụ biên soạn tài liệu cấp Bộ và triển khai tập huấn sau khi chỉnh sửa tài liệu tập huấn và báo cáo tổng kết nhiệm vụ theo ý kiến của các thành viên Hội đồng (có ý kiến xác nhận của các thành viên Hội đồng). Cụ thể như sau:
    - Nội dung tài liệu còn sơ sài, cần bám sát với đề cương thuyết minh nhiệm vụ.
    - Các chương cần có sự gắn bó mật thiết. Tại các chương nên có tổng quan , thực trạng và các giải pháp. Nên kết cấu từng chương theo chủ đề tập huấn để người tiếp cận tài liệu có thể hiểu và dử dụng được. Tại từng chủ đề cần có mục đích, đối tượng, phương pháp cùng tài liệu tham khảo kèm theo, tóm tắt nội dung từng chủ đề cần có các câu hỏi thảo luận, ôn tập theo từng chủ đề, phần tự đánh giá, hướng dẫn tập huấn và kết quả tập huấn. Trong tài liệu tập huấn nên chú ý bổ sung kênh hình.
    - Cần bổ sung các tài liệu tham khảo mang tính quốc tế về bảo vệ môi trường và giáo dục bảo vệ môi trường.
    - Phần kiến thức của tài liệu:

    + Chương I. Cần bổ sung tính chất đặc thù của bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản.

    + Chương II. Nên chăng bổ sung phần khai thác khí lỏng.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

THUYẾT MINH NHIỆM VỤ GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CẤP BỘ

Tên nhiệm vụ:

Biên soạn tài liệu và tổ chức tập huấn về bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản cho giảng viên các trường ĐH,CĐ,TCCN có đào tạo về lĩnh vực khai thác mỏ

HÀ NỘI, 4 - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

THUYẾT MINH NHIỆM VỤ
GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. TÊN NHIỆM VỤ: Biên soạn tài liệu và tổ chức tập huấn về bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản cho giảng viên các trường ĐH,CĐ,TCCN có đào tạo về lĩnh vực khai thác mỏ	2. MÃ SỐ:

3. LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU:						4. LOẠI HÌNH NGHIÊN CỨU		
						Cơ bản	Ứng dụng	Triển khai
Tự nhiên	☐	Kỹ thuật	☐	Môi trường	X	☐	☐	X
Kinh tế; XH-NV	☐	Nông Lâm	☐	ATLĐ	☐			
Giáo dục	X	Y Dược	☐	Sở hữu trí tuệ	☐			

5. THỜI GIAN THỰC HIỆN: Từ tháng 02 năm 2014 đến tháng 12 năm 2014

6. CƠ QUAN CHỦ TRÌ:
Tên cơ quan: Trường Đại học Mỏ - Địa chất
Điện thoại: 043. 838389633
E-mail:phonghanhchinhtonghop@humg.edu.vn
Địa chỉ: Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm – Hà Nội
Họ và tên thủ trưởng cơ quan chủ trì: PGS.TS Lê Hải An

7. CHỦ NHIỆM:
Họ và tên: PGS.TS. Nguyễn Phương
Chức vụ: Trưởng khoa Môi trường
Địa chỉ cơ quan: Phường Đức Thắng, Quận bắc Từ Liêm – Hà Nội
Địa chỉ nhà riêng:
Điện thoại cơ quan:043.7525052
Điện thoại nhà riêng:
Điện thoại DĐ: 01666780226
Fax:
E-mail: phuong-mdc@yahoo.com

8. NHỮNG THÀNH VIÊN THAM GIA NGHIÊN CỨU NHIỆM VỤ:

Họ và tên	Đơn vị công tác và lĩnh vực chuyên môn	Nội dung nghiên cứu cụ thể được giao	Chữ ký
1.PGS.TS.Nguyễn Phương	Trưởng khoa Môi trường; Trường ĐH Mỏ - Địa chất	-Chủ nhiệm đề tài -Chủ trì tổ chức thực hiện; Biên soạn tài liệu môi trường địa chất trong hoạt động khai thác mỏ; Tập huấn; Viết báo cáo tổng kết	
2.TS. Nguyễn Thị Kim Ngân	Phó trưởng bộ môn, Khoa kinh tế&QTKD; Trường	-Thư ký nhiệm vụ và tài chính	

	ĐH Mỏ - Địa chất	-Biên soạn tài liệu Các công cụ kinh tế quản lý môi trường trong khai thác mỏ	
3. TS. Vũ Đình Hiếu	Phó Trưởng Bộ môn Khai thác Lộ thiên- Trường ĐH Mỏ - Địa chất	-Thành viên; Biên soạn tài liệu Tác động của khai thác khoáng sản đến môi trường	
4.TS. Bùi Thị Thu Thủy	Trưởng bộ môn kế toán DN; khoa KT&QTKD; Trường ĐH Mỏ - Địa chất	-Thành viên; Biên soạn tài liệu Ô nhiễm môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.	
5. TS Đặng Huy Thái	Trưởng bộ môn – Khoa Kinh tế - QTKD; Trường Đại học Mỏ -Địa chất	-Thành viên; Biên soạn tài liệu những vấn đề chung về môi trường và giáo dục bảo vệ môi trường; Tập huấn	
6.TS.Nguyễn Duy Lạc	Trưởng Khoa Kinh tế - QTKD; Trường Đại học Mỏ -Địa chất	-Thành viên; Biên soạn tài liệu quản lý môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; Tập huấn	
7.TS.Phan Thị Thái	Phó khoa Kinh tế-QTKD, Trường ĐH Mỏ - Địa chất	-Thành viên; Biên soạn tài liệu Bảo vệ và phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản	
8.ThS.Trần Văn Hiệp	Khoa kinh tế &QTKD; Trường ĐH Mỏ - Địa chất	-Thành viên; khảo sát và phân tích số liệu khảo sát	

9. ĐƠN VỊ PHỐI HỢP CHÍNH

Tên đơn vị trong và ngoài nước	Nội dung phối hợp nghiên cứu	Họ và tên người đại diện đơn vị
1.Trường Cao đẳng nghề mỏ Hồng Cẩm	Thử nghiệm đánh giá tài liệu	Hiệu trưởng: Nguyễn Quốc Tuấn
2. Trường Cao đẳng nghề mỏ Hữu Nghị	Thử nghiệm đánh giá tài liệu	Hiệu trưởng:Trần Ngọc Hoàng
3. Trường Cao đẳng nghề công nghiệp Việt Bắc - Vinacomin	Thử nghiệm đánh giá tài liệu	Hiệu trưởng:Vũ Minh Tân
4.Trường ĐH Công nghiệp Quảng Ninh	Thử nghiệm đánh giá tài liệu	Hiệu trưởng:Nguyễn Đức Tính

10. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC:

10.1 Tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước

Ở nước ngoài

Từ năm 2010, chương trình môi trường Liên Hợp Quốc (UNEP) đã có những tiếp cận mới trong bảo vệ tài nguyên và môi trường, đó là quản trị môi trường (Environmental Governance) và kinh tế xanh (Green Economy) nhằm thay đổi cách nhìn nhận và tiếp cận mới về tài nguyên và môi trường phù hợp với xu thế phát triển hiện nay trên quy mô toàn cầu và để giải bài toán về

15.3. Địa chỉ ứng dụng: Các trường Đại học Mỏ - Địa chất; Đại học Công nghiệp Quảng Ninh; Trường Cao đẳng nghề mỏ Hồng Cẩm; Trường Cao đẳng nghề mỏ Hữu nghị; Trường Cao đẳng nghề công nghiệp Việt Bắc -Vinacomin

16. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nguồn kinh phí	Tổng số	Trong đó				
			Thuê khoán chuyên môn	Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Xây dựng, sửa chữa nhỏ	Chi khác
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng kinh phí	**300**					
	Trong đó:						
1	Ngân sách NN - Năm thực hiện	300					
2	Nguồn tự có của cơ quan						
3	Nguồn khác						

Ngày tháng năm 2014

Cơ quan chủ trì

Trường Đại Mỏ - Địa chất

PGS.TS Lê Hải An

Ngày tháng năm 2014

Chủ nhiệm

PGS.TS. Nguyễn Phương

Ngày tháng năm 2014

Cơ quan chủ quản duyệt

TL. BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

KT. VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

PHÓ VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Lê Trọng Hùng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA KINH TẾ & QTKD

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

==========

Hà nội, ngày 12 tháng 5 năm 2015

BÁO CÁO SÁNG KIẾN TRONG GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2014 – 2015

Tên sáng kiến: Thảo luận thông tư 200/2014-BTC và so sánh với chế độ kế toán theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC nhằm tăng cường tính chủ động, tự học của sinh viên chuyên ngành kế toán.

Đặt vấn đề: *Cập nhật các văn bản mới về chế độ kế toán là yêu cầu bắt buộc với sinh viên học chuyên ngành kế toán. Muốn cập nhật tài liệu văn bản, cần tăng cường tính tự chủ động và tự học của người học trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ là rất cần thiết, nó quyết định tới hiệu quả và chất lượng đào tạo. Tuy nhiên, việc cập nhật văn bản chế độ kế toán tài chính cũng như tính chủ động còn thấp, hiệu quả học tập không cao. Sáng kiến được đưa ra dựa trên tình hình thực tế của sinh viên học đại học trong trường Đại học Mỏ - Địa chất, với mong muốn tăng cường sự cập nhật văn bản, hướng dẫn cách tự học, tự đọc và phân tích văn bản, nâng cao tính chủ động, tăng chất lượng đào tạo.*

Nội dung của sáng kiến:

Hàng ngày, khi giới thiệu nội dung môn học kế toán tài chính, giáo viên giới thiệu nguyên lý của công tác này theo lý thuyết, đồng thời phản ánh tình hình tổ chức công tác kế toán trong thực thể theo từng phần hành. Và cuối cùng giới thiệu thông tư 200/2014/TT-BTC có liên quan đến phần hành kế toán và yêu cầu sinh viên nhận xét những thay đổi so với chế độ kế toán hiện hành (Theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC), đánh giá tính hợp lý và làm rõ lý do áp dụng văn bản mới.

Cuối các buổi học, người dạy giới thiệu chuyên đề của buổi học sau, hướng dẫn người học đọc tài liệu và chú trọng vào các nội dung quan trọng nhằm chuẩn bị kiến thức cho buổi học sau.

Trong các giờ tiếp theo, giáo viên yêu cầu sinh viên trình bày những nội dung đã chuẩn bị và phải bám sát theo bài giảng để người dạy yêu cầu sinh viên giải đáp, đồng thời người dạy chuẩn hóa lại nội dung.

Trong mỗi buổi học, liên tục trao đổi theo kiểu hỏi đáp giữa người dạy và người học, khuyến khích người học lấy ví dụ tình huống trong thực tiễn nhằm gắn kết giữa lý luận với thực hành. Bên cạnh đó hướng dẫn cách đọc tài liệu đã được cập nhật theo văn bản mới nhằm thực hiện đúng chế động kế toán tài chính hiện hành.

Kết quả:

Người học nắm được chế độ kế toán mới và tăng khả năng tự đọc, tự học thêm tự tổng hợp kiến thức, so sánh các văn bản và gắn kết lý luận gần với thực tiễn.

Xác nhận của hội đồng khoa học Khoa Kinh tế và QTKD	Người viết sáng kiến

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Phượng

Bộ môn: Kế toán doanh nghiệp

Khoa: Kinh tế QTKD

Chức danh: Giảng viên

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ

Năm học: 2014 - 2015

(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá (Có đề tài, bài báo, báo cáo KH, Hợp đồng LĐSX thì copy trang đầu và trang cuối kèm theo phụ lục này)	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:** - Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy (số giờ quy định trong năm học là 280 (tổng số giờ giảng trong năm học là: 1140) được 5,0 điểm	5,0	5		
	- Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1,0 điểm (cụ thể vượt 300%)			1,0	1
	- Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5,0 điểm (tên giáo trình)			5,0	-
	- Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4,0 điểm (tên chương trình)			4,0	-
	- Xây dựng đề cương môn học: *1.XD đề cương môn học Kế toán hành chính sự nghiệp* *2.XD đề cương đồ án môn học Kế toán hành chính sự nghiệp* *3.XD đề cương môn học tổ chức công tác kế toán công*			2,0	2
	- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 1,0 điểm			1,0	-
	- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải nhất, nhì, ba; Tài năng khoa học trẻ dành cho SV			2,0	-
	- Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích cấp Quốc gia được thưởng 2,0 điểm (tên giải)			2,0	-
	- Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 1,0 điểm (tên giải)			1,0	-
	- Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận: *Chia nhóm sinh viên trong quá trình thực hành các nội dung môn học Nguyên lý kế toán vào điều kiện doanh nghiệp giả định*			1,0	1
	- Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến)			0,5	-
	- Đạt giải Tài năng khoa học trẻ Việt Nam dành cho giảng viên trẻ của Bộ GD-ĐT			3	-

2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:** (Có đề tài, bài báo, báo cáo khoa học và hoạt động LĐSX là đạt 4,0 điểm) *-Báo cáo khoa học tại HNKH Trường 21 (11.2014): Tổ chức công tác KTQT chi phí tại Công ty CP Than Cao Sơn – VINACOMIN* *-Tham gia đề tài NCKH phục vụ sản xuất tại Công ty CP Than Hà Tu*	4,0	4		
	- Đề tài cấp cơ sở được nghiệm thu đúng thời hạn (Chủ trì được 2,0 điểm, các thành viên tham gia 1,0 điểm)			3,0	-
	- Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành dự án sản xuất thử đã được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (được 6 điểm; trong đó chủ trì được 4,0đ, các thành viên tham gia được 2,0 điểm			6,0	-
	- Đề tài cấp Nhà nước: 10,0 điểm/đề tài đã được nghiệm thu đúng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ. Trong đó chủ trì đề tài dược 7,0 điểm, các thành viên tham gia được 3,0 điểm			10,0	-
	- Hợp đồng kinh tế phục vụ sản xuất: *Tham gia đề tài NCKH phục vụ sản xuất tại Công ty CP Than Hà Tu*			1,0	1,0
	Báo cáo khoa học				
	+ Cấp Trường và cấp tương đương: *01 Báo cáo khoa học tại HNKH 21 (11.2014): Tổ chức công tác KTQT chi phí tại Công ty CP Than Cao Sơn – VINACOMIN*			2,0	2
	+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			4,0	-
	+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			8,0	-
	+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn: *01 Báo cáo sinh hoạt học thuật : Thảo luận về đề cương chi tiết học phần Kế toán hành chính sự nghiệp*			0,5– 1,0	0,5
	- Bài báo + Đăng ở Tạp chí của Trường, Ngành trở lên (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 2 điểm/bài/các tác giả			2,0	-
	+ Đăng ở tạp chí nước ngoài (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 16 điểm/bài/ các tác giả			16,0	-
3	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0,5 điểm	0,5	0,5		
4	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ đạt 0,5 điểm	0,5	0,5		
5	Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25 điểm Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25 điểm	0,5	0,5		

	Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v... được thưởng 1,0 điểm			1,0	1
	Tổng cộng		10,5		8,5

ộng cộng (1)+(2)+(3)+(4) +(5) + 8,5 điểm thưởng = 19 điểm

ý đánh giá danh hiệu thi đua: LĐTT

Ngày 18 tháng 05 năm 2015

Ý kiến của đơn vị quản lý

(Bộ môn)

TS. Bùi Thị Thu Thủy

Người khai

Nguyễn Thị Bích Phương

Xác nhận của Khoa

Nguyễn Duy Lạc

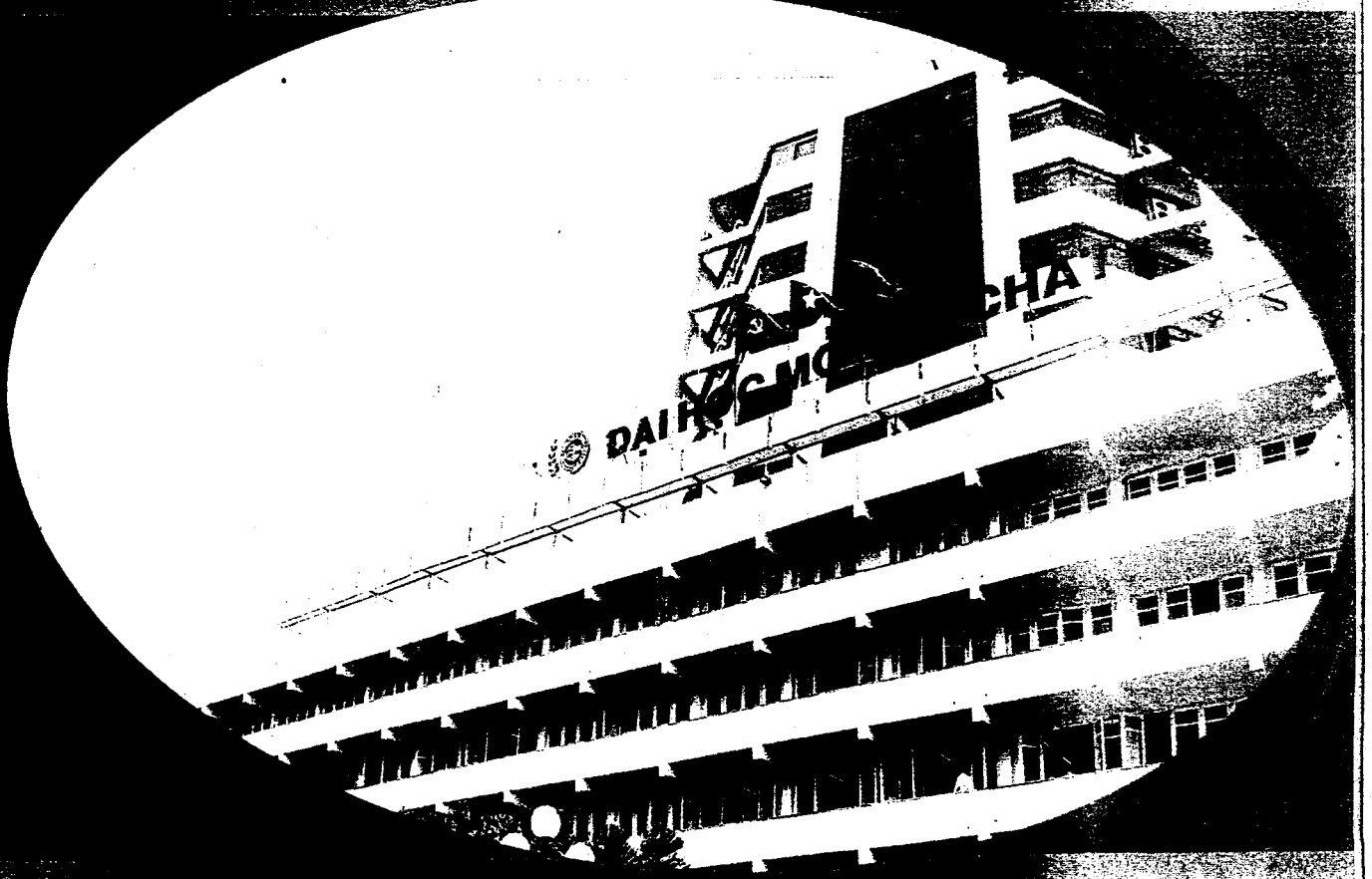
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤ

TUYỂN TẬP
TÓM TẮT CÁC BÁO CÁO

HỘI NGHỊ KHOA HỌ

LẦN THỨ 21



Hà Nội, tháng 11 - 2014

CHƯƠNG TRÌNH BÁO CÁO
TẠI TIỂU BAN KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH II
Địa điểm: Nhà D phòng 303

Trưởng tiểu ban: *TS. Đặng Huy Thái*
Thư ký tiểu ban: *TS. Bùi Thị Thu Thủy*

STT	Thời gian	Tên báo cáo	Báo cáo viên
1	13h00	Tổ chức kế toán quản trị chi phí tại Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin	*Nguyễn Thị Bích Phượng*
2	13h20	Phân tích điều kiện khách quan, chủ quan ảnh hưởng đến việc thu hút thợ lò trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	*Trần Văn Hợp*
3	13h40	Một số vấn đề lý luận về an toàn tài chính doanh nghiệp	*Nguyễn Tiến Hưng*
4	14h00	Một số rủi ro chiến lược của Doanh nghiệp thương mại hàng tư liệu sản xuất tại Quảng Ninh	*Nguyễn Thị Hồng Loan*
5	14h20	Áp dụng sơ đồ nhân quả (Ishikawa) trong quản lý nước thải tại các doanh nghiệp khai thác than vùng Quảng Ninh	*Nguyễn Thị Kim Ngân*
6	14h40	Áp dụng mô hình kiểm toán nội bộ cho Công ty tài chính cổ phần Xi măng CFC	*Nguyễn Thị Minh Thu*
	15h00	Giải lao	
7	15h20	Nhận diện và quản lý xung đột trong chuỗi cung ứng than của tập đoàn than khoáng sản Việt Nam	*Nguyễn Thị Hường*
8	15h40	Một số vấn đề về tiết kiệm năng lượng tại Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên	*Lê Thị Thu Hồng*
9	16h00	Bàn về công tác đào tạo nguồn nhân lực tại Công ty Cổ phần than Hà Lầm - TKV	*Phương Hữu Tùng*
10	16h20	Bàn về cơ chế tập trung dân chủ và song trùng lãnh đạo tại các doanh nghiệp Nhà nước hiện nay	*Nguyễn Lan Hoàng Thảo*
11	16h40	Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp	*Vũ Diệp Anh*
	17h00 - 17h20	**Tổng kết Hội nghị tại Tiểu ban chuyên môn**	*Trưởng tiểu ban*

quản lý nước thải tại các doanh nghiệp khai thác than vùng Quảng Ninh hiện nay nhằm thực hiện chiến lược phát triển bền vững ngành khai khoáng Việt Nam.

This paper presents an overview of the causal diagram (Ishikawa) including purposes, benefits, contents and how to build a causal diagram. Besides, the paper suggests an instruction of applying the causal digrams in the wastewater treatment in Quang Ninh Province. As a result, we can understand the major kinds of surface and ground water pollutants in Quang Ninh Province caused by the mine waste water. According to the research on the state of the art, the paper offers a efficiency solution to enhance wastewater treatment and reduce the environmental impacts of mining, also implement the sustainable development strategy for extractive industries in Vietnam.

NGHIÊN CỨU MỐI LIÊN HỆ GIỮA MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU VÀ TỶ LỆ THẤT NGHIỆP Ở VIỆT NAM

RELATIONSHIP BETWEEN MINIMUM WAGE AND UNEMPLOYMENT RATE IN VIETNAM

Nguyễn Thị Bích Ngọc, Vũ Diệp Anh, Trần Anh Dũng
Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Thị trường lao động cân bằng ở điểm mà tại đó cung lao động đáp ứng vừa đủ cầu về lao động của các doanh nghiệp, ấn định mức giá của lao động. Nhưng khi Chính phủ ấn định mức lương tối thiểu để đảm bảo mức sống cho người lao động, thị trường lao động sẽ mất cân bằng. Cơ sở lý luận cũng đã chỉ rõ ảnh hưởng của việc đặt mức lương tối thiểu tới mức công ăn việc làm trong thị trường lao động. Tuy nhiên, trên thực tiễn của nền kinh tế ở Việt Nam, do ảnh hưởng của nhiều yếu tố khác mà dường như mối liên hệ này chưa được thể hiện rõ. Bài báo tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận của thị trường lao động và mức lương tối thiểu, ảnh hưởng của việc tăng lương tối thiểu tới việc làm và thất nghiệp ở Việt Nam.

Equilibrium in labor market occurs when the quantity supplied of labor meets its quantity demanded. The price of labor is also determined at the equilibrium. However, when governments apply minimum wages to ensure living standard of workers, labor market will no longer be at its balance. Theories point out the effects of minimum wages on employment in labor market. Due to different factors, the relationship between minimum wages and employment in Vietnam has not been thoroughly studied. This paper focuses on theories of labor market, minimum wages and the impacts of increasing minimum wages on unemployment rate in Vietnam.

TỔ CHỨC KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CAO SƠN - VINACOMIN

ORGANIZING MANAGEMENT ACCOUNTING COST IN VINACOMIN – CAO SON COAL JOINT STOCK COMPANY

Nguyễn Thị Bích Phượng, *Trường Đại học Mỏ - Địa chất*

Kế toán quản trị (KTQT) là một trong những công cụ quản lí chi phí sản xuất kinh doanh hữu hiệu nhờ tính linh hoạt và kịp thời của thông tin kế toán quản trị phục vụ yêu cầu của nhà quản trị doanh nghiệp. Bộ Tài chính đã ban hành thông tư 53/2006/TT – BTC bước đầu đề cập và hướng dẫn áp dụng KTQT trong các doanh nghiệp nhưng việc vận dụng và tổ chức công tác KTQT chi phí vào thực tế các doanh nghiệp nói chung và tại Công ty Cổ phần

Than Cao Sơn còn gặp nhiều khó khăn. Trên cơ sở khảo sát thực tế công tác quản lý chi phí sản xuất kinh doanh tại Công ty giai đoạn 2009-2013, bài viết đã đề xuất một số nội dung tổ chức KTQT chi phí đáp ứng các yêu cầu quản lý chi phí sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp hiện nay.

Management accounting is an effective management tool because of its high flexibility and timerly of accounting information supporting for internal coporate management. The ministry of Finance has issued circular 53/2006/TT- BTC, it has initially mentioned and guided to apply management accounting cost into business. However, the application and operation of management accounting cost have encountered a lot of obstacles in business in general and in Cao Son Coal Joint Stock Company. Based on actual survey from organizing management accounting cost in Cao Son Coal Joint Stock Company period 2009 -2013, the article has proposed a number of contents to improve the organizating management accounting cost in this company today.

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CHUỖI CUNG ỨNG SẢN PHẨM TẠI TỔNG CÔNG TY THĂM DÒ VÀ KHAI THÁC DẦU KHÍ (PVEP)

BASIC ISSUES OF SUPPLY CHAIN MANAGEMENT IN PETROVIETNAM EXPLORATION PRODUCTION

Nguyễn Đức Thành, *Trường Đại học Mỏ - Địa chất*

Ra đời từ nửa cuối thế kỷ XX, chuỗi cung ứng sản phẩm là phương pháp quản trị hiện đại, hiệu quả. Nó mang lại những lợi ích như: nâng cao chất lượng; cạnh tranh; gắn kết chặt giữa doanh nghiệp và thị trường, nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội của các doanh nghiệp nói chung và dầu khí nói riêng. Để nó thực sự là công cụ quản trị hữu hiệu cần được nghiên cứu hệ thống về lý luận, áp dụng hợp lý vào từng doanh nghiệp. Xác định các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của chuỗi cung ứng bằng 04 chỉ tiêu: tính kịp thời khi giao hàng đúng hạn; chất lượng cung ứng bằng mức hài lòng của khách hàng; thời gian và nhất là chi phí cung ứng. Tổng công ty thăm dò và khai thác dầu khí (PVEP) có vai trò đặc biệt quan trọng, là khâu đầu trong Petrovietnam; việc xây dựng chuỗi cung ứng sản phẩm từ giai đoạn thăm dò, khai thác (TD – KT) dầu khí. Thời gian qua, mặc dù đã có nhều thành tựu, song còn tồn tại ở một số khâu như công tác phát triển mỏ - khâu quan trọng trong khai thác, tiến độ, chất lượng thi công, phối hợp các nhà thầu... Trên cơ sở đó, báo cáo đề xuất các giải pháp hoàn thiện chia làm 2 nhóm chiến lược dài hạn, ngắn hạn; có 13 giải pháp cụ thể, trong đó có công tác cung ứng thiết bị, kỹ thuật vật tư; phối hợp các nhà thầu, quản trị tốt các chi phí phát sinh là những giải pháp trọng tâm. Các giải pháp hoàn thiện áp dụng có tính khả thi, hiệu quả, góp phần nâng cao hiệu quả cho PVEP mà còn cả PetroVietnam.

Born in the second half of the twentieth century, the supply chain is the modern and efficient management method. It provides benefits such as improving quality; competition; bonding between firms and markets, improving Socio - economic efficiency of enterprises in general and oil and gas ones in particular. To be an effective management tool, it is needed to be studied in theory and realily, reasonably applied to each business. Using 4 indicators to assess the efficiency of the supply chain: the timeliness of the delivery schedule; quality supply with customer's satisfaction level; time and cost of supply. Petrovietnam exploration and exploitation Corporation (PVEP) plays a particularly important role at the first stages of Petrovietnam; building product supply chain from exploration phase, exploitation of oil and gas. Over time, Besides great achievement, there are shortages existing in some stages of the

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

KHOA KINH TẾ - QTKD

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2015

BÁO CÁO SÁNG KIẾN TRONG GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2014 – 2015

Tên sáng kiến: *"Chia nhóm sinh viên tham gia môn học Nguyên lý kế toán thành các tổ thực hành các nội dung kế toán các quá trình SXKD chủ yếu trong điều kiện doanh nghiệp giả định"*

Đặt vấn đề:

Môn học Nguyên lý kế toán là môn học chuyên ngành quan trọng, đặc biệt đối với các sinh viên chuyên ngành kế toán doanh nghiệp. Đây là môn học có nhiều nội dung đòi hỏi kiến thức thực tế, đồng thời cũng yêu cầu sinh viên chuyên ngành kế toán phải áp dụng làm đồ án môn học trong khi sinh viên không có điều kiện thuận lợi tiếp cận thực tế sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

Nội dung sáng kiến:

- Chia nhóm sinh viên tham gia môn học Nguyên lý kế toán thành các tổ
- Yêu cầu từng nhóm sinh viên tổng hợp kiến thức lý thuyết và tìm hiểu nội dung phương pháp hạch toán của các nghiệp vụ chủ yếu trong các quá trình SXKD .
- Giáo viên xây dựng các thông tin chung về doanh nghiệp giả định.
- Các nhóm thực hành nghiệp vụ (hoàn thiện chứng từ, ghi sổ, lập các báo cáo kế toán chi tiết) trong điều kiện doanh nghiệp giả định chung.
- Kết thúc nội dung thực hành môn học, sẽ tổ chức trao đổi, thảo luận và giải thích tất cả các vướng mắc của sinh viên trong quá trình thực hành nghiệp vụ.

Kết quả:

Thông qua triển khai cách thức chia nhóm sinh viên tham gia môn học Nguyên lý Kế toán thành các tổ thực hành nội dung các nghiệp vụ chủ yếu trong các quá trình SXKD trong điều kiện doanh nghiệp giả định sẽ góp phần củng cố kiến thức lí thuyết, tăng cường kiến thức thực tiễn cho sinh viên, phục vụ thiết thực cho quá trình hoàn thành đồ án môn học nguyên lý kế toán của sinh viên.

Người viết sáng kiến



Nguyễn Thị Bích Phượng

Xác nhận của Hội đồng khoa học Khoa Kinh tế - QTKD

Họ và tên: Phạm Thị Hồng Hạnh

Bộ môn: Kế toán doanh nghiệp

Khoa: Kinh tế - Quản trị kinh doanh

Chức danh: Cán bộ giảng dạy

Phụ lục II
BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ
Năm học: 2014-2015

(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá (Có đề tài, bài báo, báo cáo KH, Hợp đồng LĐSX thì copy trang đầu và trang cuối kèm theo phụ lục này)	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:** - Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy (số giờ quy định trong năm học là 280 giờ (tổng số giờ giảng trong năm học là:) được 5,0 điểm	5,0	5,0		
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1,0 điểm (cụ thể vượt 1200 giờ vượt 428 %.)			1,0	1,0
	- Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5,0 điểm (tên giáo trình)			5,0	
	- Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4,0 điểm (tên chương trình)			4,0	
	- Xây dựng đề cương môn học và có hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 2,0 điểm (tên đề cương môn học và nhóm sinh viên hướng dẫn NCKH) - Đề cương môn học: Kế toán dự trữ nhà nước - Nhóm sinh viên: Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Bùi Thị Hiền, Phạm Thị Vân, Trần Thị Bích Hằng lớp Kế toán 56			2,0	2,0
	- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 1,0 điểm			1,0	1,0
	- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải nhất, nhì, ba; Tài năng khoa học trẻ dành cho SV được thưởng 2,0 điểm			2,0	
	- Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích cấp Quốc gia được thưởng 2,0 điểm (tên giải)			2,0	
	- Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 1,0 điểm (tên giải)			1,0	
	- Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 1,0 điểm **Tên sáng kiến:** "Tăng cường vận dụng phương pháp thảo luận thông qua các văn bản quy định về hệ thống thuế Việt Nam trong môn học Thuế."			1,0	1,0
	- Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến)			0,5	

	- Đạt giải Tài năng khoa học trẻ Việt Nam dành cho giảng viên trẻ của Bộ GD-ĐT			3	
2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:** (Có đề tài, bài báo, báo cáo khoa học và hoạt động LĐSX là đạt 4,0 điểm) (ghi rõ tên đề tài, bài báo…) - Báo cáo tại hội nghị KH lần thứ 20 trường ĐH Mỏ - Địa chất: "Một số vấn đề về triển khai ứng dụng hệ thống hoạch định nguồn lực (ERP) ở Việt Nam hiện nay."	4,0	4,0		
	- **Đề tài cấp cơ sở** được nghiệm thu đúng thời hạn (Chủ trì được 2,0 điểm, các thành viên tham gia 1,0 điểm)			3,0	
	- **Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành** dự án sản xuất thử đã được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (được 6 điểm; trong đó chủ trì được 4,0đ, các thành viên tham gia được 2,0 điểm			6,0	
	- **Đề tài cấp Nhà nước**: 10,0 điểm/đề tài đã được nghiệm thu đúng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ. Trong đó chủ trì đề tài dược 7,0 điểm, các thành viên tham gia được 3,0 điểm			10,0	
	- **Hợp đồng kinh tế phục vụ sản xuất**: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định (đóng góp 5 triệu đồng cho Trường được thưởng 1,0điểm; đóng góp cho Công ty và các Trung tâm 10 triệu động được thưởng 1,0 điểm (ghi rõ hợp đồng, tổng số tiền đã nộp, tự cho điểm vào cột điểm thưởng)			1,0	
	Báo cáo khoa học				
	+ Cấp Trường và cấp tương đương (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 2,0 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia 01 Báo cáo tại HNKH lần thứ 21 của trường ĐH Mỏ - Địa chất/ 02 thành viên tham gia			2,0	1,0
	+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			4,0	
	+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			8,0	
	+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn 1 báo cáo được 0,5 điểm; cấp khoa được 1,0 điểm/1 báo cáo/ số thành viên tham gia			0,5 – 1,0	0,5
	- **Bài báo** + Đăng ở Tạp chí của Trường, Ngành trở lên (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 2 điểm/bài/các tác giả			2,0	
	+ Đăng ở tạp chí nước ngoài (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 16 điểm/bài/ các tác giả			16,0	
3	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; tham dự các cuộc	0,5	0,5		

	họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0,5 điểm				
4	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ đạt 0,5 điểm	0,5	0,5		
5	Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25 điểm Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25 điểm	0,5	0,5		
	Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v... được thưởng 1,0 điểm			1,0	1,0

Tổng cộng (1)+(2)+(3)+(4) +(5) + 7,5 điểm thưởng = 18 điểm

Tự đánh giá danh hiệu thi đua: Lao động tiên tiến

Ngày 18 tháng 05 năm 2015

Ý kiến của đơn vị quản lý

(Bộ môn)

TS. Bùi Lê Thu Thủy

Người khai

Phạm Thị Hồng Hạnh

Xác nhận của Khoa

Nguyễn Duy Lạc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA KINH TẾ - QTKD

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2015

BÁO CÁO SÁNG KIẾN TRONG GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2014 – 2015

Tên sáng kiến: Tăng cường vận dụng phương pháp thảo luận thông qua các văn bản quy định về hệ thống thuế Việt Nam trong môn học Thuế.

Đặt vấn đề:

Thuế là môn học chuyên ngành của ngành Kế toán doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Hệ thống thuế của Việt Nam, giúp sinh viên có thể hiểu và nắm rõ từng luật thuế. Đây là môn học có nhiều nội dung đòi hỏi có sự vận dụng kiến thức thực tế và tuân thủ theo các văn bản pháp luật quy định như các luật Thuế, các Nghị Định, Thông tư hướng dẫn, song trên thực tế sinh viên không có điều kiện tiếp cận cụ thể, bằng phương pháp tăng cường thảo luận các văn bản này trên lớp dưới sự hỗ trợ của giáo viên sẽ giúp sinh viên tiếp cận tốt hơn kiến thức và nắm rõ hơn các quy định hiện hành về Thuế.

Nội dung sáng kiến:

Trước khi bắt đầu học một sắc thuế, yêu cầu sinh viên tìm hiểu tất cả các văn bản pháp luật quy định về luật thuế đó, sau đó giáo viên hướng dẫn nội dung và yêu cầu sinh viên thảo luận từng nội dung trong mỗi sắc thuế thông qua các văn bản quy định có sự so sánh giữa quy định trước đây với quy định hiện hành. Cụ thể:

- Với mỗi sắc thuế yêu cầu sinh viên tổng hợp kiến thức lý thuyết và tìm hiểu thông tin thực tế về việc thực hiện sắc thuế đó hiện nay để đưa ra trao đổi thảo luận trên lớp.
- Giáo viên sẽ đặt các câu hỏi liên quan đến nội dung thảo luận, trên cơ sở các trao đổi và trả lời câu hỏi của sinh viên, giáo viên sẽ tổng hợp lại và kết luận cuối cùng về nội dung của sắc thuế vừa trao đổi.
- Kết thúc môn học sẽ tổ chức một buổi tổng hợp lại tất cả các nội dung đã trao đổi, thảo luận ở từng sắc thuế và giải thích tất cả các vướng mắc còn lại của sinh viên trong quá trình học tập môn Thuế.

Kết quả:

Với phương pháp trên sinh viên có điều kiện tiếp cận gần hơn với các văn bản quy định và thực tiễn, củng cố chắc hơn kiến thức lý thuyết đã được học, giúp sinh viên nắm chắc kiến thức và hiểu rõ hơn bản chất của từng sắc thuế , từ đó có khả năng vận dụng tốt hơn vào thực tế sau khi tốt nghiệp đi làm.

Người viết sáng kiến

Xác nhận của hội đồng KH khoa Kinh tế - QTKD

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

TUYỂN TẬP
TÓM TẮT CÁC BÁO CÁO

HỘI NGHỊ KHOA HỌC
LẦN THỨ 21



Hà Nội, tháng 11 - 2014

obtain company's objectives in the near future. The company usually faces many challenges of managing distribution channels. This distribution system operating effectively not only support for successfully managing the process of distribution channels, providing extensive and timely services, but also it can help to faster approach the consumers to create a competitive advantage in the market.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG VINACONEX XUÂN MAI

SOME PROBLEMS ON IMPROVING THE EFFICIENT USE OF FUNDING AT VINACONEX XUAN MAI CONCRETE AND CONSTRUCTION JSC

Phạm Minh Hải, Đỗ Thị Hương, *Trường Đại học Mỏ - Địa chất*
Hoàng Ánh Ngọc, *Công ty cổ phần công nghệ quản lý và tư vấn Faca Việt Nam*

Thời gian qua, Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai đã đạt được những thành công đáng kể trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đã có những bước phát triển vượt bậc cả về chất lượng lẫn quy mô. Với tiềm năng của Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai nói riêng và ngành xây dựng nói chung, Công ty hoàn toàn có thể từng bước tiếp tục khẳng định mình trên con đường phát triển. Trong những năm qua hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của Công ty đã từng bước được cải thiện và không ngừng tăng lên. Báo cáo đã làm rõ được nội dung phân tích đánh giá thực trạng hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai trong thời gian 2011 - 2013, chỉ ra những thành công đã đạt được, những hạn chế tồn tại và nguyên nhân. Trên cơ sở đó nhóm tác giả đã đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

In recent years, Vinaconex Xuan Mai Concrete and Construction JSC have acquired significant success in both quality and quantity of manufacture and business activities. The company is projected to continue to develop sustainably because of the potential development of this company in particular as well as of the construction industry. The efficient use of funding of the company have recoved and improved. The article analyses and evaluates clearly the efficient use of funding in Vinaconex Xuan Mai Concrete and Construction JSC over the period from 2011 to 2013 which also indicates the obtained successes, existing weaknesses and their causes. Thus, the authors suggest some solutions to raise the efficient use of funding of the company in the next time.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TRIỂN KHAI ỨNG DỤNG HỆ THỐNG HOẠCH ĐỊNH NGUỒN LỰC DOANH NGHIỆP (ERP) Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

ISSUES IN IMPLEMENTING ENTERPRISE RESOURCE PLANNING SYSTEM IN VIETNAM TODAY

Phạm Thị Hồng Hạnh, Vũ Ngọc Thịnh, *Trường Đại học Mỏ - Địa chất*

Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý doanh nghiệp hiện nay là xu thế tất yếu của các doanh nghiệp. Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) là một ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý doanh nghiệp, là công cụ quan trọng giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và tiếp cận tốt hơn với các tiêu chuẩn quốc tế. Tuy nhiên, hiện nay các doanh nghiệp ở Việt Nam triển khai phần mềm này còn hạn chế và chưa hiệu quả. Nguyên nhân là do công tác giới thiệu, tuyên truyền sự cần thiết của ứng dụng ERP trong doanh nghiệp chưa sâu rộng khiến các doanh nghiệp không có điều kiện tiếp xúc với

giải pháp mới này, một số doanh nghiệp đi đầu trong việc triển khai ERP nhưng hiệu quả chưa đạt được như mong muốn đã tạo tâm lý hoài nghi ở những doanh nghiệp khác, chi phí đầu tư cho dự án còn quá cao... Xuất phát từ các lý do trên bài viết đi tìm hiểu các nguyên nhân cũng như các vấn đề lớn gặp phải khi triển khai ứng dụng ERP ở Việt Nam hiện nay. Mục đích chính của bài báo là tìm hiểu các vấn đề vướng mắc trong việc triển khai ERP tại Việt Nam từ đó có phương hướng giải quyết, khắc phục các vướng mắc đó. Để thực hiện mục đích nghiên cứu trên bài viết triển khai một số nội dung chủ yếu: (1) Khái niệm và vai trò của hệ thống ERP trong quản lý doanh nghiệp, (2) Một số vấn đề về triển khai ứng dụng ERP trong các doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay, (3) Phương hướng và giải pháp trong triển khai ứng dụng ERP ở Việt Nam hiện nay.

Application of information technology in business management today is an inevitable trend of companies. Enterprise resource planning system (ERP) is an information technology application in business management. It is an important tool that helps businesses to improve their competitiveness and better access to the international standards. However, at present companies in Vietnam applying this software are limited and ineffective. The reason for this is introducing and propagating the necessity of ERP applications in business is not extensive that companies could not approach to this new solution, some companies at the forefront of implementing ERP did not achieve the desired effect so that created doubts in the mind of other enterprises, investment cost for the project is too high... For all the reasons above, this article analyze the causes as well as the major issues in implementing enterprise resource planning (EPR) system in Vietnam today. The main purpose of the article is to study the problems arising in implementing ERP in Vietnam from which to overcome these obstacles. To achieve the goals of research, this article implemented on some main contents: (1) Concept and role of enterprise resource planning system ERP, (2) Some issues in implementing ERP in enterprises of Vietnam today, (3) Some orientations and solutions in implementing ERP application in Vietnam today.

NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KHI LỰA CHỌN THIẾT BỊ KHAI THÁC THAN LỘ THIÊN

RESEARCHING AND BUILDING AN INDICATOR SYSTEM FOR EVALUATING THE EFFECTIVENESS OF CHOOSING OPENCAST COAL MINING EQUIPMENT

Lê Thị Thu Hường, *Trường Đại học Mỏ - Địa chất*

Thiết bị khai thác tham gia trực tiếp vào hoạt động kinh doanh, có giá trị lớn, chiếm tỷ trọng cao trong tổng giá trị tài sản, do đó, có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp khai thác than lộ thiên. Tuy nhiên, tại các doanh nghiệp này, công tác đánh giáhiệu quả sử dụng thiết bị khai thác chưa được chú trọng, thậm chí, không được thực hiện, vì thế không tạo được cơ sở dữ liệu tin cậy cho các doanh nghiệp khi cần lựa chọn thiết bị đầu tư; những bất cập này phần lớn là do trong các tài liệu khoa học hiện hành, hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng thiết bị còn nhiều hạn chế, vì chỉ sử dụng mối quan hệ giữa kết quả đầu ra và nguyên giá (hoặc giá trị còn lại) để đánh giá. Vì vậy, việc nghiên cứu xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng thiết bị khai thác than lộ thiên dựa trên mối quan hệ giữa kết quả đầu ra và chi phí đầu vào, dựa trên số liệu thống kê thực tế, sử dụng đơn vị hiện vật kết hợp với đơn vị giá trị, đánh giá tổng hợp và chi tiết theo từng yếu tố chi phí đầu vào, theo từng loại thiết bị có đặc kỹ thuật tương tự nhau, theo từng hãng chế tạo... là rất cần thiết, góp phần nâng cao hiệu quả quả đầu tư, hiệu quả sử dụng máy móc thiết bị trong các doanh nghiệp khai thác than lộ thiên.

và tên: Phí Thị Kim Thư
môn: Kế toán doanh nghiệp
oa: Kinh tế - QTKD
ức danh: Giảng viên

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ
Năm học: 2014 – 2015
(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

T	Nội dung đánh giá (Có đề tài, bài báo, báo cáo KH, Hợp đồng LĐSX photocopy trang đầu và trang cuối kèm theo phụ lục)	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:**	5,0	5		
	Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy (số giờ quy định trong năm học là 280 (tổng số giờ giảng trong năm học là: 850 tiết) được 5,0 điểm				
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1,0 điểm (cụ thể vượt 203%)			1,0	1
	Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5,0 điểm (tên giáo trình)			5,0	
	Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4,0 điểm (tên chương trình)			4,0	
	Xây dựng đề cương môn học được thưởng 2,0 điểm (tên đề cương môn học) Xây dựng đề cương môn học Quản lý tài chính HCSN			2,0	2
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 1,0 điểm: Hướng dẫn 01 đề tài NCKH SV "Nghiên cứu quy chế giám sát tài chính đối với doanh nghiệp có vốn Nhà nước"			1,0	1
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải nhất, nhì, ba; Tài năng khoa học trẻ dành cho SV được thưởng 2,0 điểm			2,0	
	Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích cấp Quốc gia được thưởng 2,0 điểm (tên giải)			2,0	
	Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 1,0 điểm (tên giải)			1,0	
	Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 1,0 điểm (tên sáng kiến)			1,0	
	Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến) ứng dụng công cụ phần mềm Test Professional vào giảng dạy và cho thi với môn Tài chính Doanh nghiệp			0,5	0,5
	Đạt giải Tài năng khoa học trẻ Việt Nam dành cho giảng viên trẻ của Bộ GD-ĐT			3	
2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:**	4,0	4		
	(Có đề tài, bài báo, báo cáo khoa học, đạt 4,0 điểm) (ghi rõ tên đề tài, bài báo, báo cáo khoa học) Bài báo "Kết quả hoạt động cung cấp tài chính tại công ty Tài chính - vinacomin và những vấn đề đặt ra", Tạp chí công nghiệp Mỏ, số 4-2014				
	Đề tài cấp cơ sở được nghiệm thu đúng thời hạn (Chủ trì được 2,0 điểm, các thành viên tham gia 1,0 điểm)			3,0	

Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành, dự án sản xuất thử được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (được 6 điểm/đề tài; trong đó chủ trì được 4,0 điểm, các thành viên tham gia được 2,0 điểm)			6,0	
Đề tài cấp Nhà nước được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (10 điểm/đề tài; trong đó chủ trì đề tài được 7,0 điểm, các thành viên tham gia được 3,0 điểm)			10,0	
Hợp đồng kinh tế phục vụ sản xuất: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định (đóng góp 5 triệu đồng cho Trường được thưởng 1,0điểm; đóng góp cho Công ty và các Trung tâm 10 triệu động được thưởng 1,0 điểm (ghi rõ hợp đồng, tổng số tiền đã nộp, tự cho điểm vào cột điểm thưởng)			1,0	
Báo cáo khoa học				
+ Cấp Trường và cấp tương đương (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 2,0 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia			2,0	
+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			4,0	
+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			8,0	
+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở cấp Bộ môn 1 báo cáo được 0,5 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia; cấp Khoa được 1,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia (có xác nhận của Phòng KH-CN) 01 báo cáo cấp bộ môn			0,5 - 1,0	0,5
Bài báo				
+ Đăng ở Tạp chí của Trường, Ngành (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng); thưởng 2 điểm/bài/các tác giả			2,0	1
+ Đăng ở tạp chí nước ngoài (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng); thưởng 16 điểm/bài/ các tác giả 01 bài báo đăng trên Hội thảo quốc tế EMMA			16,0	
Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0,5 điểm	0,5	0,5		
Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ đạt 0,5 điểm	0,5	0,5		
Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25 điểm; Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25 điểm	0,5	0,5		
Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v... được thưởng 1,0 điểm			1,0	1

g cộng (1)+(2)+(3)+(4) +(5) + ...7,5.....điểm thưởng = 17,5 điểm

ánh giá danh hiệu thi đua: Lao động tiên tiến 10,5 7

Ngày tháng năm 2015

ến của đơn vị quản lý

(Bộ môn)

TS. Bùi Thị Thu Thủy

Người khai

Phí Thị Kim Thư

Xác nhận của Khoa

Thư

Kính gửi: ThS. Dương Thị Nhàn
Trường Đại học Mỏ-Địa chất
Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, HÀ NỘI

TẠP CHÍ

ISSN 0868 - 7052

CÔNG NGHIỆP MỎ

MINING INDUSTRY JOURNAL

NĂM THỨ XXVIII SỐ 4 - 2014

CƠ QUAN CỦA HỘI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ MỎ VIỆT NAM



TẠP CHÍ
CÔNG NGHIỆP MỎ
CƠ QUAN CỦA HỘI KH&CN MỎ VIỆT NAM
NĂM THỨ XXVIII
SỐ 4 - 2014

✪ Tổng biên tập:
PGS.TS. HỒ SĨ GIAO

✪ Phó Tổng biên tập
kiêm Thư ký Toà soạn:
GS.TS. VÕ TRỌNG HÙNG

✪ Uỷ viên Phụ trách Trị sự:
TS. NGUYỄN BÌNH

✪ Uỷ viên Ban biên tập:
TSKH. ĐINH NGỌC ĐẲNG
PGS.TS. PHÙNG MẠNH ĐẮC
TS. NGHIÊM GIA
GS.TS. VÕ CHÍ MỸ
PGS.TS. NGUYỄN CẢNH NAM
KS. ĐÀO VĂN NGÂM
TS. ĐÀO ĐẮC TẠO
KS. TRẦN VĂN TRẠCH
TS. PHAN NGỌC TRUNG
GS.TS. TRẦN MẠNH XUÂN

♦ TOÀ SOẠN:
79 - An Trạch - Hà Nội
Điện thoại: 36649158; 36649159.
Fax: (844) 6649159.
E-mail: vinamin@hn.vnn.vn
Website: www.vinamin.vn

♦ Tạp chí xuất bản với sự cộng tác của: Trường Đại học Mỏ-Địa chất; Viện Khoa học và Công nghệ Mỏ-Luyện kim; Viện Khoa học Công nghệ Mỏ; Viện Dầu khí.

♦ Giấy phép xuất bản số: 319/GP-BVHTT ngày 23/7/2002 của Bộ Văn hoá Thông tin

♦ In tại Xí nghiệp in 2 Nhà in Khoa học Công nghệ 18 Hoàng Quốc Việt - Hà Nội Điện thoại: 37562778

♦ Nộp lưu chiểu: Tháng 8 năm 2014

MỤC LỤC

❒ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ MỎ

❖ Nghiên cứu xác định hình dạng mặt cắt ngang hợp lý cho công trình ngầm	Võ Trọng Hùng	1
❖ Hạn chế dòng rò trong mạng điện mỏ hầm lò điện áp 1140 V bằng giải pháp nối ngắn mạch pha	Kim Ngọc Linh và nnk	7
❖ Nghiên cứu áp dụng thử nghiệm sử dụng hoá chất trong đào lò và khai thác than vùng Quảng Ninh	Đinh Văn Cường và nnk	11
❖ Quá trình quá độ trong mạng điện 6 kV khi đóng cắt động cơ điện cao áp	Đinh Văn Thắng	19
❖ Hệ thống thông tin sự cố trong các mỏ hầm lò	V.V. Gabov và nnk	23
❖ Lập hộ chiếu khoan nổ mìn trong Autocad cho đường lò chuẩn bị trong khai thác mỏ hầm lò bằng phần mềm VOLVN 2.0	Nguyễn Ngọc Minh và nnk	25
❖ Lựa chọn cỡ hạt đất đá và thông số khoan nổ mìn hợp lý khi sử dụng công nghệ vận tải cho Mỏ Cao Sơn	Đỗ Ngọc Tước và nnk	28
❖ Xác định điều kiện thiết kế động cơ đồng bộ nam châm vĩnh cửu khởi động trực tiếp từ lưới điện	Nguyễn Vũ Thanh và nnk	31
❖ Nghiên cứu chế tạo máng cào uốn góc 90^0 phục vụ khai thác than hầm lò	Đoàn Ngọc Cảnh và nnk	35
❖ Hoàn thiện công tác tổ chức sản xuất lò chợ sử dụng tổ hợp 2ANSH phù hợp với thực tế vỉa 12 khu Tràng Khê-Công ty than Hồng Thái	Trần Văn Thanh và nnk	38
❖ Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu suất cháy của lò hơi trong các nhà máy nhiệt điện Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam	Phạm Anh Hải, Đỗ Tiến Đạt	42
❖ Nghiên cứu đề xuất hình dạng bờ mỏ hợp lý cho mỏ khai thác lộ thiên xuống sâu ở Việt Nam	Phạm Văn Việt và nnk	46
❖ Tự động hoá công tác dự báo dịch chuyển biến dạng Theo lý thuyết BALS	Nguyễn Quốc Long và nnk	50
❖ Các biện pháp giảm thiểu tác động của sóng địa chấn khi nổ mìn trên mỏ lộ thiên tới các công trình hầm lò vùng than Quảng Ninh	Lê Công Cường và nnk	53
❖ Lựa chọn công nghệ sản xuất alumin đối với hai dự án Tân Rai và Nhân Cơ của Tập đoàn VINACOMIN	Dương Thanh Sủng	57
❖ Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật ngăn ngừa hiện tượng tụt nóc khi đào lò qua vỉa than, vùng đất đá mềm yếu tại Mỏ than Hà Lầm	Đỗ Anh Sơn và nnk	62

❒ KHOA HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ NGÀNH MỎ

❖ Tình hình tài chính của Tập đoàn Than-Khoáng sản Việt Nam - Thực trạng và giải pháp	Lưu Thị Thu Hà	66
❖ Thực trạng tổng hợp sử dụng bùn đỏ ở Trung Quốc	...i Thanh Hoàng, Tiêu Lợi Bình	71
❖ Ứng dụng thử nghiệm mô hình phân bố chuẩn dự báo tài nguyên, trữ lượng theo các hạng Kaolin công nghiệp tại các mỏ thuộc tỉnh Tuyên Quang	Lê Đỗ Trí và nnk	74
❖ Kết quả hoạt động cung cấp tài chính tại Công ty Tài chính-Vinacomin và những vấn đề đặt ra	...ị Thị Kim Thư, Dương Thị Nhàn	78

❒ THÔNG TIN KHOA HỌC-KỸ THUẬT NGÀNH MỎ

❖ Các loại công nghệ nâng cấp chất lượng than	Trần Minh Huân	84
❖ Công nghệ bơm tạo nút gãy kiến tạo không sử dụng nước	Trần Minh Huân	86
❖ Tin vắn ngành mỏ thế giới	Đức Toàn	87

Ảnh bìa 1: Ho ...ng Đế Quang Trung - Ảnh VTH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TÀI CHÍNH-VINACOMIN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

ThS. PHÍ THỊ KIM THƯ, ThS. DƯƠNG THỊ NHÀN
Trường Đại học Mỏ-Địa chất

1. Tổng quan

Tập đoàn kinh tế (TĐKT) là một nhóm công ty có quy mô lớn gồm các doanh nghiệp có tư cách pháp nhân hoạt động trong một hay nhiều ngành khác nhau, có quan hệ với nhau về lợi ích, thị trường, vốn, tài chính, công nghệ, thông tin, đào tạo, nghiên cứu và được liên kết bằng nhiều hình thức, trong đó chủ yếu là hình thức công ty mẹ-công ty con xuất phát từ lợi ích của các bên tham gia. Trong mô hình TĐKT, thường có một "công ty mẹ" nắm quyền lãnh đạo, chi phối hoạt động của "công ty con" về tài chính và chiến lược phát triển.

Để tăng cường tiềm lực kinh tế, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường, các TĐKT trên thế giới có xu hướng thành lập các công ty tài chính thuộc tập đoàn, nhằm mục đích kinh doanh các dịch vụ tài chính (DVTC), giúp tập đoàn tìm kiếm khơi thông nguồn vốn trong nước, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, quản lý một cách tối ưu các nguồn vốn đầu tư, hạn chế thấp nhất việc thất thoát vốn. Ở Việt Nam, từ khi Nghị định 79/2002/ NĐ-CP có hiệu lực, các công ty Tài chính thuộc các TĐKT liên tiếp được thành lập. Tính đến năm 2013, cả nước đã có 18 công ty tài chính, trong đó có 13 công ty trực thuộc các TĐKT, hoạt động theo hình thức công ty cổ phần hoặc công ty TNHH MTV [5]. Công ty Tài chính thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam cũng ra đời trong bối cảnh này, với tên gọi là Công ty TNHH MTV Tài chính Than-Khoáng sản Việt Nam (CMF).

Công ty được thành lập ngày 30/01//2007 theo giấy phép số 02/GP-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, thời gian hoạt động là 50 năm, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000958 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 15/02/2007, thay đổi đăng ký lần thứ 3 vào ngày 07/04 /2009 [7]. Về tính chất, theo Nghị định 79/2002/ NĐ-CP, Công ty TNHH MTV Tài chính Than-Khoáng sản là tổ chức tín dụng phi ngân hàng, được thực hiện một số nghiệp vụ của ngân hàng thương mại như được sử dụng vốn tự có, vốn huy động và các nguồn vốn khác để cho vay, đầu tư; cung ứng các dịch vụ tư vấn về tài chính, tiền tệ và một số dịch vụ khác nhưng không được làm dịch vụ thanh toán hay nhận tiền gửi kỳ hạn dưới 1 năm [1]. Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty đã đạt được những thành tựu nhất định, đã làm tốt chức năng thu xếp vốn trong Tập đoàn và hoạt động có hiệu quả. Tuy nhiên trước bối cảnh khó khăn hiện nay của nền kinh tế và chủ trương hạn chế TĐKT đầu tư ngoài ngành của Nhà nước, nhất là trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, BĐS cũng làm nảy sinh một số vấn đề đối với hoạt động cung cấp DVTC của Công ty.

2. Kết quả đạt được trong việc cung cấp DVTC

Công ty TNHH MTV Tài chính Than-Khoáng sản Việt Nam (CMF) được thành lập với số vốn điều lệ là 300 tỷ đồng, tại thời điểm mới hoạt động năm 2007 đã tài trợ vốn cho các đơn vị thành viên TKV sản xuất kinh doanh là 748 tỷ đồng. Năm 2008, vốn điều lệ được tăng lên 600 tỷ đồng, lượng vốn tài trợ cho các đơn vị thành viên Vinacomin là 1.200 tỷ đồng. Năm 2009, vốn điều lệ tiếp tục tăng lên 1.000 tỷ đồng, mức vốn tài trợ cho các thành viên Vinacomin trong năm là 1.640 tỷ đồng [7]. Số vốn điều lệ này được tiếp tục giữ vững cho đến thời điểm hiện nay. Tuy còn non trẻ, lại được thành lập trong bối cảnh tài chính tiền tệ trong nước, quốc tế có biến động không tốt, song Công ty cũng đạt được những kết quả đáng kể trong hoạt động cung cấp DVTC. Kể từ khi thành lập đến năm 2011, doanh thu và lợi nhuận từ cung cấp DVTC đều năm sau cao hơn năm trước, doanh thu năm 2010, 2011 đều đạt trên 500 tỷ VND. Riêng năm 2012, do khó khăn chung của nền kinh tế nên doanh thu có giảm và chỉ đạt 403,9 tỷ VND, tuy nhiên tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu vẫn đạt 28,4 %, đây vẫn là con số khá tốt so với các tổ chức hoạt động tín dụng tại cùng thời điểm này (Bảng 1, [6], [7]).

vốn trong Tập đoàn, hoạt động tín dụng cũng được thực hiện trôi chảy và đạt kết quả khá tốt cả về số lượng và chất lượng tín dụng, đặc biệt luôn đảm bảo tỷ lệ an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Việc giải quyết những vấn đề nêu trên là cần thiết nhằm phát huy những thành tựu này, đồng thời giúp Công ty chủ động đứng vững trên đôi chân của mình để hoạt động thật sự với tư cách là một tổ chức trung gian tài chính trên thị trường.❐

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. NĐ79-2002/NĐ-CP, 2002. Nghị định của chính phủ về tổ chức và hoạt động của công ty tài chính; NĐ81-2008/NĐ-CP, 2008. Sửa đổi bổ sung một số điều của NĐ79-2002/NĐ-CP. Thư viện pháp luật.vn.

2. NĐ71-2013/NĐ-CP, 2013. Nghị định của Chính phủ Về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100 % vốn điều lệ. Thư viện pháp luật.vn.

3. QĐ 457-2005/QĐ-NHNN, 2005. Quyết định của Thống đốc NHNN về việc ban hành "Quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng"; TT13/2010/TT-NHNN, 2010. Thông ty Quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng. Thư viện pháp luật.vn.

4 QĐ 493-2005/QĐ-NHNN, 2005. Quyết định của Thống đốc NHNN về việc ban hành quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của TCTD. Thư viện pháp luật.vn.

5 Luật gia Vũ Xuân Tiền, 2013. Tập đoàn kinh tế và "lỗ hổng" công ty tài chính, laodong.com.vn.

6. Báo cáo tài chính, báo cáo tổng kết các năm của Công ty TNHH MTV Than-Khoáng sản VN các năm 2010, 2011, 2012.

7. Trang web của Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam http://www.vinacomin.vn.

Người biên tập: Võ Trọng Hùng

SUMMARY

Basing on the financial state of Vinacomin Corporation and it's main responsibilities, the paper's author mentions the it's results had achivemented in the field supplying finacial services and other problems for it for nest financial period of time.

ỨNG DỤNG THỬ NGHIỆM...

(Tiếp theo trang 77)

loại quặng có nguồn gốc thành tạo và chất lượng khác nhau.❐

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Xuân Phong, Nguyễn Phương, 2006. Bài giảng phương pháp tìm kiếm thăm và dự báo tài nguyên khoáng sản. Trường Đại học Mỏ-Địa chất, Hà Nội.

2. Nguyễn Văn Lâm, Nguyễn Phương, Nguyễn Tiến Dũng, 2006. Địa chất khai thác mỏ. Nhà xuất bản Giao thông vận tải, Hà Nội.

3. Công ty TNHH Giang Long, 2011. Báo cáo thăm dò kaolin khu vực Vân Sơn, xã Vân Sơn, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Lưu trữ Công ty.

4. Công ty cổ phần và thương mại Lộc Phát, 2011. Báo cáo thăm dò kaolin vùng Đồng Gianh, xã Bình Yên, xã Lương Thiện và xã Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Lưu trữ Công ty.

5. Công ty TNHH Phú Hiệp, 2011. Báo cáo thăm dò kaolin-felspat thôn Phú Đa, thôn Đồng Phú, xã Hào Phú, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Lưu trữ Công ty.

Người biên tập: Hồ Sĩ Giao

SUMMARY

The paper introduces some study results of using the standard distributing model for predicting ores and ore resources by different sorts of kaolin in mines in Tuyên Quang province.

ĐỌC VÀ SUY NGẪM

1. Tranh cãi với một kẻ ngốc sẽ chứng minh rằng có hai kẻ ngốc. *Doris M. Smith.*

2. Nhu cầu cơ bản nhất của con người là nhu cầu thấu hiểu và được thấu hiểu. *Ralph Nichols.*

3. Tôi rất biết ơn tất cả những người đã nói KHÔNG với tôi. Nhờ vậy mà tôi biết cách tự mình giải quyết sự việc. *Einstein.*

8. Kiên trì làm việc tốt sẽ mang lại nhiều thứ. Như mặt trời có thể làm tan băng, lòng tốt có thể làm bốc hơi sự hiểu lầm, hoài nghi và thù địch. *Albert Schweitzer.*

VTH sưu tầm

Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Oanh
Bộ môn: Kế toán doanh nghiệp
Khoa: Kinh tế - QTKD
Chức danh: Giảng viên

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ
Năm học: 2014 – 2015
(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá (Có đề tài, bài báo, báo cáo KH, Hợp đồng LĐSX photocopy trang đầu và trang cuối kèm theo phụ lục)	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:**	5,0	5		
	Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy (số giờ quy định trong năm học là 280 (tổng số giờ giảng trong năm học là: 900 tiết) được 5,0 điểm				
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1,0 điểm (cụ thể vượt 221%)			1,0	1
	Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5,0 điểm (tên giáo trình)			5,0	
	Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4,0 điểm (tên chương trình):			4,0	
	Xây dựng đề cương môn học được thưởng 2,0 điểm (tên đề cương môn học): "Lý thuyết kế toán công" "Kế toán NSNN và kho bạc"			2,0	2
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 1,0 điểm:			1,0	
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải nhất, nhì, ba; Tài năng khoa học trẻ dành cho SV được thưởng 2,0 điểm			2,0	
	Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích cấp Quốc gia được thưởng 2,0 điểm (tên giải)			2,0	
	Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 1,0 điểm (tên giải)			1,0	
	Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 1,0 điểm (tên sáng kiến)			1,0	
	Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến) vận dụng công cụ phần mềm Test Professional vào giảng dạy và cho thi với môn Thuế			0,5	0,5
	Đạt giải Tài năng khoa học trẻ Việt Nam dành cho giảng viên trẻ của Bộ GD-ĐT			3	
2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:**	4,0	4		
	(Có đề tài, bài báo, báo cáo khoa học, đạt 4,0 điểm) (ghi rõ tên đề tài, bài báo, báo cáo khoa học) Bài báo "Kế toán giao dịch với phần lợi ích cổ đông không kiểm soát trên báo cáo tài chính hợp nhất – Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam", Tạp chí Nghiên cứu tài chính kế toán (131), tháng 6/2014, tr.59-61; "Bàn về loại trừ khoản đầu tư của công ty mẹ vào công ty con phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh theo thông tư 202", Tạp chí Nghiên cứu tài chính kế toán (140), tháng 3/2015, tr.51-53				

Đề tài cấp cơ sở được nghiệm thu đúng thời hạn (Chủ trì được 2,0 điểm, các thành viên tham gia 1,0 điểm)			3,0	
Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành, dự án sản xuất thử được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (được 6 điểm/đề tài; trong đó chủ trì được 4,0 điểm, các thành viên tham gia được 2,0 điểm)			6,0	
Đề tài cấp Nhà nước được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (10 điểm/đề tài; trong đó chủ trì đề tài được 7,0 điểm, các thành viên tham gia được 3,0 điểm)			10,0	
Hợp đồng kinh tế phục vụ sản xuất: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định (đóng góp 5 triệu đồng cho Trường được thưởng 1,0điểm; đóng góp cho Công ty và các Trung tâm 10 triệu đồng được thưởng 1.0 điểm (ghi rõ hợp đồng, tổng số tiền đã nộp, tự cho điểm vào cột điểm thưởng)			1,0	
Báo cáo khoa học				
+ Cấp Trường và cấp tương đương (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 2,0 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia			2,0	
+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			4,0	
+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			8,0	
+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở cấp Bộ môn 1 báo cáo được 0,5 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia; cấp Khoa được 1,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia (có xác nhận của Phòng KH-CN)			0,5 - 1,0	0,5
Bài báo				
+ Đăng ở Tạp chí của Trường, Ngành (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng); thưởng 2 điểm/bài/các tác giả			2,0	2
+ Đăng ở tạp chí nước ngoài (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng); thưởng 16 điểm/bài/ các tác giả 01 bài báo đăng trên Hội thảo quốc tế EMMA			16,0	
Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0,5 điểm	0,5	0,5		
Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ đạt 0,5 điểm	0,5	0,5		
Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0.25 điểm; Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25 điểm	0,5	0,5		
Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v.... được thưởng 1,0 điểm			1,0	1

ng cộng (1)+(2)+(3)+(4)+(5) + ...5.....điểm thưởng = 17,5 điểm

r đánh giá danh hiệu thi đua: Lao động tiên tiến 10,5 7

Ngày 17 tháng 5 năm 2015

kiến của đơn vị quản lý

(Bộ môn)

TS. Bùi Thị Thu Thủy

Người khai

Nguyễn Thị Kim Oanh

Xác nhận của Khoa

Họ và tên: Lưu Thị Thu Hà

Bộ môn: Kế toán doanh nghiệp

Khoa: Kinh tế - QTKD

Chức danh: Cán bộ giảng dạy

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ
Năm học: 2014 - 2015

(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá (Có đề tài, bài báo, báo cáo KH, Hợp đồng LĐSX thì copy trang đầu và trang cuối kèm theo phụ lục này)	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:** - Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy (số giờ quy định trong năm học là 140 (tổng số giờ giảng trong năm học là: 350) được 5,0 điểm	5,0	5,0		
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1,0 điểm (cụ thể vượt 285 %)			1,0	1,0
	- Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5,0 điểm (tên giáo trình)			5,0	
	- Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4,0 điểm (tên chương trình)			4,0	
	- Xây dựng đề cương môn học và có hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 2,0 điểm (tên đề cương môn học và nhóm sinh viên hướng dẫn NCKH) *Xây dựng đề cương môn học Lý thuyết tài chính công*			2,0	2,0
	- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 1,0 điểm			1,0	
	- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải nhất, nhì, ba; Tài năng khoa học trẻ dành cho SV được thưởng 2,0 điểm			2,0	
	- Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích cấp Quốc gia được thưởng 2,0 điểm (tên giải)			2,0	
	- Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 1,0 điểm (tên giải)			1,0	
	- Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 1,0 điểm (tên sáng kiến)			1,0	
	- Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến) - Vận dụng công cụ phần mềm Tét Professional vào giảng dạy và cho thi môn Tài chính tiền tệ			0,5	0,5
	- Đạt giải Tài năng khoa học trẻ Việt Nam dành cho giảng viên trẻ của Bộ GD-ĐT			3	

2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:** (Có đề tài, bài báo, báo cáo khoa học và hoạt động LĐSX là đạt 4,0 điểm) (ghi rõ tên đề tài, bài báo…) *1. Báo cáo Hội thảo KHKT mỏ toàn quốc lần thứ XXIV (T8/2014): Cần hoàn thiện đổi mới chính sách thúc đẩy thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển bền vững ngành khai khoáng, tr 71.* *2. Bài báo: 'Tình hình tài chính của Tập đoàn Công nghiệp Than –Khoáng sản Việt Nam- Thực trạng và giải pháp", Tạp chí Công nghiệp Mỏ, số 4, tr 66-70.* *3.Bài báo: "Vấn đề thoái vốn của Vinacomin- Những vấn đề đặt ra" ,Tạp chí Kinh tế và Dự báo, 11(571), tr 54-56.* *4. Bài báo: Cổ phần hóa DNNN trong Tập đoàn Công nghiệp Than –Khoáng sản Việt Nam", Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán, 7(132).*	4,0	4,0		
	- **Đề tài cấp cơ sở** được nghiệm thu đúng thời hạn (Chủ trì được 2,0 điểm, các thành viên tham gia 1,0 điểm)			3,0	
	- **Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành** dự án sản xuất thử đã được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (được 6 điểm; trong đó chủ trì được 4,0đ, các thành viên tham gia được 2,0 điểm			6,0	
	- **Đề tài cấp Nhà nước**: 10,0 điểm/đề tài đã được nghiệm thu đúng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ. Trong đó chủ trì đề tài dược 7,0 điểm, các thành viên tham gia được 3,0 điểm			10,0	
	- **Hợp đồng kinh tế phục vụ sản xuất**: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định (đóng góp 5 triệu đồng cho Trường được thưởng 1,0điểm; đóng góp cho Công ty và các Trung tâm 10 triệu động được thưởng 1,0 điểm (ghi rõ hợp đồng, tổng số tiền đã nộp, tự cho điểm vào cột điểm thưởng)			1,0	
	Báo cáo khoa học				
	+ Cấp Trường và cấp tương đương (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 2,0 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia			2,0	
	+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			4,0	
	+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			8,0	
	+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn 1 báo cáo được 0,5 điểm; cấp khoa được 1,0 điểm/1 báo cáo/ số thành viên tham gia			0,5 – 1,0	

	- Bài báo + Đăng ở Tạp chí của Trường, Ngành trở lên (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 2 điểm/bài/các tác giả 1. Lưu Thị Thu Hà, Đồng Thị Bích, *Báo cáo Hội thảo KHKT mỏ toàn quốc lần thứ XXIV (T8/2014): Cần hoàn thiện đổi mới chính sách thúc đẩy thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển bền vững ngành khai khoáng.* 1.Lưu Thị Thu Hà (2014),*"Tình hình tài chính của Tập đoàn Công nghiệp Than –Khoáng sản Việt Nam- Thực trạng và giải pháp", Tạp chí Công nghiệp Mỏ, số 4.* 2.Lưu Thị Thu Hà (2014),*"Vấn đề thoái vốn của Vinacomin- Những vấn đề đặt ra" ,Tạp chí Kinh tế và Dự báo, 11(571).* 3. Lưu Thị Thu Hà (2014),*" Cổ phần hóa DNNN trong Tập đoàn Công nghiệp Than –Khoáng sản Việt Nam", Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán, 7(132).*			2,0	7,0
	+ Đăng ở tạp chí nước ngoài (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 16 điểm/bài/ các tác giả			16,0	
3	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0.5 điểm	0,5	0,5		
4	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ đạt 0,5 điểm	0,5	0,5		
5	Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25 điểm Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25 điểm	0,5	0,5		
	Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v... được thưởng 1,0 điểm			1,0	1,0

Tổng cộng (1)+(2)+(3)+(4) +(5) + **11,5** điểm thưởng = **22** điểm

Tự đánh giá danh hiệu thi đua: Lao động tiên tiến

Ngày 16 tháng 05 năm 2015

Ý kiến của đơn vị quản lý

TS. Bùi Thị Thu Thủy

Người khai

Lưu Thị Thu Hà

Kinh tế
và Dự báo

Economy &
Forecast
Review

06/2014
Số 11

ÁO CHÍ PHẢI HOÀN THÀNH TỐT
HIỆM VỤ CHÍNH TRỊ TRONG TÌNH HÌNH MỚI



TẠP CHÍ RA HAI KỲ MỘT THÁNG
Giấy phép xuất bản: 115/GP-BTTTT
In tại: Công ty CP in Công đoàn Việt Nam

MỤC LỤC

KỶ NIỆM 89 NĂM NGÀY BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

✦ Báo chí phải hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị trong tình hình mới 3

Nguyễn Chí Dũng: Thông tin báo chí của Bộ Kế hoạch và Đầu tư phải nhanh hơn, sâu hơn và hấp dẫn hơn nữa 6

TỪ CHÍNH SÁCH ĐẾN CUỘC SỐNG

Nguyễn Quốc Bình: Luật "chồng" luật: Nhìn từ dự thảo Luật Xây dựng sửa đổi 8

Nguyễn Hữu Nhường: Đẩy lùi yếu kém trong đầu tư công 11

PHÂN TÍCH - NHẬN ĐỊNH - DỰ BÁO

Trần Mạnh Tuyến: Dự báo tỷ giá USD/VND năm 2014 14

Trần Thanh Long: Thủy sản Việt Nam: Thách thức từ rào cản phi thuế quan 17

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Nguyễn Việt Bình, Nguyễn Thị Liên Hương: Nợ công Việt Nam: Mối nguy tiềm ẩn từ nợ của DNNN 20

Đỗ Thị Dinh, Phạm Thị Hương: Thu hút FDI "sạch" để phát triển bền vững 23

Bùi Thị Hồng Việt: Cái khó của tư nhân trong các dự án PPP xây dựng giao thông đường bộ 27

Triệu Văn Huấn, Nguyễn Thu Thủy: Giải pháp chống chuyển giá ở Việt Nam 30

Nguyễn Thị Phương Nhung: Nhìn lại hai năm thực hiện tái cấu trúc thị trường chứng khoán 33

Phạm Ngọc Quang, Nguyễn Tiến Thành: Phát triển hoạt động công bố thông tin trên thị trường chứng khoán 36

Thái Anh Tuấn, Thái Thị Tú Phương, Lê Thị Minh Tâm: Nâng cao năng lực cạnh tranh cho ngành logistics Việt Nam 39

Lê Toàn Thắng: Xu thế phát triển của thương mại điện tử và định hướng của các cơ quan quản lý nhà nước 42

Nguyễn Thị Minh Nhàn: Bàn về năng lực chủ thể quan hệ lao động hiện nay 45

Nguyễn Thị Hồng: Khung năng lực cán bộ quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp 48

Ngô Phúc Hạnh: Để hỗ trợ hiệu quả cho doanh nghiệp nhỏ và vừa 51

Lưu Thị Thu Hà: Vấn đề thoái vốn của Vinacomin - Những vấn đề đặt ra 54

KINH TẾ NGÀNH - ĐỊA PHƯƠNG

Nguyễn Thị Đông: Để tăng trưởng kinh tế thủ đô Hà Nội tiếp tục theo hướng bền vững 57

Lê Thị Thùy Lưu: Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh ở Bắc Ninh 60

Phạm Thị Thúy: Đánh giá hiệu quả đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Vĩnh Phúc 62

Huỳnh Thị Trâm Ngọc: Sử dụng vốn NSNN cho đầu tư XDCB tại TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình 65

Phạm Tiến Dũng: Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo an ninh quốc gia tại các tỉnh Vùng Tây Bắc 68

Ngô Việt Hương: Một số khuyến nghị với tín dụng nông nghiệp, nông thôn tỉnh Thanh Hóa 71

Nguyễn Việt Hưng, Lã Thị Phương Mai: Phân tích cấu trúc tài chính của doanh nghiệp FDI tại Đà Nẵng 74

Huỳnh Thanh Nhã: Nâng cao vai trò quản lý nhà nước trong hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân tại Cần Thơ 77

Vũ Thị Khánh Minh: Giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Phú Yên 80

Nguyễn Văn Trãi, Nguyễn Thanh Vân: Để khai thác tiềm năng du lịch Cà Mau hiệu quả 83

Lê Thị Mỹ Huyền, Nguyễn Thị Hưng: Đồng bằng sông Cửu Long chung sức xây dựng nông thôn mới 86

PHỔ BIẾN KIẾN THỨC

Trần Hùng, Phạm Công Đoàn, Phùng Thị Mỹ Linh: Chất lượng đào tạo nguồn nhân lực giám đốc doanh nghiệp tỉnh Nam Định 89

Đàng Quang Vắng: Những nhân tố tác động đến rủi ro thanh khoản của ngân hàng thương mại Việt Nam 92

KINH TẾ THẾ GIỚI

Vũ Hải Nam: Kinh nghiệm quốc tế về vai trò của nhà nước đối với tăng trưởng kinh tế .. 95

Những vấn đề đặt ra

LƯU THỊ THU HÀ*

Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước (DNNN) là chủ trương lớn, tác động tới nhiều ngành, nhiều lĩnh vực. Một trong các vấn đề mấu chốt để đề án tái cơ cấu thực hiện hiệu quả, đó là vấn đề thoái vốn đầu tư ngoài ngành, đặc biệt là vấn đề thoái vốn trong các tập đoàn, tổng công ty lớn. Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) đặt mục tiêu cổ phần hóa 8 đơn vị và thoái vốn đầu tư ngoài ngành, dự kiến trong năm 2014 và muộn nhất là đầu năm 2015, Vinacomin sẽ hoàn thành.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ NGOÀI NGÀNH

Thực hiện chủ trương phát triển tập đoàn kinh tế nhà nước, trong những năm qua, Vinacomin đã đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh dựa trên nền than - khoáng sản. Ngoài lĩnh vực kinh doanh chính và các lĩnh vực kinh doanh phụ trợ, Vinacomin còn đầu tư, góp vốn vào một số lĩnh vực ngoài sản xuất, kinh doanh chính. Tính đến năm 2012, Vinacomin đã tham gia đầu tư, góp vốn vào 14 đơn vị thuộc các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, bất động sản, bóng đá với tổng số vốn là 1.810 tỷ đồng (Bảng 1).

Tổng giá trị các khoản đầu tư ngoài ngành kinh doanh chính của Vinacomin, như: dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm chiếm khoảng 5,4% vốn chủ sở hữu toàn Tập đoàn. Đây là con số khá nhỏ so với một số tập đoàn kinh tế khác. Trong đó, tập trung chủ yếu vào 3 đơn vị là Công ty TNHH MTV Tài chính Than – Khoáng sản Việt Nam với số vốn là 1.000 tỷ đồng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (SHB) 318 tỷ đồng và Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Nhà và Hạ tầng – Vinacomin 166,907 tỷ đồng, tổng cộng 3 đơn vị là 1.484,907 tỷ đồng, chiếm 82% tổng số vốn đầu tư ngoài ngành. Tình hình hiệu quả kinh doanh của một số dự án chính như sau:

ẢNG 1: VỐN ĐẦU TƯ NGOÀI NGÀNH CỦA VINACOMIN ĐẾN NĂM 2012

Đơn vị: tỷ đồng

Tên công ty, đơn vị	Vốn điều lệ	Vốn góp của TKV
ty TNHH MTV Tài chính Than – Khoáng sản Việt Nam	1.000,0	1.000,000
gân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)		318,000
ông ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS)	1.000,0	76,090
ông ty CP Bảo hiểm Hàng không (VNI)	500,0	50,000
ổng Công ty CP Bảo hiểm SHB-VINACOMIN (SVIC)	300,0	59,400
ông ty CP Phát triển Đường cao tốc BIDV	1.500,0	10,500
ảng hàng không Quốc tế Long Thành	150,0	7,500
ông ty CP Đầu tư phát triển khu kinh tế Hải Hà	4.800,0	48,000
ông ty liên doanh Quản lý quỹ đầu tư BIDV-Vietnam Partners	1.349,2	48,000
gân hàng Năng lượng	1.000,0	2,820
ông ty TNHH MTV Phát triển Nhà và Hạ tầng - Vinacomin	300,0	166,907
ông ty Bất động sản Hà Tây - TKV	100,0	4,600
ông ty CP Cảng Vũng Áng Việt - Lào	45,0	17,025
ông ty CP Bóng đá chuyên nghiệp Việt Nam (VPF)		1,130
Tổng cộng		**1.809,955**

Công ty TNHH MTV Tài chính Than – Khoáng sản Việt Nam

Công ty TNHH MTV Tài chính Than - Khoáng sản Việt Nam là công ty con do Vinacomin nắm 100% vốn điều lệ, chịu sự quản lý hoàn toàn của Vinacomin, hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận, có nhiệm vụ bảo toàn, phát triển vốn do Vinacomin giao, trên cơ sở phát triển kinh doanh các loại hình dịch vụ tài chính, tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh trong và ngoài Tập đoàn.

Công ty đã đáp ứng một phần quan trọng nhu cầu vốn duy trì và đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh của các đơn vị thành viên trong Tập đoàn. Công ty đã tài trợ vốn cho các đơn vị thành viên Vinacomin với số vốn ngày càng tăng: năm 2007: 748 tỷ đồng; năm 2008: 1.200 tỷ đồng; năm 2009: 1.640 tỷ đồng; đồng thời, Công ty đã tham gia thực hiện thu xếp vốn cho các dự án, như: Dự án mua phụ tùng thay thế cho Nhà máy Nhiệt điện Na Dương, Dự án khai thác mỏ Sắt Thạch Khê, Dự án đầu tư Nhà máy Nitrat Amôn, Dự án Nhiệt điện

đang tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng Công ty trong năm 2015, nếu không bán được sẽ rút hết vốn về TKV và giải thể Công ty; SHB (vốn góp là 318 tỷ đồng) và SHS (số vốn góp là 76 tỷ đồng): Vinacomin đã tiến hành thủ tục kiểm kê, định giá tài sản để chuyển nhượng, đồng thời đã tiến hành đặt lệnh bán hoặc đấu giá đối với phần vốn đầu tư của Vinacomin, nhưng một mặt do điều kiện thị trường chứng khoán không thuận lợi, mặt khác do việc ồ ạt thực hiện cổ phần hóa DNNN và thoái vốn đầu tư ngoài ngành của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty (TĐKT, TCT) nhà nước nên việc chuyển nhượng vốn đầu tư tại các dự án này chưa thực hiện được trong thời gian qua. Hy vọng sắp tới, khi điều kiện thị trường thuận lợi, Vinacomin sẽ thu lại được số vốn góp này.

Quỹ Đầu tư Phát triển Việt Nam (vốn góp là 48 tỷ đồng): do hợp đồng là sau 05 năm hoạt động (tức đến năm 2015) mới đóng Quỹ và sẽ trả lại các cổ đông nên đến năm 2015 Vinacomin sẽ thu lại được số vốn góp này.

- Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu Kinh tế Hải Hà (vốn góp là 48 tỷ đồng): hiện nay, Công ty CP Đầu tư phát triển Khu Kinh tế Hải Hà (do Vinashin là nhà đầu tư chính) đã gần như phá sản, nên khó có khả năng thu lại được số vốn đã góp này. Tuy nhiên, có vấn đề khó khăn là hiện chưa có bằng chứng cụ thể theo quy định của pháp luật xác nhận hiện trạng phá sản của Công ty này để có biện pháp phù hợp giải quyết phần vốn góp của Vinacomin. Vinacomin sẽ tiếp tục giải quyết vấn đề này trong thời gian tới.

Đánh giá chung là, trừ dự án Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu Kinh tế Hải Hà, việc thu hồi vốn đầu tư ngoài ngành của Vinacomin có thể hoàn thành được trong năm 2014-2015 và đảm bảo bảo toàn vốn.

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Qua kinh nghiệm thực tế tại Vinacomin về thực hiện chủ trương đầu tư phát triển kinh doanh đa ngành trước đây và chủ trương thoái vốn đầu tư ngoài ngành hiện nay của Chính phủ, có thể đưa ra một số kiến nghị:

Thứ nhất, chủ trương đầu tư phát triển kinh doanh đa ngành là đúng đối với các TĐKT, TCT nhà nước nói chung. Song để thực hiện có hiệu quả chủ trương này không nên làm theo kiểu phong trào, mà phải thực hiện theo chiến lược phát triển kinh doanh đa ngành, trên nền các ngành nghề kinh doanh chính của từng TĐKT, TCT được xây dựng trên cơ sở đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh và nhiệm vụ kinh doanh của từng TĐKT, TCT. Chiến lược phải có giải pháp hợp lý huy động được các nguồn lực của xã hội tham gia đầu tư bằng các hình thức đối tác công - tư (PPP) thích hợp, theo phương châm phát triển hài hòa, cùng có lợi và phù hợp với cơ chế thị trường định hướng XHCN ở nước ta.

Thứ hai, thực hiện thoái vốn đầu tư ngoài ngành nói chung của các TĐKT, TCT nhà nước là chủ trương đúng, là hết sức bình thường trong cơ chế thị trường, nhưng phải được thực hiện một cách bài bản chứ không phải vội vàng theo kiểu làm lấy được. Do vậy, việc chấm dứt hoạt động đầu tư cũng phải như khi quyết định đầu tư, cần được phân tích, đánh giá kỹ lưỡng trước khi ra quyết định. Riêng đối với trường hợp chấm dứt đầu tư do không có hiệu quả, cần phải phân tích làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm và rút ra bài học cho lâu dài. Trên tinh thần đó, việc thoái vốn đầu tư ngoài ngành hiện nay của các TĐKT, TCT nhà nước phải được coi là sự điều chỉnh chiến lược kinh doanh đã phê duyệt. Việc điều chỉnh này phải căn cứ vào kết quả phân tích, đánh giá tình hình thực hiện chiến lược cả trên giác độ ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Chỉ thoái vốn đầu tư ở các dự án không hiệu quả, không có triển vọng hoặc không cần thiết đối với các ngành nghề kinh doanh chính của TĐKT, TCT. Chính điều này là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng thay đổi chính sách, cơ chế theo kiểu "quay ngoắt" đang từ thái cực này chuyển sang thái cực khác trong thời gian qua.

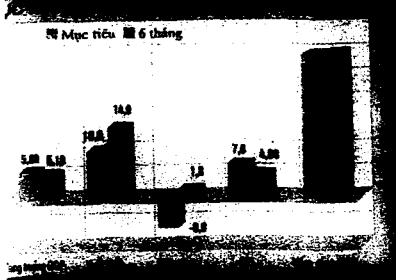
Thứ ba, việc đổi mới cơ chế quản lý, tái cơ cấu DNNN cũng như TĐKT, TCT nhà nước phải thực hiện theo đề án tổng thể được xây dựng trên cơ sở tổng kết kỹ lưỡng kinh nghiệm thí điểm thành lập TĐKT, TCT và mô hình công ty mẹ - công ty con nói chung và đề án của từng TĐKT, TCT nói riêng, trong đó có việc thực hiện kinh doanh đa ngành.❑

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2009). *Nghị định số 101/NĐ-CP, ngày 05/11/2009 của Chính phủ về thí điểm thành lập, tổ chức, hoạt động và quản lý Tập đoàn kinh tế nhà nước*

2. Chính phủ (2013). *Nghị định số 212/2013/NĐ-CP, ngày 19/12/2013 về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam*

3. Vinacomin (2013). *Báo cáo tổng kết đề tài: Tiếp tục đổi mới, tái cơ cấu Vinacomin giai đoạn 2013-2015, tầm nhìn đến năm 2020.*


Mục tiêu
6 tháng
14,8
7,8

Tạp chí Nghiên cứu

TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

TỔNG BIÊN TẬP
GS.TS.NGND NGÔ THẾ CHI

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. NGUYỄN THỊ LAN

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP
GS.TS. NGND VŨ VĂN HÓA
GS.TS.NGƯT ĐOÀN XUÂN TIÊN
PGS.TS.NGƯT PHẠM NGỌC ÁNH
PGS.TS.PHẠM VĂN ĐĂNG
PGS.TS.NGƯT NGUYỄN TRỌNG CƠ
PGS.TS.NGƯT PHẠM VĂN LIÊN
PGS.TS.NGƯT HOÀNG TRẦN HẬU
PGS.TS.NGƯT TRƯƠNG THỊ THỦY
PGS.TS.NGƯT TRẦN XUÂN HẢI
PGS.TS.NGƯT VŨ CÔNG TY
PGS.TS. NGUYỄN BÁ MINH
PGS.TS.NGƯT NGUYỄN THỊ THƯƠNG HUYỀN

THƯ KÝ TÒA SOẠN
CN. NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

TRỊ SỰ
TS. NGUYỄN MẠNH THIỀU

TÒA SOẠN
SỐ 8 PHAN HUY CHÚ
HOÀN KIẾM - HÀ NỘI

Điện thoại: 04. 3933 6122
Fax: 04. 3933 1865
E-mail: tapchinctckt@hvtc.edu.vn

THÔNG TIN SỰ KIỆN

3. Định mức phân bổ ngân sách nhà nước: Kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam

TÀI CHÍNH VĨ MÔ

4. FDI và nguy cơ phân hóa kinh tế Việt Nam
TS.Nhữ Trọng Bách
Lê Thị Huệ

6. Tăng trưởng kinh tế và những vấn đề đặt ra
TS.Vũ Thị Vinh

9. Tháo gỡ vướng mắc gói 30.000 tỷ đồng cho vay hỗ trợ nhà ở
PGS.TS.Nguyễn Thị Bất
Nguyễn Đức Tú

13. Quản lý các khoản chi bổ sung có mục tiêu từ Ngân sách trung ương
TS.Đào Thị Bích Hạnh

17. Tự chủ trong các trường đại học - Nhìn từ nhiều phía
Ths.Trương Thị Hiền

20. Tăng trưởng tín dụng của Ngân hàng thương mại - Chưa có lối thoát
Ths.Trần Khánh Dương

NGHIÊN CỨU TRAO ĐỔI

23. Bàn về chi ngân sách Nhà nước năm 2013 và giải pháp cho năm 2014
PGS.TS.Lê Quốc Lý

28. Nâng cao năng lực vốn đảm bảo an toàn tài chính cho các công ty chứng khoán ở Việt Nam
Ths.Hoàng Thị Bích Hà

31. Thông tin bất cân xứng trong hoạt động tín dụng và cho vay dự án đầu tư tại ngân hàng thương mại Việt Nam
Ths.Ngô Đức Tiến

34. Tác động của tự do hóa thương mại đến nguồn thu ngân sách Nhà nước ở Việt Nam
TS.Vương Thị Thu Hiền

37. Tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn Hà Nội
Ths.Ngô Văn Hậu

39. Tuân thủ thuế thu nhập cá nhân - Lượng hóa và phân tích
TS.Tôn Thu Hiền

Cổ phần hóa DNNN trong tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

Ths.Lưu Thị Thu Hà *

Tính đến hết năm 2012, sau quá trình sắp xếp, chuyển đổi, sáp nhập, giải thể, v.v... Tập đoàn than khoáng sản (TKV) có tổng cộng 32 công ty con cổ phần (không kể ở nước ngoài), bao gồm từ CPH DNNN và thành lập mới công ty CP, trong đó: TKV nắm giữ trên 65% vốn điều lệ: 13 đơn vị; nắm giữ từ trên 50% đến 65% vốn điều lệ: 13 đơn vị; nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ: 6 đơn vị. Trong đó phân theo ngành nghề kinh doanh như sau: *khai thác than:* 9 đơn vị (chỉ 1 đơn vị TKV nắm 65,37% vốn điều lệ, còn lại là từ 51-57,45%); *kinh doanh than:* 5 đơn vị (TKV nắm từ 55,41 – 77,18% vốn điều lệ); *cơ khí:* 7 đơn vị (có 2 đơn vị TKV nắm 76,74% và 84% vốn điều lệ, còn lại dưới 41%), *địa chất - khoáng sản:* 3 đơn vị (TKV nắm 51%, 65,02% và 95,48% vốn điều lệ); *các ngành nghề khác* như tư vấn, giám định, thương mại – dịch vụ, vận tải: 8 đơn vị (3 đơn vị TKV nắm trên 65% vốn điều lệ, 1 đơn vị 41,68%, còn lại 51% trở lên). Ngoài ra, còn có nhiều công ty con cổ phần thuộc các công ty con thành viên của Tập đoàn. Như vậy về mặt số lượng, các công ty con cổ phần chiếm trên 58% tổng số công ty con SXKD của Tập đoàn.

Nói chung, hầu hết các đơn vị đã CPH đều hoạt động có hiệu quả: doanh thu, lợi nhuận tăng, bảo toàn và phát triển vốn, thu nhập của người lao động bình quân tăng cao so với trước khi CPH, mức cổ tức đạt từ 12% trở lên. Đặc biệt, các công ty sản xuất than, sau khi CPH vốn chủ sở hữu nhà nước đã tăng đáng kể, cụ thể là so với thời điểm CPH đến năm 2012 vốn CSH (được thể hiện ở vốn điều lệ) của Công ty CP than Tây - Nam Đá Mài tăng từ 6 tỷ đ lên 203,37 tỷ đ *(tăng gần 34 lần)*, Công ty cổ phần Than Núi Béo tăng từ 60 lên 263,71 tỷ đ *(tăng 4,4 lần)*, của Công ty CP than Hà Tu tăng từ 136,5 lên 226,84 tỷ đ *(tăng gần 1,7 lần)*, của Công ty cổ phần than Cao Sơn tăng từ 100 lên 254,82 tỷ đ *(tăng 2,55 lần)*, của Công ty cổ phần than Cọc Sáu tăng từ 100 lên 296,5 tỷ đ *(tăng gần 3 lần)*, của Công ty Cổ phần Than Đèo Nai tăng từ 80 lên 285,48 tỷ đ *(tăng gần 3,6 lần)*, của Công ty Cổ phần Than Mông Dương tăng từ 120,85 lên 205,47 tỷ đ *(tăng 1,7 lần)*, của Công ty cổ phần than Hà Lầm tăng từ 93 lên 152,38 tỷ đ *(tăng 1,65 lần)*, của Công ty cổ phần than Vàng Danh tăng từ 123,34 lên 327,95 tỷ đ *(tăng 2,66 lần)*. Tính tổng cộng tất cả 32 công ty cổ phần thành viên của TKV thì từ năm 2010 đến 2012 vốn chủ sở hữu đã tăng từ 2.874,95 lên 4.748,86 tỷ đ *(tăng 1,65 lần)*. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng hiệu quả kinh doanh thời gian qua của các công ty cổ phần sản xuất than không đơn thuần chỉ do cơ chế quản trị của công ty cổ phần mang lại mà chủ yếu do ngành than trong giai đoạn "thiên thời, địa lợi, nhân hòa"; cụ thể là do: (1) điều kiện tài nguyên và điều kiện khai thác còn thuận lợi, nhất là tỉ lệ khai thác lộ thiên cao; (2) xuất khẩu than tăng cao cả về lượng và về giá; (3) Tập đoàn TKV gần như độc quyền về khai thác, kinh doanh than. Trong thời gian tới những "lợi thế" này của ngành than nói chung và của Tập đoàn TKV sẽ không còn nữa.

Bên cạnh những kết quả tích cực đạt được, việc thực hiện CPH DNNN trong Tập đoàn TKV thời gian qua vẫn còn một số tồn tại chính sau đây.

1) Trong nhiều trường hợp, tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của TKV đối với các công ty cổ phần chưa phù hợp. Cụ thể là tại hầu hết các công ty cổ phần sản xuất than (trừ Công ty CP than Tây – Nam Đá Mài), TKV mới chỉ nắm giữ trên 51% vốn điều lệ, thấp xa so với mức 65% mà Luật Doanh nghiệp quy định để có thể quyết định nhiều vấn đề quan trọng của công ty, nhất là

* Trường Đại học Mỏ Địa chất

2) Điều chỉnh tỉ lệ nắm giữ vốn điều lệ của TKV đạt mức thích hợp đối với các công ty cổ phần hiện có trong từng ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh, cụ thể là:

- Nâng tỉ lệ nắm giữ vốn điều lệ của TKV lên mức tối thiểu 65% và tối đa 75% đối với các công ty cổ phần sản xuất than và lên 51% đối với Công ty CP Chế tạo máy.

- Giảm tỉ lệ nắm giữ vốn điều lệ của TKV: (1) xuống mức 51% đối với Công ty cổ phần Địa chất khoáng sản, Công ty cổ phần Cromit Cổ Định và Công ty CP xuất nhập khẩu than; (2) xuống mức ≤ 36% đối với các công ty CP kinh doanh và khác.

Ngoài ra, chỉ đạo các công ty con thành viên TKV tiến hành điều chỉnh mức tỉ lệ nắm giữ tỉ lệ vốn điều lệ tại các công ty con cổ phần của mình một cách phù hợp theo quy định của Chính phủ.

Giai đoạn sau 2015 sẽ tiến hành CPH các công ty sản xuất alumin Tân Rai và Nhân Cơ sau khi các công ty này đã đi vào hoạt động ổn định, có hiệu quả và TKV nắm giữ từ 65% đến 75% vốn điều lệ. Tiếp theo sẽ CPH Công ty mẹ - TKV và Nhà nước nắm giữ từ 65% đến 75% vốn điều lệ.

3) Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý của đại diện chủ sở hữu và hoàn thiện quản trị doanh nghiệp đối với các công ty cổ phần hiện có nhằm cải thiện tình hình tài chính và nâng cao hiệu quả kinh doanh, xử lý triệt để các công ty cổ phần làm ăn thua lỗ triền miên theo hướng sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu hoặc giải thể.

Đặc biệt, đẩy mạnh thực hiện chủ trương huy động các nguồn lực xã hội theo phương thức xã hội hóa đầu tư để đầu tư cho sản xuất vừa nhằm đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư ngày càng tăng, nâng cao hiệu quả, vừa đảm bảo phát triển hài hòa với cộng đồng, góp phần giải quyết vấn đề lao động và an sinh xã hội.

Một số kiến nghị

Kiến nghị Nhà nước giải quyết một số vấn đề để thúc đẩy tiến trình thực hiện CPH đảm bảo đạt được mục tiêu đề ra và bảo toàn vốn nhà nước như sau:

Thứ nhất, hiện nay việc CPH được thực hiện theo quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP, theo đó chỉ cho phép CPH các DNNN hạch toán độc lập, không cho phép CPH một bộ phận doanh nghiệp (là đơn vị hạch toán phụ thuộc doanh nghiệp).

Đối với Tập đoàn TKV, quy định nêu trên sẽ nảy sinh những vướng mắc như sau:

Để triển khai các dự án trọng điểm trong Tập đoàn có quy mô vốn đầu tư lớn, sử dụng lao động nhiều (ví dụ như các dự án về khoáng sản, bôxít...); thì TKV phải đứng ra vay vốn để đầu tư (nhất là vay vốn nước ngoài). Những năm đầu hoạt động là thời kỳ đi vào ổn định sản xuất và đạt công suất thiết kế, các dự án này thường chưa có hiệu quả (lỗ kế hoạch) và phải trả nợ lớn nên không thể CPH được do chưa hấp dẫn đối với các nhà đầu tư và không thể bảo toàn được vốn theo mệnh giá bằng giá trị sổ sách. Do đó, trong giai đoạn này TKV thường phải trực tiếp đứng ra tổ chức quản lý, vận hành các dự án này với hình thức là chi nhánh của TKV. Sau một số năm, khi hoạt động đã ổn định và tình hình tài chính đỡ khó khăn có thể CPH được thì theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP và Nghị định 25/2010/NĐ-CP mới chỉ quy định về CPH công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước mà chưa có quy định về CPH bộ phận doanh nghiệp. Điều đó đồng nghĩa với việc là không được CPH bộ phận doanh nghiệp; trong khi đó, tuy là chi nhánh TKV - tức là bộ phận doanh nghiệp nhưng các đơn vị này có số vốn đầu tư hàng ngàn tỷ đồng và số lao động hàng ngàn người. Nếu thực hiện theo trình tự chuyển các đơn vị này sang hoạt động theo hình thức công ty TNHH MTV sau đó mới CPH thì lại vướng về quy định của Nhà nước về thành lập công ty TNHH MTV 100% vốn Nhà nước (theo quy định tại Nghị định 172/2013/NĐ-CP), đồng thời không thể đảm bảo tiến độ CPH theo quy định. Do đó, đề nghị Chính phủ xem xét hoặc là sửa đổi, bổ sung Nghị định 59/2011/NĐ-CP hoặc là ban hành Nghị định mới theo hướng cho phép và hướng dẫn thực hiện CPH các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ TĐKT, TCT nhà nước, tức là CPH bộ phận doanh nghiệp như đã quy định trong các Nghị định về CPH DNNN trước đây để đẩy nhanh tiến trình CPH DNNN.

TẠP CHÍ

ISSN 0868 - 7052

CÔNG NGHIỆP MỎ

MINING INDUSTRY JOURNAL

NĂM THỨ XXVIII SỐ 4 - 2014

CƠ QUAN CỦA HỘI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ MỎ VIỆT NAM



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA TẬP ĐOÀN THAN-KHOÁNG SẢN VIỆT NAM - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

ThS. LƯU THỊ THU HÀ
Trường Đại học Mỏ-Địa chất

1. Giới thiệu chung

Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam (TKV) là một trong những TĐKT nhà nước đầu tiên ở nước ta được Chính phủ thí điểm thành lập từ cuối năm 2005 và chính thức đi vào hoạt động từ năm 2006 với các mục tiêu:

❖ Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại Tập đoàn;

❖ Phát triển công nghiệp than, công nghiệp bôxít-alumin-nhôm, công nghiệp khoáng sản, công nghiệp điện và các ngành, nghề khác một cách bền vững; đáp ứng nhu cầu than của nền kinh tế; hoàn thành các nhiệm vụ do Nhà nước giao;

❖ Tối đa hóa hiệu quả của toàn Tập đoàn.

Chức năng, nhiệm vụ của Công ty mẹ TKV là:

❖ Đầu tư tài chính vào các công ty con, công ty liên kết; chi phối các công ty con, các công ty liên kết theo mức độ nắm giữ vốn điều lệ của các công ty đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ của TKV;

❖ Chủ thể quản lý tài nguyên khoáng sản (chủ mỏ): tổ chức quản lý, khảo sát, thăm dò, khai thác, sàng tuyển, chế biến than, bôxít và các khoáng sản khác trên cơ sở hợp đồng giao nhận thầu với các công ty con và các công ty khác;

❖ Trực tiếp kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận theo quy định của pháp luật. Các quan hệ kinh tế phát sinh giữa Công ty mẹ TKV và công ty con, công ty liên kết và công ty tự nguyện tham gia liên kết được thể hiện bằng hợp đồng kinh tế;

❖ Chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh;

❖ Thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại các công ty con và công ty liên kết;

❖ Đầu mối thực hiện những công việc mà Nhà nước trực tiếp giao cho TKV tổ chức thực hiện trong Tập đoàn.

Ngành, nghề kinh doanh của TKV gồm có 3 nhóm:

❖ Ngành, nghề kinh doanh chính, trong đó gồm công nghiệp than, công nghiệp khoáng sản-luyện kim, vật liệu nổ công nghiệp, công nghiệp điện lực, công nghiệp cơ khí;

❖ Ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính;

❖ Ngành, nghề kinh doanh khác.

TKV đã xây dựng "Chiến lược PTBV Tập đoàn các công ty Than-Khoáng sản Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030" và được phê duyệt tại quyết định số 5239/QĐ-BCT ngày 08/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ. Chiến lược đã đề ra quan điểm là: Phát triển Tập đoàn các công ty Than-Khoáng sản Việt Nam theo hướng Tập đoàn Công nghiệp-Thương mại-Tài chính kinh doanh đa ngành có thương hiệu mạnh ở trong nước và ở nước ngoài.

2. Về hiệu quả kinh doanh

Kể từ khi đi vào hoạt động theo mô hình tập đoàn năm 2006, sản xuất kinh doanh của Tập đoàn TKV ngày càng phát triển và luôn có hiệu quả, nộp NSNN tăng cao. So với năm 2006 đến năm 2013 một số chỉ tiêu chủ yếu tăng trưởng như sau:

❖ Sản lượng các loại sản phẩm chính đều tăng, nhất là điện (tăng 11,6 lần), vật liệu nổ công nghiệp (tăng 1,68 lần), kẽm thỏi (tăng 3,32 lần), xi măng (5,45 lần). Đặc biệt đã tạo ra một số sản phẩm mới không những có giá trị gia tăng cao mà còn là nền tảng của những ngành công nghiệp mới như đồng tấm, kẽm thỏi, vàng kim loại, alumin,...;

❖ Doanh thu tăng 3,46 lần, trong đó doanh thu than tăng 3,0 lần và doanh thu SXKD khác tăng 4,48 lần, nhờ đó đã nâng tỉ trọng từ 38 % lên 46,2 % tổng doanh thu;

❖ Nộp NSNN tăng 8,04 lần;

❖ Hiệu quả trong 2 năm cuối 2012 và 2013 có suy giảm so với các năm trước, song về cơ bản vẫn có lãi với tỉ suất sinh lời trước thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) là 10,7 % và 8,8 %. Nguyên nhân chính làm giảm hiệu quả kinh doanh trong 2 năm cuối so với 2011 là do tác động của suy thoái kinh tế thế giới và trong nước nên tiêu thụ nhiều loại sản phẩm giảm cả về lượng và giá, đặc biệt là xuất khẩu than giảm mạnh. Doanh thu xuất khẩu than đã giảm từ 1.544 triệu USD năm 2011 xuống 1.140 triệu USD

ty CP Chế tạo máy trở thành công ty cơ khí đầu đàn chủ trì thực hiện chế tạo máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ chương trình cơ giới hóa mỏ nói chung và cơ giới hóa khai thác than hầm lò nói riêng, còn các công ty cơ khí khác trở thành công ty liên kết với vai trò làm vệ tinh cho Công ty CP Chế tạo máy. Qua đó khắc phục được tình trạng đầu tư dàn trải, thiếu vốn, hệ số Nợ/Vốn CSH cao và hiệu quả kinh doanh thấp của các công ty con cơ khí cũng như của ngành cơ khí.

c. Sắp xếp lại các công ty địa chất thăm dò khoáng sản theo hướng tinh giảm đầu mối, tập trung tiềm lực trang thiết bị kỹ thuật và tài chính cho Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ và thực hiện tập trung hóa công tác thăm dò địa chất. Trên cơ sở đó vừa nâng cao được năng lực thăm dò mà không cần tăng vốn đầu tư, giải tỏa được các đơn vị địa chất yếu kém và nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ.

d. Chuyển đổi sở hữu, bán doanh nghiệp trong các lĩnh vực ngoài ngành nhằm thu hồi vốn, giải thể các đơn vị hoạt động thua lỗ kéo dài không có khả năng phục hồi nhằm giảm thiệt hại tài chính, thất thoát vốn.

4.2. Nhóm giải pháp đảm bảo nguồn vốn với cơ cấu hợp lý đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư từ 30 đến 40 ngàn tỉ đ/năm nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển kinh doanh đã đề ra đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (nhất là các dự án than, điện, khoáng sản, luyện kim) trong điều kiện vốn CSH có hạn là đi đôi với phấn đấu tăng vốn CSH trên cơ sở nâng cao hiệu quả kinh doanh để tích tụ vốn cần xây dựng và thực hiện chiến lược huy động vốn theo hướng đa dạng hóa nguồn vốn và dạng hóa hình thức huy động vốn, trong đó, ngoài các hình thức huy động vốn truyền thống, cần phải:

a. Đặc biệt đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa đầu tư theo các hình thức đối tác công tư (PPP) thích hợp, nhất là hình thức BO và thuê hoạt động, thuê tài chính trong các công đoạn sản xuất than, khoáng sản như khoan nổ mìn, bóc đất đá, vận chuyển đất đá ở các mỏ lộ thiên, vận chuyển than bằng băng tải đến các nhà máy nhiệt điện than tại vùng mỏ; khai thác, vận chuyển quặng bôxít,... Phấn đấu thu hút vốn đầu tư thông qua các hình thức xã hội hóa đầu tư tối thiểu đạt 30 % nhu cầu vốn đầu tư mới, nhờ đó vừa góp phần đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư phát triển của Tập đoàn, vừa giảm áp lực tăng vốn CSH theo quy định của Luật Khoáng sản cũng như áp lực về tuyển dụng, quản lý lao động, cải thiện hệ số Nợ/Vốn CSH, nâng cao mức độ an toàn tài chính và hiệu quả kinh doanh.

b. Tăng cường hình thức huy động vốn bằng phát hành trái phiếu trên thị trường vốn trong nước và quốc tế nhằm giảm bớt nguồn vốn vay thương mại từ ngân hàng có nhiều hạn chế như khó khăn khi vay số tiền lớn và thời hạn dài, lãi suất cao, v.v. Việc phát hành trái phiếu có thể giúp huy động vốn một cách minh bạch, cạnh tranh cao từ các nhà đầu tư, tổ chức tài chính tín dụng phi ngân hàng như các công ty tài chính, các công ty quản lý tài sản, công ty bảo hiểm và các công ty quản lý quỹ.

4.3. Nhóm giải pháp tăng cường quản trị kinh doanh để nâng cao hiệu quả kinh doanh và hiệu quả sử dụng vốn nhằm tăng tích lũy vốn CSH bao gồm:

a. Tăng cường quản trị đầu tư trên cơ sở:

❖ Tăng cường sự chỉ đạo, quản lý đầu tư của TKV từ khâu phê duyệt chủ trương, thẩm định dự án, dự toán, nguồn vốn và tổ chức thực hiện đầu tư, đảm bảo phù hợp với quy hoạch và tuân thủ đúng quy định về quản lý đầu tư và xây dựng, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và dứt điểm.

❖ Nâng cao chất lượng dự án, đảm bảo thực hiện nghiêm chỉnh công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu, quản lý dự án bao gồm quản lý tiến độ, khối lượng, chất lượng, an toàn lao động, môi trường và chi phí đầu tư, giám sát thi công, nghiệm thu vật tư, thiết bị và chất lượng công trình.

b. Tăng cường công tác quản trị rủi ro trong quá trình hoạt động kinh doanh trên cơ sở nâng cao năng lực hệ thống quản trị rủi ro kinh doanh trong toàn Tập đoàn và từng đơn vị thành viên nhằm kịp thời nhận diện, phân tích, định lượng những rủi ro có thể xảy ra theo các quy trình quản trị rủi ro đã được xây dựng, từ đó đề ra phương án phòng ngừa thích hợp, phát hiện kịp thời các rủi ro về tài chính để ngăn chặn, hạn chế những thiệt hại có thể xảy ra, đảm bảo an toàn tài chính và nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

c. Tăng cường quản trị chi phí nhằm giảm giá thành, tăng lợi nhuận.

4.4. Kiến nghị Nhà nước điều chỉnh chính sách thuế, phí một cách hợp lý đối với hoạt động khoáng sản theo hướng thay vì tận thu tài chính hiện nay sang tận thu tối đa tài nguyên nhằm khuyến khích doanh nghiệp khai thác hợp lý, tiết kiệm và giảm tổn thất tài nguyên, đồng thời tạo điều kiện cho doanh nghiệp nâng cao hiệu quả kinh doanh.❐

Người biên tập: Nguyễn Cảnh Nam

SUMMARY

The paper shows the financial state of Vinacomin Corporation. Basing on that, paper's author analyses the real picture of activities of Vinacomin Corporation and suggests some solutions to rebuild the all Vinacomin Corporation.

HỘI NGHỊ
KHOA HỌC KỸ THUẬT MỎ TOÀN QUỐC LẦN THỨ XXIV

TĂNG TRƯỞNG XANH TRONG HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

TUYỂN TẬP BÁO CÁO

Vũng Tàu - Tháng 8 năm 2014

CONTENTS

			Page
	Preface		
I	**SECTION I – GREEN GROWTH IN MINERALS OPERATION**		
1	Ass. Prof. Dr. Nguyen Canh Nam Dr. Nguyen Van Hai MSc. Nguyen Dinh Hoa	About the green growth implementation, sustainable development and handling the climate change in the mineral mining industry	1
2	Eng. Tran Thi My Dung Eng. Luu Ho Long	Impacts from the mineral mining sector on the climate changes and the measures for minimizing them	11
3	Nguyen Dang Khoa Le Quoc Thang Nguyen Ngoc Son	Evaluation of the effects of climate changes to the oil and gas production and some solutions for minimizing the main emission sources from these operations	23
4	Dr. Lai Hong Thanh	Actual situation of 2013's minerals operations and some solutions towards to green growth in the minerals field in the coming time	29
5	Tran Phi Hung Mai Thanh Truc Nguyen Dinh Phong	Environmental protection in the petroleum industry	35
6	Dr. Nguyen Van Chi MSc. Tran Tuan Anh MSc. Nguyen Huu Huan	About the green growth implementation in exploiting the coal basin at Red River Delta	40
7	Dr. Nguyen Tien Chinh	Pricing mineral mines together with reasonable tax and fee policies for ensuring the sustainable development of the mineral mining sector	47
8	Eng. Nguyen Trong Binh	Operation in coal production with the environmental protection at Vang Danh coal joint stock company	53
9	Eng. Nguyen Thi Doan Hanh	Feasibility study on "Extractive industry transperency initiative" in Vietnam	56
10	Dr. Le Tuan Loc	Mining at the sea and occean floor with the urgent problems	65
11	MSc. Luu Thi Thu Ha MSc. Dong Thi Bich	Policy improvement and innovation for promoting the green growth and sustainable development of the mineral mining sector	71
12	Dr. Le Van Thanh	Mine chief executive officer: statustory regulations and the problems at its implementation	76

CẦN HOÀN THIỆN, ĐỔI MỚI CHÍNH SÁCH ĐỂ THÚC ĐẨY THỰC HIỆN TĂNG TRƯỞNG XANH, PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGÀNH KHAI KHOÁNG

ThS. Lưu Thị Thu Hà, ThS. Đông Thị Bích
Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Vietnam mineral mining sector is an important one in ensuring the national energy security and socio-economic development, but also the one causing many bad impacts to the ecological environment. At present, there have been many existing problems in the mineral mining sector as well as in the mineral policy; therefore, the green growth implementation and sustainable development for Vietnam mineral mining sector are the initial tasks

Đến nay, nước ta đã xây dựng và ban hành tương đối đầy đủ, đồng bộ hệ thống pháp luật và chính sách đối với tài nguyên khoáng sản nói chung và hoạt động khoáng sản nói riêng. Tuy nhiên, xét trên góc độ khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả tài nguyên khoáng sản cũng như thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, hệ thống đó còn những tồn tại, bất cập và cần hoàn thiện như sau.

1. Thứ nhất, tách bạch chính sách công ích, an sinh xã hội ra khỏi hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp khoáng sản nói riêng theo cơ chế thị trường

Thời gian qua, do việc lồng ghép chính sách công ích, chính sách an sinh xã hội vào hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt là lồng vào chính sách giá đã gây ra sự méo mó, sai lệch trong các quan hệ kinh tế, sự bất bình đẳng, không lành mạnh trên thị trường cũng như khó khăn cho doanh nghiệp. Có chuyên gia đã ví tình trạng này giống như "mâm cỗ bày lẫn lộn cả đồ chay và đồ mặn". Chẳng hạn, để bình ổn giá các mặt hàng thiết yếu, kiềm chế lạm phát, giá than cho các hộ tiêu thụ lớn trong nước, nhất là cho sản xuất điện thời gian qua đều thấp hơn giá thành. Ví dụ, theo quy định của Pháp lệnh giá năm 2002, giá than được vận hành theo cơ chế thị trường; hoặc Chính phủ đã cho phép thị trường hoá giá than trong nước từ cuối năm 2009 với mức giá thấp hơn giá xuất khẩu tối đa 10%, riêng giá than cho điện đảm bảo đến năm 2010 theo cơ chế thị trường (thông báo số 244/TB-VPCP ngày 11/8/2009). Tuy nhiên, trên thực tế lộ trình này được thực hiện chậm hơn so với tiến độ đề ra. Đến năm 2013, giá than bán cho sản xuất điện tuy đã được điều chỉnh một vài lần nhưng mới chỉ bằng khoảng 83-85% giá thành than năm 2012. Điều đó đã gây ra nhiều hệ lụy nghiêm trọng cho sản xuất than, cho các ngành sử dụng than, Ngân sách Nhà nước cũng như toàn bộ nền kinh tế. Ví dụ, để bù lỗ cho phần than tiêu thụ trong nước bán với giá thấp hơn giá thành ngành than đã phải tăng cao sản lượng than xuất khẩu, đồng nghĩa với việc khai thác than quá mức, không hợp lý; hiệu quả kinh doanh, năng lực cạnh tranh của các ngành sử dụng than không thực do sự bù chéo và sử dụng than không tiết kiệm, làm tăng ô nhiễm môi trường do giá than thấp; NSNN chưa bao quát đầy đủ các khoản thực thu, thực chi do sự bù chéo trong giá và sự biến tướng, lồng ghép chính sách nêu trên; thị trường than vận hành không bình thường và các quan hệ trong nền kinh tế thiếu minh bạch, rõ ràng.

Để khắc phục tình trạng nêu trên, điều cơ bản là Nhà nước cần định rõ nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, trong đó hoạt động kinh doanh phải theo cơ chế thị

là hàng năm thải ra hàng trăm triệu mét khối chất thải rắn (đất đá ở các đất đá và quặng đuôi ở các nhà máy tuyển khoáng, bùn đỏ ở các nhà máy alumin), hàng tỷ mét khối nước thải, chất thải lỏng và khí thải (bao gồm khí mỏ thải từ các thiết bị khai thác, phương tiện vận tải), phá hủy hàng ngàn héc ta diện bề mặt, trong đó có cả diện tích rừng, diện tích đất canh tác, mặt nước.

Do vậy, để vừa nâng cao hiệu quả kinh doanh, vừa giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đi đôi với các biện pháp xử lý cuối đường ống cần đẩy mạnh thực hiện chiến lược sản xuất sạch hơn và tăng trưởng xanh trong quá trình khai thác, chế biến khoáng sản, bao gồm những định hướng sau:

a. Tăng cường công tác quản lý nhằm giảm tiêu hao nguyên, nhiên, vật liệu và tổn thất tài nguyên trong quá trình khai thác, chế biến, tàng trữ khoáng sản và giảm thiểu chất thải vào môi trường.

b. Triển khai nghiên cứu và áp dụng các giải pháp thay thế, giảm mức tiêu hao và sử dụng tiết kiệm các loại vật liệu, nhiên liệu, năng lượng.

c. Tăng cường các giải pháp kiểm soát quá trình khai thác, chế biến khoáng sản tốt hơn từ góc độ hiệu quả kinh tế và bảo vệ môi trường.

d. Nghiên cứu cải tiến, thay thế, đổi mới, hiện đại hóa thiết bị và công nghệ theo hướng giảm mức tiêu hao vật tư và sử dụng nhiên liệu sạch, thân thiện với môi trường.

đ. Nghiên cứu các giải pháp thu hồi, tái chế và tái sử dụng tại chỗ các loại phế liệu, phế thải trong quá trình khai thác, chế biến khoáng sản, bao gồm:

- Nghiên cứu công nghệ thu hồi và sử dụng khí mê tan (CH_4) trong than.
- Nghiên cứu sử dụng các loại đất đá thải, bùn đỏ làm các loại vật liệu xây dựng.
- Nghiên cứu tận thu than, khoáng sản ở các bãi thải và hồ chứa quặng đuôi của các mỏ và của các nhà máy tuyển khoáng.
- Điều tra nghiên cứu tiềm năng và khả năng thu hồi các loại khoáng sản cộng sinh có trong các mỏ than, khoáng sản.
- Nghiên cứu tái chế phế liệu từ gỗ lò, vì chống sắt qua sử dụng, dầu thải, v.v.
- Nghiên cứu xử lý khâu bùn nước ở các nhà máy tuyển khoáng vừa để tận thu than, khoáng sản, vừa tuần hoàn sử dụng nước, giảm chất thải ra môi trường.
- Nghiên cứu hoàn thổ các khu vực sau khi kết thúc khai thác bô xít phục vụ canh tác nông nghiệp, trồng cây công nghiệp, trồng cây lấy gỗ làm nguyên liệu sản xuất giấy, nhiên liệu sinh khối cho các nồi hơi công nghiệp, v.v.

Tài liệu tham khảo:

1."*Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2050*", được phê duyệt theo Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

2. "*Chiến lược PTBV Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020*" ban hành theo Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Báo cáo tổng kết đề tài: "*Xây dựng bộ chỉ tiêu PTBV cho ngành công nghiệp khai khoáng Việt Nam*". Hội KH & CN Mỏ Việt Nam chủ trì và Liên hiệp các Hội KH&KT Việt Nam chủ quản, 2010.

Họ và tên: Nguyễn Tiến Hưng

Bộ môn: Kế toán doanh nghiệp

Khoa: Kinh tế - Quản trị kinh doanh

Chức danh: Giảng viên

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ
Năm học: 2014 - 2015

(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá (Có đề tài, bài báo, báo cáo KH, Hợp đồng LĐSX thì copy trang đầu và trang cuối kèm theo phụ lục này)	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:** - Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy (số giờ quy định trong năm học là: 280 (tổng số giờ giảng trong năm học là: 500 tiết) được 5,0 điểm	5,0	5,0		
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1,0 điểm (cụ thể vượt 180%)			1,0	1,0
	- Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5,0 điểm (tên giáo trình)			5,0	
	- Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4,0 điểm (tên chương trình)			4,0	
	- Xây dựng đề cương môn học và có hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 2,0 điểm (tên đề cương môn học và nhóm sinh viên hướng dẫn NCKH) **+ Hướng dẫn SV NCKH đề tài "Tìm hiểu thực trạng kế toán công cụ tà chính tại các doanh nghiệp Việt Nam"**			2,0	2,0
	- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 1,0 điểm			1,0	1,0
	- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải nhất, nhì, ba; Tài năng khoa học trẻ dành cho SV được thưởng 2,0 điểm			2,0	
	- Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích cấp Quốc gia được thưởng 2,0 điểm (tên giải)			2,0	
	- Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 1,0 điểm (tên giải)			1,0	
	- Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 1,0 điểm: **Tăng cường thực**			1,0	1,0

	hành sổ sách kế toán đối với phần hành kế toán bán hàng trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ				
	- Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến)			0,5	
	- Đạt giải Tài năng khoa học trẻ Việt Nam dành cho giảng viên trẻ của Bộ GD-ĐT			3	
2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:** (Có đề tài, bài báo, báo cáo khoa học và hoạt động LĐSX là đạt 4,0 điểm) (ghi rõ tên đề tài, bài báo…)	4,0	4,0		
	- **Đề tài cấp cơ sở** được nghiệm thu đúng thời hạn (Chủ trì được 2,0 điểm, các thành viên tham gia 1,0 điểm)			3,0	
	- **Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành** dự án sản xuất thử đã được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (được 6 điểm; trong đó chủ trì được 4,0đ, các thành viên tham gia được 2,0 điểm			6,0	
	- **Đề tài cấp Nhà nước**: 10,0 điểm/đề tài đã được nghiệm thu đúng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ. Trong đó chủ trì đề tài dược 7,0 điểm, các thành viên tham gia được 3,0 điểm			10,0	
	- **Hợp đồng kinh tế phục vụ sản xuất**: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định (đóng góp 5 triệu đồng cho Trường được thưởng 1,0điểm; đóng góp cho Công ty và các Trung tâm 10 triệu động được thưởng 1,0 điểm (ghi rõ hợp đồng, tổng số tiền đã nộp, tự cho điểm vào cột điểm thưởng)			1,0	
	Báo cáo khoa học				
	+ Cấp Trường và cấp tương đương (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 2,0 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia			2,0	
	+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			4,0	
	+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			8,0	
	+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn 1 báo cáo được 0,5 điểm; cấp khoa được 1,0 điểm/1 báo cáo/ số thành viên tham gia **- Báo cáo sinh hoạt học thuật tại bộ môn: Xây dựng đề cương môn Kế toán thương mại dịch vụ.**			0,5 – 1,0	0,5
	- **Bài báo** + Đăng ở Tạp chí của Trường, Ngành trở lên (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 2			2,0	2,0

	điểm/bài/các tác giả - **Bài báo đăng Tạp chí Quản lý ngân quỹ Quốc gia "Một số vấn đề lý luận về an toàn tài chính doanh nghiệp" – Số 148, tháng 10/2014.**				
	+ Đăng ở tạp chí nước ngoài (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 16 điểm/bài/ các tác giả			16,0	
3	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0,5 điểm	0,5	0,5		
4	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ đạt 0,5 điểm	0,5	0,5		
5	Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25 điểm Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25 điểm	0,5	0,5		
	Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v... được thưởng 1,0 điểm			1,0	1,0

Tổng cộng (1)+(2)+(3)+(4) +(5) + 8,5 điểm thưởng = 19 điểm

Tự đánh giá danh hiệu thi đua: Chiến sĩ thi đua

Ngày 18 tháng 05 năm 2015

Ý kiến của đơn vị quản lý

(Bộ môn)

TS. Bùi Thị Thu Thủy

Người khai

Nguyễn Tiến Hưng

Xác nhận của Khoa

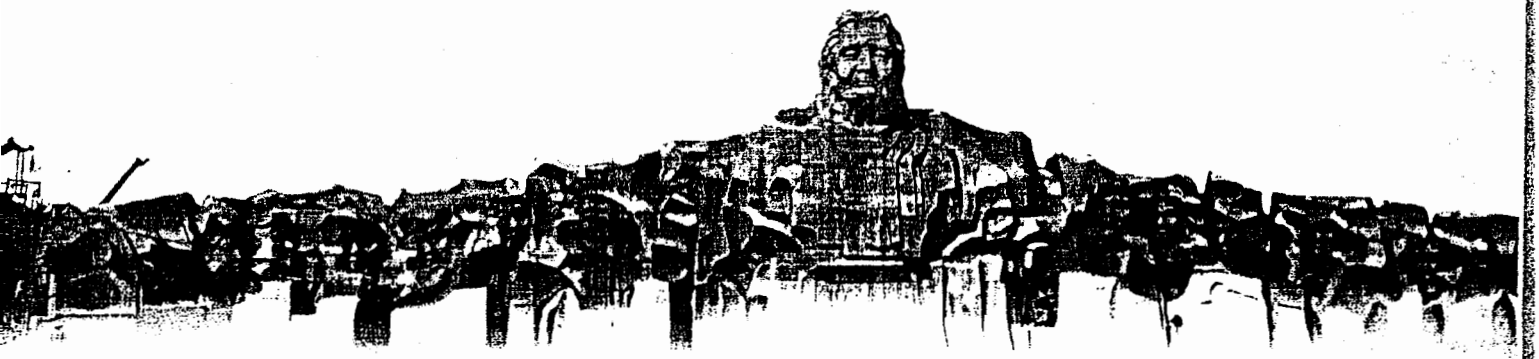
Nguyễn Thị Lạc

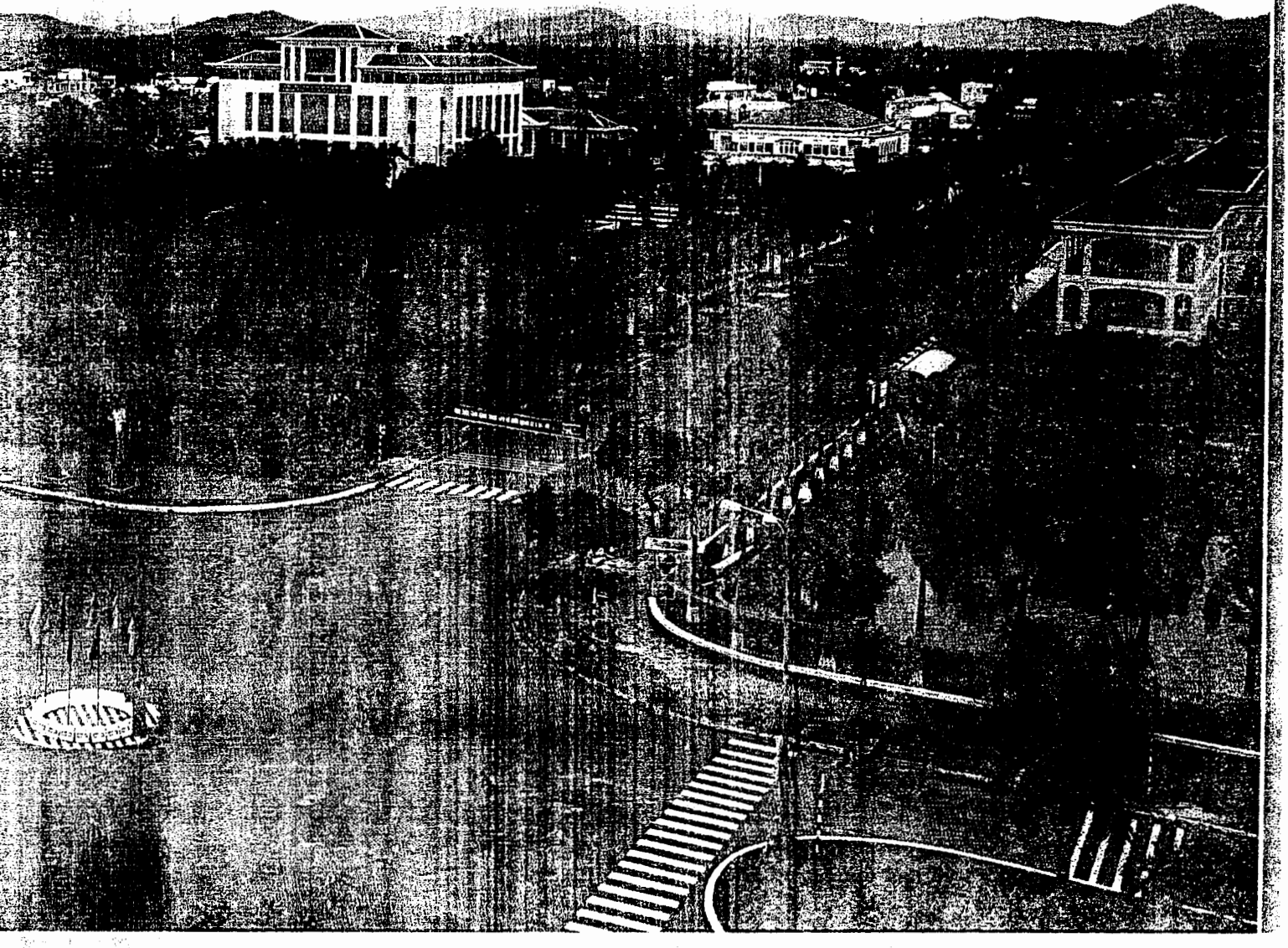
P CHÍ

ISSN 1859 - 4999

Quản lý Ngân quỹ Quốc gia

KHO BẠC NHÀ NƯỚC VIỆT NAM





ISSN 1859-4999

Quản lý Ngân quỹ Quốc gia

TẠP CHÍ LÝ LUẬN VÀ NGHIỆP VỤ KHO BẠC NHÀ NƯỚC



Số 148 - 10/2014

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP
PGS. TS Lê Hùng Sơn - Chủ tịch
GS.TS. Nguyễn Văn Nam - Ủy viên
GS.TS. Ngô Thế Chi - Ủy viên
PGS.TS. Tô Ngọc Hưng - Ủy viên
PGS.TS. Đặng Văn Thanh - Ủy viên
TSKH. Nguyễn Thị Hiền - Ủy viên
TSKH. Nguyễn Thị Thoa - Ủy viên
TS. Trần Quốc Vinh - Ủy viên
TS. Vũ Đức Chính - Ủy viên

TỔNG BIÊN TẬP
ThS Trần Kim Vân

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
Trần Mai Lâm
ĐT: (04) 62764383

THƯ KÝ TÒA SOẠN
Nguyễn Thu Hương
ĐT: (04) 62764300/88294

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN
Số 34/GP-BTTTT ngày 05/01/2012
của Bộ Thông tin - Truyền thông

TRỤ SỞ TÒA SOẠN
32 Cát Linh - Phường Cát Linh
- Quận Đống Đa - Hà Nội
Điện thoại:
(04) 62764300
Máy lẻ: 88293
Email: tapchi@vst.gov.vn

THIẾT KẾ - CHẾ BẢN
Công ty Cổ phần Tín hiệu mới Esign
4/32/165 Thái Hà - Hà Nội

IN TẠI:
Công ty TNHHMTV In Tài chính
Số lượng: 11.410 cuốn
Nộp lưu chiểu: tháng 10/2014

Giá: 18.000đ

TIÊU ĐIỂM

2 **45 năm thực hiện Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh: Quyết tâm xây dựng KBNN ngày càng phát triển** — Đức Minh

KINH TẾ VĨ MÔ

4 **Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản từ vốn NSNN và vốn TPCP năm 2014 và những vấn đề đặt ra** — ThS Lê Thị Mai Liên, ThS Hoàng Như Quỳnh

8 **Một số vấn đề lý luận về an toàn tài chính doanh nghiệp** — ThS Nguyễn Tiến Hưng, ThS Phạm Thị Nguyệt

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

12 **Một số đề xuất để cải thiện hoạt động triển khai TABMIS đối với các đơn vị sử dụng Ngân sách trung ương** — Lê Thị Anh, Hà Xuân Hoài

16 **Những nội dung mới về cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế, hải quan liên quan đến KBNN** — ThS Nguyễn Thị Hoài

19 **Giải pháp áp dụng chữ ký số vào các ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống KBNN** — Lê Quang Tôn

THỰC TIỄN - Ý KIẾN TỪ CƠ SỞ

22 **Mẫu hợp đồng thi công xây dựng công trình – Những vấn đề cần bổ sung** — Trương Công Lý

24 **Kiểm soát chi các dự án sử dụng vốn ODA tại KBNN Hà Nội: Kết quả và đề xuất** — Thành Thái

26 **Trao đổi thêm về thực hiện bảo lãnh tạm ứng hợp đồng xây dựng** — Nguyễn Thanh Hiếu

CHÍNH SÁCH - NGHIỆP VỤ

28 **Thông tư số 119/2014/TT-BTC: Những điểm mới sửa đổi, bổ sung đối với thuế giá trị gia tăng** — Nguyễn Tuấn

29 **Giải đáp nghiệp vụ kế toán** — VKT

DIỄN ĐÀN

30 **Hiệu quả công tác quản lý, kiểm soát cam kết chi NSNN tại KBNN Lạng Sơn** — Ths Liễu Mạnh Hùng

33 **Thực hiện cam kết chi NSNN tại KBNN Phú Thọ: Kết quả và kiến nghị** — Nguyễn Thị Linh Ngọc

35 **KBNN Quảng Bình: Một năm thực hiện cam kết chi** — Phạm Viết Long

HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH: CHUYÊN TRANG KBNN QUẢNG NAM

38 **Quảng Nam - Đất mẹ nở hoa** — Ngọc Tú

42 **KBNN Quảng Nam: 17 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao** — Mai Lâm và Phạm Phùng thực hiện

45 **KBNN Quảng Nam trên đường phát triển** — Ths Lê Xuân Khanh

48 **Đảng bộ KBNN Quảng Nam với Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"** — Phạm Phùng

50 **KBNN Nam Trà My: 11 năm đi lên từ gian khó** — Đức Việt

HỢP TÁC CÙNG PHÁT TRIỂN

53 **Đề án đào tạo tin học cho Kho bạc Quốc gia Lào: Bước phát triển trong tiến trình hợp tác song phương KBNN Việt Nam – KBQG Lào** — ThS Trần Kim Anh

SẮC MÀU CUỘC SỐNG

55 **Yêu lắm tà áo dài cơ quan tôi** — Nghiêm Thị Thu Thảo

Một số vấn đề lý luận về an toàn tài chính doanh nghiệp

Cùng với quá trình toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới, doanh nghiệp ở các nước phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt và đứng trước nhiều nguy cơ rủi ro, trong đó có các rủi ro ảnh hưởng tiêu cực tới tình hình tài chính của doanh nghiệp. Chính vì vậy, việc tìm hiểu những vấn đề lý luận về an toàn tài chính trong điều kiện toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới không chỉ là sự quan tâm của các nhà quản lý kinh tế, nghiên cứu kinh tế mà còn là vấn đề đặt ra cho các doanh nghiệp.

Along with the globalization of the world economy, enterprises in countries are facing a tough competition and many risks with negative impact on financial status of enterprises. Therefore, understanding the theoretical issues of financial safety in the globalization of the world economy is not only the concern of the economic managers, economic researchers, but also a question raised for enterprises.

THS. NGUYỄN TIẾN HƯNG
THS. PHẠM THỊ NGUYỆT

Trong quá trình toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới, an toàn tài chính doanh nghiệp là vấn đề quan tâm của tất cả các quốc gia, các doanh nghiệp. Hiện nay, khái niệm về an toàn tài chính doanh nghiệp vẫn chưa được nhận thức thống nhất và còn nhiều cách hiểu khác nhau về vấn đề này.

Khái niệm về an toàn tài chính doanh nghiệp

Một số nhà nghiên cứu kinh tế cho rằng, an toàn tài chính doanh nghiệp là sự ổn định của các mối quan hệ tài chính doanh nghiệp, tức là sự duy trì một cách bình thường các mối quan hệ kinh tế dưới hình thức giá trị trong quá trình tạo lập, phân phối và sử dụng các quỹ tiền tệ tập trung của doanh nghiệp. Quan niệm an toàn tài chính doanh nghiệp hiểu theo nghĩa ổn định mối quan hệ tài chính xuất phát từ bản chất của tài chính doanh nghiệp. Quan niệm này mang tính khái quát cao và đề cập một cách chung nhất tính ổn định trong hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Tuy nhiên, nó chưa phản ánh được nội dung biểu hiện cũng như những yếu tố quyết định đến tính an toàn của tài chính doanh nghiệp. Nghĩa là, chưa đề cập được cụ thể trạng thái không bị nguy hiểm những tác động tiêu cực và các yếu tố quyết định đến an toàn của quá trình tạo lập, phân phối, sử dụng các quỹ tiền tệ của doanh nghiệp.

Theo một cách hiểu khác, an toàn tài chính doanh nghiệp là trạng thái an toàn của tài chính doanh nghiệp trước những rủi ro trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Quan niệm này xuất phát từ nhận thức về vấn đề rủi ro đối với doanh nghiệp. Tài chính của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường rất nhạy cảm, mọi biến động bất lợi của nền kinh tế - xã hội đều nhanh chóng tác động đến hoạt động này, có thể gây nên những xáo trộn bất ngờ và làm hiệu quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp giảm sút. Hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp luôn chứa đựng những rủi ro tiềm ẩn và có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Rủi ro đối với doanh nghiệp có

nhiều loại: Rủi ro về giá cả, rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá hối đoái, rủi ro về công nghệ kỹ thuật, v.v... Các rủi ro này tác động tiêu cực tới tài chính doanh nghiệp từ các góc độ khác nhau, với những mức độ khác nhau, do những nguyên nhân khác nhau. Mức độ ảnh hưởng của các loại rủi ro đến tài chính doanh nghiệp không chỉ phụ thuộc vào mức độ tác động của các rủi ro mà còn phụ thuộc rất lớn vào khả năng tự bảo vệ của doanh nghiệp. Nếu khả năng đề kháng của doanh nghiệp lớn hơn hoặc bằng mức độ ảnh hưởng của các rủi ro thì tài chính doanh nghiệp giữ được an toàn, nghĩa là đảm bảo được an toàn tài chính doanh nghiệp. Ngược lại, nếu khả năng đề kháng của doanh nghiệp nhỏ hơn mức độ ảnh hưởng của các rủi ro thì tài chính doanh nghiệp không an toàn. Quan niệm này đã đề cập đến những tác động của các loại rủi ro đến sự an toàn của tài chính doanh nghiệp. Tuy nhiên, nó chưa phản ánh được nội dung cũng như tính ổn định của tài chính doanh nghiệp.

Các quan niệm về an toàn tài chính doanh nghiệp trên đã đề cập đến sự ổn định và an toàn đối với tài chính. Đứng trên những góc độ khác nhau, mỗi quan niệm đánh giá vấn đề này ở một khía cạnh. Hiện nay, một số nhà nghiên cứu kinh tế Việt Nam đã tiếp cận khái niệm an toàn tài chính doanh nghiệp một cách tương đối đầy đủ, toàn diện: An toàn tài chính doanh nghiệp là khái niệm dùng để chỉ trạng thái giữ được ổn định về tình hình tài chính doanh nghiệp trong giới hạn an toàn cho phép theo các tiêu chuẩn đánh giá của những người bỏ vốn đầu tư vào doanh nghiệp. Tuy nhiên, quan niệm trên có thể cần được tiếp tục nghiên cứu. Bởi vì, giới hạn an toàn cho phép theo các tiêu chuẩn đánh giá phải là chung cho tất cả các đối tượng chứ không theo các tiêu chuẩn đánh giá dưới góc độ của riêng người bỏ vốn đầu tư vào doanh nghiệp.

KHẢ NĂNG THANH TOÁN LÀ DẤU HIỆU TẬP TRUNG BIỂU HIỆN THỰC TRẠNG AN TOÀN TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP. MỘT DOANH NGHIỆP CÓ THỂ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÓ LÃI NHƯNG CÓ THỂ KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG THANH TOÁN. BỞI VÌ, DOANH NGHIỆP KHÔNG CÓ ĐỦ SỐ TIỀN CẦN THIẾT ĐỂ TRẢ CÁC KHOẢN NỢ ĐẾN HẠN.

Từ những phân tích một số quan điểm về an toàn tài chính doanh nghiệp nêu trên, theo quan điểm của tác giả cho rằng: "An toàn tài chính doanh nghiệp là khái niệm cơ bản để chỉ một trạng thái ổn định về tình hình tài chính doanh nghiệp trong giới hạn an toàn theo các chỉ tiêu, phương pháp đánh giá nhất định".

Nội dung an toàn tài chính doanh nghiệp

An toàn tài chính doanh nghiệp bao gồm ba vấn đề cơ bản sau: Khả năng thanh toán, hiệu quả sản xuất kinh doanh và cân bằng tài chính. Các nội dung trên là cơ sở để đưa ra những chỉ tiêu, phương pháp đánh giá an toàn tài chính doanh nghiệp. Ba nội dung an toàn tài chính doanh nghiệp tác động lẫn nhau, ảnh hưởng đến tình hình và khả năng tài chính của doanh nghiệp. Nghiên cứu vấn đề an toàn tài chính doanh nghiệp đòi hỏi phải xem xét đồng bộ và thống nhất cả ba nội dung này.

Khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán là một nội dung quan trọng giúp cho các đối tượng cần nắm thông tin đánh giá được một phần thực trạng an toàn tài chính doanh nghiệp để có những biện pháp, kế hoạch hoạt động cho mình. Doanh nghiệp lâm vào tình trạng không có khả năng thanh toán trong ngắn hạn chứng tỏ tình hình tài chính đang gặp khó khăn. Nếu kéo dài thì nguy cơ phá sản là không thể tránh khỏi. Khi không có nguồn vốn để trả các khoản nợ đến hạn, doanh nghiệp mất khả năng thanh toán hoàn toàn, an toàn tài chính của doanh nghiệp không được đảm bảo, khả năng lâm vào tình trạng phá sản của doanh nghiệp là không thể tránh khỏi. Và ngược lại, khi doanh nghiệp có đủ nguồn vốn để trả các khoản nợ đến hạn thì an toàn tài chính được bảo đảm.

Khả năng thanh toán là dấu hiệu tập trung biểu hiện thực trạng an toàn tài chính của doanh nghiệp. Một doanh nghiệp có thể hoạt động kinh doanh có lãi nhưng có thể không có khả năng thanh toán. Bởi vì, doanh nghiệp không có đủ số tiền cần thiết để trả các khoản nợ đến hạn.

Hiệu quả sản xuất kinh doanh

Hiệu quả sản xuất kinh doanh là nội dung phản ánh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo mục tiêu đã đề ra. Hiệu quả sản xuất kinh doanh thể hiện trình độ sử dụng các nguồn lực của doanh nghiệp để đạt được kết quả cao nhất với chi phí thấp nhất. Dấu hiệu tập trung nhất để đánh giá nội dung này là lợi nhuận – mục tiêu của doanh nghiệp.

Kinh doanh có hiệu quả với lợi nhuận cao là nội dung quan trọng đối với an toàn tài chính doanh nghiệp. Nó có ảnh hưởng đến các nội dung khác của an toàn tài chính doanh nghiệp. Doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả sẽ tạo điều kiện cho việc bổ sung chênh lệch dòng tiền đi vào lớn hơn dòng tiền đi ra khỏi doanh nghiệp, qua đó góp phần tạo nên cân bằng tài chính doanh nghiệp. Bên cạnh đó, quy mô vốn chủ sở hữu phụ thuộc rất lớn vào mức độ

Họ và tên: Nguyễn Tiến Hưng
Đơn vị công tác: Bộ môn Kế toán doanh nghiệp
Khoa KT và QTKD
Trường đại học Mỏ - địa chất

Năm học	Nội dung sáng kiến, áp dụng công nghệ, các giải pháp trong quản lý đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy	Cấp đánh giá
2014 - 2015	**1. Sáng kiến, cải tiến**: - Hướng dẫn sinh viên nắm bắt quy trình thực hành vào sổ sách và thực hành công tác kế toán bán hàng đối với doanh nghiệp thương mại dịch vụ. Qua đó giúp sinh viên làm quen với các công tác như tổ chức kế toán, tổ chức chứng từ , tổ chức tài khoản đến tổ chức sổ sách kế toán - đối với môn học Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ đối với sinh viên ngành kế toán doanh nghiệp. - Nhấn mạnh cách thức ghi chép từ các chứng từ ghi vào các sổ sách như sổ chi tiết, sổ tổng hợp liên quan đến kế toán bán hàng trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ và tổ chức cho các sinh viên thảo luận. - Sử dụng máy tính và máy chiếu để hỗ trợ việc hướng dẫn bài giảng.	Cấp Khoa

Hội đồng cơ sở đánh giá xác nhận

Ngày 18 tháng 5 năm 2015

Người kê khai

Nguyễn Tiến Hưng

Xác nhận của Phòng Khoa học Công nghệ Trường

Khoa (phòng):.Kinh tế - QTKD

Bộ môn: Kế toán DN

Họ tên: Nguyễn Minh Thu

Chức danh: Chuyên viên

Phụ lục I

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ

Năm học:. 2014-2015

(Dùng cho khối cán bộ hành chính, phục vụ)

TT	Nội dung đánh giá (Có đề tài, bài báo, báo cáo KH, Hợp đồng LĐSX thì copy trang đầu và trang cuối kèm theo phụ lục này)	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	Công tác chuyên môn nghiệp vụ (7,5 điểm) Hoàn thành nhiệm vụ được giao đúng tiến độ, có chất lượng và đảm bảo thời gian lao động theo quy định (từ 21-23 ngày công/tháng) đạt 6,0 điểm: - Ngày công bình quân từ 18-20 công/tháng: trừ đi 1,0 điểm; - Dưới 18 ngày công/tháng không xét các danh hiệu thi đua. - Ngày công thực tế trong tháng..... - Gương mẫu chấp hành kỷ luật lao động và có tác dụng lôi cuốn CBVC làm theo; tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ và đúng thành phần đạt 1,5 điểm	7,5	7.5		
	Hoàn thành vượt mức nhiệm vụ được giao đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả cao được thưởng 1,0 điểm			1,0	1.0
	Có sáng kiến, cải tiến trong công tác chuyên môn nghiệp vụ và áp dụng có hiệu quả rõ rệt (được đơn vị đánh giá và xác nhận) được thưởng 1,5 điểm			1,5	
2	Chấp hành tốt các chủ trương chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Trường; tích cực tham gia phong trào thi đua do Nhà trường phát động, các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao đạt 1,0 điểm	1,0		1.0	
	Cán bộ nữ đạt danh hiệu "Giỏi việc trường đảm việc nhà" được thưởng 1,0 điểm			1,0	1.0
	Cán bộ lãnh đạo đơn vị được thưởng 1,0 điểm nếu đơn vị đó được cấp trên tặng bằng khen, giấy khen (chính quyền, đoàn thể)			1,0	
3	Tích cực học tập chính trị văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, các lớp bồi dưỡng nâng cao đạt 1,0 điểm	1,0	1.0		
4	Có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp, có tinh thần hợp tác trong công việc đạt 1,0 điểm.	1,0	1.0		

	Quản lý và sử dụng có hiệu quả công sản, có tinh thần tiết kiệm điện, nước... của cơ quan được thưởng 1,0 điểm			1,0	1.0
5	Quản lý tốt sinh viên trong quá trình học tập (các cán bộ quản lý sinh viên) được thưởng 1,0 điểm			1,0	1.0

- Tổng cộng (1)+(2)+(3)+(4) + (5)+.....điểm thưởng = ...4,5.. điểm

- Tự đánh giá danh hiệu thi đua: .....Lao động tiên tiến.....

Ngày 18.. tháng .5... năm 2017

Ý kiến của đơn vị quản lý

TS. Bùi Thị Thu Thủy

Người khai

Nguyễn Mỹ Hạnh

Họ và tên: **Phạm Minh Hải**

Bộ môn:**Kế toán doanh nghiệp**

Khoa:**Kinh tế - QTKD**

Chức danh:**Giảng viên**

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ
Năm học: 2014 - 2015

(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá (Có đề tài, bài báo, báo cáo KH, Hợp đồng LĐSX thì copy trang đầu và trang cuối kèm theo phụ lục này)	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:** - Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy (số giờ quy định trong năm học là: 280 (tổng số giờ giảng trong năm học là: 400) được 5,0 điểm	5,0	5		
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1,0 điểm (cụ thể vượt 43 %.....)			1,0	1
	- Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5,0 điểm (tên giáo trình)			5,0	
	- Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4,0 điểm (tên chương trình)			4,0	
	- Xây dựng đề cương môn học và có hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 2,0 điểm (tên đề cương môn học và nhóm sinh viên hướng dẫn NCKH) Nhóm SV: Chu Thị Hiền và Lê Thị Mận – Kế toán A 57			2,0	2
	- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 1,0 điểm			1,0	1
	- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải nhất, nhì, ba; Tài năng khoa học trẻ dành cho SV được thưởng 2,0 điểm			2,0	2
	- Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích cấp Quốc gia được thưởng 2,0 điểm (tên giải)			2,0	
	- Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 1,0 điểm (tên giải)			1,0	
	- Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 1,0 điểm (tên sáng kiến)			1,0	

	- Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến) Vân dụng sáng kiến " tăng cường thực hành sổ sách kế toán đối với phần hành kế toán bán hành trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ"			0,5	0,5
	- Đạt giải Tài năng khoa học trẻ Việt Nam dành cho giảng viên trẻ của Bộ GD-ĐT			3	
2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:** (Có đề tài, bài báo, báo cáo khoa học và hoạt động LĐSX là đạt 4,0 điểm) (ghi rõ tên đề tài, bài báo…) Báo cáo: Một số vấn đề về nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại Công ty CP Bê tông và xây dựng Vinaconex Xuân Mai Tại Hội nghị khoa học lần thứ 21 trường ĐH Mỏ Địa chất	4,0	4		
	- **Đề tài cấp cơ sở** được nghiệm thu đúng thời hạn (Chủ trì được 2,0 điểm, các thành viên tham gia 1,0 điểm)			3,0	
	- **Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành** dự án sản xuất thử đã được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (được 6 điểm; trong đó chủ trì được 4,0đ, các thành viên tham gia được 2,0 điểm			6,0	
	- **Đề tài cấp Nhà nước**: 10,0 điểm/đề tài đã được nghiệm thu đúng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ. Trong đó chủ trì đề tài dược 7,0 điểm, các thành viên tham gia được 3,0 điểm			10,0	
	- **Hợp đồng kinh tế phục vụ sản xuất**: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định (đóng góp 5 triệu đồng cho Trường được thưởng 1,0điểm;đóng góp cho Công ty và các Trung tâm 10 triệu động được thưởng 1,0 điểm (ghi rõ hợp đồng, tổng số tiền đã nộp, tự cho điểm vào cột điểm thưởng)			1,0	
	Báo cáo khoa học				
	+ Cấp Trường và cấp tương đương (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 2,0 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia			2,0	1
	+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			4,0	
	+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			8,0	
	+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn 1 báo cáo được 0,5 điểm; cấp khoa được 1,0 điểm/1 báo cáo/ số thành viên tham gia Báo cáo: thảo luận đề cương chi tiết môn học thực hành kế toán công trên máy tính			0,5 – 1,0	0,5

	- Bài báo + Đăng ở Tạp chí của Trường, Ngành trở lên (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 2 điểm/bài/các tác giả			2,0	
	+ Đăng ở tạp chí nước ngoài (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 16 điểm/bài/ các tác giả			16,0	
3	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0,5 điểm	0,5	0,5		
4	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ đạt 0,5 điểm	0,5	0,5		
5	Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25 điểm Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25 điểm	0,5	0,5		
	Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v... được thưởng 1,0 điểm			1,0	1

Tổng cộng (1)+(2)+(3)+(4) +(5) + 9 điểm thưởng = 19,5điểm

Tự đánh giá danh hiệu thi đua: Chiến sĩ thi đua

Ngày 17 tháng 5 năm 2015

Ý kiến của đơn vị quản lý

(Bộ môn)

TS. Bùi Thị Thu Thủy

Người khai

Phạm Minh Hải

Xác nhận của Khoa

Nguyễn Duy Lạc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤ

TUYỂN TẬP
TÓM TẮT CÁC BÁO CÁO

HỘI NGHỊ KHOA HỌ

LẦN THỨ 21



Hà Nội, tháng 11 - 2014

obtain company's objectives in the near future. The company usually faces many challenges of managing distribution channels. This distribution system operating effectively not only support for successfully managing the process of distribution channels, providing extensive and timely services, but also it can help to faster approach the consumers to create a competitive advantage in the market.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG VINACONEX XUÂN MAI

SOME PROBLEMS ON IMPROVING THE EFFICIENT USE OF FUNDING AT VINACONEX XUAN MAI CONCRETE AND CONSTRUCTION JSC

Phạm Minh Hải, Đỗ Thị Hương, *Trường Đại học Mỏ - Địa chất*
Hoàng Ánh Ngọc, *Công ty cổ phần công nghệ quản lý và tư vấn Faca Việt Nam*

Thời gian qua, Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai đã đạt được những thành công đáng kể trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đã có những bước phát triển vượt bậc cả về chất lượng lẫn quy mô. Với tiềm năng của Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai nói riêng và ngành xây dựng nói chung, Công ty hoàn toàn có thể từng bước tiếp tục khẳng định mình trên con đường phát triển. Trong những năm qua hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của Công ty đã từng bước được cải thiện và không ngừng tăng lên. Báo cáo đã làm rõ được nội dung phân tích đánh giá thực trạng hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai trong thời gian 2011 - 2013, chỉ ra những thành công đã đạt được, những hạn chế tồn tại và nguyên nhân. Trên cơ sở đó nhóm tác giả đã đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

In recent years, Vinaconex Xuan Mai Concrete and Construction JSC have acquired significant success in both quality and quantity of manufacture and business activities. The company is projected to continue to develop sustainably because of the potential development of this company in particular as well as of the construction industry. The efficient use of funding of the company have recoved and improved. The article analyses and evaluates clearly the efficient use of funding in Vinaconex Xuan Mai Concrete and Construction JSC over the period from 2011 to 2013 which also indicates the obtained successes, existing weaknesses and their causes. Thus, the authors suggest some solutions to raise the efficient use of funding of the company in the next time.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TRIỂN KHAI ỨNG DỤNG HỆ THỐNG HOẠCH ĐỊNH NGUỒN LỰC DOANH NGHIỆP (ERP) Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

ISSUES IN IMPLEMENTING ENTERPRISE RESOURCE PLANNING SYSTEM IN VIETNAM TODAY

Phạm Thị Hồng Hạnh, Vũ Ngọc Thịnh, *Trường Đại học Mỏ - Địa chất*

Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý doanh nghiệp hiện nay là xu thế tất yếu của các doanh nghiệp. Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) là một ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý doanh nghiệp, là công cụ quan trọng giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và tiếp cận tốt hơn với các tiêu chuẩn quốc tế. Tuy nhiên, hiện nay các doanh nghiệp ở Việt Nam triển khai phần mềm này còn hạn chế và chưa hiệu quả. Nguyên nhân là do công tác giới thiệu, tuyên truyền sự cần thiết của ứng dụng ERP trong doanh nghiệp chưa sâu rộng khiến các doanh nghiệp không có điều kiện tiếp xúc với

Họ và tên: Phạm Thu Hương

Bộ môn: Kế toán doanh nghiệp

Khoa: Kinh tế - QTKD

Chức danh: Cán bộ giảng dạy

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ
Năm học 2014 - 2015

(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá (Có đề tài, bài báo, báo cáo KH, Hợp đồng LĐSX thì copy trang đầu và trang cuối kèm theo phụ lục này)	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:** - Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy (số giờ quy định trong năm học là 280 tiết) (tổng số giờ giảng trong năm học là: 1.250 giờ) được 5,0 điểm	5,0	5		
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1,0 điểm (cụ thể vượt 300 %)			1,0	1
	- Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5,0 điểm (tên giáo trình)			5,0	
	- Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4,0 điểm (tên chương trình)			4,0	
	- Xây dựng đề cương môn học và có hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 2,0 điểm (tên đề cương môn học và nhóm sinh viên hướng dẫn NCKH) Đề cương môn học: Nghiệp vụ bảo hiểm			2,0	1
	- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 1,0 điểm			1,0	
	- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải nhất, nhì, ba; Tài năng khoa học trẻ dành cho SV được thưởng 2,0 điểm			2,0	
	- Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích cấp Quốc gia được thưởng 2,0 điểm (tên giải)			2,0	
	- Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 1,0 điểm (tên giải)			1,0	
	- Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 1,0 điểm (tên sáng kiến)			1,0	

	- Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến) Vận dụng sáng kiến của đồng chí Nguyễn Tiến Hưng: "Tăng cường thực hành sổ sách kế toán đối với phần hành kế toán bán hàng trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ" giúp sinh viên thực hành ghi sổ trong các môn học kế toán doanh nghiệp.			0,5	0,5
	- Đạt giải Tài năng khoa học trẻ Việt Nam dành cho giảng viên trẻ của Bộ GD-ĐT			3	
2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:** (Có đề tài, bài báo, báo cáo khoa học và hoạt động LĐSX là đạt 4,0 điểm) (ghi rõ tên đề tài, bài báo…) *Báo cáo HN Khoa học lần thứ 21: Cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế* *Báo cáo sinh hoạt học thuật cấp bộ môn: Chính sách hỗ trợ tiếp cận vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Nội*	4,0	4		
	- **Đề tài cấp cơ sở** được nghiệm thu đúng thời hạn (Chủ trì được 2,0 điểm, các thành viên tham gia 1,0 điểm)			3,0	
	- **Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành** dự án sản xuất thử đã được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (được 6 điểm; trong đó chủ trì được 4,0đ, các thành viên tham gia được 2,0 điểm			6,0	
	- **Đề tài cấp Nhà nước**: 10,0 điểm/đề tài đã được nghiệm thu đúng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ. Trong đó chủ trì đề tài dược 7,0 điểm, các thành viên tham gia được 3,0 điểm			10,0	
	- **Hợp đồng kinh tế phục vụ sản xuất**: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định (đóng góp 5 triệu đồng cho Trường được thưởng 1,0điểm; đóng góp cho Công ty và các Trung tâm 10 triệu động được thưởng 1,0 điểm (ghi rõ hợp đồng, tổng số tiền đã nộp, tự cho điểm vào cột điểm thưởng)			1,0	
	Báo cáo khoa học				
	+ Cấp Trường và cấp tương đương (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 2,0 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia *Báo cáo HN Khoa học lần thứ 21: Cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế*			2,0	2,0

	+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			4,0	
	+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			8,0	
	+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn 1 báo cáo được 0,5 điểm; cấp khoa được 1,0 điểm/1 báo cáo/ số thành viên tham gia *Báo cáo sinh hoạt học thuật cấp bộ môn: Chính sách hỗ trợ tiếp cận vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Nội*			0,5 – 1,0	0,5
	- **Bài báo** + Đăng ở Tạp chí của Trường, Ngành trở lên (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 2 điểm/bài/các tác giả. Bài báo đăng ở hội thảo quốc tế			2,0	2,0
	+ Đăng ở tạp chí nước ngoài (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 16 điểm/bài/ các tác giả			16,0	
3	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0,5 điểm	0,5	0,5		
4	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ đạt 0,5 điểm	0,5	0,5		
5	Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25 điểm Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25 điểm	0,5	0,5		
	Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v... được thưởng 1,0 điểm			1,0	1

ổng cộng (1)+(2)+(3)+(4) +(5) + 7 điểm thưởng = 18,5 điểm

ự đánh giá danh hiệu thi đua: Lao động tiên tiến

Ngày ...18...tháng....5...năm..2015

Ý kiến của đơn vị quản lý

(Bộ môn)

TS. Bùi Thị Thu Thủy

Người khai

Phạm Thu Hường

Xác nhận của Khoa

Nguyễn Duy Lạc

P. Hường

...C VÀ ĐÀO TẠO
...I HỌC MỎ - ĐỊA CH...

TUYỂN TẬP
TÓM TẮT CÁC BÁO CÁO

HỘI NGHỊ KHOA HỌ...
LẦN THỨ 21



Hà Nội, tháng 11 - 2014

Mining equipment is directly involved in business operations, having great value and making up a high proportion of total assets value; therefore, it affects business activities' effectiveness of opencast coal mining companies in a significant way. However, in those companies, mining equipment efficiency assessment has not received adequate attention or even been omitted. As a result, a reliable database is not available for them when choosing the suitable equipment to invest in. These issues are largely due to limitations of equipment efficiency assessment indicator system in the current scientific literature that evaluates the efficiency only by the relationship between outputs of the equipment and its cost (or residual value). Thus, it is essential to research and build up an efficiency assessment indicator system for opencast coal mining equipment based on the relationship between outputs and input costs, based on actual statistics and using physical units in combination with monetary units. Beside general evaluations, there should also be assessment in detail based on input costs, kinds of devices which have similar technique specifications and manufacturers, etc. Such system can contribute to improving the effectiveness in investment performance and using machinery in opencast coal mining enterprises.

CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở VIỆT NAM TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

OPPORTUNITIES AND CHALLENGES FOR VIETNAM SMALL AND MEDIUM ENTERPRISES IN THE CONTEXT OF INTERNATIONAL ECONOMIC INTEGRATION

Phạm Thu Hương, *Trường Đại học Mỏ - Địa chất*

Sau những năm đổi mới, nền kinh tế nước ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng: kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng nhanh, cơ cấu kinh tế chuyển dịch rõ rệt theo hướng tiến bộ, năng lực sản xuất của nhiều ngành và toàn bộ nền kinh tế quốc dân được nâng cao... Cùng với việc đổi mới mô hình kinh tế, Việt Nam đã và đang tích cực, chủ động đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế. Bên cạnh việc tiến hành đàm phán, ký kết và thực hiện các cam kết song phương và đa phương, Việt Nam đã và đang điều chỉnh mạnh chính sách theo hướng tự do hóa mở cửa, đổi mới cơ cấu kinh tế, cải cách kinh tế - xã hội. Đạt được kết quả đó có nhiều nguyên nhân, trong đó phải nói tới sự đóng góp tích cực của các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc các thành phần kinh tế của nước ta. Quá trình hội nhập đã tạo lập được môi trường kinh doanh ngày càng thuận lợi, giúp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa có nhiều cơ hội để phát triển sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, việc phát triển loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa ở nước ta đang gặp phải nhiều khó khăn, nhất là trong giai đoạn hiện nay, khi nước ta tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế sâu hơn nữa, ngoài những cơ hội cho phép các doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển, loại hình doanh nghiệp này còn phải đương đầu với những thách thức không nhỏ bởi quy mô, năng lực sản xuất – kinh doanh và khả năng cạnh tranh thấp, loại hình doanh nghiệp này còn phải đương đầu với những thách thức không nhỏ bởi quy mô, năng lực sản xuất – kinh doanh và khả năng cạnh tranh thấp, môi trường kinh doanh có nhiều bất lợi. Bài viết phân tích những cơ hội, thách thức và yêu cầu đặt ra đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Trên cơ sở đó, giúp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nhận thức đúng đắn những thuận lợi và khó khăn mà môi trường kinh doanh mới mang lại.

After years of innovation, Vienam economy has got many important achievements, such as: high-speed growth of the economy, advanced significant transference of economic structure, the improvement of productive capacity of many industries and the whole national economy... In addtion to renovating economic pattern, Vietnam has been promoting the international economic integration actively and positively. Apart from negotiating contacts

and conducting bilateral and multilateral commitments, Vietnam has adjusted policies significantly in favor of liberalization opening, economic restructuring and economic and social reform. This is due to several reasons/ (factors), including positive contribution of small and medium sized enterprises (SMEs) in all economic sectors. The process of integration set up a favourable business environment, which helps SMEs have more chances to develop their business and production. However, it has difficulties developing SMEs, especially in present period, when our country conducts the international economic integration posively and actively. Besides opportunities for SMEs to develop, this type of business have to confront considerable challenges because of limited capacity of production, business and competition as well as fiercely business environment. In this article, opportunities, challenges and requirements for SMEs in the context of international economic integration will be made clear. Then, solutions will be offered to enhance competitive capacity of small and medium sized enterprises.

MÔ HÌNH XẾP HẠNG TÍN DỤNG TẠI CÁC CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC THAN THUỘC TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

DISCUSS ON CREDIT RATING MODELS IN THE COAL MINING HOLDING COMPANIES OF VIETNAM NATIONAL COAL MINERAL INDUSTRIES GROUP

Nguyễn Ngọc Khánh, *Trường Đại học Mỏ - Địa chất*

Xếp hạng tín dụng doanh nghiệp được thực hiện phổ biến trên thế giới do một số công ty đánh giá hệ số tín nhiệm uy tín công bố như Moody's, Standard & Poor's (S&P), Fitch Ratings v.v... Vấn đề xếp hạng tín dụng doanh nghiệp đối với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) là hết sức cấp thiết nhằm cung cấp thông tin hữu ích cho lãnh đạo TKV điều chỉnh chiến lược kinh doanh, xây dựng kế hoạch huy động vốn cho các công ty con nói chung và công ty cổ phần khai thác than - TKV nói riêng, góp phần hoàn thành quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2020. Bài viết này trình bày những vấn đề cơ bản về xếp hạng tín dụng doanh nghiệp,vận dụng một số mô hình thực hiện xếp hạng tín dụng các công ty cổ phần khai thác than - TKV năm 2013, kết quả cho thấy 8/8 công ty cổ phần khai thác than - TKV đã niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đều trong diện cảnh báo, mức độ xảy ra rủi ro tín dụng khá cao. Xuất phát từ đặc điểm cơ chế quản lý, quy trình sản xuất kinh doanh tại các công ty cổ phần khai thác than - TKV, chúng tôi cho rằng để có thông tin chính xác về tình trạng tín dụng các công ty này cần thiết phải xây dựng mô hình xếp hạng tín dụng phù hợp, bài báo đã đề xuất quy trình xây dựng mô hình xếp hạng tín dụng cho các công ty cổ phần khai thác than - TKV.

Business credit rating have been widely implemented around the world by a number of company credit rating prestigious such as Moody's, Standard & Poor's (S&P), Fitch Ratings, etc... Credit rating for TKV is urgently needed to provide useful information for leaders of TKV to adjust business strategy, build capital raising plans for its subsidiaries in general and the coal mining holding companies - TKV in particular, contribute to the development plans of Vietnam's coal industry till 2020. This article presents the basics of business credit rating, through the applying some credit rating models in the coal mining holding companies - TKV in 2013, results showed that 8/8 the coal mining holding companies - TKV, which has been listed shares the Department of the Hanoi stock Exchange are in warning status, the level of credit risk is quite high. Starting from the characteristics of management mechanisms, production and business processes in the coal mining holding companies - TKV, we think that to have accurate information about the credit status of these companies need to build credit rating model appropriately, this article also proposed process for the building of the model credit rating for corporation of coal mining - TKV.

Họ và tên: Nguyễn Thị Minh Thu

Bộ môn: Kế toán doanh nghiệp

Khoa: Kinh tế - QTKD

Chức danh: Cán bộ giảng dạy

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ
Năm học 2014 - 2015

(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá (Có đề tài, bài báo, báo cáo KH, Hợp đồng LĐSX thì copy trang đầu và trang cuối kèm theo phụ lục này)	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:** - Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy (số giờ quy định trong năm học là 280 tiết) (tổng số giờ giảng trong năm học là: 1.250 giờ) được 5,0 điểm	5,0	5		
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1,0 điểm (cụ thể vượt 300 %)			1,0	1
	- Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5,0 điểm (tên giáo trình)			5,0	
	- Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4,0 điểm (tên chương trình)			4,0	
	- Xây dựng đề cương môn học và có hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 2,0 điểm (tên đề cương môn học và nhóm sinh viên hướng dẫn NCKH) Đề cương môn học: Kế toán ngân hang Nhóm sinh viên hướng dẫn NCKH: Văn Thị Vân Anh, Nguyễn Thị Thủy - Lớp Kế toán 57B			2,0	2
	- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 1,0 điểm			1,0	1
	- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải nhất, nhì, ba; Tài năng khoa học trẻ dành cho SV được thưởng 2,0 điểm			2,0	
	- Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích cấp Quốc gia được thưởng 2,0 điểm (tên giải)			2,0	
	- Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 1,0 điểm (tên giải)			1,0	

	- Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 1,0 điểm (tên sáng kiến)			1,0	
	- Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến) Vận dụng sáng kiến của đồng chí Nguyễn Tiến Hưng: "Tăng cường thực hành sổ sách kế toán đối với phần hành kế toán bán hàng trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ" giúp sinh viên thực hành ghi sổ trong các môn học kế toán doanh nghiệp.			0,5	0,5
	- Đạt giải Tài năng khoa học trẻ Việt Nam dành cho giảng viên trẻ của Bộ GD-ĐT			3	
2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:** (Có đề tài, bài báo, báo cáo khoa học và hoạt động LĐSX là đạt 4,0 điểm) (ghi rõ tên đề tài, bài báo...) *Báo cáo HN Khoa học lần thứ 21: Hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy kiểm toán nội bộ cho Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng CFC* *Báo cáo sinh hoạt học thuật cấp bộ môn: Nghiên cứu các mô hình giao dịch tại hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam*	4,0	4		
	- **Đề tài cấp cơ sở** được nghiệm thu đúng thời hạn (Chủ trì được 2,0 điểm, các thành viên tham gia 1,0 điểm)			3,0	
	- **Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành** dự án sản xuất thử đã được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (được 6 điểm; trong đó chủ trì được 4,0đ, các thành viên tham gia được 2,0 điểm			6,0	
	- **Đề tài cấp Nhà nước**: 10,0 điểm/đề tài đã được nghiệm thu đúng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ. Trong đó chủ trì đề tài dược 7,0 điểm, các thành viên tham gia được 3,0 điểm			10,0	
	- **Hợp đồng kinh tế phục vụ sản xuất**: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định (đóng góp 5 triệu đồng cho Trường được thưởng 1,0điểm; đóng góp cho Công ty và các Trung tâm 10 triệu động được thưởng 1,0 điểm (ghi rõ hợp đồng, tổng số tiền đã nộp, tự cho điểm vào cột điểm thưởng)			1,0	
	Báo cáo khoa học				

	+ Cấp Trường và cấp tương đương (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 2,0 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia *Báo cáo HN Khoa học lần thứ 21: Hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy kiểm toán nội bộ cho Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng CFC*			2,0	1,0
	+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			4,0	
	+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			8,0	
	+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn 1 báo cáo được 0,5 điểm; cấp khoa được 1,0 điểm/1 báo cáo/ số thành viên tham gia *Báo cáo sinh hoạt học thuật cấp bộ môn: Nghiên cứu các mô hình giao dịch tại hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam*			0,5 – 1,0	0,5
	- Bài báo + Đăng ở Tạp chí của Trường, Ngành trở lên (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 2 điểm/bài/các tác giả.			2,0	
	+ Đăng ở tạp chí nước ngoài (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 16 điểm/bài/ các tác giả			16,0	
3	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường: tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0,5 điểm	0,5	0,5		
4	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ đạt 0,5 điểm	0,5	0,5		
5	Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25 điểm Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25 điểm	0,5	0,5		
	Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v... được thưởng 1,0 điểm			1,0	1

Tổng cộng (1)+(2)+(3)+(4) +(5) + 7 điểm thưởng = 17,5 điểm

Tự đánh giá danh hiệu thi đua: Lao động tiên tiến

Ngày 22 tháng 05 năm 2015

Ý kiến của đơn vị quản lý

(Bộ môn)

TS. Bùi Tiến Thọ Thắng

Người khai

Nguyễn Thị Minh Thu

Xác nhận của Khoa

Đề nghị Đưa Lao

M. Thu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

TUYỂN TẬP
TÓM TẮT CÁC BÁO CÁO

HỘI NGHỊ KHOA
LẦN THỨ 21



Hà Nội, tháng 11 - 2014

oil – field development - important steps in mining, progress, quality of construction, cooperation of contractors... Accordingly, report proposes solutions which are divided into 2 groups, long-term and short-term strategy; 13 specific measures, including work equipment provision, materials and techniques; contractors coordinating, good management of cost incurred as key solution. The feasible, effective solution applied would contribute to improving efficiency of not only PVE Pbut also PetroVietnam.

BÀN VỀ CƠ CHẾ TẬP TRUNG DÂN CHỦ VÀ SONG TRÙNG LÃNH ĐẠO TẠI CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC HIỆN NAY

DISSCUSS THE MECHANISM OF DEMOCRATIC AND PARALLEL LEADERSHIP IN THE STATE OWNED ENTERPRISES

Nguyễn Lan Hoàng Thảo, *Trường Đại học Mỏ - Địa chất*

Tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước được quy định tại Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam xuyên suốt từ năm 1959 đến năm 2013. Tuy nhiên, trong giai đoạn vừa qua, nhiều vụ án kinh tế lớn liên quan đến các doanh nghiệp Nhà nước đã được xét xử nhưng việc quy trách nhiệm cho các cá nhân là người đứng đầu vẫn còn nhiều hạn chế. Thực tiễn đặt ra, ngoài cơ chế giám sát, kiểm soát, các doanh nghiệp cần có nhiều hơn một người có vai trò quyết định cuối cùng hay chính là xây dựng cơ chế song trùng lãnh đạo, tránh hiện tượng một người lãnh đạo đứng đầu đưa ra các quyết định mang nặng tính cá nhân gây hậu quả nghiêm trọng cho doanh nghiệp phải gánh chịu, đồng thời làm thiệt hại, thất thoát tài sản của Nhà nước, xã hội. Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng quản lý tại một số doanh nghiệp Nhà nước trong giai đoạn gần đây, bài báo đề cập đến một số vấn đề cơ bản liên quan đến những cơ chế hoạt động này.

Democracy concentration is the main rule in the operation of the state management agencies and state enterprises stipulated in the Vietnam Constitution since 1959 to the 2013 Constitution. In the recent years, there has been many judgments regarding economic cases with the involvement of the state enterpriseshowever, much limitations on the liabilities of the head of these enterprises still remain. Therefore, the practical issue has been raised is that in addition to the inspection, supervision mechanism, the enterprises need to have in place more than one leader responsible for making final decision – the dual leaders mechanism with the purpose of avoiding one leader mechanism who would make individualism decision that cause serious consequences for the enterprise as well as losses of the state's, people's properties.On the basis of the research on management situation insome state enterprises in the recent years, the article refers to some basic issues related to these mechanisms.

HOÀN THIỆN MÔ HÌNH TỔ CHỨC BỘ MÁY KIỂM TOÁN NỘI BỘ CHO CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN XI MĂNG CFC

APPLICATION OF INTERNAL AUDIT MODEL IN CEMENT FINANCE JOINT-STOCK COMPANY

Nguyễn Thị Minh Thu, Hoàng Thị Thủy, *Trường Đại học Mỏ - Địa chất*

Kiểm toán nội bộ là sự đánh giá độc lập trong một tổ chức nhằm làm gia tăng giá trị trong hoạt động của tổ chức. Đây là công cụ giúp phát hiện và cải tiến những điểm yếu trong hệ thống quản lý của doanh nghiệp, nhằm kiểm soát hoạt động tốt hơn, góp phần đạt được

mục tiêu kinh doanh đã đề ra. Có rất nhiều mô hình kiểm toán nội bộ khác nhau có áp dụng tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của từng doanh nghiệp. Công ty Tài chính c măng (CFC) là một tổ chức tín dụng có quy mô khá lớn với số vốn điều lệ trên 60(CFC đã tổ chức bộ máy kiểm toán nội bộ tuy nhiên chưa thật sự đảm bảo được tính đ hoạt động chưa hiệu quả. Tác giả đã sử dụng các phương pháp điều tra, phân tích, tổ hệ thống hóa cơ sở lý thuyết về mô hình kiểm toán nội bộ, làm rõ thực trạng tổ chứ kiểm toán nội bộ tại CFC. Đồng thời tác giả cũng đề xuất các giải pháp để CFC áp hình kiểm toán nội bộ một cách có hiệu quả nhất như tổ chức theo mô hình chuẩn, h về chức năng, nhiệm vụ để đảm bảo tính độc lập, hoàn thiện về nhân sự và tổ chức h với cả ba loại hình kiểm toán là kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán tài chính.

Internal audit is an independent assessment of an organization in order to the value of the organization's activities. This is a tool that detects and impr weaknesses In the management system of the enterprise, in order to control operation contribute to achieve business goals. There are many different models of internal audi applied in each enterprise depending on the specific conditions. Cement Finance Joi Company (CFC) is a credit institution with fairly large scale with a chartered capita billion dong. CFC has held internal audit apparatus but it's not guaranteed and effec The author has used the method of investigation, analysis, synthesis to systema theoretical basis of the internal audit model, clarify the actual situation about organiz the internal audit in CFC. The author has propose solutions that CFC apply th effectively internal audit model such as organized in the standard model, perfect for fu and tasks to ensure the independence, complete the organization's activities on three t audit are activitiy audit, compliance audit and audit of financial statements.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THĂM DÒ VÀ KHAI THÁC DẦU CỦA TỔNG CÔNG TY THĂM DÒ KHAI THÁC DẦU KHÍ – PVEP

SOME SOLUTIONS TO IMPROVE EFFICIENCY OF OIL INVESTIGATION AND EXPLOITATION FOR PETROVIETNAM EXPLORATION PRODUCTIOI CORPORATION - PVEP

Phạm Ngọc Tuấn, *Trường Đại học Mỏ - Đị*

Nâng cao hiệu quả thương mại của các dự án thăm dò và khai thác dầu khí là vấn đ thiết và được sự quan tâm đặc biệt của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam nói chu Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí nói riêng. Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng và n nguyên nhân làm giảm hiệu quả của các dự án này, bài báo đã nghiên cứu và đưa ra ha pháp mang tích chất định lượng trên cơ sở khắc phục được các mặt hạn chế còn tồn tại thời góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư cho các dự án. Giải pháp thứ nhất, là giải pháp quan đến công tác quản lý dự án. Nội dung của giải pháp đề cập đến vấn đề tăng cường côn quản lý quá trình thực hiện đầu tư của dự án rút ngắn thời gian chuẩn bị và sớm đưa dự án khai thác. Giải pháp thứ hai, liên quan đến việc giảm chi phí thông qua việc lựa chọn hình hợp đồng hợp lý làm giảm chi phí quản lý từ đó làm nâng cao hiệu quả của dự án.

Improving production efficiency in oil and gas extraction projects is not only a cri issue but also a signficant concern of Vietnam National Petroleum Corporation in ger and Oil and Gas Drilling and Exploration Company in particular. According to the researc the state of the art and the causes of reduction effciency, the paper suggests two integr

Họ và tên: Lê Thị Thu Hồng

Bộ môn: Kế toán doanh nghiệp

Khoa: Kinh tế - QTKD

Chức danh: Cán bộ giảng dạy

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ
Năm học 2014 - 2015

(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá (Có đề tài, bài báo, báo cáo KH, Hợp đồng LĐSX thì copy trang đầu và trang cuối kèm theo phụ lục này)	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:** - Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy (số giờ quy định trong năm học là 280 tiết) (tổng số giờ giảng trong năm học là: 1340 giờ) được 5,0 điểm	5,0	5		
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1,0 điểm (cụ thể vượt 478 %)			1,0	1
	- Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5,0 điểm (tên giáo trình)			5,0	
	- Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4,0 điểm (tên chương trình)			4,0	
	- Xây dựng đề cương môn học và có hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 2,0 điểm (tên đề cương môn học và nhóm sinh viên hướng dẫn NCKH) Đề cương môn học: Lý thuyết tài chính công Nhóm sinh viên hướng dẫn NCKH: Nguyễn Hà Giang và những người khác			2,0	2
	- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 1,0 điểm			1,0	1
	- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải nhất, nhì, ba; Tài năng khoa học trẻ dành cho SV được thưởng 2,0 điểm			2,0	
	- Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích cấp Quốc gia được thưởng 2,0 điểm (tên giải)			2,0	
	- Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 1,0 điểm (tên giải)			1,0	

	- Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 1,0 điểm (tên sáng kiến)			1,0	
	- Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến)			0,5	
	- Đạt giải Tài năng khoa học trẻ Việt Nam dành cho giảng viên trẻ của Bộ GD-ĐT			3	
2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:** (Có đề tài, bài báo, báo cáo khoa học và hoạt động LĐSX là đạt 4,0 điểm) (ghi rõ tên đề tài, bài báo...) *Bài báo: Một số vấn đề về tiết kiệm năng lượng tại Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên*	4,0	4		
	- **Đề tài cấp cơ sở** được nghiệm thu đúng thời hạn (Chủ trì được 2,0 điểm, các thành viên tham gia 1,0 điểm)			3,0	
	- **Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành** dự án sản xuất thử đã được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (được 6 điểm; trong đó chủ trì được 4,0đ, các thành viên tham gia được 2,0 điểm			6,0	
	- **Đề tài cấp Nhà nước**: 10,0 điểm/đề tài đã được nghiệm thu đúng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ. Trong đó chủ trì đề tài dược 7,0 điểm, các thành viên tham gia được 3,0 điểm			10,0	
	- **Hợp đồng kinh tế phục vụ sản xuất**: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định (đóng góp 5 triệu đồng cho Trường được thưởng 1,0điểm; đóng góp cho Công ty và các Trung tâm 10 triệu động được thưởng 1,0 điểm (ghi rõ hợp đồng, tổng số tiền đã nộp, tự cho điểm vào cột điểm thưởng)			1,0	
	Báo cáo khoa học				
	+ Cấp Trường và cấp tương đương (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 2,0 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia *Báo cáo: Một số vấn đề về tiết kiệm năng lượng tại Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên* Đăng trên Tuyển tập Hội nghị khoa học trường Đại học Mỏ - Địa chất lần thứ 21			2,0	1

	+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			4,0	
	+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			8,0	
	+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn 1 báo cáo được 0,5 điểm; cấp khoa được 1,0 điểm/1 báo cáo/ số thành viên tham gia *Báo cáo sinh hoạt học thuật cấp bộ môn: Thảo luận góp ý đề cương lý thuyết tài chính công*			0,5 - 1,0	0,5
	- Bài báo + Đăng ở Tạp chí của Trường, Ngành trở lên (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 2 điểm/bài/các tác giả			2,0	
	+ Đăng ở tạp chí nước ngoài (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 16 điểm/bài/ các tác giả			16,0	
3	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; tham dự các cuộc họp, lễ. hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0,5 điểm	0,5	0,5		
4	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ đạt 0,5 điểm	0,5	0,5		
5	Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25 điểm Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25 điểm	0,5	0,5		
	Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v... được thưởng 1,0 điểm			1,0	

Tổng cộng (1)+(2)+(3)+(4) +(5) + 7 điểm thưởng = 17 điểm

Tự đánh giá danh hiệu thi đua: Lao động tiên tiến

Ngày 18 tháng 5 năm 2015

Ý kiến của đơn vị quản lý

(Bộ môn)

TS. Trần Thị Thu Thủy

Người khai

Lê Thị Thu Hồng

Xác nhận của Khoa

Nguyễn Duy Lạc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤ

TUYỂN TẬP
TÓM TẮT CÁC BÁO CÁO

HỘI NGHỊ KHOA HỌ

LẦN THỨ 21



Hà Nội, tháng 11 - 2014

CHƯƠNG TRÌNH BÁO CÁO
TẠI TIỂU BAN KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH II

Địa điểm: Nhà D phòng 303

Trưởng tiểu ban: ***TS. Đặng Huy Thái***
Thư ký tiểu ban: ***TS. Bùi Thị Thu Thủy***

STT	Thời gian	Tên báo cáo	Báo cáo viên
1	13h00	Tổ chức kế toán quản trị chi phí tại Công ty cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin	***Nguyễn Thị Bích Phượng***
2	13h20	Phân tích điều kiện khách quan, chủ quan ảnh hưởng đến việc thu hút thợ lò trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	***Trần Văn Hợp***
3	13h40	Một số vấn đề lý luận về an toàn tài chính doanh nghiệp	***Nguyễn Tiến Hưng***
4	14h00	Một số rủi ro chiến lược của Doanh nghiệp thương mại hàng tư liệu sản xuất tại Quảng Ninh	***Nguyễn Thị Hồng Loan***
5	14h20	Áp dụng sơ đồ nhân quả (Ishikawa) trong quản lý nước thải tại các doanh nghiệp khai thác than vùng Quảng Ninh	***Nguyễn Thị Kim Ngân***
6	14h40	Áp dụng mô hình kiểm toán nội bộ cho Công ty tài chính cổ phần Xi măng CFC	***Nguyễn Thị Minh Thu***
	15h00	Giải lao	
7	15h20	Nhận diện và quản lý xung đột trong chuỗi cung ứng than của tập đoàn than khoáng sản Việt Nam	***Nguyễn Thị Hường***
8	15h40	Một số vấn đề về tiết kiệm năng lượng tại Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên	***Lê Thị Thu Hồng***
9	16h00	Bàn về công tác đào tạo nguồn nhân lực tại Công ty Cổ phần than Hà Lầm - TKV	***Phương Hữu Từng***
10	16h20	Bàn về cơ chế tập trung dân chủ và song trùng lãnh đạo tại các doanh nghiệp Nhà nước hiện nay	***Nguyễn Lan Hoàng Thảo***
11	16h40	Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp	***Vũ Diệp Anh***
	17h00 - 17h20	**Tổng kết Hội nghị tại Tiểu ban chuyên môn**	***Trưởng tiểu ban***

Deposit for environmental improvementin mineral exploitationis the work of organization or individual that is allowed to mineral exploitation, they must leave some money as deposit on environmental protection bank to environmental improvement after mineral exploitation and mine closure. This is the economic tools to ensure financial resources for environmental rehabilitation in case the business fails to perform the renovation and restoration of the environment. The purpose of this article gives some methods to determine the money as deposit on environmental protection bank every year in mineral exploitation to ensure scientific and practical.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NHÂN LỰC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THAN VÀNG DANH – VINACOMIN

SOME SOLLUTION PERFECT CONSTRUCTING HUMAN RESOURCES PLAN OF VINACOMIN – VANG DANH COAL JOINT STOCK COMPAMY

Lê Đình Chiều, Đồng Thị Bích, Phan Thị Thùy Linh
Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Kế hoạch nhân lực, cùng với các kế hoạch kinh tế - xã hội khác của Công ty được xây dựng hàng năm. Khác với các kế hoạch khác, kế hoạch nhân lực tác động vào yếu tố con người, yếu tố quan trọng hàng đầu quyết định hiệu quả của quá trình sản xuất. Qua quá trình tìm hiểu về công tác xây dựng kế hoạch nhân lực của Công ty, tác giả nhận thấy công tác này còn một số bất cập. Chẳng hạn, Tập đoàn còn can thiệp quá nhiều vào công tác xây dựng kế hoạch nhân lực; phương pháp xây dựng kế hoạch còn chưa thực sự tối ưu... Trên cơ sở những bất cập đó, kết hợp với những lý thuyết liên quan, báo cáo đã phân tích và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện nhằm nâng cao hiệu quả của công tác kế hoạch hóa nói chung và xây dựng kế hoạch nhân lực của Công ty nói riêng. Bên cạnh đó, báo cáo cũng đưa ra một số kiến nghị nhằm thực hiện các giải pháp.

Human resources Plan, along with the company's economic - social plans are built every year. Differing from to the other plans, Human resources plan effect on human factor - the most important factor determining the efficiency of the production process. Through the process of studying about contructing human resource plan of the Company, the authors realized that it has some unreasonable things. For example, the Corporation also intervenes too much in constructing Human Resources Plan of the enterprise; planning methods are not really optimal... Base on those with the related theory, the report has analysised and reported to suggest some perfect solutions to improve efficiency of the company's planning and planning huma resource plan. Besides, the report also offer some petitions to do these solutions.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI NGUYÊN

SOME PROBLEMS ABOUT ENERY SAVING IN TISCO

Lê Thị Thu Hồng, Nguyễn Thị Huyền Trang
Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Công nghiệp thép là một ngành tiêu thụ rất nhiều năng lượng chủ yếu là điện và than đồng thời cũng là ngành có tiềm năng tiết kiệm năng lượng rất lớn lên tới trên 20%. Là một trong những công ty sản xuất gang thép hàng đầu Việt Nam, công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên đã luôn đi đầu trong việc thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm thực hiện việc tiết kiệm năng lượng, giảm giá thành sản phẩm tạo dựng được vị thế của mình cả trong và ngoài

nước. Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của việc tiết kiệm năng lượng tại Công ty, bài viết đã làm rõ hiện trạng tiêu thụ năng lượng tại từng khâu trong quy trình công nghệ sản xuất thép bao gồm: khâu thiêu kết quặng sắt, luyện gang, luyện thép và cán thép. Trên cơ sở số liệu tính toán kết hợp với phương pháp so sánh, phân tích và dự báo bài báo đã chỉ ra khả năng tiết kiệm năng lượng tại từng khâu tương ứng với số liệu tính toán cụ thể là: 12% đối với khâu thiêu kết, 14% đối với khâu luyện gang, 11% đối với khâu luyện thép và 10% đối với khâu cán thép. Từ đó đề xuất định mức áp dụng cho 4 khâu tại Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên lần lượt là: 3,42 GJ/tấn SP, 24,08 GJ/tấn SP, 3,93 GJ/tấn SP và 2,20 GJ/tấn SP. Việc thực hiện áp dụng giải pháp trên không chỉ tiết kiệm được nguồn tài nguyên thiên nhiên mà còn mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cho đất nước.

Stell engineering is a mass energy consuming industry, mainly from electric and charcoal. Simultaneously, this industry has the potential energy cutdown of up to 20% of total electricity consumption also. Tisco, one of the steel leading company of Viet Nam, is always the pioneer in implementing the solutions synchronization in order to save energy, decrease prices and improve its position in the domestic and foreign. Thus, lowing its product's price, building the loyalty in both domestic and international market. To heighten awareness of the roles and importances of the energy saving at company, this article mainly focuses on stating out the real use of energy and offering several solutions on cutdown of energy consumption in Tisco. In the database of the calculation numbers combined with the comparison, analysis and forecast methods showed the abilities of the energy saving corresponding each phase with the particular data as following: 12% of head of combustion phase, 14% of the refine iron phase, 11% of the refine steel phase and 10% of laminating steel phase. From this results, we proposed the application norm for four phase at Tisco in turn as following: 3,42 GJ/ SP ton, 24,08 GJ/ SP ton, 3,93 GJ/ SP ton and 2,20 GJ/SP ton. By implementing solutions mentioned above, we can save the source resource in general and the steel branch in particular, which bring up the economical and social effectiveness of Vietnam.

PHÂN TÍCH ĐIỀU KIỆN KHÁCH QUAN, CHỦ QUAN ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC THU HÚT THỢ LÒ TRONG TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

TO COLLECT AND ANALYSE INFORMATION ABOUT INFLUOENCE OF PREPARATION WORKS OF HUMAN RESOURCES IN VIETNAM NATIONAL COAL - MINERAL INDUSTRIES HOLDING CORPARATION LIMITED

Trần Văn Hợp, *Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam*

Trong những năm tới, hoạt động khai thác than của Ngành than Việt Nam sẽ chủ yếu được tiến hành bằng công nghệ khai thác hầm lò. Tỷ lệ than khai thác bằng công nghệ hầm lò trước đây chỉ khoảng 30%, nay đã tăng lên 51% vào năm 2014 và đến năm 2020 sẽ là 65%; Cùng với công tác chuẩn bị nguồn tài nguyên, công tác chuẩn bị nguồn nhân lực là nhiệm vụ đặc biệt của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (tên viết tắt tiếng Việt là TKV, tên viết tắt tiếng Anh là Vinacomin), bởi đây là 2 yếu tố chính của triết lý "Từ tài nguyên khoáng sản và nguồn nhân lực đi lên giàu mạnh", góp phần quan trọng trong việc phát triển bền vững của TKV. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay tình trạng thợ lò bỏ việc và không đạt kế hoạch tuyển sinh học nghề mỏ hầm lò hằng năm đã trở thành hiện tượng báo động, có thể nói là nguy cơ của ngành than. Nếu không có chiến lược và giải pháp khắc phục tình trạng này thì sẽ không chuẩn bị được nhân lực đáp ứng cho hoạt động sản xuất than với quy mô sản lượng ngày càng tăng theo Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Họ và tên: Hoàng Thị Thủy

Bộ môn: Kế toán doanh nghiệp

Khoa: Kinh tế - Quản trị kinh doanh

Chức danh: Giảng viên

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ
Năm học: 2014 - 2015

(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá (Có đề tài, bài báo, báo cáo KH, Hợp đồng LĐSX thì copy trang đầu và trang cuối kèm theo phụ lục này)	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:** - Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy (số giờ quy định trong năm học là 280 (tổng số giờ giảng trong năm học là: 322) được 5,0 điểm	5,0	5		
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1,0 điểm (cụ thể vượt 42%)			1,0	1
	- Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5,0 điểm (tên giáo trình)			5,0	
	- Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4,0 điểm (tên chương trình)			4,0	
	- Xây dựng đề cương môn học và có hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 2,0 điểm (tên đề cương môn học và nhóm sinh viên hướng dẫn NCKH). Xây dựng đề cương môn học: Kế toán quản trị Nhóm sinh viên NCKH: Ưng Thị Hồng, Nguyễn Thị Thu Thủy, Nguyễn Thị Hương Liên			2,0	2
	- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 1,0 điểm			1,0	1
	- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải nhất, nhì, ba; Tài năng khoa học trẻ dành cho SV được thưởng 2,0 điểm			2,0	
	- Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích cấp Quốc gia được thưởng 2,0 điểm (tên giải)			2,0	
	- Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 1,0 điểm (tên giải)			1,0	

	- Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 1,0 điểm (tên sáng kiến)			1,0	
	- Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến). Vận dụng sáng kiến của đồng chí Nguyễn Tiến Hưng:" Tăng cường thực hành sổ sách kế toán đối với phần hành kế toán bán hàng trong doanh nghiệp thương mại và dịch vụ" giúp sinh viên thực hành ghi sổ trong các môn học kế toán doanh nghiệp			0,5	0,5
	- Đạt giải Tài năng khoa học trẻ Việt Nam dành cho giảng viên trẻ của Bộ GD-ĐT			3	
2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:** (Có đề tài, bài báo, báo cáo khoa học và hoạt động LĐSX là đạt 4,0 điểm) (ghi rõ tên đề tài, bài báo…). Báo cáo HN Khoa học lần thứ 21: "Hoàn thiện mô hình tổ chức kiểm toán nội bộ cho công ty tài chính cổ phần xi măng CFC". Báo cáo sinh hoạt học thuật cấp bộ môn: "Thảo luận đề cương môn học kế toán ngân sách và kho bạc nhà nước"	4,0	4		
	- **Đề tài cấp cơ sở** được nghiệm thu đúng thời hạn (Chủ trì được 2,0 điểm, các thành viên tham gia 1,0 điểm)			3,0	
	- **Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành** dự án sản xuất thử đã được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (được 6 điểm; trong đó chủ trì được 4,0đ, các thành viên tham gia được 2,0 điểm			6,0	
	- **Đề tài cấp Nhà nước**: 10,0 điểm/đề tài đã được nghiệm thu đúng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ. Trong đó chủ trì đề tài dược 7,0 điểm, các thành viên tham gia được 3,0 điểm			10,0	
	- **Hợp đồng kinh tế phục vụ sản xuất**: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định (đóng góp 5 triệu đồng cho Trường được thưởng 1,0điểm; đóng góp cho Công ty và các Trung tâm 10 triệu động được thưởng 1,0 điểm (ghi rõ hợp đồng, tổng số tiền đã nộp, tự cho điểm vào cột điểm thưởng)			1,0	

	Báo cáo khoa học				
	+ Cấp Trường và cấp tương đương (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 2,0 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia. Số lượng: 2 thành viên.			2,0	1
	+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			4,0	
	+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			8,0	
	+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn 1 báo cáo được 0,5 điểm; cấp khoa được 1,0 điểm/1 báo cáo/ số thành viên tham gia. Số lượng 2 thành viên.			0,5 – 1,0	0,5
	- Bài báo + Đăng ở Tạp chí của Trường, Ngành trở lên (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 2 điểm/bài/các tác giả			2,0	
	+ Đăng ở tạp chí nước ngoài (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 16 điểm/bài/ các tác giả			16,0	
	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0,5 điểm	0,5	0,5		
4	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ đạt 0,5 điểm	0,5	0,5		
5	Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25 điểm Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25 điểm	0.5	0,5		
	Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v... được thưởng 1,0 điểm			1,0	1

Tổng cộng (1)+(2)+(3)+(4)+(5) + 7 điểm thưởng = 17,5 điểm

Tự đánh giá danh hiệu thi đua: Lao động tiên tiến

Ngày 18 tháng 5 năm 2015

Ý kiến của đơn vị quản lý

(Bộ môn)

TS. Bùi Thị Thu Hằng

Người khai

Hoàng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

TUYỂN TẬP
TÓM TẮT CÁC BÁO CÁO

HỘI NGHỊ KHOA HỌC
LẦN THỨ 21



Hà Nội, tháng 11 - 2014

oil – field development - important steps in mining, progress, quality of construction, cooperation of contractors... Accordingly, report proposes solutions which are divided into 2 groups, long-term and short-term strategy; 13 specific measures, including work equipment provision, materials and techniques; contractors coordinating, good management of cost incurred as key solution. The feasible, effective solution applied would contribute to improving efficiency of not only PVE Pbut also PetroVietnam.

BÀN VỀ CƠ CHẾ TẬP TRUNG DÂN CHỦ VÀ SONG TRÙNG LÃNH ĐẠO TẠI CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC HIỆN NAY

DISSCUSS THE MECHANISM OF DEMOCRATIC AND PARALLEL LEADERSHIP IN THE STATE OWNED ENTERPRISES

Nguyễn Lan Hoàng Thảo, *Trường Đại học Mỏ - Địa chất*

Tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước được quy định tại Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam xuyên suốt từ năm 1959 đến năm 2013. Tuy nhiên, trong giai đoạn vừa qua, nhiều vụ án kinh tế lớn liên quan đến các doanh nghiệp Nhà nước đã được xét xử nhưng việc quy trách nhiệm cho các cá nhân là người đứng đầu vẫn còn nhiều hạn chế. Thực tiễn đặt ra, ngoài cơ chế giám sát, kiểm soát, các doanh nghiệp cần có nhiều hơn một người có vai trò quyết định cuối cùng hay chính là xây dựng cơ chế song trùng lãnh đạo, tránh hiện tượng một người lãnh đạo đứng đầu đưa ra các quyết định mang nặng tính cá nhân gây hậu quả nghiêm trọng cho doanh nghiệp phải gánh chịu, đồng thời làm thiệt hại, thất thoát tài sản của Nhà nước, xã hội. Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng quản lý tại một số doanh nghiệp Nhà nước trong giai đoạn gần đây, bài báo đề cập đến một số vấn đề cơ bản liên quan đến những cơ chế hoạt động này.

Democracy concentration is the main rule in the operation of the state management agencies and state enterprises stipulated in the Vietnam Constitution since 1959 to the 2013 Constitution. In the recent years, there has been many judgments regarding economic cases with the involvement of the state enterpriseshowever, much limitations on the liabilities of the head of these enterprises still remain. Therefore, the practical issue has been raised is that in addition to the inspection, supervision mechanism, the enterprises need to have in place more than one leader responsible for making final decision – the dual leaders mechanism with the purpose of avoiding one leader mechanism who would make individualism decision that cause serious consequences for the enterprise as well as losses of the state's, people's properties.On the basis of the research on management situation insome state enterprises in the recent years, the article refers to some basic issues related to these mechanisms.

HOÀN THIỆN MÔ HÌNH TỔ CHỨC BỘ MÁY KIỂM TOÁN NỘI BỘ CHO CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN XI MĂNG CFC

APPLICATION OF INTERNAL AUDIT MODEL IN CEMENT FINANCE JOINT-STOCK COMPANY

Nguyễn Thị Minh Thu, Hoàng Thị Thủy, *Trường Đại học Mỏ - Địa chất*

Kiểm toán nội bộ là sự đánh giá độc lập trong một tổ chức nhằm làm gia tăng giá trị trong hoạt động của tổ chức. Đây là công cụ giúp phát hiện và cải tiến những điểm yếu trong hệ thống quản lý của doanh nghiệp, nhằm kiểm soát hoạt động tốt hơn, góp phần đạt được

mục tiêu kinh doanh đã đề ra. Có rất nhiều mô hình kiểm toán nội bộ khác nhau có áp dụng tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của từng doanh nghiệp. Công ty Tài chính c măng (CFC) là một tổ chức tín dụng có quy mô khá lớn với số vốn điều lệ trên 60(CFC đã tổ chức bộ máy kiểm toán nội bộ tuy nhiên chưa thật sự đảm bảo được tính đ hoạt động chưa hiệu quả. Tác giả đã sử dụng các phương pháp điều tra, phân tích, tổ hệ thống hóa cơ sở lý thuyết về mô hình kiểm toán nội bộ, làm rõ thực trạng tổ chứ kiểm toán nội bộ tại CFC. Đồng thời tác giả cũng đề xuất các giải pháp để CFC áp hình kiểm toán nội bộ một cách có hiệu quả nhất như tổ chức theo mô hình chuẩn, h về chức năng, nhiệm vụ để đảm bảo tính độc lập, hoàn thiện về nhân sự và tổ chức h với cả ba loại hình kiểm toán là kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán tài chính.

Internal audit is an independent assessment of an organization in order to the value of the organization's activities. This is a tool that detects and impr weaknesses in the management system of the enterprise, in order to control operation contribute to achieve business goals. There are many different models of internal audi applied in each enterprise depending on the specific conditions. Cement Finance Joi Company (CFC) is a credit institution with fairly large scale with a chartered capita billion dong. CFC has held internal audit apparatus but it's not guaranteed and effec The author has used the method of investigation, analysis, synthesis to systema theoretical basis of the internal audit model, clarify the actual situation about organiz the internal audit in CFC. The author has propose solutions that CFC apply th effectively internal audit model such as organized in the standard model, perfect for fu and tasks to ensure the independence, complete the organization's activities on three t audit are activitiy audit, compliance audit and audit of financial statements.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THĂM DÒ VÀ KHAI THÁC DẦU CỦA TỔNG CÔNG TY THĂM DÒ KHAI THÁC DẦU KHÍ – PVEP

SOME SOLUTIONS TO IMPROVE EFFICIENCY OF OIL INVESTIGATION AND EXPLOITATION FOR PETROVIETNAM EXPLORATION PRODUCTIOI CORPORATION - PVEP

Phạm Ngọc Tuấn, *Trường Đại học Mỏ - Đị*

Nâng cao hiệu quả thương mại của các dự án thăm dò và khai thác dầu khí là vấn đ thiết và được sự quan tâm đặc biệt của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam nói chu Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí nói riêng. Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng và n nguyên nhân làm giảm hiệu quả của các dự án này, bài báo đã nghiên cứu và đưa ra ha pháp mang tích chất định lượng trên cơ sở khắc phục được các mặt hạn chế còn tồn tại thời góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư cho các dự án. Giải pháp thứ nhất, là giải pháp quan đến công tác quản lý dự án. Nội dung của giải pháp đề cập đến vấn đề tăng cường côn quản lý quá trình thực hiện đầu tư của dự án rút ngắn thời gian chuẩn bị và sớm đưa dự án khai thác. Giải pháp thứ hai, liên quan đến việc giảm chi phí thông qua việc lựa chọn hình hợp đồng hợp lý làm giảm chi phí quản lý từ đó làm nâng cao hiệu quả của dự án.

Improving production efficiency in oil and gas extraction projects is not only a cri issue but also a signficant concern of Vietnam National Petroleum Corporation in ge and Oil and Gas Drilling and Exploration Company in particular. According to the researc the state of the art and the causes of reduction effciency, the paper suggests two integr

Họ và tên: Đỗ Thị Hương

Bộ môn: Kế toán doanh nghiệp

Khoa: Kinh tế - QTKD

Chức danh: Cán bộ giảng dạy

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ
Năm học 2014 - 2015

(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá (Có đề tài, bài báo, báo cáo KH, Hợp đồng LĐSX thì copy trang đầu và trang cuối kèm theo phụ lục này)	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:** - Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy (số giờ quy định trong năm học là 280 tiết) (tổng số giờ giảng trong năm học là: 1.250 giờ) được 5,0 điểm	5,0	5		
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1,0 điểm (cụ thể vượt 300 %)			1,0	1
	- Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5,0 điểm (tên giáo trình)			5,0	
	- Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4,0 điểm (tên chương trình)			4,0	
	- Xây dựng đề cương môn học và có hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 2,0 điểm (tên đề cương môn học và nhóm sinh viên hướng dẫn NCKH) Đề cương môn học: Quản Lý Thuế			2,0	2
	- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 1,0 điểm			1,0	
	- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải nhất, nhì, ba; Tài năng khoa học trẻ dành cho SV được thưởng 2,0 điểm			2,0	
	- Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích cấp Quốc gia được thưởng 2,0 điểm (tên giải)			2,0	
	- Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 1,0 điểm (tên giải)			1,0	
	- Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 1,0 điểm (tên sáng kiến)			1,0	

	- Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến) "Tăng cường vận dụng phương pháp thảo luận thông qua các văn bản quy định về hệ thống thuế Việt Nam" – Cô Phạm Thị Hồng Hạnh			0,5	0,5
	- Đạt giải Tài năng khoa học trẻ Việt Nam dành cho giảng viên trẻ của Bộ GD-ĐT			3	
2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:** (Có đề tài, bài báo, báo cáo khoa học và hoạt động LĐSX là đạt 4,0 điểm) (ghi rõ tên đề tài, bài báo…) *Báo cáo: Một số vấn đề về nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại công ty cổ phần Bê tông và xây dựng Vinaconex Xuân Mai* Hội nghị khoa học trường Đại học Mỏ - Địa chất lần thứ 21	4,0	4		
	- **Đề tài cấp cơ sở** được nghiệm thu đúng thời hạn (Chủ trì được 2,0 điểm, các thành viên tham gia 1,0 điểm)			3,0	
	- **Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành** dự án sản xuất thử đã được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (được 6 điểm; trong đó chủ trì được 4,0đ, các thành viên tham gia được 2,0 điểm			6,0	
	- **Đề tài cấp Nhà nước**: 10,0 điểm/đề tài đã được nghiệm thu đúng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ. Trong đó chủ trì đề tài dược 7,0 điểm, các thành viên tham gia được 3,0 điểm			10,0	
	- **Hợp đồng kinh tế phục vụ sản xuất**: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định (đóng góp 5 triệu đồng cho Trường được thưởng 1,0điểm; đóng góp cho Công ty và các Trung tâm 10 triệu động được thưởng 1,0 điểm (ghi rõ hợp đồng, tổng số tiền đã nộp, tự cho điểm vào cột điểm thưởng)			1,0	
	Báo cáo khoa học				
	+ Cấp Trường và cấp tương đương (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 2,0 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia *Bài báo: Một số vấn đề về nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại công ty cổ phần Bê tông và xây dựng Vinaconex Xuân Mai* Đăng trên Tuyển tập Hội nghị khoa học trường Đại học Mỏ - Địa chất lần thứ 21			2,0	1

	+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			4,0	
	+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			8,0	
	+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn 1 báo cáo được 0,5 điểm; cấp khoa được 1,0 điểm/1 báo cáo/ số thành viên tham gia *Báo cáo sinh hoạt học thuật cấp bộ môn: Thảo luận đề cương môn học Tổ chức quản lý thuế*			0,5 1.0	0.5
	- Bài báo + Đăng ở Tạp chí của Trường, Ngành trở lên (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 2 điểm/bài/các tác giả			2,0	
	+ Đăng ở tạp chí nước ngoài (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 16 điểm/bài/ các tác giả			16,0	
3	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0,5 điểm	0,5	0,5		
4	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ đạt 0,5 điểm	0,5	0,5		
5	Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25 điểm Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25 điểm	0,5	0.5		
	Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v... được thưởng 1,0 điểm			1.0	1

Tổng cộng (1)+(2)+(3)+(4) +(5) + 6 điểm thưởng = 16,5 điểm

Tự đánh giá danh hiệu thi đua: Lao động tiên tiến

Ngày ...18...tháng...5....năm...2017

Ý kiến của đơn vị quản lý

(Bộ môn)

TS. Bùi Thị Thu Thủy

Người khai

Đỗ Thị Hường

Xác nhận của Khoa

Nguyễn Đăng Lạc

D. Hường

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TUYỂN TẬP
TÓM TẮT CÁC BÁO CÁO

HỘI NGHỊ KHOA HỌC
LẦN THỨ 21



Hà Nội, tháng 11 - 2014

obtain company's objectives in the near future. The company usually faces many challenges of managing distribution channels. This distribution system operating effectively not only support for successfully managing the process of distribution channels, providing extensive and timely services, but also it can help to faster approach the consumers to create a competitive advantage in the market.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG VINACONEX XUÂN MAI

SOME PROBLEMS ON IMPROVING THE EFFICIENT USE OF FUNDING AT VINACONEX XUAN MAI CONCRETE AND CONSTRUCTION JSC

Phạm Minh Hải, Đỗ Thị Hương, *Trường Đại học Mỏ - Địa chất*
Hoàng Ánh Ngọc, *Công ty cổ phần công nghệ quản lý và tư vấn Faca Việt Nam*

Thời gian qua, Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai đã đạt được những thành công đáng kể trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đã có những bước phát triển vượt bậc cả về chất lượng lẫn quy mô. Với tiềm năng của Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai nói riêng và ngành xây dựng nói chung, Công ty hoàn toàn có thể từng bước tiếp tục khẳng định mình trên con đường phát triển. Trong những năm qua hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của Công ty đã từng bước được cải thiện và không ngừng tăng lên. Báo cáo đã làm rõ được nội dung phân tích đánh giá thực trạng hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai trong thời gian 2011 - 2013, chỉ ra những thành công đã đạt được, những hạn chế tồn tại và nguyên nhân. Trên cơ sở đó nhóm tác giả đã đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

In recent years, Vinaconex Xuan Mai Concrete and Construction JSC have acquired significant success in both quality and quantity of manufacture and business activities. The company is projected to continue to develop sustainably because of the potential development of this company in particular as well as of the construction industry. The efficient use of funding of the company have recoved and improved. The article analyses and evaluates clearly the efficient use of funding in Vinaconex Xuan Mai Concrete and Construction JSC over the period from 2011 to 2013 which also indicates the obtained successes, existing weaknesses and their causes. Thus, the authors suggest some solutions to raise the efficient use of funding of the company in the next time.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TRIỂN KHAI ỨNG DỤNG HỆ THỐNG HOẠCH ĐỊNH NGUỒN LỰC DOANH NGHIỆP (ERP) Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

ISSUES IN IMPLEMENTING ENTERPRISE RESOURCE PLANNING SYSTEM IN VIETNAM TODAY

Phạm Thị Hồng Hạnh, Vũ Ngọc Thịnh, *Trường Đại học Mỏ - Địa chất*

Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý doanh nghiệp hiện nay là xu thế tất yếu của các doanh nghiệp. Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) là một ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý doanh nghiệp, là công cụ quan trọng giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và tiếp cận tốt hơn với các tiêu chuẩn quốc tế. Tuy nhiên, hiện nay các doanh nghiệp ở Việt Nam triển khai phần mềm này còn hạn chế và chưa hiệu quả. Nguyên nhân là do công tác giới thiệu, tuyên truyền sự cần thiết của ứng dụng ERP trong doanh nghiệp chưa sâu rộng khiến các doanh nghiệp không có điều kiện tiếp xúc với

Họ và tên: Nguyễn Thị Huyền Trang

Bộ môn: Kế toán doanh nghiệp

Khoa: Kinh tế - QTKD

Chức danh: Cán bộ giảng dạy

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ
Năm học: 2014 - 2015

(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá (Có đề tài, bài báo, báo cáo KH, Hợp đồng LĐSX thì copy trang đầu và trang cuối kèm theo phụ lục này)	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:** - Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy (số giờ quy định trong năm học là 280 tiết) (tổng số giờ giảng trong năm học là: 560) được 5,0 điểm	5,0	5		
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1,0 điểm (cụ thể vượt ....%)			1,0	1
	- Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5,0 điểm (tên giáo trình)			5,0	
	- Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4,0 điểm (tên chương trình)			4,0	
	- Xây dựng đề cương môn học và có hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 2,0 điểm (tên đề cương môn học và nhóm sinh viên hướng dẫn NCKH) Đề cương môn học: Kế toán bảo hiểm			2,0	1
	- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 1,0 điểm Đề tài: Nghiên cứu nghĩa vụ thực hiện thuế GTGT tại Công ty Tuyển than Hòn Gai - vinacomin			1,0	1
	- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải nhất, nhì, ba; Tài năng khoa học trẻ dành cho SV được thưởng 2,0 điểm			2,0	
	- Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích cấp Quốc gia được thưởng 2,0 điểm (tên giải)			2,0	
	- Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 1,0 điểm (tên giải)			1,0	
	- Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 1,0 điểm (tên sáng kiến)			1,0	

	- Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến)			0,5	
	- Đạt giải Tài năng khoa học trẻ Việt Nam dành cho giảng viên trẻ của Bộ GD-ĐT			3	
2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:** (Có đề tài, bài báo, báo cáo khoa học và hoạt động LĐSX là đạt 4,0 điểm) (ghi rõ tên đề tài, bài báo…) *Báo cáo khoa học: Một số vấn đề về triển khai ứng dụng hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) ở Việt Nam hiện nay*	4,0	4		
	- **Đề tài cấp cơ sở** được nghiệm thu đúng thời hạn (Chủ trì được 2,0 điểm, các thành viên tham gia 1,0 điểm)			3,0	
	- **Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành** dự án sản xuất thử đã được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (được 6 điểm; trong đó chủ trì được 4,0đ, các thành viên tham gia được 2,0 điểm			6,0	
	- **Đề tài cấp Nhà nước**: 10,0 điểm/đề tài đã được nghiệm thu đúng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ. Trong đó chủ trì đề tài dược 7,0 điểm, các thành viên tham gia được 3,0 điểm			10,0	
	- **Hợp đồng kinh tế phục vụ sản xuất**: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định (đóng góp 5 triệu đồng cho Trường được thưởng 1,0điểm; đóng góp cho Công ty và các Trung tâm 10 triệu động được thưởng 1,0 điểm (ghi rõ hợp đồng, tổng số tiền đã nộp, tự cho điểm vào cột điểm thưởng)			1,0	
	Báo cáo khoa học				
	+ Cấp Trường và cấp tương đương (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 2,0 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia *Báo cáo khoa học: Một số vấn đề về tiết kiệm năng lượng tại Công ty cổ phần gang thép Thái Nguyên* Đăng trên Tuyển tập Hội nghị khoa học trường Đại học Mỏ - Địa chất lần thứ 21			2,0	1
	+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			4,0	
	+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			8,0	

	+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn 1 báo cáo được 0,5 điểm; cấp khoa được 1,0 điểm/1 báo cáo/ số thành viên tham gia *Báo cáo sinh hoạt học thuật cấp bộ môn: Xây dựng đề cương môn học kế toán bảo hiểm*			0,5 – 1,0	0,5
	- Bài báo + Đăng ở Tạp chí của Trường, Ngành trở lên (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 2 điểm/bài/các tác giả			2,0	
	+ Đăng ở tạp chí nước ngoài (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 16 điểm/bài/ các tác giả			16,0	
3	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0,5 điểm	0,5	0,5		
4	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ đạt 0,5 điểm	0,5	0,5		
5	Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25 điểm Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25 điểm	0,5	0,5		
	Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v... được thưởng 1,0 điểm			1,0	1

Tổng cộng (1)+(2)+(3)+(4)+(5) + 5,5 điểm thưởng = 16 điểm

Tự đánh giá danh hiệu thi đua: Lao động tiên tiến

Ngày ...13...tháng....5....năm 2015

Ý kiến của đơn vị quản lý

(Bộ môn)

TS. Bùi Thị Thu Thủy

Người khai

Nguyễn Thị Huyền Trang

Xác nhận của Khoa

Khoa (phòng): Kinh tế & QTKD

Bộ môn: Kế toán doanh nghiệp

Họ tên: Dương Thị Nhàn

Chức danh: Giảng viên

Phụ lục II

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ

Năm học:2014-2015

(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá Có đề tài, bài báo, báo cáo KH, Hợp đồng LĐSX photocopy trang đầu và trang cuối kèm theo phụ lục)	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:** Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy (số giờ quy định trong năm học là 140 (tổng số giờ giảng trong năm học là 300 giờ) được 5,0 điểm	5,0	5		
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1,0 điểm (cụ thể vượt 185%)			1,0	1
	Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5,0 điểm (tên giáo trình)			5,0	
	Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4,0 điểm (tên chương trình)			4,0	
	Xây dựng đề cương môn học được thưởng 2,0 điểm (Xây dựng đề cương môn nghiệp vụ ngân hàng thương mại)			2,0	2
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 1,0 điểm			1,0	
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải nhất, nhì, ba; Tài năng khoa học trẻ dành cho SV được thưởng 2,0 điểm			2,0	
	Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích cấp Quốc gia được thưởng 2,0 điểm (tên giải)			2,0	

	Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 1,0 điểm (tên giải)			1,0	
	Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 1,0 điểm (tên sáng kiến)			1,0	
	Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến)			0,5	
	Đạt giải Tài năng khoa học trẻ Việt Nam dành cho giảng viên trẻ của Bộ GD-ĐT			3	
2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:** (Có đề tài, bài báo, báo cáo khoa học, đạt 4,0 điểm) (Bài báo)	4,0	4		
	Đề tài cấp cơ sở được nghiệm thu đúng thời hạn (Chủ trì được 2,0 điểm, các thành viên tham gia 1,0 điểm)			3,0	
	Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành, dự án sản xuất thử được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (được 6 điểm/đề tài; trong đó chủ trì được 4,0 điểm, các thành viên tham gia được 2,0 điểm)			6,0	
	Đề tài cấp Nhà nước được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (10 điểm/đề tài; trong đó chủ trì đề tài được 7,0 điểm, các thành viên tham gia được 3,0 điểm)			10,0	
	Hợp đồng kinh tế phục vụ sản xuất: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định (đóng góp 5 triệu đồng cho Trường được thưởng 1,0điểm; đóng góp cho Công ty và các Trung tâm 10 triệu động được thưởng 1,0 điểm (ghi rõ hợp đồng, tổng số tiền đã nộp, tự cho điểm vào cột điểm thưởng)			1,0	
	Báo cáo khoa học				
	+ Cấp Trường và cấp tương đương (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 2,0 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia			2,0	
	+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			4,0	

	+ Cấp Quốc tế (01 báo cáo / 2 thành viên tham gia) 8,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			8,0	
	+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở cấp Bộ môn 1 báo cáo được 0,5 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia; cấp Khoa được 1,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia (có xác nhận của Phòng KH-CN)			0,5 – 1,0	0,5
	Bài báo				1
	+ Đăng ở Tạp chí của Trường, Ngành (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng); thưởng 2 điểm/bài/các tác giả (Tham gia bài báo "Kết quả hoạt động cung cấp tài chính tại Công ty tài chính – Vinacomin và những vấn đề đặt ra)			2,0	
	+ Đăng ở tạp chí nước ngoài (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng); thưởng 16 điểm/bài/ các tác giả			16.0	
3	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0,5 điểm	0,5	0,5		
4	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ đạt 0,5 điểm	0,5	0,5		
5	Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25 điểm: Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25 điểm	0,5	0,5		
	Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v... được thưởng 1,0 điểm			1,0	1

Tổng cộng (1)+(2)+(3)+(4) +(5) + ...5,5.....điểm thưởng = 16 điểm

Tự đánh giá danh hiệu thi đua: Lao động tiên tiến

Ngày 18 tháng 5năm 2015

Ý kiến của đơn vị quản lý
(Bộ môn)

TS. Bùi Thị Thu Thủy

Người khai

Dương Thị Nhàn

Nhan

Kính gửi: ThS. Dương Thị Nhàn
Trường Đại học Mỏ-Địa chất
Đường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, HÀ NỘI

TẠP CHÍ

ISSN 0868 - 7052

CÔNG NGHIỆP MỎ

MINING INDUSTRY JOURNAL

NĂM THỨ XXVIII SỐ 4 - 2014

CƠ QUAN CỦA HỘI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ MỎ VIỆT NAM



TẠP CHÍ
CÔNG NGHIỆP MỎ
CƠ QUAN CỦA HỘI KHKCN MỎ VIỆT NAM
NĂM THỨ XXVIII
SỐ 4 - 2014

✪ Tổng biên tập:
PGS.TS. HỒ SĨ GIAO

✪ Phó Tổng biên tập
kiêm Thư ký Toà soạn:
GS.TS. VÕ TRỌNG HÙNG

✪ Uỷ viên Phụ trách Trị sự:
TS. NGUYỄN BÌNH

✪ Uỷ viên Ban biên tập:
TSKH. ĐINH NGỌC ĐẲNG
PGS.TS. PHÙNG MẠNH ĐẮC
TS. NGHIÊM GIA
GS.TS. VÕ CHÍ MỸ
PGS.TS. NGUYỄN CẢNH NAM
KS. ĐÀO VĂN NGÂM
TS. ĐÀO ĐẮC TẠO
KS. TRẦN VĂN TRẠCH
TS. PHAN NGỌC TRUNG
GS.TS. TRẦN MẠNH XUÂN

♦ TOÀ SOẠN:
79 - An Trạch - Hà Nội
Điện thoại: 36649158; 36649159.
Fax: (844) 6649159.
E-mail: vinamin@hn.vnn.vn
Website: www.vinamin.vn

♦ Tạp chí xuất bản với sự cộng tác của: Trường Đại học Mỏ-Địa chất; Viện Khoa học và Công nghệ Mỏ-Luyện kim; Viện Khoa học Công nghệ Mỏ; Viện Dầu khí.

♦ Giấy phép xuất bản số: 319/GP-BVHTT ngày 23/7/2002 của Bộ Văn hoá Thông tin

♦ In tại Xí nghiệp in 2 Nhà in Khoa học Công nghệ 18 Hoàng Quốc Việt - Hà Nội Điện thoại: 37562778

♦ Nộp lưu chiểu: Tháng 8 năm 2014

MỤC LỤC

❒ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ MỎ

- ❖ Nghiên cứu xác định hình dạng mặt cắt ngang hợp lý cho công trình ngầm — Võ Trọng Hùng 1
- ❖ Hạn chế dòng rò trong mạng điện mỏ hầm lò điện áp 1140 V bằng giải pháp nối ngắn mạch pha — Kim Ngọc Linh và nnk 7
- ❖ Nghiên cứu áp dụng thử nghiệm sử dụng hoá chất trong đào lò và khai thác than vùng Quảng Ninh — Đinh Văn Cường và nnk 11
- ❖ Quá trình quá độ trong mạng điện 6 kV khi đóng cắt động cơ điện cao áp — Đinh Văn Thắng 19
- ❖ Hệ thống thông tin sự cố trong các mỏ hầm lò — V.V. Gabov và nnk 23
- ❖ Lập hộ chiếu khoan nổ mìn trong Autocad cho đường lò chuẩn bị trong khai thác mỏ hầm lò bằng phần mềm VOLVN 2.0 — Nguyễn Ngọc Minh và nnk 25
- ❖ Lựa chọn cỡ hạt đất đá và thông số khoan nổ mìn hợp lý khi sử dụng công nghệ vận tải cho Mỏ Cao Sơn — Đỗ Ngọc Tước và nnk 28
- ❖ Xác định điều kiện thiết kế động cơ đồng bộ nam châm vĩnh cửu khởi động trực tiếp từ lưới điện — Nguyễn Vũ Thanh và nnk 31
- ❖ Nghiên cứu chế tạo máng cào uốn góc 90^0 phục vụ khai thác than hầm lò — Đoàn Ngọc Cảnh và nnk 35
- ❖ Hoàn thiện công tác tổ chức sản xuất lò chợ sử dụng tổ hợp 2ANSH phù hợp với thực tế vỉa 12 khu Tràng Khê-Công ty than Hồng Thái — Trần Văn Thanh và nnk 38
- ❖ Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu suất cháy của lò hơi trong các nhà máy nhiệt điện Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam — Phạm Anh Hải, Đỗ Tiến Đạt 42
- ❖ Nghiên cứu đề xuất hình dạng bờ mỏ hợp lý cho mỏ khai thác lộ thiên xuống sâu ở Việt Nam — Phạm Văn Việt và nnk 46
- ❖ Tự động hoá công tác dự báo dịch chuyển biến dạng Theo lý thuyết BALS — Nguyễn Quốc Long và nnk 50
- ❖ Các biện pháp giảm thiểu tác động của sóng địa chấn khi nổ mìn trên mỏ lộ thiên tới các công trình hầm lò vùng than Quảng Ninh — Lê Công Cường và nnk 53
- ❖ Lựa chọn công nghệ sản xuất alumin đối với hai dự án Tân Rai và Nhân Cơ của Tập đoàn VINACOMIN — Dương Thanh Sủng 57
- ❖ Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật ngăn ngừa hiện tượng tụt nóc khi đào lò qua vỉa than, vùng đất đá mềm yếu tại Mỏ than Hà Lầm — Đỗ Anh Sơn và nnk 62

❒ KHOA HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ NGÀNH MỎ

- ❖ Tình hình tài chính của Tập đoàn Than-Khoáng sản Việt Nam - Thực trạng và giải pháp — Lưu Thị Thu Hà 66
- ❖ Thực trạng tổng hợp sử dụng bùn đỏ ở Trung Quốc — ...i Thanh Hoàng, Tiêu Lợi Bình 71
- ❖ Ứng dụng thử nghiệm mô hình phân bố chuẩn dự báo tài nguyên, trữ lượng theo các hạng Kaolin công nghiệp tại các mỏ thuộc tỉnh Tuyên Quang — Lê Đỗ Trí và nnk 74
- ❖ Kết quả hoạt động cung cấp tài chính tại Công ty Tài chính-Vinacomin và những vấn đề đặt ra — ...í Thị Kim Thư, Dương Thị Nhàn 78

❒ THÔNG TIN KHOA HỌC-KỸ THUẬT NGÀNH MỎ

- ❖ Các loại công nghệ nâng cấp chất lượng than — Trần Minh Huân 84
- ❖ Công nghệ bơm tạo nút gãy kiến tạo không sử dụng nước — Trần Minh Huân 86
- ❖ Tin vắn ngành mỏ thế giới — Đức Toàn 87

Ảnh bìa 1: Ho ...ng Đế Quang Trung - Ảnh VTH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TÀI CHÍNH-VINACOMIN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

ThS. PHÍ THỊ KIM THƯ, ThS. DƯƠNG THỊ NHÀN
Trường Đại học Mỏ-Địa chất

1. Tổng quan

Tập đoàn kinh tế (TĐKT) là một nhóm công ty có quy mô lớn gồm các doanh nghiệp có tư cách pháp nhân hoạt động trong một hay nhiều ngành khác nhau, có quan hệ với nhau về lợi ích, thị trường, vốn, tài chính, công nghệ, thông tin, đào tạo, nghiên cứu và được liên kết bằng nhiều hình thức, trong đó chủ yếu là hình thức công ty mẹ-công ty con xuất phát từ lợi ích của các bên tham gia. Trong mô hình TĐKT, thường có một "công ty mẹ" nắm quyền lãnh đạo, chi phối hoạt động của "công ty con" về tài chính và chiến lược phát triển.

Để tăng cường tiềm lực kinh tế, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường, các TĐKT trên thế giới có xu hướng thành lập các công ty tài chính thuộc tập đoàn, nhằm mục đích kinh doanh các dịch vụ tài chính (DVTC), giúp tập đoàn tìm kiếm khơi thông nguồn vốn trong nước, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, quản lý một cách tối ưu các nguồn vốn đầu tư, hạn chế thấp nhất việc thất thoát vốn. Ở Việt Nam, từ khi Nghị định 79/2002/ NĐ-CP có hiệu lực, các công ty Tài chính thuộc các TĐKT liên tiếp được thành lập. Tính đến năm 2013, cả nước đã có 18 công ty tài chính, trong đó có 13 công ty trực thuộc các TĐKT, hoạt động theo hình thức công ty cổ phần hoặc công ty TNHH MTV [5]. Công ty Tài chính thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam cũng ra đời trong bối cảnh này, với tên gọi là Công ty TNHH MTV Tài chính Than-Khoáng sản Việt Nam (CMF).

Công ty được thành lập ngày 30/01//2007 theo giấy phép số 02/GP-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, thời gian hoạt động là 50 năm, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000958 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 15/02/2007, thay đổi đăng ký lần thứ 3 vào ngày 07/04 /2009 [7]. Về tính chất, theo Nghị định 79/2002/ NĐ-CP, Công ty TNHH MTV Tài chính Than-Khoáng sản là tổ chức tín dụng phi ngân hàng, được thực hiện một số nghiệp vụ của ngân hàng thương mại như được sử dụng vốn tự có, vốn huy động và các nguồn vốn khác để cho vay, đầu tư; cung ứng các dịch vụ tư vấn về tài chính, tiền tệ và một số dịch vụ khác nhưng không được làm dịch vụ thanh toán hay nhận tiền gửi kỳ hạn dưới 1 năm [1]. Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty đã đạt được những thành tựu nhất định, đã làm tốt chức năng thu xếp vốn trong Tập đoàn và hoạt động có hiệu quả. Tuy nhiên trước bối cảnh khó khăn hiện nay của nền kinh tế và chủ trương hạn chế TĐKT đầu tư ngoài ngành của Nhà nước, nhất là trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, BĐS cũng làm nảy sinh một số vấn đề đối với hoạt động cung cấp DVTC của Công ty.

2. Kết quả đạt được trong việc cung cấp DVTC

Công ty TNHH MTV Tài chính Than-Khoáng sản Việt Nam (CMF) được thành lập với số vốn điều lệ là 300 tỷ đồng, tại thời điểm mới hoạt động năm 2007 đã tài trợ vốn cho các đơn vị thành viên TKV sản xuất kinh doanh là 748 tỷ đồng. Năm 2008, vốn điều lệ được tăng lên 600 tỷ đồng, lượng vốn tài trợ cho các đơn vị thành viên Vinacomin là 1.200 tỷ đồng. Năm 2009, vốn điều lệ tiếp tục tăng lên 1.000 tỷ đồng, mức vốn tài trợ cho các thành viên Vinacomin trong năm là 1.640 tỷ đồng [7]. Số vốn điều lệ này được tiếp tục giữ vững cho đến thời điểm hiện nay. Tuy còn non trẻ, lại được thành lập trong bối cảnh tài chính tiền tệ trong nước, quốc tế có biến động không tốt, song Công ty cũng đạt được những kết quả đáng kể trong hoạt động cung cấp DVTC. Kể từ khi thành lập đến năm 2011, doanh thu và lợi nhuận từ cung cấp DVTC đều năm sau cao hơn năm trước, doanh thu năm 2010, 2011 đều đạt trên 500 tỷ VND. Riêng năm 2012, do khó khăn chung của nền kinh tế nên doanh thu có giảm và chỉ đạt 403,9 tỷ VND, tuy nhiên tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu vẫn đạt 28,4 %, đây vẫn là con số khá tốt so với các tổ chức hoạt động tín dụng tại cùng thời điểm này (Bảng 1, [6], [7]).

vốn trong Tập đoàn, hoạt động tín dụng cũng được thực hiện trôi chảy và đạt kết quả khá tốt cả về số lượng và chất lượng tín dụng, đặc biệt luôn đảm bảo tỷ lệ an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Việc giải quyết những vấn đề nêu trên là cần thiết nhằm phát huy những thành tựu này, đồng thời giúp Công ty chủ động đứng vững trên đôi chân của mình để hoạt động thật sự với tư cách là một tổ chức trung gian tài chính trên thị trường.❐

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. NĐ79-2002/NĐ-CP, 2002. Nghị định của chính phủ về tổ chức và hoạt động của công ty tài chính; NĐ81-2008/NĐ-CP, 2008. Sửa đổi bổ sung một số điều của NĐ79-2002/NĐ-CP. Thư viện pháp luật.vn.

2. NĐ71-2013/NĐ-CP, 2013. Nghị định của Chính phủ Về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100 % vốn điều lệ. Thư viện pháp luật.vn.

3. QĐ 457-2005/QĐ-NHNN, 2005. Quyết định của Thống đốc NHNN về việc ban hành "Quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng"; TT13/2010/TT-NHNN, 2010. Thông ty Quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng. Thư viện pháp luật.vn.

4 QĐ 493-2005/QĐ-NHNN, 2005. Quyết định của Thống đốc NHNN về việc ban hành quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của TCTD. Thư viện pháp luật.vn.

5 Luật gia Vũ Xuân Tiền, 2013. Tập đoàn kinh tế và "lỗ hổng" công ty tài chính, laodong.com.vn.

6. Báo cáo tài chính, báo cáo tổng kết các năm của Công ty TNHH MTV Than-Khoáng sản VN các năm 2010, 2011, 2012.

7. Trang web của Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam http://www.vinacomin.vn.

Người biên tập: Võ Trọng Hùng

SUMMARY

Basing on the financial state of Vinacomin Corporation and it's main responsibilities, the paper's author mentions the it's results had achivemented in the field supplying finacial services and other problems for it for nest financial period of time.

ỨNG DỤNG THỬ NGHIỆM...

(Tiếp theo trang 77)

loại quặng có nguồn gốc thành tạo và chất lượng khác nhau.❐

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Xuân Phong, Nguyễn Phương, 2006. Bài giảng phương pháp tìm kiếm thăm và dự báo tài nguyên khoáng sản. Trường Đại học Mỏ-Địa chất, Hà Nội.

2. Nguyễn Văn Lâm, Nguyễn Phương, Nguyễn Tiến Dũng, 2006. Địa chất khai thác mỏ. Nhà xuất bản Giao thông vận tải, Hà Nội.

3. Công ty TNHH Giang Long, 2011. Báo cáo thăm dò kaolin khu vực Vân Sơn, xã Vân Sơn, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Lưu trữ Công ty.

4. Công ty cổ phần và thương mại Lộc Phát, 2011. Báo cáo thăm dò kaolin vùng Đồng Gianh, xã Bình Yên, xã Lương Thiện và xã Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Lưu trữ Công ty.

5. Công ty TNHH Phú Hiệp, 2011. Báo cáo thăm dò kaolin-felspat thôn Phú Đa, thôn Đồng Phú, xã Hào Phú, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Lưu trữ Công ty.

Người biên tập: Hồ Sĩ Giao

SUMMARY

The paper introduces some study results of using the standard distributing model for predicting ores and ore resources by different sorts of kaolin in mines in Tuyên Quang province.

ĐỌC TRƯỚC KHI LÊN

1. Tranh cãi với một kẻ ngốc sẽ chứng minh rằng có hai kẻ ngốc. *Doris M. Smith.*

2. Nhu cầu cơ bản nhất của con người là nhu cầu thấu hiểu và được thấu hiểu. *Ralph Nichols.*

3. Tôi rất biết ơn tất cả những người đã nói KHÔNG với tôi. Nhờ vậy mà tôi biết cách tự mình giải quyết sự việc. *Einstein.*

8. Kiên trì làm việc tốt sẽ mang lại nhiều thứ. Như mặt trời có thể làm tan băng, lòng tốt có thể làm bốc hơi sự hiểu lầm, hoài nghi và thù địch. *Albert Schweitzer.*

VTH sưu tầm

Họ và tên: Vũ Ngọc Thịnh

Bộ môn: Kế toán doanh nghiệp

Khoa: Kinh tế - QTKD

Chức danh: Cán bộ giảng dạy

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ
Năm học: 2014 - 2015

(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá (Có đề tài, bài báo, báo cáo KH, Hợp đồng LĐSX thì copy trang đầu và trang cuối kèm theo phụ lục này)	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:** - Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy (số giờ quy định trong năm học là 280 tiết) (tổng số giờ giảng trong năm học là:500) được 5,0 điểm	5,0	5		
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1,0 điểm (cụ thể vượt 80.%)			1,0	1
	- Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5,0 điểm (tên giáo trình)			5,0	
	- Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4,0 điểm (tên chương trình)			4,0	
	- Xây dựng đề cương môn học và có hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 2,0 điểm (tên đề cương môn học và nhóm sinh viên hướng dẫn NCKH) Đề cương môn học: Lý thuyết bảo hiểm			2,0	1
	- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 1,0 điểm			1,0	
	- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải nhất, nhì, ba; Tài năng khoa học trẻ dành cho SV được thưởng 2,0 điểm			2,0	
	- Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích cấp Quốc gia được thưởng 2,0 điểm (tên giải)			2,0	
	- Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 1,0 điểm (tên giải)			1,0	
	- Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 1,0 điểm (tên sáng kiến)			1,0	

	- Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến)			0,5	
	- Đạt giải Tài năng khoa học trẻ Việt Nam dành cho giảng viên trẻ của Bộ GD-ĐT			3	
2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:** (Có đề tài, bài báo, báo cáo khoa học và hoạt động LĐSX là đạt 4,0 điểm) (ghi rõ tên đề tài, bài báo…) *Báo cáo khoa học: Một số vấn đề về triển khai ứng dụng hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) ở Việt Nam hiện nay*	4,0	4		
	- **Đề tài cấp cơ sở** được nghiệm thu đúng thời hạn (Chủ trì được 2,0 điểm, các thành viên tham gia 1,0 điểm)			3,0	
	- **Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành** dự án sản xuất thử đã được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (được 6 điểm; trong đó chủ trì được 4,0đ, các thành viên tham gia được 2,0 điểm			6,0	
	- **Đề tài cấp Nhà nước**: 10,0 điểm/đề tài đã được nghiệm thu đúng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ. Trong đó chủ trì đề tài dược 7,0 điểm, các thành viên tham gia được 3,0 điểm			10,0	
	- **Hợp đồng kinh tế phục vụ sản xuất**: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định (đóng góp 5 triệu đồng cho Trường được thưởng 1,0điểm; đóng góp cho Công ty và các Trung tâm 10 triệu động được thưởng 1,0 điểm (ghi rõ hợp đồng, tổng số tiền đã nộp, tự cho điểm vào cột điểm thưởng)			1,0	
	Báo cáo khoa học				
	+ Cấp Trường và cấp tương đương (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 2,0 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia *Báo cáo khoa học: Một số vấn đề về triển khai ứng dụng hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) ở Việt Nam hiện nay* Đăng trên Tuyển tập Hội nghị khoa học trường Đại học Mỏ - Địa chất lần thứ 21			2,0	1,0
	+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			4,0	
	+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			8,0	

	+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn 1 báo cáo được 0,5 điểm; cấp khoa được 1,0 điểm/1 báo cáo/ số thành viên tham gia *Báo cáo sinh hoạt học thuật cấp bộ môn: Phương pháp xây dựng hệ thống đề thi trắc nghiệm bằng phần mềm Test Professional 2008*			0,5 – 1,0	0,5
	- Bài báo + Đăng ở Tạp chí của Trường, Ngành trở lên (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 2 điểm/bài/các tác giả			2,0	
	+ Đăng ở tạp chí nước ngoài (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 16 điểm/bài/ các tác giả			16,0	
3	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0,5 điểm	0,5	0,5		
4	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ đạt 0,5 điểm	0,5	0,5		
5	Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25 điểm Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25 điểm	0,5	0,5		
	Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v... được thưởng 1,0 điểm			1,0	1

Tổng cộng (1)+(2)+(3)+(4)+(5) + 4,5 điểm thưởng = 15 điểm

Tự đánh giá danh hiệu thi đua: Lao động tiên tiến

Ngày 19 tháng 5 năm 2015

Ý kiến của đơn vị quản lý

(Bộ môn)

TS Bùi Thị Thu Thủy

Người khai

Vũ Ngọc Thanh

Xác nhận của Khoa

Nguyễn Duy Lạc

Phinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

TUYỂN TẬP
TÓM TẮT CÁC BÁO CÁO

HỘI NGHỊ KHOA HỌ

LẦN THỨ 21



Hà Nội, tháng 11 - 2014

obtain company's objectives in the near future. The company usually faces many challenges of managing distribution channels. This distribution system operating effectively not only support for successfully managing the process of distribution channels, providing extensive and timely services, but also it can help to faster approach the consumers to create a competitive advantage in the market.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG VINACONEX XUÂN MAI

SOME PROBLEMS ON IMPROVING THE EFFICIENT USE OF FUNDING AT VINACONEX XUAN MAI CONCRETE AND CONSTRUCTION JSC

Phạm Minh Hải, Đỗ Thị Hương, *Trường Đại học Mỏ - Địa chất*
Hoàng Ánh Ngọc, *Công ty cổ phần công nghệ quản lý và tư vấn Faca Việt Nam*

Thời gian qua, Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai đã đạt được những thành công đáng kể trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đã có những bước phát triển vượt bậc cả về chất lượng lẫn quy mô. Với tiềm năng của Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai nói riêng và ngành xây dựng nói chung, Công ty hoàn toàn có thể từng bước tiếp tục khẳng định mình trên con đường phát triển. Trong những năm qua hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của Công ty đã từng bước được cải thiện và không ngừng tăng lên. Báo cáo đã làm rõ được nội dung phân tích đánh giá thực trạng hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai trong thời gian 2011 - 2013, chỉ ra những thành công đã đạt được, những hạn chế tồn tại và nguyên nhân. Trên cơ sở đó nhóm tác giả đã đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

In recent years, Vinaconex Xuan Mai Concrete and Construction JSC have acquired significant success in both quality and quantity of manufacture and business activities. The company is projected to continue to develop sustainably because of the potential development of this company in particular as well as of the construction industry. The efficient use of funding of the company have recoved and improved. The article analyses and evaluates clearly the efficient use of funding in Vinaconex Xuan Mai Concrete and Construction JSC over the period from 2011 to 2013 which also indicates the obtained successes, existing weaknesses and their causes. Thus, the authors suggest some solutions to raise the efficient use of funding of the company in the next time.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TRIỂN KHAI ỨNG DỤNG HỆ THỐNG HOẠCH ĐỊNH NGUỒN LỰC DOANH NGHIỆP (ERP) Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

ISSUES IN IMPLEMENTING ENTERPRISE RESOURCE PLANNING SYSTEM IN VIETNAM TODAY

Phạm Thị Hồng Hạnh, Vũ Ngọc Thịnh, *Trường Đại học Mỏ - Địa chất*

Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý doanh nghiệp hiện nay là xu thế tất yếu của các doanh nghiệp. Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) là một ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý doanh nghiệp, là công cụ quan trọng giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và tiếp cận tốt hơn với các tiêu chuẩn quốc tế. Tuy nhiên, hiện nay các doanh nghiệp ở Việt Nam triển khai phần mềm này còn hạn chế và chưa hiệu quả. Nguyên nhân là do công tác giới thiệu, tuyên truyền sự cần thiết của ứng dụng ERP trong doanh nghiệp chưa sâu rộng khiến các doanh nghiệp không có điều kiện tiếp xúc với

giải pháp mới này, một số doanh nghiệp đi đầu trong việc triển khai ERP nhưng hiệu quả chưa đạt được như mong muốn đã tạo tâm lý hoài nghi ở những doanh nghiệp khác, chi phí đầu tư cho dự án còn quá cao... Xuất phát từ các lý do trên bài viết đi tìm hiểu các nguyên nhân cũng như các vấn đề lớn gặp phải khi triển khai ứng dụng ERP ở Việt Nam hiện nay. Mục đích chính của bài báo là tìm hiểu các vấn đề vướng mắc trong việc triển khai ERP tại Việt Nam từ đó có phương hướng giải quyết, khắc phục các vướng mắc đó. Để thực hiện mục đích nghiên cứu trên bài viết triển khai một số nội dung chủ yếu: (1) Khái niệm và vai trò của hệ thống ERP trong quản lý doanh nghiệp, (2) Một số vấn đề về triển khai ứng dụng ERP trong các doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay, (3) Phương hướng và giải pháp trong triển khai ứng dụng ERP ở Việt Nam hiện nay.

Application of information technology in business management today is an inevitable trend of companies. Enterprise resource planning system (ERP) is an information technology application in business management. It is an important tool that helps businesses to improve their competitiveness and better access to the international standards. However, at present companies in Vietnam applying this software are limited and ineffective. The reason for this is introducing and propagating the necessity of ERP applications in business is not extensive that companies could not approach to this new solution, some companies at the forefront of implementing ERP did not achieve the desired effect so that created doubts in the mind of other enterprises, investment cost for the project is too high... For all the reasons above, this article analyze the causes as well as the major issues in implementing enterprise resource planning (EPR) system in Vietnam today. The main purpose of the article is to study the problems arising in implementing ERP in Vietnam from which to overcome these obstacles. To achieve the goals of research, this article implemented on some main contents: (1) Concept and role of enterprise resource planning system ERP, (2) Some issues in implementing ERP in enterprises of Vietnam today, (3) Some orientations and solutions in implementing ERP application in Vietnam today.

NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KHI LỰA CHỌN THIẾT BỊ KHAI THÁC THAN LỘ THIÊN

RESEARCHING AND BUILDING AN INDICATOR SYSTEM FOR EVALUATING THE EFFECTIVENESS OF CHOOSING OPENCAST COAL MINING EQUIPMENT

Lê Thị Thu Hường, *Trường Đại học Mỏ - Địa chất*

Thiết bị khai thác tham gia trực tiếp vào hoạt động kinh doanh, có giá trị lớn, chiếm tỷ trọng cao trong tổng giá trị tài sản, do đó, có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp khai thác than lộ thiên. Tuy nhiên, tại các doanh nghiệp này, công tác đánh giáhiệu quả sử dụng thiết bị khai thác chưa được chú trọng, thậm chí, không được thực hiện, vì thế không tạo được cơ sở dữ liệu tin cậy cho các doanh nghiệp khi cần lựa chọn thiết bị đầu tư; những bất cập này phần lớn là do trong các tài liệu khoa học hiện hành, hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng thiết bị còn nhiều hạn chế, vì chỉ sử dụng mối quan hệ giữa kết quả đầu ra và nguyên giá (hoặc giá trị còn lại) để đánh giá. Vì vậy, việc nghiên cứu xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng thiết bị khai thác than lộ thiên dựa trên mối quan hệ giữa kết quả đầu ra và chi phí đầu vào, dựa trên số liệu thống kê thực tế, sử dụng đơn vị hiện vật kết hợp với đơn vị giá trị, đánh giá tổng hợp và chi tiết theo từng yếu tố chi phí đầu vào, theo từng loại thiết bị có đặc kỹ thuật tương tự nhau, theo từng hãng chế tạo... là rất cần thiết, góp phần nâng cao hiệu quả quả đầu tư, hiệu quả sử dụng máy móc thiết bị trong các doanh nghiệp khai thác than lộ thiên.

Họ và tên: Phan Minh Quang

Bộ môn: Kế toán doanh nghiệp

Khoa: Kinh tế - Quản trị kinh doanh

Chức danh: Giảng viên (tập sự)

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ
Năm học: 2014 - 2015

(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá (Có đề tài, bài báo, báo cáo KH, Hợp đồng LĐSX thì copy trang đầu và trang cuối kèm theo phụ lục này)	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:** - Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy (số giờ quy định trong năm học là 280 (tổng số giờ giảng trong năm học là: 322) được 5,0 điểm	5,0	5		
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1,0 điểm (cụ thể vượt 42%)			1,0	
	- Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5,0 điểm (tên giáo trình)			5,0	
	- Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4,0 điểm (tên chương trình)			4,0	
	- Xây dựng đề cương môn học và có hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 2,0 điểm (tên đề cương môn học và nhóm sinh viên hướng dẫn NCKH). Xây dựng đề cương môn học: Kế toán quản trị Nhóm sinh viên NCKH: Ưng Thị Hồng, Nguyễn Thị Thu Thủy, Nguyễn Thị Hương Liên			2,0	2
	- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 1,0 điểm			1,0	
	- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải nhất, nhì, ba; Tài năng khoa học trẻ dành cho SV được thưởng 2,0 điểm			2,0	
	- Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích cấp Quốc gia được thưởng 2,0 điểm (tên giải)			2,0	
	- Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 1,0 điểm (tên giải)			1,0	

	- Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 1,0 điểm (tên sáng kiến)			1,0	
	- Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến). Vận dụng sáng kiến của đồng chí Nguyễn Tiến Hưng:" Tăng cường thực hành sổ sách kế toán đối với phần hành kế toán bán hàng trong doanh nghiệp thương mại và dịch vụ" giúp sinh viên thực hành ghi sổ trong các môn học kế toán doanh nghiệp			0,5	
	- Đạt giải Tài năng khoa học trẻ Việt Nam dành cho giảng viên trẻ của Bộ GD-ĐT			3	
2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:** (Có đề tài, bài báo, báo cáo khoa học và hoạt động LĐSX là đạt 4,0 điểm) (ghi rõ tên đề tài, bài báo…). Báo cáo HN Khoa học lần thứ 21: "Hoàn thiện mô hình tổ chức kiểm toán nội bộ cho công ty tài chính cổ phần xi măng CFC". Báo cáo sinh hoạt học thuật cấp bộ môn: "Thảo luận đề cương môn học kế toán ngân sách và kho bạc nhà nước"	4,0			
	- **Đề tài cấp cơ sở** được nghiệm thu đúng thời hạn (Chủ trì được 2,0 điểm, các thành viên tham gia 1,0 điểm)			3,0	
	- **Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành** dự án sản xuất thử đã được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (được 6 điểm; trong đó chủ trì được 4,0đ, các thành viên tham gia được 2,0 điểm			6,0	
	- **Đề tài cấp Nhà nước**: 10,0 điểm/đề tài đã được nghiệm thu đúng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ. Trong đó chủ trì đề tài dược 7,0 điểm, các thành viên tham gia được 3,0 điểm			10,0	
	- **Hợp đồng kinh tế phục vụ sản xuất**: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định (đóng góp 5 triệu đồng cho Trường được thưởng 1,0điểm; đóng góp cho Công ty và các Trung tâm 10 triệu động được thưởng 1,0 điểm (ghi rõ hợp đồng, tổng số tiền đã nộp, tự cho điểm vào cột điểm thưởng)			1,0	

	Báo cáo khoa học				
	+ Cấp Trường và cấp tương đương (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 2,0 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia. Số lượng: 2 thành viên.			2,0	
	+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			4,0	
	+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			8,0	
	+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn 1 báo cáo được 0,5 điểm; cấp khoa được 1,0 điểm/1 báo cáo/ số thành viên tham gia. Số lượng 2 thành viên.			0,5 – 1,0	
	- Bài báo + Đăng ở Tạp chí của Trường, Ngành trở lên (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 2 điểm/bai/các tác giả			2,0	
	+ Đăng ở tạp chí nước ngoài (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 16 điểm/bài/ các tác giả			16,0	
3	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0,5 điểm	0,5	0,5		
4	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ đạt 0,5 điểm	0,5	0,5		
5	Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25 điểm Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25 điểm	0,5	0,5		
	Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v... được thưởng 1,0 điểm			1,0	1

Tổng cộng 6.5 + 3 điểm thưởng = 9,5 điểm

Tự đánh giá danh hiệu thi đua: Hoàn thành nhiệm vụ

Ngày 18 tháng 5 năm 2015

Ý kiến của đơn vị quản lý

(Bộ môn)

Người khai

Phạm Minh Quang

Họ và tên: Nguyễn Thục Anh

Bộ môn: Kế toán Doanh nghiệp

Khoa: Kinh tế

Chức danh: Cán bộ giảng dạy (Tập sự)

Phụ lục II

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ

Năm học:.....

(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá (Có đề tài, bài báo, báo cáo KH, Hợp đồng LĐSX thì copy trang đầu và trang cuối kèm theo phụ lục này)	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:** - Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy (số giờ quy định trong năm học là..... (tổng số giờ giảng trong năm học là: ....) được 5,0 điểm	5,0	5		
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1,0 điểm (cụ thể vượt 150%)			1,0	
	- Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5,0 điểm (Quản lý nhà nước về kinh tế- dành cho Cao học)			5,0	
	- Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4,0 điểm (tên chương trình)			0	
	- Xây dựng đề cương môn học và có hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 2,0 điểm (Đề cương: Nguyên lý tài chính công, Quản lý tài chính hành chính sự nghiệp)			2,0	2
	- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 1,0 điểm			0	
	- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải nhất, nhì, ba; Tài năng khoa học trẻ dành cho SV được thưởng 2,0 điểm			2,0	
	- Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích cấp Quốc gia được thưởng 2,0 điểm (tên giải)			0	
	- Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 1,0 điểm (tên giải)			1,0	

	- Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 1,0 điểm (tên sáng kiến)			1,0	
	- Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến)			0,5	0,5
	- Đạt giải Tài năng khoa học trẻ Việt Nam dành cho giảng viên trẻ của Bộ GD-ĐT			3	
2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:** (Có đề tài, bài báo, báo cáo khoa học và hoạt động LĐSX là đạt 4,0 điểm) (ghi rõ tên đề tài, bài báo…)	4,0			
	- **Đề tài cấp cơ sở** được nghiệm thu đúng thời hạn (Chủ trì được 2,0 điểm, các thành viên tham gia 1,0 điểm)			3,0	
	- **Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành** dự án sản xuất thử đã được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (được 6 điểm; trong đó chủ trì được 4,0đ, các thành viên tham gia được 2,0 điểm			6,0	
	- **Đề tài cấp Nhà nước**: 10,0 điểm/đề tài đã được nghiệm thu đúng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ. Trong đó chủ trì đề tài dược 7,0 điểm, các thành viên tham gia được 3,0 điểm			10,0	
	- **Hợp đồng kinh tế phục vụ sản xuất**: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định (đóng góp 5 triệu đồng cho Trường được thưởng 1,0điểm; đóng góp cho Công ty và các Trung tâm 10 triệu động được thưởng 1,0 điểm (- Tham gia đề tài: "Hoàn thiện khoán quản trị chi phí tại Công ty Xây dựng Hầm Lò 2") (- Chủ trì "Hoàn thiện quản trị chi phí KD tại Công ty Khai thác khoán sản- Tổng công ty Đông Bắc")			1,0	1
	Báo cáo khoa học				

	+ Cấp Trường và cấp tương đương (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 2,0 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia (Một số vấn đề về sử dụng công cụ lãi suất của NHTW trong điều tiết kinh tế vĩ mô)			2,0
	+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			4,0
	+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			8,0
	+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn 1 báo cáo được 0,5 điểm; cấp khoa được 1,0 điểm/1 báo cáo/ số thành viên tham gia			0,5 – 1,0
	- **Bài báo** + Đăng ở Tạp chí của Trường, Ngành trở lên (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 2 điểm/bài/các tác giả			2,0
	+ Đăng ở tạp chí nước ngoài (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 16 điểm/bài/ các tác giả			16,0
3	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0,5 điểm	0,5	0,5	
4	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ đạt 0,5 điểm	0,5	0,5	
5	Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25 điểm Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25 điểm	0,5	0,5	
	Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v... được thưởng 1,0 điểm			1,0

Tổng cộng (1)+(2)+(3)+(4) +(5) + ...điểm thưởng=9.5 điểm

Tự đánh giá danh hiệu thi đua:...Hoàn thành nhiệm vụ.....

Ngày 18 tháng 05 năm 2015

Ý kiến của đơn vị quản lý

(Bộ môn)

Bùi Thị Thu Hằng

Người khai

Nguyễn Thúc Anh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ-ĐỊA CHẤT
Khoa : KINH TẾ - QTKD
Bộ môn: Kế toán Doanh nghiệp

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ DANH HIỆU THI ĐUA NĂM HỌC 2015-2016

(Đăng ký ngay từ đầu năm học)

1. Cá nhân:

TT	Họ và tên	LĐTT	CSTĐ cơ sở	Ghi chú
1	Nguyễn Duy Lạc		x	
2	Bùi Thị Thu Thuỷ		x	
3	Phí Thị Kim Thư		x	
4	Nguyễn Thị Bích Phượng		x	
5	Phạm Thị Hồng Hạnh		x	
6	Nguyễn Thị Kim Oanh		x	
7	Lu Thị Thu Hà		x	
8	Nguyễn Tiến Hưng		x	
9	Nguyễn Minh Thu	x		
10	Phạm Minh Hải	x		
11	Phạm Thu Hương		x	
12	Dương Thị Nhàn	x		
13	Nguyễn Thị Minh Thu	x		
14	Lê Thị Thu Hồng	x		
15	Đỗ Thị Hương	x		
16	Hoàng Thị Thủy	x		
17	Nguyễn Thị Huyền Trang	x		
18	Phan Minh quang			

2. Tập thể: Lao Động Xuất Sắc

Hà Nội, Ngày 28 tháng 6 năm 2015

Xác nhận của đơn vị cấp trên trực tiếp

Nguyễn Duy Lạc

Thủ trưởng đơn vị

Bùi Thị Thu Thuỷ

Mẫu số 1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Đơn vị: KHOA KINH TẾ - QTKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2016

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VÀ XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG NĂM 2016
(Đối với cá nhân)

Họ và tên: PHAN MINH QUANG

Chức danh nghề nghiệp: Cán bộ giảng dạy

Đơn vị công tác: Bộ môn Kế toán doanh nghiệp

TT	Nội dung đánh giá *(Đọc kĩ phần Lưu ý ở cuối bảng để kê khai chính xác)*	Thang điểm	Tự đánh giá	Cấp quản lý trực tiếp đánh giá	Cấp có thẩm quyền đánh giá
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm, bao gồm cả nhiệm vụ đột xuất**	**0-10**	**10**		
• Hoàn thành vượt tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là: .....).		8-10	10		
• Hoàn thành 100% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ với chất lượng tốt.		6-8			
• Hoàn thành 70 đến dưới 100% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ với chất lượng khá trở lên.		4-6			
• Hoàn thành 50 đến dưới 70% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ.		1-4			
• Hoàn thành dưới 50% nghĩa vụ được giao hoặc để xảy ra vụ việc gây hậu quả đến mức bị xử lý kỷ luật với hình thức cảnh cáo trở lên.		0			
2	**Đánh giá tinh thần thái độ làm việc**	**0-10**	**10**		
2.1	Lập trưởng, tư tưởng chính trị, sự chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Nhà trường; kỷ luật lao động.	0-2	2		
2.2	Phẩm chất đạo đức, lối sống; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp và đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	0-2	2		
2.3	Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật; tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được giao.	0-2	2		
2.4	Việc học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị,	0-2	2		

	Nhà trường.				
2.5	Hiệu quả quản lý và sử dụng các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu.	0-2	2		
3	**Đánh giá kết quả hoạt động khoa học công nghệ, phát minh, sáng kiến…**		**2,75**		
3.1	Giáo trình cấp Trường in lần đầu.	0-3			
3.2	Giáo trình cấp Trường in tái bản có bổ sung, sửa chữa.	0-1.5			
3.3	Sách, giáo trình in lần đầu ở nhà xuất bản.	0-4			
3.4	Sách, giáo trình in tái bản có bổ sung, sửa chữa.	0-2			
3.5	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu.	0.5			
3.6	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, thi Olympic đạt giải Nhất, Nhì, Ba cấp Trường.	1			
3.7	Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải Nhất, Nhì, Ba, khuyến khích cấp Quốc gia hoặc đạt giải Tài năng trẻ.	2			
3.8	Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố.	1			
3.9	Đề tài cấp cơ sở đã được nghiệm thu đúng thời hạn.	0-2			
3.10	Đề tài, dự án sản xuất thử cấp Bộ, Tỉnh, Thành phố đã được nghiệm thu theo tiến độ (được tính điểm cho tối đa 2 năm).	0-3			
3.11	Đề tài cấp Nhà nước đã được nghiệm thu theo tiến độ (được tính điểm cho tối đa 3 năm).	0-6			
3.12	Hợp đồng, đề tài NCKH phục vụ sản xuất ký về các Công ty, Trung tâm của Nhà trường đã nghiệm thu, thanh lý (được tính điểm cho 1 năm và theo giá trị hợp đồng).	(0-3)/ tỷ đồng			
3.13	Báo cáo khoa học cấp Trường và tương đương.	0-1			
3.14	Báo cáo khoa học cấp Quốc gia.	0-1.5			
3.15	Báo cáo khoa học cấp Quốc tế. *Bài báo "Advantages and disavantages in the application of enterprise resource planning to the coal mining enterprises of Vietnam National Coal – Mineral Industries Corporation in current period"* *Chủ trì: ThS. Phạm Thị Hồng Hạnh* *Tham gia: ThS. Phan Minh Quang* *Năm 2015* *Phòng họp 309 trường Đại học Mỏ - Địa chất*	0-3	0,75		
3.16	Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn.	0-0.5			
3.17	Bài báo khoa học tiếng Việt ở Tạp chí khoa học trong nước.	0-2			
3.18	Bài báo khoa học tiếng nước ngoài ở Tạp chí khoa học trong nước.	0-2.5			
3.19	Bài báo khoa học tiếng nước ngoài ở Tạp chí khoa học nước ngoài.	0-3.5			
3.20	Bài báo khoa học ở tạp chí ISI và Scopus.	0-5			
3.21	Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong công việc và công tác có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc được Hội đồng Thi đua cấp khoa	0-1			

	công nhận (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).				
3.22	Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy và công tác có hiệu quả được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận và đánh giá (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-0.5			
3.23	Sáng tạo ra các công nghệ, phương pháp góp phần nâng cao năng suất lao động, hiệu quả công việc (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-5			
3.24	Có giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3)..	0-4			
3.25	Xây dựng văn bản quản lý; xây dựng đề án, dự án về công tác quản lý và hoạt động chuyên môn được áp dụng có hiệu quả (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3). *Tham gia: Đề án đăng kí nhận nhiệm vụ đào tạo liên thông trình độ trung cấp lên đại học*	0-4	2		
4	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên)**	**0-3,5**			
4.1	Mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý.	0-2,5			
a)	Hoàn thành vượt tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là: .....); không có cá nhân bị xếp loại đánh giá ở mức C.	1,5-2,5			
b)	Hoàn thành từ 70 đến 100% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ với chất lượng tốt; không có cá nhân bị xếp loại đánh giá ở mức C.	1-1,5			
c)	Hoàn thành dưới 70% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ; hoặc có cá nhân bị xếp loại đánh giá ở mức C hoặc để xảy ra vụ việc gây hậu quả đến mức bị xử lý kỷ luật với hình thức cảnh cáo trở lên.	0			
4.2	Có uy tín, đơn vị đoàn kết.	0-1			
	Tổng:		**22,75**		

Lưu ý:

- Để đảm bảo ngắn gọn, dễ theo dõi, các cá nhân chỉ kê khai các mục mà mình có điểm (các mục không có điểm thì xóa đi).
- Khi kê khai các thành tích ở mục 3 (từ 3.1 đến 3.25), cần ghi rõ chủ trì hay tham gia và ghi đầy đủ **tên các tác giả; tên công trình** (*sách, giáo trình, đề tài, bài báo, báo cáo, sáng kiến, giải pháp, văn bản xây dựng...*); **thời gian và địa điểm thực hiện** (*xuất bản, nghiệm thu, ban hành, ứng dụng...)*; **nơi thực hiện.**
- Nếu phân biệt được chủ trì hay tham gia thì chủ trì được một nửa số điểm, số điểm còn lại chia đều cho các thành viên (tính cả thành viên chủ trì). Nếu không phân biệt được thì số điểm được chia đều cho các thành viên tham gia thực hiện.
- Các cá nhân và Trưởng các đơn vị phải chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin trên và kết quả đánh giá, thẩm định. Trong trường hợp cần thiết, đơn vị chức năng sẽ yêu cầu giải trình và minh chứng bổ sung.
- **Các mức phân loại đánh giá:**
  - A^+ (Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ): đạt từ 24 điểm trở lên.

- A (Hoàn thành tốt nhiệm vụ): đạt từ 22 điểm trở lên.
- B^+ (Hoàn thành nhiệm vụ): đạt từ 20 điểm trở lên.
- B (Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực): đạt từ 15 điểm trở lên.
- C (Chưa hoàn thành nhiệm vụ): dưới 15 điểm.

Tự phân loại đánh giá: A
Tự đề xuất danh hiệu thi đua (nếu có): .....
Tự đề xuất hình thức khen thưởng (nếu có): .....

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Phan Minh Quang

PROCEEDINGS OF THE 2ND INTERNATIONAL SCIENTIFIC CONFERENCE ON ECONOMIC MANAGEMENT IN MINERAL ACTIVITIES - EMMA 2015

NOVEMBER 2015, HANOI, VIET NAM

HANOI, VIETNAM, 2015

ADVANTAGES AND DISADVANTAGES IN THE APPLICATION OF ENTERPRISE RESOURCE PLANNING TO THE COAL MINING ENTERPRISES OF VIETNAM NATIONAL COAL – MINERAL INDUSTRIES CORPORATION IN CURRENT PERIOD

Pham Thi Hong Hanh, Phan Minh Quang

Hanoi University of Mining and Geology

Abstract: *Information Technology has rapidly developed with a significant increase in the number of applications. It plays an important role in the administration management and has become a trend for lots of companies in Vietnam, especially for the coal mining enterprises under Vinacomin. Enterprise Resource Planning (ERP) is an information technology application in administration management, an important tool to help these companies to raise its competitive capacity and approach nearly about international standards. Companies in Vietnam as well as the coal mining enterprises under Vinacomin have set an expectation in the productivity of these software. The companies will be opened up with new opportunities by applying ERP into their management system. However, they will also face a lot of disadvantages ahead. From the above reasons, in this article, we are researching the advantages and disadvantages when the coal mining enterprises under Vinacomin apply ERP in current period, thenceforth, we help enterprises to orient and prepare everything before using this software. To achieve these purposes, we use methods such as statistical method, analytical method and the method of expert opinions. This has some major contents, it includes: (1) The concept and role of ERP system in administration management, (2) The trait of administration management and the appliance of information technology in the coal mining enterprises under Vinacomin, (3) Advantages and disadvantages when applying ERP to the coal mining enterprises under Vinacomin in current period. This article will clarify some issues, advantages and difficulties that the coal mining enterprises face when they use this software.*

1. The concept and role of ERP system in business management

1.1. The concept of ERP

The concept of ERP has been more popular and familiar with enterprises than before. ERP is really abbreviated to "Enterprise Resource Planning", it means "Enterprise Resource Planning System", it is simple to say "ERP is an administration management information system". In the first time, ERP appeared in 1990 when Gartner Group utilized it to expand MRP (Manufacturing Resources Planning) which was known as management software but they concentrated on commodity production. In the middle of 1990s, ERP was applied in practice, not only in commodity production but also in most activities of an enterprise. In 2000, ERP was used for software which was able to interact with WEB interface for access and use. It allowed enterprises, customers and partners to access this system. ERP supplies the information to the internal company and supports in co-operation with the other company. In common, each section is used a type of software, so it is very difficult to connect sections together, especially the volume of data is incredible high or the software are not compatible together. It causes the combination of departments to face with serious difficulty; it is also a waste of money and time. On the other hand, if the company uses ERP, it will help to connect this department with the other ones by using only data base. It means the departments can access and share their data with each other.

ERP is the notion of a system which is used for planning resources in an organization. The notion of ERP in international standard is limit in the range of resource planning. It includes human resources, material resources (assets, equipment) and financial resources.

In process of the application of information technology to the administration management, ERP is mentioned in the simple way as a type of computer software which automates the operation service of their staff. Therefore it improves effectively their whole activity and management by integrating their common functions into one system.

1.2. The role of ERP

ERP brings a lot of benefits to the enterprise, specifically the labor productivity will increase because of entering the input data once time for every related transaction, concurrently, the reports are conducted quicker and exact. The enterprise can control better about the restrained limit of inventory, debt, cost, sale, profit and so on. Besides, they are able to optimize the resources, such as materials, labor, machine, equipment and so on. ERP can gather and deliver the information promptly to other users, such as customers, partners, shareholders,...In other words, the application of ERP is the reorganization of the enterprise's activities in professional process following the international standards. Therefore it makes an increment of the quality of products, profit, competitive capacity, saving the cost and it makes a development of the enterprise's trade mark. ERP can bring in benefits for the companies on a number of the following activities:

Finance accounting Activities: To seize the company's situation, the manager will have to research the data which is provided by the different departments. However, the exactness of this data can not be guaranteed. But if they use ERP, the whole data relating to their finance are synthesized into one version, hence reducing disinformation between different departments as well as inaccurate assessment about the enterprises' efficiency. Furthermore, ERP also can create the financial reports following the international standards, for instance, IFRS, GAAP, even Vietnam Accounting Standards.

Manufacturing, supplying products and services Activities: ERP serves as a tool to partially or fully automate the manufacturing process from preparing the materials to manufacturing products, input-output management, and so on. Because of the computer system, the enterprises can save time, cut costs and raise their labor productivity. The manager can examine all parameters through using the united interface.

Quality control and Project management Activities ERP helps the company to inspect and monitor the uniformity of product quality. Furthermore, according to the demand of project, it makes plans and distributes appropriately the labor resources. ERP can check automatically in the data basis to assign exact task to specific worker based on their own strengths, the manager, thus does not have to waste time for this stage.

Inventory control Activities: ERP helps the company to control the volume of inventory and determines where? or How many inventory units are left? Hence they have plans for purchase, merchandise reservation, materials, saving the storage costs and avoiding the capital stagnant.

Labor Activities: In the control of ERP, Labor Department can monitor carefully work time, idle time, the finished workload of each employee. It is a base for determining workers' salary and premium, even that ones work in the different departments or in the various areas. Workers will get wages in accordance with their contributions.

Customer's information: Because that data is put in a general place where all employees can access and check customer's information. Some people are entitled to change such information and it is updated to the enterprise's whole department all the time.

Communication and Socialization Activities: The company become a widely develop working environment for applying ERP. It is like a social network, for example, Facebook and it is very useful to communicate with everyone in other departments. It allows everyone to make a directly contact together. In addition, ERP supports the display ability of tasks what a worker need to do, concurrently, it update user's states.

In summary, in the explosion of information technology, the application of ERP in administration management is extremely important to raise the business efficiency of enterprise, also to change the working culture of enterprise completely.

2. The trait of administration management and the application of information technology in the coal mining enterprises under Vinacomin

In general, the coal mining enterprises of Vinacomin have the organizational structure of functional management department and undertaking the management of production and business activities is basically the same. These departments have a role in acting as an advisor for managers in the operation of the unit, including the following major departments:

(1) Administrative and General Department: To perform and advise the Director of the administrative affairs, administrative procedures, meetings, emulation and commendation in the unit.

(2) Labor Organization and Salary Department: To monitor, manager, organize labor and salary; to counsel and assist the Director in the organization, training, development of human resources, personal management, labor and wage work, regimes, policies towards workers.

(3) Department of Planning: To develop the business and production plans; to put in an estimate for business and production; to act as an counselor for the Director in making decisions on cost management, production and business in the future.

(4) Investment, Construction and Environment Department: To advise and assist the Director in the management of capital construction investment, mine construction, production environment and the management of capital construction projects.

(5) Department of Materials: To monitor and supervise the use of materials in the unit; to advise and assist the Director in the management of materials supplement; to manage the warehouse system of fuel and materials.

(6) Statistics, Accounting and Finance Department: To be responsible for accounting; to monitor and handle the financial economic activities incurred in the unit; to synthetize and provide information on economic and financial performance for the Board of Directors; to act as counselor for the Board of Directors in the making division on economics and finance.

(7) Inspection, Legislation and Internal Audit Department: To advise and assist the Director in the field of inspection, legislation, auditing the reports, controlling procedures, accounting records and financial reports.

(8) Department of Consumption and Statistic Quality Control: To monitor and supervise the activities of consumption, coal quality control; To advise and assist the Director in managing the delivery of coal to customers; To manage product quality in the unit.

(9) Production Moderation Department: To advise and assist the Director in the field of production management; to coordinate the activities of the units.

(10) Exploitation Technique Department: To advise and assist the Director in the field of technical management and mining techniques.

(11) Department of Electrical Engineering and Transport: To advise and assist the Director in managing of electrical engineering, unloading work, mine transportation.

(12) Department of Safety and Labour Protection: To advise and assist the Director in the direction and supervision of labour safety and hygiene.

(13) Department of Protection and Military: To advise and assist the Director in the field of protecting public order and security in the production area, in living activities and in local military activities.

Each of the above functional departments conducts one's work independently; most of them use information technology to manage in order to intensify the working efficiency. The field research shows that nowadays the application of IT in the administration management is desultory; each of department can use a specific software for their work without connection on a system. The information which is handled by the departments is independent, some general information are handled in the different way by the various departments. It will supply the business manager with the disunion information. The output information of this department is the input information of other one, so if this information is not united, this will interrupt the information supplement. They can not gather information on their own initiative because of having to wait for information of the other department. Although the functional divisions are independent but all are in one unit and have a general target, accordingly, this information has to be identically synthesized and adequately symmetrize. In fact, the coal mining enterprises have no unity of supplying and handling information in a system.

In summary, application of IT in the coal mining enterprises is conducted; however, this application is not effective. In other words, the companies have not salvaged and exploited the superior performance of IT. This application has no synchronism and not systematic, for this reason, it does not prove the abilities and the effect of IT applications, concretely, that is management software programs. The management information which is handled by each of functional department is independent and has barely connection with the departments. Thus the information has no identify. To solve the restrictions needs to have to coordinate and link the information closely between the input data base and the output result information, the enterprises apply a integrated software to management, that is ERP.

3. Advantages and disadvantages when applying ERP to the coal mining enterprises under Vinacomin in current period

3.1. Advantages

When applying ERP to management, the coal mining enterprises can reach much benefit as well as opportunities to intensify the effect of administration management, that is:

To Approach the identical, reliable management information: This is a great opportunity for the coal mining enterprises to deploy the application of ERP to the current management. This application will help the administrator to approach the reliable information easily. For instance, in the previous time, ERP has not appeared, administrators want to have the information, they have to search for the various source from the different functional departments, accordingly, this data can be not similar. But up to this time, when applying ERP, the information is homogeneous because it is only synthesized and right from the start into the system. In the other words, system ERP gathers the data from every subsystem to a general data management basis, so the specific subsystems can be shared with each other in a easy way.

(1) *To access information promptly, safely and stably:* ERP helps user to access the data source of enterprise quickly. It is able to decentralize the data use and show what kind of data is allowed to use in a range of distributed power. And it ensures that information supplement is fast according to the requirement of administrator.

(2) *To overcome the coincident data handling process:* If the data sources of enterprise is not synchronized, the handling process can be coincided in departments. It means every data can be solved by other department, for this reasons, the information can be not identical and the company loses much time in handling this. By applying ERP, the other departments can access the same data and the data change is controlled closely, not coincident between this department and the other one. If the data is changed by a department, it will be united in a same system.

(3) *To reduce time of the circulation and revolve promptly:* The business cycle is often interrupted because of the lateness in handling process. ERP application ensures reducing period of delay in the transfer of information between departments, save the circulatory period of information and increase the rotation of the business cycle.

(4) *To reduce the unreasonable costs:* ERP system help to use the available resources and the result of the treatment will always be ready for another process thus saving time, increasing the management capability with a complete analysis system covers all aspects of an organization. This will help companies save unnecessary costs in the handling process of information as well as costs accrued by prolonged processing time.

(5) Quick compatibility with business processes: ERP is a flexible system, it responds well to the change of business processes or an enterprise restructuring. The components in the system can be added or removed to suit with the purpose of use without significant impact on system structure.

(6) To meet the requirement of e-commerce and digital business: The data source of enterprise through security mechanism and decentralization can respond directly the enterprise's requirement for e-commerce. In addition, ERP system will help shorten the geographical distance in collaborative environment.

(7) To create a professional modern work environment: The ERP application is very useful in communication with departmental staff together. It allows everyone in the ERP system can contact directly each other for information retrieval. All exchanged information can be conducted on the spot without having to move between the departments of company through a software system.

(8) In addition, for each production and business management activity, there are much private interests in the process of ERP application to increase work efficiency, such as: increase the accuracy of accounting information; better control of product quality; control the inventory management; manage personnel strictly; update the customer information quickly, ...

Thus the application of ERP in management will create a lot of benefits for enterprise in general and the coal mining enterprises in particular. Especially the coal mining enterprises are more and more difficult in the mining conditions as well as management mechanisms as requiring the strict management. The introduction of ERP in the management really mean and bring many benefits to the enterprise.

2.2. Disadvantages

Besides advantages, when the coal mining enterprises apply ERP to management, they are also faced with many disadvantages that these enterprises have not boldly put this application into practice today.

(1) To restructure functional departments: The biggest disadvantage for the coal mining enterprises is making ERP application in the management process; this requires the companies to change and reform considerably in the functional departments. In fact, the functional departments are operating relatively independently, lack of close links; the processed workload is also overlap. Specially, the same information can now be processed and provided by different departments. To apply ERP must clearly delimit the processing and providing information tasks for each department. To avoid conflicts in processing and providing information tasks has to ensure that the same information is handled and provided once time consistency throughout the system.

(2) The compatibility of the software with the peculiarities of the coal mining enterprise: A problem that most of managers of the coal mining enterprises are now also very disturbed to learn about ERP is whether this software can meet all requirements. With the coal mining enterprises of Vinacomin, the production and business process is complex, the operation mechanism is flexible. For specific industry, the companies operate under economic laws and the separate regulation mechanism of the state. To apply ERP in a standard way, the consistency in the whole system need to be ensured. ERP is an integrated software system which is built base on the original uniform requirements are complied with certain route. In the operation of the coal mining enterprises, the firms are required to follow the guidance regulation of the state through Group Vinacomin, so it requires the flexibility. In fact, it is very difficult to integrate.

(3) The level of using IT in business: It is a big disadvantage for the coal mining enterprises. Although the computerization in management of these enterprises is very popular, however the level of use IT is inaccessible to all employee. The application of ERP in management ask most tasks to be processed on the computer, for this reason all workers must be knowledgeable about this new software to can use well in the working process. If the enterprises put ERP into the management, organizing training and guiding the usage must be conducted. It takes much time and labour resources.

(4) The cost of major investment: The cost issue is always an attentive issue for companies in general and the coal mining companies in particular. No matter what decision,

the managers are interested in the cost of money and efficiency. The deployment of ERP application in the administration management also requires the enterprises to invest considerable money. Firstly, they have to invest their money in the purchase of ERP software to ensure the conformity with characteristics of the enterprise. Secondly, they invest facilities, equipment to apply the software effectively. Besides, they must also take into account the investment costs for the training and the software guidance ... All these issues are now the major difficulty that the coal mining enterprises are considering.

In addition, there is also the cause comes from the enterprise itself, is that people often do not like change, while ERP asks them to change their way of working to adapt to the new system. Indeed, the change of software is not as important as the employee change themselves in order to utilize the software effectively. This is one of reasons why ERP project fails in the process of integration and putting into practice.

In summary, ERP really brings in benefits for the enterprises in general as well as the coal mining enterprise in particular, so they need to recognize and deal with the above problems.

4. Conclusion

In the explosion of IT as well as in conditions of global economic integration, the deployment of ERP application in the administration management is an indispensable necessary requirement for enterprises in Vietnam in general and the coal mining enterprises in particular. In order to improve competitive capacity, the enterprise are required to achieving the common international standards. The application of ERP in the administration management is also one of the conditions for Vietnam businesses to meet the international standards. The deployment of ERP application in the management of the coal mining enterprises opens many opportunities but also poses to some certain challenges for the enterprises. It requires the coal mining enterprises must calculate and identify the opportunities and challenges that they will have to face, and then considering whether putting ERP in the management or not? Within the content of framework, my article has stated a number of opportunities and challenges for the coal mining enterprises applying the resource planning system and helps them consider choosing the best project.

REFERENCES

[1] Nguyen Phuoc Bao An, 2012, Accounting Information System, University of Economic Ho Chi Minh City, Phuong Dong Publishing House.

[2] Some documents of the domestic software companies and overseas software companies about ERP.

[3] Mary Summer, 2004, Enterprise Resource Planning, Prentice Hall.

[4] Reference websites:

- www.itjsc.com.vn
- www.fast.com.vn
- http://www.erpVietnam.wordpress.com

Mẫu số 1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Đơn vị:Khoa kinh tế -QTKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2016

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VÀ XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG NĂM 2015-2016

(Đối với cá nhân)

Họ và tên: Lê Thị Thu Hồng

Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên

Đơn vị công tác: Bộ môn kế toán doanh nghiệp

TT	Nội dung đánh giá *(Đọc kĩ phần Lưu ý ở cuối bảng để kê khai chính xác)*	Thang điểm	Tự đánh giá	Cấp quản lý trực tiếp đánh giá	Cấp có thẩm quyền đánh giá
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm, bao gồm cả nhiệm vụ đột xuất**	**0-10**	**10**		
• Hoàn thành vượt tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là: 230%).		8-10	10		
• Hoàn thành 100% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ với chất lượng tốt.		6-8			
• Hoàn thành 70 đến dưới 100% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ với chất lượng khá trở lên.		4-6			
• Hoàn thành 50 đến dưới 70% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ.		1-4			
• Hoàn thành dưới 50% nghĩa vụ được giao hoặc để xảy ra vụ việc gây hậu quả đến mức bị xử lý kỷ luật với hình thức cảnh cáo trở lên.		0			
2	**Đánh giá tinh thần thái độ làm việc**	**0-10**	**10**		
2.1	Lập trưởng, tư tưởng chính trị, sự chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Nhà trường; kỷ luật lao động.	0-2	**2**		
2.2	Phẩm chất đạo đức, lối sống; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp và đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	0-2	**2**		
2.3	Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật; tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được giao.	0-2	**2**		
2.4	Việc học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.	0-2	**2**		
2.5	Hiệu quả quản lý và sử dụng các thiết bị thí nghiệm,	0-2	**2**		

	điện, nước, nguyên vật liệu.				
3	**Đánh giá kết quả hoạt động khoa học công nghệ, phát minh, sáng kiến…**		**2.2**		
3.1	Giáo trình cấp Trường in lần đầu.	0-3			
3.2	Giáo trình cấp Trường in tái bản có bổ sung, sửa chữa.	0-1.5			
3.3	Sách, giáo trình in lần đầu ở nhà xuất bản.	0-4			
3.4	Sách, giáo trình in tái bản có bổ sung, sửa chữa.	0-2			
3.5	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu. (*đề tài: Giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần dệt may Hà Nội – Hội nghị khoa học sinh viên)*	0.5	0.5		
3.6	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, thi Olympic đạt giải Nhất, Nhì, Ba cấp Trường.	1			
3.7	Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải Nhất, Nhì, Ba, khuyến khích cấp Quốc gia hoặc đạt giải Tài năng trẻ.	2			
3.8	Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố.	1			
3.9	Đề tài cấp cơ sở đã được nghiệm thu đúng thời hạn.	0-2			
3.10	Đề tài, dự án sản xuất thử cấp Bộ, Tỉnh, Thành phố đã được nghiệm thu theo tiến độ (được tính điểm cho tối đa 2 năm).	0-3			
3.11	Đề tài cấp Nhà nước đã được nghiệm thu theo tiến độ (được tính điểm cho tối đa 3 năm).	0-6			
3.12	Hợp đồng, đề tài NCKH phục vụ sản xuất ký về các Công ty, Trung tâm của Nhà trường đã nghiệm thu, thanh lý (được tính điểm cho 1 năm và theo giá trị hợp đồng).	(0-3)/ tỷ đồng			
3.13	Báo cáo khoa học cấp Trường và tương đương.	0-1			
3.14	Báo cáo khoa học cấp Quốc gia.	0-1.5			
3.15	Báo cáo khoa học cấp Quốc tế.	0-3			
3.16	Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn. (*đề tài:Tìm hiểu mô hình Miller-or trong quản lý dòng tiền)*	0-0.5	0.5		
3.17	Bài báo khoa học tiếng Việt ở Tạp chí khoa học trong nước. *(ThS.Lê Thị Thu Hồng, ThS. Dương Thị Nhàn, ThS. Nguyễn Thị Huyền Trang, Nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý an toàn trong khai thác than Việt Nam; Số 4 tháng 4/2016; Bản tin khoa học cơ khí năng lượng mỏ)*	0-2	0.7		
3.18	Bài báo khoa học tiếng nước ngoài ở Tạp chí khoa học trong nước.	0-2.5			
3.19	Bài báo khoa học tiếng nước ngoài ở Tạp chí khoa học nước ngoài.	0-3.5			
3.20	Bài báo khoa học ở tạp chí ISI và Scopus.	0-5			
3.21	Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong công việc và công tác có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-1			
3.22	Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy và công tác có hiệu quả được Hội đồng Thi đua cấp khoa	0-0.5	0.5		

	công nhận và đánh giá (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3). *Áp dụng sang kiến ThS. Dương Thị Nhàn*				
3.23	Sáng tạo ra các công nghệ, phương pháp góp phần nâng cao năng suất lao động, hiệu quả công việc (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-5			
3.24	Có giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3)..	0-4			
3.25	Xây dựng văn bản quản lý; xây dựng đề án, dự án về công tác quản lý và hoạt động chuyên môn được áp dụng có hiệu quả (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-4			
	Tổng:		**22,2**		

Tự phân loại đánh giá: A (Hoàn thành tốt nhiệm vụ)
Tự đề xuất danh hiệu thi đua (nếu có):.....
Tự đề xuất hình thức khen thưởng (nếu có):.....

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Lê Thị Thu Hồng

BẢN TIN KHOA HỌC

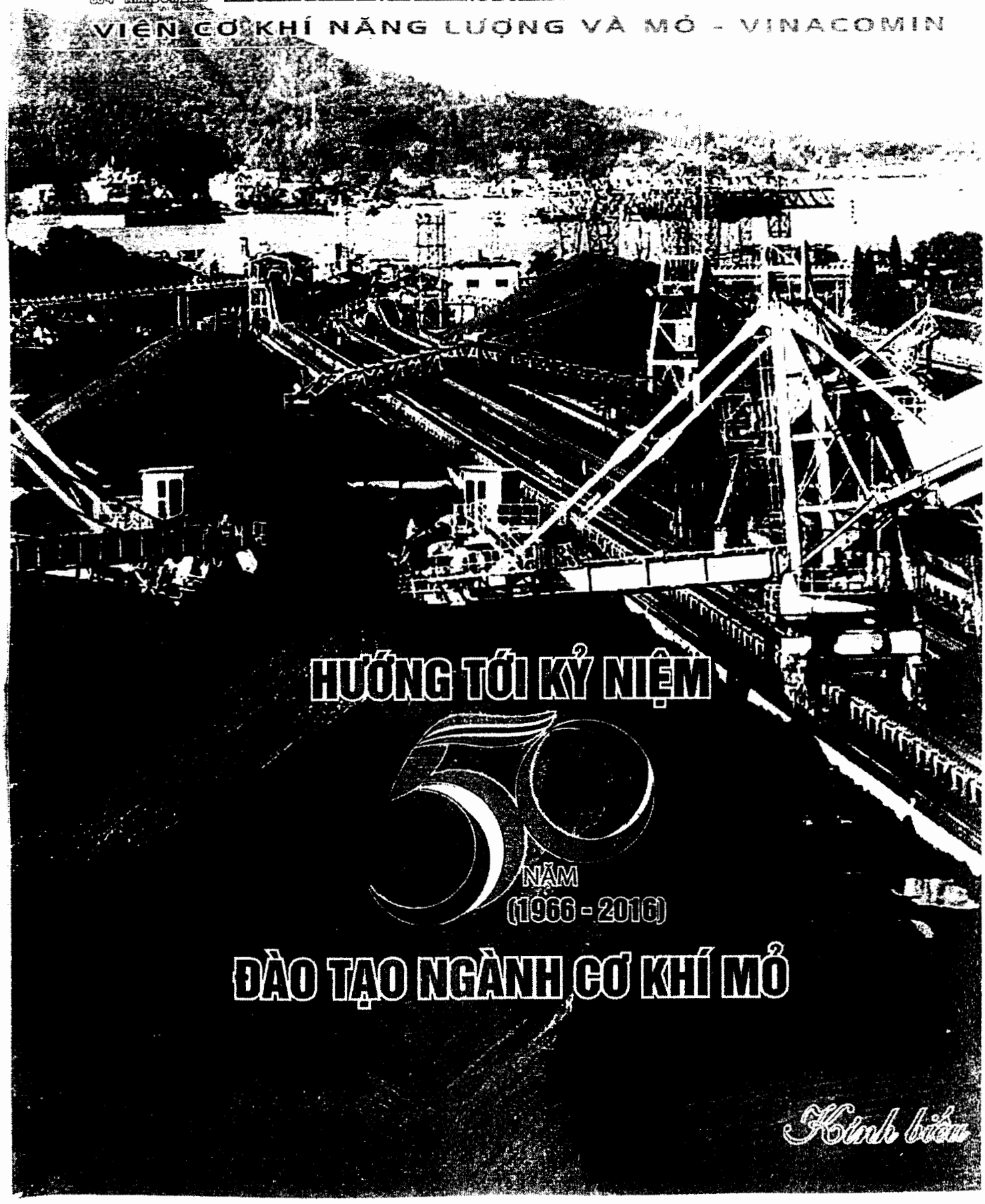
CƠ KHÍ NĂNG LƯỢNG - MỎ

ISSN: 2354 - 1164

SỐ 4 - THÁNG 04/2016

MECHANICAL ENGINEERING BULLETIN FOR MINING AND ENERGY INDUSTRIES

VIỆN CƠ KHÍ NĂNG LƯỢNG VÀ MỎ - VINACOMIN



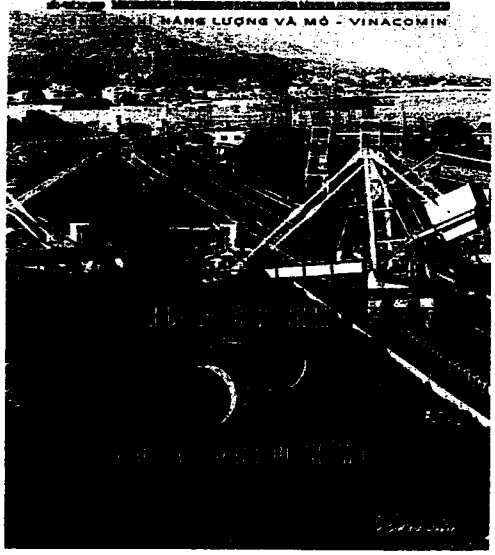
HƯỚNG TỚI KỶ NIỆM

50 NĂM (1966 - 2016)

ĐÀO TẠO NGÀNH CƠ KHÍ MỎ

Kính biếu

TẠP CHÍ CƠ KHÍ NĂNG LƯỢNG - MỎ
ISSN: 2354 - 1164



CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG:
Trưởng Ban biên tập
ThS. Bạch Đông Phong - Viện trưởng

BAN BIÊN TẬP
KS. Lê Thái Hà - *Phó Trưởng ban*
ThS. Hứa Ngọc Sơn - *Phó Trưởng ban*
TS. Đỗ Trung Hiếu - *Ủy viên Thường trực*
KS. Trần Bảo Quang - *Ủy viên*
ThS. Trần Đức Thọ - *Ủy viên*
TS. Trịnh Tiến Khỏe - *Ủy viên*
TS. Đàm Hải Nam - *Ủy viên*
ThS. Nguyễn Thu Hiền - *Ủy viên*
ThS. Nguyễn Đình Hiệp - *Ủy viên*
KS. Cao Ngọc Đẩu - *Ủy viên*
TS. La Văn Tửu - *Ủy viên*
TS. Nguyễn Anh - *Ủy viên*
TS. Nguyễn Văn Tân - *Ủy viên*
TS. Nguyễn Hữu Liên - *Ủy viên*

TÒA SOẠN
Địa chỉ: 565 đường Nguyễn Trãi,
P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: (+84-4) 3552 5553 / 3854 2142
Fax: (+84-4) 3854 3154 / 3854 2142
Email: bantiniemm@gmail.com

Giấy phép xuất bản số 23/GP-XBBT
ngày 15/4/2015 Cục Báo chí
In tại Công ty CP Đầu tư và Hợp tác Quốc tế

MỤC LỤC

Số 4 - Tháng 4/2016



VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

3 Ngành Cơ khí Mỏ 50 năm xây dựng và phát triển

6 Nâng cao chất lượng đào tạo ngành Cơ khí mỏ, đáp ứng yêu cầu thực tiễn hiện nay

9 Vài suy nghĩ về công tác nghiên cứu, tổ chức hoạt động và triển khai khoa học công nghệ ứng dụng vào sản xuất

12 Cần củng cố mối liên kết nhà trường - doanh nghiệp trong đào tạo

15 Nâng cao vai trò của đoàn viên - giảng viên trong phong trào nghiên cứu khoa học

18 Hội nghị thượng đỉnh Liên Hiệp Quốc về biến đổi khí hậu (COP21) và cam kết của Việt Nam

NGHIÊN CỨU - ỨNG DỤNG

22 Lựa chọn và lắp đặt các máy bơm thoát nước mỏ khi khai thác xuống sâu

26 Tuyển trọng lực bằng máy lắng và máy phân ly trong môi trường nặng

31 Phân tích ảnh hưởng của dòng hỗn hợp rắn - lỏng đến chế độ làm việc của bơm ly tâm trong các nhà máy tuyển31

34 Máy lọc ép tăng áp dạng đĩa quay tròn và ứng dụng trong nhà máy tuyển than

37 Sinh viên Máy và Thiết bị mỏ Chế tạo xe tiết kiệm nhiên liệu

38 Thiết lập phương trình dao động của máy cấp liệu rung loại GZS

40 Nghiên cứu ảnh hưởng của dao động đến khung đỡ mềm băng tải

42 Nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý an toàn trong khai thác than Việt Nam

TIN TỨC

46 Kỷ niệm 106 năm ngày Quốc tế Phụ nữ

48 Hội thảo công nghệ khai thác lò chợ xiên chéo, chống bằng giàn mềm ZRY

GÓC SÁNG CHẾ

49 Góc sáng chế, sáng kiến

THẾ GIỚI KHCN

51 Quốc gia nào sở hữu nhiều robot nhất thế giới?

53 Công nghệ mới giúp tăng dung lượng ổ cứng gấp 10 lần

Nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý an toàn trong khai thác than Việt Nam

ThS. LÊ THỊ THU HỒNG; ThS. DƯƠNG THỊ NHÀN; ThS. NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG

Trường Đại học Mỏ - Địa Chất

Khai thác mỏ là một ngành lao động đặc thù, được xếp loại lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Hầu hết các mỏ có kiến tạo phức tạp, công nghệ lạc hậu, lao động thủ công là chủ yếu, điều kiện lao động khắc nghiệt. Vấn đề an toàn lao động, sức khỏe người lao động và những quyền lợi chính đáng của người lao động luôn là vấn đề nan giải và được chú ý. Nghiên cứu thực trạng hệ thống tổ chức quản lý công tác an toàn, đề xuất các nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý an toàn trong khai thác mỏ là một nội dung cấp thiết hiện nay.

1. Hệ thống quản lý nhà nước

Hệ thống quản lý an toàn đã được tổ chức theo ngành dọc từ các cơ quan quản lý nhà nước (Chính phủ, Bộ, Ngành) các cấp tới các đơn vị khai thác than. Chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, cá nhân được quy định rõ ràng bằng văn bản. Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại như sau:

a. Phòng Thanh tra An toàn thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh nơi có các mỏ than hoạt động trên địa bàn (Quảng Ninh, Thái Nguyên) còn mỏng, chưa sâu sát trong vai trò quản lý nhà nước về an toàn tại địa phương. Công tác thanh tra, kiểm tra an toàn còn rất hạn chế. Lực lượng thanh tra của Sở thường chỉ có mặt khi có các vụ tai nạn nghiêm trọng hoặc khi phải chỉ đạo công tác điều tra tai nạn lao động.

b. Cục An toàn lao động thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội chưa thể hiện rõ vai trò quản lý nhà nước về công tác an toàn đối với các công ty mỏ, đặc biệt là đối với các mỏ khai thác than hầm lò.

c. Nhân lực làm công tác quản lý an toàn tại Cục Kỹ thuật An toàn và Môi trường Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương còn mỏng, chưa có cán bộ chuyên trách theo dõi riêng mảng an toàn tại các mỏ than. Tần xuất thanh kiểm tra công tác kỹ thuật an toàn tại các mỏ than còn rất ít. Hiện tại công tác thanh kiểm tra thực hiện theo tần xuất : 02 năm/ lần (thực hiện theo Đoàn liên bộ, gồm Bộ Lao động thương binh xã hội và Bộ Công thương). Chưa có hệ thống tổ chức, đào tạo, kiểm tra, sát hạch, chuẩn hóa các chức danh làm công tác an toàn.

d. Nhân lực làm công tác thanh tra, an toàn thuộc các doanh nghiệp khai thác than còn ít, chủ yếu làm công tác quản lý. Tần suất thanh tra, kiểm tra tại hiện trường còn ít, Công tác giáo đục đạo tạo kỹ năng, kỹ thuật trong công tác quản lý an toàn còn mang nặng tính hình thức.

2. Hệ thống quản lý cấp tập đoàn (doanh nghiệp)

2.1. Giới thiệu hệ thống tổ chức

Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin): Là tập đoàn khai thác các mỏ than và khoáng sản. Chịu trách nhiệm trước các cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động trong các đơn vị khai thác than thuộc Tập đoàn.

Tổng Giám đốc: Tổng giám đốc là đại diện pháp nhân của Tập đoàn và chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị, thủ tướng chính phủ và trước pháp luật về điều hành hoạt động mọi mặt của Tập đoàn.

Phó Tổng Giám đốc phụ trách công tác an toàn: Là người chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về việc quản lý chỉ đạo và triển khai thực hiện các chế độ, chính sách của nhà nước trong lĩnh vực AT – BHLĐ. Có trách nhiệm tham mưu cho Tổng giám đốc Tập đoàn các vấn đề về An toàn và bảo hộ lao động. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công, tổ chức các đoàn thanh tra của Tập đoàn tại các đơn vị khai thác than...

Chánh Thanh tra kỹ thuật an toàn: Là người chịu trách nhiệm trước Phó TGĐ về việc quản lý chỉ đạo và triển khai thực hiện các chế độ, chính sách của nhà nước trong

lĩnh vực an toàn - BHLĐ. Có trách nhiệm tham mưu các vấn đề về An toàn và bảo hộ lao động. Tổ chức các đoàn thanh tra của Tập đoàn tại các đơn vị khai thác than.

Ban An toàn: Ban kỹ thuật AT - BHLĐ thuộc Tập đoàn, có trách nhiệm tham mưu cho Tổng giám đốc các vấn đề về An toàn và bảo hộ lao động. Phối hợp với Chánh thanh tra mỏ tổ chức các đoàn thanh tra của Tập đoàn tại các đơn vị khai thác than. Là đầu mối, chủ trì công tác AT-BHLĐ, điều tra tai nạn lao động trong toàn Tập đoàn. Có trách nhiệm thống kê, tổng hợp tai nạn lao động để báo cáo Bộ Công Thương và Sở Lao động Thương binh và Xã hội các Tỉnh/thành phố có ranh giới mỏ nằm trong địa bàn Tỉnh/thành phố đó.

Trung tâm Cấp cứu mỏ: Đơn vị trực thuộc Tập đoàn chịu sự điều hành trực tiếp bởi Phó Tổng giám đốc phụ trách An toàn, có nhiệm vụ huấn luyện công tác cấp cứu mỏ cho các đội cấp cứu mỏ bán chuyên; tổ chức ứng cứu sự cố - Tìm kiếm cứu nạn khi có tai nạn tại các mỏ; thỏa thuận kế hoạch ứng cứu sự cố - Tìm kiếm cứu nạn với các đơn vị khai thác than.

Viện Khoa học Công nghệ Mỏ: Là đơn vị trực thuộc Tập đoàn Vinacomin chuyên nghiên cứu, tư vấn các vấn đề về công nghệ khai thác, tuyển khoáng và các lĩnh vực khác trong đó có an toàn mỏ.

Trung tâm An toàn Mỏ: Là đơn vị trực thuộc Viện KHCN Mỏ, có nhiệm vụ tư vấn, nghiên cứu phòng ngừa các tai nạn, sự cố xảy ra. Xác định, dự báo độ chứa khí, độ thoát khí cho các mỏ than hầm lò; thiết kế, lắp đặt, bảo trì các hệ thống quan trắc thiết kế, cải tạo mạng thông gió; tháo khí mê tan; kiểm định thiết bị điện phòng nổ; đào tạo an toàn về cháy nổ khí mê tan cho các đơn vị khai thác than trong Tập đoàn.

Các mỏ than: Là các đơn vị trực thuộc Tập đoàn có nhiệm vụ khai thác, sản xuất than và chịu trách nhiệm trực tiếp về vấn đề an toàn cho người lao động; về tổ chức: có đầy đủ các chức danh Giám đốc điều hành mỏ, phó giám đốc an toàn, các phòng ban tham mưu theo đúng quy định. Các phòng ban chuyên môn xây dựng kế hoạch an toàn bảo hộ lao động và kế hoạch ứng cứu sự cố, tìm kiếm cứu nạn và các hoạt động khác nhằm đảm bảo an toàn trong khai thác than tại đơn vị.

Phòng An toàn: Trực thuộc các đơn vị khai thác than hoặc trực thuộc công ty 2 cấp, có nhiệm vụ xây dựng chính sách, kế hoạch AT-BHLĐ, tổ chức thực hiện, giám sát an toàn trong các lĩnh vực AT – BHLĐ tại mỏ.

Giám sát viên an toàn: Trực thuộc Phòng an toàn. Trực tiếp giám sát tình hình thực hiện công tác an toàn lao động tại từng công trường, phân xưởng sản xuất. Giám sát viên an toàn có trách nhiệm giám sát và báo cáo Trưởng Phòng an toàn về các vấn đề gây mất an toàn tại đơn vị mình quản lý.

An toàn vệ sinh viên: Trực thuộc các công trường, phân xưởng sản xuất của các đơn vị khai thác than. Có nhiệm vụ tuyên truyền, nhắc nhở, giám sát người lao động tại đơn vị mình thực hiện các quy định về công tác an toàn bảo hộ lao động.

2.2. Nhận xét, đánh giá

Hệ thống quản lý an toàn đã được tổ chức theo ngành dọc từ Tập đoàn tới các Tổng công ty, công ty, các đơn vị...; chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, cá nhân được quy định rõ ràng bằng văn bản. Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại như sau:

- Hoạt động thanh kiểm tra của Tập đoàn còn mang nặng tính hình thức và chịu sự tác động không nhỏ trong công tác điều hành như yêu cầu sản lượng, kế hoạch, tài chính. Sự tác động nhiệm vụ sản xuất và tài chính là không nhỏ ảnh hưởng tiêu cực đến công tác quản lý an toàn và các điều kiện về an toàn...

- Công tác thanh kiểm tra độc lập trong quản lý an toàn khai thác than nói riêng và công tác khai thác khoáng sản nói chung đang là một nhu cầu cấp thiết trong thời gian hiện nay.

3. Hệ thống văn bản pháp quy

Hệ thống văn bản pháp quy liên quan đến công tác quản lý an toàn trong ngành than đã được xây dựng và ban hành bởi Quốc hội, Chính phủ, các Cơ quan quản lý nhà nước và Doanh nghiệp bao gồm:

+ Quốc hội, Chính phủ: Ban hành các Bộ luật lao động, luật khoáng sản và các nghị định để hướng dẫn thi hành các luật, bộ luật nói trên.

+ Các Bộ: Xây dựng và ban hành các thông tư hướng dẫn thực hiện các nội dung liên quan đến công tác an toàn. Ngoài ra, Bộ Công Thương đã xây dựng và ban hành các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia an toàn trong khai thác than lộ thiên, Hầm lò, các thông tư hướng dẫn ...

+ Các đơn vị quản lý khai thác than cấp Tập đoàn, Tổng công ty: Xây dựng và ban hành các quy chế quản lý an toàn, các quyết định, chỉ thị, thông báo liên quan đến công tác an toàn.

+ Các mỏ than: Xây dựng và ban hành các quy định an toàn nội bộ, quy trình vận hành, quy trình công nghệ, biện pháp an toàn cho tất cả các khâu công nghệ, các thiết bị ở các vị trí làm việc...

Tuy nhiên, còn tồn tại một số vấn đề sau đây:

- Hệ thống văn bản pháp quy chưa thể hiện rõ được vai trò trách nhiệm chính trong công tác an toàn (từ hệ thống văn bản nhà nước đến hệ thống văn bản của doanh nghiệp). Vấn đề trách nhiệm cá nhân, tổ chức cần phải được cụ thể hơn. Đặc biệt là quyền và thẩm quyền kèm theo trách nhiệm của tổ chức, cá nhân cần được nghiên cứu xem xét bổ xung cụ thể rõ ràng hơn.

- Một số nội dung trong quy chuẩn không còn phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất do công nghệ khai thác lộ thiên, hầm lò, trang thiết bị hiện tại đã thay đổi và các quy định hiện thời đã không còn phù hợp.

- Vấn đề khai thác các vỉa than có tính tự cháy, các vỉa có độ chứa khí cao cần phải tháo khí, cần được quy định cụ thể hơn.

- Hệ thống quy trình quy định còn mang tính hình thức không đạt được các tiêu chí cần thiết. Hệ thống tài liệu an toàn còn chồng chéo, không tập trung và không được rà soát, cập nhật kịp thời sát thực với thực tế sản xuất tại mỏ.

- Các mỏ mới có kế hoạch Ứng cứu sự cố - tìm kiếm cứu nạn, kế hoạch an toàn - bảo hộ lao động. Xây dựng kế hoạch an toàn chi tiết hàng năm chủ yếu nêu nội dung cần mua sắm, huấn luyện, ...các vấn đề khác như chương trình hành động, biện pháp phòng ngừa, phòng chống thiên tai ...còn chưa đạt yêu cầu.

- Thiếu tiêu chuẩn kiểm định các loại vì chống lò, các thiết bị thủy lực và vì chống thủy lực sử dụng trong mỏ hầm lò.

- Công tác quản trị rủi ro chưa được triển khai thực hiện theo đúng yêu cầu. Kế hoạch phòng chống thiên tai, phòng chống cháy nổ còn sơ sài, hình thức chưa đáp ứng được yêu cầu trước những diễn biến khí hậu bất thường hiện nay.

4. Công tác đào tạo huấn luyện

4.1. Hiện trạng

Công tác đào tạo, huấn luyện an toàn được các mỏ thực hiện thường xuyên và liên tục do luôn có sự biến động về nhân lực trong mỏ. Đối tượng cần đào tạo được chia làm 2 nhóm đó là Cán bộ kỹ thuật, quản lý và công nhân.

+ Đối với các cán bộ quản lý: Công tác đào tạo được thực hiện hàng năm tại Trường quản trị kinh doanh của Tập đoàn. Giáo viên là các chuyên viên của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, cán bộ Phòng An toàn mỏ và Dầu Khí, cục ATMT trực tiếp giảng dạy. Ngoài ra, cứ 2 năm một lần, Lãnh đạo mỏ và các cán bộ quản lý phòng, ban, phân xưởng đều phải được huấn luyện, kiểm tra về những quy định tại Quy chuẩn hiện hành.

+ Đối với công nhân mỏ: Tất cả công nhân làm việc dưới hầm lò hoặc liên quan đến hầm lò đều phải qua huấn luyện an toàn bao gồm huấn luyện lần đầu, huấn luyện khi người lao động chuyển đổi công việc và huấn luyện định kỳ (hình 3.3). Công tác huấn luyện an toàn do các cán bộ thuộc Phòng An toàn của các mỏ hầm lò phụ trách giảng dạy và kiểm tra. Đội cấp cứu mỏ bán chuyên của mỏ được tập huấn về cấp cứu mỏ hàng quý tại Trung tâm Cấp cứu Mỏ - Vinacomin. Công tác đào tạo an toàn, trình diễn cháy nổ khí mê tan được thực hiện từ 2 năm/lần do các cán bộ của Trung tâm An toàn Mỏ - Viện Khoa học Công nghệ Mỏ trực tiếp giảng dạy tại hiện trường.

4.2. Đánh giá

Hiện nay, công tác đào tạo, huấn luyện an toàn cho cán bộ quản lý, người lao động đã được triển khai thực hiện. Tất cả các mỏ đều có Phòng an toàn nơi phụ trách công việc huấn luyện an toàn cho công nhân. Ngoài ra, các lớp đào tạo, huấn luyện của Tập đoàn, Trung tâm Cấp cứu Mỏ và Trung tâm An toàn Mỏ đã giúp cho những người làm việc tại mỏ có thêm những kiến thức bổ sung, cập nhật liên quan đến an toàn Mỏ.

Tuy nhiên, còn tồn tại một số vấn đề sau đây:

a. Một số khóa đào tạo còn mang nặng lý thuyết, thiếu các thiết bị thực hành và các ví dụ thực tế, nội dung mới của thiết bị, công nghệ mới chưa được cập nhật kịp thời.

b.Trong công tác an toàn lao động, ngoài việc giáo dục cho người lao động hiểu biết về nghề nghiệp, kỹ năng, kỹ thuật cơ bản..., đồng thời cũng phải chỉ rõ cho người lao động biết được những mối nguy hiểm và biện pháp phòng chánh, kỹ năng ứng xử với môi trường làm việc. Nhưng do còn hạn chế về nhận thức của người lao động, và một số cán bộ quản lý, việc quản trị rủi an toàn lao động chưa đạt yêu cầu.

c. Trình độ và kiến thức của đội ngũ giám sát viên an toàn chưa tương xứng với vai trò và vị trí của họ. Hầu hết họ xuất phát từ công nhân mỏ, trình độ còn hạn chế, chưa được đào tạo, bổ sung kiến thức về an toàn một cách bài bản, chưa qua kiểm tra, sát hạch và cấp chứng chỉ của cơ quan quản lý cấp trên.

5. Đề xuất nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý an toàn trong ngành khai thác than việt nam

5.1. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức an toàn

1. Xây dựng cơ quan chuyên trách về công tác bảo hộ lao động có đủ thẩm quyền và điều kiện hoạt động. Với cơ cấu chỉ là một bộ phận nhỏ của cơ quan LĐ-TBXH hiện nay sẽ rất khó để thực hiện đúng và đầy đủ yêu cầu quản lý nhà nước đối với lĩnh vực quan trọng này. Việc lập ra cơ quan chuyên trách có quy mô và tổ chức lớn hơn, có thể nằm ngoài cơ quan LĐ-TBXH (tương tự như cảnh sát PCCC, cảnh sát môi trường) sẽ là điều kiện rất thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước về AT- BHLĐ. Đối với ngành khai thác than, một ngành có tính đặc thù nặng nhọc và nhiều nguy hiểm thì việc hình thành một cơ quan giám sát an toàn hoạt động độc lập là vô cùng cần thiết hiện nay. Bởi chúng ta đang tiến hành hội nhập sâu rộng trên thế giới, đã tham gia các hiệp ước ILO, Công ước 176 của ILO

về an toàn sức khỏe trong công tác khai thác hầm mỏ...

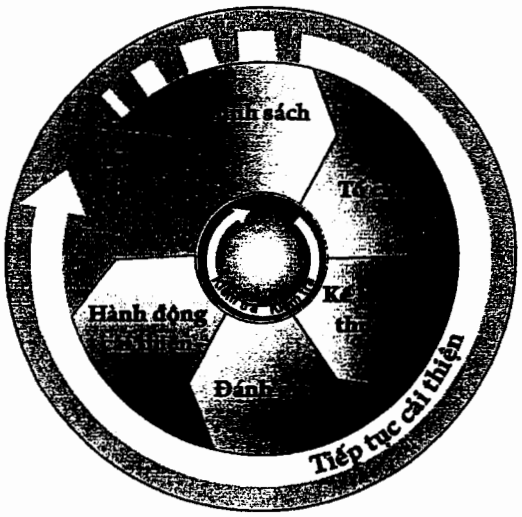
Chúng tôi đề xuất thành lập lực lượng thanh kiểm tra ngành khai thác than tại Quảng Ninh, bộ phận này trực thuộc Cục kỹ thuật an toàn và môi trường công nghiệp, Bộ Công Thương.

2. Hoàn thiện hệ thống quy phạm pháp luật về AT- BHLĐ: thể chế hóa các quy định pháp luật hiện nay thành Luật và kèm theo các văn bản hướng dẫn thi hành, quy định chi tiết các nội dung công tác an toàn bảo hộ lao động trong ngành khai thác than làm cơ sở cho công tác an toàn bảo hộ lao động được triển khai trong thực tiễn.

3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo hộ lao động rộng khắp, làm cho ý thức chấp hành và thực hiện công tác bảo hộ lao động của từng doanh nghiệp, từng người lao động được nâng cao. Đặc biệt, là vai trò của nhà nước trong vấn đề này.

5.2. Hoàn thiện hệ thống quản lý an toàn cấp doanh nghiệp

Việc áp dụng hệ thống quản lý AT-VSLĐ phải dựa trên các tiêu chí, tiêu chuẩn và hoạt động triển khai thực hiện công tác AT-VSLĐ. Điều này nhằm mục đích cung cấp phương pháp đánh giá và cải thiện việc thực hiện hoạt động, phòng ngừa tai nạn và sự cố xảy ra tại nơi làm việc, thông qua hoạt động quản lý có hiệu quả các nguy cơ và rủi ro tại nơi làm việc. Đây là phương pháp mang tính logic và theo thứ tự bậc thang nhằm quyết định điều gì cần làm, làm thế nào để thực hiện tốt nhất, quá trình giám sát nhằm hướng tới những mục tiêu đã đề ra,



Hình 1: Mô hình các nội dung chính của hệ thống quản lý AT-VSLĐ

đánh giá mức độ thành công và ghi nhận các khu vực đã có chuyển biến tốt. Hệ thống này cần phải phù hợp với những thay đổi trong mô hình tổ chức kinh doanh và các quy định mang tính luật pháp.

Các đơn vị khai thác than đều phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về AT-VSLĐ, AT-VSLĐ là trách nhiệm và nghĩa vụ của NSDLĐ và NLĐ. NSDLĐ là người chịu trách nhiệm chính về công tác AT-VSLĐ, phải đứng ra chỉ đạo và cam kết thực hiện các hoạt động AT-VSLĐ tại cơ sở. Để công tác AT-VSLĐ của cơ sở hoạt động có hiệu quả phải lập một Hệ thống quản lý AT-VSLĐ với các nội dung: Chính sách, tổ chức bộ máy, xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch, đánh giá và hoàn thiện.

Các đơn vị phải xây dựng một chính sách an toàn đúng thể thức, phù hợp với điều kiện của cơ sở. Nó bao gồm các yếu tố cơ bản của một chính sách an toàn và được khái quát cho các môi trường làm việc khác nhau với nhiều mức độ nguy hiểm khác nhau.

Một chính sách an toàn phải được lập dưới dạng văn bản, đó là cơ sở để xây dựng thành công một chương trình an toàn và có thể giúp tiết kiệm chi phí, tránh những phiền phức và hậu quả khác do TNLĐ gây ra bằng cách đảm bảo rằng mọi nhân viên đều biết mình phải làm gì, mọi nhân viên đều có thể tìm hiểu, nắm bắt thông tin, và đề xuất các nguyện vọng...

Kết luận

Nghiên cứu thực trạng và đề ra các giải pháp cần phải tiến hành thực hiện trong thời gian tới mang tính đồng bộ từ quản lý nhà nước tới các đơn vị khai thác than. Việc hoàn thiện một giải pháp này sẽ liên quan đến giải pháp khác, nó có tác dụng cộng hưởng lẫn nhau. Bởi vậy, rất cần có sự vào cuộc đồng loạt từ trung ương đến các đơn vị khai thác mỏ thì mới có thể tạo ra sự thay đổi tích cực cho công tác quản lý an toàn khai thác than của Việt Nam ❖

TÀI LIỆU THAM KHẢO

(1). Tiêu chuẩn OHSAS 18001 : 2007. Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.

(2). Xây dựng nội dung công tác quản lý an toàn trong lĩnh vực khai thác than lộ thiên, Viện Khoa học Công nghệ mỏ - Vinacomin, 2014.

(3). Bùi Xuân Nam (2014). An toàn và vệ sinh lao động trong ngành mỏ, NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.

(4). Nguyễn An Lương (2012). Những vấn đề quan điểm, chính sách của Đảng về AT-VSLĐ và các yêu cầu mới ở trong nước và quốc tế cần được quan tâm nghiên cứu khi xây dựng dự thảo Luật AT-VSLĐ của nước ta. Tài liệu Hội thảo Quốc gia "Những nội dung cần nghiên cứu để đưa vào dự thảo Luật AT-VSLĐ", Hội AT-VSLĐ Việt Nam, Hà Nội.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Đơn vị: BỘ MÔN KẾ TOÁN DN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2016

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VÀ XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG NĂM 2016
(Đối với cá nhân)

Họ và tên: Phạm Thị Hồng Hạnh

Chức danh nghề nghiệp: Cán bộ giảng dạy

Đơn vị công tác: Bộ môn Kế toán doanh nghiệp, Khoa Kinh tế -QTKD

TT	Nội dung đánh giá *(Đọc kĩ phần Lưu ý ở cuối bảng để kê khai chính xác)*	Thang điểm	Tự đánh giá	Cấp quản lý trực tiếp đánh giá	Cấp có thẩm quyền đánh giá
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm, bao gồm cả nhiệm vụ đột xuất**	**0-10**	**10**		
• Hoàn thành vượt tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là: 986 tiết).		8-10	10		
• Hoàn thành 100% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ với chất lượng tốt.		6-8			
• Hoàn thành 70 đến dưới 100% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ với chất lượng khá trở lên.		4-6			
• Hoàn thành 50 đến dưới 70% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ.		1-4			
• Hoàn thành dưới 50% nghĩa vụ được giao hoặc để xảy ra vụ việc gây hậu quả đến mức bị xử lý kỷ luật với hình thức cảnh cáo trở lên.		0			
2	**Đánh giá tinh thần thái độ làm việc**	**0-10**	**10**		
2.1	Lập trưởng, tư tưởng chính trị, sự chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Nhà trường; kỷ luật lao động.	0-2	**2**		
2.2	Phẩm chất đạo đức, lối sống; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp và đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	0-2	**2**		
2.3	Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật;	0-2	**2**		

	tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được giao.				
2.4	Việc học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.	0-2	**2**		
2.5	Hiệu quả quản lý và sử dụng các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu.	0-2	**2**		
3	**Đánh giá kết quả hoạt động khoa học công nghệ, phát minh, sáng kiến...**		**2.45**		
3.1	Giáo trình cấp Trường in lần đầu.	0-3			
3.2	Giáo trình cấp Trường in tái bản có bổ sung, sửa chữa.	0-1.5			
3.3	Sách, giáo trình in lần đầu ở nhà xuất bản.	0-4			
3.4	Sách, giáo trình in tái bản có bổ sung, sửa chữa.	0-2			
3.5	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu.	0.5			
3.6	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, thi Olympic đạt giải Nhất, Nhì, Ba cấp Trường.	1			
3.7	Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải Nhất, Nhì, Ba, khuyến khích cấp Quốc gia hoặc đạt giải Tài năng trẻ.	2			
3.8	Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố.	1			
3.9	Đề tài cấp cơ sở đã được nghiệm thu đúng thời hạn. *(Tham gia đề tài: "Nghiên cứu hoàn thiện giao khoán chi phí trung tu trong các doanh nghiệp khai thác than thuộc Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV)).*	0-2	*0.2*		
3.10	Đề tài, dự án sản xuất thử cấp Bộ, Tỉnh, Thành phố đã được nghiệm thu theo tiến độ (được tính điểm cho tối đa 2 năm).	0-3			
3.11	Đề tài cấp Nhà nước đã được nghiệm thu theo tiến độ (được tính điểm cho tối đa 3 năm).	0-6			
3.12	Hợp đồng, đề tài NCKH phục vụ sản xuất ký về các Công ty, Trung tâm của Nhà trường đã nghiệm thu, thanh lý (được tính điểm cho 1 năm và theo giá trị hợp đồng).	(0-3)/ tỷ đồng			
3.13	Báo cáo khoa học cấp Trường và tương đương.	0-1			
3.14	Báo cáo khoa học cấp Quốc gia.	0-1.5			
3.15	Báo cáo khoa học cấp Quốc tế*(Chủ trì báo cáo tại Hội thảo quốc tế EMMA 2: "Advantages and disadvantages in the application of enterprise resource planning to the coal mining enterprises of Vietnam national coal-mineral industries Corporation in current period").*	0-3	2.25		
3.16	Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn.	0-0.5			
3.17	Bài báo khoa học tiếng Việt ở Tạp chí khoa học trong nước.	0-2			
3.18	Bài báo khoa học tiếng nước ngoài ở Tạp chí khoa học	0-2.5			

	trong nước.				
3.19	Bài báo khoa học tiếng nước ngoài ở Tạp chí khoa học nước ngoài.	0-3.5			
3.20	Bài báo khoa học ở tạp chí ISI và Scopus.	0-5			
3.21	Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong công việc và công tác có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-1			
3.22	Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy và công tác có hiệu quả được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận và đánh giá(Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-0.5			
3.23	Sáng tạo ra các công nghệ, phương pháp góp phần nâng cao năng suất lao động, hiệu quả công việc (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-5			
3.24	Có giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3)..	0-4			
3.25	Xây dựng văn bản quản lý; xây dựng đề án, dự án về công tác quản lý và hoạt động chuyên môn được áp dụng có hiệu quả (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-4			
4	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên)**	**0-3,5**	**3**		
4.1	Mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý.	0-2,5			
a)	Hoàn thành vượt tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là: .....); không có cá nhân bị xếp loại đánh giá ở mức C.	1,5-2,5	2		
b)	Hoàn thành từ 70 đến 100% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ với chất lượng tốt; không có cá nhân bị xếp loại đánh giá ở mức C.	1-1,5			
c)	Hoàn thành dưới 70% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ; hoặc có cá nhân bị xếp loại đánh giá ở mức C hoặc để xảy ra vụ việc gây hậu quả đến mức bị xử lý kỷ luật với hình thức cảnh cáo trở lên.	0			
4.2	Có uy tín, đơn vị đoàn kết.	0-1	1		
	Tổng:		**25.45**		

Tự phân loại đánh giá: A

Tự đề xuất danh hiệu thi đua (nếu có): Hoàn thành tốtnhiệm vụ

Tự đề xuất hình thức khen thưởng (nếu có):.....

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Phạm T. Hồng Hạnh

Mẫu số 1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Đơn vị: Bộ môn kế toán doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2016

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VÀ XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG NĂM 2016

(Đối với cá nhân)

Họ và tên: Nguyễn Thị Huyền Trang

Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên

Đơn vị công tác: Bộ môn kế toán doanh nghiệp

TT	Nội dung đánh giá *(Đọc kĩ phần Lưu ý ở cuối bảng để kê khai chính xác)*	Thang điểm	Tự đánh giá	Cấp quản lý trực tiếp đánh giá	Cấp có thẩm quyền đánh giá
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm, bao gồm cả nhiệm vụ đột xuất**	**0-10**	**10**		
• Hoàn thành vượt tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là: 870 giờ).		8-10	10		
2	**Đánh giá tinh thần thái độ làm việc**	**0-10**	**10**		
2.1	Lập trưởng, tư tưởng chính trị, sự chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Nhà trường; kỷ luật lao động.	0-2	**2**		
2.2	Phẩm chất đạo đức, lối sống; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp và đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	0-2	**2**		
2.3	Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật; tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được giao.	0-2	**2**		
2.4	Việc học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.	0-2	**2**		
2.5	Hiệu quả quản lý và sử dụng các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu.	0-2	**2**		

3	**Đánh giá kết quả hoạt động khoa học công nghệ, phát minh, sáng kiến…**		**2.2**		
3.1	Giáo trình cấp Trường in lần đầu.	0-3			
3.2	Giáo trình cấp Trường in tái bản có bổ sung, sửa chữa.	0-1.5			
3.3	Sách, giáo trình in lần đầu ở nhà xuất bản.	0-4			
3.4	Sách, giáo trình in tái bản có bổ sung, sửa chữa.	0-2			
3.5	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu. ""Hoàn thiện tổ chức kế toán quản trị chi phí tại hệ thống siêu thị Big C - thành phố Hà Nội"	0.5	0.5		
3.6	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, thi Olympic đạt giải Nhất, Nhì, Ba cấp Trường.	1			
3.7	Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải Nhất, Nhì, Ba, khuyến khích cấp Quốc gia hoặc đạt giải Tài năng trẻ.	2			
3.8	Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố.	1			
3.9	Đề tài cấp cơ sở đã được nghiệm thu đúng thời hạn.	0-2			
3.10	Đề tài, dự án sản xuất thử cấp Bộ, Tỉnh, Thành phố đã được nghiệm thu theo tiến độ (được tính điểm cho tối đa 2 năm).	0-3			
3.11	Đề tài cấp Nhà nước đã được nghiệm thu theo tiến độ (được tính điểm cho tối đa 3 năm).	0-6			
3.12	Hợp đồng, đề tài NCKH phục vụ sản xuất ký về các Công ty, Trung tâm của Nhà trường đã nghiệm thu, thanh lý (được tính điểm cho 1 năm và theo giá trị hợp đồng).	(0-3)/ tỷ đồng			
3.13	Báo cáo khoa học cấp Trường và tương đương.	0-1			
3.14	Báo cáo khoa học cấp Quốc gia.	0-1.5			
3.15	Báo cáo khoa học cấp Quốc tế.	0-3			
3.16	Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn. "**Những thay đổi trong thông tư 200 về kế toán hàng tồn kho**"	0-0.5	0.5		
3.17	Bài báo khoa học tiếng Việt ở Tạp chí khoa học trong nước.**ThS. Lê Thị Thu Hồng; ThS. Dương Thị Nhàn; ThS. Nguyễn Thị Huyền Trang. "Nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý an toàn trong khai thác than Việt Nam"**	0-2	0.7		
3.18	Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy và công tác có hiệu quả được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận và đánh giá(Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3). Vận dụng sáng kiến của ThS. Dương Thị Nhàn	0-0.5	0.5		
4	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo,**	**0-3,5**			

	quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên)				
4.1	Mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý.	0-2,5			
a)	Hoàn thành vượt tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là: .....); không có cá nhân bị xếp loại đánh giá ở mức C.	1,5-2,5			
b)	Hoàn thành từ 70 đến 100% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ với chất lượng tốt; không có cá nhân bị xếp loại đánh giá ở mức C.	1-1,5			
c)	Hoàn thành dưới 70% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ; hoặc có cá nhân bị xếp loại đánh giá ở mức C hoặc để xảy ra vụ việc gây hậu quả đến mức bị xử lý kỷ luật với hình thức cảnh cáo trở lên.	0			
4.2	Có uy tín, đơn vị đoàn kết.	0-1			
	Tổng:		22.2		

Tự phân loại đánh giá: A (Hoàn thành tốt nhiệm vụ)

Tự đề xuất danh hiệu thi đua (nếu có):.....

Tự đề xuất hình thức khen thưởng (nếu có):.....

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ



Nguyễn Thị Huyền Trang

Nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý an toàn trong khai thác than Việt Nam

TS. ThS. LÊ THỊ THU HỒNG; ThS. DƯƠNG THỊ NHÀN; ThS. NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG

Trường Đại học Mỏ - Địa Chất

Khai thác mỏ là một ngành lao động đặc thù, được xếp loại lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Hầu hết các mỏ có kiến tạo phức tạp, công nghệ lạc hậu, lao động thủ công là chủ yếu, điều kiện lao động khắc nghiệt. Vấn đề an toàn lao động, sức khỏe người lao động và hơn nữa quyền lợi chính đáng của người lao động luôn là vấn đề nan giải và được chú ý. Nghiên cứu thực trạng hệ thống tổ chức quản lý công tác an toàn, đề xuất các nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý an toàn trong khai thác mỏ là một nội dung cấp thiết hiện nay.

1. Hệ thống quản lý nhà nước

Hệ thống quản lý an toàn đã được tổ chức theo ngành dọc từ các cơ quan quản lý nhà nước (Chính phủ, Bộ, Ngành) các cấp tới các đơn vị khai thác than. Chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, cá nhân được quy định rõ ràng bằng văn bản. Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại như sau:

a. Phòng Thanh tra An toàn thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh nơi có các mỏ than hoạt động trên địa bàn (Quảng Ninh, Thái Nguyên) còn mỏng, chưa sâu sát trong vai trò quản lý nhà nước về an toàn tại địa phương. Công tác thanh tra, kiểm tra an toàn còn rất hạn chế. Lực lượng thanh tra của sở thường chỉ có mặt khi có các vụ tai nạn nghiêm trọng hoặc khi phải chỉ đạo công tác điều tra tai nạn lao động.

b. Cục An toàn lao động thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội chưa thể hiện rõ vai trò quản lý nhà nước về công tác an toàn đối với các công ty mỏ, đặc biệt là đối với các mỏ khai thác than hầm lò.

c. Thiếu lực lượng làm công tác quản lý an toàn tại Cục Kỹ thuật An toàn và Môi trường Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương còn mỏng, chưa có cán bộ chuyên trách riêng mảng an toàn khai thác mỏ than. Tần xuất thanh kiểm tra công tác kỹ thuật an toàn tại các mỏ than còn rất ít. Hiện tại công tác thanh kiểm tra thực hiện theo tần xuất: 02 năm/ lần (thực hiện theo Đoàn liên bộ, gồm Bộ Lao động thương binh xã hội và Bộ Công thương). Chưa có hệ thống tổ chức, đào tạo, kiểm tra, sát hạch, chuẩn hóa các chức danh làm công tác an toàn.

d. Nhân lực làm công tác thanh tra, an toàn thuộc các doanh nghiệp khai thác than còn ít, chủ yếu làm công tác quản lý. Tần suất thanh tra, kiểm tra tại hiện trường còn ít, Công tác giáo dục đào tạo kỹ năng, kỹ thuật trong công tác quản lý an toàn còn mang nặng tính hình thức.

2. Hệ thống quản lý cấp tập đoàn (doanh nghiệp)

2.1. Giới thiệu hệ thống tổ chức

Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin): Là tập đoàn khai thác các mỏ than và khoáng sản. Chịu trách nhiệm trước các cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động trong các đơn vị khai thác than thuộc Tập đoàn.

Tổng Giám đốc: Tổng giám đốc là đại diện pháp nhân của Tập đoàn về chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị, thủ tướng chính phủ và trước pháp luật về điều hành hoạt động mọi mặt của Tập đoàn.

Phó Tổng Giám đốc phụ trách công tác an toàn: Là người chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về việc quản lý chỉ đạo và triển khai thực hiện các chế độ, chính sách của nhà nước trong lĩnh vực ATLĐ. Có trách nhiệm tham mưu cho Tổng giám đốc Tập đoàn các vấn đề về An toàn và bảo hộ lao động. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công, tổ chức các đoàn thanh tra của Tập đoàn tại các đơn vị khai thác than...

Chánh Thanh tra kỹ thuật an toàn: Là người chịu trách nhiệm trước Phó TGĐ về việc quản lý chỉ đạo và triển khai thực hiện các chế độ, chính sách của nhà nước trong

lĩnh vực an toàn - BHLĐ. Có trách nhiệm tham mưu các vấn đề về An toàn và bảo hộ lao động. Tổ chức các đoàn thanh tra của Tập đoàn tại các đơn vị khai thác than.

Ban An toàn: Ban kỹ thuật AT - BHLĐ thuộc Tập đoàn, có trách nhiệm tham mưu cho Tổng giám đốc các vấn đề về An toàn và bảo hộ lao động. Phối hợp với Chánh thanh tra mỏ tổ chức các đoàn thanh tra của Tập đoàn tại các đơn vị khai thác than. Là đầu mối, chủ trì công tác AT-BHLĐ, điều tra tai nạn lao động trong toàn Tập đoàn. Có trách nhiệm thống kê, tổng hợp tai nạn lao động để báo cáo Bộ Công Thương và Sở Lao động Thương binh và Xã hội các Tỉnh/thành phố có ranh giới mỏ nằm trong địa bàn Tỉnh/thành phố đó.

Trung tâm Cấp cứu mỏ: Đơn vị trực thuộc Tập đoàn chịu sự điều hành trực tiếp bởi Phó Tổng giám đốc phụ trách An toàn, có nhiệm vụ huấn luyện công tác cấp cứu mỏ cho các đội cấp cứu mỏ ban chuyên; tổ chức ứng cứu sự cố - Tìm kiếm cứu nạn khi có tai nạn tại các mỏ; thỏa thuận kế hoạch ứng cứu sự cố - Tìm kiếm cứu nạn với các đơn vị khai thác than.

Viện Khoa học Công nghệ Mỏ: Là đơn vị trực thuộc Tập đoàn Vinacomin chuyên nghiên cứu, tư vấn các vấn đề về công nghệ khai thác, tuyển khoáng và các lĩnh vực khác trong đó có an toàn mỏ.

Trung tâm An toàn Mỏ: Là đơn vị trực thuộc Viện KHCN Mỏ, có nhiệm vụ tư vấn, nghiên cứu phòng ngừa các tai nạn, sự cố xảy ra. Xác định, dự báo độ chứa khí, độ thoát khí cho các mỏ than hầm lò; thiết kế, lắp đặt, bảo trì các hệ thống quan trắc thiết kế, cải tạo mạng thông gió; tháo khí mê tan; kiểm định thiết bị điện phòng nổ; đào tạo an toàn về cháy nổ khí mê tan cho các đơn vị khai thác than trong Tập đoàn.

Các mỏ than: Là các đơn vị trực thuộc Tập đoàn có nhiệm vụ khai thác, sản xuất than và chịu trách nhiệm trực tiếp về vấn đề an toàn cho người lao động; về tổ chức: có đầy đủ các chức danh Giám đốc điều hành mỏ, phó giám đốc an toàn, các phòng ban tham mưu theo đúng quy định. Các phòng ban chuyên môn xây dựng kế hoạch an toàn bảo hộ lao động và kế hoạch ứng cứu sự cố, tìm kiếm cứu nạn và các hoạt động khác nhằm đảm bảo an toàn trong khai thác than tại đơn vị.

Phòng An toàn: Trực thuộc các đơn vị khai thác than hoặc trực thuộc công ty 2 cấp, có nhiệm vụ xây dựng chính sách, kế hoạch AT-BHLĐ, tổ chức thực hiện, giám sát an toàn trong lĩnh vực AT – BHLĐ tại mỏ.

Giám sát viên an toàn: Trực thuộc Phòng An toàn. Trực tiếp giám sát tình hình thực hiện công tác an toàn lao động tại từng công trường, phân xưởng sản xuất. Giám sát viên an toàn có nhiệm giám sát và báo cáo [illegible] an toàn về các vấn đề [illegible] an toàn tại đơn vị mình.

Thành viên: Trực thuộc [illegible] phân xưởng sản [illegible] đơn vị khai thác than. [illegible] tuyên truyền, nhắc nhở, [illegible] lao động tại đơn vị [illegible] các quy định về công [illegible] bảo hộ lao động.

Phân tích, đánh giá

Hệ thống quản lý an toàn đã được tổ chức theo ngành dọc từ Tập đoàn tới các Tổng công ty, công ty, các đơn vị...; chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, cá nhân được quy định rõ ràng bằng văn bản. Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại như sau:

- Hoạt động thanh kiểm tra của Tập đoàn còn mang nặng tính hình thức và chịu sự tác động không nhỏ trong công tác điều hành như yêu cầu sản lượng, kế hoạch, tài chính. Sự tác động nhiệm vụ sản xuất và tài chính là không nhỏ ảnh hưởng tiêu cực đến công tác quản lý an toàn và các điều kiện về an toàn...

- Công tác thanh kiểm tra độc lập trong quản lý an toàn khai thác than nói riêng và công tác khai thác khoáng sản nói chung đang là một nhu cầu cấp thiết trong thời gian hiện nay.

3. Hệ thống văn bản pháp quy

Hệ thống văn bản pháp quy liên quan đến công tác quản lý an toàn trong ngành than đã được xây dựng và ban hành bởi Quốc hội, Chính phủ, các Cơ quan quản lý nhà nước và Doanh nghiệp bao gồm:

+ Quốc hội, Chính phủ: ban hành các Bộ luật lao động, luật khoáng sản và các nghị định để hướng dẫn thi hành các luật, bộ luật nói trên.

+ Các Bộ: Xây dựng và ban hành các thông tư hướng dẫn thực hiện các nội dung liên quan đến công tác an toàn. Ngoài ra, Bộ Công Thương đã xây dựng và ban hành các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia an toàn trong khai thác than hệ thống Hầm lò, các thông tư hướng dẫn...

+ Các đơn vị quản lý [illegible] than cấp Tập đoàn, [illegible] Xây dựng và ban hành [illegible] quản lý an toàn, các [illegible] chỉ thị, thông báo liên [illegible] công tác an toàn.

- Các mỏ than: Xây dựng và ban hành các quy định an toàn nội bộ, quy trình vận hành, quy trình công nghệ, biện pháp an toàn cho tất cả các khâu công nghệ, các thiết bị ở các vị trí làm việc...

Tuy nhiên, còn tồn tại một số vấn đề sau đây:

- Hệ thống văn bản pháp quy chưa thể hiện rõ được vai trò trách nhiệm chính trong công tác an toàn (từ hệ thống văn bản nhà nước đến hệ thống văn bản của doanh nghiệp). Vấn đề trách nhiệm cá nhân, tổ chức cần phải được cụ thể hơn. Đặc biệt là quyền và thẩm quyền kèm theo trách nhiệm của tổ chức, cá nhân cần được nghiên cứu xem xét bổ xung cụ thể rõ ràng hơn.

- Một số nội dung trong quy chuẩn không còn phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất do công nghệ khai thác lộ thiên, hầm lò, trang thiết bị hiện tại đã thay đổi và các quy định hiện thời đã không còn phù hợp.

- Vấn đề khai thác các vỉa than có tính tự cháy, các vỉa có độ chứa khí cao cần phải tháo khí, cần được quy định cụ thể hơn.

- Hệ thống quy trình quy định còn mang tính hình thức không đạt được các tiêu chí cần thiết. Hệ thống tài liệu an toàn còn chồng chéo, không tập trung và không được rà soát, cập nhật kịp thời sát thực với thực tế sản xuất tại mỏ.

- Các mỏ mới có kế hoạch Ứng cứu sự cố - tìm kiếm cứu nạn, kế hoạch an toàn - bảo hộ lao động. Xây dựng kế hoạch an toàn chi tiết hàng năm chủ yếu nêu nội dung cần mua sắm, huấn luyện, ...các vấn đề khác như chương trình hành động, biện pháp phòng ngừa, phòng chống thiên tai ...còn chưa đạt yêu cầu.

- Thiếu tiêu chuẩn kiểm định các loại vì chống lò, các thiết bị thủy lực và vì chống thủy lực sử dụng trong mỏ hầm lò.

- Công tác quản trị rủi ro chưa được triển khai thực hiện theo đúng yêu cầu. Kế hoạch phòng chống thiên tai, phòng chống cháy nổ còn sơ sài, hình thức chưa đáp ứng được yêu cầu trước những diễn biến khí hậu bất thường hiện nay.

4. Công tác đào tạo huấn luyện

4.1. Hiện trạng

Công tác đào tạo, huấn luyện an toàn được các mỏ thực hiện thường xuyên và liên tục do luôn có sự biến động về nhân lực trong mỏ. Đối tượng cần đào tạo được chia làm 2 nhóm đó là Cán bộ kỹ thuật, quản lý và công nhân.

+ Đối với các cán bộ quản lý: Công tác đào tạo được thực hiện hàng năm tại Trường quản trị kinh doanh của Tập đoàn. Giáo viên là các chuyên viên của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, cán bộ Phòng An toàn mỏ và Dầu Khí, cục ATMT trực tiếp giảng dạy. Ngoài ra, cứ 2 năm một lần, Lãnh đạo mỏ và các cán bộ quản lý phòng, ban, phân xưởng đều phải được huấn luyện, kiểm tra về những quy định tại Quy chuẩn hiện hành.

+ Đối với công nhân mỏ: Tất cả công nhân làm việc dưới hầm lò hoặc liên quan đến hầm lò đều phải qua huấn luyện an toàn bao gồm huấn luyện lần đầu, huấn luyện khi người lao động chuyển đổi công việc và huấn luyện định kỳ (hình 3.3). Công tác huấn luyện an toàn do các cán bộ thuộc Phòng An toàn của các mỏ hầm lò phụ trách giảng dạy và kiểm tra. Đội cấp cứu mỏ bán chuyên của mỏ được tập huấn về cấp cứu mỏ hàng quý tại Trung tâm Cấp cứu Mỏ - Vinacomin. Công tác đào tạo an toàn, trình diễn cháy nổ khí mê tan được thực hiện từ 2 năm/lần do các cán bộ của Trung tâm An toàn Mỏ - Viện Khoa học Công nghệ Mỏ trực tiếp giảng dạy tại hiện trường.

4.2. Đánh giá

Hiện nay, công tác đào tạo, huấn luyện an toàn cho cán bộ quản lý, người lao động đã được triển khai thực hiện. Tất cả các mỏ đều có Phòng an toàn nơi phụ trách công việc huấn luyện an toàn cho công nhân. Ngoài ra, các lớp đào tạo, huấn luyện của Tập đoàn, Trung tâm Cấp cứu Mỏ và Trung tâm An toàn Mỏ đã giúp cho những người làm việc tại mỏ có thêm những kiến thức bổ sung, cập nhật liên quan đến an toàn Mỏ.

Tuy nhiên, còn tồn tại một số vấn đề sau đây:

a. Một số khóa đào tạo còn mang nặng lý thuyết, thiếu các thiết bị thực hành và các ví dụ thực tế, nội dung mới của thiết bị, công nghệ mới chưa được cập nhật kịp thời.

b.Trong công tác an toàn lao động, ngoài việc giáo dục cho người lao động hiểu biết về nghề nghiệp, kỹ năng, kỹ thuật cơ bản..., đồng thời cũng phải chỉ rõ cho người lao động biết được những mối nguy hiểm và biện pháp phòng chánh, kỹ năng ứng xử với môi trường làm việc. Nhưng do còn hạn chế về nhận thức của người lao động, và một số cán bộ quản lý, việc quản trị rủi an toàn lao động chưa đạt yêu cầu.

c. Trình độ và kiến thức của đội ngũ giám sát viên an toàn chưa tương xứng với vai trò và vị trí của họ. Hầu hết họ xuất phát từ công nhân mỏ, trình độ còn hạn chế, chưa được đào tạo, bổ sung kiến thức về an toàn một cách bài bản, chưa qua kiểm tra, sát hạch và cấp chứng chỉ của cơ quan quản lý cấp trên.

5. Đề xuất nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý an toàn trong ngành khai thác than việt nam

5.1. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức an toàn

1. Xây dựng cơ quan chuyên trách về công tác bảo hộ lao động có đủ thẩm quyền và điều kiện hoạt động. Với cơ cấu chỉ là một bộ phận nhỏ của cơ quan LĐ-TBXH hiện nay sẽ rất khó để thực hiện đúng và đầy đủ yêu cầu quản lý nhà nước đối với lĩnh vực quan trọng này. Việc lập ra cơ quan chuyên trách có quy mô và tổ chức lớn hơn, có thể nằm ngoài cơ quan LĐ-TBXH (tương tự như cảnh sát PCCC, cảnh sát môi trường) sẽ là điều kiện rất thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước về AT- BHLĐ. Đối với ngành khai thác than, một ngành có tính đặc thù nặng nhọc và nhiều nguy hiểm thì việc hình thành một cơ quan giám sát an toàn hoạt động độc lập là vô cùng cần thiết hiện nay. Bởi chúng ta đang tiến hành hội nhập sâu rộng trên thế giới, đã tham gia các hiệp ước ILO, Công ước 176 của ILO

về an toàn sức khỏe trong công tác khai thác hầm mỏ...

Chúng tôi đề xuất thành lập lực lượng thanh kiểm tra ngành khai thác than tại Quảng Ninh, bộ phận này trực thuộc Cục kỹ thuật an toàn và môi trường công nghiệp, Bộ Công Thương.

2. Hoàn thiện hệ thống quy phạm pháp luật về AT- BHLĐ: thể chế hóa các quy định pháp luật hiện nay thành Luật và kèm theo các văn bản hướng dẫn thi hành, quy định chi tiết các nội dung công tác an toàn bảo hộ lao động trong ngành khai thác than làm cơ sở cho công tác an toàn bảo hộ lao động được triển khai trong thực tiễn.

3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo hộ lao động rộng khắp, làm cho ý thức chấp hành và thực hiện công tác bảo hộ lao động của từng doanh nghiệp, từng người lao động được nâng cao. Đặc biệt, là vai trò của nhà nước trong vấn đề này.

5.2. Hoàn thiện hệ thống quản lý an toàn cấp doanh nghiệp

Việc áp dụng hệ thống quản lý AT-VSLĐ phải dựa trên các tiêu chí, tiêu chuẩn và hoạt động triển khai thực hiện công tác AT-VSLĐ. Điều này nhằm mục đích cung cấp phương pháp đánh giá và cải thiện việc thực hiện hoạt động, phòng ngừa tai nạn và sự cố xảy ra tại nơi làm việc, thông qua hoạt động quản lý có hiệu quả các nguy cơ và rủi ro tại nơi làm việc. Đây là phương pháp mang tính logic và theo thứ tự bậc thang nhằm quyết định điều gì cần làm, làm thế nào để thực hiện tốt nhất, quá trình giám sát nhằm hướng tới những mục tiêu đã đề ra,



Hình 1: Mô hình các nội dung chính của hệ thống quản lý AT-VSLĐ

đánh giá mức độ thành công và ghi nhận các khu vực đã có chuyển biến tốt. Hệ thống này cần phải phù hợp với những thay đổi trong mô hình tổ chức kinh doanh và các quy định mang tính luật pháp.

Các đơn vị khai thác than đều phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về AT-VSLĐ, AT-VSLĐ là trách nhiệm và nghĩa vụ của NSDLĐ và NLĐ. NSDLĐ là người chịu trách nhiệm chính về công tác AT-VSLĐ, phải đứng ra chỉ đạo và cam kết thực hiện các hoạt động AT-VSLĐ tại cơ sở. Để công tác AT-VSLĐ của cơ sở hoạt động có hiệu quả phải lập một Hệ thống quản lý AT-VSLĐ với các nội dung: Chính sách, tổ chức bộ máy, xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch, đánh giá và hoàn thiện.

Các đơn vị phải xây dựng một chính sách an toàn đúng thể thức, phù hợp với điều kiện của cơ sở. Nó bao gồm các yếu tố cơ bản của một chính sách an toàn và được khái quát cho các môi trường làm việc khác nhau với nhiều mức độ nguy hiểm khác nhau.

Một chính sách an toàn phải được lập dưới dạng văn bản, đó là cơ sở để xây dựng thành công một chương trình an toàn và có thể giúp tiết kiệm chi phí, tránh những phiền phức và hậu quả khác do TNLĐ gây ra bằng cách đảm bảo rằng mọi nhân viên đều biết mình phải làm gì, mọi nhân viên đều có thể tìm thấy, nắm bắt thông tin, và đề xuất ý nguyện vọng...

Kết luận

Nghiên cứu thực trạng và đề ra các giải pháp cần phải tiến hành thực hiện trong thời gian tới mang tính đồng bộ từ quản lý nhà nước tới các đơn vị khai thác than. Việc hoàn thiện một giải pháp này sẽ liên quan đến giải pháp khác, nó có tác dụng cộng hưởng lẫn nhau. Bởi vậy, rất cần có sự vào cuộc đồng loạt từ trung ương đến các đơn vị khai thác mỏ thì mới có thể tạo ra sự thay đổi tích cực cho công tác quản lý an toàn khai thác than của Việt Nam ❖

TÀI LIỆU THAM KHẢO

(1). Tiêu chuẩn OHSAS 18001 : 2007. Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.

(2). Xây dựng nội dung công tác quản lý an toàn trong lĩnh vực khai thác than lộ thiên, Viện Khoa học Công nghệ mỏ - Vinacomin, 2014.

(3). Bùi Xuân Nam (2014). An toàn và vệ sinh lao động trong ngành mỏ, NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.

(4). Nguyễn An Lương (2012). Những vấn đề quan điểm, chính sách của Đảng về AT-VSLĐ và các yêu cầu mới ở trong nước và quốc tế cần được quan tâm nghiên cứu khi xây dựng dự thảo Luật AT-VSLĐ của nước ta. Tài liệu Hội thảo Quốc gia "Những nội dung cần nghiên cứu để đưa vào dự thảo Luật AT-VSLĐ", Hội AT-VSLĐ Việt Nam., Hà Nội.

Mẫu số 3

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI SÁNG KIẾN

Họ và tên: Dương Thị Nhàn
Đơn vị công tác: Bộ môn kế toán doanh nghiệp

STT	Nội dung sáng kiến, áp dụng công nghệ, các giải pháp trong quản lý đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, xây dựng văn bản quản lý	Ưu điểm hoặc điểm khắc phục
1	- Trước khi bắt đầu môn học, giáo viên giới thiệu tổng quát về nội dung môn học, yêu cầu sinh viên chia thành các nhóm tìm hiểu, thu thập các văn bản pháp luật quy định, lấy các chứng từ tại các ngân hàng thương mại về phương thức thanh toán nhờ thu và phương thức thanh toán tín dụng chứng từ (nội dung chương 4 của môn học), sau đó giáo viên hướng dẫn nội dung và yêu cầu sinh viên làm việc nhóm, thảo luận từng nội dung về phương thức thanh toán nhờ thu và phương thức thanh toán tín dụng chứng từ, đưa các chứng từ mà mình xin được vào nội dung thảo luận để thấy được quy trình của từng phương thức thanh toán, thấy được ưu nhược điểm trong các phương thức thanh toán đó. Đưa lịch sinh viên thảo luận nhóm. -Thảo luận nhóm: + Với mỗi phương thức thanh toán yêu cầu sinh viên tổng hợp kiến thức lý thuyết và tìm hiểu thông tin thực tế về việc thực hiện phương thức thanh toán đó tại các NHTM hiện nay để đưa ra trao đổi thảo luận trên lớp. + Giáo viên sẽ đặt các câu hỏi liên quan đến nội dung thảo luận, trên cơ sở các trao đổi và trả lời câu hỏi của sinh viên, giáo viên sẽ tổng hợp lại và kết luận cuối cùng về nội dung. - Kết thúc môn học sẽ tổ chức buổi tổng hợp tất cả các nội dung đã trao đổi, thảo luận về các phương thức thanh toán quốc tế và giải thích các vướng mắc còn lại của sinh viên trong quá trình học tập Thanh toán quốc tế.	Với phương pháp trên sinh viên có điều kiện tiếp cận gần hơn với các văn bản quy định và thực tiễn, củng cố chắc hơn kiến thức lý thuyết đã được học, giúp sinh viên nắm chắc kiến thức và hiểu rõ hơn các phương thức thanh toán quốc tế, từ đó có khả năng vận dụng tốt hơn vào thực tế sau khi tốt nghiệp đi làm. Tuy nhiên phương pháp giảng dạy này có hiệu quả tốt khi các nhóm sinh viên biết cách phân chia công việc cho các thành viên nhóm sau đó các thành viên nhóm biết cách tổng hợp các phần nghiên cứu của mình. Tránh tình trạng có những sinh viên không nghiên cứu nội dung nào. Sau buổi các thành viên trong nhóm tự đánh giá và bình điểm cho nhau.

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2016

Trưởng đơn vị

Người kê khai

Dương Thị Nhàn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Đơn vị: Bộ môn Kế toán Doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VÀ XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG NĂM 2016

(Đối với cá nhân)

Họ và tên: **Phạm Thu Hương**

Chức danh nghề nghiệp: GV. ThS

Đơn vị công tác: Bộ môn Kế toán Doanh nghiệp - Khoa Kinh tế - QTKD

TT	Nội dung đánh giá *(Đọc kĩ phần Lưu ý ở cuối bảng để kê khai chính xác)*	Thang điểm	Tự đánh giá	Cấp quản lý trực tiếp đánh giá	Cấp có thẩm quyền đánh giá
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm, bao gồm cả nhiệm vụ đột xuất**	**0-10**	**10**		
Hoàn thành vượt tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là: 918,8 giờ).		8-10	10		
Hoàn thành 100% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ với chất lượng tốt.		6-8			
Hoàn thành 70 đến dưới 100% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ với chất lượng khá trở lên.		4-6			
Hoàn thành 50 đến dưới 70% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ.		1-4			
Hoàn thành dưới 50% nghĩa vụ được giao hoặc để xảy ra vụ việc gây hậu quả đến mức bị xử lý kỷ luật với hình thức cảnh cáo trở lên.		0			
2	**Đánh giá tinh thần thái độ làm việc**	**0-10**	**10**		
2.1	Lập trường, tư tưởng chính trị, sự chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Nhà trường; kỷ luật lao động.	0-2	**2**		
2.2	Phẩm chất đạo đức, lối sống; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp và đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	0-2	**2**		
2.3	Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật;	0-2	**2**		

	tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được giao.				
2.4	Việc học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.	0-2	**2**		
2.5	Hiệu quả quản lý và sử dụng các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu.	0-2	**2**		
3	**Đánh giá kết quả hoạt động khoa học công nghệ, phát minh, sáng kiến...**		**4,25**		
3.1	Giáo trình cấp Trường in lần đầu.	0-3			
3.2	Giáo trình cấp Trường in tái bản có bổ sung, sửa chữa.	0-1.5			
3.3	Sách, giáo trình in lần đầu ở nhà xuất bản.	0-4			
3.4	Sách, giáo trình in tái bản có bổ sung, sửa chữa.	0-2			
3.5	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu.	0.5			
3.6	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, thi Olympic đạt giải Nhất, Nhì, Ba cấp Trường.	1			
3.7	Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải Nhất, Nhì, Ba, khuyến khích cấp Quốc gia hoặc đạt giải Tài năng trẻ.	2			
3.8	Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố.	1			
3.9	Đề tài cấp cơ sở đã được nghiệm thu đúng thời hạn.	0-2			
3.10	Đề tài, dự án sản xuất thử cấp Bộ, Tỉnh, Thành phố đã được nghiệm thu theo tiến độ (được tính điểm cho tối đa 2 năm).	0-3			
3.11	Đề tài cấp Nhà nước đã được nghiệm thu theo tiến độ (được tính điểm cho tối đa 3 năm).	0-6			
3.12	Hợp đồng, đề tài NCKH phục vụ sản xuất ký về các Công ty, Trung tâm của Nhà trường đã nghiệm thu, thanh lý (được tính điểm cho 1 năm và theo giá trị hợp đồng).	(0-3)/ tỷ đồng			
3.13	Báo cáo khoa học cấp Trường và tương đương.	0-1			
3.14	Báo cáo khoa học cấp Quốc gia.	0-1.5			
3.15	Báo cáo khoa học cấp Quốc tế. Phi Thi Kim Thu, Financial sustainability: an appraisal for Vietnam National Coal - Mineral industries coporation, Hội thảo khoa học Quốc tế về "Quản lý kinh tế trong hoạt động khoáng sản EMMA2", tháng 11/2015, Hà Nội. (chủ trì)	0-3	2,25		
3.16	Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn.	0-0.5			
3.17	Bài báo khoa học tiếng Việt ở Tạp chí khoa học trong nước. Phí Thị Kim Thư, Bàn về phát triển bền vững về tài chính của các tập đoàn kinh tế, Tạp chí nghiên cứu tài chính kế toán, tháng 6/2015, Hà Nội (chủ trì).	0-2	2		

	Phí Thị Kim Thư, Vận dụng phân tích SWOT nhằm định hướng phát triển bền vững cho Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, Tháng 12/2015, Hà Nội (chủ trì) Phí Thị Kim Thư, Đánh giá tính bền vững tài chính tại Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tạp chí Khoa học thương mại, Tháng 12/2015, Hà Nội (chủ trì)				
3.18	Bài báo khoa học tiếng nước ngoài ở Tạp chí khoa học trong nước.	0-2.5			
3.19	Bài báo khoa học tiếng nước ngoài ở Tạp chí khoa học nước ngoài.	0-3.5			
3.20	Bài báo khoa học ở tạp chí ISI và Scopus.	0-5			
3.21	Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong công việc và công tác có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-1			
3.22	Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy và công tác có hiệu quả được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận và đánh giá (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-0.5			
3.23	Sáng tạo ra các công nghệ, phương pháp góp phần nâng cao năng suất lao động, hiệu quả công việc (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-5			
3.24	Có giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3)..	0-4			
3.25	Xây dựng văn bản quản lý; xây dựng đề án, dự án về công tác quản lý và hoạt động chuyên môn được áp dụng có hiệu quả (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-4			
4	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên)**	**0-3,5**	**3**		
4.1	Mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý.	0-2,5			
a)	Hoàn thành vượt tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là: 918,8 giờ); không có cá nhân bị xếp loại đánh giá ở mức C.	1,5-2,5	2		
b)	Hoàn thành từ 70 đến 100% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ với chất lượng tốt; không có cá nhân bị xếp loại đánh giá ở mức C.	1-1,5			
c)	Hoàn thành dưới 70% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ;	0			

	hoặc có cá nhân bị xếp loại đánh giá ở mức C hoặc để xảy ra vụ việc gây hậu quả đến mức bị xử lý kỷ luật với hình thức cảnh cáo trở lên.				
4.2	Có uy tín, đơn vị đoàn kết.	0-1	1		
	Tổng:		**25**		

Lưu ý:

➢ Để đảm bảo ngắn gọn, dễ theo dõi, các cá nhân chỉ kê khai các mục mà mình có điểm (các mục không có điểm thì xóa đi).

➢ Khi kê khai các thành tích ở mục 3 (từ 3.1 đến 3.25), cần ghi rõ chủ trì hay tham gia và ghi đầy đủ **tên các tác giả; tên công trình** (*sách, giáo trình, đề tài, bài báo, báo cáo, sáng kiến, giải pháp, văn bản xây dựng...*); **thời gian và địa điểm thực hiện** (*xuất bản, nghiệm thu, ban hành, ứng dụng...*); **nơi thực hiện.**

➢ Nếu phân biệt được chủ trì hay tham gia thì chủ trì được một nửa số điểm, số điểm còn lại chia đều cho các thành viên (tính cả thành viên chủ trì). Nếu không phân biệt được thì số điểm được chia đều cho các thành viên tham gia thực hiện.

➢ Các cá nhân và Trưởng các đơn vị phải chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin trên và kết quả đánh giá, thẩm định. Trong trường hợp cần thiết, đơn vị chức năng sẽ yêu cầu giải trình và minh chứng bổ sung.

➢ **Các mức phân loại đánh giá:**

- A^+ (Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ): đạt từ 24 điểm trở lên.
- A (Hoàn thành tốt nhiệm vụ): đạt từ 22 điểm trở lên.
- B^+ (Hoàn thành nhiệm vụ): đạt từ 20 điểm trở lên.
- B (Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực): đạt từ 15 điểm trở lên.
- C (Chưa hoàn thành nhiệm vụ): dưới 15 điểm.

Tự phân loại đánh giá: đạt loại A (Hoàn thành tốt nhiệm vụ)

Tự đề xuất danh hiệu thi đua (nếu có): Lao động tiên tiến

Tự đề xuất hình thức khen thưởng (nếu có): .....

Xác nhận của Bm

TS. Bùi Thị Thu Thủy

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Phạm Thu Hương

Mẫu số 1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Đơn vị: Bộ môn kế toán doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2016

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VÀ XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG NĂM 2016
(Đối với cá nhân)

Họ và tên: Vũ Ngọc Thịnh

Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên

Đơn vị công tác: Bộ môn kế toán doanh nghiệp

TT	Nội dung đánh giá *(Đọc kĩ phần Lưu ý ở cuối bảng để kê khai chính xác)*	Thang điểm	Tự đánh giá	Cấp quản lý trực tiếp đánh giá	Cấp có thẩm quyền đánh giá
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm, bao gồm cả nhiệm vụ đột xuất**	**0-10**	**10**		
•	Hoàn thành vượt tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là: 460 giờ).	8-10	10		
2	**Đánh giá tinh thần thái độ làm việc**	**0-10**	**10**		
2.1	Lập trường, tư tưởng chính trị, sự chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Nhà trường; kỷ luật lao động.	0-2	2		
2.2	Phẩm chất đạo đức, lối sống; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực, tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp và đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	0-2	2		
2.3	Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật; tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được giao.	0-2	2		
2.4	Việc học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.	0-2	2		
2.5	Hiệu quả quản lý và sử dụng các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu.	0-2	2		

	Đánh giá kết quả hoạt động khoa học công nghệ, phát minh, sáng kiến…		**2.25**		
3.1	Báo cáo khoa học cấp Trường và tương đương.	0-1			
3.2	Báo cáo khoa học cấp Quốc tế. FMMA 2 - Quản lý kinh tế trong hoạt động khoáng sản **"Energy security in China, finding for cleaner coal for sustainable economic growth in CHINA, and the lessons for Vietnam"** **"An toàn năng lượng tại Trung Quốc, tìm kiếm than sạch cho phát triển bền vững tại Trung Quốc, và những bài học cho Việt Nam"**	0-3	0.75		
3.3	Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn, **"Tìm hiểu thực trạng mua lại các ngân hàng giá 0 đồng tại Việt Nam năm 2015"**	0-0.5	0.5		
3.4	Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong công việc và công tác có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-1	1		
4	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên)**	0-3,5			
	Tổng:		22.25		

Tự phân loại đánh giá: A (Hoàn thành tốt nhiệm vụ)
Tự đề xuất danh hiệu thi đua (nếu có):
Tự đề xuất hình thức khen thưởng (nếu có):

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Vũ Ngọc Thịnh

Mẫu số 1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Đơn vị: Bộ môn kế toán doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2016

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VÀ XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG NĂM 20.....
(Đối với cá nhân)

Họ và tên: Dương Thị Nhàn

Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên

Đơn vị công tác: Bộ môn kế toán doanh nghiệp

TT	Nội dung đánh giá *(Đọc kĩ phần Lưu ý ở cuối bảng để kê khai chính xác)*	Thang điểm	Tự đánh giá	Cấp quản lý trực tiếp đánh giá	Cấp có thẩm quyền đánh giá
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm, bao gồm cả nhiệm vụ đột xuất**	**0-10**	**10**		
• Hoàn thành vượt tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là: 856 giờ).		8-10	10		
2	**Đánh giá tinh thần thái độ làm việc**	**0-10**	**10**		
2.1	Lập trưởng, tư tưởng chính trị, sự chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Nhà trường; kỷ luật lao động.	0-2	**2**		
2.2	Phẩm chất đạo đức, lối sống; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp và đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	0-2	**2**		
2.3	Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật; tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được giao.	0-2	**2**		
2.4	Việc học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.	0-2	**2**		
2.5	Hiệu quả quản lý và sử dụng các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu.	0-2	**2**		
3	**Đánh giá kết quả hoạt động khoa học công nghệ, phát minh, sáng kiến...**		**2.3**		
3.1	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu. "***"Giải pháp phát triển dịch vụ tín dụng đối với học sinh sinh viên tại Phòng Giao Dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh"***	0.5	0.5		

3.2	Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn. **"Một số điểm mới về quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định của thông tư 45/2013/TT-BTC"**	0-0.5	0.5		
3.3	Bài báo khoa học tiếng Việt ở Tạp chí khoa học trong nước.**ThS. Lê Thị Thu Hồng; ThS. Dương Thị Nhàn; ThS. Nguyễn Thị Huyền Trang. "Nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý an toàn trong khai thác than Việt Nam"**	0-2	0.7		
3.4	Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong công việc và công tác có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-1	1		
	Tổng:		22.7		

Lưu ý:

➢ Để đảm bảo ngắn gọn, dễ theo dõi, các cá nhân chỉ kê khai các mục mà mình có điểm (các mục không có điểm thì xóa đi).

➢ Khi kê khai các thành tích ở mục 3 (từ 3.1 đến 3.25), cần ghi rõ chủ trì hay tham gia và ghi đầy đủ **tên các tác giả; tên công trình** (*sách, giáo trình, đề tài, bài báo, báo cáo, sáng kiến, giải pháp, văn bản xây dựng...*); **thời gian và địa điểm thực hiện** (*xuất bản, nghiệm thu, ban hành, ứng dụng...*); **nơi thực hiện.**

➢ Nếu phân biệt được chủ trì hay tham gia thì chủ trì được một nửa số điểm, số điểm còn lại chia đều cho các thành viên (tính cả thành viên chủ trì). Nếu không phân biệt được thì số điểm được chia đều cho các thành viên tham gia thực hiện.

➢ Các cá nhân và Trưởng các đơn vị phải chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin trên và kết quả đánh giá, thẩm định. Trong trường hợp cần thiết, đơn vị chức năng sẽ yêu cầu giảiyiải trình và minh chứng bổ sung.

➢ **Các mức phân loại đánh giá:**

- A^+(Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ): đạt từ 24 điểm trở lên.
- A (Hoàn thành tốt nhiệm vụ): đạt từ 22 điểm trở lên.
- B^+(Hoàn thành nhiệm vụ): đạt từ 20 điểm trở lên.
- B (Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực): đạt từ 15 điểm trở lên.
- C (Chưa hoàn thành nhiệm vụ): dưới 15 điểm.

Tự phân loại đánh giá: A (Hoàn thành tốt nhiệm vụ)

Tự đề xuất danh hiệu thi đua (nếu có): .....

Tự đề xuất hình thức khen thưởng (nếu có): .....

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Dương Thị Nhàn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Đơn vị: Khoa Kinh tế QTKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VÀ XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG NĂM 2016

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Phượng

Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên

Đơn vị công tác: BM Kế toán DN, Khoa Kinh tế QTKD

TT	Nội dung đánh giá *(Đọc kĩ phần lưu ý ở cuối bảng để kê khai chính xác)*	Thang điểm	Tự đánh giá	Cấp quản lý trực tiếp đánh giá	Cấp có thẩm quyền đánh giá
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm, bao gồm cả nhiệm vụ đột xuất**	**0-10**	**10**		
Hoàn thành vượt tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là: 1209 giờ.)		8-10	*10*		
2	**Đánh giá tinh thần thái độ làm việc**	**0-10**	**10**		
2.1	Lập trưởng, tư tưởng chính trị, sự chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Nhà trường; kỷ luật lao động.	0-2	*2*		
2.2	Phẩm chất đạo đức, lối sống; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp và đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	0-2	*2*		
2.3	Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật; tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được giao.	0-2	*2*		
2.4	Việc học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.	0-2	*2*		
2.5	Hiệu quả quản lý và sử dụng các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu.	0-2	*2*		
3	**Đánh giá kết quả hoạt động khoa học công nghệ, phát minh, sáng kiến…**		**4,5**		
3.1	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu *HD nhóm sinh viên NCKH (do sinh viên Trần Đức Toàn, B2 K58 nhóm trưởng) thực hiện đề tài:*	0.5	*0,5*		

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI SÁNG KIẾN

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Phượng

Đơn vị công tác: BM Kế toán DN, Khoa Kinh tế QTKD

STT	Nội dung sáng kiến, áp dụng công nghệ, các giải pháp trong quản lý đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, xây dựng văn bản quản lý…	Ưu điểm hoặc điểm khắc phục
1	Chia nhóm sinh viên thực hành các nội dung công tác kế toán mua - bán hàng hóa trên cơ sở xây dựng các nội dung giả định của một doanh nghiệp thương mại.	Làm sinh động nội dung môn học Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ; Củng cố kiến thức, giúp sinh viên nắm vững, và tiếp cận được một phần thực tế công tác kế toán doanh nghiệp

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Trưởng đơn vị

TS. Bùi Thị Thu Thủy

Người kê khai

Nguyễn Thị Bích Phượng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Đơn vị: Khoa Kinh tế - QTKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2016

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VÀ XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG NĂM 2016
(Đối với cá nhân)

Họ và tên: Phạm Minh Hải

Chức danh nghề nghiệp: Cán bộ giảng dạy

Đơn vị công tác: Bộ môn kế toán doanh nghiệp

TT	Nội dung đánh giá	Thang điểm	Tự đánh giá	Cấp quản lý trực tiếp đánh giá	Cấp có thẩm quyền đánh giá
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm, bao gồm cả nhiệm vụ đột xuất**	**0-10**	**10**		
• Hoàn thành vượt tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là: 395%).		8-10	10		
2	**Đánh giá tinh thần thái độ làm việc**	**0-10**	**10**		
2.1	Lập trưởng, tư tưởng chính trị, sự chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Nhà trường; kỷ luật lao động.	0-2	2		
2.2	Phẩm chất đạo đức, lối sống; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp và đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	0-2	2		
2.3	Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật; tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được giao.	0-2	2		
2.4	Việc học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.	0-2	2		
2.5	Hiệu quả quản lý và sử dụng các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu.	0-2	2		
3	**Đánh giá kết quả hoạt động khoa học công nghệ, phát minh, sáng kiến…**		**2.75**		
3.1	Giáo trình cấp Trường in lần đầu.	0-3			
3.2	Giáo trình cấp Trường in tái bản có bổ sung, sửa chữa.	0-1.5			
3.3	Sách, giáo trình in lần đầu ở nhà xuất bản.	0-4			
3.4	Sách, giáo trình in tái bản có bổ sung, sửa chữa.	0-2			

3.5	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu.	0.5			
3.6	Báo cáo khoa học cấp Quốc gia.	0-1.5			
3.7	Báo cáo khoa học cấp Quốc tế Pham Minh Hai, solutions to improve the efficiency of capital use in Tay Nam Da Mai joint stock coal company – Vinacomin, Hội thảo khoa học quốc tế về "Quản lý kinh tế trong hoạt động khoáng sản EMMA 2", tháng 11/2015, Hà Nội, (chủ trì)	0-3	2.25		
3.8	Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn.	0-0.5	0.5		
	Tổng:		22.75		

Tự phân loại đánh giá: Hoàn thành tốt nhiệm vụ

Tự đề xuất danh hiệu thi đua (nếu có):

Tự đề xuất hình thức khen thưởng (nếu có):

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

PHẠM MINH HẢI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Đơn vị: BỘ MÔN KẾ TOÁN DN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2016

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VÀ XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG NĂM 2016
(Đối với cá nhân)

Họ và tên: Nguyễn Thị Minh Thu

Chức danh nghề nghiệp: Cán bộ giảng dạy

Đơn vị công tác: Bộ môn Kế toán doanh nghiệp, Khoa Kinh tế -QTKD

TT	Nội dung đánh giá *(Đọc kĩ phần Lưu ý ở cuối bảng để kê khai chính xác)*	Thang điểm	Tự đánh giá	Cấp quản lý trực tiếp đánh giá	Cấp có thẩm quyền đánh giá
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm, bao gồm cả nhiệm vụ đột xuất**	**0-10**	**10**		
• Hoàn thành vượt tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là: 990 tiết).		8-10	10		
• Hoàn thành 100% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ với chất lượng tốt.		6-8			
• Hoàn thành 70 đến dưới 100% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ với chất lượng khá trở lên.		4-6			
• Hoàn thành 50 đến dưới 70% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ.		1-4			
• Hoàn thành dưới 50% nghĩa vụ được giao hoặc để xảy ra vụ việc gây hậu quả đến mức bị xử lý kỷ luật với hình thức cảnh cáo trở lên.		0			
2	**Đánh giá tinh thần thái độ làm việc**	**0-10**	**10**		
2.1	Lập trưởng, tư tưởng chính trị, sự chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Nhà trường; kỷ luật lao động.	0-2	**2**		
2.2	Phẩm chất đạo đức, lối sống; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp và đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	0-2	**2**		
2.3	Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật;	0-2	**2**		

	tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được giao.				
2.4	Việc học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.	0-2	**2**		
2.5	Hiệu quả quản lý và sử dụng các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu.	0-2	**2**		
3	**Đánh giá kết quả hoạt động khoa học công nghệ, phát minh, sáng kiến...**		**1**		
3.1	Giáo trình cấp Trường in lần đầu.	0-3			
3.2	Giáo trình cấp Trường in tái bản có bổ sung, sửa chữa.	0-1.5			
3.3	Sách, giáo trình in lần đầu ở nhà xuất bản.	0-4			
3.4	Sách, giáo trình in tái bản có bổ sung, sửa chữa.	0-2			
3.5	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu.(Hội nghị khoa học sinh viên lần thứ 29, đề tài: Nghiên cứu công tác kế toán quản trị môi trường trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam, nhóm sinh viên lớp Kế toán 58)	0.5	0.5		
3.6	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, thi Olympic đạt giải Nhất, Nhì, Ba cấp Trường.	1			
3.7	Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải Nhất, Nhì, Ba, khuyến khích cấp Quốc gia hoặc đạt giải Tài năng trẻ.	2			
3.8	Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố.	1			
3.9	Đề tài cấp cơ sở đã được nghiệm thu đúng thời hạn.	0-2			
3.10	Đề tài, dự án sản xuất thử cấp Bộ, Tỉnh, Thành phố đã được nghiệm thu theo tiến độ (được tính điểm cho tối đa 2 năm).	0-3			
3.11	Đề tài cấp Nhà nước đã được nghiệm thu theo tiến độ (được tính điểm cho tối đa 3 năm).	0-6			
3.12	Hợp đồng, đề tài NCKH phục vụ sản xuất ký về các Công ty, Trung tâm của Nhà trường đã nghiệm thu, thanh lý (được tính điểm cho 1 năm và theo giá trị hợp đồng).	(0-3)/ tỷ đồng			
3.13	Báo cáo khoa học cấp Trường và tương đương.	0-1			
3.14	Báo cáo khoa học cấp Quốc gia.	0-1.5			
3.15	Báo cáo khoa học cấp Quốc tế.	0-3			
3.16	Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn. (So sánh giữa kế toán doanh nghiệp và kế toán ngân hàng)	0-0.5	0.5		
3.17	Bài báo khoa học tiếng Việt ở Tạp chí khoa học trong nước.	0-2			
3.18	Bài báo khoa học tiếng nước ngoài ở Tạp chí khoa học trong nước.	0-2.5			
3.19	Bài báo khoa học tiếng nước ngoài ở Tạp chí khoa học nước ngoài.	0-3.5			

3.20	Bài báo khoa học ở tạp chí ISI và Scopus.	0-5			
3.21	Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong công việc và công tác có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-1			
3.22	Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy và công tác có hiệu quả được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận và đánh giá(Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-0.5			
3.23	Sáng tạo ra các công nghệ, phương pháp góp phần nâng cao năng suất lao động, hiệu quả công việc (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-5			
3.24	Có giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3)..	0-4			
3.25	Xây dựng văn bản quản lý; xây dựng đề án, dự án về công tác quản lý và hoạt động chuyên môn được áp dụng có hiệu quả (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-4			
4	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên)**	**0-3,5**			
4.1	Mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý.	0-2,5			
a)	Hoàn thành vượt tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là: .....); không có cá nhân bị xếp loại đánh giá ở mức C.	1,5-2,5			
b)	Hoàn thành từ 70 đến 100% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ với chất lượng tốt; không có cá nhân bị xếp loại đánh giá ở mức C.	1-1,5			
c)	Hoàn thành dưới 70% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ; hoặc có cá nhân bị xếp loại đánh giá ở mức C hoặc để xảy ra vụ việc gây hậu quả đến mức bị xử lý kỷ luật với hình thức cảnh cáo trở lên.	0			
4.2	Có uy tín, đơn vị đoàn kết.	0-1			
	Tổng:		21		

Tự phân loại đánh giá: B+

Tự đề xuất danh hiệu thi đua (nếu có): Hoàn thành nhiệm vụ

Tự đề xuất hình thức khen thưởng (nếu có):.....

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Nguyễn Thị Minh Thu

Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Oanh

Bộ môn: Kế toán doanh nghiệp

Khoa: Kinh tế Quản trị kinh doanh

Chức danh: Giảng viên

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ

Năm học: 2015 - 2016

(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:** Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy: - Số giờ quy định trong năm học là 280 giờ - Tổng số giờ giảng trong năm học là:1160 giờ được 5,0 điểm	5,0	5,0		
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1,0 điểm (cụ thể vượt 414%)			1,0	1,0
	Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5,0 điểm (tên giáo trình)				
	Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4,0 điểm (tên chương trình)				
	Xây dựng đề cương môn học được thưởng 2,0 điểm: - Đề cương môn học Kế toán thuế				
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 1,0 điểm			1,0	1,0
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải nhất, nhì, ba; Tài năng khoa học trẻ dành cho SV được thưởng 2,0 điểm				
	Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích cấp Quốc gia được thưởng 2,0 điểm (tên giải)				
	Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 1,0 điểm (tên giải)				
	Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 1,0 điểm				
	Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến)				
	Đạt giải Tài năng khoa học trẻ Việt Nam dành cho giảng viên trẻ của Bộ GD-ĐT				
2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:** *- 01 bài báo đăng trên Tạp chí Tài chính Kế toán 2016*	4,0	4,0		
	Đề tài cấp cơ sở được nghiệm thu đúng thời hạn				
	Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành, dự án sản xuất thử được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ				
	Đề tài cấp Nhà nước được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ				
	Hợp đồng kinh tế phục vụ sản xuất: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định				
	Báo cáo khoa học				

	+ Cấp Trường và cấp tương đương (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 2,0 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia				
	+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia				
	+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia.				
	+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở cấp Bộ môn 1 báo cáo được 0,5 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia; cấp Khoa được 1.0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia (có xác nhận của Phòng KH-CN)				
	Bài báo				
	+ Đăng ở Tạp chí của Ngành			2,0	2,0
	+ Đăng ở tạp chí nước ngoài				
3	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0,5 điểm	0,5	0,5		
4	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ đạt 0,5 điểm	0,5	0,5		
5	Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25 điểm; Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25 điểm	0,5	0,5		
	Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v...			1,0	1,0
	Cộng	10,5	10,5		5,0

Tổng cộng (1)+(2)+(3)+(4) +(5) + 6,0 điểm thưởng = 15 điểm

Tự đánh giá danh hiệu thi đua:

Ngày 12 tháng 06 năm 2016

Ý kiến của đơn vị quản lý

Người khai

Nguyễn Thị Kim Oanh

Xác nhận của Khoa

Nguyễn Duy Lạc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Đơn vị: Bộ môn Kế toán Doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2016

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VÀ XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG
NĂM 2016
(Đối với cá nhân)

Họ và tên: **Phí Thị Kim Thư**

Chức danh nghề nghiệp: GV. ThS

Đơn vị công tác: Bộ môn Kế toán Doanh nghiệp - Khoa Kinh tế - QTKD

TT	Nội dung đánh giá *(Đọc kĩ phần Lưu ý ở cuối bảng để kê khai chính xác)*	Thang điểm	Tự đánh giá	Cấp quản lý trực tiếp đánh giá	Cấp có thẩm quyền đánh giá
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm, bao gồm cả nhiệm vụ đột xuất**	**0-10**	**10**		
•	Hoàn thành vượt tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là: 918,8 giờ).	8-10	10		
•	Hoàn thành 100% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ với chất lượng tốt.	6-8			
•	Hoàn thành 70 đến dưới 100% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ với chất lượng khá trở lên.	4-6			
•	Hoàn thành 50 đến dưới 70% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ.	1-4			
•	Hoàn thành dưới 50% nghĩa vụ được giao hoặc để xảy ra vụ việc gây hậu quả đến mức bị xử lý kỷ luật với hình thức cảnh cáo trở lên.	0			
2	**Đánh giá tinh thần thái độ làm việc**	**0-10**	**10**		
2.1	Lập trường, tư tưởng chính trị, sự chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Nhà trường; kỷ luật lao động.	0-2	**2**		
2.2	Phẩm chất đạo đức, lối sống; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp và đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	0-2	**2**		
2.3	Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật;	0-2	**2**		

b)	Hoàn thành từ 70 đến 100% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ với chất lượng tốt; không có cá nhân bị xếp loại đánh giá ở mức C.	1-1,5			
c)	Hoàn thành dưới 70% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ; hoặc có cá nhân bị xếp loại đánh giá ở mức C hoặc để xảy ra vụ việc gây hậu quả đến mức bị xử lý kỷ luật với hình thức cảnh cáo trở lên.	0			
4.2	Có uy tín, đơn vị đoàn kết.	0-1	1		
	Tổng:		27,75		

Lưu ý:

➢ Để đảm bảo ngắn gọn, dễ theo dõi, các cá nhân chỉ kê khai các mục mà mình có điểm (các mục không có điểm thì xóa đi).

➢ Khi kê khai các thành tích ở mục 3 (từ 3.1 đến 3.25), cần ghi rõ chủ trì hay tham gia và ghi đầy đủ **tên các tác giả; tên công trình** (*sách, giáo trình, đề tài, bài báo, báo cáo, sáng kiến, giải pháp, văn bản xây dựng...*); **thời gian và địa điểm thực hiện** (*xuất bản, nghiệm thu, ban hành, ứng dụng...*); **nơi thực hiện.**

➢ Nếu phân biệt được chủ trì hay tham gia thì chủ trì được một nửa số điểm, số điểm còn lại chia đều cho các thành viên (tính cả thành viên chủ trì). Nếu không phân biệt được thì số điểm được chia đều cho các thành viên tham gia thực hiện.

➢ Các cá nhân và Trưởng các đơn vị phải chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin trên và kết quả đánh giá, thẩm định. Trong trường hợp cần thiết, đơn vị chức năng sẽ yêu cầu giải trình và minh chứng bổ sung.

➢ **Các mức phân loại đánh giá:**

- A⁺ (Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ): đạt từ 24 điểm trở lên.
- A (Hoàn thành tốt nhiệm vụ): đạt từ 22 điểm trở lên.
- B⁺ (Hoàn thành nhiệm vụ): đạt từ 20 điểm trở lên.
- B (Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực): đạt từ 15 điểm trở lên.
- C (Chưa hoàn thành nhiệm vụ): dưới 15 điểm.

Tự phân loại đánh giá: đạt loại A (Hoàn thành tốt nhiệm vụ)

Tự đề xuất danh hiệu thi đua (nếu có): Lao động tiên tiến

Tự đề xuất hình thức khen thưởng (nếu có):

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Phí Thị Kim Thư

Họ và tên: Lưu Thị Thu Hà

Bộ môn: Kế toán doanh nghiệp

Khoa:Kinh tế - QTKD

Chức danh:Giảng viên

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ
Năm học:2015 -2016

(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá Có đề tài, bài báo, báo cáo KH, Hợp đồng LĐSX photocopy trang đầu và trang cuối kèm theo phụ lục)	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:** Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy (số giờ quy định trong năm học là 140 (tổng số giờ giảng trong năm học là: 349,5) được 5,0 điểm	5,0	5,0		
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1,0 điểm (cụ thể vượt ….%……)			1,0	1,0
	Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5,0 điểm (tên giáo trình)			5,0	
	Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4,0 điểm (tên chương trình)			4,0	
	Xây dựng đề cương môn học được thưởng 2,0 điểm (tên đề cương môn học)			2,0	
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 1,0 điểm			1,0	1,0
	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải nhất, nhì, ba; Tài năng khoa học trẻ dành cho SV được thưởng 2,0 điểm			2,0	
	Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích cấp Quốc gia được thưởng 2,0 điểm (tên giải)			2,0	
	Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 1,0 điểm (tên giải)			1,0	
	Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 1,0 điểm (tên sáng kiến)			1,0	
	Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến) *Vận dụng*			0,5	0,5
	Đạt giải Tài năng khoa học trẻ Việt Nam dành cho giảng viên trẻ của Bộ GD-ĐT			3	

2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:** (Có đề tài, bài báo, báo cáo khoa học, đạt 4,0 điểm) (ghi rõ tên đề tài, bài báo, báo cáo khoa học)	4,0			
	Đề tài cấp cơ sở được nghiệm thu đúng thời hạn (Chủ trì được 2,0 điểm, các thành viên tham gia 1,0 điểm)			3,0	
	Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành, dự án sản xuất thử được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (được 6 điểm/đề tài; trong đó chủ trì được 4,0 điểm, các thành viên tham gia được 2,0 điểm)			6,0	
	Đề tài cấp Nhà nước được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (10 điểm/đề tài; trong đó chủ trì đề tài được 7,0 điểm, các thành viên tham gia được 3,0 điểm)			10,0	
	Hợp đồng kinh tế phục vụ sản xuất: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định (đóng góp 5 triệu đồng cho Trường được thưởng 1,0điểm; đóng góp cho Công ty và các Trung tâm 10 triệu động được thưởng 1,0 điểm (ghi rõ hợp đồng, tổng số tiền đã nộp, tự cho điểm vào cột điểm thưởng)			1,0	
	Báo cáo khoa học				
	+ Cấp Trường và cấp tương đương (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 2,0 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia *Bài báo "Vấn đề thoái vốn của Vinacomin –Những vấn đề đặt ra"- Tạp chí Kinh tế và Dự báo số 11(571)- 2015*			2,0	2,0
	+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			4,0	
	+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			8,0	
	+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở cấp Bộ môn 1 báo cáo được 0,5 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia; cấp Khoa được 1,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia (có xác nhận của Phòng KH-CN)			0,5 – 1,0	
	Bài báo				
	+ Đăng ở Tạp chí của Trường, Ngành (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng); thưởng 2 điểm/bài/các tác giả			2,0	
	+ Đăng ở tạp chí nước ngoài (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng); thưởng 16 điểm/bài/ các tác giả			16,0	
3	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0,5 điểm	0,5	0.5		

4	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ đạt 0,5 điểm	0,5	0.5		
5	Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25 điểm; Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25 điểm	0,5	0,5		
	Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v... được thưởng 1,0 điểm			1,0	1,0

Tổng cộng (1)+(2)+(3)+(4) +(5) + 5, 5 điểm thưởng = 12,5 điểm

Tự đánh giá danh hiệu thi đua: Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở.

Ngày 5 tháng 6 năm 2015

Ý kiến của đơn vị quản lý

(Bộ môn)

Người khai

Lưu Thị Thu Hà

Xác nhận của Khoa

Nguyễn Duy Lạc

Họ và tên: Nguyễn Tiến Hưng

Bộ môn: Kế toán doanh nghiệp

Khoa: Kinh tế - Quản trị kinh doanh

Chức danh: Giảng viên

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ
Năm học: 2015 - 2016

(Dùng cho khối cán bộ giảng dạy)

TT	Nội dung đánh giá (Có đề tài, bài báo, báo cáo KH, Hợp đồng LĐSX thì copy trang đầu và trang cuối kèm theo phụ lục này)	Điểm hoàn thành		Điểm thưởng	
		Quy định	Tự đánh giá	Quy định	Tự đánh giá
1	**Công tác đào tạo:** - Hoàn thành 100% khối lượng giảng dạy (số giờ quy định trong năm học là: 280 (tổng số giờ giảng trong năm học là: 500 tiết) được 5,0 điểm	5,0	5,0		
	Nếu CBGD thực hiện vượt định mức khối lượng công tác giảng dạy từ 25% trở lên được thưởng 1,0 điểm (cụ thể vượt 180%)			1,0	1,0
	- Chủ trì viết giáo trình, sách tham khảo và tài liệu dịch từ cấp Trường trở lên được thưởng 5,0 điểm (tên giáo trình)			5,0	
	- Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành được thưởng 4,0 điểm (tên chương trình)			4,0	
	- Xây dựng đề cương môn học và có hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 2,0 điểm (tên đề cương môn học và nhóm sinh viên hướng dẫn NCKH) **+ Hướng dẫn SV NCKH đề tài "Tìm hiểu thực trạng kế toán công cụ tà chính tại các doanh nghiệp Việt Nam"**			2,0	2,0
	- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được thưởng 1,0 điểm			1,0	1,0
	- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải nhất, nhì, ba; Tài năng khoa học trẻ dành cho SV được thưởng 2,0 điểm			2,0	
	- Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích cấp Quốc gia được thưởng 2,0 điểm (tên giải)			2,0	
	- Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố được thưởng 1,0 điểm (tên giải)			1,0	
	- Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong giảng dạy có tác dụng nâng cao chất lượng đào tạo được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận được thưởng 1,0 điểm: **Tăng cường thực**			1,0	1,0

	hành sổ sách kế toán đối với phần hành kế toán bán hàng trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ				
	- Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy có hiệu quả được thưởng 0,5 điểm (ghi rõ nội dung vận dụng sáng kiến)			0,5	
	- Đạt giải Tài năng khoa học trẻ Việt Nam dành cho giảng viên trẻ của Bộ GD-ĐT			3	
2	**Công tác nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ:** (Có đề tài, bài báo, báo cáo khoa học và hoạt động LĐSX là đạt 4,0 điểm) (ghi rõ tên đề tài, bài báo…)	4,0	4,0		
	- **Đề tài cấp cơ sở** được nghiệm thu đúng thời hạn (Chủ trì được 2,0 điểm, các thành viên tham gia 1,0 điểm)			3,0	
	- **Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Thành** dự án sản xuất thử đã được nghiệm thu từng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ (được 6 điểm; trong đó chủ trì được 4,0đ, các thành viên tham gia được 2,0 điểm			6,0	
	- **Đề tài cấp Nhà nước**: 10,0 điểm/đề tài đã được nghiệm thu đúng năm theo kế hoạch tài chính phân bổ. Trong đó chủ trì đề tài dược 7,0 điểm, các thành viên tham gia được 3,0 điểm			10,0	
	- **Hợp đồng kinh tế phục vụ sản xuất**: Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Trường theo quy định (đóng góp 5 triệu đồng cho Trường được thưởng 1,0điểm; đóng góp cho Công ty và các Trung tâm 10 triệu động được thưởng 1,0 điểm (ghi rõ hợp đồng, tổng số tiền đã nộp, tự cho điểm vào cột điểm thưởng)			1,0	
	Báo cáo khoa học				
	+ Cấp Trường và cấp tương đương (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 2,0 điểm/báo cáo/số thành viên tham gia			2,0	
	+ Cấp Quốc gia (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 4,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			4,0	
	+ Cấp Quốc tế (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) 8,0 điểm/báo cáo/ số thành viên tham gia			8,0	
	+ Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn 1 báo cáo được 0,5 điểm; cấp khoa được 1,0 điểm/1 báo cáo/ số thành viên tham gia **- Báo cáo sinh hoạt học thuật tại bộ môn: Xây dựng đề cương môn Kế toán thương mại dịch vụ.**			0,5 – 1,0	0,5
	- Bài báo + Đăng ở Tạp chí của Trường, Ngành trở lên (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 2			2,0	2,0

	điểm/bài/các tác giả **- Bài báo đăng Tạp chí Quản lý ngân quỹ Quốc gia "Một số vấn đề lý luận về an toàn tài chính doanh nghiệp" – Số 148, tháng 10/2014.**				
	+ Đăng ở tạp chí nước ngoài (ghi rõ số lượng và tự cho điểm vào cột điểm thưởng) thưởng 16 điểm/bài/ các tác giả			16,0	
3	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường; tham dự các cuộc họp, lễ, hội của Nhà trường đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần đạt tối đa 0,5 điểm	0,5	0,5		
4	Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ đạt 0,5 điểm	0,5	0,5		
5	Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp và có tinh thần hợp tác trong công việc được 0,25 điểm Có lối sống lành mạnh, không vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, gia đình văn hoá được 0,25 điểm	0,5	0,5		
	Quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị thí nghiệm, tiết kiệm điện nước, nguyên vật liệu v.v… được thưởng 1,0 điểm			1,0	1,0

Tổng cộng (1)+(2)+(3)+(4) +(5) + 14,5 điểm thưởng = 19 điểm

Tự đánh giá danh hiệu thi đua:.....

Ngày 18 tháng 05 năm 2016

Ý kiến của đơn vị quản lý

(Bộ môn)

TS. Bùi Thị Thu Thủy

Người khai

Nguyễn Tiến Hưng

Xác nhận của Khoa

Nguyễn Duy Lạc

Mẫu số 1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Đơn vị: Bộ môn kế toán doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2016

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VÀ XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG NĂM 2016

(Đối với cá nhân)

Họ và tên: Vũ Ngọc Thịnh

Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên

Đơn vị công tác: Bộ môn kế toán doanh nghiệp

TT	Nội dung đánh giá *(Đọc kĩ phần Lưu ý ở cuối bảng để kê khai chính xác)*	Thang điểm	Tự đánh giá	Cấp quản lý trực tiếp đánh giá	Cấp có thẩm quyền đánh giá
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm, bao gồm cả nhiệm vụ đột xuất**	**0-10**	**10**		
• Hoàn thành vượt tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là: 460 giờ).		8-10	10		
2	**Đánh giá tinh thần thái độ làm việc**	**0-10**	**10**		
2.1	Lập trưởng, tư tưởng chính trị, sự chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Nhà trường; kỷ luật lao động.	0-2	**2**		
2.2	Phẩm chất đạo đức, lối sống; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp và đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	0-2	**2**		
2.3	Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật; tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được giao.	0-2	**2**		
2.4	Việc học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.	0-2	**2**		
2.5	Hiệu quả quản lý và sử dụng các thiết bị thí nghiệm,	0-2	**2**		

	điện, nước, nguyên vật liệu.				
3	**Đánh giá kết quả hoạt động khoa học công nghệ, phát minh, sáng kiến…**		**2.25**		
3.1	Báo cáo khoa học cấp Trường và tương đương.	0-1			
3.2	Báo cáo khoa học cấp Quốc tế. EMMA 2 - Quản lý kinh tế trong hoạt động khoáng sản **"Energy security in China, finding for cleaner coal for sustainable economic growth in CHINA, and the lessons for Vietnam"** **"An toàn năng lượng tại Trung Quốc, tìm kiếm than sạch cho phát triển bền vững tại Trung Quốc, và những bài học cho Việt Nam"**	0-3	0.75		
3.3	Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn. **"Tìm hiểu thực trạng mua lại các ngân hàng giá 0 đồng tại Việt Nam năm 2015"**	0-0.5	0.5		
3.4	Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong công việc và công tác có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-1	1		
4	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên)**	**0-3,5**			
	Tổng:		**22.25**		

Tự phân loại đánh giá: A (Hoàn thành tốt nhiệm vụ)

Tự đề xuất danh hiệu thi đua (nếu có):.....

Tự đề xuất hình thức khen thưởng (nếu có):.....

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Vũ Ngọc Thịnh

Mẫu số 3

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI SÁNG KIẾN

Họ và tên: Vũ Ngọc Thịnh
Đơn vị công tác: Bộ môn kế toán doanh nghiệp

STT	**Nội dung sáng kiến, áp dụng công nghệ, các giải pháp trong quản lý đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, xây dựng văn bản quản lý**	Ưu điểm hoặc điểm khắc phục
1	Sử dụng phần mềm Test Professional 6.0 (2008) trong phương pháp xây dựng hệ thống đề thi trắc nghiệm	Với phương pháp trên giáo viên có thể xây dựng hệ thống đề thi phong phú, chất lượng cao, tiết kiệm công sức và thời gian.

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2016

Trưởng đơn vị

Người kê khai

Vũ Ngọc Thịnh

PROCEEDINGS OF THE 2ND INTERNATIONAL SCIENTIFIC CONFERENCE ON ECONOMIC MANAGEMENT IN MINERAL ACTIVITIES - EMMA 2015

NOVEMBER 2015, HANOI, VIET NAM

HANOI, VIETNAM, 2015

ENERGY SECURITY IN CHINA, FINDING FOR CLEANER COAL FOR SUSTAINABLE ECONOMIC GROWTH IN CHINA AND LESSONS FOR VIETNAM

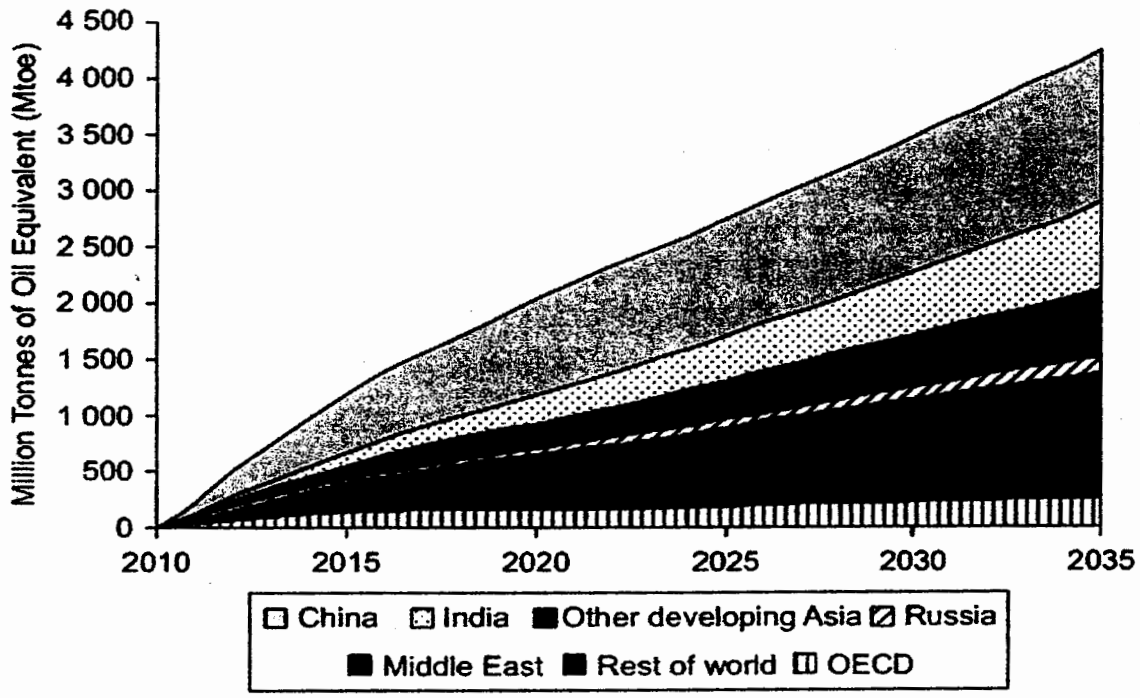
Kim Manh Tuan, Vu Ngoc Thinh

Hanoi University of Mining and Geology

***Abstract**: In the past decades of fast-growing development, China's demand for energy is increasing significantly each year. Overheating economy has put China energy security at risk. The higher energy demand, from both industrial enterprises and household consumption, makes China become highly vulnerable to energy import from foreign countries. Inefficient use of energy in China has caused negative impacts on the environment and hampered building a green economy. China's government is trying to implement new policies and creating a good environment for mining enterprises to change their technologies and implement environmental protection. This article also points out the lessons for Vietnam since both countries has many similar economic aspects.*

1. Introduction

Expanding very fast over the last 40 years, China has ranked the second biggest economy with the biggest energy consumption and the largest CO_2 producer.



Growth in primary energy demand in the new policies scenario, 2010–35

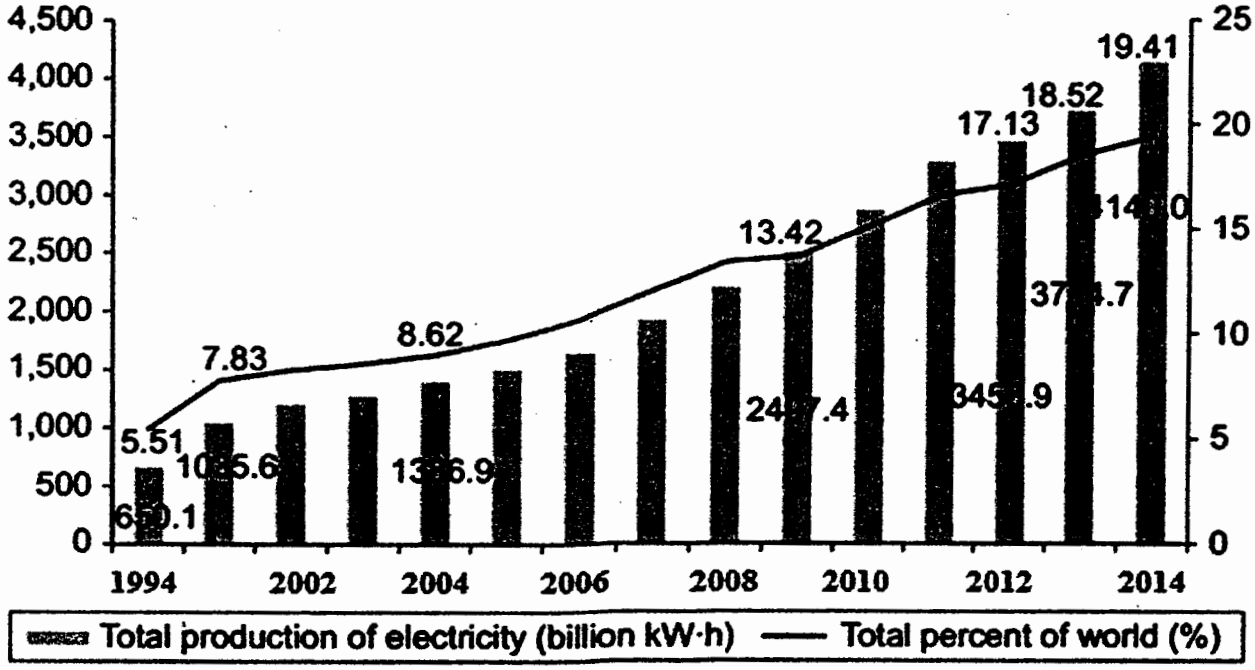
Source: IEA, World Energy Outlook, 2011.

Figure 1. Growth in primary energy demand in the new policies scenario in the period from 2010 to 2035

As you can see from figure 1, in 2010 alone, China consumed 3.2 billion tons of coal equivalents (TCE) and 4.2 trillion kWh of electricity, which is equal to an increase of 6% and 13.7% when compared to the previous year. There is a forecast that from 2010 to 2035, the worldwide energy demand is going to enlarge by at least 30%, in which China and India might contribute 50% of the growth. It is a huge increase in demand; the question for China now is that how to satisfy the domestic need of energy. At the same time, China also needs

to deal with environmental issues, which later affects the country's future and hampers its economic development.

It is clear from figure 2 that the rapid economic development of China is the main catalyst for increasing energy consumption of the country over the past 20 years. Total electricity production soared in China from 650 billion kWh in 1994 to 4.14 trillion kWh in 2014, with its share of the world total growing from 5.5% to 19.4% over the same period. By the end of 2014, China had installed an electricity generation capacity of 1.06 billion kWh, increasing by over 90 million kWh each year for six consecutive years. Total electricity production reached 4.7 trillion kWh in 2014, an 11.9% rise on its 2013 level.



Total electricity production in China and its share to the world total

Source: China Energy Statistical Yearbook, 2014

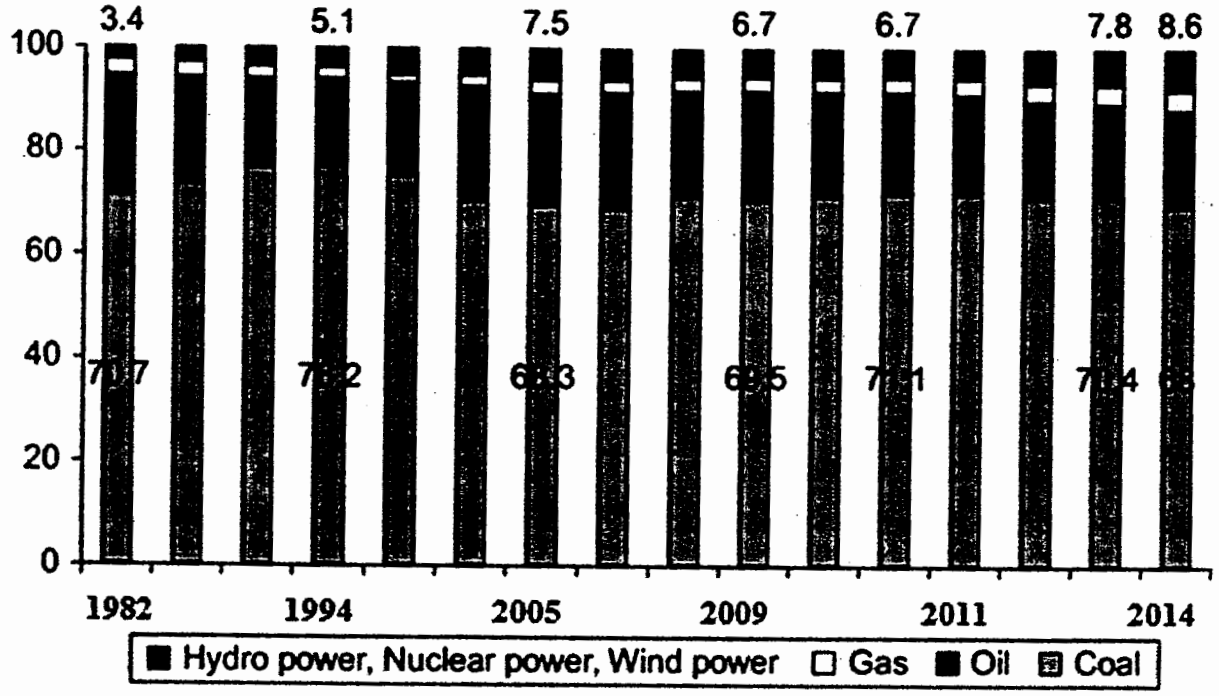
Figure 2. Total electricity productions in China and its share to the world total

Nevertheless, the huge increase in electricity supply, serious electricity shortages is apparent in the country. It means that China has to enhance the efficiency of energy/ electricity consumption to guarantee its sustainable economic growth and avoid negative impact on the living environment.

One cause of the electricity deficiency is the growing demand of residential consumption, but it is mainly because of the industrial structure. In China, over-heating industrialization producing industrial products creates an intense demand for electricity and energy.

The energy demand is becoming a big problem for China and raising the alarm for the country energy security. In total, the country's reserves of coal, oil and natural gas, respectively, rank 3rd, 13th and 17th over the global. However, if measured on a per capita basis, coal, oil and gas reserves in China are only about 79%, 6.5% and 6.1% compared to the world's average levels respectively. The particularly low levels of per capita reserves, especially oil and gas, suggest that China is highly vulnerable to external supplies of such energy resources.

China relies on its traditional energy resources, having diverse energy resources, and is especially rich in coal. By the end of 2014, the proven coal reserves of the country were about 114 billion tons, placing it third in the world, just after the USA and Russia (BP, 2015). In terms of the production and consumption of coal, China has constantly ranked first among all other countries. In 2014, China produced 3.2 billion tons of coal, accounting for 48% of the world's total. Meanwhile, it consumed even more coal for energy production. Up by 10.1% year-on-year, total coal consumption of China was about 3.3 billion tons in 2014, accounting for 48.2% of the world's total (BP, 2014). China's primary energy consumption in 2014 was 3.25 billion TCE, of which coal, oil, natural gas and other energy resources account for 68%, 19%, 4.4% and 8.6% respectively (China Statistical Yearbook, 2015). Despite declining slightly from its near peak of 71.1% in 2010, coal remains the predominant source of energy in China.

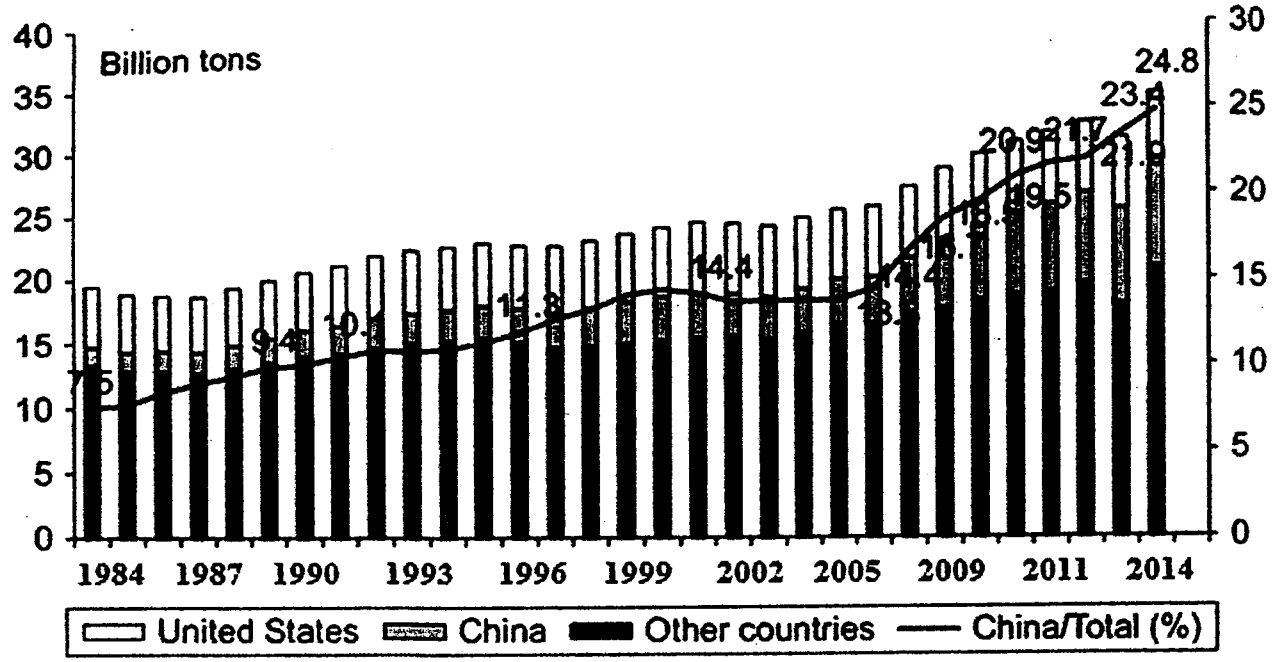


Coposition of China' energy consumption, 1982 - 2014
Source: NBS, China Statistical Yearbook, 2014

Figure 3. Composistion of China's energy consumption from 1982 to 2014

The severe environmental pollution caused by burning coal is irreversible and devastating. Coal use is to be blamed for about 90% of total sulphur dioxide (SO_2) emissions, 50% of particulate emissions, 70% of the total dust, nitrogen dioxide (NO_2) and carbon dioxide (CO_2) emissions.

It is obvious that China's heavy use of coal has caused a negative impact on the global climate in general and the country's environment in particular. While developed countries attempt to cut CO_2 emissions, emissions from China alone increased more than two times in the past 30 years. In fact, in 2009, China exceeded the USA to become the world's largest CO_2 emitter for the first time (The Word Bank, 2014). Since then, the country constantly contributes around 20% of the world's total CO_2 emissions, peaking at almost 25% in 2014.



Source: The World Bank,http://data.worldbank.org/indicator/EN.ATM.CO2E.KT/countries?display=default.

Figure 4. CO_2 emissions of China, the USA and the rest of the world, period from 1984 to 2014

2. A cleaner coal for China in the future: The role of technology and policy

2.1. The roles of technologies

During the 11th Five-Year Plan period (2005-2010), China made great progress with coal mining techniques and technologies, improving output and efficiency at mines that encounter a variety of geological conditions, including thin and steeply sloping seams. In thick coal seams, fully mechanized, top-coal caving mining technology, developed in China, allows a greater proportion of the seam to be recovered. A fully mechanized, long-wall coal face can now produce three to six million tons per annum (Mtpa) and achieve productivities of over 30,000 tones per man-year using machinery with rated capacities of 1500-2500 tones per hour, matching or exceeding the best performance achieved elsewhere in the world.

To implement the National Plan for Medium-Term to Long-Term Scientific and Technological Development (2006-2020), the 12th Five-Year Plan for Coal Mining Technology Development instigates several major projects to develop technologies, including:

- Geological surveying technologies

To guarantee high-efficiency coal mining through the precise and detailed exploration of coal resources, especially in western China where the evaluation of new technologies and information systems to handle geological data will be important

- High-efficiency coal mining technologies

Mainly equipment for large, deep mines in alluviums with thick coal seams, those are capable of producing 6-10 Mtpa using mechanized and automated mining equipment.

Other technologies include those for thin seams, fully mechanized short-wall mining equipment, automatic control systems for coalface equipment, and fast techniques for cutting underground roadways, new coal conveying, lifting, blending and loading technologies, and mine information systems.

- Sustainable coal mining technologies

Technologies used in mining coals has to be assessed on the possible environmental impacts of coal exploitation and possible mitigation measures; subsidence management; the use of mine water as a resource; the treatment and reduction of coal gangue pollution; mining waste utilization; and mine site restoration. The industrial-scale demonstration of underground coal gasification is also seen as a priority.

- Policies and regulations for coal mining

In the past few years, different Chinese government departments have proposed various policies to promote the sound and sustainable development of the coal industry. The orderly exploitation of coal resources and their rational utilization are both emphasized. At the same time, coal enterprises are being urged to raise recovery rates, to ensure safety in coal-mines and to pay more attention to environmental protection.

2.2. The roles of policy

Law enforcement in the Chinese coal industry is gradually being perfected and, in terms of resource administration, safety supervision and inspection, environmental protection and industry administration, government from the central to the county levels has set up a relatively complete organizational structure. The table 1.1 shows responsibilities for coal industry administration at different levels of government.

Table 1. Responsibilities for coal industry administration at different levels of government

<table>
<tr><th></th><th>Resources administration</th><th colspan="2">Safety supervision and inspection</th><th>Environmental protection</th><th>Industry administration</th></tr>
<tr><th></th><th></th><th>Safety supervision</th><th>Safety inspection</th><th></th><th></th></tr>
<tr><td>Central</td><td>Ministry of Land and Resources</td><td>State Administration of Work Safety</td><td>State Administration of Coal Mine Safety</td><td>State Environmental Protection Administration</td><td>National Development and Reform Commission</td></tr>
<tr><td>Provincial</td><td>Provincial Land and Resources Bureaus</td><td>Provincial Bureau of Work Safety</td><td rowspan="3">District Coal Mine Safety Inspection Bureaus and Regional Coal Mine Safety Inspection Branch Bureaus overseen by the State Administration of Coal Mine Safety</td><td>Provincial Environmental Protection Bureaus</td><td rowspan="3">At the provincial level and all levels below are Development and Reform Commissions (or Economic and Trade Commissions) or Coal Industry Bureaus, as well as other relevant agencies</td></tr>
<tr><td>Municipal</td><td>Municipal Land and Resources Bureaus</td><td>Municipal Bureau of Work Safety</td><td>Municipal Environmental Protection Bureaus</td></tr>
<tr><td>County</td><td>County (district) Land and Resources Bureaus</td><td>County (district) Bureau of Work Safety</td><td>County (district) Environmental Protection Bureaus</td></tr>
</table>

In 2012, the government initiated a special, nationwide examination of coal recovery rates. The Ministry of Land and Resources, NDRC and the State Administration of Work Safety formed a supervision group, which visited every region to supervise this examination. Enterprises prepared self-evaluations, then these were confirmed by local government and inspected by both the Ministry of Land and Resources and NDRC. Conducting such a special inspection of coal resource exploitation was unprecedented in China and is intended to improve the development and utilization of coal resources. Such an approach would be relevant also to the exploitation of other mineral resources in China.

In 2014, coal mine safety law enforcement became even more efficient when, in February, the Executive Meeting of the State Council decided to elevate the State Bureau of Work Safety to become the State Administration of Work Safety, a ministerial agency. Meanwhile, the State Administration of Coal Mine Safety under the jurisdiction of the State Administration of Work Safety, was set up to improve the authority of coal mine safety inspectors and strengthen coal mine safety inspections and law enforcement. This elevation of status has improved the authority of local coal mine safety supervision and inspection organizations under local government, so they can now effectively supervise the large, state-owned coal enterprises. When conducting major safety inspections or accident investigations, the State Administration of Work Safety and the State Administration of Coal Mine Safety are able to better co-ordinate their activities under the new structure.

Coal production and use leads to atmospheric, water and land pollution. As well as its ambitious target to reduce energy intensity by 20%, the Chinese government has set targets to reduce annual sulphur dioxide and dust emissions by 10% below their 2009 levels by 2014, as can be seen from figure 5. Achieving these targets will require special attention be paid to pollution from coal; the combustion of coal accounts for most of China's sulphur dioxide (SO_2) emissions. Between 1994 and 2014, China's SO_2 emissions grew from around 19 Mtpa to 26 Mtpa, making it the world's largest emitter of this noxious gas that can cause breathing difficulties and acid rain. Emissions of oxides of nitrogen (NOx) grew from 7 Mtpa to 15 Mtpa and particulate emissions grew from 12 Mtpa to 14 Mtpa (IEA, 2011).

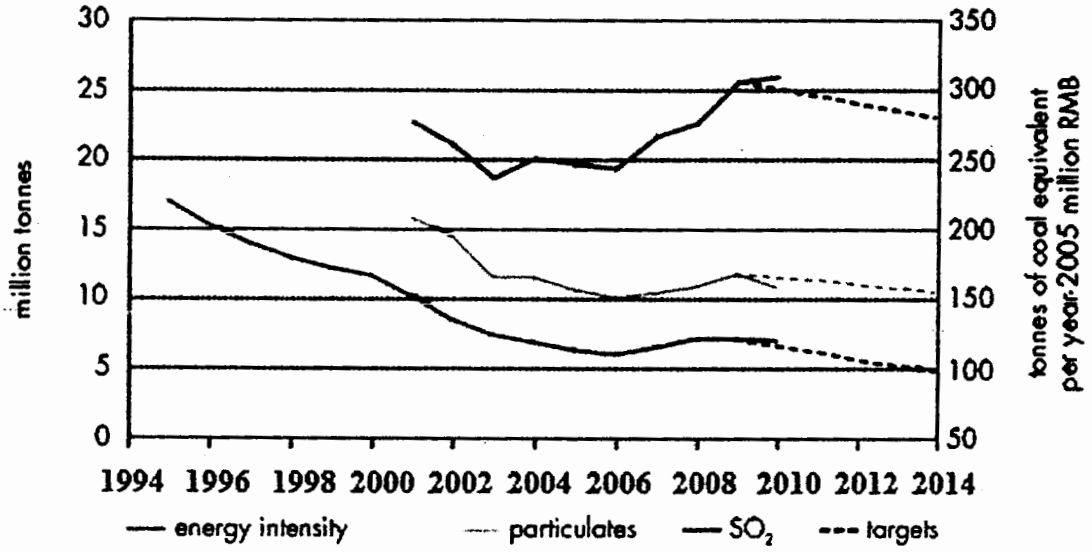


Figure 5. China's energy intensity, emissions of sulphur dioxide and particulates with targets for 2014

3. The lessons for Vietnam

- The application of clean coal technologies in Vietnam cannot be divorced from the dynamics of its domestic coal market and government oversight of the coal-producing and coal-using sectors. Technology choices are largely determined by these two factors, driven by economic and regulatory considerations. More than anything else, enforcement of well-crafted legislation will determine how clean coal technology is deployed in Vietnam. An

effective framework creates a demand for technology solutions, which can often be best delivered in a competitive market place.

- Vietnam should use the best-available, clean coal technologies for all applications, and investing time and money to create even cleaner ones;

- Fostering the uptake of these clean coal technologies through improved regulation that leads to clear, cost-reflective market signals, and through better reporting of environmental performance and implementation of environmental protection measures;

- Actively participating in international partnerships to speed research, development, demonstration and the deployment of cleaner coal technologies;

- Working with other governments to create a global market for clean energy technologies and responding to this market with commercially relevant products, for local markets and for export;

- Equally important, building a society with efficient use of resource and environmental protection is a long-term strategy. Establishing a green economy but maintaining fast-growing rate over the years is a difficult task for a developing country like Vietnam. However, sacrificing environment for economic purposes, Vietnam will have to deal with later problems. It is a challenge for Vietnam to balance the economic goals and at the same time, building an environmentally friendly society, improving people's education and ecological protection with active public participation. Vietnam's government policy should be shifting to these goals with the understanding that GDP growth is beneficial to many people, but all Vietnamese people will benefit from a good environment in a harmonious society. Building an energy-efficient economy and good environment is very important for Vietnam's transition to a green economy.

REFERENCES

[1] "Cleaner Coal in China", International Energy Agency (IEA)

[2] "Energy Security and Sustainable economic growth in China", S. Yao and S.Tsang, the Nottingham China Policy Institute Series

[3] IEA, World Energy Outlook, 2014

[4] National Bureau of Statistics, China Energy Statistical Yearbook 2014

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Đơn vị: Bộ môn Kế toán Doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VÀ XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG NĂM 2016

(Đối với cá nhân)

Họ và tên: **Phí Thị Kim Thư**

Chức danh nghề nghiệp: GV. ThS

Đơn vị công tác: Bộ môn Kế toán Doanh nghiệp - Khoa Kinh tế - QTKD

TT	Nội dung đánh giá *(Đọc kĩ phần Lưu ý ở cuối bảng để kê khai chính xác)*	Thang điểm	Tự đánh giá	Cấp quản lý trực tiếp đánh giá	Cấp có thẩm quyền đánh giá
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm, bao gồm cả nhiệm vụ đột xuất**	**0-10**	**10**		
Hoàn thành vượt tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là: 918,8 giờ).		8-10	10		
Hoàn thành 100% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ với chất lượng tốt.		6-8			
Hoàn thành 70 đến dưới 100% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ với chất lượng khá trở lên.		4-6			
Hoàn thành 50 đến dưới 70% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ.		1-4			
Hoàn thành dưới 50% nghĩa vụ được giao hoặc để xảy ra vụ việc gây hậu quả đến mức bị xử lý kỷ luật với hình thức cảnh cáo trở lên.		0			
2	**Đánh giá tinh thần thái độ làm việc**	**0-10**	**10**		
2.1	Lập trường, tư tưởng chính trị, sự chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Nhà trường; kỷ luật lao động.	0-2	**2**		
2.2	Phẩm chất đạo đức, lối sống; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp và đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	0-2	**2**		
2.3	Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật;	0-2	**2**		

	tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được giao.				
2.4	Việc học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.	0-2	**2**		
2.5	Hiệu quả quản lý và sử dụng các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu.	0-2	**2**		
3	**Đánh giá kết quả hoạt động khoa học công nghệ, phát minh, sáng kiến…**		**4,25**		
3.1	Giáo trình cấp Trường in lần đầu.	0-3			
3.2	Giáo trình cấp Trường in tái bản có bổ sung, sửa chữa.	0-1.5			
3.3	Sách, giáo trình in lần đầu ở nhà xuất bản.	0-4			
3.4	Sách, giáo trình in tái bản có bổ sung, sửa chữa.	0-2			
3.5	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu.	0.5			
3.6	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, thi Olympic đạt giải Nhất, Nhì, Ba cấp Trường.	1			
3.7	Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải Nhất, Nhì, Ba, khuyến khích cấp Quốc gia hoặc đạt giải Tài năng trẻ.	2			
3.8	Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố.	1			
3.9	Đề tài cấp cơ sở đã được nghiệm thu đúng thời hạn.	0-2			
3.10	Đề tài, dự án sản xuất thử cấp Bộ, Tỉnh, Thành phố đã được nghiệm thu theo tiến độ (được tính điểm cho tối đa 2 năm).	0-3			
3.11	Đề tài cấp Nhà nước đã được nghiệm thu theo tiến độ (được tính điểm cho tối đa 3 năm).	0-6			
3.12	Hợp đồng, đề tài NCKH phục vụ sản xuất ký về các Công ty, Trung tâm của Nhà trường đã nghiệm thu, thanh lý (được tính điểm cho 1 năm và theo giá trị hợp đồng).	(0-3)/ tỷ đồng			
3.13	Báo cáo khoa học cấp Trường và tương đương.	0-1			
3.14	Báo cáo khoa học cấp Quốc gia.	0-1.5			
3.15	Báo cáo khoa học cấp Quốc tế. Phi Thi Kim Thu, Financial sustainability: an appraisal for Vietnam National Coal - Mineral industries coporation, Hội thảo khoa học Quốc tế về "Quản lý kinh tế trong hoạt động khoáng sản EMMA2", tháng 11/2015, Hà Nội. (chủ trì)	0-3	2,25		
3.16	Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn.	0-0.5			
3.17	Bài báo khoa học tiếng Việt ở Tạp chí khoa học trong nước. Phí Thị Kim Thư, Bàn về phát triển bền vững về tài chính của các tập đoàn kinh tế, Tạp chí nghiên cứu tài chính kế toán, tháng 6/2015, Hà Nội (chủ trì).	0-2	2		

	Phí Thị Kim Thư, Vận dụng phân tích SWOT nhằm định hướng phát triển bền vững cho Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, Tháng 12/2015, Hà Nội (chủ trì) Phí Thị Kim Thư, Đánh giá tính bền vững tài chính tại Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tạp chí Khoa học thương mại, Tháng 12/2015, Hà Nội (chủ trì)				
3.18	Bài báo khoa học tiếng nước ngoài ở Tạp chí khoa học trong nước.	0-2.5			
3.19	Bài báo khoa học tiếng nước ngoài ở Tạp chí khoa học nước ngoài.	0-3.5			
3.20	Bài báo khoa học ở tạp chí ISI và Scopus.	0-5			
3.21	Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong công việc và công tác có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-1			
3.22	Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy và công tác có hiệu quả được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận và đánh giá (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-0.5			
3.23	Sáng tạo ra các công nghệ, phương pháp góp phần nâng cao năng suất lao động, hiệu quả công việc (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-5			
3.24	Có giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3)..	0-4			
3.25	Xây dựng văn bản quản lý; xây dựng đề án, dự án về công tác quản lý và hoạt động chuyên môn được áp dụng có hiệu quả (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-4			
4	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên)**	**0-3,5**	**3,5**		
4.1	Mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý.	0-2,5			
a)	Hoàn thành vượt tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là: 918,8 giờ); không có cá nhân bị xếp loại đánh giá ở mức C.	1,5-2,5	2,5		
b)	Hoàn thành từ 70 đến 100% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ với chất lượng tốt; không có cá nhân bị xếp loại đánh giá ở mức C.	1-1,5			
c)	Hoàn thành dưới 70% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ;	0			

	hoặc có cá nhân bị xếp loại đánh giá ở mức C hoặc để xảy ra vụ việc gây hậu quả đến mức bị xử lý kỷ luật với hình thức cảnh cáo trở lên.				
4.2	Có uy tín, đơn vị đoàn kết.	0-1	1		
	Tổng:		**27,75**		

Lưu ý:

➢ Để đảm bảo ngắn gọn, dễ theo dõi, các cá nhân chỉ kê khai các mục mà mình có điểm (các mục không có điểm thì xóa đi).

➢ Khi kê khai các thành tích ở mục 3 (từ 3.1 đến 3.25), cần ghi rõ chủ trì hay tham gia và ghi đầy đủ **tên các tác giả; tên công trình** (*sách, giáo trình, đề tài, bài báo, báo cáo, sáng kiến, giải pháp, văn bản xây dựng...*); **thời gian và địa điểm thực hiện** (*xuất bản, nghiệm thu, ban hành, ứng dụng...)*; **nơi thực hiện.**

➢ Nếu phân biệt được chủ trì hay tham gia thì chủ trì được một nửa số điểm, số điểm còn lại chia đều cho các thành viên (tính cả thành viên chủ trì). Nếu không phân biệt được thì số điểm được chia đều cho các thành viên tham gia thực hiện.

➢ Các cá nhân và Trưởng các đơn vị phải chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin trên và kết quả đánh giá, thẩm định. Trong trường hợp cần thiết, đơn vị chức năng sẽ yêu cầu giải trình và minh chứng bổ sung.

➢ **Các mức phân loại đánh giá:**

- A^+ (Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ): đạt từ 24 điểm trở lên.
- A (Hoàn thành tốt nhiệm vụ): đạt từ 22 điểm trở lên.
- B^+ (Hoàn thành nhiệm vụ): đạt từ 20 điểm trở lên.
- B (Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực): đạt từ 15 điểm trở lên.
- C (Chưa hoàn thành nhiệm vụ): dưới 15 điểm.

Tự phân loại đánh giá: đạt loại A+ (Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ)

Tự đề xuất danh hiệu thi đua (nếu có): Lao động tiên tiến.

Tự đề xuất hình thức khen thưởng (nếu có):

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Phí Thị Kim Thư

PROCEEDINGS OF THE 2ND INTERNATIONAL SCIENTIFIC CONFERENCE ON ECONOMIC MANAGEMENT IN MINERAL ACTIVITIES - EMMA 2015

NOVEMBER 2015, HANOI, VIET NAM

ECONOMIC MANAG
IN MINERAL ACTI

HANOI, VIETNAM, 2015

FINANCIAL SUSTAINABILITY: AN APPRAISAL FOR VIETNAM NATIONAL COAL - MINERAL INDUSTRIES COPORATION

Phi Thi Kim Thu[a], Phi Quang Hai[b]

[a]Hanoi Univeristy of Mining and Geology

[b]Ministry of Industry and Trade of The Socialist Republic of Vietnam

Abstract: A primary aim for all business organizations is to achieve steady, long-term and sustainable development. In the financial perspectives, financial sustainability is not only the ultimate strategic goal but also the foundation for ongoing success of any enterprises. Thus, in this article, background theories of financial sustainability will be discussed, enable the authors to provide valuable practical insights into Vietnam National Coal and mineral Industries Corporation (Vinacomin)

1. Theory of financial sustainability

There have been various definitions of sustainable development. The term, sustainable development, was popularized in "Our common future", a report published by the Word Commission on Environment and Development, in which: "Sustainable development is development which meets the needs of the present without compromising the ability of future generations to meet their own needs".

However, the concept of sustainable development can be interpreted in many different ways. For financial sector, one question has been raised "whether sustainability could be applied in financial sector or not?", "how financial sustainability could be defined?", "how about financial sustainability in a business organization?"

An organization could be considered as a financially healthy or financial sustainable firm if has strong solvency at any defined moments and do not cause negative impacts on the economy and society despite of socioeconomic difficulties.[1].

Financial sustainability is also defined as providing funding and risk management solutions for projects and business operations to promote their activities or prevent negative impacts they could cause for the property of economy, environment-protection and social justice. [2].

The book "The Balance Scorecard" has mentioned finance is most important factor of business operation when goals of business focus on profit. To evaluate financial ability of a business organization, the authors have mentioned to indicators that reflects finance abilities, including: capital size, degree of (equity) capital maintenance and development, borrowing power, self-funding ability, securities finance, and profitability (return on equity (ROE), return on asset (ROA)), etc. [4].

Additionally, financial sustainability is considered as the high equity ratio. It means that in context of financial crises, the enterprises could reorganize financial activities by their own ability. In financially sustainable businesses, long term profitability takes priority over any short term gains. Therefore, when making decisions that affects the financial situation, the business organizations should focus on achieving long term goals [3]

Those definitions have been viewed from different perspectives. However, all of them have come to a common conclusion: *financial sustainability should be achieving current financial needs but do not have negative effects on future.*

Corporation is a business organization which includes groups of parent and subsidiary companies. Those companies have relationship in terms of capital, technology, finance, information, education, researches and other links about common benefits. The parent companies have absolute decision-making for subsidiary companies' finance and strategies. To achieve financial sustainability of the Corporation, the Corporation should reach the profit ratio in "safe situation" in long term. This article suggests financial sustainability of the Corporation should be reflected in some following aspects:

Firstly, the Corporation *should ensure the long term profitability.* Crucially, each enterprise must generate enough revenue to survive. For every Group, it should focus in raising productivity and profitability. Profitability should not be only reflected in absolute returns, but in profitability ratios in which the return on asset (ROA) and return on equity (ROE) are the most important ratios. Besides having profitable growth, Group should maintain the growth steadily and stably in the long run in order to reach to the aim of financial sustainability.

Secondly, the Corporation *should maintain safety in financial activities.* When operating in the market economy, the Corporation alway has to face numerous kinds of risks. Financial risks could rise if Corporation use liability to fund unsuccessful subsidiary companies who are hardly able to pay back loans from Corporation. That a company has high debt ratio means that it is using high financial leverage. If return on asset is higher than interest rate of loans, return on equity should be higher than expected respectively. However, if there is any incidents that could make return on asset is lower than interest rate of loans, return on equity should be reduced much more significantly in compare with declining on return on asset ratio. Therefore, it could led costs will raise; revenue and profits will reduce accordingly. In financial perspectives, to maintain financial goals, the Corporation should have ability to control risks, raise safety but maintain expected profitability in finance.

Solvency ability is used to evaluate financial safety/security level of a Corporation. Some of the liquidity indicators are current ratio, quick ratio and cash ratio. Current ration is calculated as deriving the proportion of current assets available to cover current liabilities. If the ratio is higher than 1, a Corporation could be considered as a healthy financial firm and has full ability to settle short-term loans. Quick ratio measures the amount of the most liquid current assets there are to cover current liabilities. When this ratio is high, it reflects good solvency ability and high level of financial safety. Cash ratio measures the amount of cash and cash equivalents there are in current assets to cover current liabilities. The higher cash ratio is the better solvency ability and. The level of safety in finance is also evaluated base on debt-to-equity ratio (DER) (DER = Total Liabilities/ Total Equity (Total Assets - Total Liabilities). In theory, the smaller this ratio is (means Liabilities less than Equity in total capital), the safer Corporation's finance is. If this ratio is quite small, it means that liability just counts for small portion of total assets/capital. Therefore, it is not harder for Corporation facing troubles in finance. If this ratio becomes higher, it is more difficult for Corporation to pay the debts; raising the risks of bankrupting and reducing the level financial sustainability for Corporation. In Vietnam, Decree 09/2009 dated 05-Feb-2009 has required that this ratio should not higher than 3. [5]

Thirdly, Corporation *should preserve and develop equity.* During the Corporation's operations, it needs to be provided adequate funds in order to take advantage of business opportunities, which therefore do not interrupt the process of production and business. In order to provide adequate funds, it not always can be mobilized from outside but it is important to preserve and grow capital, especially equity. Development with external debt financing is not sustainable because it makes the Corporation face on potentially unexpected risks and passive situation in using capital. Preserving and developing equity is the proactive way to help the Corporation to achieve financial sustainability. To assess the degree of preservation and development of the equity can use the norm Level of preserving equity. (The level of preserving equity equal to equity at the end of the reporting period to equity at previous reporting period). In case, this factor equal to 1 which means the Group could preserve Equity capital. If the factor is more than 1, the Corporation might increase their equity capital which is invested by owners, Development fund, Investment& construction capital.[6]

2. Financial sustainability of Vietnam National Coal - Mineral Industries Corporation

Vietnam National Coal-Mineral Industries Corporation (Vinacomin) is a business corporation, including Parent company - which is organized in the form of 100% invested by State and its' members which are organized in the form of limited liability companies or joint-stock company owned by the Vinacomin in partly or entirely. Being one of biggest contributor to the State budget revenues and having a key role to ensure national energy security, with a big amount of bonds sold in international financial market, so that it's quiet necessary for Vinacomin to reach financial sustainability. Under the above theory, we assess the financial sustainability of Vinacomin as following:

+ *About the Vinacomin's Profitability:*

Table 1. Some indicators of profitability of Vinacomin during the period 2008 - 2014

No	Indicators	Units	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
1	Earnings before Taxes	Billion VND	6,433.92	4,879.39	8,610.52	8,632.50	3,415.02	3,015.40	2,761.01
2	Earnings after Taxes	Billion VND	4,752.62	3,770.62	6,583.67	6,567.15	2,544.05	2,296.27	2,068.94
3	Total Average Assets	Billion VND	40,221.34	55,159.19	73,465.41	94,396.10	110,284.34	125,575.92	133,117.42
4	Average Equity	Billion VND	14,423	18,551	23,361	29,475	33,772	36,768	36,577
5	ROA (2/3)	%	11.82	6.84	8.96	6.96	2.31	1.83	1.55
6	ROE (2/4)	%	32.95	20.33	28.18	22.28	7.53	6.25	5.66

Source: Calculated by the Authors depend on Vinacomin's consolidated financial statements from 2008 to 2014.

From Table 1, we can see that Vinacomin's business activities were profitable during the period from 2008 to 2014, reached to the highest in 2010 and 2011 with Earnings before Taxes was VND 8610.52 billion in 2010 and VND 8632.50 billion in 2011, corresponding to the highest Earnings after Taxes in this period with the specific figure for 2010 was VND 6583.67 billion and VND 6567.15 billion for the year 2011. However, in the early year 2012, the domestic economic was slowdown affected to the coal sale, consequenly led to the steadily declining of Corporation' Earnings. Earnings before Taxes only reached VND 3415.02 billion in 2012, down VND 5217,48 billion compared to 2011, corresponding to 60.4% rate is reduced; Earnings after Taxes in 2012 was VND 2544.05 billion, down VND 4023.1 billion compared to 2011, respectively 61.3% declining rate. Earnings continued to decrease in the Year 2013, especially Earnings after Taxes accounted for VND 2296.27 billion, down 9.7% compared to the previous year, the one in the Year 2014 continued to go down to VND 2068.94 billion, fell 56.5% compared to the first year 2008 during the period. Chart 1 illustrates the movement of Corporation's Earnings after Taxes during the period 2008 - 2014. Earnings after Taxes is lowest in the Year 2014 in the chart, it shows that the Coporation's profitability hasn't reached to the aim increasing profits' scale in a long term in this period.

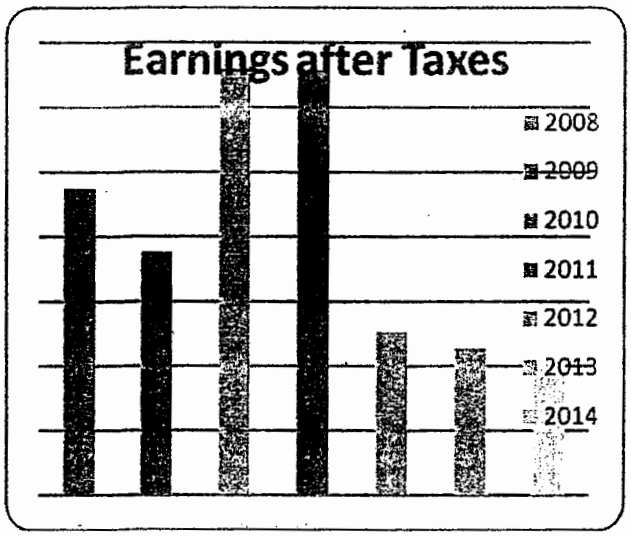


Chart 1. The movement of Vinacomin's Earnings after Taxes during the period of 2008-2014.

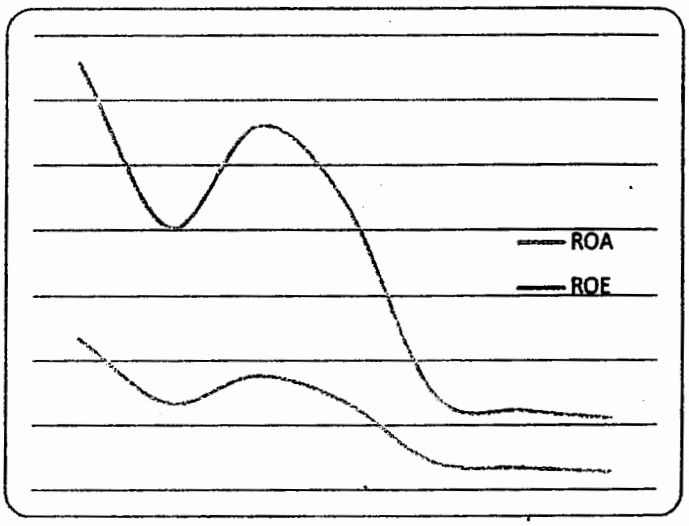


Chart 2. The trend of ROA, ROE of Vinacomin during the period of 2008-2014

In order to assess accurately the Corporation's profitability, the Ratios of Return on Total Assets (ROA) and Return on Equity (ROE) should be taken into account. From Table 1 and chart 2, it can be observed that the instability and significantly declining of ROA and ROE during this period, especially ROE. ROA reached the highest level in 2008 , with a rate of 11.82% , then decreased to 2.31% in 2012, 1.83% in 2013 and 1.55% in 2014. In 2014, ROA fell 86.8% compared to 2008.

ROE was calculated about 32.95% in 2008, but only 7.53% in 2012, 6.25% in 2013 and 5.66% in 2014; it has fallen 82.8% compared to the beginning of the year 2008. These trends of declining in the profitability ratio showed that although the Group still gained profitable, but the financial situation has not yet considered as sustainability.

There were various reasons resulting to the substantial drop of ROA and ROE of Vinacomin, such as: the economic difficulties had led to the falling of Vinacomin's consumption; the depression of the world economy which caused the world energy demand decreasing, resulting inventories of coal producing countries increased; coal prices on the world market dropped quiet deeply (from 30% to 40 %) resulting in reducing the revenues; as well as inputs prices went up. Besides, it can not fail to mention one of the significant causes to the declining of ROE is the borrowing policy of Vinacomin. During this period, Vinacomin sharply increased borrowing capital from Banks and issuing bonds for its' projects, at present it might be within the capability of Vinacomin, because Vinacomin has also been a "big boss" of internal coal and mineral industry. However, too much debt while the ratio Earnings Before Interests and Taxes/Total Capital (EBIT/Total Capital) was not enough to cover the interest rate would result in negative impacts to reduce ROE of the Group. According to author's calculations, the ratio EBIT/Total Capital of Vinacomin was 18.89% in 2008, 10.78% in 2009,13.96% in 2010, 11.36% in 2011, but was only 6.47% in 2012, 5.77% in 2013, even 1.20% in 2014. If compared to the interest rates of the Group's loans, i.e. 2013 bond issuing interest rate was 8% per year, bond issued in June 2014 with two first interest margins are 9.8%/year, or compared to commercial interest rates from 9% to 10.5% per year (average of 9.75%/year) for the short term loans and from 11.5% to 12.8%/ year (average of 12.15%/ year) for the medium and long term loans, it was so clear that these ratios of EBIT/Total Capital were not enough to offset the borrowing cost; consequently led to increasing future risks, reducing the ROE ratio, affecting to Vinacomin's financial sustainability.

- *About the maintain safety in Vinacomin's financial activities*

To assess the Corporation's maintain safety, the authors use the ratios of solvency and debt-to-equity ratio. The Vinacomin's solvency reflects the payment capability for the debts from the assets. With Vinacomin, through data in Table 2 shows that the solvency ratios during the period 2007-2014 were always within the accepted limits, which therefore demonstrated good ability to pay for Short-term debts by Vinacomin's total assets and liquid assets. The current ratios at the end of 2010 and end of 2012 were still drawbacks, however the data through the time remaining during the period were acceptable (the ratios were> 1). The cash ratios except two years 2008 - 2009 were at high level, whereas collected data remaining in most years were lower. The data showed that Vinacomin's solvency capacity in cash and cash equivalents for Short-term loans were not guaranteed. From chart 3 we see basically the solvency ratios of the Vinacomin tended to decrease during this period, the current ratios' growth was not stabilize, at the end of 2014 this ratio was down 7.2% compared to the same time in 2007. This is an unexpected sign, affecting the financial sustainability of the Vinacomin.

Table 2. Ratios reflect the level of financial security of Vinacomin during the period of 2007 - 2014

No	Ratios	End of 2007	End of 2008	End of 2009	End of 2010	End of 2011	End of 2012	End of 2013	End of 2014
1	Current Ratio	1.11	1.20	1.21	0.98	1.09	0.93	1.07	1.03
2	Quick Ratio	0.72	0.72	0.83	0.73	0.72	0.51	0.59	0.51

3	Cash Ratio	0.29	0.32	0.37	0.26	0.28	0.159	0.157	0.162
4	Debt-to-equity ratio (DER)	1.69	1.86	2.07	2.20	2.34	2.32	2.50	2.52

Source: Calculated by the authors depend on Vinacomin's consolidated financial statements during the period from 2008 to 2014

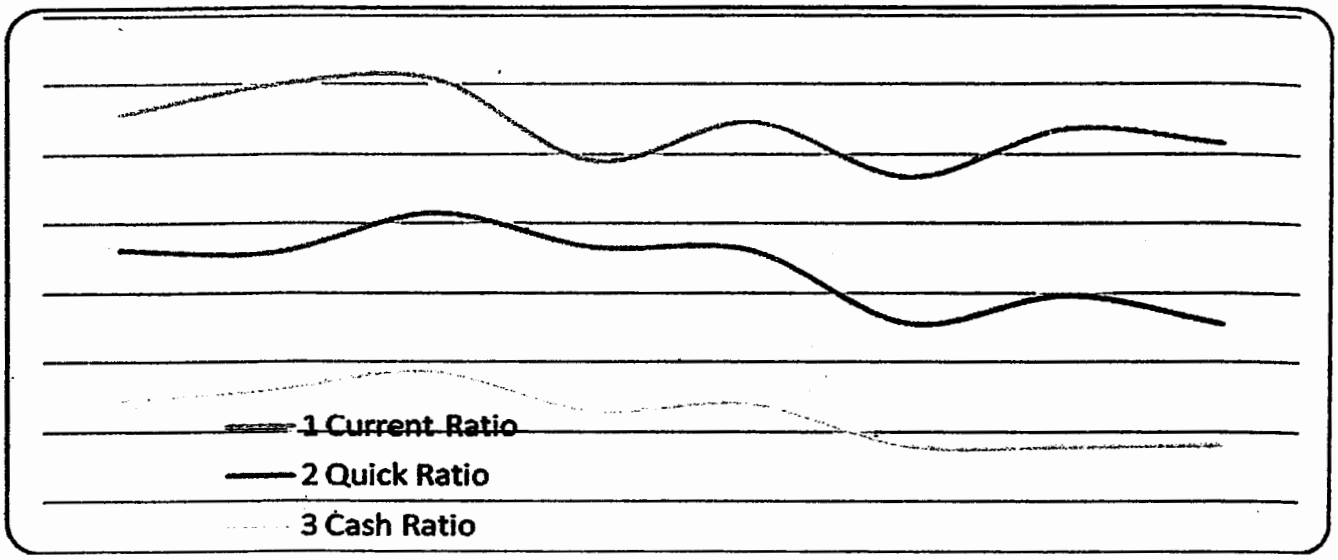


Chart 3. The trend of solvency ratios of Vinacomin in period 2008-2014

The level of capital security is expressed through indicators Debt to Equity ratio. According to Table 2, during the period 2007 to 2014, the Debt/Equity ratios of Vinacomin were within the allowable limits as prescribed in Decree 09/2009/ND - CP dated 05-02-2009 on financial management for State-owned enterprises. However, these number tended to gradually increase and reached 2.52 times in the end of 2014 with an increase by 49,1% against the records of 2007. Particularly, in 2014, there were some members of Vinacomin bearing very high Debt to Equity ratio, such as Da Bac logistics company with DER was 233.61 times; Song Ninh Shipbuilding JSC: 22.27 times; Hon Gai Logistics company: 26.58 times; Cam Pha Warehouse and port Company: 15.4 times, firm muscles Engineering Shipbuilding: 12.61 times; Quang Ninh coal business JSC: 14.43 times.

The increase of the Debt to Equity ratio showed that the debt increased during this period. Bases on the financial standpoint , it is not a good sign that might affect negatively the Vinacomin's financial safety.

- *About the ability to preserve and develop equity*

Table 3. The level of preserving equity ratios of Vinacomin in period 2007 - 2014

Sub	Norms	End of 2007	End of 2008	End of 2009	End of 2010	End of 2011	End of 2012	End of 2013	End of 2014
1	Total Equity (Billion VND)	8,625.21	12,484.11	15,232.68	20,015.87	27,195.27	28,552.89	32,512.88	31,162.13
2	Preserving quity ratio		1.45	1.22	1.31	1.36	1.05	1.14	0.96

Source: Calculated by the Authors depend on Vinacomin's consolidated financial statements during the period of 2008 - 2014

According to Table 3, during the period 2008-2014, the total equity of Vinacomin had an increase in volume year after year, therefore if comparing to receive data at the beginning of the year, the equity of Vinacomin at the end of the year would be preserved during this period. The increase in the amount of equity is entirely reasonable to increase the scale of capital and assets of Vinacomin at this stage. However, in terms of trends, the preserving equity of Vinacomin tended to decrease during this period, indicating the degree of preservation and development of equity are being fluctuated resulting in the worse effects on the financial sustainability of Vinacomin. In 2014 equity capital preservation ratio only reached 0.96 times. Thus, in terms of internal resources, the equity of Vinacomin still remained, but this growth is not equal to the level of debt, leading to a decrease in self-financing capability of Vinacomin. From the point of financial sustainability, to reduce the damages may be encountered and the debt burden in the future, Vinacomin needs to mobilize and use more effectively its equity resources.

3. Conclusion

The financial situation clearly reflects overall operational and financial picture of any business organization. To achieve the goal of stable and long-term development, financial sustainability must be at the forefront. Through the above analysis shows that Vietnam National Coal- Mineral Industries Corporation has not fully achieved the criteria to ensure financial sustainability, namely ROA and ROE indicators considered in the long term tended to decline, ability to ensure financial balance is not high, the degree of preserving equity capital is still maintaining but not improve in terms of growth trend.

REFERENCES

[1] Carl-Johan Lindgren & Gillian Garcia & Matthew I Saal (1996), Bank Soundness and Macroeconomic policy

[2] IFC (2000), Banking on sustainability report.

[3] DC Dunphy, A Griffiths, S Benn (2003), "Organizational change for corporate sustainability", Routledge Publishing, London

[4] Paul R. Niven, The Balanced ScoreCard (2009), Ho Chi Minh City General Publishing House.

[5] Decree 09/2009/ND-CP of the Government dated 05-02-2009 issued the Regulation on financial management of state companies and managing State capital invested in other enterprises

[6] Circular 220/2013/TT-BTC, circular guiding the implementation of some articles of Decree No. 71/2013/ND-CP of July 11, 2013 of the Government of the State capital investment in business and financial management for which the State now holds 100% charter capital.

[7] Richard A.Brealey (2003), *Financing and risk management* - Boston.

[8] Assoc. Prof. PhD. Nguyen Thi Quy, 2008. Risk Manage in Enterprise. Vietnam Culture and Information Publishing House, Hà Nội

[9] PhD. Nguyen Minh Kieu, 2009. *Corporate Finace.* Statistical Publishing House, Hà Nội.

[10] Vinacomin's consolidated financial statements during the period of 2008 – 2014

ISSN 1859 - 4093

Số 06 (143) 2015

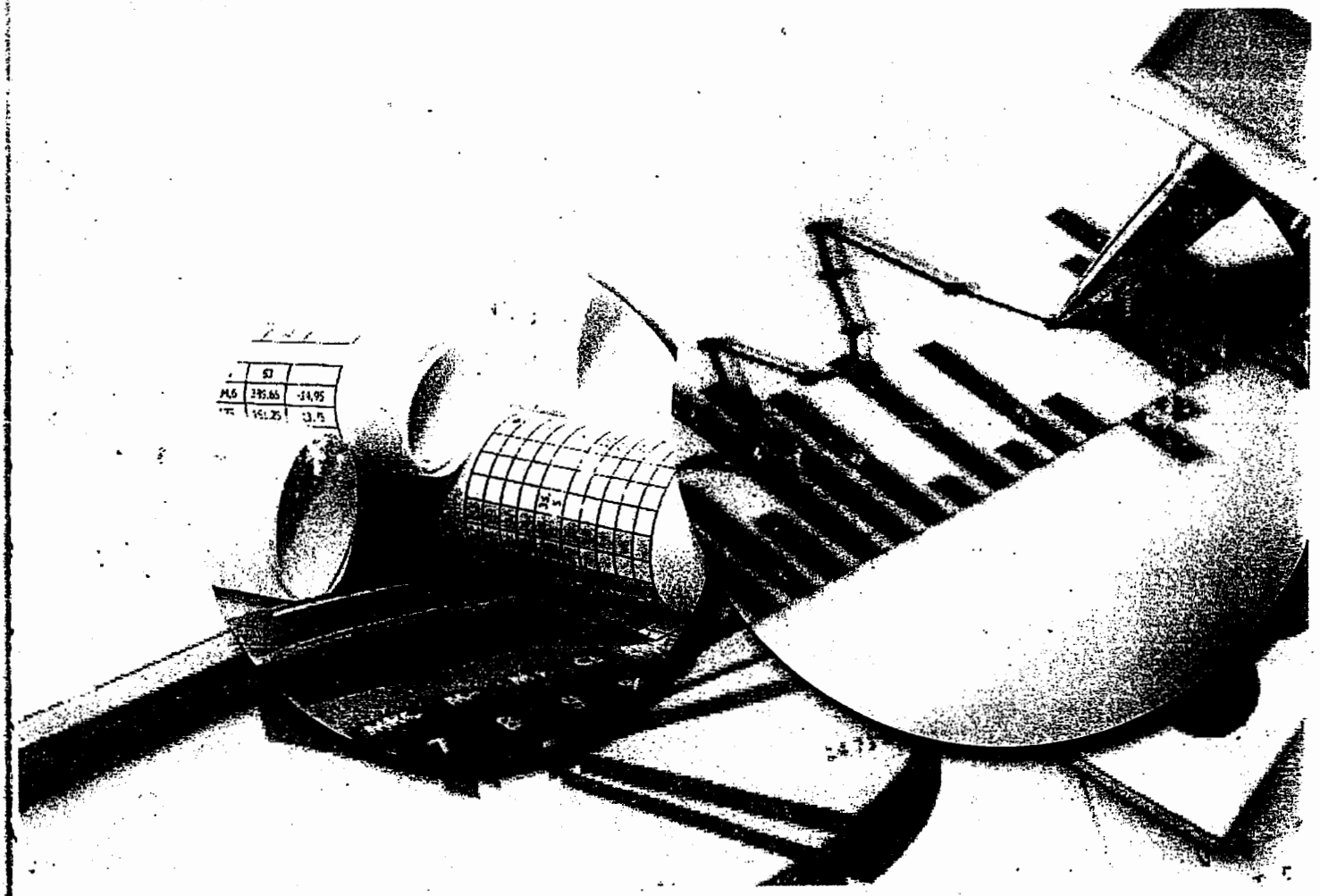
Tạp chí ra hàng tháng

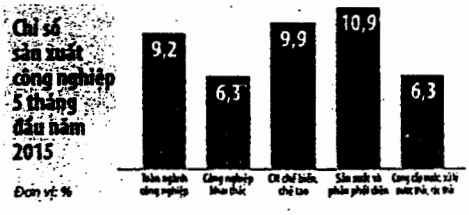
Tạp chí

Nghiên cứu TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

BỘ TÀI CHÍNH - HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

KỶ NIỆM NGÀY BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM 21-6





Tỷ giá và điều hành chính sách tỷ giá của Việt Nam

Giải pháp hoàn thiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước ở Việt Nam

Tạp chí
Nghiên cứu

TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN

TỔNG BIÊN TẬP
GS.TS.NGND NGÔ THẾ CHI

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS.NGUYỄN THỊ LAN

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP
GS.TS.NGND VŨ VĂN HÓA
GS.TS.NGƯT ĐOÀN XUÂN TIÊN
PGS.TS.NGƯT PHẠM NGỌC ÁNH
PGS.TS.PHẠM VĂN ĐĂNG
PGS.TS.NGƯT NGUYỄN TRỌNG CƠ
PGS.TS.NGƯT PHẠM VĂN LIÊN
PGS.TS.NGƯT TRẦN PHÙNG TRẦN HẬU
PGS.TS.NGƯT TRƯƠNG THỊ THỦY
PGS.TS.NGƯT TRẦN XUÂN HẢI
PGS.TS.NGƯT VŨ CÔNG TY
PGS.TS.NGUYỄN BÁ MINH
PGS.TS.NGƯT NGUYỄN THỊ THƯƠNG HUYỀN

THƯ KÝ TÒA SOẠN
Ths.NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

TRỊ SỰ
TS.NGUYỄN MẠNH THIỀU

TÒA SOẠN
SỐ 8 PHAN HUY CHÚ
HOÀN KIẾM - HÀ NỘI

Điện thoại: 04. 3933 6122
Fax: 04. 3933 1865
E-mail: tapchinctckt@hvtc.edu.vn

TÀI CHÍNH VĨ MÔ

3. Tỷ giá và điều hành chính sách tỷ giá của Việt Nam
TS.Nghiêm Văn Bảy

6. Phát huy lợi thế của Việt Nam trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây (EWEC)
TS.Đoàn Ngọc Xuân

10. Marketing trong việc thu hút hiệu quả nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam
TS.Đào Thị Minh Thanh
Ths.Dương Đức Thắng

13. Đầu tư mạo hiểm: Một hướng mới trong đầu tư Việt Nam
Đỗ Trung

NGHIÊN CỨU TRAO ĐỔI

16. Hoàn thiện chính sách về đầu tư vốn đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ ở Việt Nam hiện nay
PGS.TS.Hoàng Mạnh Cừ

20. Bàn về quy định chi phí được trừ đối với lãi tiền vay khi đã góp đủ vốn điều lệ
Ths.Nguyễn Thành Trung

24. Các nhân tố ảnh hưởng đến giá cổ phiếu thông qua việc sử dụng mô hình hồi quy nhiều biến
Ths.Nguyễn Thị Thanh Giang

26. Giá dịch vụ công ở Việt Nam qua lăng kính của chuẩn mực về doanh thu trong IPSAS
Ths.Hy Thị Hải Yến

28. Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và xu hướng chuyển đổi mô hình định giá trong kế toán tại Việt Nam
Ths.Vũ Thị Bích Quỳnh

31. Các chỉ tiêu phục vụ lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tại các tập đoàn kinh tế
Ths.Đào Mạnh Huy

TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

36. Đo lường rủi ro tài chính của doanh nghiệp bằng giá trị rủi ro
Ths.Nguyễn Thị Bảo Hiền

39. Đo lường mức độ tập trung trong tài trợ nợ vay của tập đoàn
Ths.Nguyễn Tuấn Dương

42. Phát triển bền vững về tài chính của các tập đoàn kinh tế
Ths. Phí Thị Kim Thư

Tạp chí Nghiên cứu

TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

TỔNG BIÊN TẬP
GS.TS.NGND NGÔ THẾ CHI

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS.NGUYỄN THỊ LAN

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP
GS.TS.NGND VŨ VĂN HÓA
GS.TS.NGƯT ĐOÀN XUÂN TIÊN
PGS.TS.NGƯT PHẠM NGỌC ÁNH
PGS.TS.PHẠM VĂN ĐĂNG
PGS.TS.NGƯT NGÔ TRẦN THỌ
PGS.TS.NGƯT PHẠM VĂN LIÊN
PGS.TS.NGƯT TRẦN QUANG TRẦN HẬU
PGS.TS.NGƯT ĐẶNG THỊ THỦY
PGS.TS.NGƯT TRẦN XUÂN HẢI
PGS.TS.NGƯT VŨ CÔNG TY
PGS.TS.NGUYỄN BÁ MINH
PGS.TS.NGƯT NGUYỄN THỊ THƯƠNG HUYỀN

THƯ KÝ TÒA SOẠN
Ths.NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

TRỊ SỰ
TS.NGUYỄN MẠNH THIỀU

TÒA SOẠN
SỐ 8 PHAN HUY CHÚ
HOÀN KIẾM - HÀ NỘI

Điện thoại: 04. 3933 6122
Fax: 04. 3933 1865
E-mail: tapchinctckt@hvtc.edu.vn

TÀI CHÍNH VĨ MÔ

3. Tỷ giá và điều hành chính sách tỷ giá của Việt Nam
TS.Nghiêm Văn Bảy

6. Phát huy lợi thế của Việt Nam trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây (EWEC)
TS.Đoàn Ngọc Xuân

10. Marketing trong việc thu hút hiệu quả nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam
TS.Đào Thị Minh Thanh
Ths.Dương Đức Thắng

13. Đầu tư mạo hiểm: Một hướng mới trong đầu tư Việt Nam
Đỗ Trung

NGHIÊN CỨU TRAO ĐỔI

16. Hoàn thiện chính sách về đầu tư vốn đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ ở Việt Nam hiện nay
PGS.TS.Hoàng Mạnh Cừ

20. Bàn về quy định chi phí được trừ đối với lãi tiền vay khi đã góp đủ vốn điều lệ
Ths.Nguyễn Thành Trung

24. Các nhân tố ảnh hưởng đến giá cổ phiếu thông qua việc sử dụng mô hình hồi quy nhiều biến
Ths.Nguyễn Thị Thanh Giang

26. Giá dịch vụ công ở Việt Nam qua lăng kính của chuẩn mực về doanh thu trong IPSAS
Ths.Hy Thị Hải Yến

28. Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và xu hướng chuyển đổi mô hình định giá trong kế toán tại Việt Nam
Ths.Vũ Thị Bích Quỳnh

31. Các chỉ tiêu phục vụ lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tại các tập đoàn kinh tế
Ths.Đào Mạnh Huy

TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

36. Đo lường rủi ro tài chính của doanh nghiệp bằng giá trị rủi ro
Ths.Nguyễn Thị Bảo Hiền

39. Đo lường mức độ tập trung trong tài trợ nợ vay của tập đoàn
Ths.Nguyễn Tuấn Dương

42. Phát triển bền vững về tài chính của các tập đoàn kinh tế
Ths. Phí Thị Kim Thư

Tạp chí Nghiên cứu

TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

TỔNG BIÊN TẬP
GS.TS.NGND NGÔ THẾ CHI

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS.NGUYỄN THỊ LAN

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP
GS.TS.NGND VŨ VĂN HÓA
GS.TS.NGƯT ĐOÀN XUÂN TIÊN
PGS.TS.NGƯT PHẠM NGỌC ÁNH
PGS.TS.PHẠM VĂN ĐĂNG
PGS.TS.NGƯT NGUYỄN TRỌNG CƠ
PGS.TS.NGƯT PHẠM VĂN LIÊN
PGS.TS.NGƯT TRẦN PHƯỚC TRẦN HẬU
PGS.TS. TRƯƠNG THỊ THỦY
PGS.TS.NGƯT TRẦN XUÂN HẢI
PGS.TS.NGƯT VŨ CÔNG TY
PGS.TS.NGUYỄN BÁ MINH
PGS.TS.NGƯT NGUYỄN THỊ THƯƠNG HUYỀN

THƯ KÝ TÒA SOẠN
Ths.NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

TRỊ SỰ
TS.NGUYỄN MẠNH THIỀU

TÒA SOẠN
SỐ 8 PHAN HUY CHÚ
HOÀN KIẾM - HÀ NỘI

Điện thoại: 04. 3933 6122
Fax: 04. 3933 1865
E-mail: tapchinctckt@hvtc.edu.vn

TÀI CHÍNH VĨ MÔ

3. Tỷ giá và điều hành chính sách tỷ giá của Việt Nam
TS.Nghiêm Văn Bảy

6. Phát huy lợi thế của Việt Nam trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây (EWEC)
TS.Đoàn Ngọc Xuân

10. Marketing trong việc thu hút hiệu quả nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam
TS.Đào Thị Minh Thanh
Ths.Dương Đức Thắng

13. Đầu tư mạo hiểm: Một hướng mới trong đầu tư Việt Nam
Đỗ Trung

NGHIÊN CỨU TRAO ĐỔI

16. Hoàn thiện chính sách về đầu tư vốn đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ ở Việt Nam hiện nay
PGS.TS.Hoàng Mạnh Cừ

20. Bàn về quy định chi phí được trừ đối với lãi tiền vay khi đã góp đủ vốn điều lệ
Ths.Nguyễn Thành Trung

24. Các nhân tố ảnh hưởng đến giá cổ phiếu thông qua việc sử dụng mô hình hồi quy nhiều biến
Ths.Nguyễn Thị Thanh Giang

26. Giá dịch vụ công ở Việt Nam qua lăng kính của chuẩn mực về doanh thu trong IPSAS
Ths.Hy Thị Hải Yến

28. Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và xu hướng chuyển đổi mô hình định giá trong kế toán tại Việt Nam
Ths.Vũ Thị Bích Quỳnh

31. Các chỉ tiêu phục vụ lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tại các tập đoàn kinh tế
Ths.Đào Mạnh Huy

TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

36. Đo lường rủi ro tài chính của doanh nghiệp bằng giá trị rủi ro
Ths.Nguyễn Thị Bảo Hiền

39. Đo lường mức độ tập trung trong tài trợ nợ vay của tập đoàn
Ths.Nguyễn Tuấn Dương

42. Phát triển bền vững về tài chính của các tập đoàn kinh tế
Ths. Phí Thị Kim Thư

46. Giải pháp hoàn thiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước ở Việt Nam

TS.Dương Thị Vân Anh

51. Tổ chức bộ máy kế toán trong các doanh nghiệp Tư vấn Thiết kế Kiến trúc

Ths.Đào Ngọc Hà

TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

54. Xử lý nợ xấu: Bài học kinh nghiệm của INDONESIA

Ths.Nguyễn Hồng Thu

57. Hội nhập kinh tế quốc tế trong khuôn khổ FTAs và TPP: Thuận lợi và thách thức đối với các ngành hàng

TS.Lê Thị Thùy Vân
Ths.Lê Minh Hương

61. Việt Nam xuất siêu - Còn đó những nỗi lo

TS.Vũ Duy Vĩnh

VẤN ĐỀ HÔM NAY

65. Vai trò của Đảng bộ Học viện Tài chính trong lãnh đạo công tác cán bộ, viên chức

PGS.TS.Nguyễn Bá Minh

68. Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất giày trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Ths.Nguyễn Thị Đào

71. Sự dịch chuyển của kinh tế bậc cao trong bối cảnh toàn cầu hoá và kinh nghiệm cho Việt Nam

Ths.Nguyễn Thị Thanh Huyền

Thể lệ gửi bài

Bài viết phải ngắn gọn, rõ ràng, đánh máy trên một mặt giấy khổ A4 (không quá 5 trang), có đánh số từng trang, các ký hiệu, công thức và hình vẽ phải chính xác, tuân thủ quy ước chung. Hình vẽ phải được đánh số và viết rõ cho đặt hình.

Tài liệu nước ngoài và danh mục tài liệu cần ghi rõ các yếu tố (tên tác giả, tên bài, tên tạp chí, tập, số, trang, nhà xuất bản, năm xuất bản).

Bài không được gửi đồng thời tại bất kỳ tạp chí nào khác.

Bài viết và ý kiến trao đổi xin gửi về:

Tòa soạn Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán, Ban quản lý Khoa học Học viện Tài chính.

Bài viết gửi kèm đĩa mềm ghi rõ tên file.

In tại Nhà xuất bản Thống kê - Giấy phép số: 203/GP - BVHTT ngày 9-7-2003
In xong và nộp lưu chiểu tháng 06 năm 2015.

Phát triển bền vững về tài chính của các tập đoàn kinh tế

Ths.Phí Thị Kim Thư *

Vào năm 1987, định nghĩa về Phát triển bền vững (PTBV) được nêu ra lần đầu tiên trong Báo cáo "Tương lai chung của chúng ta" của Hội đồng Thế giới về Môi trường và Phát triển (WCED) của Liên hợp quốc, do bà Gro Harlem Brundtland làm chủ tịch, theo đó PTBV *"là sự phát triển đáp ứng được những yêu cầu của hiện tại, nhưng không gây trở ngại cho việc đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau"*. Đây là một định nghĩa có nội hàm rất rộng, có thể tiếp cận theo những lĩnh vực riêng và trong từng phạm vi riêng biệt. Theo cách hiểu phổ biến nhất, Phát triển bền vững phải bảo đảm có sự phát triển kinh tế hiệu quả, xã hội công bằng và môi trường được bảo vệ, gìn giữ. Tuy nhiên, đứng trên giác độ tài chính và trong phạm vi hoạt động của doanh nghiệp cũng có thể có cách tiếp cận riêng. Tại hội thảo chuyên đề *"Chỉ số bền vững doanh nghiệp"* do Viện Công nghệ Châu Á (AIT) Việt Nam tổ chức năm 2014, các học giả quốc tế và Việt Nam hầu như cũng tập trung và thống nhất nhấn mạnh vào vấn đề bền vững về tài chính của từng doanh nghiệp như là một tiền đề cho việc nâng cao năng lực cạnh tranh và giá trị gia tăng cho doanh nghiệp đó.

Theo Carl-Jonhan Lindgren, một doanh nghiệp được coi là lành mạnh tài chính hay phát triển bền vững khi khả năng tài chính và hoạt động của doanh nghiệp đó đạt tới hiệu quả nhất định để có thể tồn tại, chịu đựng và chống đỡ các tác động bất lợi của môi trường bên ngoài. Một doanh nghiệp có thể đảm bảo được khả năng thanh toán những khoản nợ tại mọi thời điểm xác định và không gây ra những tác động tiêu cực cho nền kinh tế và cộng đồng dù có những tác động từ các diễn biến bất lợi của nền kinh tế - xã hội là một doanh nghiệp lành mạnh hay phát triển bền vững.

Một số học giả khác cho rằng: Tài chính bền vững có nghĩa là đầu tư vào những lĩnh vực có tính xã hội, như các quỹ tăng trưởng xanh hoặc dấu chân carbon. Một khía cạnh khác đáng nhắc đến là các hoạt động bền vững và chương trình của các ngân hàng, chẳng hạn như nguồn năng lượng thân thiện với môi trường và văn phòng không giấy tờ, ... Tuy nhiên, những điều này chỉ bao gồm khía cạnh môi trường của thuật ngữ phát triển bền vững chứ chưa phải là bền vững về tài chính.

Quan điểm khác lại cho rằng "bền vững tài chính" có nghĩa là tỷ lệ vốn chủ sở hữu của các doanh nghiệp lớn, do đó, trong trường hợp khủng hoảng xảy ra, các doanh nghiệp có thể tái tổ chức tài chính bằng những nguồn lực sẵn có của mình. Nguồn lực ở đây không chỉ là nguồn tài nguyên, nguồn lực tài chính mà trên tất cả, nó liên quan đến nguồn nhân lực. Tính bền vững phải xuất phát từ quản lý, trong một công ty, điều này phải bắt đầu với kỹ năng quản lý, giao tiếp nội bộ hiệu quả, minh bạch quy trình làm việc và tất cả các cách để tuyển dụng cán bộ có trình độ, phù hợp cả về góc độ chuyên môn và con người. Tất cả điều này hình thành nên chính sách của một công ty có trách nhiệm, sự bền vững về mặt tài chính chỉ có thể có được nhờ kết quả của các quyết định quản lý phù hợp.

Trong các doanh nghiệp bền vững về tài chính, lợi nhuận lâu dài được ưu tiên hơn bất kỳ lợi ích ngắn hạn nào. Để có được hoạt động kinh doanh bền vững về tài chính, doanh nghiệp cần phải phát triển các mục tiêu dài hạn, phác thảo những dự định về mặt tài chính mà doanh nghiệp muốn trong tương lai (lợi nhuận doanh nghiệp muốn thực hiện,

* *Trường Đại học Mỏ - Địa chất*

khả năng chịu đựng, chống đỡ, xử lý rủi ro để tồn tại an toàn và phát triển đạt được mức lợi nhuận kỳ vọng trước những tác động tiêu cực của môi trường kinh doanh. Chính vì vậy, khả năng đảm bảo an toàn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của TĐKT cũng là một tiêu chí để hướng đến sự PTBV.

Thứ tư, *là phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa Công ty mẹ - Tập đoàn và các công ty thành viên trong quá trình phân phối tài chính.* TĐKT được hình thành trên cơ sở liên kết giữa các thành viên, thực chất đó chính là các chủ doanh nghiệp, các nhà đầu tư tài chính, các chủ thể sở hữu vốn. Sự liên kết này kéo theo nó là sự dịch chuyển của các nguồn tài chính, chuyển dịch của vốn tiền tệ tập trung vào Công ty mẹ - công ty quản lý vốn của Tập đoàn, để rồi từ công ty mẹ vốn lại được sử dụng vào việc đầu tư, mua sắm máy móc thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty mẹ (đầu tư vốn trực tiếp) hoặc đầu tư vốn vào các công ty con, đầu tư vốn vào các công ty liên doanh, liên kết (đầu tư vốn gián tiếp). Mối quan hệ giữa công ty mẹ với các công ty thành viên trong Tập đoàn không chỉ thể hiện ở hoạt động đầu tư vốn mà còn ở cả hoạt động phân phối kết quả kinh doanh. Trong quá trình phân chia kết quả kinh doanh phải đảm bảo sự cân bằng giữa ngắn hạn và dài hạn, đảm bảo sự hài hòa về mặt lợi ích giữa công ty mẹ - Tập đoàn với các công ty thành viên, giữa Tập đoàn với các chủ thể khác trong nền kinh tế. Nếu phá vỡ sự cân bằng lành mạnh này thì sẽ gây ra những bất ổn và thiếu bền vững trong hoạt động của Tập đoàn. Những mối quan hệ nội bộ này trong các TĐKT diễn ra rất phức tạp, đặc biệt là quan hệ giữa quyền sở hữu vốn và quyền sử dụng vốn, quan hệ giữa các bộ phận sản xuất kinh doanh, các bộ phận quản lý, các đơn vị thành viên, các công ty, thậm chí là các tổng công ty trong TĐKT. Chính vì vậy trong quá trình hoạt động và ra các quyết định quản trị, các TĐKT cần giải quyết hài hòa những mối quan hệ này sao cho đạt được lợi ích tối ưu nhất cho các thành viên trong tập đoàn, có như vậy mới là PTBV về mặt tài chính.

Đặc thù của TĐKT là có sự liên kết giữa các công ty qua quá trình đầu tư vốn, trong đó công ty mẹ luôn đóng vai trò định hướng, điều tiết, điều phối các thành viên trong tập đoàn, do đó để Tập đoàn PTBV cần đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích của Công ty mẹ - Tập đoàn và lợi ích của các công ty thành viên, cần phát huy được vai trò của Tập đoàn, song vẫn phải đảm bảo lợi ích cho các thành viên, không phải lấy quyền của "mẹ" mà bắt "con" phải phục tùng. Bên cạnh đó, PTBV TĐKT là phải phát triển bằng nội lực, gia tăng khả năng sinh lời và giảm thiểu rủi ro (hoặc không làm gia tăng rủi ro), phải đảm bảo bảo toàn và phát triển vốn sản xuất kinh doanh, đồng thời giải quyết tốt mối quan hệ giữa các thành viên. PTBV còn mang hàm ý là phải chủ động trong sự phát triển, không lệ thuộc vào chủ thể bên ngoài. Một yêu cầu nữa đối với sự PTBV Tập đoàn là cần phải duy trì sự cân bằng và những biểu hiện này trong một thời gian dài.

Tài liệu tham khảo:

TS Trần Tiến Cường (2005), " Tập đoàn kinh tế: Lý luận và kinh nghiệm quốc tế - ứng dụng vào Việt Nam", NXB Giao thông vận tải, Hà Nội.

"Tương lai chung của chúng ta", Ủy ban Brundtland (WCED - World Commission on Environment and Development), 1997.

PGS.TS Nguyễn Trọng Cơ, PGS.TS Nghiêm Thị Thà (2013), "Quản trị rủi ro tài chính trong các Tập đoàn Kinh tế Nhà nước", NXB Tài chính.

Giáo trình Tài chính Doanh nghiệp, Học viện Tài chính.

Carl-Johan Lindgren & Gillian Garcia & Matthew I Saal (1996), Bank Soundness and Macroeconomic policy.

DC Dunphy, A Griffiths, S Benn (2003), "Organizational change for corporate sustainability", Routledge Publishing, London.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Đơn vị: Khoa Kinh tế QTKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VÀ XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG NĂM 2016

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Phượng

Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên

Đơn vị công tác: BM Kế toán DN, Khoa Kinh tế QTKD

TT	Nội dung đánh giá *(Đọc kĩ phần lưu ý ở cuối bảng để kê khai chính xác)*	Thang điểm	Tự đánh giá	Cấp quản lý trực tiếp đánh giá	Cấp có thẩm quyền đánh giá
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm, bao gồm cả nhiệm vụ đột xuất**	**0-10**	**10**		
	Hoàn thành vượt tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là: 1209 giờ.)	8-10	*10*		
2	**Đánh giá tinh thần thái độ làm việc**	**0-10**	**10**		
2.1	Lập trưởng, tư tưởng chính trị, sự chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Nhà trường; kỷ luật lao động.	0-2	*2*		
2.2	Phẩm chất đạo đức, lối sống; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp và đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	0-2	*2*		
2.3	Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật; tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được giao.	0-2	*2*		
2.4	Việc học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.	0-2	*2*		
2.5	Hiệu quả quản lý và sử dụng các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu.	0-2	*2*		
3	**Đánh giá kết quả hoạt động khoa học công nghệ, phát minh, sáng kiến…**		**4,5**		
3.1	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu *HD nhóm sinh viên NCKH (do sinh viên Trần Đức Toàn, B2 K58 nhóm trưởng) thực hiện đề tài: "Đánh giá sự hài lòng của sinh viên về hoạt động đào*	0.5	*0,5*		

	tạo các môn chuyên ngành của Khoa Kinh tế Quản trị kinh doanh"				
3.2	Báo cáo khoa học cấp Quốc tế. *Chủ trì báo cáo tại Hội thảo KH quốc tế "Quản lý kinh tế trong hoạt động khoáng sản" EMMA2, 11.2015: "Some issues about production cost administration in Caoson coal joint stock company"*	0-3	*3*		
3.3	Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong công việc và công tác có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận (có kèm theo minh chứng).	0-1	*1*		
	Tổng:		**24,5**		

Tự phân loại đánh giá: A+

Tự đề xuất danh hiệu thi đua (nếu có):

Tự đề xuất hình thức khen thưởng (nếu có):

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Nguyễn Thị Bích Phượng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI SÁNG KIẾN

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Phượng

Đơn vị công tác: BM Kế toán DN, Khoa Kinh tế QTKD

STT	Nội dung sáng kiến, áp dụng công nghệ, các giải pháp trong quản lý đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, xây dựng văn bản quản lý…	Ưu điểm hoặc điểm khắc phục
1	Chia nhóm sinh viên thực hành các nội dung công tác kế toán mua - bán hàng hóa trên cơ sở xây dựng các nội dung giả định của một doanh nghiệp thương mại.	Làm sinh động nội dung môn học Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ; Củng cố kiến thức, giúp sinh viên nắm vững, và tiếp cận được một phần thực tế công tác kế toán doanh nghiệp

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Trưởng đơn vị

Người kê khai



Nguyễn Thị Bích Phượng





PROCEEDINGS OF THE 2ND INTERNATIONAL SCIENTIFIC CONFERENCE ON ECONOMIC MANAGEMENT IN MINERAL ACTIVITIES - EMMA 2015

NOVEMBER 2015, HANOI, VIET NAM

ECONOMIC MANA
IN MINERAL ACTI

HANOI, VIETNAM, 2015

SELECTING THE APPROPRIATE TECHNOLOGICAL UPGRADING METHODS FOR COAL MINING COMPANIES 118
Nguyen Thi Mo, Dang Huy Thai, Do Thao Diu

ELEBORATION OF NORMS TO EVALUATE THE UTILIZATION OF PRODUCTION CAPACITY IN OPENCAST COAL MINING COMPANIES 128
Nguyen Van Thuong, Nguyen Thi Huong

ADVANTAGES AND DISADVANTAGES IN THE APPLICATION OF ENTERPRISE RESOURCE PLANNING TO THE COAL MINING ENTERPRISES OF VIETNAM NATIONAL COAL – MINERAL INDUSTRIES CORPORATION IN CURRENT PERIOD 129
Pham Thi Hong Hanh, Phan Minh Quang

HUMAN RESOURCE MANAGEMENT 137

IMPROVEMENT OF INTERNATIONLIZATION OF HUMAN RESOURCE TRAINING IN VIETNAM'S COAL INDUSTRY IN THE CONTEXT OF INTERNATIONAL ECONOMIC INTEGRATION 139
Phuong Huu Tung

ASSESSMENT OF IMPACT LEVEL OF MOTIVATION FACTORS FOR WORKERS IN DONG BAC CORPORATION – MINISTRY OF NATIONAL DEFENSE 148
Nguyen Duc Thang, Nguyen Thi Huong

MEASURING JOB SATISFACTION OF EMPLOYEES WORKING ON VIETNAM OFFSHORE OIL-RIGS 158
Nguyen Thanh Thuy

STUDY THE MODEL OF VENDOR MANAGED INVENTORY TO IMPROVE EFFECTIVENESS OF COAL SUPPLY CHAIN OF VIETNAM NATIONAL COAL – MINERAL INDUSTRY HOLDING CORPORATION LIMITED 166
Nguyen Thi Huong, Nguyen Duc Thang, Nguyen Van Thuong

FINANCIAL MANAGEMENT 175

SOLUTIONS TO IMPROVE THE CAPITAL EFFICIENCY IN TAY NAM DA MAI JOINT STOCK COAL COMPANY - VINACOMIN 177
Pham Minh Hai, Do Thi Huong

THE STATUS QUO OF FINANCIAL POLICIES IN MINERAL SECTOR, RESOLUTION FOR RATIONAL USE OF NATURAL MINERAL RESOURCES 184
Le Ai Thu, Nguyen Quoc Dinh

ESTABLISHING RESEARCH MODEL FOR FINANCIAL FACTORS INFLUENCING ENTERPRISE PERFORMANCE OF MINING CORPORATIONS IN VIETNAM. 192
Pham Thu Huong

FINANCIAL SUSTAINABILITY: AN APPRAISAL FOR VIETNAM NATIONAL COAL -MINERAL INDUSTRIES COPORATION 197
Phi Thi Kim Thu, Phi Quang Hai

COMPLETE COST ALLOCATION OF OVERHAUL TO COAL- MINING ENTERPRISES UNDER VIETNAM NATIONAL COAL -MINERAL INDUSTRIES COPORATION 204
Bui Thi Thu Thuy, Nguyen Van Hung

ENHANCING THE COST MANAGEMENT FOR VIETNAM NATIONAL COAL - MINERAL INDUSTRIES HOLDING CORPORATION LIMITED - VINACOMIN 209
Nguyen Van Buoi, Nguyen Tien Hung

PRACTICAL ISSUES IN COST MANAGEMENT OF OPENCAST MINING ENTERPRISES IN CAM PHA REGION 217
Nguyen Duy Lac, Nguyen Thuc Anh

SOME ISSUES ABOUT PRODUCTION COST ADMINISTRATION IN CAO SON COAL JOINT STOCK COMPANY 225
Nguyen Thi Bich Phuong

SOME ISSUES ABOUT PRODUCTION COST ADMINISTRATION IN CAO SON COAL JOINT STOCK COMPANY

Nguyen Thi Bich Phuong

Hanoi University of Mining and Geology

Abstract: *Results of the survey on the basis of production costs governance in Cao Son Coal joint stock company from 2010-2014 indicate some existing limitations. This research explores the main reasons with the intention of proposing some solutions to reduce disadvantage and improve the efficiency of production cost administration in the company, for instance: training to raise awareness of administrating production costs, applying modern technique in manufacturing and management, completing contracted costs, organizing the cost management accounting system.*

1. Evaluating the production costs administration in Cao Son Coal JSC.

For over 40 years of construction and development, Cao Son Coal JSC has mined nearly 60 milions ton of coal, consumed 56 milions ton, unloaded and transported over 430 millions cubic meter of rock. Cao Son Coal JSC is one of five biggest opencast coal mining enterprises under Vinacomin (includes: Cao Son Coal JSC, Deo Nai Coal JSC, Coc Sau Coal JSC, Ha Tu Coal JSC, Nui Beo Coal JSC). In 2003, the company reached the capacity which designed by the Soviet experts is 1.5 milions ton of coal. In 2014, the company unloaded and transported over 28 milions cubic meter of rock, mined nearly 3.6 milions ton of coal and reached 2.5 times the capacity of previous designs. However, the production and business operation of the Company is not effective. It can be realized that the company did not complete their plan.

Table 1. The implementation of production and business indicators at Cao Son Coal JSC in 2014

No	Indicators	Units	Planned	Actual	Compared (%)
1	Stripping Volume	m^3	33,300,000	28,062,698	84.27
2	Quantity of outputs	Ton	4,150,000	3,579,005	86.24
3	Quantity of sold coal	Ton	3,885,000	3,488,606	89.80
4	Turnover from coal	Mil.VND	4,754,853	4,077,263	85.75
5	Profit before tax	Mil.VND	71,799	5,645	7.86
6	Average income	VND/person/ month	6,528,000	6,004,000	91.97
7	Construction invest-ment capital	Mil.VND	97,791	90,657	92.70
8	Unit cost of outputs	VND/ton	861,158	917,140	106.5

(Resource: The annual report of Cao Son Coal Joint Stock Company in 2014)

To clarify the production and business activities of the company, the reseacher conducted a survey during the period from 2010 to 2014 (synthesized in Table 2).

Like other companies under Vietnam National Coal – Mining Industries Holding Corporation, Cao Son Coal JSC has been executed the allocation of costs which is a tool for the costs administration. Indicators, namely "Savings or Over spending a ton of coal" are measuring tools to evaluate the efficiency of management. It shows that the allocation of costs is effective or not. From the above table (Table 2), the costs administration of production and business is not really effective, especially in 2014, the over spending was VND 37,494.35 millions. This is a main cause of reducing the efficiency of manufacturing and business of the company.

Which factors have affected this indicator? To answer this question, we will research the cost factors in each workshop or construction site from 2013 to 2014 including materials, fuel, power, outsourcing service and other costs (Table 3).

Table 3. The savings or over spending at workshops or construction sites during the period of 2013 - 2014

(Unit: Million VND)

Year	Workshops/ Construction site	Saving or over spending					
		Materials	Fuel	Power	Outsourcing service	Other costs	Total
2013	***I. Mining construction sites***	***-7,417.77***	***-3,452.27***	***0***	***-110.43***	***-59.90***	***-11,040.37***
	Mining construction site I	-3,396.83	-2,418.24	0	159.92	-124.23	-5,779.40
	Mining construction site II	-4,686.77	0	0	-168.03	538.55	-4,316.20
	Mining construction site III	-1.61	-114.15	0	-207.73	-880.09	-1,203.58
	.....	...	....	...	...	...	...
	II. The main transport workshops	***18,274.16***	***2,100.00***	***0***	***0***	***1,268.11***	***21,642.27***
	Transport workshop 1	740.46	1,021.01	0	0	317.73	2,079.20
	Transport workshop 2	2,890.63	-454.91	0	0	254.68	2,690.40
	Transport workshop 3	-548.90	888.67	0	0	498.20	837.98
	.....	...	...	....	....	...	....
	III. The auxiliary workshops	***153.90***	***-2,559.15***	***-86.10***	***0***	***-1,322.39***	***-3,813.75***
	Workshop network station	0.92	0	0	0	82.67	83.60
	Drainage workshop	-307.76	0	0	0	-142.11	-449.87
	Electromechanical workshop	58.06	-30.98	-45.52	0	-202.87	-221.31
	.....	...	...	...	...	...	...
	Total	**11,010.29**	**-3,911.42**	**-86.10**	**-110.43**	**-114.19**	**6,788.19**
2014	***I. Mining construction sites***	***2,373.28***	***-1,817.42***	***0***	***13.68***	***174.92***	***744.46***
	Mining construction site I	-1,149.76	-1,015.89	0	-129.80	44.28	-2,251.17
	Mining construction site II	-984.69	0	0	185.73	405.35	-393.61
	Mining construction site III	-0.43	-65.34	0	-192.61	-382.87	-641.25
	.....	...	...	...	...	...	...
	II. The main transport workshops	***42,221.91***	***-3,903.45***	***0***	***0***	***894.34***	***39,212.80***
	Transport workshop 1	18,953.57	-64.57	0	0	364.22	19,253.22
	Transport workshop 2	3,981.73	1,034.19	0	0	531.19	5,547.11
	Transport workshop 3	8,765.47	167.84	0	0	504.47	9,437.79
	.....	...	...	...	...	...	...

- The cost information system met the requirements for costs administration, and h remained serveral drawbacks...For example: Gathering and calculating cost in finar accounting can only record the actual costs incurred on the basis of original documents ledger system which followed by accounting regulations, cost information of the alloca is done separately along with financial accounting system, hence the consistency coordination in reflecting cost information is limited.

3. Remedies

To analyse the reality and clarify the causes of the current problems about the administration in this period, the author suggests some solutions to overcome limitatio

1. Training to rasie awareness, the level of costs administration: In atemp to en the democracy and feasibility of system's application, the company should organiz training courses for management staffs and the programs of contracted costs for wo conduct feedback acquisition and dissemination among workers.

2. Applying technology, techniques in process of production and managemen requires the company to innovate the fixed assets, apply new technology in order to b flexible in the difficult context. The company may consider the application of GPS an system in management of materials, fuel and the distance of transportation; resear invest into establishing a software of internal costs management.

3. Completing contracting costs

- To build regulations and complete the operation of costs administration mech

- To improve the current management system; to examine economic systems of techniques in general and levels of material consumption in specific. In the wor it should promulgate the adjustment coefficient in accordance with the compan condition.

- To contract the remaining cost elements such as depreciation, overhaul cost assets, wage costs, general manufacturing cost.

- To improve the acceptance, payment and settlement.

4. Organizing the cost management accounting system: Assembling administration and arranging optimal information system that includes system of account, detailed books, management accounting reports, etc... in order to imp company's management.

REFFERENCES

[1] Cao Son joint stock company. The system of financial report and the system report during the period of 2010-2014

[2] Nguyen Thi Bich Phuong, 2012. Report on scientific research T11-43. Hanoi of Mining and Geology.

phương

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT
KHOA KINH TẾ - QTKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2015

GIẤY XÁC NHẬN

Kính gửi: Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường

Căn cứ hợp đồng kinh tế số 01/2015/HĐKT-TTM ký giữa Công ty TNHH MTV Khai thác Khoáng sản – TCT Đông Bắc với Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường, Trường Đại học Mỏ - Địa chất v/v *"Hoàn thiện công tác quản trị chi phí kinh doanh tại công ty TNHH MTV Khai thác khoáng sản – TCT Đông Bắc"*, tổng giá trị hợp đồng là 726.122.154 đồng (Chưa bao gồm thuế VAT).

Đề tài đã được tổ chức nghiên cứu, triển khai và thống nhất nghiệm thu đề tài vào ngày 01 tháng 07 năm 2015, các tài liệu liên quan đến việc nghiệm thu, quyết toán đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Chủ nhiệm đề tài đề nghị Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường – Trường Đại học Mỏ - Địa chất xác nhận danh sách các thành viên tham gia đề tài theo Hợp đồng kinh tế số 01/2015/HĐKT-TTM gồm các ông (bà) có tên trong danh sách sau đây:

TT	Họ và tên	Chức danh
1	TS. Nguyễn Duy Lạc	Chủ nhiệm đề tài
2	TS. Đặng Huy Thái	Thư ký - Ủy viên
3	TS. Nguyễn Văn Bưởi	Ủy viên
4	TS. Bùi Thị Thu Thủy	Ủy viên
5	TS. Nguyễn Ngọc Khánh	Ủy viên
6	TS. Nguyễn Thị Bích Ngọc	Ủy viên
7	TS. Nguyễn Thị Hoài Nga	Ủy viên
8	ThS. Phạm Hồng Hạnh	Ủy viên
9	TS. Nguyễn Thị Kim Oanh	Ủy viên
10	ThS. Nguyễn Tiến Hưng	Ủy viên
11	ThS. Nguyễn Thị Bích Phượng	Ủy viên
12	ThS. Lê Đình Chiều	Ủy viên

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Đơn vị: BỘ MÔN KẾ TOÁN DN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2016

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VÀ XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG NĂM 2016
(Đối với cá nhân)

Họ và tên: Lưu Thị Thu Hà

Chức danh nghề nghiệp: Cán bộ giảng dạy

Đơn vị công tác: Bộ môn Kế toán doanh nghiệp, Khoa Kinh tế -QTKD

TT	Nội dung đánh giá *(Đọc kĩ phần Lưu ý ở cuối bảng để kê khai chính xác)*	Thang điểm	Tự đánh giá	Cấp quản lý trực tiếp đánh giá	Cấp có thẩm quyền đánh giá
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm, bao gồm cả nhiệm vụ đột xuất**	**0-10**	**10**		
• Hoàn thành vượt tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là: 990 tiết).		8-10	10		
• Hoàn thành 100% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ với chất lượng tốt.		6-8			
• Hoàn thành 70 đến dưới 100% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ với chất lượng khá trở lên.		4-6			
• Hoàn thành 50 đến dưới 70% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ.		1-4			
• Hoàn thành dưới 50% nghĩa vụ được giao hoặc để xảy ra vụ việc gây hậu quả đến mức bị xử lý kỷ luật với hình thức cảnh cáo trở lên.		0			
2	**Đánh giá tinh thần thái độ làm việc**	**0-10**	**10**		
2.1	Lập trưởng, tư tưởng chính trị, sự chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Nhà trường; kỷ luật lao động.	0-2	2		
2.2	Phẩm chất đạo đức, lối sống; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp và đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	0-2	2		
2.3	Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm	0-2	2		

	quyền, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật; tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được giao.				
2.4	Việc học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.	0-2	**2**		
2.5	Hiệu quả quản lý và sử dụng các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu.	0-2	**2**		
3	**Đánh giá kết quả hoạt động khoa học công nghệ, phát minh, sáng kiến…**		**6.25**		
3.1	Giáo trình cấp Trường in lần đầu.	0-3			
3.2	Giáo trình cấp Trường in tái bản có bổ sung, sửa chữa.	0-1.5			
3.3	Sách, giáo trình in lần đầu ở nhà xuất bản.	0-4			
3.4	Sách, giáo trình in tái bản có bổ sung, sửa chữa.	0-2			
3.5	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu. **Hội nghị khoa học sinh viên lần thứ 29**, đề tài: *Giải pháp tái cơ cấu nguồn vốn của Công ty than Hà Lầm - Vinacomin,* nhóm sinh viên lớp Kế toán 57	0.5	0.5		
3.6	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, thi Olympic đạt giải Nhất, Nhì, Ba cấp Trường.	1			
3.7	Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải Nhất, Nhì, Ba, khuyến khích cấp Quốc gia hoặc đạt giải Tài năng trẻ.	2			
3.8	Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố.	1			
3.9	Đề tài cấp cơ sở đã được nghiệm thu đúng thời hạn.	0-2			
3.10	Đề tài, dự án sản xuất thử cấp Bộ, Tỉnh, Thành phố đã được nghiệm thu theo tiến độ (được tính điểm cho tối đa 2 năm).	0-3			
3.11	Đề tài cấp Nhà nước đã được nghiệm thu theo tiến độ (được tính điểm cho tối đa 3 năm).	0-6			
3.12	Hợp đồng, đề tài NCKH phục vụ sản xuất ký về các Công ty, Trung tâm của Nhà trường đã nghiệm thu, thanh lý (được tính điểm cho 1 năm và theo giá trị hợp đồng).	(0-3)/ tỷ đồng			
3.13	Báo cáo khoa học cấp Trường và tương đương.	0-1			
3.14	Báo cáo khoa học cấp Quốc gia. (***Hội thảo khoa học nâng cao hiệu quả khai thác than – dầu khí đáp ứng nhu cầu năng lượng quốc gia*** *Bài báo Đề xuất một số giải pháp góp phần thúc đẩy phát triển ngành than* (Đồng tác giả)	0-1.5	0.75		
3.15	Báo cáo khoa học cấp Quốc tế. (***Proceedings of the 2nd international scientific conference on economic management in mineral activities – EMMA 2015***	0-3	3		

	Luu Thi Thu Ha, Solutions for investment restructuring and capital using in Vietnam national coal - mineral industries corporation (Chủ trì)				
3.16	Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn.	0-0.5			
3.17	Bài báo khoa học tiếng Việt ở Tạp chí khoa học trong nước. Lưu Thị Thu Hà, *Tăng cường huy động vốn theo quy hoạch phát triển ngành than của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính – Kế toán, Tháng 6/2016, Hà Nội (chủ trì)	0-2	2		
3.18	Bài báo khoa học tiếng nước ngoài ở Tạp chí khoa học trong nước.	0-2.5			
3.19	Bài báo khoa học tiếng nước ngoài ở Tạp chí khoa học nước ngoài.	0-3.5			
3.20	Bài báo khoa học ở tạp chí ISI và Scopus.	0-5			
3.21	Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong công việc và công tác có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-1			
3.22	Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy và công tác có hiệu quả được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận và đánh giá(Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-0.5			
3.23	Sáng tạo ra các công nghệ, phương pháp góp phần nâng cao năng suất lao động, hiệu quả công việc (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-5			
3.24	Có giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3)..	0-4			
3.25	Xây dựng văn bản quản lý; xây dựng đề án, dự án về công tác quản lý và hoạt động chuyên môn được áp dụng có hiệu quả (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-4			
	Tổng:		**26,25**		

Tự phân loại đánh giá: A+

Tự đề xuất danh hiệu thi đua (nếu có):

Tự đề xuất hình thức khen thưởng (nếu có): .....

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Lưu Thị Thu Hà





PROCEEDINGS OF THE 2ND INTERNATIONAL SCIENTIFIC CONFERENCE ON ECONOMIC MANAGEMENT IN MINERAL ACTIVITIES - EMMA 2015

NOVEMBER 2015, HANOI, VIET NAM

ECONOMIC MANAGEMENT IN MINERAL ACTIVITIES

HANOI, VIETNAM, 2015

BUSINESS STRATEGY

231 BIO-GASOLINE E5 AND THE SOLUTION TO DEVELOP ITS MARKET
Vu Thi Hien, Nguyen Thanh Thao, Pham Thu Trang

233 OVERCOMING INSUFFICIENCES IN BUILDING AND ADJUSTMENTS OF COAL INDUSTRY DEVELOPMENT PLANNING
Nguyen Van Hai

240 PRODUCTION STRATEGY - THANH HOA CO DINH CHROMITE COMPANY-VINACOMIN
Vu Hung Phuong, Nguyen Minh Tuan

243 SOLUTIONS FOR INVESTMENT RESTRUCTURING AND CAPITAL USING IN VIETNAM NATIONAL COAL-MINERAL INDUSTRIES CORPORATION
Luu Thi Thu Ha

255 SOLUTIONS FOR INVESTMENT CAPITAL NEEDS OF VIETNAM COAL INDUSTRY DEVELOPMENT FOR THE PERIOD OF 2015 - 2030
Nguyen Van Hai, Nguyen Canh Nam

262 THE CURRENT SITUATION OF MATERIALS FOR BIO-ETHANOL PRODUCTION (ALCOHOL FUEL) IN VIETNAM
Thu Ha Nguyen, Kim Manh Tuan

MINERALS POLICIES

268 MINING ADMINISTRATION SYSTEM: LEARNING POINTS FROM THE GERMAN EXPERIENCES
Jürgen Kretschmann, Kridtaya Sakamornsnguan

275 IMPROVING THE ENFORCEMENT EFFECTIVENESS OF VIETNAMESE MINING POLICIES TOWARDS SUSTAINABLE DEVELOPMENT
Tran Dinh Thao, Tran Thi Ngan Ha

VALUATION OF MINERAL DEPOSITS

277 THE INFLUENCE OF SPECIFIC CHARATERISTICS OF MINERAL MINES ON THEIR VALUATION
Phan Thi Thai

OTHER RELATED ISSUES

286 THE NEEDS FOR A NEW APPROACH OF CORPORATE SOCIAL RESPONSIBILITY OF THE VIETNAMESE MINING SECTOR
Hoang Thi Thanh Huong, Hoang Thi Thanh Thuy

295 THE SHALE GAS REVOLUTION IN THE UNITED STATES OF AMERICA (THE U.S.A): THE RESULTS, CHALLENGES AND LESSONS FOR THE REST OF THE WORLD
Le Minh Thong, Locatelli Catherine, Criqui Patrick

297 RESEARCH PAPERS

PREFACE

303 The Hanoi University of Mining and Geology will be hosting t
ific Conference on "**Economic Management in Mineral Activ**
14th and 15th November, 2015 to celebrate the 15 Years Anniversa
university's Mining Economics Department.

305 The two-day conference aims to create an opportunity for par
hange scientific research results, initiatives, requirements and e
gement in mineral exploration among countries such as Germa
Spain where the mining industries have been developed and cou
le, China, India, and Laos where the mining industries are still e

312 The conference is organized by the Hanoi University of Mining
culty of Economics and Business Administration and co-sponsor
plied Sciences Georg Agricola Bochum, Germany (TFH), the Vi
ineral Industries Corporation (Vinacomin) and the Vietnam Natio
etroVietnam).

This conference will focus on the following topics:

1. Environmental protection and sustainable development,
2. Production Management,
3. Human Resource Management,
4. Financial Management,
5. Business Strategy,
6. Mineral policies,
7. Valuation of mineral deposits,
8. Other related issues

The EMMA1-2013 Conference was considered a great succes
of scientific research and experience in economic management of mi
researchers and managers from different countries, and laid the fo
cooperation between the Hanoi University of Mining and Geology in
of Economics and Business Administration in particular with interna

The EMMA2-2015 is expected to achieve higher quality of resear
to economic development in the countries of the participants.

We highly appreciate

mite Joint Stock Company-Vinacomin 2011, Reports of

mite Joint Stock Company-Vinacomin 2012, Reports of

mite Joint Stock Company-Vinacomin 2013, Reports of

nite Joint Stock Company-Vinacomin 2014, Reports of

skinsson, 2007. Strategic Management: Competition and
ıwestern Publishing House

)02. Business strategy and Business development, Labor –

ım, 2006. Strategy and Business policy, Labor – Society

SOLUTIONS FOR INVESTMENT RESTRUCTURING AND CAPITAL USING IN VIETNAM NATIONAL COAL-MINERAL INDUSTRIES CORPORATION

Luu Thi Thu Ha

Hanoi University of Mining and Geology

Abstract: *Vietnam National Coal - Mineral Industries Corporation (Vinacomin) implementing the Scheme on the overall restructuring of the Corporation in the period 2011-2015 was approved by the Prime Minister of Vietnam in accordance with Decision 314/QD-TTg dated on 07th February 2013. This article mentions a number of solutions to restructure the investment, capital using consistent with the business strategy associated with renewing the growth model of Vinacomin after restructuring.*

1. Investment situation, capital using of Vinacomin

Since beginning operations in the model of economic corporation so far, Vinacomin always have focused on capital investment for the main business and production sector, including coal mining, mineral, metallurgy, electricity, industrial explosives, mechanics. The scale and speed of growing total assets in general as well as short-term assets and long-term assets in particular in the period 2006 to 2013 of the Corporation continuously increased, although the growing rate in the last years has decreased. Compared to 2006, total assets increased by 6.23 times, short-term assets increased by 3.98 times and long-term assets increased by 7.77 times by the end of 2013.

Table 1: Asset of Vinacomin from 2006 to 2013

Figure	Unit	31/12/06	31/12/07	31/12/08	31/12/09	31/12/10	31/12/11	31/12/12	31/12/13	Average
- Total assets	*Bil.VND*	21,494	31,634	48,809	61,509	82,883	103,423	117,198	133,954	*75,113*
- Short-term assets	*Bil.VND*	8,728	10,717	19,802	22,192	27,341	28,855	30,073	34,780	*22,811*
- Customer receivables	*Bil.VND*	2,302	2,859	5,147	6,593	10,429	9,885	9,913	10,096	*7,153*
- Inventory	*Bil.VND*	2,904	3,750	7,975	7,035	7,455	9,742	13,562	15,563	*8,498*
- Long-term assets	*Bil.VND*	12,765	20,916	29,007	39,317	55542	74,568	87,125	99,174	*52,302*
Growing rate over the same period last year										
- Total assets	%		47.2	54.3	26	34.7	24.8	13.3	14.3	*26.8*
- Short-term assets	%		22.8	84.8	12.1	23.2	5.5	4.2	15.7	*21.0*
- Customer receivables	%		24.2	80.0	28.1	58.2	-5.2	0.3	1.8	*23.4*
- Inventory	%		29.1	112.7	-11.8	6.0	30.7	39.2	14.8	*27.6*
- Long-term assets	%		63.9	38.7						

the characteristics of the heavy industry (mining, metallurgy, electric power, industrial explosives, mechanics). So that the production capacity as well as efficient use of capital increased, ensuring complete tasks coal mining, mineral, metallurgy, electric power industrial explosives assigned by the Government. However, analyzing the investment and using capital situation of the Corporation, there are some key issues as follows:

- First, there are too much inventories and receivables in VINACOMIN and in the business sectors

In Short-term assets, inventories always have gained high proportion, in recent years inventories have increased huge amount both in value and percentage. Specifically, at the end of 2012 the value of the inventories in the Vinacomin was 13,562 billion, increased by 39.2% compared to 2011, which was mainly coal inventories 6,05 million tons equivalent amount to VND 5,825.6 billion,... This phenomenon also continued into 2013, until the end of 2013 coal inventories was 6.5 million tons, equivalent to VND 6,620 billion due to domestic and exporting demand were reduced. In late 2014 inventories of Vinacomin was more than VND 8,117 billion. In particular, the large volume of inventories was in many units specialized in exploiting, processing and consumption of coal.

In addition, in many units of Vinacomin accounts receivable from customers have rapidly increased, especially in unit of Vinacomin specialized in consumption. These are causes for slow-moving working capital and also a challenge for the financial situation of Vinacomin in the current period.

- Second, long-term capital were not sufficient for investment in long-term assets including owner equity in current time and future due to demand of investment capital increased highly, while rising in owner equity will be very difficult.

As reported by Vinacomin continuously from 2010 to 2013, its long-term assets are invested to be short of long-term funding, occurred regularly at Vinacomin subsidiaries. For example, end of 2010, this was shortage VND 2,388 billion, 2011 shortage VND 2,187 billion, 2012 shortage VND 7,291 billion and year 2013 it was shortage 1,906 billion; in year 2014 the situation has not improved, Vinacomin still had shortage about VND 3,688 billion. It was realized that the shortage of long-term funding for long-term assets investment forced Vinacomin to use short-term funding; this will lead to business at risks and affect Vinacomin's financial situation at current time and in the future.

Progress of implementation of investment proje
construction progress of the new pits, investing time
increase the investment costs, which affect the financial

- Fourth, investment activities outside the core bus overcome

A total of up to 2012, Vinacomin had invested
of finance, banking, insurance, securities, real estate,
VND 1,810 billion. It focuses mainly on three enterpri
Company with a capital of VND 1,000 billion, Sai Go
318 billion and Housing and Infrastructure – Vinacom
capital invested of 3 enterprises was VND 1,484.907
capital invested outside the industry. By the end of
divestment in 08 enterprises with total proceeds of 155 b
businesses ensures the principle of preserving the stat

In general it can be said that: (1) Total capital in
external sector accounts for only a small percentage
Vinacomin; (2) Most of the investment projects outs
basically effective, except for investments in Develo
Zone Joint Stock Company with the capital of VND
which Vinacomin earned from outside investment
million bonus shares with a total par value VND 69
capital invested outside the industry. The withdraw
Vinacomin can accomplish in the period 2014 - 2015

- Fifth, the implementation of equalization has of charter capital which Vinacomin holds in Joint Sto

By the end of 2012, Vinacomin has 33 su
representing 58% of total production enterprises of th
holds more than 65% of charter capital of 11 units
capital of 16 enterprises and holds less than 50% of

However, in most Joint Stock Companies prod
Coal Mining Joint Stock Company), Vinacomin hol
lower than figure 65% that Enterprise Law prescrib
many important issues of the company, especially pr
has an important role to ensure National energy secu

ment shall be made after holding a public auction but only one
nsure price close to the market price at the time of sale; in this
the time of sale should be based on a price of at least 03 securities
ities trading of company's shares, if there is no transactions, sale
han those recorded in the accounting books of company.

ate the equitation of State owned enterprises in Vinacomin

structuring scheme of Vinacomin was approved by the Government
Vinacomin should follow these directions:

iplementing the equitation of Enterprises which State does not need
ital. Following after 2020, it will make equitation parent company
e own 65% to 75% of charter capital.

the percentage holding of the charter capital of Vinacomin in order
vel for the existing joint stock companies in each business sectors.
g the percentage holding of the charter capital of Vinacomin to the
num 75% for JSC company in production coal industry and up to
ngineering JSC; (ii) reducing the percentage holding of the charter
down to 51% for Mineral Geology JSC, Cromit Co Dinh JSC and
al JSC, (2) down to below 36% for trading companies and others.
hould give direction to its subsidiaries to adjust the percentage
ital of its Joint stock Company that appropriately prescribed by the

e the effectiveness and efficiency of the management representative
orate governance for existing JSC companies, thereby contributing
situation and business performance, handling the ownership
ion.

capital flows to promote the movement of cash flow, improve the
gh debt settlement and release of inventories to healthy financial

review of the enterprises have big receivables, doubtful debts
ns for recollecting debts should perform regularly to avoid slow

s several solutions:

ote consumption to sell the inventory at Vinacomin›s members
anned objectives in the coming years, it should closely follow
ect the timely production operation, keeping inventories at

members to reduce procurement costs and material cost, while improving quality and competitiveness in supplying materials.

Implementation of the above solutions will help to enhance capital using efficiency, cash flow for production, business of enterprises and also solve financial difficulties in Vinacomin.

***Solution 5**, strengthen investment management to improve business performance and the use of capital. Specifically:*

It is necessary to strengthen the leadership and management investment of Vinacomin from approval, evaluation projects, cost estimates, funding and implementing investment, and ensures compliance with planning and regulations for management of investment. At the same time, it is necessary to improve project quality, ensure strict implementation of the bidding, selection of contractors, project manager include managing tempo, volume, quality, safety, environment and investment expenses, closely monitor the construction and checking and taking over materials, equipment and work quality.

***Solution 6**, increase Vinacomin investment in technological innovation, modernization of equipment*

According to the Development plan of the coal industry in Vietnam by 2020, with perspective until 2030, coal output will increase from 40,382 million tons in 2015 to 49,085 million tons in 2020; in 2025: 53,777 million tons and 2030 was 58,577 million tons. Therefore, the restructuring investment, capital using of Vinacomin must prioritize resources for enhancing coal production and implementation of technological innovation, improving the level of mechanized sync in pit coal mining by the innovative way towards instead of relying on imported equipment switched to autonomous production and manufacturing equipment based on close cooperation with partners in local through socialization method for investments and with partners overseas that have real potential through co-operation together to exploit and manufacture equipment in Vietnam. Vinacomin's members should actively balance available resources to invest in technological innovation reasonable while ensuring the target gradually modernized technology, improving safety in production, feasible administration and exploitation saving, rational resources, applied new technologies fit with practical conditions.

In order to implement the above solutions, it is necessary to ensure the unified coordination, synchronization between affiliates of Vinacomin and the strong determination overall political system the Corporation.

REFERENCES

[1] Decision No. 314/QD-TT

HỘI KHOA HỌC VÀ CÔNG NG

HỘI THẢO KHOA HỌC

NÂNG CAO HIỆU QUẢ KHAI THÁC THAN - DẦ
ĐÁP ỨNG NHU CẦU NĂNG LƯỢNG QUỐC G

CỬA LÒ - 8/2015

ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP GÓP PHẦN THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN NGÀNH THAN

ThS. ĐỒNG THỊ BÍCH, ThS. LƯU THỊ THU HÀ
Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Bài báo phân tích hiện trạng ngành than trên một số mặt gồm: hiện trạng tài nguyên than, hiện trạng tổn thất than trong quá trình khai thác và hiện trạng khai thác cũng như khả năng tăng sản lượng than đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế; đã làm rõ những tồn tại, bất cập, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân của chúng; trên cơ sở đó đã đề xuất các giải pháp phát triển ngành than, gồm nhóm giải pháp phát triển tài nguyên than, nhóm giải pháp giảm tổn thất than trong khai thác và nhóm giải pháp về tăng sản lượng than đáp ứng nhu cầu

1. Hiện trạng ngành Than Việt Nam

1.1. Hiện trạng tài nguyên than: Tài nguyên than được thăm dò đạt cấp chắc chắn và tin cậy còn thấp. Tại các vùng than truyền thống, tài nguyên than có dấu hiệu suy giảm, trong khi việc thăm dò và phát triển các vùng than mới thực hiện quá chậm.

Theo *"Quy hoạch phát triển ngành Than Việt Nam đến 2020, có xét triển vọng đến 2030"* được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 60/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 (sau đây gọi là QH60) tổng tài nguyên, trữ lượng (TN,TL) trong quy hoạch bao gồm: Tài nguyên than bể than Đông Bắc; bể than Đồng bằng sông Hồng (khối nâng Khoái Châu - Tiền Hải); các mỏ vùng nội địa; các mỏ địa phương và các mỏ than bùn tính đến 01/01/2011 là 48.728.952 nghìn tấn. Trong đó tổng trữ lượng có mức độ thăm dò cấp chắc chắn và tin cậy ($A+B+C_1$) là 2.803.502 nghìn tấn, chiếm 6% tổng tài nguyên trữ lượng than; Tổng tài nguyên dự tính và dự báo (C_2+P) là 45.925.450 nghìn tấn, chiếm 94% tổng TN,TL than.

Theo dự thảo *"Quy hoạch điều chỉnh QH60 - đầu năm 2015)"* sau khi cập nhật kết quả khoan thăm dò bổ sung; Báo cáo kết quả giai đoạn I Đề án *"Điều tra, đánh giá tiềm năng than dưới mức -300m, bể than Quảng Ninh"* đã được Bộ TN&MT phê duyệt theo Quyết định số 1795/QĐ-BTNMT ngày 30/10/2012; Các báo cáo chuyển đổi; Hiện trạng khai thác các mỏ, v.v. tổng TN,TL than Việt Nam tính đến 31/12/2014 là 46.961.435 ngàn tấn. Trong đó trữ lượng, tài nguyên chắc chắn và tin cậy là 3.585.516 ngàn tấn (chiếm 8%), tài nguyên dự tính là 2.296.329 ngàn tấn (chiếm 5%), tài nguyên dự báo là 41.079.727 ngàn tấn (chiếm 87%). Như vậy, so với QH60, tổng TN,TL cả nước đến nay giảm 1.767.517 tấn (tương ứng 4%), mặc dù TN,TL đạt cấp chắc chắn và tin cậy tăng từ 6% lên 8%, tương ứng là 782.014 ngàn tấn. Chi tiết được nêu trong bảng 1 dưới đây.

Qua số liệu nêu ở bảng 1 cho thấy:

a) Tài nguyên than của cả nước đã có dấu hiệu tiệm cận đến giới hạn tiềm năng trữ lượng than sẵn có trong lòng đất, được thể hiện qua

Bảng 1. So sánh tài nguyên, trữ lượng than QH điều chỉnh với QH60

Khu vực	Tài nguyên, trữ lượng (10^3 tấn)		
	TL,TN theo QH 60	TL,TN theo QH điều chỉnh	So sánh với QH60
Bể than Đông Bắc	8.826.923	7.029.999	-1.796.924
Bể than ĐBSH	39.3516.16	39.351.616	
Vùng Nội địa	181.189	206.004	24.815
Than địa phương	37.434	37.434	
Than bùn	331.790	336.382	4.592
Tổng cộng	48.728.952	46.961.435	-1.767.517

sự biến động sau giai đoạn trước đây liên tục gia tăng thì từ năm 2011- 2014 tổng TL, TN than bị giảm gần 1.768 triệu tấn. Phần giảm này bao gồm trữ lượng đã đưa vào khai thác trong kỳ và phần TN,TL bị điều chỉnh giảm theo kết quả thăm dò mới. Ngoài ra, phần tài nguyên than đã được thăm dò đạt cấp trữ lượng (cấp chắc chắn và tin cậy) mới chỉ đạt 8% trên tổng số TL, TN.

b) Tài nguyên than tại vùng Đông Bắc, là vùng mỏ truyền thống đã khai thác trên 130 năm và hiện chiếm trên 95% tổng sản lượng than hầng năm toàn ngành, tuy ngày càng được thăm dò nâng cấp song vẫn còn ở mức thấp: Phần TN,TL đạt cấp chắc chắn và tin cậy mới chỉ đạt khoảng 35%. Đặc biệt tại vùng than này có một số vấn đề chính là: (1) Có dấu hiệu bước vào thời kỳ suy giảm, so với năm 2011 tổng TL, TN đến năm 2014 đã bị giảm 1.797 triệu tấn; (2) Công tác cấp phép thăm dò còn chậm, thậm chí tại nhiều khu vực không được cấp phép thăm dò theo Quy hoạch đã phê duyệt; công tác thăm dò tại một số mỏ, vùng mỏ không triển khai được do vướng vào quy hoạch của địa phương hoặc vùng cấm, hạn chế hoạt động khoáng sản; (3) Có 2.085,3 triệu tấn than đang nằm phía dưới diện tích quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch rừng, quy hoạch vùng cấm, hạn chế khai thác khoáng sản,...của tỉnh Quảng Ninh. Như vậy, nếu không tính phần TN, TL này thì vùng Đông Bắc chỉ còn lại khoảng 4,9 tỉ tấn TL, TN than.

c) Tài nguyên than tại vùng Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) tuy có tiềm năng lớn nhưng mức độ thăm dò còn rất thấp, phần than có cấp trữ lượng tin cậy mới chỉ đạt 1,3% trên tổng số TL, TN. Đây sẽ là nguồn than tiềm năng cho tương lai sau khi tài nguyên than vùng Đông Bắc và Nội địa cạn kiệt. Tuy nhiên, công tác cấp phép thăm dò và tổ chức thực hiện công tác thăm dò tại đây còn gặp nhiều vướng mắc nên gần chục năm nay không có tiến triển gì thêm.

d) Ngoài dấu hiệu tài nguyên than tại vùng Đông Bắc bắt đầu bước vào thời kỳ suy giảm thì điều quan ngại nhất từ góc độ phát triển bền vững đối với ngành than là:

* Phần TL, TN than còn lại có điều kiện khai thác ngày càng khó khăn, phức tạp và chất lượng giảm, được thể hiện qua một số chỉ tiêu như hệ số bóc đất đá trên 1 tấn than nguyên khai ở các mỏ than lộ thiên, hệ số đào lò chuẩn bị trên 1000 tấn than nguyên khai ở các mỏ than hầm lò và độ tro Ak(%) của than nguyên khai của Tập đoàn TKV được nêu trong bảng dưới đây, trong đó hệ số bóc đất đá và hệ số đào lò vài năm cuối giảm nhẹ chủ yếu do hạn chế khai thác ở một số mỏ có điều kiện khai thác khó khăn.

* Vùng than ĐBSH tuy có tiềm năng lớn nhưng đến nay vẫn chưa thể triển khai thử nghiệm khai thác theo Quy hoạch đã được phê duyệt nên chưa tìm được công nghệ khai thác thích hợp đảm bảo an toàn cho bề mặt và môi trường cũng như hiệu quả kinh tế, mặc dù ngay từ Quy hoạch phát triển ngành Than năm 2003 theo Quyết định số 20/2003/QĐ-TTg đã đề ra mục tiêu xây dựng mới mỏ Bình Minh - Khoái Châu công suất 1,5 triệu tấn sau năm 2010.

* Đa phần các mỏ than phân bố rải rác ở vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện khai thác phức tạp, trình độ phát triển KT-XH, trình độ dân trí còn thấp, kết cấu hạ tầng chưa phát triển; nhiều mỏ có trữ lượng nhỏ đã dẫn đến những khó khăn cho công tác đầu tư và quản lý các hoạt động khai thác, chế biến cũng như thu hút lao động.

Tóm lại: Có thể đánh giá chung là nguồn tài nguyên than nước ta có nhiều đặc điểm bất lợi, mức độ thăm dò còn hạn chế và có độ tin cậy thấp; tài nguyên than tại các vùng mỏ truyền thống có dấu hiệu bắt đầu bước vào thời kỳ suy giảm.

1.2. Hiện trạng tổn thất than trong quá trình khai thác: Tỉ lệ tổn thất than trong khai thác tuy có sự cải thiện nhưng vẫn còn ở mức cao. Điều đó được thể hiện ở bảng 2.

Qua số liệu ở bảng trên cho thấy tỉ lệ tổn thất than trong khai thác đã có xu thế giảm xuống, nhất là trong khai thác lộ thiên. Tuy nhiên, trong khai thác hầm lò vẫn còn ở mức cao. Ngoài ra, qua khảo sát thực tế thấy rằng tỉ lệ tổn thất nêu trên mới chỉ tính tổn thất do công nghệ trong khai thác mà chưa tính đến tổn thất do điều kiện địa chất như phải để lại than trong lòng đất do phay phá, do điều kiện địa chất thủy văn, khí mỏ, bảo vệ bề mặt, v.v. Nếu tính cả các phần tổn thất này thì tỉ lệ tổn thất than trong khai thác hầm lò còn cao hơn nhiều, thậm chí lên đến 40%. Điều đó làm giảm đáng kể nguồn trữ lượng than có thể

gian tới sẽ tăng rất cao, cụ thể là (theo P/a cơ sở): đến năm 2015: 56,2; 2020: 112,3; 2025: 145,5; 2030: 220,3 triệu tấn).

Tuy nhiên, có thể nhu cầu than dự báo nêu trên là quá cao. Song, ngay cả khi nhu cầu than thực tế chỉ bằng khoảng 75% nhu cầu dự báo thì cũng đã là rất cao. Khi đó đến năm 2015 sẽ là khoảng 42 triệu tấn, đến năm 2020: 84 triệu tấn và 2030 khoảng 170 triệu tấn. Rõ ràng mức tăng đó là quá cao so với tiến độ xây dựng các mỏ than mới và khả năng nâng cao sản lượng than trong nước như sẽ nêu dưới đây.

Trong khi theo QH60, sản lượng than thương phẩm dự kiến đến năm 2030, kể cả than ĐBSH là: đến năm 2015: 57,4; 2020: 62,8; 2025: 70,0; 2030: 75,7 triệu tấn.

Đến nay, theo Báo cáo của TKV về tình hình thực hiện QH60, do chưa thể khai thác than ĐBSH và do suy giảm tài nguyên, trữ lượng than nên đến năm 2015 khả năng tối đa chỉ đạt sản lượng than sạch khoảng 40-42 triệu tấn và về lâu dài chỉ đạt khoảng 55 triệu tấn/năm.

So sánh nhu cầu than dự báo và khả năng khai thác than trong nước cho thấy từ sau năm 2015 sẽ thiếu than, sau năm 2020 chỉ đáp ứng được khoảng 60% và đến năm 2030 tối đa chỉ đáp ứng được khoảng 35% nhu cầu.

2. Đề xuất một số giải pháp góp phần thúc đẩy phát triển ngành than

2.1. Giải pháp về phát triển tài nguyên than:

- Đề nghị xem xét áp dụng chỉ tiêu tính trữ lượng than theo quy định của Tổng công ty Than Việt Nam (nay là TKV) tại Quyết định số 2034QĐ/ĐC ngày 19/9/1998 với hai chỉ tiêu chính áp dụng nội bộ là: Chiều dày vỉa hoặc lớp than tối thiểu: $m \geq 0,3m$ và Độ tro tối đa: A^K 50%. Khi áp dụng theo chỉ tiêu này thì trữ lượng than có thể tăng thêm được hơn 671 triệu tấn (bằng khoảng 12%) so với trữ lượng tính theo quy định của Nhà nước (chỉ đưa vào cân đối trữ lượng các vỉa than có chiều dày vỉa tối thiểu 0,8m đối với khai thác hầm lò và 1,0m đối với khai thác lộ thiên với độ tro nhỏ hơn 40%).

- Kiến nghị các Bộ, ngành và địa phương liên quan khẩn trương khắc phục các vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ cấp phép thăm dò.

- Đẩy mạnh công tác thăm dò để nâng cấp trữ lượng và đảm bảo độ tin cậy, đặc biệt là tại các khu vực, các mỏ đã có dự án thăm dò hoặc quy hoạch thăm dò được phê duyệt.

- Đẩy mạnh đầu tư nghiên cứu công nghệ khai thác than và tìm kiếm các đối tác thích hợp cho hợp tác đầu tư khai thác than tại bể than ĐBSH.

2.1. Giải pháp về giảm tổn thất than trong quá trình khai thác:

* Cùng với sự phát triển của khoa học và công nghệ cần tận dụng tối đa khả năng khai thác lộ thiên ở các khu vực mỏ có điều kiện cho phép để tận thu tối đa tài nguyên than.

* Đẩy mạnh đầu tư nghiên cứu công nghệ khai thác hầm lò áp dụng cơ giới hóa đồng bộ để nâng cao năng suất, an toàn lao động và giảm tổn thất tài nguyên than.

* Tăng cường triển khai nghiên cứu công nghệ và các giải pháp thích hợp khai thác phần trữ lượng than đáng kể (gần 2,1 tỷ tấn, chiếm khoảng 30% tổng trữ lượng, tài nguyên than hiện có) tại vùng than Đông Bắc nằm dưới các khu vực cần bảo vệ các công trình trên bề mặt như thành phố, khu dân cư, hệ thống đường giao thông, sông suối, hồ nước, khu di tích, khu bảo tồn, làng mạc, đồng ruộng.

* Hoàn thiện chính sách tài chính (thuế, phí) theo hướng ưu tiên khai thác tận thu tối đa tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường một cách hiệu quả phù hợp với vai trò của than là nguyên, nhiên liệu của sản xuất và đời sống và tạo ra hiệu quả kinh tế liên ngành.

2.3. Giải pháp về tăng sản lượng than đáp ứng nhu cầu:

- Đẩy mạnh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư khai thác than hầm lò để nâng cao năng lực sản xuất vừa để bù đắp phần năng lực sản xuất giảm xuống của các mỏ lộ thiên, vừa để đáp ứng nhu cầu than tăng cao.

- Có giải pháp huy động tối đa các nguồn lực của xã hội tham gia đầu tư để góp phần thúc đẩy tiến độ thực hiện các dự án đầu tư khai thác than.

- Sớm có các giải pháp và chính sách buộc các hộ sử dụng than trọng điểm sử dụng than tiết kiệm, đồng thời các hộ sử dụng than khác phải chuyển đổi sang sử dụng các dạng năng lượng, nhiên liệu khác.

- Sớm xây dựng và tổ chức thực hiện chiến

lược nhập khẩu than và đầu tư ra nước ngoài khai thác than đưa về phục vụ nhu cầu trong nước. Đồng thời phải khẩn trương ban hành các chính sách thích hợp và thỏa đáng để hỗ trợ thực hiện chiến lược đó.

- Quy hoạch các dự án nhiệt điện than ở miền Bắc sử dụng than trong nước, còn các dự án nhiệt điện than ở miền Nam sử dụng than nhập khẩu để giảm chi phí vận tải.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược đầu tư nghiên cứu và phát triển các sản phẩm thay thế than.

Tài liệu tham khảo:

1. "Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam giai đoạn 2003-2010 có xét triển vọng đến năm 2020", được phê duyệt tại Quyết định số 20/2003/QĐ -TTg ngày 29/01/2003.

2. Báo cáo của Trung tâm Tư vấn mỏ và công nghiệp – TVN (2005) (nêu trong QH điện 6 - năm 2007).

3. Dự thảo Báo cáo điều chỉnh (năm 2008) "Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam giai đoạn 2006 – 2015 có xét triển vọng đến năm 2025" đã được Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo tờ trình 6768/TTr –BCN ngày 07/12/2006.

4. "Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam đến 2020, có xét triển vọng đến 2030" được phê duyệt theo Quyết định số 60/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012.

5. Theo Báo cáo của TKV (năm 2014) về tình hình thực hiện "Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam đến 2020, có xét triển vọng đến 2030" được phê duyệt theo Quyết định số 60/2012/QĐ-TTg.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Đơn vị: Khoa Kinh tế - QTKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2016

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VÀ XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG NĂM 2016

(Đối với cá nhân)

Họ và tên: **Nguyễn Tiến Hưng**

Chức danh nghề nghiệp: Cán bộ giảng dạy

Đơn vị công tác: Bộ môn Kế toán doanh nghiệp - Khoa Kinh tế - QTKD

TT	Nội dung đánh giá *(Đọc kĩ phần Lưu ý ở cuối bảng để kê khai chính xác)*	Thang điểm	Tự đánh giá	Cấp quản lý trực tiếp đánh giá	Cấp có thẩm quyền đánh giá
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm, bao gồm cả nhiệm vụ đột xuất**	**0-10**	**10**		
• Hoàn thành vượt tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là: 869,545 giờ).		8-10	10		
2	**Đánh giá tinh thần thái độ làm việc**	**0-10**	**10**		
2.1	Lập trưởng, tư tưởng chính trị, sự chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Nhà trường; kỷ luật lao động.	0-2	**2**		
2.2	Phẩm chất đạo đức, lối sống; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp và đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	0-2	**2**		
2.3	Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật; tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được giao.	0-2	**2**		
2.4	Việc học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.	0-2	**2**		
2.5	Hiệu quả quản lý và sử dụng các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu.	0-2	**2**		
3	**Đánh giá kết quả hoạt động khoa học công nghệ, phát minh, sáng kiến...**		**4,75**		
3.1	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu.	0.5	0.5		
3.2	Hợp đồng, đề tài NCKH phục vụ sản xuất ký về các Công ty, Trung tâm của Nhà trường đã nghiệm thu, thanh lý (được tính điểm cho 1 năm và theo giá trị hợp đồng).	(0-3)/ tỷ đồng	0.25		

	Tham gia đề tài				
3.3	Báo cáo khoa học cấp Quốc tế. Tham gia: "Tăng cường công tác quản trị chi phí trong Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV), *Hội thảo khoa học quốc tế lần thứ hai với chủ đề "Quản lý kinh tế trong hoạt động khoáng sản"*, trường đại học Mỏ - Địa chất, tr.209-216".	0-3	0,75		
3.4	Bài báo khoa học tiếng Việt ở Tạp chí khoa học trong nước. Chủ trì: "Giải pháp quản lý tài chính tại Công ty TNHH MTV Than Thống Nhất - Vinacomin", *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, 07/2015, tr.30-32"	0-2	2,,25		
3.5	Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong công việc và công tác có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận. (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-1	1		
	Tổng:		24,75		

Lưu ý:

➢ Để đảm bảo ngắn gọn, dễ theo dõi, các cá nhân chỉ kê khai các mục mà mình có điểm (các mục không có điểm thì xóa đi).

➢ Khi kê khai các thành tích ở mục 3 (từ 3.1 đến 3.25), cần ghi rõ chủ trì hay tham gia và ghi đầy đủ **tên các tác giả; tên công trình** (*sách, giáo trình, đề tài, bài báo, báo cáo, sáng kiến, giải pháp, văn bản xây dựng...*); **thời gian và địa điểm thực hiện** (*xuất bản, nghiệm thu, ban hành, ứng dụng...)*; **nơi thực hiện.**

➢ Nếu phân biệt được chủ trì hay tham gia thì chủ trì được một nửa số điểm, số điểm còn lại chia đều cho các thành viên (tính cả thành viên chủ trì). Nếu không phân biệt được thì số điểm được chia đều cho các thành viên tham gia thực hiện.

➢ Các cá nhân và Trưởng các đơn vị phải chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin trên và kết quả đánh giá, thẩm định. Trong trường hợp cần thiết, đơn vị chức năng sẽ yêu cầu giải trình và minh chứng bổ sung.

➢ **Các mức phân loại đánh giá:**

- A^+ (Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ): đạt từ 24 điểm trở lên.
- A (Hoàn thành tốt nhiệm vụ): đạt từ 22 điểm trở lên.
- B^+ (Hoàn thành nhiệm vụ): đạt từ 20 điểm trở lên.
- B (Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực): đạt từ 15 điểm trở lên.
- C (Chưa hoàn thành nhiệm vụ): dưới 15 điểm.

Tự phân loại đánh giá: A^+

Tự đề xuất danh hiệu thi đua (nếu có):

Tự đề xuất hình thức khen thưởng (nếu có).....

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Nguyễn Tiến Hưng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI SÁNG KIẾN

Họ và tên: Nguyễn Tiến Hưng
Đơn vị công tác: Bộ môn Kế toán doanh nghiệp - Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh.

STT	Nội dung sáng kiến, áp dụng công nghệ, các giải pháp trong quản lý đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, xây dựng văn bản quản lý...	Ưu điểm hoặc điểm khắc phục
1	Trước khi bắt đầu học về phần hành kế toán cụ thể, yêu cầu sinh viên tìm hiểu, thu thập các văn bản pháp luật quy định, chứng từ, sổ sách kế toán về phần hành kế toán, sau đó giáo viên hướng dẫn nội dung và yêu cầu sinh viên làm việc nhóm, thảo luận từng nội dung trong phần hành kế toán thông qua các văn bản quy định có sự so sánh giữa quy định trước đây với quy định hiện hành. Cụ thể: - Với mỗi phần hành kế toán yêu cầu sinh viên tổng hợp kiến thức lý thuyết và tìm hiểu thông tin thực tế về việc thực hiện phần hành kế toán đó hiện nay để đưa ra trao đổi thảo luận trên lớp. - Giáo viên sẽ đặt các câu hỏi liên quan đến nội dung thảo luận, trên cơ sở các trao đổi và trả lời câu hỏi của sinh viên, giáo viên sẽ tổng hợp lại và kết luận cuối cùng về nội dung, hướng dẫn cách ghi chép vào chứng từ, sổ sách kế toán của phần hành kế toán vừa trao đổi. - Kết thúc môn học sẽ tổ chức buổi tổng hợp tất cả các nội dung đã trao đổi, thảo luận ở từng phần hành kế toán và giải thích các vướng mắc còn lại của sinh viên trong quá trình học tập môn Kế toán tài chính doanh nghiệp.	- Với phương pháp này sinh viên có điều kiện tiếp cận gần hơn với các văn bản quy định về chế độ kế toán và thực tiễn công tác kế toán tại các doanh nghiệp. - Củng cố chắc hơn kiến thức lý thuyết đã được học, giúp sinh viên nắm chắc kiến thức và hiểu rõ hơn các phần hành kế toán, từ đó có khả năng vận dụng tốt hơn vào thực tế sau khi tốt nghiệp đi làm.

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2016

Thủ trưởng đơn vị

Người kê khai

Nguyễn Tiến Hưng

PROCEEDINGS OF THE 2ND INTERNATIONAL SCIENTIFIC CONFERENCE ON ECONOMIC MANAGEMENT IN MINERAL ACTIVITIES - EMMA 2015

NOVEMBER 2015, HANOI VIETNAM

ECONOMIC MANAG
IN MINERAL ACTIV

HANOI, VIETNAM, 2015

ENHANCING THE COST MANAGEMENT FOR VIETNAM NATIONAL COAL - MINERAL INDUSTRIES HOLDING CORPORATION LIMITED- VINACOMIN

Nguyen Van Buoi, Nguyen Tien Hung

Hanoi University of Mining and Geology

Abstract: Today, the cost allocation and cost management are becoming essential tools to manage cost ınd improve the business performance. Vietnam National Coal - Mineral Industries Corporation (VINACOMIN) ɔays a great attention to this work, takes it as a central to operate and manage cost. The group has gained certain ıchievements. However, this is a complex work which depends on the perception and the entry level in each ɔeriod, so that there is still inadequacy in enhancing the cost management of VINACOMIN. The article uses nvestigation method and collecting secondary researches to have related figures of VINACOMIN. Focusing on ıssessing the reality of cost allocation and cost managing activities of VINACOMIN shows the successes and veaknesses which are able to help managers to come up with solutions to enhance these activities. This also mproves the entry level, promotes the autonomy and self-responsibility of entities who receive the cost allocation, ınd contributes to enhancing the business performance of VINACOMIN.

1. Theoretical foundation

1.1. Business cost definition

Cost is a basic concept in economics. It includes all expenses of resources for an ınterprise to gain one or many specific goals. In another way, this is the money that the ınterprise has to pay for economics activities such as production, transaction, etc., and to ɔuy the necessary inputs for manufacturing process and product consumption which bring ɔack profits.

Business cost has 3 characteristics. Firstly, it has to be the wastage of services and ɔroducts. Secondly, this wastage must go with a result. Thirdly, the wastage has to be assessed vhich means being measured by currency unit.

Business production cost is all expenses of living labor and past labor which the nterprise has to pay for related production and business activities in a specific period of ime (month, quarter, and year) to gain profit.

According to Nguyen Ngoc Huyen (2003), "managing business cost is an assessing ɔrocess, collecting, calculating, and managing all business expenses which are derived from ɔroduction activities and product consumption in order to provide information of business ost regularly for the essential accuracy insurance as the basis for corporate governance ecisions".

Business cost management can be seen as a process of implementing, creating tools, ıethods, and decisions to plan, organize, and test the combination of several production ıctors in the most effective way which aims to save cost, increase profit, and enhance usiness performance in a volatile business environment.

1.2. Roles of business cost management

- Business cost management helps enterprises to focus capabilities into their strengths, nd out opportunities and important issues in manufacturing and business activities.

- Business cost management helps enterprises to improve the quality of their products or services without changing cost.

- Business cost management helps decision makers recognize the resources, which have the lowest cost in manufacturing and supplying products or services.

- Reducing business cost is saving and using effectively the resources of labors, materials, capital within a specific period of the enterprises. Lowering the business production cost is an essential condition to reduce the price of products, increase revenue and profit, and improving business performance. In order to lower the business cost, the enterprises need to grasp thoroughly the saving principles and assess factors affecting to the formation of business cost at the same time. On this basis, the enterprises will be able to come up with directions and solutions to reduce the realistic business cost and improve the business performance.

Reducing business cost is a very scientific and important work. It does not mean cutting necessary costs for manufacturing process, but have a through grasp of saving in every expenditure, such as cutting all unnecessary and unreasonable spending. Also, the enterprises should use business cost strongly to increase the quantity and quality of products.

Reducing the minimum allowance of business cost without affecting to the business activities requires the managers to understand the necessary and unnecessary costs. They must have the abilities of leadership and analyzing the business cost situation of the enterprises. It also requires the managers to have skills at financial management and a thorough specialized understanding. These factors will support the entry activity and come up with a reasonable business cost which facilitate for the manufacturing and business activities of the enterprises. The target is incurring the lowest business cost but having the highest return. This is a scientific and art issue helping the enterprises to thrive, be effective, and sustain.

Allocating business cost is a method, a tool which is used in manufacturing management among enterprises, whereby the allocator (VINACOMIN) assigns manufacturing activities to several firms who are cost allocation receiver with a reduction of manufacturing cost. This cost is called as cost allocation which is the basis for salary and income determination of these firms.

The purpose of allocating business cost is promoting potential of enterprises and direct labors in manufacturing business. It enhances the spirit of self-reliance, self-responsible, and cost saving, increases income of the cost allocation receivers and labors in particular, and the economic efficiency of enterprises in general.

1.3 Contents of business cost management

Managing business cost by functional system has the goals of providing information for management process such as estimating, collecting implementing information, and analyzing estimated performance, norms. There are two basic factors, including calculating and analyzing business cost.

a. Calculating business cost

Calculating business cost is based on business cost classification, generating place, and following different objects. The gathering and calculating business cost process

according to its classification is the identifying process of business cost related to manufacturing products. It is the basis for identifying the production cost of products. Depending on each characteristic and requirement of manufacturing business, the business cost can gather for each work task, each product or service, or for the whole manufacturing business process.

b. Analyzing business cost

In an intense competitive market, the solutions to increase profit by rising the quantity or selling prices are very difficult and less feasible. Sometimes, chasing the growth in scale is also very risky. In this case, controlling and saving costs is the only way to improve business performance of an enterprise. Recognizing and analyzing activities which generate costs aim to manage the costs. From then, the right decisions in manufacturing business activities are made. With the cost data collected, the cost managers will be able to do these analyses:

Comparative analysis between the average product price and normative price (the allocation price). Comprehensive data preparation of related business cost í an essential factor in the success of management. Business cost classification into direct or indirect cost, variable or invariable cost, located or allocated cost is a vital question to the process of business cost analysis. Assessing the inner relationship among factors to product prices and the influences of these factors to the average product prices is very important in exploiting the potential of enterprises. It is the basis to have a decision making.

c. Business cost management according to the operating process (ABM)

Managing business cost according to the operating process is a management system in which managers use business cost data collected from a calculation method. This method is based on the operating process aiming to manage all business activities and processes, reduce or reject activities, which do not create any benefits and results, and improve the whole manufacturing business process. ABM is a management method, which focuses on making plan, implementing, measuring activities, and helping enterprises to sustain and develop in a competitive environment.

2. Current Situation of Allocating Business Cost Management at Vietnam National Coal - Mineral Industries Corporation

2.1. Introduction of Vietnam National Coal - Mineral Industries Corporation

Decree No. 345/2005/QĐ-TTg on December 26th, 2015, establishing Vietnam National Coal - Mineral Industries Corporation (Vinacomin) the basis of merging Vietnam National Coal Corporation and Vietnam National Mineral Corporation. The Corporation operates as a holding company. This is the first economic Corporation in the country organizing in the model of a State-owned company. Coming to the Decree No. 898/QĐ-TTg on June 25th, 2010 of the Prime Minister, the Vietnam National Coal - Mineral Industries Corporation–Vinacomin was transferred into the state-owned limited company.

Organization chart is illustrated in figure 1.

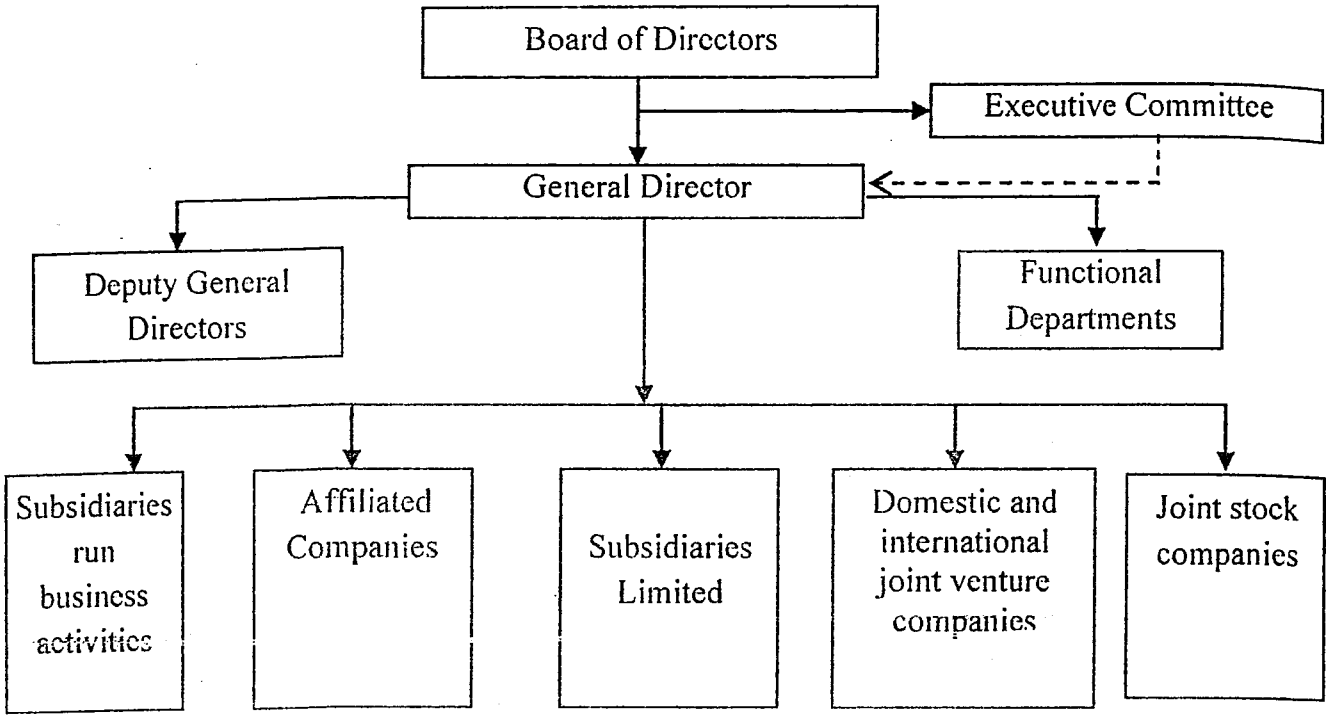


Figure 1. Organization chart of Vinacomin

Today, Vinacomin manages and operates directly activities of all subsidiaries of the group's business sector. The diversified business group is based on the coal - mineral industry with the strategy "From mineral and human resources to grow up strongly and prosperously".

Coal industry is the largest mining industry in Vietnam. The production increased rapidly during the period 2005-2010 from 34.9 million tons/year to 46.7 million tons/ year. In the period 2010-2015, due to a downturn in the global and domestic economy, exploitation condition keeps going down deeper and further. Besides, there are cost increasing, high demand for large capital investment, and high investment production. Dong Bac Corporation was detached the group. The group has adjusted and remained the production at 37 to 38 million tons/year. Up to now, VINACOMIN still remains the position as the main the coal producer, accounting to 91% of total coal production of the whole industry.

2.2. Current situation of allocating and manageing business cost

Since the establishment, VINACOMIN has paid attention and focused on allocating activities and cost management. This cost allocation has become an effective economic management tool. From the Corporation to the subsidiaries, they all have allocation and cost management mechanism. The Corporation has a decentralized cost management. According to that, the Corporation allocates to companies. The companies have self-organized internal audit and take responsibility to the Corporation about the cost allocation target for their workshops and production teams.

Most of enterprises choose the quarterly accounting period and organize quarterly settlement. However, there are also companies choosing monthly allocating period. To those who choose quarterly allocating period, the settlement process is divided into two steps:

Step 1: It is conducted from 1st to 8th of the following month, as soon as the operating month ends. The settlement contents are allocation targets and some works generated outside the allocation.

Step 2: It is conducted on the first day of the first month of the following quarter.

Content: Evaluating the settlement results of step 1, dissecting allocation targets in details which are not done at step 1, and determining the formal implementiation for allocation targets.

The settlement record from step 2 is the basis expense and income settlement for the allocation receivers.

Allocation targets: The system of allocation targets includes:

+ The artifact indicators such as tons of coal mining, meters of digging ovens, volume of completed works.

+ The valuable indicators is the full product price. To the case that company assigns to the workshops, the target is the incompleted workshop price such as:

- Labor cost
- Auxiliary material cost according to the norm
- Fuel cost
- Power cost
- Material and spare part replacement cost

Allocating cost without a full expense factors in the cost of workshop stage illustrates a low level of accounting qualification of the company.

Table 1. Results of implementing allocation cost target in 2014 (VINACOMIN, 2015)

Target	2013 (VND/ton)	2014's Plan (VND/ton)	2014's Implement (VND/ton)	Comparison (%)	
				2013	2014
1. Average coal unit cost	1,300,150	1,406,750	1,416,600	109	100.7

The rise in unit cost is mostly due to different objective factors, if excluding these factors, the implement unit cost in 2014 would not increase in compared to 2013 and would decrease in compared to 2014's plan unit cost. The decrease of factors leads to the fall of technology factors. This is mostly because stripping ratio, tunneling ratio, and supply margin do not meet the plan. In addition, there is a fall in proportion of explosing rock and pit coal transportation margin. Other technology targets increase such as coal mining structure at stone galleries, coal galleries, and the solidification of the rock. Labor cost is added 5%. Taxes and fees increase. Water inrush in underground mines is being fixed.

A decisive reason is that since the beginning of the year, VINACOMIN allocated 5% reduction of total cost for all stages of production and business in subsidiaries. The group

has documents and resolution focusing on executive direction. However, there are still some companies, which have high unit price such as Deo Nai, Coc Sau, Ha Tu Coal Joint Stock Company, Tay Nam Da Mai Joint stock Company, Quang Hanh, Mao Khe, Uong Bi Coal Company. These companies have to do self-balancing to sell coal to the group with the average selling price of the Corporation. In addition, VINACOMIN directs companies to be active in finding management solutions to minimize the cost.

**** Overall assessment of implementing cost managing allocation at VINACOMIN***

+ Achievements:

- Cost managing allocation regulation is in discipline and gains certain results. On the basis of business coordinating plan of the group, subsidiaries provide technical solutions and cost saving technology. Reviewing and issuing the current system to set the basis for implementing cost allocation, organizing allocation, and inspecting settlement of allocation targets in time. There are summary and evaluation allocation activities quarterly and yearly. The capability of doing cost allocation of companies has been improved clearly.

- Many companies have cost saving achievement, such as Vang Danh Joint Stock Company, Nui Beo Coal Joint Stock Company, Minerals Corporation, and Ha Tu, Ha Lam Coal Joint Stock Company.

+ Limitations:

- About managing and operating cost: In the direction, VINACOMIN still lets many companies have not finished stripping ratio and tunneling ratio so that the production and finance have not been prepared well for the next year. Some companies have the loss rate of coal higher than the previous year.

- Many companies have not been active to build a cost management discipline. They only focus on solving each work task without improving the internal management system in a sustainable and disciplined way. The capability of managers in allocating activities is still weak.

- Progress of allocating is slow, affected by only one direction, and does not guarantee the objectivity.

- Material cost system is not exhaustive and close to the reality. This makes allocating activities not fair and creates difficulty to the final settlement.

3. Enhancing Cost Managing Activities at VINACOMIN

3.1. Technical solutions

- Completing allocation targets. There are some suggestion: (1) On the basis of enhancing resources management and basic technique, calculating technical targets reasonable, determining, and being active about the quantity, quality of each mineral deposit mobilization and loss in annual plan; (2) Focusing on accepting products strictly, the coal loss rate, and the exploited coal quality of different units within VINACOMIN; and (3) Strengthening the inspection and supervision regime of controlling team in coal quality and hiring the second unit to witness check in necessary case.

- To underground mines, VINACOMIN directs drastically to apply appropriate technologies, mechanizes synchronously in each stage, each department, such as installation of hydraulic props which helps to minimize manual activities and increase productivity, product quality, and resource saving.

- In the case of large open-pit mines, it is applied synchronously by loading devices, means of transportation which have huge capacity, large load, and improving the efficiency of blasting by using bulk emulsion explosive and ANFO.

- Information technology is applied in managing, operating mines. The Global Positioning System (GPS) is applied in governing stages of technical loading and coal transportation at open-pit mines.

3.2. Solutions to complete management mechanism, operational system of cost management

- Researching coal consumption market to have an accurate forecast which is close to the domestic and foreign markets in order to have a balance between production and consumption. Besides, it is necessary to enhance the control of receiving and delivering coal progress and building a mechanism to encourage customers to buy coal on schedule commitment.

- Synchronizing cost saving solutions in manufacturing business. Controlling strictly coal price and removing invalid costs out of the price.

- Continuing to improve the models and solutions for cost managing allocation to enterprises, especially, for saving the cost of material, fuel, power, and management.

- Continuing to build and complete economic and technical norms, cost management process. The norm has an important role in cost managing allocation. A reasonable system of norms is the basis guaranteeing a fair income allocation and distribution. Therefore, VINACOMIN needs to add and complete a norm system of labor and material, set up standard conditions to build reasonable norms and adjustment coefficients which are the basis to calculate allocation targets.

3.3. Enhancing training for staffs working at allocation activities and cost management

VINACOMIN should open training courses for staffs of the group, especially the leaders of the companies and workers at construction sites and workshops. This action aims to improve knowledge and capability for staffs working at allocation sector and cost management, bring the discipline to the cost managing allocation activities. On this basis, these activities will be expanded from small scale to big scale, from being incomplete to complete. And it improves the internal accounting capability of the company.

Continuing to complete physical promotion in which rewarding 100% the value of cost saving and charging 100% if excess the allocation cost.

4. Conclusion

Enhancing cost management which aims to save cost is a very essential action in both theory and practice. Its tool is allocation which enhances the spirit of self-reliance,

self-responsibility of subordinates in allocating and cost managing activities. In order to bring discipline into allocating activities, there is a need of reasonable and qualified labor and material norm systems, which are the basis for calculating allocating cost, ensure the fairness. Therefore, every unit is encouraged to receive the allocation. Last but not least, it is essential to promote dissemination and training which aims to enhance the quality of allocation and cost management.

REFERENCES

[1] Nguyen Ngoc Huyen (2003), Managing Business Cost, Statistical Publishing House, Hanoi

[2] Vietnam National Coal – Mineral Industries Corporation (2015), The report of summarizing the general economics work in 2014, Hanoi.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT
KHOA KINH TẾ - QTKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2015

GIẤY XÁC NHẬN

Kính gửi: Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường

Căn cứ hợp đồng kinh tế số 01/2015/HĐKT-TTM ký giữa Công ty TNHH MTV Khai thác Khoáng sản – TCT Đông Bắc với Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường, Trường Đại học Mỏ - Địa chất v/v *"Hoàn thiện công tác quản trị chi phí kinh doanh tại công ty TNHH MTV Khai thác khoáng sản – TCT Đông Bắc"*, tổng giá trị hợp đồng là 726.122.154 đồng (Chưa bao gồm thuế VAT).

Đề tài đã được tổ chức nghiên cứu, triển khai và thống nhất nghiệm thu đề tài vào ngày 01 tháng 07 năm 2015, các tài liệu liên quan đến việc nghiệm thu, quyết toán đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Chủ nhiệm đề tài đề nghị Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường – Trường Đại học Mỏ - Địa chất xác nhận danh sách các thành viên tham gia đề tài theo Hợp đồng kinh tế số 01/2015/HĐKT-TTM gồm các ông (bà) có tên trong danh sách sau đây:

TT	Họ và tên	Chức danh
1	TS. Nguyễn Duy Lạc	Chủ nhiệm đề tài
2	TS. Đặng Huy Thái	Thư ký - Ủy viên
3	TS. Nguyễn Văn Bưởi	Ủy viên
4	TS. Bùi Thị Thu Thủy	Ủy viên
5	TS. Nguyễn Ngọc Khánh	Ủy viên
6	TS. Nguyễn Thị Bích Ngọc	Ủy viên
7	TS. Nguyễn Thị Hoài Nga	Ủy viên
8	ThS. Phạm Hồng Hạnh	Ủy viên
9	TS. Nguyễn Thị Kim Oanh	Ủy viên
10	ThS. Nguyễn Tiến Hưng	Ủy viên
11	ThS. Nguyễn Thị Bích Phượng	Ủy viên
12	ThS. Lê Đình Chiều	Ủy viên

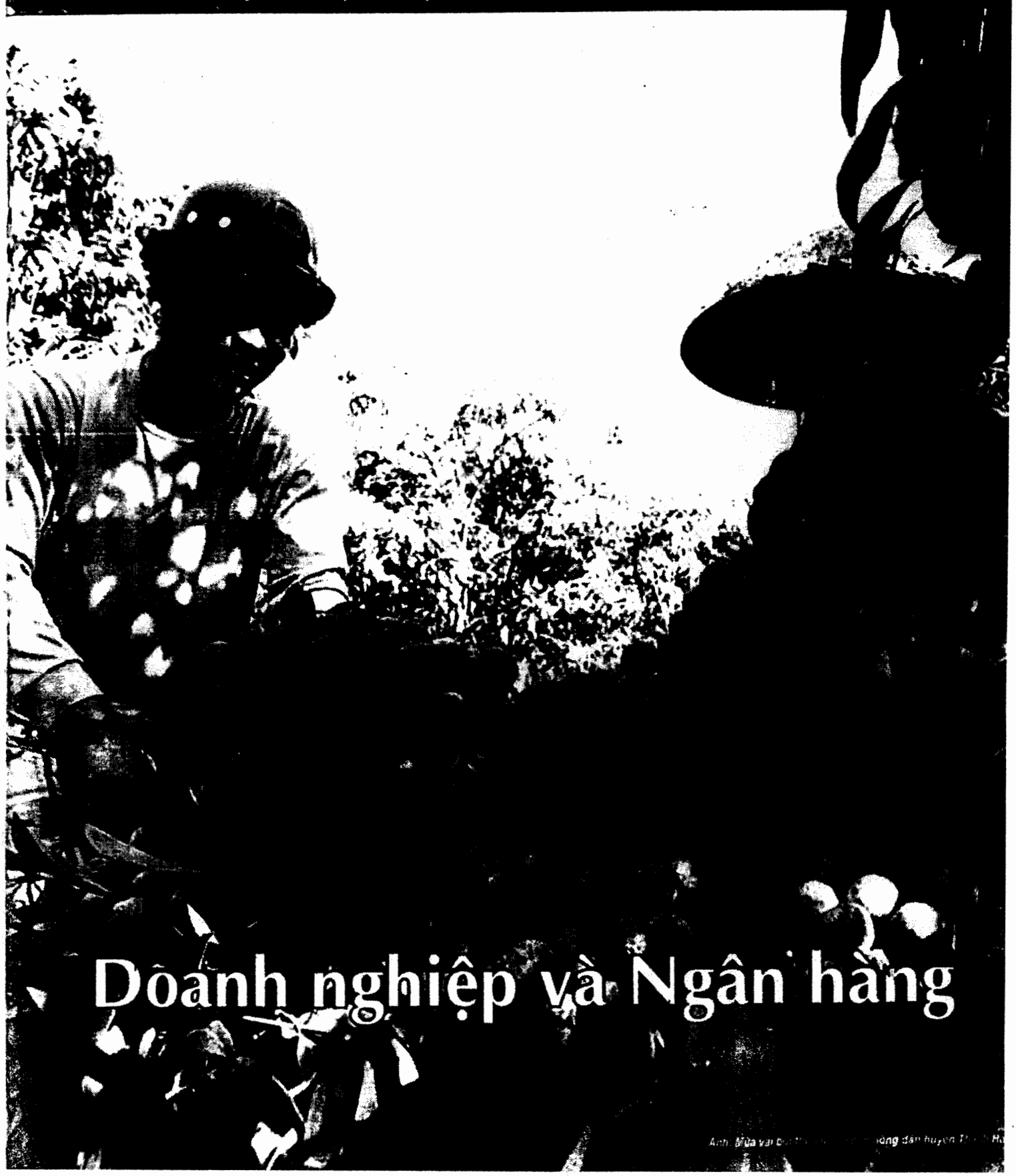
Kinh tế và Dự báo

Economy & Forecast Review

07/2015
Số chuyên đề

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

ISSN 0866-7120



Doanh nghiệp và Ngân hàng

Kinh tế và Dự báo

ECONOMY AND FORECAST REVIEW

CƠ QUAN NGÔN LUẬN
CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Tổng Biên tập
PGS. TS. LÊ XUÂN ĐỊNH

Phó Tổng Biên tập
LÊ MINH HẢI
ĐỖ THỊ PHƯƠNG LAN

Hội đồng Biên tập
TS. CAO MIỆN SINH
PGS. TS. LÊ XUÂN BA
PGS. TS. BÙI TẤT THẮNG
TS. TRẦN DU LỊCH
PGS. TS. LÊ QUỐC LÝ
PGS. TS. TRẦN ĐÌNH THIÊN
PGS. TS. NGUYỄN HỒNG SƠN
GS. TS. TRẦN [illegible]
PGS. TS. NGUYỄN [illegible]
TS. VƯƠNG [illegible]

Tòa soạn và trị sự
65 Văn Miếu - Đống Đa - [illegible]
Tel: (84-4) 3747 3358 / 080 [illegible]
Fax: (84-4) 3747 3357
Email: kinhtedubao@[illegible]
http://kinhtevadubao.[illegible]
http://[illegible]

Chi nhánh phía Nam
[illegible] Trần Quốc [illegible]
Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3.9306872 / 0903823107
Fax: (84-8) 3.930 [illegible]

Quảng cáo và phát hành
Tel: 080.44474 / 0986568616

Giấy phép xuất bản: 115/GP-BTTTT
In tại: Công ty CP in Công đoàn Việt Nam

Giá 19.500 đồng

MỤC LỤC

Đinh Mai Thanh: Doanh nghiệp Việt Nam: Nhìn thẳng vào yếu kém để đứng vững và phát triển 3

Nguyễn Văn Vỹ: Một số giải pháp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam 6

Trần Thế Nữ, Nguyễn Mạnh Đức: Để tăng hiệu quả thu thuế thu nhập cá nhân đối với hộ kinh doanh 9

Nguyễn Thị Bích Liên, Trần Thị Thanh Thủy: Giải pháp phát triển doanh nghiệp tỉnh Nghệ An 12

Đoàn Quang Thắng: Thúc đẩy sự hình thành doanh nghiệp công nghiệp tại tỉnh Vĩnh Phúc 15

Nguyễn Thị Minh Xuân: Để phát triển DNNVV tỉnh Thái Nguyên 18

Vũ Trọng Phong: Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của VinaPhone 21

Nguyễn Văn Kỷ: Để phát triển bền vững Tập đoàn Viễn thông Quân đội 24

Nguyễn Thị Hậu Giang: Cải thiện hiệu suất làm việc tại Trung tâm Thông tin di động Khu vực IV 27

Nguyễn Tiến Hưng, Phạm Thị Nguyệt: Giải pháp quản lý tài chính tại Công ty TNHH MTV Than Thống Nhất - Vinacomin 30

Trần Quốc Hưng: Nâng cao năng lực tài chính tại Công ty TNHH MTV Cao su Hà Tĩnh 33

Nguyễn Việt Cường: Giải pháp nâng cao hiệu quả vận dụng phương pháp quản trị theo mục tiêu tại Công ty Cổ phần Kosy 36

Heng Sang, Lưu Thị Nhung, Phan Thành Tâm: Các yếu tố ảnh hưởng đến lòng trung thành của nhân viên Công ty TNHH Kureha Việt Nam 39

Nguyễn Thị Vân Anh: An toàn cho hệ thống ngân hàng thông qua áp dụng Basel II 42

Nguyễn Thị Hoài Vân, Phan Thị Dung: Phát triển các dịch vụ ngân hàng hiện đại tại VCB - Chi nhánh Nha Trang 45

Nguyễn Thị Khánh Huyền: Quản lý rủi ro tín dụng tại BIDV Khánh Hòa 48

Nguyễn Thị Hoa Hường, Hồ Huy Tựu: Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định gửi tiền tiết kiệm ở ngân hàng tại TP. Nha Trang 51

Nguyễn Văn Thủy: Giải pháp quản trị quan hệ khách hàng điện tử cho các ngân hàng thương mại 54

Trần Thị Thu Phương: Phát triển dịch vụ Internet Banking: Thực trạng và triển vọng 57

Nguyễn Trí Long: Phong cách lãnh đạo chuyển đổi và sự hài lòng của nhân viên ngành ngân hàng 59

Lê Thị Ngọc Châu: Nhân tố tác động tới giá trị thương hiệu SeABank - Chi nhánh Nha Trang 62

Giải pháp quản lý tài chính tại Công ty TNHH MTV Than Thống Nhất - Vinacomin

NGUYỄN TIẾN HƯNG*
PHẠM THỊ NGUYỆT**

Trong những năm gần đây, Công ty TNHH MTV Than Thống Nhất đã có nhiều cố gắng trong việc quản lý tài chính, cân đối các nguồn thu, chi và đạt được những kết quả khả quan. Tuy nhiên, Công ty vẫn cần có nhiều giải pháp đồng bộ để phát huy thành quả, bảo đảm phát triển bền vững.

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Than Thống Nhất - Vinacomin là một doanh nghiệp hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin).

Công ty TNHH MTV Than Thống Nhất là đơn vị khai thác than hầm lò có chức năng nhiệm vụ là: Tổ chức sản xuất và chế biến than; Quản lý tất cả các mặt kinh tế - xã hội, an ninh trong phạm vi Công ty quản lý; Bảo toàn vốn và sản xuất, kinh doanh có lãi; Thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước và cấp trên; Giữ gìn vệ sinh môi trường; Bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật và chuyên môn cho cán bộ, công nhân viên...

Chi phí kinh doanh

Năm 2014, các chỉ tiêu chi phí sản xuất, kinh doanh và chi phí tài chính của Công ty đều tăng, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm, nhưng không đáng kể (Bảng 1). Nguyên nhân việc tăng chi phí sản xuất, kinh doanh là do có sự biến động của thị trường, giá cả vật tư, nhiên liệu, máy móc thiết bị tăng... Để trang trải cho các khoản chi phí tăng thêm này, Công ty đã tiến hành đầu tư vốn, huy động vốn và huy động tài chính khác nên chi phí lãi vay trong kỳ cũng tăng theo.

Chi phí sản xuất, kinh doanh và giá thành sản phẩm

Công ty đã và đang phân loại chi phí theo nội dung kinh tế. Qua Bảng 2 có thể thấy, hầu hết các yếu tố chi phí và giá thành sản phẩm của Công ty năm 2014 đều tăng hơn so với năm 2013, chỉ có yếu tố nhiên liệu và ăn ca là giảm. Tuy nhiên, việc tăng chi phí này là điều hợp lý, vì sự biến động giá cả của thị trường và điều kiện khai thác xuống sâu nên gặp nhiều khó khăn trong sản xuất, kinh doanh.

Doanh thu và thu nhập khác

Chỉ tiêu doanh thu bán hàng và thu nhập khác của Công ty năm 2014 tăng so với năm 2013 (Bảng 3). Điều này cho thấy, Công ty làm ăn có hiệu quả, mặc dù sản lượng tiêu thụ giảm, nhưng do giá bán than tăng cao nên doanh thu vẫn tăng.

Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận

Năm 2014, chỉ tiêu lợi nhuận của Công ty giảm hơn so với năm 2013, tuy nhiên Công ty vẫn thu được lợi nhuận đủ để trang trải cho các khoản chi phí trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước (Bảng 4). Phần phân phối lợi nhuận, Công ty thực hiện dựa theo căn cứ và quy định của pháp luật. Do năm 2014, chỉ tiêu lợi nhuận của Công

BẢNG 1: THỐNG KÊ CÁC CHỈ TIÊU CHI PHÍ KINH DOANH NĂM 2013, 2014

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013	So sánh	
				+/-	%
1	**Chi phí sản xuất kinh doanh**	**1.272.084**	**1.144.190**	**127.894**	**11,17**
a	Giá vốn hàng bán	1.114.503	989.515	124.988	12,63
b	Chi phí bán hàng	24.104	19.078	5 025	26.34
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	133.477	135.597	-2 120	-1,56
2	**Chi phí hoạt động tài chính**	105.502	86.624	18.877	21,79
	Chi phí lãi vay	98.293	78.557	19.736	25,12

Nguồn: Phòng TKKTTC - Công ty TNHH MTV than Thống Nhất

*ThS., Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội | Email: nthung372666@gmail.com

ty giảm hơn so với năm 2013, nên các khoản trích lập cũng giảm theo. Phần lợi nhuận sau thuế đã được trích lập vào quỹ đầu tư phát triển (chiếm 70%) chứng tỏ Công ty rất chú trọng tới công tác đầu tư, nhằm tăng thêm vốn để phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Quản lý vốn kinh doanh của Công ty

Năm 2014 để tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh Công ty đã tiến hành và tăng cường đầu tư thêm máy móc, thiết bị, tài sản cố định cần thiết, do đó vốn dài hạn của Công ty tăng 227.684 triệu đồng, tương ứng tăng 26,88% so với năm 2013.

Quản lý tài sản ngắn hạn và vốn ngắn hạn

Trong năm 2014, Công ty đã tiến hành tăng lượng vốn dài hạn và giảm vốn ngắn hạn. Điều này cho thấy, Công ty đã có những biện pháp để quản lý, sử dụng vật tư, tiền vốn tiết kiệm, lưu thông hợp lý, kịp thời.

Hệ số nợ của Công ty năm 2014 là 0,79 và hệ số nợ trên vốn chủ sỡ hữu 3,75 chứng tỏ nguồn vốn chủ sở hữu chiếm trong tổng nguồn vốn thấp hơn so với nguồn nợ phải trả, điều này sẽ có thể dẫn đến rủi ro về tài chính cao.

Mặc dù đạt được kết quả nhất định, nhưng Công ty còn gặp những hạn chế đó là: việc tiết kiệm chi phí và giảm giá thành chưa thực hiện được một cách triệt để, do quá trình khai thác ngày càng xuống sâu, giá cả đầu vào ngày càng tăng...

Bên cạnh đó, tỷ trọng của tài sản cố định chiếm trong tổng tài sản của Công ty là rất lớn. Tuy nhiên, tài sản cố định của Công ty so với các công ty khác có phần lạc hậu hơn. Tỷ trọng vốn chủ sở hữu trong tổng số nguồn vốn của Công ty thấp, khả năng độc lập về tài chính của Công ty tương đối thấp.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Một là, tăng cường quản lý chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Tăng cường quản lý cấp phát nhiên liệu bằng cách đầu tư xe cấp dầu cho các máy gạt, máy xúc, ô tô làm việc ở các công trường nhằm tiết kiệm chi phí và hạ giá thành sản phẩm.

Theo quy định hiện hành của Tập đoàn, các đơn vị sản xuất ưu tiên mua vật tư mà các công ty dịch vụ, thương mại của Tập đoàn kinh doanh.

BẢNG 2: CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH THEO YẾU TỐ NĂM 2013, 2014

TT	Nội dung chi phí	Năm 2013		Năm 2014		So sánh	
		Tổng chi phí (Trđ)	CP đvị (đ/tấn)	Tổng chi phí (Trđ)	Chi phí đơn vị (đ/tấn)	Chênh lệch tổng CP (đồng)	Chênh lệch CP đơn vị
	Sản lượng (tấn)	1.622.418		1.780.529			
1	Chi phí NVL	404.689	234.452	477.664	268.486	72.975	34.034
-	Nguyên vật liệu	339.389	196.621	409.760	230.318	70.370	33.697
-	Nhiên liệu	32.874	19.045	27.451	15.430	-5.422	-3.615
-	Động lực	32.425	18.785	40.452	22.737	8.027	3.952
2	Chi phí nhân công	519.462	300.944	538.032	302.418	18.569	1.474
-	Tiền lương	477.353	276.549	484.989	272.604	7.636	-3.944
-	Các khoản trích	38.504	22.307	49.510	27.828	11.006	5.521
-	Ăn ca	3.604	2.088	3.532	1.985	-72	-102
3	Khấu hao TSCĐ	87.922	50.937	128.471	72.211	40.548	21.274
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.460	32.709	72.371	40.678	15.911	7.969
5	Chi phí khác bằng tiền	146.015	84.592	179.026	100.627	33.011	16.035
	Giá thành	*1.214.550*	703.635	*1.395.566*	784.423	181.016	80.788

BẢNG 3: THỐNG KÊ CHỈ TIÊU DOANH THU VÀ THU NHẬP NĂM 2013, 2014

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013	So sánh	
			(+/-)	%
1. Doanh thu bán hàng và CCDV	1.384.348	1.268.978	115.370	9,09
2. Doanh thu hoạt động tài chính	614	845	-231	-27,35
3. Thu nhập khác	30.876	20.109	10.766	53,54

BẢNG 4: CHỈ TIÊU VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2013, 2014

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013	So sánh	
			(+/-)	%
1. Tổng lợi nhuận trước thuế	23.950	49.952	-26.001	-52,05
2. Thuế TNDN phải nộp	6.511	13.208	- 6.697	-50,70
3. Lợi nhuận sau thuế	17.439	36.744	- 19.304	-52,54
4. Lợi nhuận còn lại để trích lập (đối với công ty nhà nước)	17.439	36.744	- 19.304	-52,54
4.1. Quỹ dự phòng tài chính	1.918,29	4.041,84	-2,123.55	47.46
4.2. Lợi nhuận còn lại bổ sung vốn nhà nước và phân phối các quỹ	15.520,71	32.702,16	-17,181.45	47.46
a. Bổ sung vốn nhà nước tại DN				
b. Phân phối các quỹ	15.520,71	32.702,16	-17,181.45	47.46
- Quỹ đầu tư phát triển	10.864,5	22.891,51	-12,027.01	47.46
- Quỹ thưởng ban điều hành	465,62	981,06	-515.44	47.46
- Quỹ khen thưởng	1396,86	2.943,19	-1,546.33	47.46
- Quỹ phúc lợi	1396,86	2.943,19	-1,546.33	47.46

Nguồn: Phòng TKKTTC - Công ty TNHH MTV Than Thống Nhất



Công nhân Công ty Than Thống Nhất trước giờ vào ca

Hai là, tăng cường công tác quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cố định, tài sản cố định. Vốn cố định của Công ty hiện nay chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu vốn kinh doanh, chủ yếu nằm trong dây chuyền công nghệ sản xuất, phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn và máy móc thiết bị... Phần lớn những máy móc thiết bị Công ty đã cũ và lạc hậu, đồng thời do trình độ sử dụng và sửa chữa của công nhân còn hạn chế, chưa làm chủ được thiết bị nên đã ảnh hưởng tới năng lực hoạt động của thiết bị.

Công ty muốn tăng cường công tác quản lý tài chính trước hết phải duy trì được năng lực sản xuất của máy móc, thiết bị. Trong quá trình sử dụng, cần thường xuyên theo dõi tình hình sử dụng tài sản cố định, để có các biện pháp kịp thời để tận dụng tối đa hiệu suất sử dụng của tài sản và tránh tình trạng sử dụng không hết công suất. Công ty cũng cần tiến hành phân cấp quản lý tài sản cố định rõ ràng, để mỗi cá nhân đều có ý thức trong công tác quản lý và sử dụng.

Ba là, chú trọng công tác quản lý dự trữ vật tư và quản lý khoản phải thu nhằm nâng cao hiệu quả vốn ngắn hạn. Trong thời gian vừa qua, bộ phận vốn này vẫn xảy ra tình trạng thiếu tạm thời, từ đó ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty. Nguyên nhân là do Công ty chưa chú trọng đến công tác xác định nhu cầu vốn ngắn hạn. Điều này giúp Công ty có kế hoạch cung ứng vốn ngắn hạn kịp thời, tránh thiếu hụt vốn, làm gián đoạn quá trình sản xuất, kinh doanh. Do đặc điểm ngành nên vật tư dự trữ của Công ty cho sản xuất chủ yếu là vật liệu phục vụ quá trình sản xuất, nhiên liệu... Do đó, để có thể chủ động trong công tác cung ứng vật tư Công ty nên thực hiện ký kết các hợp đồng đặt hàng với nhà cung cấp, có như vậy mới đảm bảo đủ vật tư phục vụ sản xuất, tránh tình trạng gián đoạn sản xuất.

Về quản lý các khoản phải thu, cơ chế thanh toán của Công ty với các công ty khác trong Tập đoàn như hiện nay thì tình trạng chiếm dụng vốn của nhau là rất lớn, do đó các khoản phải thu của Công ty có tỷ trọng cao trong vốn ngắn hạn. Vì vậy, khi ký kết hợp đồng mua bán Công ty cần có những quy định chặt chẽ về thời gian, phương thức thanh toán, thường xuyên làm tốt công tác theo dõi, rà soát và đối chiếu thanh toán công nợ để tránh bị chiếm dụng vốn, đồng thời đảm bảo khả năng thanh toán. Có như vậy mới góp phần tăng nhanh vòng quay của vốn và tăng hiệu quả sử dụng vốn.❑

Abstract:

Than Thong Nhat Co., Ltd has recenlty made efforts in financial management, revenues and expenditures balance, and achieved positive results. The company, however, needs to take synchronous measures to promote the achievements and develop sustainably.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Công ty TNHH MTV Than Thống Nhất (2013, 2014). *Báo cáo tài chính các năm 2013, 2014*

2. Lưu Thị Hương (2010). *Tài chính doanh nghiệp căn bản*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội

Mẫu số 1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Bộ môn Kế toán doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2016

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VÀ XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG NĂM 2016
(Đối với cá nhân)

Họ và tên: **NGUYỄN MINH THU**

Chức danh nghề nghiệp: VP Bộ môn

Đơn vị công tác: Bộ môn kế toán doanh nghiệp

TT	Nội dung đánh giá	Thang điểm	Tự đánh giá	Cấp quản lý trực tiếp đánh giá	Cấp có thẩm quyền đánh giá
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm, bao gồm cả nhiệm vụ đột xuất**	**0-10**	**10**		
• Hoàn thành vượt tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là: .....).		8-10	10		
2	**Đánh giá tinh thần thái độ làm việc**	**0-10**	**10**		
2.1	Lập trưởng, tư tưởng chính trị, sự chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Nhà trường; kỷ luật lao động.	0-2	**2**		
2.2	Phẩm chất đạo đức, lối sống; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp và đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	0-2	**2**		
2.3	Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật; tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được giao.	0-2	**2**		
2.4	Việc học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.	0-2	**2**		
2.5	Hiệu quả quản lý và sử dụng các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu.	0-2	**2**		
3	**Đánh giá kết quả hoạt động khoa học công nghệ, phát minh, sáng kiến...**		**2**		
3.1	Xây dựng văn bản quản lý; xây dựng đề án, dự án về công tác quản lý và hoạt động chuyên môn được áp dụng có hiệu quả *Tham gia xây dựng đề án nhận nhiệm vụ đào tạo liên thông chuyên ngành kế toán(Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3)*	0-4	2		

4	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên)**	**0-3,5**			
	Tổng:		22		

Tự phân loại đánh giá: A
Tự đề xuất danh hiệu thi đua (nếu có):.....
Tự đề xuất hình thức khen thưởng (nếu có):.....

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

NGUYỄN MINH THU

Mẫu số 3

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI SÁNG KIẾN

Họ và tên: **Nguyễn Minh Thu**
Đơn vị công tác: Bộ môn Kế toán Doanh nghiệp

STT	Nội dung sáng kiến, áp dụng công nghệ, các giải pháp trong quản lý đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, xây dựng văn bản quản lý...	Ưu điểm hoặc điểm khắc phục
1	Tham gia xây dựng đề án: Đăng ký mở ngành đào tạo liên thông trình độ từ cao đẳng Nghề lên Đại học chuyên ngành Kế toán, đã được Bộ giáo dục đào tạo phê duyệt theo quyết định số 3775/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 9 năm 2015, đã bắt đầu triển khai tuyển sinh từ tháng 8/2016	

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2016

Trưởng đơn vị

Người kê khai

Nguyễn Minh Thu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Đơn vị: Khoa Kinh tế - QTKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2016

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VÀ XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG NĂM 2016
(Đối với cá nhân)

Họ và tên: Phạm Minh Hải

Chức danh nghề nghiệp: Cán bộ giảng dạy

Đơn vị công tác: Bộ môn kế toán doanh nghiệp

TT	Nội dung đánh giá	Thang điểm	Tự đánh giá	Cấp quản lý trực tiếp đánh giá	Cấp có thẩm quyền đánh giá
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm, bao gồm cả nhiệm vụ đột xuất**	**0-10**	**10**		
• Hoàn thành vượt tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là: 395%).		8-10	10		
2	**Đánh giá tinh thần thái độ làm việc**	**0-10**	**10**		
2.1	Lập trưởng, tư tưởng chính trị, sự chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Nhà trường; kỷ luật lao động.	0-2	2		
2.2	Phẩm chất đạo đức, lối sống; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp và đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	0-2	2		
2.3	Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật; tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được giao.	0-2	2		
2.4	Việc học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.	0-2	2		
2.5	Hiệu quả quản lý và sử dụng các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu.	0-2	2		
3	**Đánh giá kết quả hoạt động khoa học công nghệ, phát minh, sáng kiến…**		**2.75**		
3.1	Giáo trình cấp Trường in lần đầu.	0-3			
3.2	Giáo trình cấp Trường in tái bản có bổ sung, sửa chữa.	0-1.5			
3.3	Sách, giáo trình in lần đầu ở nhà xuất bản.	0-4			
3.4	Sách, giáo trình in tái bản có bổ sung, sửa chữa.	0-2			

3.5	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu.	0.5			
3.6	Báo cáo khoa học cấp Quốc gia.	0-1.5			
3.7	Báo cáo khoa học cấp Quốc tế Pham Minh Hai, solutions to improve the efficiency of capital use in Tay Nam Da Mai joint stock coal company – Vinacomin, Hội thảo khoa học quốc tế về "Quản lý kinh tế trong hoạt dộng khoáng sản EMMA 2", tháng 11/2015, Hà Nội, (chủ trì)	0-3	2.25		
3.8	Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn.	0-0.5	0.5		
	Tổng:		**22.75**		

Tự phân loại đánh giá: Hoàn thành tốt nhiệm vụ A

Tự đề xuất danh hiệu thi đua (nếu có):

Tự đề xuất hình thức khen thưởng (nếu có):

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

PHẠM MINH HẢI

PROCEEDINGS OF THE 2ND INTERNATIONAL SCIENTIFIC CONFERENCE ON ECONOMIC MANAGEMENT IN MINERAL ACTIVITIES - EMMA 2015

NOVEMBER 2015, HANOI, VIET NAM

HANOI, VIETNAM, 2015

SOLUTIONS TO IMPROVE THE CAPITAL EFFICIENCY IN TAY NAM DA MAI JOINT STOCK COAL COMPANY -VINACOMIN

Pham Minh Hai, Do Thi Huong

Hanoi University of Mining and Geology

Abstract: *Recently, the use of capital in Tay Nam Da Mai Joint Stock Coal Company (Tay Nam Da Mai JSC) - Vinacomin has obtained some significant accomplishments, but the effectiveness of the use of business capital has diminished over the years. Dealing with the situation, the authors had provided some analytical methods to evaluate the indicators reflecting the capital efficiency of the company during the period 2011 – 2014.*

1. Introduction

Along with other resources, capital is not only an important resource but also the premise for enterprises to run their business. Capital is valued for the very useful functions it performs in the production of wealth. In other words, it might create a huge impact on the enterprise's growth. Therefore, effective use of capital play a core role in the production and business management. As a mining company, Tay Nam Da Mai JSC-Vinacomin has gradually achieved successes on the path of development. However, the increasing scarcity of the resource promote alternatives – such as mobilizing capital to support production and business activities, innovating in the capital management to become more rigorous and more accurate. Hence, it should be necessary to conduct analysis and evaluation of effective use of capital in order to ensure maximum efficiency in the use of capital in Tay Nam Da Mai JSC- Vinacomin.

2. Current status on the use of capital in Tay Nam Da Mai JSC - Vinacomin

With regard to assess the efficient use of capital of the company, the authors suggests some analysis consisting to short term and long term perspectives about capital of the company during the period from 2011 - 2014.

2.1. Effective use of business capital of the Company

The analysis about the efficiency use of capital is very important to assess the quality of capital,from which, to help businesses find the strengths, weaknesses and take appropriate measures to improve the capital efficiency during production and business activities. To analyze the efficiency of capital use of Tay Nam Da Mai Than JSC, the authors evaluation criteria in Table 1.

Table 1. Effective use of business capital of the company, period 2011-2014

No	Indicators	Unit	2011	2012	2013	2014	Average Index (%)
1	Net sales (revenue)	Million VND	2,018,460	1,757,970	1,701,606	2,250,339	103.69
2	(After-tax) profit	Million VND	104,341	43,556	45,403	8,902	44.02
3	(Average) capital	Million VND	760,899	1,031,669	1,595,331	1,833,860	134.07

4	(Average) equity	Million VND	149,093	196,904	217,719	232,070	115.89
5	Revenue/Capital Ratio (Overall efficiency of business capital)	VND/ VND	2.65	1.70	1.07	1.23	77.34
6	Profit/(Average) Capital Ratio	VND/ VND	0.14	0.04	0.03	0.00	32.83
7	Capital/Revenue Ratio	VND/ VND	0.38	0.59	0.94	0.81	129.30
8	Capital/Profit Ratio	VND/ VND	7.29	23.69	35.14	206.01	304.56
9	Profit/Revenue Ratio	VND/ VND	0.052	0.025	0.027	0.004	42.46
10	Profit/Equity Ratio	VND/ VND	0.700	0.221	0.209	0.038	37.99

(Source: Financial report of the Company) [2]

Overall efficiency of business capital (Revenue/Capital Ratio) indicates how much capital in production and business activities will generate sales. Respectively in 2011, 2012, 2013, 2014, with the same unit of capital that company put into production generated 2.65; 1.70; 1.07 and 1.23 in revenue, the index of average overall efficiency of business capital, from 2011 to 2014, was 77.34%. It is caused by the change in business revenue and the average capital of the company through the years. Besides, profitability indicators show a specific amount of capital can create how much profits. In recent years, profitability throughout the business capital of the company significantly reduced, although the business capital of the company is strengthening year by year but profit after taxes were severely diminished. Especially 2014, after-tax profit of the company reached only VND 8,902 million, dispite the fact that pretax profit of the company's is relatively high with VND 30,192 million, but the enterprise income tax payable of the company is VND 21,290 million. This higher taxes is explained by the fact that in 2014 the company has a cost VND of 66 billion, which is not reasonable when calculating the tax. Thus, through the evaluation criteria mentioned above, it can be concluded that, capital of the company has been still effectively used. However, effective use of business capital of the company is on the decline over time.

The capital/revenue ratio indicates to create an amount of revenue needs how much capital. Considering the specific figures shows that capital ratio of sales over the 2011, 2012, 2013, 2014 tend to rise, which suggests that the company is facing increasingly difficult challenges associated with business. Similarly, when considering business capital/profit ratio, which suggests that to generate an amount of profit, the company needs how much business capital. The figures reflect this ratio also increased over the years . This is a negative signal to the company's financial situation, thus the executives will need to find solutions to complete the efficiency of business capital of the company.

The profit/revenue ratio have dropped sharply in the recent. It means that the impact of the global economic downturn affecting the coal market. Simultaneously, the profit regulation of Vinacomin in the year 2014 limited the speed in increasing revenue profits.

However, besides the above reasons mentioned, there is a subjective cause which is the cost management. The company did not control cost well, as a result, capital is wasted, production cost increased, leading to lower profit. In conditions of market economy, saving the cost of production and management is one of the important factors to increase profitability. Therefore, the company should establish measurements to reduce costs to improve margins contributing to improving business performance and capital efficiency.

The profit/equity ratio reflects the profitability of equity and is specially interested by investors when they decided to put their capital into the company. Considering the profit/ equity ratio of the Company in the period 2011 – 2014, it shows that profit is generated from the equity is on the decline. These results demonstrate that the effectiveness of capital use by the owner in the company in recent years was low. If this ratio is not be improved, it will reduce the attractiveness of the company shares to investors, hence, part of profit for the owners is reduced. In the worse case, could affect the company's share price on the stock market. The fact that shares of the company as well as other companies of VINACOMIN are not attracted by many investors because of the low efficiency and intrinsic characteristics. Moreover, the coal company is under tight regulation and governance from the parent company (Vinacomin), leading to the lack of initiative in production and business activities.

In general, the capital use of the company in recent years is effective but the level of effectiveness is not very high.

2.2. Effective use of the company's long-term capital

The characteristics of the sector, the company's coal mining business investment demand huge fixed assets. Therefore, long-term capital and a large proportion have very important role for business and production activities of the Company. The analysis of efficiency for long-term capital has very special meaning to serve on improving efficiency of the Company for long-term capital. Based on data from the financial report, the authors identify the indicators reflecting the efficiency of the company long-term capital in table 2.

Table 2. Effective Use of the Company for long-term capital period 2011-2014

STT	Indicators	Unit	2011	2012	2013	2014	Average index (%)
1	Net Sales (Revenue)	Million VND	2,018,460	1,757,970	1,701,606	2,250,339	103.69
2	After-tax Profit	Million VND	104,341	43,556	45,403	8,902	44.02
3	Average long-term capital	Million VND	592,046	622,687	622,248	809,993	111.01
4	Revenue/Long term capital (overall efficiency of long-term capital)	VND/ VND	3.41	2.82	2.73	2.78	93.40

5	Profit/Long-term capital ratio	VND/ VND	0.18	0.07	0.07	0.01	39.65
6	Long-term capital/ Revenue ratio	VND/ VND	0.29	0.35	0.37	0.36	107.06
7	Long-term capital/ profit	VND/ VND	5.67	14.30	13.70	90.99	252.18

(Source: Financial report of the company) [2]

Overall efficiency of long-term capital in four years fluctuated at low level. In 2011, an unit of long-term capital invested in production and business activities brought a unit of revenue of 3.41; in the year 2012, 2013, and in 2014 the corresponding ratio was 2.82, 2.73 and 2.78, relatively. The volatility of overall efficiency of long-term capital showed long-term revenue and long-term capital of the company increased in the last three years but at different growth rates. Currently, the company›s sales is mainly from coal and a small part of revenue from running as service providers, the majority of revenue is generated from the use of fixed assets, which was invested in the previous year. In 2014, the company made investments in new machinery with modern technology such as hydraulic backwards excavator, trimmers, tractors, tillers, coal slurry system to service production contributed to raising the proportion of long-term capital in the business capital of the company.

The authors analyze the profitability of long-term capital. The analysis shows this ratio through the year is at low levels and volatile. The profit/long-term capital ratio increased slightly in 2013 and fell in 2014, it shows that, in 2014, the growth rate of the company's profits have not kept pace with the growth rate of long-term capital. Many objective and subjective reasons have impact in profit growth of the company over the past year. Thus, the company takes prompt measures in the management of production costs including the mining costs such as fuel, power and other expenses in order to save costs and to contribute to the profitability of the company in increasingly difficult economic conditions.

As can be seen from the table, to generate an unit of sales in 2013, the company had to spend 0.02 unit more of long-term capital compared with 2012, but in 2014 efficiency of long-term capital has increased, to create a unit of revenue, the company could save long-term capital of 0.01 unit. Similarly, when considering the long-term capital/profit ratio, the long-term capital has not been used effectively. In 2012, to generate a unit of profit, the company had to spend 14.30 unit of long-term capital. In 2013, the ratio dropped to 13.70, it means that 0.59 unit was wasted compared with that of 2012. In 2014, each unit of profit requires 90.99 units of long-term capital or the company needs to spend 77.29 unit more than that of 2013.

Thus, the analysis shows that effective use of long-term capital in recent years has not improved fully. In 2013, the efficiency is improved compared to 2012, but fell sharply in 2014. Although over the years, the company has focused on increased investment in fixed assets for the mining activities but effective use of fixed assets is not high. It leads to the efficacy of long-term capital is still low, which affected the efficiency of business capital of the company. Howerver, the coal mining efficiency of long-term capital firms is generally low due to the characteristics of the sector, which needed to invest in large fixed assets.

2.3. Effective use of short-term capital of the company

In the field of mining sector, short-term capital accounted for only small percentage of the total business capital, but this is an indispensable part of capital for production and business activities of the company. Effective use of short-term loans of the company are reflected in Table 3.

Table 3. Effective use of short-term loans of the Company during the period of 2012-2014

No	Indicators	Unit	2011	2012	2013	2014	Average Index (%)
1	Net Sales (Revenue)	Million VND	2,018,460	1,757,970	1,701,606	2,250,339	103.69
2	(After-tax) Profit	Million VND	104.341	43.556	45.403	8.902	44,02
3	Average short-term capital	Million VND	168,853	408,981	973,083	1,023,867	182.35
4	Revenue/Short-term capital (overall efficiency of short-term capital)	VND/ VND	11,95	4,30	1,75	2,20	56,86
5	Profit/ Short-term capital Ratio	VND/ VND	0,62	0,11	0,05	0,01	24,14
6	Short-term capital/ Revenue Ratio	VND/ VND	0,08	0,23	0,57	0,45	175,86
7	Short-term capital/ Profit	VND/ VND	1,62	9,39	21,43	115,02	414,23
8	Turnover rates	Number	11,95	4,30	1,75	2,20	56,86
9	Length of 1 turnover	Days	30,12	83,75	205,87	163,79	175,86
10	Amount of short-term capital saving (relative)	Million VND		261.919	577.215	-263.016	

(Source: Financial report of the company) [2]

As can be seen from the table above, the overall efficiency of short-term capital over the years tended to decline, the average in the period was 56.86%. During this period, the growth rate of revenue is slower than the growth rate of the average short-term capital. The profit/short-term capital ratio of the company in the period was 24.14%. It shows the effective use of short-term capital of the company was not good. The reason is that besides reduced after-tax profit, the company did not do well in the process of debt collection and there were too many unsold goods. Accounts receivable and inventory of the company has always occupied a very large proportion of short-term capital.

The turnover of short-term capital reduce over the time and the length of one turnover increased. It is clearer that the problem associated with using short-term capital was more apparent. It is specially true in 2013, the length of one turnover was 205.87 days. By analyzing the efficiency of short-term capital of Tay Nam Da Mai JSC over the years from

2011 – 2014. It shows that the company had many attempts to improve efficiency of using short-term capital in recent years, however short-term was not really used effectively.

3. Solutions to enhance efficiency of capital use of the company in the coming period

Based on the analysis of efficiency of capital use and development orientation of the company, to improve the efficiency of capital, the company needs to implement some following solutions:

Solution 1: Constructing the contracting mechanisms to manage and save production costs

Recently, objective reasons such as the volatility of the price of materials and mining conditions, mining technology and that formulation of cost norms does not reflect the increase in costs. It led to the actual production costs of the company per tonne of coal produced was higher that cost norm of Vinacomin. It is, thereby, reducing the profitability of the company. This is why effective use of business capital is not high. The company has assigned cost norm to each workplace. However, due to increasingly difficult mining supply and the increased cost of transport led to increased production costs. The fuel costs account for about 20% of the production costs and the cost for spare parts for machinery and equipment increased greatly. Moreover, these materials is more vulnerable to fraud, loss and waste.

In the coming years, based on actual production, the company needs to develop a systems of cost norm for each stage of mining. It aslo needs to improve and standardize the system of economic-technical norm. Apart from assigning the cost of workplace, it is necessary to manage and encourage all employees save cost or assigned them with cost norm.

Solution 2: Strengthening management and improving efficiency of long-term capital

Long-term capital of Tay Nam Da Mai JSC, lies in the means of transport, transmission equipment and machinery like cars, coal transporting system, , hydraulic excavator, trimmers, tractors, cultivators, ... Most modern machinery has to be imported, spare parts hard to find on the local market. The capability of worker who repair the machines are limited, has not yet mastered the equipment. It have affected the operational capacity. Thus, To improve the efficiency of capital use, the company must first maintain the production capacity of machinery.

During use of machines, the company shall keeps books to monitor fixed assets in each workplace, conducted site to strictly monitor the use of fixed assets, to know the status of each asset by timely measuring to make the most efficient use of assets and avoid wasted capacity. The company can assign each worker to manage fixed assets so that each user can be more aware of the management and use of fixed assets. Companies can constantly open short training courses for workers to teach how to use machines to increase their knowledge and skills, maximizing the use of fixed assets in order to improve productivity and drag long life of fixed assets. Annually, the company should plan appropriate material reserves, signed contracts for the supply of spare parts, avoiding no replacement parts or forced price by exclusive suppliers.

olution 3: Focus on the management of materials and receivables to improve the se of short-term capital

ecent period, the short-term capital sometimes faces temporary shortages, thereby, manufacturing operations and short-term solvency of the company. The reason is panies do not pay attention to the work of identifying short-term capital needs. The reasonable identification of short-term capital needs in each period will help the to plan to supply short-term capital promptly, to avoid short-term capital deficiency, ight disrupt production and business processes. Due to special characteristics of the ing industry, the company should reserve materials for the production such as spare drilling machines, excavators, cars standing, motorcars, ... and fuel. The company port these kinds of spare parts of modern machinery and the price of materials is ed by many factors, which always fluctuate. Therefore, to be able to proactively materials, the company should sign the contract with suppliers to ensure continuity ial supplies for production to avoid interrupt production to increase efficiency of n capital.

th regard to management of accounts receivable, the payment mechanism of the with other companies under control by Vinacomin today leads to the fact that s ocupied by one another is common. So, the receivable account takes up a high on of short-term capital. Thus, when signing sales contract, the company should ct rules about payment method and at the same time, often do well the work of ng, review and reconciliation of debt settlement to avoid being occupied capital and olvency. Doing so can contribute to capital turnover and improve the efficiency of se.

Conclusions

ecently, Tay Nam Da Mai JSC - Vinacomin has achieved considerable success nction and business activities, making great progress in terms of both quality and With great potential, the company can fully assert itself on the path of development. nt years, the capital efficiency of the company has gradually improved and is constantly ng. However, there are still some limitations due to both objective and subjective hat the company should consider to take timely measures to improve the efficiency se of capital.

REFERENCES

Dr Nguyen Van Cong (2005), a monograph on the financial statements and creat, read, examine and analyze financial statements, "Finance" Publisher, Hanoi

The financial statements of Tay Nam Da Mai JSC Vinacomin in 4 years: 2011, 2012, 013, 2014

Mẫu số 1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Bộ môn Kế toán Doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VÀ XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG NĂM 2016

(Đối với cá nhân)

Họ và tên: Phạm Thu Hương

Chức danh nghề nghiệp: Cán bộ giảng dạy

Đơn vị công tác: Bộ môn Kế toán Doanh nghiệp

TT	Nội dung đánh giá *(Đọc kĩ phần Lưu ý ở cuối bảng để kê khai chính xác)*	Thang điểm	Tự đánh giá	Cấp quản lý trực tiếp đánh giá	Cấp có thẩm quyền đánh giá
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm, bao gồm cả nhiệm vụ đột xuất**	**0-10**	**10**		
• Hoàn thành vượt tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là: 959.9 tiết).		8-10	10		
• Hoàn thành 100% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ với chất lượng tốt.		6-8			
• Hoàn thành 70 đến dưới 100% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ với chất lượng khá trở lên.		4-6			
• Hoàn thành 50 đến dưới 70% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ.		1-4			
• Hoàn thành dưới 50% nghĩa vụ được giao hoặc để xảy ra vụ việc gây hậu quả đến mức bị xử lý kỷ luật với hình thức cảnh cáo trở lên.		0			
2	**Đánh giá tinh thần thái độ làm việc**	**0-10**	**10**		
2.1	Lập trường, tư tưởng chính trị, sự chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Nhà trường; kỷ luật lao động.	0-2	**2**		
2.2	Phẩm chất đạo đức, lối sống; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp và đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	0-2	**2**		
2.3	Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật; tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được giao.	0-2	**2**		

2.4	Việc học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.	0-2	**2**		
2.5	Hiệu quả quản lý và sử dụng các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu.	0-2	**2**		
3	**Đánh giá kết quả hoạt động khoa học công nghệ, phát minh, sáng kiến...**				
3.1	Giáo trình cấp Trường in lần đầu.	0-3			
3.2	Giáo trình cấp Trường in tái bản có bổ sung, sửa chữa.	0-1.5			
3.3	Sách, giáo trình in lần đầu ở nhà xuất bản.	0-4			
3.4	Sách, giáo trình in tái bản có bổ sung, sửa chữa.	0-2			
3.5	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu.	0.5	0.5		
3.6	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, thi Olympic đạt giải Nhất, Nhì, Ba cấp Trường.	1			
3.7	Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải Nhất, Nhì, Ba, khuyến khích cấp Quốc gia hoặc đạt giải Tài năng trẻ.	2			
3.8	Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố.	1			
3.9	Đề tài cấp cơ sở đã được nghiệm thu đúng thời hạn. *Tham gia: đề tài cấp cơ sở Nghiên cứu hoàn thiện giao khoán chi phí trung tu trong doanh nghiệp khai thác than thuộc Tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt nam*	0-2	**0.25** 0.25		
3.10	Đề tài, dự án sản xuất thử cấp Bộ, Tỉnh, Thành phố đã được nghiệm thu theo tiến độ (được tính điểm cho tối đa 2 năm).	0-3			
3.11	Đề tài cấp Nhà nước đã được nghiệm thu theo tiến độ (được tính điểm cho tối đa 3 năm).	0-6			
3.12	Hợp đồng, đề tài NCKH phục vụ sản xuất ký về các Công ty, Trung tâm của Nhà trường đã nghiệm thu, thanh lý (được tính điểm cho 1 năm và theo giá trị hợp đồng).	(0-3)/ tỷ đồng			
3.13	Báo cáo khoa học cấp Trường và tương đương.	0-1			
3.14	Báo cáo khoa học cấp Quốc gia.	0-1.5			
3.15	Báo cáo khoa học cấp Quốc tế. Chủ trì bài báo tại hội nghị quốc tế EMMA 2	0-3	3		
3.16	Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn.	0-0.5			
3.17	Bài báo khoa học tiếng Việt ở Tạp chí khoa học trong nước.	0-2			
3.18	Bài báo khoa học tiếng nước ngoài ở Tạp chí khoa học trong nước.	0-2.5			
3.19	Bài báo khoa học tiếng nước ngoài ở Tạp chí khoa học nước ngoài.	0-3.5			
3.20	Bài báo khoa học ở tạp chí ISI và Scopus.	0-5			
3.21	Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong công việc và công tác có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-1			

3.22	Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy và công tác có hiệu quả được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận và đánh giá (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-0.5			
3.23	Sáng tạo ra các công nghệ, phương pháp góp phần nâng cao năng suất lao động, hiệu quả công việc (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-5			
3.24	Có giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3)..	0-4			
3.25	Xây dựng văn bản quản lý; xây dựng đề án, dự án về công tác quản lý và hoạt động chuyên môn được áp dụng có hiệu quả (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-4			
4	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên)**	**0-3,5**			
4.1	Mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý.	0-2,5			
a)	Hoàn thành vượt tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là: .....); không có cá nhân bị xếp loại đánh giá ở mức C.	1,5-2,5			
b)	Hoàn thành từ 70 đến 100% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ với chất lượng tốt; không có cá nhân bị xếp loại đánh giá ở mức C.	1-1,5			
c)	Hoàn thành dưới 70% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ; hoặc có cá nhân bị xếp loại đánh giá ở mức C hoặc để xảy ra vụ việc gây hậu quả đến mức bị xử lý kỷ luật với hình thức cảnh cáo trở lên.	0			
4.2	Có uy tín, đơn vị đoàn kết.	0-1			
	Tổng:		23.75		

Tự phân loại đánh giá: A

Tự đề xuất danh hiệu thi đua (nếu có): .....

Tự đề xuất hình thức khen thưởng (nếu có): .....

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

C. Hudry

PROCEEDINGS OF THE 2ND INTERNATIONAL SCIENTIFIC CONFERENCE ON ECONOMIC MANAGEMENT IN MINERAL ACTIVITIES - EMMA 2015

NOVEMBER 2015, HANOI, VIET NAM

ECONOMIC MANAGEMENT IN MINERAL ACTIVITIES

HANOI, VIETNAM, 2015

CONTENTS

PREFACE 7

PROGRAM 8

ENVIRONMENTAL PROTECTION AND SUSTAINABLE DEVELOPMENT 11

SUCCESSFUL TRANSFER OF CULTURE OF PREVENTION IN THE COAL MINING FROM GERMANY TO VIETNAM 13
Nguyen Thi Hoai Nga, Jürgen Kretschmann

ELEMENTS AND ASPECTS OF POST-MINING 18
Karl Kleineberg

MINE CLOSURE – AN IMPORTANT ENVIRONMENTAL AND ECONOMIC TASK IN VIETNAMESE MINING INDUSTRY 29
Katrin Broemme, Sandra Greassidis, Christian Jolk, Harro Stolpe

ENVIRONMENTAL IMPACT ASSESSMENT IN MINING INDUSTRY: A COMPARATIVE STUDY OF THAILAND, MYANMAR AND VIETNAM 37
Pham Kien Trung, Pirat Jaroonpattanapong

ORIENTATION IN GREEN GROWTH OF THE VIETNAMESE MINING INDUSTRY 47
Pham Kien Trung, Phan Thi Thuy Linh, Le Van Chien

SOLUTIONS TO PROMOTE MANAGEMENT OF ENVIRONMENTAL INCIDENTS PREVENTION AND TROUBLESHOOTING IN EXPLORATION - EXPLOITATION OF PETROLEUM IN PETRO VIETNAM 55
Nguyen Duc Thanh

THE CURRENT ENVIRONMENTAL SITUATION IN MINERAL MINING IN NGHE AN PROVINCE 63
Hoang Quoc Viet

SHORTCOMINGS IN IMPLEMENTING REGULATIONS OF ENVIRONMENTAL PROTECTION FEES FROM PERSPECTIVES OF MINING ENTERPRISES 68
Nguyen Thi Kim Ngan

SUSTAINABLE DEVELOPMENT OF VIETNAM'S COAL INDUSTRY IN THE CONTEXT OF INTERNATIONAL ECONOMIC INTEGRATION 74
Phuong Huu Tung, Vu Thi Thanh Huyen

SUSTAINABLE DEVELOPMENT IN THE COAL MINING INDUSTRY: GERMAN EXPERIENCE AND LESSONS FOR VIETNAM 81
Le Dinh Chieu

ENERGY SECURITY IN CHINA, FINDING FOR CLEANER COAL FOR SUSTAINABLE ECONOMIC GROWTH IN CHINA AND LESSONS FOR VIETNAM 89
Kim Manh Tuan, Vu Ngoc Thinh

A QUALITY EVALUATION METHOD OF ENVIRONMENTAL MANAGEMENT IN THE COAL MINING ACTIVITIES IN COMPANIES OF VIETNAM NATIONAL COAL - MINERAL INDUSTRIES CORPORATION (VINACOMIN) 96
Le Van Chien, Nguyen Ngoc Khanh, Pham Kien Trung

PRODUCTION MANAGEMENT 105

E-COMMERCE APPLICATION IN THE SUPPLY CHAIN OF PETROVIETNAM (PVN) 107
Phi Manh Cuong, Vu Diep Anh

IMPROVING MANAGEMENT INFORMATION SYSTEMS OF MINERAL MINING COMPANY 112
Nguyen Thi Bich Ngoc, Phan Huu Nghi, Pham Thi Nguyet

SELECTING THE APPROPRIATE TECHNOLOGICAL UPGRADING METHODS FOR COAL MINING COMPANIES 118
Nguyen Thi Mo, Dang Huy Thai, Do Thao Diu

ELEBORATION OF NORMS TO EVALUATE THE UTILIZATION OF PRODUCTION CAPACITY IN OPENCAST COAL MINING COMPANIES 128
Nguyen Van Thuong, Nguyen Thi Huong

ADVANTAGES AND DISADVANTAGES IN THE APPLICATION OF ENTERPRISE RESOURCE PLANNING TO THE COAL MINING ENTERPRISES OF VIETNAM NATIONAL COAL – MINERAL INDUSTRIES CORPORATION IN CURRENT PERIOD 129
Pham Thi Hong Hanh, Phan Minh Quang

HUMAN RESOURCE MANAGEMENT 137

IMPROVEMENT OF INTERNATIONLIZATION OF HUMAN RESOURCE TRAINING IN VIETNAM'S COAL INDUSTRY IN THE CONTEXT OF INTERNATIONAL ECONOMIC INTEGRATION 139
Phuong Huu Tung

ASSESSMENT OF IMPACT LEVEL OF MOTIVATION FACTORS FOR WORKERS IN DONG BAC CORPORATION – MINISTRY OF NATIONAL DEFENSE 148
Nguyen Duc Thang, Nguyen Thi Huong

MEASURING JOB SATISFACTION OF EMPLOYEES WORKING ON VIETNAM OFFSHORE OIL-RIGS 158
Nguyen Thanh Thuy

STUDY THE MODEL OF VENDOR MANAGED INVENTORY TO IMPROVE EFFECTIVENESS OF COAL SUPPLY CHAIN OF VIETNAM NATIONAL COAL – MINERAL INDUSTRY HOLDING CORPORATION LIMITED 166
Nguyen Thi Huong, Nguyen Duc Thang, Nguyen Van Thuong

FINANCIAL MANAGEMENT 175

SOLUTIONS TO IMPROVE THE CAPITAL EFFICIENCY IN TAY NAM DA MAI JOINT STOCK COAL COMPANY - VINACOMIN 177
Pham Minh Hai, Do Thi Huong

THE STATUS QUO OF FINANCIAL POLICIES IN MINERAL SECTOR, RESOLUTION FOR RATIONAL USE OF NATURAL MINERAL RESOURCES 184
Le Ai Thu, Nguyen Quoc Dinh

ESTABLISHING RESEARCH MODEL FOR FINANCIAL FACTORS INFLUENCING ENTERPRISE PERFORMANCE OF MINING CORPORATIONS IN VIETNAM. 192
Pham Thu Huong

FINANCIAL SUSTAINABILITY: AN APPRAISAL FOR VIETNAM NATIONAL COAL -MINERAL INDUSTRIES COPORATION 197
Phi Thi Kim Thu, Phi Quang Hai

COMPLETE COST ALLOCATION OF OVERHAUL TO COAL- MINING ENTERPRISES UNDER VIETNAM NATIONAL COAL -MINERAL INDUSTRIES COPORATION 204
Bui Thi Thu Thuy, Nguyen Van Hung

ENHANCING THE COST MANAGEMENT FOR VIETNAM NATIONAL COAL - MINERAL INDUSTRIES HOLDING CORPORATION LIMITED - VINACOMIN 209
Nguyen Van Buoi, Nguyen Tien Hung

PRACTICAL ISSUES IN COST MANAGEMENT OF OPENCAST MINING ENTERPRISES IN CAM PHA REGION 217
Nguyen Duy Lac, Nguyen Thuc Anh

SOME ISSUES ABOUT PRODUCTION COST ADMINISTRATION IN CAO SON COAL JOINT STOCK COMPANY 225
Nguyen Thi Bich Phuong

ESTABLISHING RESEARCH MODEL FOR FINANCIAL FACTOR INFLUENCING ENTERPRISE PERFORMANCE OF MINING CORPORATIONS IN VIETNAM

Pham Thu Huong

Hanoi University of Mining and Geology

Abstract: Identifying and evaluating financial factors' impact on enterprise performance is a crit subject, drawing significant attention of both enterprise management officials and scientific researche article, a research model using SPSS 11.5 is to be established for data processing. As per research outp variables taken into account (debt proportion - TDTA/TDTE/STDTA/LTDTA, enterprise size - SIZE, total as growth rate - GROWTH, tangible asset contribution - TANG), debt proportion (TDTA/TDTE/STDTA) is the fac that is measured by ROA. This factor is in inverse relation to enterprise performance.

1. Introduction

Enterprise performance is an inherent issue of socio-economic structure. Every enti involved needs to prioritize productivity as well as work efficiency and quality. An effecti enterprise is the one that manages to meet the society's demands for goods and services the best of its capacity and within its own limits of available resources, achieving the highe profitability, bringing about highest socio-economic productivity. In another word, the mai purpose of doing business is to gain profits. Profit is short-term, as well as long term an regular target of any business activities.

There are many factors that have impacts on an enterprise's performance. Thes factors may root from external environment, such as economic, politic, social environmen or government's policies and regulations, or come from the enterprise itself, such a financial capability, fund raising and the use of capital, technology and human resources and management style... Enterprises of different business nature will be affected by differen factors. This article is to provide the assessment of the impacts of financial factors on natural fuel mining enterprises' performance. Research's model and theory are developed based on the philosophy of mining enterprises' activities and characteristics, business performance index and financial factors that have impacts on enterprises' performance.

2. Mining enterprises' performance index

Mining enterprises' performance is often assessed by following indexes:

*** Net profit = Total revenue - Total costs- Corporate Income Tax**

This index indicates a profit's absolute efficiency, referring to the gap between the outcome and the input costs, which is the actual amount of money that an enterprise can gain after a specific period of doing business.

Nevertheless, the most critical drawback of this index is that it is very difficult to compare business performance among enterprises of the same industry. For instance, big mining corporations (with huge total assets and source of funds) obviously generate more profits than smaller enterprises. However, this does not mean that big enterprises are more efficient than smaller ones in terms of manufacturing and trading activities.

Hence, absolute performance index does not reflect the ability to optimize input costs. To avoid such setback, other performance indexes are recommended to be taken into account:

*** ROE = Net profit / Average Equity.**

This index reflects the amount of profit earned per equity unit invested into business activities. This is a popular index, owing to its simplicity, understandability and convenience in comparing enterprises of the same industry but with different scale, or enterprises of different industries, or different investment activities, such as saving, real estate, stoke, gold, foreign currency, projects... As a result, this index assists investors in making decision in a very quick manner.

However, the most significant weakness of ROE index is that it can be distorted easily by the financial strategy of management board. For example, managers can anticipate the reasons for profit being affected and declining; therefore, enterprises will increase investment into liabilities or spend cash savings purchasing stokes. By doing so, enterprise's ROE will be remarkably improved.

*** ROA = Net profit / Average Total assets.**

This index reflects the amount of profits gained per asset unit invested into business activities. This is an effective means of measurement that can avoid distortion caused by the financial strategy of management board. ROA takes into account total assets used to support business operations.

This index determines whether an enterprise can create a net profit that is big enough in comparison with its assets.

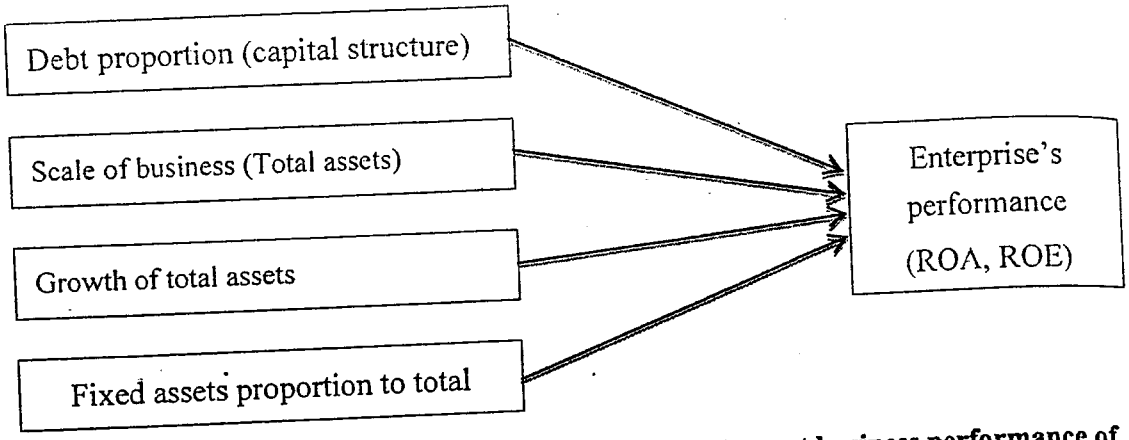
3. Establishing research model on financial factors that impact business performance of mining enterprises.

The current situation of mining enterprises has proved that besides objective factors that affect the performance of mining enterprise, such as economic environment, inflation or exchange rate, other subjective factors that come from enterprises themselves, such as funding methods and funds utilization, decision on liability rate, enterprise scope, investment into tangible assets and technology, also matter. In this article, only subjective factors are to be taken into account, i.e. financial factors that influence the performance of mining enterprises, including liability rate, corporate scale, corporate growth rate and total assets contribution.

As mentioned above, respective performance index has eradicated the most critical setback of absolute performance index, i.e. this index is very convenient for making comparison operation performance among mining enterprises of varied scale/ characteristics. As a result, the index used in this research to assess mining enterprises' operating performance are ROA and ROE.

Several researches has been conducted by Wei Xu, Margaritis & Psillaki, Zeitun & Tian, Onaolapo & Kajola to measure in terms of finance and market the relation between operating performance and other factors such as liability rate, corporate scale, growth rate and total assets, tangible assets contribution, ownership rate, business nature, crisis factors... These researches have proved that such factors have impacts on corporate operating performance, each factor may encounter different levels of influence, either positive or negative.

According to theoretic basics and relevant research outcomes, the following research model is proposed:



Exhibition 1. Research model on financial factors that impact business performance of mining enterprises

3.1. Variables' description

The variables used in the model are depicted in details in the table below:

Type	Code	Name	Calculation	Relation to dependent variable
Dependent variable	ROA	Return on assets	= Net profit / Average Total assets [Average Total assets = (The beginning total assets + The ending total assets)/2	
Dependent variable	ROE	Return on Equity	= Net profit / Average Equity [Average Equity = (The beginning Equity + The ending Equity)/2	
Independent variable	TDTA (D)	Debt to Assets Ratio	= Total Liabilities / Total Assets	Low TDTA: + High TDTA: -
Independent variable	TDTE (D)	Debt to Equity Ratio	= Total Liabilities / Total Equity	Low TDTE: + High TDTE: -
Independent variable	STDTA (D)	Short-term debt to Total assets	= Total Short-term debt/Total Assets	Low STDTA: + High STDTA: -
Independent variable	LTDTA (D)	Long-term debt to Total assets	= Total Long-term debt/Total Assets	Low LTDTA: + High LTDTA: -

Type	Code	Name	Calculation	Relation to dependent variable
Independent variable	SIZE	Scale of enterprise	= Total ending assets	+
Independent variable	GROWTH	Growth of enterprise	= (Total ending assets - Total beginning assets) / Total beginning assets	+
Independent variable	TANG	Fixed Assets proportion	= Fixed assets / Total Assets	+

Exhibition 2. Variables' description

The research model built is a multiple regression one, dependent variable is business efficiency represented by ROA, ROE; independent variables include debt proportion, scale of business, growth of total assets and fixed assets proportion; in particular, debt proportion variable is represented by some ratios, namely debt to assets ratio, debt to equity ratio, short-term debt to total assets, long-term debt to total assets.

3.2. Establish module's algorithm

This model is established to demonstrate financial factors that influence operating performance, which is referred to as regression model. This model can be either linear or nonlinear. This is one of the basic factors of great importance to research outputs. Nevertheless, there is no comprehensive theoretical standards that can define the type of regression model being used. Type of regression model is a practical matter. According to experimental research outcomes conducted by scientists worldwide about liability rate and other financial factors influencing operating performance, this relation can exist in the form of linear or level-2 or level-3 non-linear regression model. In this research, since regression model to be used is unknown, a general regression algorithm will be used for each performance index, as below:

ROA = f (D, SIZE, GROWTH, TANG)

ROE = f (D, SIZE, GROWTH, TANG)

The independent D variable stands for liability rate and will be replaced by TDTA, TDTE, STDTA, LTDTA respectively when running the model.

The method used to estimate parameters in the model is ordinary least squares - OLS. From econometric viewpoint, the movement of economic variables (dependent variables) is influenced by two factors: systematically influential variables and arbitrate unsystematic variables, which are also known as error. When using sample's data to estimate parameters in econometric model, random error (residual) is represented by residuals in sample regression model. The little residuals are, the more exact estimations would be. Therefore, estimation standards for OLS method is based on total square of minimum residuals.

4. Conclusion and suggestion

Vietnam is a country quite rich in mineral resources in Southeast Asia. Although exploitation of mineral in Vietnam is conducted with a low level, it plays an important role in

social – economic development of the country, which speeds up the process of industrialization and modernization and the growth of national economy. However, in fact, it's quite popular that exploiting minerals has been taking place in small scale in almost provinces in the whole country, especially focusing on minerals used for construction. This makes natural resources wasteful and exhausted; in turn, it leads to the waste and the decrease in business efficiency of enterprises. Research model on financial factors that impact business performance of mining enterprises in Vietnam also works on financial theories and model on financial factors that impact business performance of mining enterprises in developed countries.

In conclusion, some suggestions are proposed in order to improve capital structure of mining enterprises in the direction of reducing bank's short term credit fund, increasing mid term and long term capital mobilization channels by issuing shares, bonds, capital from investment funds to support for performance and cash flow of mining enterprises. In addition, a few requests are made to government so that mining enterprises can be facilitated on their business, such as stabilizing macroeconomy, developing bond market and stock market in Vietnam.

REFERENCES

[1] Hoang Trong, Chu Nguyen Mong Ngoc, *Data analysis in SPSS,* Hong Duc Press, 2008.

[2] Nguyen Trong Hoai, Phung Thanh Binh, Nguyen Khanh Duy, *Forecasting and analysing data on economy and finance, Statistical Publishing House,* Ho Chi Minh City, 2009.

[3] PhD. Nguyen Minh Kieu, *Basic enterprise finance, Statistical Publishing House,* Ho Chi Minh City, 2009.

[4] PhD. Nguyen Quang Dong, *Advanced Econometrics, Science and Technology Press,* Hanoi, 2002.

[5] Pham Tri Cao, Vu Minh Chau, *Applied Econometrics, Statistical Publishing House,* Ho Chi Minh City, 2009.

[6] Ministry of Planning and Investment (2009), *Vietnam industrial development in the period from 2010 to 2020,* Truth Publishing House.

Mẫu số 1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Đơn vị: Bộ môn kế toán doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2016

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VÀ XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG NĂM 20.....
(Đối với cá nhân)

Họ và tên: Dương Thị Nhàn

Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên

Đơn vị công tác: Bộ môn kế toán doanh nghiệp

TT	Nội dung đánh giá *(Đọc kĩ phần Lưu ý ở cuối bảng để kê khai chính xác)*	Thang điểm	Tự đánh giá	Cấp quản lý trực tiếp đánh giá	Cấp có thẩm quyền đánh giá
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm, bao gồm cả nhiệm vụ đột xuất**	**0-10**	**10**		
• Hoàn thành vượt tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là: 856 giờ).		8-10	10		
2	**Đánh giá tinh thần thái độ làm việc**	**0-10**	**10**		
2.1	Lập trưởng, tư tưởng chính trị, sự chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Nhà trường; kỷ luật lao động.	0-2	**2**		
2.2	Phẩm chất đạo đức, lối sống; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp và đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	0-2	**2**		
2.3	Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật; tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được giao.	0-2	**2**		
2.4	Việc học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.	0-2	**2**		
2.5	Hiệu quả quản lý và sử dụng các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu.	0-2	**2**		
3	**Đánh giá kết quả hoạt động khoa học công nghệ, phát minh, sáng kiến…**		**2.7**		
3.1	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu. "***"Giải pháp phát triển dịch vụ tín dụng đối với học sinh sinh viên tại Phòng Giao Dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh"***	0.5	0.5		

3.2	Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn. **"Một số điểm mới về quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định của thông tư 45/2013/TT-BTC"**	0-0.5	0.5		
3.3	Bài báo khoa học tiếng Việt ở Tạp chí khoa học trong nước.**ThS. Lê Thị Thu Hồng; ThS. Dương Thị Nhàn; ThS. Nguyễn Thị Huyền Trang. "Nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý an toàn trong khai thác than Việt Nam"**	0-2	0.7		
3.4	Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong công việc và công tác có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-1	1		
	Tổng:		22.7		

Lưu ý:

➢ Để đảm bảo ngắn gọn, dễ theo dõi, các cá nhân chỉ kê khai các mục mà mình có điểm (các mục không có điểm thì xóa đi).

➢ Khi kê khai các thành tích ở mục 3 (từ 3.1 đến 3.25), cần ghi rõ chủ trì hay tham gia và ghi đầy đủ **tên các tác giả; tên công trình** (*sách, giáo trình, đề tài, bài báo, báo cáo, sáng kiến, giải pháp, văn bản xây dựng...*); **thời gian và địa điểm thực hiện** (*xuất bản, nghiệm thu, ban hành, ứng dụng...)*; **nơi thực hiện.**

➢ Nếu phân biệt được chủ trì hay tham gia thì chủ trì được một nửa số điểm, số điểm còn lại chia đều cho các thành viên (tính cả thành viên chủ trì). Nếu không phân biệt được thì số điểm được chia đều cho các thành viên tham gia thực hiện.

➢ Các cá nhân và Trưởng các đơn vị phải chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin trên và kết quả đánh giá, thẩm định. Trong trường hợp cần thiết, đơn vị chức năng sẽ yêu cầu guuyiải trình và minh chứng bổ sung.

➢ **Các mức phân loại đánh giá:**

- A^+(Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ): đạt từ 24 điểm trở lên.
- A (Hoàn thành tốt nhiệm vụ): đạt từ 22 điểm trở lên.
- B^+(Hoàn thành nhiệm vụ): đạt từ 20 điểm trở lên.
- B (Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực): đạt từ 15 điểm trở lên.
- C (Chưa hoàn thành nhiệm vụ): dưới 15 điểm.

Tự phân loại đánh giá: A (Hoàn thành tốt nhiệm vụ)

Tự đề xuất danh hiệu thi đua (nếu có): Lao động tiên tiến

Tự đề xuất hình thức khen thưởng (nếu có):.....

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Dương Thị Nhàn

Nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý an toàn trong khai thác than Việt Nam

ThS. LÊ THỊ THU HỒNG; ThS. DƯƠNG THỊ NHÀN; ThS. NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG

Trường Đại học Mỏ - Địa Chất

Khai thác mỏ là một ngành lao động đặc thù, được xếp loại lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Hầu hết các mỏ có kiến tạo phức tạp, công nghệ lạc hậu, lao động thủ công là chủ yếu, điều kiện lao động khắc nghiệt. Vấn đề an toàn lao động, sức khỏe người lao động và những quyền lợi chính đáng của người lao động luôn là vấn đề nan giải và được chú ý. Nghiên cứu thực trạng hệ thống tổ chức quản lý công tác an toàn, đề xuất các nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý an toàn trong khai thác mỏ là một nội dung cấp thiết hiện nay.

1. Hệ thống quản lý nhà nước

Hệ thống quản lý an toàn đã được tổ chức theo ngành dọc từ các cơ quan quản lý nhà nước (Chính phủ, Bộ, Ngành) các cấp tới các đơn vị khai thác than. Chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, cá nhân được quy định rõ ràng bằng văn bản. Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại như sau:

a. Phòng Thanh tra An toàn thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh nơi có các mỏ than hoạt động trên địa bàn (Quảng Ninh, Thái Nguyên) còn mỏng, chưa sâu sát trong vai trò quản lý nhà nước về an toàn tại địa phương. Công tác thanh tra, kiểm tra an toàn còn rất hạn chế. Lực lượng thanh tra của Sở thường chỉ có mặt khi có các vụ tai nạn nghiêm trọng hoặc khi phải chỉ đạo công tác điều tra tai nạn lao động.

b. Cục An toàn lao động thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội chưa thể hiện rõ vai trò quản lý nhà nước về công tác an toàn đối với các công ty mỏ, đặc biệt là đối với các mỏ khai thác than hầm lò.

c. Nhân lực làm công tác quản lý an toàn tại Cục Kỹ thuật An toàn và Môi trường Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương còn mỏng, chưa có cán bộ chuyên trách theo dõi riêng mảng an toàn tại các mỏ than. Tần xuất thanh kiểm tra công tác kỹ thuật an toàn tại các mỏ than còn rất ít. Hiện tại công tác thanh kiểm tra thực hiện theo tần xuất : 02 năm/ lần (thực hiện theo Đoàn liên bộ, gồm Bộ Lao động thương binh xã hội và Bộ Công thương). Chưa có hệ thống tổ chức, đào tạo, kiểm tra, sát hạch, chuẩn hóa các chức danh làm công tác an toàn.

d. Nhân lực làm công tác thanh tra, an toàn thuộc các doanh nghiệp khai thác than còn ít, chủ yếu làm công tác quản lý. Tần suất thanh tra, kiểm tra tại hiện trường còn ít, Công tác giáo dục đạo tạo kỹ năng, kỹ thuật trong công tác quản lý an toàn còn mang nặng tính hình thức.

2. Hệ thống quản lý cấp tập đoàn (doanh nghiệp)

2.1. Giới thiệu hệ thống tổ chức

Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin): Là tập đoàn khai thác các mỏ than và khoáng sản. Chịu trách nhiệm trước các cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động trong các đơn vị khai thác than thuộc Tập đoàn.

Tổng Giám đốc: Tổng giám đốc là đại diện pháp nhân của Tập đoàn và chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị, thủ tướng chính phủ và trước pháp luật về điều hành hoạt động mọi mặt của Tập đoàn.

Phó Tổng Giám đốc phụ trách công tác an toàn: Là người chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về việc quản lý chỉ đạo và triển khai thực hiện các chế độ, chính sách của nhà nước trong lĩnh vực AT – BHLĐ. Có trách nhiệm tham mưu cho Tổng giám đốc Tập đoàn các vấn đề về An toàn và bảo hộ lao động. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công, tổ chức các đoàn thanh tra của Tập đoàn tại các đơn vị khai thác than...

Chánh Thanh tra kỹ thuật an toàn: Là người chịu trách nhiệm trước Phó TGĐ về việc quản lý chỉ đạo và triển khai thực hiện các chế độ, chính sách của nhà nước trong

lĩnh vực an toàn - BHLĐ. Có trách nhiệm tham mưu các vấn đề về An toàn và bảo hộ lao động. Tổ chức các đoàn thanh tra của Tập đoàn tại các đơn vị khai thác than.

Ban An toàn: Ban kỹ thuật AT-BHLĐ thuộc Tập đoàn, có trách nhiệm tham mưu cho Tổng giám đốc các vấn đề về An toàn và bảo hộ lao động. Phối hợp với Chánh thanh tra mỏ tổ chức các đoàn thanh tra của Tập đoàn tại các đơn vị khai thác than. Là đầu mối, chủ trì công tác AT-BHLĐ, điều tra tai nạn lao động trong toàn Tập đoàn. Có trách nhiệm thống kê, tổng hợp tai nạn lao động để báo cáo Bộ Công Thương và Sở Lao động Thương binh và Xã hội các Tỉnh/thành phố có ranh giới mỏ nằm trong địa bàn Tỉnh/thành phố có.

Trung tâm Cấp cứu mỏ: Đơn vị trực thuộc Tập đoàn chịu sự điều hành trực tiếp Lới Phó Tổng giám đốc phụ trách An toàn, có nhiệm vụ huấn luyện công tác cấp cứu mỏ cho các đội cấp cứu mỏ bán chuyên trách ứng cứu sự cố - Tìm kiếm cứu nạn khi có tai nạn tại các mỏ; tổ chức thuần kế hoạch ứng cứu sự cố - Tìm kiếm cứu nạn với các đơn vị khai thác than.

Viện Khoa học Công nghệ Mỏ: Là đơn vị trực thuộc Tập đoàn Vinacomin chuyên nghiên cứu, tư vấn các vấn đề về công nghệ khai thác, tuyển khoáng và các lĩnh vực khác trong đó có an toàn mỏ.

Trung tâm An toàn Mỏ: Là đơn vị trực thuộc Viện KHCN Mỏ, có nhiệm vụ tư vấn, nghiên cứu phòng ngừa các tai nạn, sự cố xảy ra. Xác định, dự báo độ chứa khí, độ thoát khí cho các mỏ than hầm lò; thiết kế, lắp đặt, bảo trì các hệ thống quan trắc thiết kế, cải tạo mạng thông gió; tháo khí mê tan; kiểm định thiết bị điện phòng nổ; cấp tạo an toàn về cháy nổ khí mê tan cho các đơn vị khai thác than trong Tập đoàn.

Các mỏ than: Là các đơn vị trực thuộc Tập đoàn có nhiệm vụ khai thác, sản xuất than và chịu trách nhiệm trực tiếp về vấn đề an toàn cho người lao động; về tổ chức có đầy đủ các chức danh Giám đốc điều hành mỏ, phó giám đốc an toàn, các phòng ban tham mưu theo đúng quy định. Các phòng ban chuyên môn xây dựng kế hoạch an toàn bảo hộ lao động và kế hoạch ứng cứu sự cố, tìm kiếm cứu nạn và các hoạt động khác nhằm đảm bảo an toàn trong khai thác than tại đơn vị.

Phòng An toàn: Trực thuộc các đơn vị khai thác than hoặc trực thuộc công ty cấp, có nhiệm vụ xây dựng chính sách, kế hoạch AT-BHLĐ, tổ chức thực hiện, giám sát an toàn trong các lĩnh vực AT-BHLĐ tại mỏ.

Giám sát viên [illegible]: Trực thuộc Phòng an toàn. Trực tiếp giám sát tình hình thực hiện công tác an toàn lao động tại từng công trường, phân xưởng sản xuất. Giám sát viên an toàn có trách nhiệm giám sát và báo cáo Trưởng Phòng an toàn về các vấn đề gây mất an toàn tại đơn vị mình quản lý.

An [illegible] về sản xuất: Trực thuộc [illegible] các [illegible] trường, [illegible] phân xưởng [illegible] các đơn vị khai thác than. [illegible] tuyên truyền, nhắc nhở, đôn đốc người lao động tại đơn vị mình trực tiếp [illegible] quy định về công tác an toàn bảo hộ lao động.

2.2. Nhận xét đánh giá

Hệ thống quản lý an toàn đã được tổ chức theo ngành dọc từ Tập đoàn tới các Tổng công ty, công ty, các đơn vị...; chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, cá nhân được quy định rõ ràng bằng văn bản. Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại như sau:

- Hoạt động thanh kiểm tra của Tập đoàn còn mang nặng tính hình thức và chịu sự tác động không nhỏ trong công tác giữ thành như yêu cầu sản lượng, kế hoạch, tài chính. Sự tác động nhiệm vụ sản xuất và tài chính là không nhỏ ảnh hưởng tiêu cực đến công tác quản lý an toàn và các điều kiện về an toàn...

- Công tác thanh kiểm tra độc lập trong quản lý an toàn khai thác than nói riêng và công tác khai thác khoáng sản nói chung đang là một nhu cầu cấp thiết trong thời gian hiện nay.

3. Hệ thống văn bản pháp quy

Hệ thống văn bản pháp quy liên quan đến công tác quản lý an toàn trong ngành than đã được xây dựng và ban hành bởi Quốc hội, Chính phủ, các Cơ quan quản lý nhà nước và Doanh nghiệp bao gồm:

+ Quốc hội, Chính phủ ban hành các Bộ luật lao động, luật thanh tra và các nghị định để hướng dẫn thi hành các luật, bộ luật nêu trên.

+ Các Bộ: Xây dựng và ban hành các thông tư hướng dẫn thực hiện các nội dung liên quan đến công tác an toàn. Ngoài ra, [illegible] đã xây dựng và ban hành [illegible] quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia [illegible] trong khai thác than [illegible] các thông tư hướng [illegible]...

+ Các đơn vị quản lý [illegible] than cấp Tập đoàn: Xây dựng và ban hành [illegible] quản lý an toàn [illegible] thi, thông báo [illegible] an toàn.

+ Các nhà thầu [illegible] hành các quy định về [illegible] quy trình vận hành, quy trình [illegible] nghệ, biện pháp an toàn [illegible] các khâu công nghệ, các thiết bị [illegible] các vị trí làm việc...

Tuy nhiên, còn tồn tại một số vấn đề sau đây:

- Hệ thống văn bản pháp quy chưa thể hiện rõ được vai trò trách nhiệm chính trong công tác an toàn (từ hệ thống văn bản nhà nước đến hệ thống văn bản của doanh nghiệp). Vấn đề trách nhiệm cá nhân, tổ chức cần phải được cụ thể hơn. Đặc biệt là quyền và thẩm quyền kèm theo trách nhiệm của tổ chức, cá nhân cần được nghiên cứu xem xét bổ xung cụ thể rõ ràng hơn.

- Một số nội dung trong quy chuẩn không còn phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất do công nghệ khai thác lộ thiên, hầm lò, trang thiết bị hiện tại đã thay đổi và các quy định hiện thời đã không còn phù hợp.

- Vấn đề khai thác các vỉa than có tính tự cháy, các vỉa có độ chứa khí cao cần phải tháo khí, cần được quy định cụ thể hơn.

- Hệ thống quy trình quy định còn mang tính hình thức không đạt được các tiêu chí cần thiết. Hệ thống tài liệu an toàn còn chồng chéo, không tập trung và không được rà soát, cập nhật kịp thời sát thực với thực tế sản xuất tại mỏ.

- Các mỏ mới có kế hoạch Ứng cứu sự cố - tìm kiếm cứu nạn, kế hoạch an toàn - bảo hộ lao động. Xây dựng kế hoạch an toàn chi tiết hàng năm chủ yếu nêu nội dung cần mua sắm, huấn luyện, ...các vấn đề khác như chương trình hành động, biện pháp phòng ngừa, phòng chống ... còn chưa đạt yêu cầu.

- Chưa tiêu chuẩn kiểm định các loại vì chống lò, các thiết bị thủy lực và về vận hệ thủy lực sử dụng trong nhà máy mỏ.

- Công tác quản trị rủi ro chưa được triển khai thực hiện theo đúng yêu cầu. Kế hoạch phòng chống thiên tai, phòng chống cháy nổ còn sơ sài, hình thức chưa đáp ứng được yêu cầu trước những diễn biến khí hậu bất thường hiện nay.

4. Công tác đào tạo huấn luyện

4.1. Hiện trạng

Công tác đào tạo, huấn luyện an toàn được các mỏ thực hiện thường xuyên và liên tục do luôn có sự biến động về nhân lực trong mỏ. Đối tượng cần đào tạo được chia làm 2 nhóm đó là Cán bộ kỹ thuật, quản lý và công nhân.

+ Đối với các cán bộ quản lý: Công tác đào tạo được thực hiện hàng năm tại Trường quản trị kinh doanh của Tập đoàn. Giáo viên là các chuyên viên của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, cán bộ Phòng An toàn mỏ và Dầu Khí, cục ATMT trực tiếp giảng dạy. Ngoài ra, cứ 2 năm một lần, Lãnh đạo mỏ và các cán bộ quản lý phòng, ban, phân xưởng đều phải được huấn luyện, kiểm tra về những quy định tại Quy chuẩn hiện hành.

+ Đối với công nhân mỏ: Tất cả công nhân làm việc dưới hầm lò hoặc liên quan đến hầm lò đều phải qua huấn luyện an toàn bao gồm huấn luyện lần đầu, huấn luyện khi người lao động chuyển đổi công việc và huấn luyện định kỳ (hình 3.3). Công tác huấn luyện an toàn do các cán bộ thuộc Phòng An toàn của các mỏ hầm lò phụ trách giảng dạy và kiểm tra. Đội cấp cứu mỏ bán chuyên của mỏ được tập huấn về cấp cứu mỏ hàng quý tại Trung tâm cấp cứu Mỏ - Vinacomin. Công tác đào tạo an toàn, trình diễn cháy nổ khí mê tan có tác hiện từ 2 năm/lần do các Trung tâm An toàn – Viện Khoa học Công nghệ Mỏ thực hiện giảng dạy tại hiện trường.

4.2. Tồn tại

Hiện nay, mặc dù công tác đào tạo, huấn luyện an toàn cho cán bộ quản lý, người lao động đã được triển khai thực hiện. Tất cả các mỏ đều có Phòng an toàn nơi phụ trách công việc huấn luyện an toàn cho công nhân. Ngoài ra, các lớp đào tạo, huấn luyện của Tập đoàn, Trung tâm Cấp cứu Mỏ và Trung tâm An toàn Mỏ đã giúp cho những người làm việc tại mỏ có thêm những kiến thức bổ sung, cập nhật liên quan đến an toàn Mỏ.

Tuy nhiên, còn tồn tại một số vấn đề sau đây:

a. Một số khóa đào tạo còn mang nặng lý thuyết, thiếu các thiết bị thực hành và các ví dụ thực tế, nội dung mới của thiết bị, công nghệ mới chưa được cập nhật kịp thời.

b.Trong công tác an toàn lao động, ngoài việc giáo dục cho người lao động hiểu biết về nghề nghiệp, kỹ năng, kỹ thuật cơ bản..., đồng thời cũng phải chỉ rõ cho người lao động biết được những mối nguy hiểm và biện pháp phòng chánh, kỹ năng ứng xử với môi trường làm việc. Nhưng do còn hạn chế về nhận thức của người lao động, và một số cán bộ quản lý, việc quản trị rủi an toàn lao động chưa đạt yêu cầu.

c. Trình độ và kiến thức của đội ngũ giám sát viên an toàn chưa tương xứng với vai trò và vị trí của họ. Hầu hết họ xuất phát từ công nhân mỏ, trình độ còn hạn chế, chưa được đào tạo, bổ sung kiến thức về an toàn một cách bài bản, chưa qua kiểm tra, sát hạch và cấp chứng chỉ của cơ quan quản lý cấp trên.

5. Đề xuất nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý an toàn trong ngành khai thác than việt nam

5.1. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức an toàn

1. Xây dựng cơ quan chuyên trách về công tác bảo hộ lao động có đủ thẩm quyền và điều kiện hoạt động. Với cơ cấu chỉ là một bộ phận nhỏ của cơ quan LĐ-TBXH hiện nay sẽ rất khó để thực hiện đúng và đầy đủ yêu cầu quản lý nhà nước đối với lĩnh vực quan trọng này. Việc lập ra cơ quan chuyên trách có quy mô và tổ chức lớn hơn, có thể nằm ngoài cơ quan LĐ-TBXH (tương tự như cảnh sát PCCC, cảnh sát môi trường) sẽ là điều kiện rất thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước về AT- BHLĐ. Đối với ngành khai thác than, một ngành có tính đặc thù nặng nhọc và nhiều nguy hiểm thì việc hình thành một cơ quan giám sát an toàn hoạt động độc lập là vô cùng cần thiết hiện nay. Bởi chúng ta đang tiến hành hội nhập sâu rộng trên thế giới, đã tham gia các hiệp ước ILO, Công ước 176 của ILO

về an toàn sức khỏe trong công tác khai thác hầm mỏ...

Chúng tôi đề xuất thành lập lực lượng thanh kiểm tra ngành khai thác than tại Quảng Ninh, bộ phận này trực thuộc Cục kỹ thuật an toàn và môi trường công nghiệp, Bộ Công Thương.

2. Hoàn thiện hệ thống quy phạm pháp luật về AT- BHLĐ: thể chế hóa các quy định pháp luật hiện nay thành Luật và kèm theo các văn bản hướng dẫn thi hành, quy định chi tiết các nội dung công tác an toàn bảo hộ lao động trong ngành khai thác than làm cơ sở cho công tác an toàn bảo hộ lao động được triển khai trong thực tiễn.

3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo hộ lao động rộng khắp, làm cho ý thức chấp hành và thực hiện công tác bảo hộ lao động của từng doanh nghiệp, từng người lao động được nâng cao. Đặc biệt, là vai trò của nhà nước trong vấn đề này.

5.2. Hoàn thiện hệ thống quản lý an toàn cấp doanh nghiệp

Việc áp dụng hệ thống quản lý AT-VSLĐ phải dựa trên các tiêu chí, tiêu chuẩn và hoạt động triển khai thực hiện công tác AT-VSLĐ. Điều này nhằm mục đích cung cấp phương pháp đánh giá và cải thiện việc thực hiện hoạt động, phòng ngừa tai nạn và sự cố xảy ra tại nơi làm việc, thông qua hoạt động quản lý có hiệu quả các nguy cơ và rủi ro tại nơi làm việc. Đây là phương pháp mang tính logic và theo thứ tự bậc thang nhằm quyết định điều gì cần làm, làm thế nào để thực hiện tốt nhất, quá trình giám sát nhằm hướng tới những mục tiêu đã đề ra,



Hình 1: Mô hình các nội dung chính của hệ thống quản lý AT-VSLĐ

đánh giá mức độ thành công và ghi nhận các khu vực đã có chuyển biến tốt. Hệ thống này cần phải phù hợp với những thay đổi trong mô hình tổ chức kinh doanh và các quy định mang tính luật pháp.

Các đơn vị khai thác than đều phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về AT-VSLĐ, AT-VSLĐ là trách nhiệm và nghĩa vụ của NSDLĐ và NLĐ. NSDLĐ là người chịu trách nhiệm chính về công tác AT-VSLĐ, phải đứng ra chỉ đạo và cam kết thực hiện các hoạt động AT-VSLĐ tại cơ sở. Để công tác AT-VSLĐ của cơ sở hoạt động có hiệu quả phải lập một Hệ thống quản lý AT-VSLĐ với các nội dung: Chính sách, tổ chức bộ máy, xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch, đánh giá và hoàn thiện.

Các đơn vị phải xây dựng một chính sách an toàn đúng thể thức, phù hợp với điều kiện của cơ sở. Nó bao gồm các yếu tố cơ bản của một chính sách an toàn và được khái quát cho các môi trường làm việc khác nhau với nhiều mức độ nguy hiểm khác nhau.

Một chính sách an toàn phải được lập dưới dạng văn bản, đó là cơ sở để xây dựng thành công một chương trình an toàn và có thể giúp tiết kiệm chi phí, tránh những phiền phức và hậu quả khác do TNLĐ gây ra bằng cách đảm bảo rằng mọi nhân viên đều biết mình phải làm gì, mọi nhân viên đều có thể tìm hiểu, nắm bắt thông tin, và đề xuất các nguyện vọng...

Kết luận

Nghiên cứu thực trạng và đề ra các giải pháp cần phải tiến hành thực hiện trong thời gian tới mang tính đồng bộ từ quản lý nhà nước tới các đơn vị khai thác than. Việc hoàn thiện một giải pháp này sẽ liên quan đến giải pháp khác, nó có tác dụng cộng hưởng lẫn nhau. Bởi vậy, rất cần có sự vào cuộc đồng loạt từ trung ương đến các đơn vị khai thác mỏ thì mới có thể tạo ra sự thay đổi tích cực cho công tác quản lý an toàn khai thác than của Việt Nam ❖

TÀI LIỆU THAM KHẢO

(1). Tiêu chuẩn OHSAS 18001 : 2007. Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.

(2). Xây dựng nội dung công tác quản lý an toàn trong lĩnh vực khai thác than lộ thiên, Viện Khoa học Công nghệ mỏ - Vinacomin, 2014.

(3). Bùi Xuân Nam (2014). An toàn và vệ sinh lao động trong ngành mỏ, NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.

(4). Nguyễn An Lương (2012). Những vấn đề quan điểm, chính sách của Đảng về AT-VSLĐ và các yêu cầu mới ở trong nước và quốc tế cần được quan tâm nghiên cứu khi xây dựng dự thảo Luật AT-VSLĐ của nước ta. Tài liệu Hội thảo Quốc gia "Những nội dung cần nghiên cứu để đưa vào dự thảo Luật AT-VSLĐ", Hội AT-VSLĐ Việt Nam, Hà Nội.

Mẫu số 3

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI SÁNG KIẾN

Họ và tên: Dương Thị Nhàn
Đơn vị công tác: Bộ môn kế toán doanh nghiệp

STT	Nội dung sáng kiến, áp dụng công nghệ, các giải pháp trong quản lý đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, xây dựng văn bản quản lý	Ưu điểm hoặc điểm khắc phục
1	- Trước khi bắt đầu môn học, giáo viên giới thiệu tổng quát về nội dung môn học, yêu cầu sinh viên chia thành các nhóm tìm hiểu, thu thập các văn bản pháp luật quy định, lấy các chứng từ tại các ngân hàng thương mại về phương thức thanh toán nhờ thu và phương thức thanh toán tín dụng chứng từ (nội dung chương 4 của môn học), sau đó giáo viên hướng dẫn nội dung và yêu cầu sinh viên làm việc nhóm, thảo luận từng nội dung về phương thức thanh toán nhờ thu và phương thức thanh toán tín dụng chứng từ, đưa các chứng từ mà mình xin được vào nội dung thảo luận để thấy được quy trình của từng phương thức thanh toán, thấy được ưu nhược điểm trong các phương thức thanh toán đó. Đưa lịch sinh viên thảo luận nhóm. -Thảo luận nhóm: + Với mỗi phương thức thanh toán yêu cầu sinh viên tổng hợp kiến thức lý thuyết và tìm hiểu thông tin thực tế về việc thực hiện phương thức thanh toán đó tại các NHTM hiện nay để đưa ra trao đổi thảo luận trên lớp. + Giáo viên sẽ đặt các câu hỏi liên quan đến nội dung thảo luận, trên cơ sở các trao đổi và trả lời câu hỏi của sinh viên, giáo viên sẽ tổng hợp lại và kết luận cuối cùng về nội dung. - Kết thúc môn học sẽ tổ chức buổi tổng hợp tất cả các nội dung đã trao đổi, thảo luận về các phương thức thanh toán quốc tế và giải thích các vướng mắc còn lại của sinh viên trong quá trình học tập Thanh toán quốc tế.	Với phương pháp trên sinh viên có điều kiện tiếp cận gần hơn với các văn bản quy định và thực tiễn, củng cố chắc hơn kiến thức lý thuyết đã được học, giúp sinh viên nắm chắc kiến thức và hiểu rõ hơn các phương thức thanh toán quốc tế, từ đó có khả năng vận dụng tốt hơn vào thực tế sau khi tốt nghiệp đi làm. Tuy nhiên phương pháp giảng dạy này có hiệu quả tốt khi các nhóm sinh viên biết cách phân chia công việc cho các thành viên nhóm sau đó các thành viên nhóm biết cách tổng hợp các phần nghiên cứu của mình. Tránh tình trạng có những sinh viên không nghiên cứu nội dung nào. Sau buổi các thành viên trong nhóm tự đánh giá và bình điểm cho nhau.

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2016

Trưởng đơn vị

Người kê khai

Dương Thị Nhàn

Mẫu số 3

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI SÁNG KIẾN

Họ và tên: Dương Thị Nhàn
Đơn vị công tác: Bộ môn kế toán doanh nghiệp

STT	Nội dung sáng kiến, áp dụng công nghệ, các giải pháp trong quản lý đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, xây dựng văn bản quản lý	Ưu điểm hoặc điểm khắc phục
1	- Trước khi bắt đầu môn học, giáo viên giới thiệu tổng quát về nội dung môn học, yêu cầu sinh viên chia thành các nhóm tìm hiểu, thu thập các văn bản pháp luật quy định, lấy các chứng từ tại các ngân hàng thương mại về phương thức thanh toán nhờ thu và phương thức thanh toán tín dụng chứng từ (nội dung chương 4 của môn học), sau đó giáo viên hướng dẫn nội dung và yêu cầu sinh viên làm việc nhóm, thảo luận từng nội dung về phương thức thanh toán nhờ thu và phương thức thanh toán tín dụng chứng từ, đưa các chứng từ mà mình xin được vào nội dung thảo luận để thấy được quy trình của từng phương thức thanh toán, thấy được ưu nhược điểm trong các phương thức thanh toán đó. Đưa lịch sinh viên thảo luận nhóm. -Thảo luận nhóm: + Với mỗi phương thức thanh toán yêu cầu sinh viên tổng hợp kiến thức lý thuyết và tìm hiểu thông tin thực tế về việc thực hiện phương thức thanh toán đó tại các NHTM hiện nay để đưa ra trao đổi thảo luận trên lớp. + Giáo viên sẽ đặt các câu hỏi liên quan đến nội dung thảo luận, trên cơ sở các trao đổi và trả lời câu hỏi của sinh viên, giáo viên sẽ tổng hợp lại và kết luận cuối cùng về nội dung. - Kết thúc môn học sẽ tổ chức buổi tổng hợp tất cả các nội dung đã trao đổi, thảo luận về các phương thức thanh toán quốc tế và giải thích các vướng mắc còn lại của sinh viên trong quá trình học tập Thanh toán quốc tế.	Với phương pháp trên sinh viên có điều kiện tiếp cận gần hơn với các văn bản quy định và thực tiễn, củng cố chắc hơn kiến thức lý thuyết đã được học, giúp sinh viên nắm chắc kiến thức và hiểu rõ hơn các phương thức thanh toán quốc tế, từ đó có khả năng vận dụng tốt hơn vào thực tế sau khi tốt nghiệp đi làm. Tuy nhiên phương pháp giảng dạy này có hiệu quả tốt khi các nhóm sinh viên biết cách phân chia công việc cho các thành viên nhóm sau đó các thành viên nhóm biết cách tổng hợp các phần nghiên cứu của mình. Tránh tình trạng có những sinh viên không nghiên cứu nội dung nào. Sau buổi các thành viên trong nhóm tự đánh giá và bình điểm cho nhau.

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2016

Trưởng đơn vị

Người kê khai

Dương Thị Nhàn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Đơn vị: BỘ MÔN KẾ TOÁN DN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2016

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VÀ XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG NĂM 2016
(Đối với cá nhân)

Họ và tên: Nguyễn Thị Minh Thu

Chức danh nghề nghiệp: Cán bộ giảng dạy

Đơn vị công tác: Bộ môn Kế toán doanh nghiệp, Khoa Kinh tế -QTKD

TT	Nội dung đánh giá *(Đọc kĩ phần Lưu ý ở cuối bảng để kê khai chính xác)*	Thang điểm	Tự đánh giá	Cấp quản lý trực tiếp đánh giá	Cấp có thẩm quyền đánh giá
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm, bao gồm cả nhiệm vụ đột xuất**	**0-10**	**10**		
•	Hoàn thành vượt tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là: 990 tiết).	8-10	10		
2	**Đánh giá tinh thần thái độ làm việc**	**0-10**	**10**		
2.1	Lập trưởng, tư tưởng chính trị, sự chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Nhà trường; kỷ luật lao động.	0-2	**2**		
2.2	Phẩm chất đạo đức, lối sống; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp và đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	0-2	**2**		
2.3	Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật; tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được giao.	0-2	**2**		
2.4	Việc học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.	0-2	**2**		
2.5	Hiệu quả quản lý và sử dụng các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu.	0-2	**2**		
3	**Đánh giá kết quả hoạt động khoa học công nghệ, phát minh, sáng kiến…**		**2**		

3.1	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu,(Hội nghị khoa học sinh viên lần thứ 29, đề tài: Nghiên cứu công tác kế toán quản trị môi trường trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam, nhóm sinh viên lớp Kế toán 58)	0.5	0.5		
3.2	Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn. (So sánh giữa kế toán doanh nghiệp và kế toán ngân hàng)	0-0.5	0.5		
3.3	Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong công việc và công tác có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-1	1		
	Tổng:		**22**		

Tự phân loại đánh giá: A

Tự đề xuất danh hiệu thi đua (nếu có): Hoàn thành tốt nhiệm vụ

Tự đề xuất hình thức khen thưởng (nếu có): .....

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Nguyễn Thị Minh Thu

Mẫu số 3

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI SÁNG KIẾN

Họ và tên: Nguyễn Thị Minh Thu
Đơn vị công tác: Bộ môn kế toán doanh nghiệp

STT	Nội dung sáng kiến, áp dụng công nghệ, các giải pháp trong quản lý đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, xây dựng văn bản quản lý	Ưu điểm hoặc điểm khắc phục
1	- Trong quá trình giảng dạy, giáo viên yêu cầu sinh viên chia thành các nhóm tìm hiểu thực tế công tác kiểm toán, công tác kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp, sau đó giáo viên hướng dẫn nội dung và yêu cầu sinh viên làm việc nhóm, thảo luận từng nội dung về việc áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ và các loại hình kiểm toán trong các doanh nghiệp mà mình xin được vào nội dung thảo luận để thấy được quy trình và phương pháp kiểm toán, thấy được tồn tại trong công tác kiểm toán. - Thảo luận nhóm: + Mỗi nhóm sinh viên tổng hợp kiến thức lý thuyết và tìm hiểu thông tin thực tế về từng đề tài giáo viên phân công để đưa ra trao đổi thảo luận trên lớp. + Giáo viên sẽ đặt các câu hỏi liên quan đến nội dung thảo luận, trên cơ sở các trao đổi và trả lời câu hỏi của sinh viên, giáo viên sẽ tổng hợp lại và kết luận cuối cùng về nội dung. - Kết thúc môn học sẽ tổ chức buổi tổng hợp tất cả các nội dung đã trao đổi, thảo luận về các đề tài trên và giải thích các vướng mắc còn lại của sinh viên trong quá trình học tập môn học kiểm toán căn bản.	Với phương pháp trên sinh viên có điều kiện tiếp cận gần hơn với thực tiễn, củng cố chắc hơn kiến thức lý thuyết đã được học, giúp sinh viên nắm chắc kiến thức và hiểu rõ hơn về kiểm toán, từ đó có khả năng vận dụng tốt hơn vào thực tế sau khi tốt nghiệp đi làm. Tuy nhiên phương pháp giảng dạy này có hiệu quả tốt khi các nhóm sinh viên biết cách phân chia công việc cho các thành viên nhóm sau đó các thành viên nhóm biết cách tổng hợp các phần nghiên cứu của mình. Tránh tình trạng có những sinh viên không nghiên cứu nội dung nào. Sau buổi các thành viên trong nhóm tự đánh giá và bình điểm cho nhau.

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Trưởng đơn vị

Người kê khai

Nguyễn Thị Minh Thu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Đơn vị: BỘ MÔN KẾ TOÁN DN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2016

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VÀ XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG NĂM 2016
(Đối với cá nhân)

Họ và tên: Nguyễn Thục Anh

Chức danh nghề nghiệp: Cán bộ giảng dạy

Đơn vị công tác: Bộ môn Kế toán doanh nghiệp, Khoa Kinh tế -QTKD

TT	Nội dung đánh giá *(Đọc kĩ phần Lưu ý ở cuối bảng để kê khai chính xác)*	Thang điểm	Tự đánh giá	Cấp quản lý trực tiếp đánh giá	Cấp có thẩm quyền đánh giá
1	**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm, bao gồm cả nhiệm vụ đột xuất**	**0-10**	**10**		
• Hoàn thành vượt tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là: .....tiết).		8-10			
• Hoàn thành 100% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ với chất lượng tốt.		6-8			
• Hoàn thành 70 đến dưới 100% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ với chất lượng khá trở lên.		4-6			
• Hoàn thành 50 đến dưới 70% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ.		1-4			
• Hoàn thành dưới 50% nghĩa vụ được giao hoặc để xảy ra vụ việc gây hậu quả đến mức bị xử lý kỷ luật với hình thức cảnh cáo trở lên.		0			
2	**Đánh giá tinh thần thái độ làm việc**	**0-10**	**10**		
2.1	Lập trưởng, tư tưởng chính trị, sự chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Nhà trường; kỷ luật lao động.	0-2	**2**		
2.2	Phẩm chất đạo đức, lối sống; tinh thần tự phê bình và phê bình, chống các biểu hiện tiêu cực; tinh thần đoàn kết, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp và đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	0-2	**2**		
2.3	Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm	0-2	**2**		

	quyền, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật; tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được giao.				
2.4	Việc học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, sự tham gia các phong trào chung của đơn vị, Nhà trường.	0-2	**2**		
2.5	Hiệu quả quản lý và sử dụng các thiết bị thí nghiệm, điện, nước, nguyên vật liệu.	0-2	**2**		
3	**Đánh giá kết quả hoạt động khoa học công nghệ, phát minh, sáng kiến...**		**2.75**		
3.1	Giáo trình cấp Trường in lần đầu.	0-3			
3.2	Giáo trình cấp Trường in tái bản có bổ sung, sửa chữa.	0-1.5			
3.3	Sách, giáo trình in lần đầu ở nhà xuất bản.	0-4			
3.4	Sách, giáo trình in tái bản có bổ sung, sửa chữa.	0-2			
3.5	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu.	0.5			
3.6	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, thi Olympic đạt giải Nhất, Nhì, Ba cấp Trường.	1			
3.7	Hướng dẫn sinh viên thi Olympic đạt giải Nhất, Nhì, Ba, khuyến khích cấp Quốc gia hoặc đạt giải Tài năng trẻ.	2			
3.8	Hướng dẫn sinh viên tham gia các giải thể thao đạt giải cấp Bộ, Ngành, thành phố.	1			
3.9	Đề tài cấp cơ sở đã được nghiệm thu đúng thời hạn.	0-2			
3.10	Đề tài, dự án sản xuất thử cấp Bộ, Tỉnh, Thành phố đã được nghiệm thu theo tiến độ (được tính điểm cho tối đa 2 năm).	0-3			
3.11	Đề tài cấp Nhà nước đã được nghiệm thu theo tiến độ (được tính điểm cho tối đa 3 năm).	0-6			
3.12	Hợp đồng, đề tài NCKH phục vụ sản xuất ký về các Công ty, Trung tâm của Nhà trường đã nghiệm thu, thanh lý (được tính điểm cho 1 năm và theo giá trị hợp đồng).	(0-3)/ tỷ đồng			
3.13	Báo cáo khoa học cấp Trường và tương đương.	0-1			
3.14	Báo cáo khoa học cấp Quốc gia.	0-1.5			
3.15	Báo cáo khoa học cấp Quốc tế. Hội thảo khoa học Quốc tế về "Quản lý kinh tế trong hoạt động khoáng sản EMMA2"	0-3	0.75		
3.16	Báo cáo sinh hoạt học thuật ở Bộ môn.	0-0.5			
3.17	Bài báo khoa học tiếng Việt ở Tạp chí khoa học trong nước.	0-2			
3.18	Bài báo khoa học tiếng nước ngoài ở Tạp chí khoa học trong nước.	0-2.5			
3.19	Bài báo khoa học tiếng nước ngoài ở Tạp chí khoa học nước ngoài.	0-3.5			
3.20	Bài báo khoa học ở tạp chí ISI và Scopus.	0-5			

3.21	Có sáng kiến, cải tiến áp dụng trong công việc và công tác có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-1			
3.22	Vận dụng sáng kiến của người khác vào giảng dạy và công tác có hiệu quả được Hội đồng Thi đua cấp khoa công nhận và đánh giá(Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-0.5			
3.23	Sáng tạo ra các công nghệ, phương pháp góp phần nâng cao năng suất lao động, hiệu quả công việc (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-5			
3.24	Có giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3)..	0-4			
3.25	Xây dựng văn bản quản lý; xây dựng đề án, dự án về công tác quản lý và hoạt động chuyên môn được áp dụng có hiệu quả (Kèm theo minh chứng theo mẫu số 3).	0-4	2		
4	**Đánh giá dành riêng cho cá nhân là lãnh đạo, quản lý (có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên)**	**0-3,5**			
4.1	Mức độ thực hiện nhiệm vụ quản lý trong năm của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý.	0-2,5			
a)	Hoàn thành vượt tiến độ hoặc vượt mức nghĩa vụ được giao, có hiệu quả với chất lượng tốt (Với khối giảng dạy, giờ chuẩn quy đổi đã thực hiện là: .....); không có cá nhân bị xếp loại đánh giá ở mức C.	1,5-2,5			
b)	Hoàn thành từ 70 đến 100% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ với chất lượng tốt; không có cá nhân bị xếp loại đánh giá ở mức C.	1-1,5			
c)	Hoàn thành dưới 70% nghĩa vụ được giao đúng tiến độ; hoặc có cá nhân bị xếp loại đánh giá ở mức C hoặc để xảy ra vụ việc gây hậu quả đến mức bị xử lý kỷ luật với hình thức cảnh cáo trở lên.	0			
4.2	Có uy tín, đơn vị đoàn kết.	0-1			
	Tổng:		**22.75**		

Tự phân loại đánh giá: A
Tự đề xuất danh hiệu thi đua (nếu có):
Tự đề xuất hình thức khen thưởng (nếu có): .....

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ

Nguyễn Thục Anh

Mẫu số 3

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI SÁNG KIẾN

Họ và tên: **Nguyễn Thục Anh**
Đơn vị công tác: Bộ môn Kế toán Doanh nghiệp

STT	Nội dung sáng kiến, áp dụng công nghệ, các giải pháp trong quản lý đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, xây dựng văn bản quản lý…	Ưu điểm hoặc điểm khắc phục
1	Tham gia xây dựng đề án: Đăng ký mở ngành đào tạo Bằng 2 Đại học chuyên ngành Kế toán áp dụng cho chuyên ngành gần và chuyên ngành xa	

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2016

Trưởng đơn vị

Người kê khai

Nguyễn Thục Anh

PROCEEDINGS OF THE 2ND INTERNATIONAL SCIENTIFIC CONFERENCE ON ECONOMIC MANAGEMENT IN MINERAL ACTIVITIES - EMMA 2015

NOVEMBER 2015, HANOI, VIET NAM

HANOI, VIETNAM, 2015

PRACTICAL ISSUES IN COST MANAGEMENT OF OPENCAST MINING ENTERPRISES IN CAM PHA REGION

Nguyen Duy Lac, Nguyen Thuc Anh

Hanoi University of Mining and Geology

Abstract: *The fact that the coal mining costs have risen significantly even exceeding the sale prices. This might be caused by both subjective and objective reasons. Especially, the allotted task and cost management of these coal mining companies might not be completed to fulfill the actual requirements. Cam Pha is the largest coal mining and transportation region in Quang Ninh Province and, as such, contributing a large share of coal production of Vietnam National Coal – Mineral Industries Corporation (VINACOMIN), which has a large number of opencast mining companies as Cao Son Coal JSC, Coc Sau Coal JSC, Deo nai Coal JSC..vv. Cam Pha Coal JSC has 16 mining units that are facing some challenges. Therefore, these findings raise an urgent alert about strengthening cost management for coal mining enterprises. However, in the framework of the article, some short term and long term solutions will be proposed to improve more effective and suitable these issues of coal mining corporate.*

1. Issues in cost management

Cost management is employed by many businesses as an integral part of business management. In addition, Haberstockk defined: "Cost management is also considered a form of management accounting that helps to identify future expenditures in a business to reduce budget overages. The costs and expenses are recorded and monitored during the project execution period to ensure that the cost is in line with the actual cost management plan. Once the project is complete, the actual costs are compared with the predicted costs, which will help in predicting future expenses". Thus, in principle, a common cost governance process substantively consists of four main activities:

a) Estimate of production costs

In the production planning, the cost production forecasting is the determination of the cost requirements for the planning horizon. Moreover, the production processes are always associated with particular kind of period, thereby resulting in difficulties in proposing a specific formula to identify the real production costs occurring in a particular corporation. Regarding to the reason, this article will focus on providing only a general method for producing industry. On the other hand, manufacturing costs include three kinds of expenses, such as: Direct materials cost, direct labor costs, general manufacturing costs. Hence, the tasks section is not only determining to obtain in depth picture about the real costs occurring in producing system but also figuring out the solution to cut costs.

** Estimated direct materials cost*

In the case of businesses use the various types of materials with different unit price to produce different types of products, the formula for determining the material cost as follows

$$Direct\ material\ cost = \sum_i^n \sum_j^m Q_{i.} M_{ij} . G_j$$

Where:

M_{ij}: The consumption of materials (j) to make products (i)

G_j: Price of material (j) per unit

$Q_{i.}$: Estimated Number of products (i) produced

- Estimated raw material inputs:

Identifying raw material requirement are based on the necessary volume of required material and an inventory reserve accounting policy under following formula:

Total material Input	=	**Estimated material usage Quantity**	+	**Estimated ending inventory Quantity**	-	**Actual beginning inventory quantity**

To determine the material input value, it is necessary to identity two core forecasting factors, such as: the amount of direct material needed to purchase and the cost of material per unit

Budgeted direct material purchases	=	**Direct material in units needed for production**	x	**Material price per unit**

Additionally, estimated material costs also depend on two components: time and supplier's sale policy

** Estimated direct labor costs*

The direct labor cost is used to calculate the number of production that will be produced. Direct labor costs are determined by the formula:

$$Direct\ labor\ cost = \sum_i^n \sum_j^m Q_{i.} M_{ij} G_j$$

Or

$$Direct\ labor\ cost = \sum_i^n \sum_j^m Q_{i.} L_i$$

M_{ij}: Direct labor consumption type j to produce a product i^{th}

G_j: Labor wage type j^{th}

$Q_{i.}$: Produced quantity of output i^{th}

L_i: Labor wage paid for each product i^{th}

** Estimated manufacturing costs:*

Total manufacturing cost	=	**Fixed manufacturing cost**	+	**Variable manufacturing cost**

** Variable manufacturing cost*

Variable manufacturing costs are corporate expenses that vary in direct proportion to the quantity of output

Variable manufacturing costs are corporate expenses that vary in direct proportion to the quantity of output. Unlike fixed manufacturing costs, which remain constant regardless of output, variable costs are a direct function of production volume, rising whenever production

expands and falling whenever it contracts. Examples of common variable costs include raw materials, packaging, and labor indirectly involved in a company's manufacturing process. In order to calculate variable manufacturing costs, it will be important to determine the variable cost for particular section.

Total variable manufacturing costs	=	**Variable manufacturing Costs per particular section**	x	**Number of units of production**

Estimated variable cost might also be made at the rate on direct variable costs, meanwhile, estimated variable costs will be determined:

Total variable manufacturing costs	=	**Direct cost variable**	x	**Proportion of Variable cost**

The estimated fixed cost is categorized into two different types, such as: committed fixed cost and discretionary fixed costs. Committed fixed cost typically presented in either a monthly or quarterly format. Nonetheless, discretionary fixed costs are determined based on plans of corporations during particular considering period. Furthermore, the annual fixed cost can be established based on the various on number of new equipment and investments of enterprises.

Total fixed manufacturing costs	=	**Fixed manufacturing Costs of previous period**	x	**Proportion changing of Expected fixed cost**

b) Resources mobilization based on estimated cost

c) Determined cost associated with the governance level

d) Analyzing the implementation of estimating costs process

2. Background of cost management in coal mining enterprises in Cam Pha region.

In recent years, the greatest pressure of the Vietnam coal industry is coal prices are getting higher while the coal prices declined in all over the world day by day (Coal prices of Vietnam National Coal – Mineral Industries Corporation in 2014 was VND 1.4 million per ton, equivalent to $ 65.4, expected is VND 1.460 million per ton in 2015 and to VND 2 mil. per ton in 2020 respectively.

Currently, Australia coal prices (thermal coal in 1200 BTU/pound, less than 1 % sulfur) are about USD 62 per ton. Under these circumstances, it is necessary to determine the suitable solves in order to develop the improvement for those particular conditions and reduce costs.

Table 1. The unit cost of three of the main opencast mining companies in Cam Pha region during period 2012- 2014

Units: VND/ton

Type of factor	2012			2013			2014		
	Cao Son	Coc Sau	Deo Nai	Cao Son	Coc Sau	Deo Nai	Cao Son	Coc Sau	Deo Nai
1. Material costs	290,424	276,478	298,726	262,328	273,176	313,421	292,724	315,428	324,769
+ Material	122,800	113,762	108,726	104,545	128,463	118,926	118,620	168,762	157,642
+ Fuel	157,351	149,856	153,142	147,639	152,790	152,729	152,997	149,361	153,171
+ Power	10,273	12,860	36,858	10,144	8,077	41,766	21,107	2,695	13,956
2. Labor cost	87,676	82,196	81,926	77,847	91,124	77,821	88,596	102,761	116,424
+ Wage	71,457	70,974	68,792	63,847	76,972	69,763	71,624	84,426	88,726
+ Social and Health Insurance	8,974	8,762	8,579	8,508	8,769	96,216	14,621	16,793	17,431
+ Other costs	7,244	3,540	4,555	5,492	5,383	4,842	4,851	5,542	8,276
3. Depreciation cost	52,522	51,196	53,279	50,147	52,641	49,267	49,362	51,076	49,562
4. Service cost	287,621	312,162	357,464	379,704	321,162	366,142	382,617	324,166	333,761
5. Other expenses in cash	74,022	83,765.	89,762	94,706	87,926	79,617	102,176	97,624	88,576
Total cost	***792,266***	***805,797***	***881,765***	***864,733***	***826,029***	***886,268***	***915,475***	***891,055***	***913,092***

(Resource: From statistical reports of Cao Son Coal JSC, Coc Sau Coal JSC and Deo Nai Coal JSC)

Table 2. Several indicators reflecting production costs and the level cost saving

Type of factor	Units	2012			2013			2014		
		Cao Son	Coc Sau	Deo Nai	Cao Son	Coc Sau	Deo Nai	Cao Son	Coc Sau	Deo Nai
Stripping volume	m3	25,413,273	23,149,276	23,415,712	30,230,688	27,161,728	28,421,637	33,172,971	30,134,726	31,621,142
Raw coal output	ton	3,316,239	2,876,174	3,121,677	3,656,640	3,015,426	3,321,174	3,512,164	3,126,142	3,424,676
Total cost	Mil. VND	3,325,867	2,317,612	2,752,585	3,900,893	2,490,829	2,943,450	3,215,298	2,785,564	3,127,044
Savings (-), deficit (+) expenses	VND	-508,000,000	-86,000,000	-117,000,000	+6,788,000,000	-93,000,000	-113,000,000	-1,237,000,000	-73,000,000	-27,000,000
Cost of one ton coal	VND/ton	792,266	805,797	881,765	864,733	826,029	886,268	915,475	891,055	913,092
Cost of 1 m3 scooped rock	VND/m3	93,177	97,125	102,767	95,886	106,420	108,726	98,625	112,671	118,723
Savings (deficit)	VND/ton	-144	-8,147	-28,205	+1,744	-8,284	-10,103	-376	-5,979	-3,697

(Resource: From statistical reports of Cao Son Coal JSC, Coc Sau Coal JSC and Deo Nai Coal JSC)

Table 3. Summary of cost savings (deficit)/ton coal of some mining companies

Units: VND/ton

Companies	Savings (deficit)		
	2012	2013	2014
Cao Son jsc	-144	+1,744	-376
Coc Sau jsc	-8,147	-8,284	-5,979
Deo Nai jsc	-28,205	-10,103	-3,697

(Resource: From statistical reports of Cao Son Coal JSC, Coc Sau Coal JSC and Deo Nai Coal JSC)

It can be seen that the overall cost of the above companies are over expectation across the selected time frame.

➢ **Causes:**

a. Almost of the report and the approaching solutions are only focusing on evaluating difficulties aspects rather than analyzing potential ways to improve labor productivity, product quality, thus increasing revenues, reduce costs and enhance business efficiency.

b. The economic - technical system, technological and price indicators, etc. are known as basis components to calculate the cost of allotment and internal selling price that highlighted some potential shortcomings, for instance: being inadequate, incomplete or not updated whereas the terms geological and mining conditions, equipment, technology and conditions are always fluctuated.

c. Allotment mechanisms relating to cost and business results (called the allotment system) are short-term and not appropriate to the characteristics of the market economy in general and coal mining industry in particular. Besides, it does not fully reflect to possible impaction, supporting relationship between the mines, long-term supply-demand relationship in the market and also consequences of corporate restructuring. Especially:

- Regulation about ratio of reducing cost to the overall cost is not reasonable because of fixed costs.
- Have not established long-term cost management planning (5-year plan from 2016 to 2020) and other solutions in order to cope with the pressure of increasing cost; enhance revenue. Furthermore, there is no specific quantification resulting in difficulties in delivering and implementing annual allotted tasks and long term tasks.
- Due to the intrinsic characteristic consisting of favorable and difficult conditions, there are rent differences between various mines and different periods in one mine. On the other hand, allotment mechanisms only regulate rents annually without concerning the term plans (eg: 5 years) to ensure the harmonious development between mining zones
- Price formation based on market mechanisms, mainly influenced by supply and demand relationship and inflation; while cost depends primarily on business conditions and enterprise capacity management. Allotment system are taken specific annual price of each

mine as annual expense ceiling without taking into account the favorable factors, the difficulties of each mine and supply-demand relations of the market.

- The determination of the relationship between labor productivity and wages are not appropriate to the characteristics of coal mining sector. According to some reports, the evaluation of relationship between enhance in labor productivity (by revenue) and increasing in wage is inappropriate, even in many cases, reduction in labor productivity whereas wages still increased. It is one of the main causes of rise in the cost.
- Because of some challenges in exploitative conditions, the labor productivity relating to a measure of output may decrease, but labor productivity in terms of value (revenue) may increase due to increased selling prices (as demand > supply). Therefore, production planning base on actual labor productivity in term of output, but when wage budget base on labor productivity in terms of value (revenue) because it is a primary wage fund component. The increase in wages due to the labor productivity growth should not exceed the difference between the raise in revenue by the enlargement of labor productivity minus (-) expenses to implement labor productivity solutions, including technology innovation investments, device.

The corporate restructuring process might lead to many severe consequences, such as, increasing in costs. Hence, it should establish an appropriate mechanism in order to handle these issues.

d. The current cost management primarily focuses on governance the ending costs rather to the beginning cost. Especially:

- The controlling, auditing, contracting costs activities concentrate mainly in the period incurred expenses, in other words, it is the costs evaluating process after expenses are incurred.
- The lacks of specialized units which have responsibilities to build, update, control economic – technical mechanism systems and technological factors and price. Actually, the work content is very broad, complex, diverse and require more expertise. Currently, this work is primarily operated by relevant professional departments in charge of the Group, which assigns to each officer in every sector or specific company. It is one of the main reasons resulting in inadequacies not only in technical sector but also in collaboration between officials.

e. Analyzing and evaluating cost performance without gathering the relevant factors and assessing the long run process to clarify whether the variation is reasonable or not as well as forecasting the volatility of costs, production costs and selling prices, labor productivity, wages and productivity in relation to technological factors and mining conditions.

3. Orientation and solution:

a. Improving the allotment mechanism. Strengthening the cost management, for instance: (1) To clarify the potential of reducing costs, improving labor productivity, quality of products and implemented solutions with specific targets; (2) causes of rise in the costs and feasible solutions to solve these issues;(3) Regulated ratio % of cost reduction on total variable costs; each type of fixed costs should be consider carefully.

b. In order to enhance effectively the allotment tasks in particular and manufacturing management process in general of Corporation, it is necessary to set up specific departments which carry on their own functions and responsibilities, namely: (1) building, updating, controlling economic-technical systems and technological criteria and prices; (2) implementation of all statistical indicators relating to economic, technical, technology, labor, wages, etc.

c. It is essential to establish a robust five year plan in which clarifying such perspectives: (1) exact reasons promote increases in costs; the particular objectives need to be obtained (2) the potentials for cost reduction and measures to exploit that potential, and solutions to achieve these targets.

d. To consistently promote the efficiency of the enterprise's operations throughout, accurate mechanisms must be constructed to solve some labor consequences that are caused by restructuring processes.

e. Conducting cost performance assessments periodically (e.g., every 3-5 years) which should encompass evaluation and aggregation of some key factors, in turn clarifying the reasonability of variable cost, and forecasting the volatility of costs, selling prices

f. The VINACOMIN should adjust the levy grant mining rights fund in order to accurately reflect companies that have coal prices lower than the average selling price.

REFERENCES

[1] Statistical reports of Cao Son JSC, Coc Sau JSC and Deo Nai JSC

[2] Vietnam National Coal – Mineral Industries Corporation, 2014., Final Report, Continuous innovate and restructuring Vietnam National Coal – Mineral Industries Corporation

[3] Nguyen Canh Nam, 2014, General report on several issues of cost governance of the Coal Mining Enterprises directly under Vietnam National Coal – Mineral Industries Corporation